ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 2996 /QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-BTNMT ngày 13/6/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 12604/TTr-STNMT-TNNKS ngày 06 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh *(Chi tiết các Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Công bố kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí

Minh. Cập nhật kết quả kiểm kê vào phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu kiểm kê tài nguyên nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

b) Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Chủ trì, rà soát, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Quyết định điều chỉnh khi có thay đổi, định kỳ cập nhật kết quả kiểm kê tài nguyên nước theo quy định.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu

Công khai kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý chặt chẽ hiện trạng nguồn nước trên địa bàn, kiểm soát hoạt động khai thác sử dụng nước, giám sát chặt chẽ hoạt động xả thải vào nguồn nước trên địa bàn Thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3516/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt kết quả kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các Phòng: ĐT, KT;
- Tung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (ĐT-PVH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

PHỤ LỤC 01
TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KIỂM KÊ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số lượng nguồn nước mặt		4.285	
1.1	Sông, suối, kênh, rạch	Nguồn nước	4.192	
1.2	Hồ, ao, đầm, phá		93	
2	Lượng nước mặt			
2.1	Tổng lượng dòng chảy	Triệu m^3		
-	Tháng 1		110,67	
-	Tháng 2		73,27	
-	Tháng 3		59,62	
-	Tháng 4		75,68	
-	Tháng 5		135,62	
-	Tháng 6		328,80	
-	Tháng 7		571,80	
-	Tháng 8		900,30	
-	Tháng 9		936,80	
-	Tháng 10		787,90	
-	Tháng 11		454,30	
-	Tháng 12		193,80	
3	Chất lượng nước mặt (chỉ số chất lượng nước tổng hợp WQI)			
3.1	Tổng số điểm phân tích	Điểm	859	
-	Rất tốt (giá trị WQI từ 91		489	

STT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	đến 100)			
-	Tốt (giá trị WQI từ 76 đến 90)		146	
-	Trung bình (giá trị WQI từ 51 đến 75)		137	
-	Kém (giá trị WQI từ 26 đến 50)		40	
-	Ô nhiễm nặng (giá trị WQI từ 10 đến 25)		40	
-	Ô nhiễm rất nặng (giá trị WQI < 10)		7	
4	Khai thác, sử dụng nước mặt			
4.1	Số lượng công trình		277	
-	Hồ chứa	Công trình	45	
-	Đập dâng		4	
-	Trạm bơm		19	
-	Cống		195	
-	Nhà máy nước		11	
-	Khác		3	
4.2	Lượng nước khai thác sử dụng thực tế			
-	Tưới	m^3/giây	52,5533	
-	Phát điện	KW	2.500	
-	Kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp	m^3/ngày	8.783.990	
-	Khác	m^3/ngày	208.600	
5	Xả nước thải vào nguồn nước			

STT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5.1	Số lượng công trình		3.664	
-	Sản xuất công nghiệp	Công trình	1.619	
-	Sinh hoạt		1.244	
-	Khác…		801	Dịch vụ (368), chăn nuôi (189), y tế (238), thuỷ sản (4), và làng nghề (2)
5.2	Tổng lượng nước thải thực tế		1.774.543,78	
-	Sản xuất công nghiệp	m^3/ngày	1.227.551,48	
-	Sinh hoạt		495.178,14	
-	Khác…		51.814,16	Dịch vụ (20.348,3), chăn nuôi (3.855,44), y tế (27.468,12), thuỷ sản (114), và làng nghề (10,3)

PHỤ LỤC 02

KIỂM KÊ SỐ LƯỢNG NGUỒN NƯỚC MẶT CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Số lượng nguồn nước mặt là các sông, suối, kênh, rạch

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
I	**Thuộc lưu vực Sông Đồng Nai**																	
1	7	65	213					Rạch Chiếc - Trau Trảu	Rạch Chiếc - Trau Trảu	11.254		1197530	618526	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1195914	609241	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
2	7	65	214					Rạch Ông Tú	Rạch Ông Tú	1.975		1200402	618573	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201046	619918	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
3	7	65	215					Rạch Bà Di	Rạch Bà Di	3.680		1199819	618999	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198094	618690	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
4	7	65	216					Nhánh Sông Tắc 6	Nhánh Sông Tắc 6 (Rạch Sỏi)	1.968		1196254	620950	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195135	619897	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
5	7	65	217					Nhánh Sông Tắc 5	Nhánh Sông Tắc 5	1.850		1194034	620135	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195053	620953	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
6	7	65	218					Rạch Môn - Sông Kinh	Rạch Môn – Sông Kinh	4.049		1195310	619644	Long Phước,	1192596	617270	Long Trường	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														TP. Hồ Chí Minh			, TP. Hồ Chí Minh	
7	7	65	219					Sông Ông Nhiêu	Rạch Ông Nhiêu	6.702		1192955	617473	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1196808	614932	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
8	7	65	220					Nhánh Sông Cầu Ông Nhiêu 2 (Rạch Mương Củi)	Nhánh Sông Cầu Ông Nhiêu 2 (Rạch Mương Củi)	1.222		1193934	616334	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1193610	616778	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
9	7	65	221					Nhánh Sông Kinh 3	Nhánh Sông Kinh 3	2.899		1193991	618022	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195812	618323	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
10	7	65	222					Rạch Cây Cam	Rạch Cây Cam	3.336		1195762	618875	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197376	617329	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
11	7	65	223					Nhánh Rạch Chiếc 10	Nhánh Rạch Chiếc 10	570		1197051	617743	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197375	617353	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
12	7	65	224					Nhánh Rạch Trau Trâu 1 (Rạch Cam)	Nhánh Rạch Trau Trâu 1 (Rạch Cam)	2.889		1199590	615273	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1197349	615098	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
13	7	65	225					Nhánh Rạch Suối Tiên 26	Nhánh Rạch Suối Tiên 26	2.433		1199952	615195	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1201961	614774	Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	
14	7	65	226					Suối Gò Cát	Suối KP5	1.995		1201948	613727	Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	1200505	613777	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
15	7	65	227					Rạch Đá Đỏ	Rạch Đá Đỏ	1.723		1194672	608495	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1194442	606800	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
16	7	65	228					Rạch Cá Trê Lớn	Rạch Cá Trê Lớn	4.104		1192016	607606	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1190545	605250	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
17	7	65	229					Nhánh Rạch Giồng Ông Tố 1	Nhánh Rạch Giồng Ông Tố 1	1.178		1192436	608930	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1193099	608319	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
18	7	65	230					Rạch Giồng Ông Tố	Rạch Giồng Ông Tố	5.489		1192129	608556	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1193934	612612	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
19	7	65	231					Suối Bình Thọ	Suối Bình Thọ	90		1198943	610899	Thủ Đức, TP. Hồ	1198971	610984	Thủ Đức, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
20	7	65	232					Rạch Cầu Ngang	Rạch Thủ Đức	2.467		1199896	609483	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1198356	608924	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
21	7	65	233					Nhánh Rạch Bà Cua 6	Nhánh Rạch Bà Cua 6	2.772		1191322	611774	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1192151	613532	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
22	7	65	234					Nhánh Rạch Bà Cua 5 (Rạch Ngọn Mương)	Nhánh Rạch Bà Cua 5 (Rạch Ngọn Mương)	1.397		1193506	613467	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192154	613525	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
23	7	65	235					Nhánh Rạch Chiếc 9 (Rạch Đường Xuống)	Nhánh Rạch Chiếc 9 (Rạch Đường Xuống)	3.213		1198390	613394	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1196174	613258	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
24	7	65	236					Rạch Ông Dầu	Rạch Ông Dầu	1.623		1198475	606148	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198284	604693	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
25	7	65	237					Rạch Cầu Năm Chống	Rạch Cầu Năm Chống	793		1198376	606780	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198475	606148	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
26	7	65	238					Rạch Bình Thủy	Rạch Bình Thủy	278		1202576	606606	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202427	606373	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
27	7	65	239					Rạch Cầu Quay	Rạch Cầu Quay	849		1202542	606798	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1203054	606227	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
28	7	65	240					Rạch Lùng	Rạch Lùng	1.393		1200725	608293	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199507	607975	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
29	7	65	241					Rạch Tám Táng (Nhánh rạch Lùng)	Rạch Tám Táng (Nhánh rạch Lùng)	591		1199511	608672	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199666	608147	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
30	7	65	242					Rạch Cầu Ngang	Rạch Cầu Ngang	620		1200182	609205	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1199906	609471	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
31	7	65	243					Mương Đặng Thị Rành	Mương Đặng Thị Rành	299		1200227	609489	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1200132	609254	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
32	7	65	244					Nhánh Rạch Bà Cua 2 (Rạch Ngọn Tiệm)	Nhánh Rạch Bà Cua 2 (Rạch Ngọn Tiệm)	2.034		1193529	613995	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192089	614424	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
33	7	65	246					Rạch Kinh	Rạch Kinh	1.908		1191969	606297	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1191135	607245	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
34	7	65	247					Rạch Bà Cua - Ông Cày	Rạch Bà Cua - Ông Cày	6.942		1191357	615019	Cát Lái, TP. Hồ	1195707	612222	Phước Long, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
35	7	65	248					Rạch Cá Trê Nhỏ	Rạch Cá Trê Nhỏ	1.455		1193427	608080	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1192114	607779	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
36	7	65	249					Rạch Gò Dưa	Rạch Gò Dưa	4.361		1198593	607996	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201806	606925	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
37	7	65	250					Rạch Bà Mụ	Rạch Bà Mụ	768		1200304	608250	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1200309	608932	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
38	7	65	PL330					QBTh.Sông Sài Gòn.1	Sông Sài Gòn	516		1197838	608013	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1198190	607681	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
39	7	65	72	PL01				TD.Rạch Cầu Ông Bông.1	Rạch Cầu Ông Bông	457		1201534	608047	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201416	607653	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
40	7	65	74					Rạch Bà Mụ	Sông Sài Gòn	740		1201705	609515	Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	1201068	609293	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
41	7	65	131					Rạch Bà Cua	Sông Sài Gòn	618		1191786	614892	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1191844	615474	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
42	7	65	72					Rạch Cầu Ông Bông	Sông Sài Gòn	225		1201425	607712	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201334	607513	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
43	7	65	69					Rạch Cầu Miết	Sông Sài Gòn	1.734		1203081	607639	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202131	606629	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
44	7	65	89					TD.Suối Tiên.1	Sông Sài Gòn	1.337		1200770	616384	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1200152	615317	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
45	7	65	196					Rạch Bà Di	Sông Sài Gòn	572		1199628	618492	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199682	618982	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
46	7	65	205					TD.Rạch Bà Đá.2	Sông Sài Gòn	416		1196737	620898	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196494	620794	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
47	7	65	251					TD.Rạch Giáng.1	Sông Sài Gòn	595		1195927	621710	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196050	621642	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
48	7	65	252					TD.Rạch Giáng.1.N1	Sông Sài Gòn	541		1195819	621243	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196028	621586	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
49	7	65	205	PL 01				TD.Rạch Bà Ký.1	TD.Rạch Bà Đá.2	1.183		1197691	621185	Long Phước,	1196733	620982	Long Phước,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
50	7	65	207					Rạch Bà Đá Nhỏ	Sông Sài Gòn	1.183		1195899	619928	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196465	619892	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
51	7	65	208					Rạch Ngọn	Sông Sài Gòn	557		1196032	620487	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196475	620248	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
52	7	65	211					TD.Rạch Giáng.2	Sông Sài Gòn	1.019		1195731	621732	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195731	621732	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
53	7	65	188					TD.Rạch Mương Nhỏ.1	Sông Sài Gòn	1.479		1193148	621028	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1191982	620695	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
54	7	65	181	PL 01				TD.Rạch Bà Trưởng.1	Rạch Bà Trưởng	428		1194928	620286	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1194758	620043	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
55	7	65	202					TD.Rạch Bà Đá.1	Sông Sài Gòn	558		1197205	619578	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196718	619749	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
56	7	65	189					Rạch Bàng	Sông Sài Gòn	1.443		1192374	621126	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1191458	621366	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
57	7	65	253					Rạch Ông Thả	Sông Sài Gòn	670		1197196	618919	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197489	618521	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
58	7	65	201	1				Rạch Đôi	Rạch Sơn	846		1197492	619386	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196710	619318	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
59	7	65	203					TD.Rạch Bà Bông.1	Sông Sài Gòn	1.023		1198004	620723	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197413	620622	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
60	7	65	203	PL 01				TD.Rạch Bà Bông.2	TD.Rạch Bà Bông.1	663		1197855	621288	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1198004	620723	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
61	7	65	209					Rạch So	Sông Sài Gòn	1.886		1195905	620930	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196033	619119	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
62	7	65	206					Rạch Cái Nhánh	Sông Sài Gòn	1.545		1197347	621706	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196506	621796	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
63	7	65	206	PL 01				Rạch Bà Cầu	Rạch Cái Nhánh	722		1196749	621987	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197086	621351	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
64	7	65	187					TD.Sông Tắc.2	Sông Sài Gòn	1.088		1192844	619647	Long Phước, TP. Hồ	1192169	620197	Long Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
65	7	65	181					Rạch Bà Trưởng	Sông Sài Gòn	593		1194584	620371	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1194771	619976	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
66	7	65	212					Rạch Cái Gia	Sông Sài Gòn	783		1195525	620736	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195792	620249	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
67	7	65	210					Rạch Sỏi	Sông Sài Gòn	261		1195542	620832	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195558	621079	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
68	7	65	203	1				Rạch Ván	TD.Rạch Bà Bông.1	353		1197626	620527	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197520	620267	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
69	7	65	211	1				Rạch Vườn	TD.Rạch Giáng.2	531		1195503	621029	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195277	621425	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
70	7	65	204					Rạch Bà Nghiêm	Sông Sài Gòn	257		1197255	620362	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197472	620253	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
71	7	65	185					TD.Rạch Môn.3	Sông Sài Gòn	680		1193960	618835	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1194320	618425	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
72	7	65	254					Kênh Thẳng	Sông Sài Gòn	2.034		1193601	620161	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1192993	618329	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
73	7	65	163					Rạch Đáy Quần	Sông Sài Gòn	205		1197369	618239	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197554	618294	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
74	7	65	164					Rạch Bà Nghiêm.RTT	Sông Sài Gòn	294		1197313	618010	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197531	618062	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
75	7	65	186	PL 02				Rạch Ông Thao	Rạch Ông Lân	1.340		1193873	619453	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1193486	618443	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
76	7	65	85					TD.Suối Cái.2	Sông Sài Gòn	1.099		1200258	612226	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1200760	613168	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
77	7	65	86					TD.Suối Cái.3	Sông Sài Gòn	648		1199846	613801	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1200418	614062	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
78	7	65	106					TD.Rạch Đường Xuống.4	Sông Sài Gòn	861		1196776	613304	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1196517	613951	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
79	7	65	256					TD.Rạch Lâm.3	Sông Sài Gòn	797		1197259	614370	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1197808	614880	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
80	7	65	150					TD.Sông Ông Nhiêu.1	Sông Sài Gòn	805		1196439	614929	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195900	614562	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
81	7	65	175					TD.Sông Nước Đục.1	Sông Sài Gòn	959		1195044	618419	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195533	618233	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
82	7	65	167					TD.Rạch Cá Rô.1	Sông Sài Gòn	974		1195614	616293	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1196394	616570	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
83	7	65	255					Rạch Bà Mụ	Sông Sài Gòn	626		1194338	617011	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194417	616499	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
84	7	65	157					TD.Sông Ông Nhiêu.5	Sông Sài Gòn	997		1193379	616064	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1193448	615859	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
85	7	65	133					Sông Ông Cảm	Sông Sài Gòn	452		1192996	616940	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192623	616918	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
86	7	65	149	PL 02				TD.Rạch Ông Bồn.2	Rạch Ông Bồn	262		1195106	614143	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195116	613889	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
87	7	65	148					Kênh Một Tấn	Sông Sài Gòn	2.067		1194233	613755	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1196189	613523	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
88	7	65	148	PL 01				TD.Kênh Một Tấn.1	Kênh Một Tấn	607		1195610	613168	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1196006	613561	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
89	7	65	104					TD.Rạch Đường Xuống.2	Sông Sài Gòn	698		1197532	612565	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1197067	613041	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
90	7	65	94					Rạch Bình Thái	Sông Sài Gòn	786		1198606	611341	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1198401	610793	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
91	7	65	137					Rạch Bà Tri	Sông Sài Gòn	2.010		1195459	611253	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1193507	611148	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
92	7	65	137	PL 02				TD.Rạch Chiếc.4	Rạch Bà Tri	675		1195455	611372	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1194794	611346	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
93	7	65	138					TD.Rạch Chiếc.5	Sông Sài Gòn	2.100		1195397	611881	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1193617	611593	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
94	7	65	107					TD.Sông Sài Gòn.1	Sông Sài Gòn	365		1194982	608361	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1194645	608391	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
95	7	65	112					TD.Rạch Cá Trê Nhỏ.1	Sông Sài Gòn	693		1193427	607761	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1193138	607270	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
96	7	65	136	1				Rạch Đồng Ngoài	TD.Rạch Mương Kinh.2	1.100		1194438	610551	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1193407	610431	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
97	7	65	88	PL 01				TD.Rạch Gò Công.1.N1	TD.Rạch Gò Công.1	539		1200113	615375	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1199652	615592	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
98	7	65	84					TD.Suối Cái.1	Sông Sài Gòn	589		1201123	613109	Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	1201122	613633	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
99	7	65	81					Rạch Cầu Quán	Sông Sài Gòn	379		1199080	608285	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199050	607907	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
100	7	65	79					Rạch Võ	Sông Sài Gòn	365		1199821	607164	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199980	607422	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
101	7	65	257					Sông Tắc	Sông Tắc	12.829		1198809	620553	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1191940	618844	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
102	7	65	258					Nhánh Rạch Đồng Tròn 29	Nhánh Rạch Đồng Tròn 29	1.007		1204860	618124	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1203978	618074	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
103	7	65	259					Nhánh Sông Đồng Nai	Nhánh Sông Đồng Nai	819		1204763	618268	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1205184	618855	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
104	7	65	260					Rạch Đồng Tròn	Rạch Đồng Tròn	2.092		1203482	618913	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1204617	617457	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
105	7	65	261					Rạch Ông Tán	Rạch Ông Tán	334		1202640	619149	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202688	618876	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
106	7	65	262					Nhánh Rạch Sông Đồng Nai 32	Nhánh Rạch Sông Đồng Nai 32	1.225		1201163	619515	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201487	618697	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
107	7	65	263					Nhánh Sông Đồng Nai 22	Nhánh Sông Đồng Nai 22	472		1202046	618831	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202132	619266	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
108	7	65	264					Nhánh Sông Đồng Nai 23	Nhánh Sông Đồng Nai 23	893		1200414	619508	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200690	619659	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
109	7	65	389					Rạch Mương	Rạch Mương	2.503		1198354	619974	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199810	619168	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
110	7	65	265					Nhánh Sông Tắc 10	Nhánh Sông Tắc 10	1.407		1198203	620828	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1198110	619741	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
111	7	65	266					Nhánh Sông Tắc 8	Nhánh Sông Tắc 8	1.145		1197529	620275	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1198007	619612	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
112	7	65	267					Rạch Bà Ký	Rạch Bà Ký	1.490		1196947	620868	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197908	621489	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
113	7	65	268					Rạch Bà Đa - Rạch Giáng	Rạch Bà Đa - Rạch Giáng	5.405		1194741	622693	Long Phước, TP. Hồ	1196518	619507	Long Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
114	7	65	269					Nhánh Rạch Bà Giáng	Nhánh Rạch Bà Đá	1.108		1197198	620257	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196499	620387	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
115	7	65	270					Kinh Long Phước	Kinh Long Phước	3.440		1195013	622732	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197671	621508	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
116	7	65	271					Nhánh Rạch Bà Giáng	Nhánh Rạch Bà Giáng	1.515		1195277	621425	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195844	622324	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
117	7	65	272					Nhánh Rạch Cái	Nhánh Rạch Cái	1.174		1194247	621760	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1194951	622677	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
118	7	65	273					Rạch Cái	Rạch Cái	1.704		1193670	621498	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1194991	621477	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
119	7	65	274					Nhánh Rạch Suối Cái	Nhánh Rạch Suối Cái	674		1194633	621441	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1194994	621246	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
120	7	65	275					Nhánh Rạch Sông Đồng Nai 30	Nhánh Rạch Sông Đồng Nai 30	1.365		1193744	621550	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1194011	620630	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
121	7	65	276					Nhánh Sông Tắc 3	Nhánh Sông Tắc 3	2.033		1193228	621696	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1193698	620215	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
122	7	65	277					Nhánh Sông Tắc 2	Nhánh Sông Tắc 2	988		1192725	619828	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1192752	620527	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
123	7	65	278					Nhánh Sông Tắc 4 (Rạch Ông Than)	Nhánh Sông Tắc 4 (Rạch Ông Than)	1.584		1193904	620195	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1194182	618928	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
124	7	65	279					Nhánh Sông Kinh 2	Nhánh Sông Kinh 2	743		1193413	617567	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1193451	617290	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
125	7	65	280					Nhánh Sông Cầu Ông Nhiêu 1	Nhánh Sông Cầu Ông Nhiêu 1	1.011		1193551	616375	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1193362	615626	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
126	7	65	281					Nhánh Rạch Cây Cam 3	Nhánh Rạch Cây Cam 3	1.296		1195513	617251	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195943	618138	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
127	7	65	282					Nhánh Rạch Cây Cam 1	Nhánh Rạch Cây Cam 1	1.186		1197079	616968	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197145	616169	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
128	7	65	283					Nhánh Rạch Cây Cam 2	Nhánh Rạch Cây Cam 2	1.988		1196830	617032	Long Phước, TP. Hồ	1196162	616196	Long Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
129	7	65	284					Rạch Mương Chùa	Rạch Mương Chùa	1.687		1195128	616912	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194262	616142	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
130	7	65	285					Nhánh Sông Cầu Ông Nhiêu 3	Nhánh Sông Cầu Ông Nhiêu 3	1.613		1194756	615505	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195777	615920	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
131	7	65	286					Nhánh Rạch Ông Nhiêu 21	Nhánh Rạch Ông Nhiêu 21	372		1195823	615065	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1196000	615312	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
132	7	65	287					Nhánh Rạch Ông Nhiêu 35	Nhánh Rạch Ông Nhiêu 35	747		1195394	615179	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195847	615483	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
133	7	65	288					Nhánh Rạch Ông Nhiêu 37	Nhánh Rạch Ông Nhiêu 37	132		1195608	614481	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195662	614589	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
134	7	65	289					Rạch Ông Tiến	Rạch Ông Tiến	1.174		1197924	616335	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1198940	616696	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
135	7	65	290					Nhánh Bến Đò nhỏ 15	Nhánh Bến Đò nhỏ 15	418		1198124	614697	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198445	614453	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
136	7	65	291					Rạch Bến Chùa (cửa xả đoạn 1)	Rạch Bến Chùa (cửa xả đoạn 1)	302		1196713	615241	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1196808	614958	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
137	7	65	292					Suối Cạn KP6	Suối Cạn KP6	546		1202329	614078	Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	1201948	613727	Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	
138	7	65	293					Rạch Nguyễn Văn Hưởng 2	Rạch Nguyễn Văn Hưởng 2	110		1195321	606321	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1195332	606430	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
139	7	65	294					Rạch Ông Hóa	Rạch Ông Hóa	631		1195568	606262	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1195627	606840	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
140	7	65	295					Rạch Ông Chua	Rạch Ông Chua	858		1194614	607515	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1194582	606864	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
141	7	65	296					Nhánh Sông Sài Gòn 19	Nhánh Sông Sài Gòn 19	807		1192011	605761	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1192680	605313	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
142	7	65	297					Rạch Cầu Cống	Rạch Cầu Cống	119		1192417	605164	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1192466	605058	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
143	7	65	298					Rạch Cầu Ông Cậy	Rạch Cầu Ông Cậy	1.032		1191283	604760	An Khánh, TP. Hồ	1191545	605551	An Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
144	7	65	299					Rạch Cầu Phao 11	Rạch Cầu Phao 11	683		1190298	607105	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1190607	606780	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
145	7	65	300					Nhánh Rạch Giồng Ông Tố 3 (Rạch Đồng Nhỏ)	Nhánh Rạch Giồng Ông Tố 3 (Rạch Đồng Nhỏ)	965		1193285	609622	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1193786	608891	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
146	7	65	301					Rạch Bà Dạt	Nhánh Rạch Chiếc 3 (Sông Ba Đụt)	2.218		1194617	609954	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194614	609956	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
147	7	65	302					Rạch Mương Kinh	Rạch Mương Kinh	2.302		1193431	610583	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1195381	611183	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
148	7	65	303					Nhánh Rạch Chiếc 6	Nhánh Rạch Chiếc 6	751		1194610	611827	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1195339	611675	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
149	7	65	304					Nhánh Rạch Chiếc 7	Nhánh Rạch Chiếc 7	877		1195557	610723	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1195508	609993	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
150	7	65	305					Rạch Thảo Điền	Rạch Thảo Điền	1.054		1194954	608218	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1195425	608968	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
151	7	65	306					Rạch Dừa (Nguyễn Văn Hưởng 8)	Rạch Dừa (Nguyễn Văn Hưởng 8)	740		1195796	607578	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1195298	607308	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
152	7	65	307					Rạch Nguyễn Văn Hưởng 4	Rạch Nguyễn Văn Hưởng 4	79		1196289	607329	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1196353	607376	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
153	7	65	308					Rạch Nguyễn Văn Hưởng 5	Rạch Nguyễn Văn Hưởng 5	61		1196440	606939	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1196486	606901	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
154	7	65	309					Rạch Nguyễn Văn Hưởng 3	Rạch Nguyễn Văn Hưởng 3	92		1196176	606609	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1196240	606543	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
155	7	65	310					Rạch Ông Dí	Rạch Ông Dí	454		1196029	606389	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1195894	606808	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
156	7	65	311					Kênh Đào Bắc	Rạch Đào 1	966		1197530	609727	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1198133	609175	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
157	7	65	312					Kênh Đào Nam	Rạch Đào 2	1.516		1197414	609725	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1195965	609475	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
158	7	65	313					Nhánh Rạch Chiếc 4	Nhánh Rạch Chiếc 4	263		1196124	610561	Phước Long, TP. Hồ	1196335	610468	Phước Long, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
159	7	65	314					Nhánh Rạch Chiếc 2	Nhánh Rạch Chiếc 2	979		1196008	610757	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1196731	611287	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
160	7	65	315					Rạch 7 Cửa Xã đường 14	Rạch 7 Cửa Xã đường 14	281		1195495	611298	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1195769	611304	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
161	7	65	316					Rạch Tổ 20	Rạch Tổ 20	391		1196880	605784	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1197244	605682	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
162	7	65	317					Rạch Tổ 24	Rạch Tổ 24	462		1196932	606121	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1197385	606035	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
163	7	65	318					Rạch Miễu Nhum	Rạch Miễu Nhum	287		1197734	606483	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1197546	606290	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
164	7	65	319					Rạch Môn	Rạch Môn	884		1197447	607051	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1197852	606354	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
165	7	65	320					Rạch Cao Su Việt Hưng	Rạch Cao Su Việt Hưng	147		1197865	607345	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1197946	607226	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
166	7	65	321					Rạch Bình Thái	Rạch Bình Thái	2.172		1198092	609550	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1198400	610793	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
167	7	65	322					Rạch Cây Sơn Máu	Rạch Cây Sơn Máu	397		1198931	610037	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1199283	610219	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
168	7	65	323					Rạch Phố Nhà Trà	Rạch Phố Nhà Trà	1.098		1198931	610034	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1199632	609434	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
169	7	65	324					Nhánh Rạch Thủ Đức	Nhánh Rạch Thủ Đức	727		1199055	609550	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1198626	608980	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
170	7	65	325					Rạch Bà Rường	Rạch Bà Rường	1.165		1189583	612529	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1190130	611816	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
171	7	65	326					Nhánh Sông Sài Gòn 16 (Rạch Ương)	Nhánh Sông Sài Gòn 16 (Rạch Ương)	3.358		1190676	611134	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1189161	610720	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
172	7	65	327					Sông Kỳ Hà	Sông Kỳ Hà	4.179		1191322	611774	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1188796	610269	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
173	7	65	328					Nhánh Rạch Bà Cua 3	Nhánh Rạch Bà Cua 3	1.516		1191501	613411	Cát Lái, TP. Hồ	1191936	614456	Long Trường, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Hồ Chí Minh	
174	7	65	329					Nhánh Rạch Bà Cua 8	Nhánh Rạch Bà Cua 8 (Rạch Cầu Đập)	978		1192574	612861	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1193320	612866	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
175	7	65	330					Nhánh Rạch Ông Nhiêu 22	Nhánh Rạch Ông Nhiêu 22	1.645		1193251	614739	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194242	615379	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
176	7	65	331					Nhánh Sông Cầu Ông Nhiêu 4 (Rạch Ngọn Mương-Ngọn Trì)	Nhánh Sông Cầu Ông Nhiêu 4 (Rạch Ngọn Mương-Ngọn Trì)	1.877		1194264	615404	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195036	614155	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
177	7	65	332					Nhánh Rạch Ông Nhiêu 36	Nhánh Rạch Ông Nhiêu 36	190		1194829	615221	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194900	615387	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
178	7	65	333					Nhánh Rạch Bà Cua 9 (Rạch Bà Hiện)	Nhánh Rạch Bà Cua 9 (Rạch Bà Hiện)	714		1194094	613238	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1193747	612691	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
179	7	65	334					Kênh Một Tấn	Kênh Một Tấn	1.083		1193628	613210	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194233	613755	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
180	7	65	335					Rạch Đất Sét	Rạch Đất Sét	1.393		1194290	612672	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1195070	613593	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
181	7	65	336					Nhánh Rạch Chiếc 8	Nhánh Rạch Chiếc 8	719		1196258	612974	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1196825	613042	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
182	7	65	337					Nhánh Rạch Lân 2	Nhánh Rạch Lân 2	628		1198586	612638	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198528	613090	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
183	7	65	338					Nhánh Rạch Lân 1	Nhánh Rạch Lân 1	426		1198559	613079	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198952	613088	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
184	7	65	339					Nhánh Rạch Lân 3	Nhánh Rạch Lân 3	240		1198351	613083	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198439	613195	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
185	7	65	340					Nhánh Bến Đò nhỏ 16	Nhánh Bến Đò nhỏ 16	420		1198728	613354	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198477	613233	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
186	7	65	341					Rạch Cầu Nhỏ	Rạch Cầu Nhỏ	393		1197936	604759	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1197979	605150	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
187	7	65	342					Rạch Ông Hương	Rạch Ông Hương	909		1197777	605818	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198409	605963	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
188	7	65	343					Rạch Đường số 2	Rạch Đường số 2	176		1198696	605526	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198522	605541	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
189	7	65	344					Rạch Đường số 4	Rạch Đường số 4	215		1198433	605930	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198642	605921	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
190	7	65	70					Rạch Đĩa	Rạch Đĩa	2.706		1198475	606148	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200956	606926	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
191	7	65	345					Rạch Kinh Đô	Rạch Kinh Đô	437		1198942	605922	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199155	606279	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
192	7	65	346					Rạch nhánh của Rạch Đĩa	Rạch nhánh của Rạch Đĩa	391		1199497	605998	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199331	606352	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
193	7	65	347					Rạch Năm Diệm	Rạch Năm Diệm	127		1199335	605264	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199370	605386	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
194	7	65	348					Rạch Cầu Bầu Hòn	Rạch Cầu Bầu Hòn	574		1200102	605240	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199579	605398	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
195	7	65	349					Rạch Cầu Nhúng	Rạch Cầu Nhúng	397		1199062	607018	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199438	606890	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
196	7	65	350					Rạch Mỏ Heo	Rạch Mỏ Heo	903		1199469	606910	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198774	606431	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
197	7	65	351					Rạch Cầu Quán	Rạch Cầu Quán	795		1199015	607142	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199050	607907	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
198	7	65	352					Rạch Ông Một (Rạch Lò Đường)	Rạch Ông Một (Rạch Lò Đường)	366		1200233	605432	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199974	605690	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
199	7	65	353					Rạch Cầu Đúc Nhỏ	Rạch Cầu Đúc Nhỏ	599		1199992	606047	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200359	605581	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
200	7	65	354					Rạch Vĩnh An (Rạch Ụ Chú	Rạch Vĩnh An (Rạch Ụ Chú	119		1200862	605779	Hiệp Bình, TP. Hồ	1200898	605892	Hiệp Bình, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
								Sanh hay may Sài Gòn 3)	Sanh hay may Sài Gòn 3)					Chí Minh			Chí Minh	
201	7	65	355					Rạch Cống Quay	Rạch Cống Quay	246		1200560	605999	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200654	605774	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
202	7	65	356					Rạch Hòai Thanh - KP3 (Mương út Liền)	Rạch Hòai Thanh - KP3 (Mương Út Liền)	441		1201169	605695	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201273	606123	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
203	7	65	357					Rạch Xí Nghiệp Đay (Rạch Tư Mai)	Rạch Xí Nghiệp Đay (Rạch Tư Mai)	157		1201303	605652	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201371	605793	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
204	7	65	358					Nhánh Sông Sài Gòn 21	Nhánh Sông Sài Gòn 21	148		1201576	605514	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201649	605638	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
205	7	65	359					Rạch Lò Đường Ong Chích	Rạch Lò Đường Ong Chích	61		1201679	605427	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201714	605476	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
206	7	65	360					Rạch Ong Chín Điếu	Rạch Ong Chín Điếu	89		1201737	605377	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201790	605448	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
207	7	65	361					Rạch Đình Bình Phước	Rạch Đình Bình Phước	76		1201800	605305	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201861	605350	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
208	7	65	362					Rạch Ông Diệm (Rạch Bến Láng)	Rạch Ông Diệm (Rạch Bến Láng)	1.621		1203451	605621	Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1204389	605098	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
209	7	65	363					Rạch Nước Trong	Rạch Nước Trong	2.641		1204166	607085	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202467	606242	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
210	7	65	364					Rạch Vĩnh Bình	Sông Vĩnh Bình	1.702		1201874	605176	Lái Thiêu, TP. Hồ Chí Minh	1202446	606237	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
211	7	65	365					Rạch Cầu Ván	Rạch Cầu Ván	876		1201923	606242	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202397	606371	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
212	7	65	366					Rạch Xương Máu	Rạch Xương Máu	332		1202420	606008	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202161	605819	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
213	7	65	367					Rạch Cầu Chùa	Rạch Cầu Chùa	241		1202231	606194	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202224	606433	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
214	7	65	368					Rạch Cầu Bảy Chiêu	Rạch Cầu Bảy Chiêu	632		1200717	606520	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201242	606843	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
215	7	65	369					Rạch Cầu Ông Bông	Rạch Cầu Ông Bông	742		1200697	607524	Tam Bình, TP. Hồ	1201373	607485	Tam Bình, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
216	7	65	370					Rạch Cầu Khỉ	Rạch Cầu Khỉ	475		1200392	607031	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200524	607475	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
217	7	65	371					Rạch Hương Việt	Rạch Hương Việt	1.091		1200625	607433	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200720	607972	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
218	7	65	372					Suối Cầu Trắng 1	Suối Cầu Trắng 1	1.026		1201166	608742	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1201130	608026	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
219	7	65	373					Rạch Cùng	Rạch Cùng	287		1199999	608432	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1200075	608162	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
220	7	65	374					Suối Gà Quay	Sông Sài Gòn	333		1200533	609708	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1200308	609737	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
221	7	65	375					Rạch Đường 40 (Rạch Cầu miếu)	Rạch Đường 40 (Rạch Cầu miếu)	550		1199624	608990	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1199922	609429	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
222	7	65	376					Rạch Cầu Phao 13	Rạch Cầu Phao 13	1.302		1191208	605849	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1190173	606325	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
223	7	65	377					Rạch Ụ Ghe	Rạch Ụ Ghe	364		1200097	607451	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200102	607788	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
224	7	65	378					Suối Cầu Trắng 2	Suối Cầu Trắng 2	1.176		1201425	607712	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202014	608470	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
225	7	65	379					Rạch số 7 (Nhánh Rạch Gò Dưa)	Rạch số 7 (Nhánh Rạch Gò Dưa)	184		1200436	607529	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200453	607706	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
226	7	65	380					Nhánh Rạch Gò Dưa 20	Nhánh Rạch Gò Dưa 20	560		1201261	606886	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201720	607168	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
227	7	65	381					Suối Linh Tây	Suối Linh Tây	1.663		1201068	609293	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200623	608315	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
228	7	65	382					Rạch Cầu Đất	Rạch Cầu Đất	121		1202450	606242	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202414	606357	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
229	7	65	76					Rạch Cầu Khí	Sông Sài Gòn	462		1200141	607023	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200207	607441	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
230	7	65	77					Rạch Ụ Ghe	Sông Sài Gòn	372		1200089	607784	Tam Bình, TP. Hồ	1199952	608108	Tam Bình, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
231	7	65	73					Rạch Ông Việt	Sông Sài Gòn	357		1201130	608026	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201256	608289	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
232	7	65	93					TD.Rạch Bình Thái.2	Sông Sài Gòn	516		1198943	610899	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1198629	610508	Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
233	7	65	124					TD.Rạch Ngọn Ngay.2	Sông Sài Gòn	737		1189667	610194	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1189786	609700	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
234	7	65	120					TD.Sông Kỳ Hà.1	Sông Sài Gòn	632		1190128	610678	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1189609	611037	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
235	7	65	119	PL 01				TD.Rạch Phú Mỹ.1	Rạch Phú Mỹ	552		1189380	610163	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1189351	609612	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
236	7	65	125	PL 01				TD.Rạch Mương.1	Rạch Mương	1.6		1191249	609742	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1189735	610053	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
237	7	65	127					Kênh Ông Rạng	Sông Sài Gòn	1.621		1189740	612476	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1189334	610937	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
238	7	65	125					Rạch Mương	Sông Sài Gòn	1.16		1190965	610482	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1191174	609560	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
239	7	65	119					Rạch Phú Mỹ	Sông Sài Gòn	1.158		1189613	610265	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1188829	610373	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
240	7	65	118					Rạch Bánh Tráng	Sông Sài Gòn	910		1189315	609032	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1188988	608834	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
241	7	65	121					TD.Sông Kỳ Hà.2	Sông Sài Gòn	556		1189903	611291	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1189661	611125	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
242	7	65	128					Rạch Bà Sư	Sông Sài Gòn	1.255		1191580	613650	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1190542	613373	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
243	7	65	126					TTD.Sông Kỳ Hà.4	Sông Sài Gòn	840		1190679	612628	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1191326	612447	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
244	7	65	129					Kênh Quân Đội	Sông Sài Gòn	1.459		1190332	613037	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	1190195	614075	Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	
245	7	65	122					Sông Kỳ Hà	Sông Sài Gòn	740		1191172	613021	Cát Lái, TP. Hồ	1191353	612502	Cát Lái, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
246	7	65	82					Suối Cầu Đá	Sông Sài Gòn	1.802		1203025	610938	Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	1202213	612446	Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
247	7	65	71					TD.Rạch Đĩa.3	Sông Sài Gòn	250		1201596	607381	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201720	607168	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
248	7	65	67					Rạch Nước Trong	Sông Sài Gòn	991		1203100	605057	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202966	606004	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
249	7	65	68					TD.Rạch Cầu Đất.1	Sông Sài Gòn	524		1203166	606331	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202769	606054	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
250	7	65	191					TD.Sông Đồng Nai.1	Sông Sài Gòn	869		1204171	618986	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1204528	618385	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
251	7	65	198	PL 01				Rạch Bà Giáp	Rạch Đường Mương	1.314		1199820	619077	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199322	619573	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
252	7	65	193					Rạch Cỏ	Sông Sài Gòn	316		1203155	619864	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1203116	619668	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
253	7	65	194					Rạch Sơn	Sông Sài Gòn	430		1202963	620034	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202875	619698	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
254	7	65	192					Rạch Cầu Ông Tám	Sông Sài Gòn	745		1202688	618876	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1202921	618354	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
255	7	65	199					TD.Rạch Đường Mương.2	Sông Sài Gòn	301		1198771	619668	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198747	619420	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
256	7	65	200	1				TD.Rạch Đường Mương.1.N1	TD.Rạch Đường Mương.1	122		1198641	619636	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198535	619612	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
257	7	65	200					TD.Rạch Đường Mương.1	Sông Sài Gòn	181		1198603	619541	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198636	619712	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
258	7	65	198					Rạch Đường Mương	Sông Sài Gòn	955		1198964	619698	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199744	619276	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
259	7	65	195					Rạch Bến Đò	Sông Sài Gòn	403		1201544	618898	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201857	618805	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
260	7	65	190					Rạch Cây Qúy	Sông Sài Gòn	954		1204284	617662	Long Bình, TP. Hồ	1204836	618131	Long Bình, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
261	7	65	90					TD.Rạch Gò Công.2	Sông Sài Gòn	756		1198641	615632	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1199213	616037	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
262	7	65	160					TD.Rạch Trau Trảu.2	Sông Sài Gòn	585		1198006	617065	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1197775	616614	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
263	7	65	91					TD.Rạch Gò Công.3	Sông Sài Gòn	986		1199039	616269	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198416	616415	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
264	7	65	102					TD.Rạch Trau Trảu.1	Sông Sài Gòn	925		1198469	615391	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1197809	615797	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
265	7	65	102	PL 01				TD.Rạch Trau Trảu.1.N1	TD.Rạch Trau Trảu.1	529		1198498	615912	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198048	615708	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
266	7	65	197					Rạch Hắc Ổi	Sông Sài Gòn	2.264		1199960	617390	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198838	618716	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
267	7	65	97					Rạch Hầm	Sông Sài Gòn	479		1198800	617424	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198983	617847	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
268	7	65	162					Rạch Bà Cóc	Sông Sài Gòn	526		1197513	617690	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1197928	617555	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
269	7	65	388					TD.Rạch Gò Công.5	Sông Sài Gòn	932		1198254	618276	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1197554	618294	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
270	7	65	98	PL 01				Rạch Nầy	Rạch Nhà	432		1198010	617374	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198335	617569	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
271	7	65	98					Rạch Nhà	Sông Sài Gòn	718		1198398	617585	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198336	617066	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
272	7	65	160	PL 01				TD.Rạch Trau Trảu.2.N1	TD.Rạch Trau Trảu.2	231		1198183	616800	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1197970	616761	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
273	7	65	92					TD.Rạch Gò Công.4	Sông Sài Gòn	758		1199591	617155	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198908	616882	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
274	7	65	98	PL 01	PL 01			TD.Rạch Nầy.1	Rạch Nầy	155		1198133	617674	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198141	617535	Long Bình, TP. Hồ Chí Minh	
275	7	65	88					TD.Rạch Gò Công.1	Sông Sài Gòn	509		1199549	615405	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1199420	615723	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
276	7	65	201					Rạch Sơn	Sông Sài Gòn	898		1197492	619386	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197715	618579	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
277	7	65	184					TD.Rạch Môn.2	Sông Sài Gòn	510		1194332	618947	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1194736	618984	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
278	7	65	183					TD.Rạch Môn.1	Sông Sài Gòn	575		1194436	619414	Long Phước,	1194904	619208	Long Phước,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
279	7	65	174					TD.Sông Nước Đục.2	Sông Sài Gòn	659		1195435	617611	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195462	618184	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
280	7	65	171					TD.Sông Tắc.1	Sông Sài Gòn	745		1196745	618460	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196353	617947	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
281	7	65	168					Rạch Mương Lớn	Sông Sài Gòn	854		1196141	616857	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196546	617354	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
282	7	65	165					Rạch Tôm	Sông Sài Gòn	542		1197164	618050	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197106	618454	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
283	7	65	169					Rạch Mương Nhỏ.RCC	Sông Sài Gòn	150		1196353	617405	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196483	617461	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
284	7	65	161					TD.Rạch Cầu Lấp.1	Sông Sài Gòn	57		1197218	616238	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1197169	616262	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
285	7	65	170					Rạch Bà Rệ	Sông Sài Gòn	159		1196311	617653	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196393	617730	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
286	7	65	168	PL 01				TD.Rạch Cây Cam.1	Rạch Mương Lớn	404		1196288	617232	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196574	617252	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
287	7	65	172					TD.Rạch Khe Cạn.1	Sông Sài Gòn	464		1196178	617497	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195967	617845	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
288	7	65	173					Rạch Mương Giữa	Sông Sài Gòn	811		1195294	616619	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1195576	617222	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
289	7	65	166					Rạch Chùm Chụp	Sông Sài Gòn	474		1197051	617743	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	1196793	617645	Long Phước, TP. Hồ Chí Minh	
290	7	65	99					Rạch Lâm	Sông Sài Gòn	2.64		1198528	613090	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198113	614820	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
291	7	65	100					TD.Rạch Gò Dừa.1	Sông Sài Gòn	813		1199022	614265	Tăng Nhơn Phú,	1198442	614800	Tăng Nhơn Phú,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
292	7	65	101					TD.Sông Bến Đò Lớn.1	Sông Sài Gòn	164		1198587	614374	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198445	614453	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
293	7	65	106	PL 01				TD.Rạch Đường Xuống.4.N1	TD.Rạch Đường Xuống.4	560		1196792	613560	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1196340	613775	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
294	7	65	383					TD.Rạch Đường Xuồng.1	Sông Sài Gòn	530		1197816	612760	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1197623	613227	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
295	7	65	384					Rạch Cây Đa	Sông Sài Gòn	691		1197855	614849	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1197516	614318	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
296	7	65	99	PL 01	PL 01			TD.Rạch Lâm.2.N1	TD.Rạch Lâm.2	494		1197647	613933	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1197877	614275	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
297	7	65	105					TD.Rạch Đường Xuống.3	Sông Sài Gòn	658		1197238	613714	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ	1197201	613092	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
298	7	65	96					TD.Rạch Lâm.1	Sông Sài Gòn	816		1199239	612954	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198579	612776	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
299	7	65	103					Rạch Đường Xuống	Sông Sài Gòn	818		1197420	614030	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1197700	613429	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
300	7	65	99	PL 01				TD.Rạch Lâm.2	Rạch Lâm	670		1197579	614184	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198195	614134	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
301	7	65	95					Rạch Lâm	Sông Sài Gòn	500		1198693	612270	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1198586	612638	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
302	7	65	176					Rạch Mương Giữa	Sông Sài Gòn	644		1194894	617205	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195052	617713	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
303	7	65	179					Rạch Lùm	Sông Sài Gòn	1.505		1195288	618156	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194340	617716	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
304	7	65	177					Rạch Bà Thải	Sông Sài Gòn	514		1194546	617045	Long Trường	1194548	616583	Long Trường	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														, TP. Hồ Chí Minh			, TP. Hồ Chí Minh	
305	7	65	180					TD.Sông Kinh.1	Sông Sài Gòn	590		1194030	617441	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194233	617754	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
306	7	65	186					Rạch Ông Lân	Sông Sài Gòn	1.527		1193917	617979	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192793	618375	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
307	7	65	186	PL 01				TD.Rạch Ông Lân.1	Rạch Ông Lân	1.008		1193733	618728	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1193196	618551	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
308	7	65	186	1				Kênh Thiếc Dừa	Rạch Ông Lân	1.142		1192993	618329	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192832	617406	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
309	7	65	385					TD.Rạch Bà Mụ.1	Sông Sài Gòn	149		1194195	616600	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194334	616649	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
310	7	65	386					TD.Rạch Bà Mụ.2	Sông Sài Gòn	135		1194292	616811	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194324	616696	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
311	7	65	156					TD.Sông Ông Nhiêu.4.N1	Sông Sài Gòn	964		1195514	615496	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194983	615993	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
312	7	65	178					Sông Nước Đục	Sông Sài Gòn	795		1194284	617174	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194872	617496	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
313	7	65	159					Rạch Mương Củi	Sông Sài Gòn	514		1193438	616953	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1193774	616855	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
314	7	65	153					TD.Rạch Ngọn Mương.3	Sông Sài Gòn	706		1193859	614439	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194470	614783	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
315	7	65	154					TD.Rạch Ngọn Mương.4	Sông Sài Gòn	555		1193844	614721	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194338	614967	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
316	7	65	146					TD.Rạch Bà Hiện.1	Sông Sài Gòn	621		1194278	613302	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194130	613705	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
317	7	65	131	PL 01	PL 01			TD.Rạch Bà Cua.1.N2	Rạch Bà Cua	518		1192585	615131	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192233	615410	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
318	7	65	130					Rạch Sử Dừa	Sông Sài Gòn	1.296		1193335	613982	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192147	613726	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
319	7	65	145					Rạch Bà Hiện	Sông Sài Gòn	576		1194364	612922	Long Trường, TP.	1193901	612623	Long Trường, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
320	7	65	131	PL 01	PL 02			TD.Rạch Bà Cua.1.N3	Rạch Bà Cua	764		1193080	615633	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192404	615857	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
321	7	65	131	1	PL 01			TD.Rạch Bà Cua.1.N1	Rạch Bà Cua	733		1191954	615017	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192236	614883	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
322	7	65	152					TD.Rạch Ngọn Mương.2	Sông Sài Gòn	860		1193833	614167	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194577	614579	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
323	7	65	151					TD.Sông Ông Nhiêu.2	Sông Sài Gòn	668		1195156	614633	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195634	614739	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
324	7	65	155					TD.Sông Ông Nhiêu.3	Sông Sài Gòn	663		1194685	615060	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195150	615160	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
325	7	65	131	PL 01				TD.Rạch Bà Cua.1	Rạch Bà Cua	2.184		1192925	616833	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1191890	615077	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
326	7	65	131	PL 01	PL 03			TD.Rạch Bà Cua.1.N4	TD.Rạch Bà Cua.1	921		1193280	616512	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1192603	616358	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
327	7	65	149					Rạch Ông Bồn	Sông Sài Gòn	1.496		1195031	614157	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1196252	614551	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
328	7	65	152	1				TD.Rạch Ngọn Mương.1	TD.Rạch Ngọn Mương.2	767		1194064	614319	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1194684	614099	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
329	7	65	149	PL 01				TD.Rạch Ông Bồn.1	Rạch Ông Bồn	729		1195544	614165	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1195967	614156	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
330	7	65	158					Rạch Ông Thuyết	Sông Sài Gòn	436		1193123	615912	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	1193551	616375	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
331	7	65	148	PL 02				TD.Rạch Chiếc.2	Kênh Một Tấn	1.004		1195795	612265	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1195610	613168	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
332	7	65	143					TD.Rạch Đất Sét.1	Sông Sài Gòn	577		1195045	612839	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1194489	612772	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
333	7	65	148	1				Rạch Ruột Ngựa	Kênh Một Tấn	1.796		1195554	613824	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1195865	612342	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
334	7	65	147					Rạch Ngọn Cầu	Sông Sài Gòn	744		1196418	612066	Phước Long, TP. Hồ	1195935	612403	Phước Long, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
335	7	65	142					TD.Rạch Ông Cày.1	Sông Sài Gòn	488		1195161	612874	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1195113	612482	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
336	7	65	144					TD.Rạch Đất Sét.2	Sông Sài Gòn	668		1194889	613345	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1194884	613304	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
337	7	65	148	2				Rạch Đất Sét	Kênh Một Tấn	301		1195116	613889	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	1195070	613593	Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	
338	7	65	117					TD.Sông Sài Gòn.1.N1	Sông Sài Gòn	266		1194854	608005	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1194954	608218	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
339	7	65	135					TD.Rạch Chiếc.2	Sông Sài Gòn	957		1195503	610681	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194770	610673	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
340	7	65	136	1	PL 01			TD.Rạch Đồng Ngoài.1	Rạch Đồng Ngoài	385		1193657	610204	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1193742	610554	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
341	7	65	137	2				TD.Rạch Mương Kinh.3	Rạch Bà Tri	486		1194267	611229	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194361	610793	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
342	7	65	137	1				TD.Rạch Bà Tri.2	Rạch Bà Tri	644		1194267	611229	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194367	611729	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
343	7	65	140					TD.Rạch Chiếc.6	Sông Sài Gòn	1.048		1195480	612063	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194507	612062	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
344	7	65	108	PL 01				TD.Rạch Bá Đỏ.1	Rạch Bá Đỏ	1.187		1194280	609090	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1194555	608418	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
345	7	65	136					TD.Rạch Mương Kinh.2	Sông Sài Gòn	1.109		1194491	610774	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194362	609735	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
346	7	65	110	PL 01				TD.Rạch Bà Cả.1	Rạch Bà Cả	469		1193714	607826	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1193537	608143	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
347	7	65	108					Rạch Bá Đỏ	Sông Sài Gòn	1.229		1194252	609300	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1194645	608391	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
348	7	65	110					Rạch Bà Cả	Sông Sài Gòn	1.189		1194052	608263	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1193408	608068	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
349	7	65	139					Rạch Đồng Nhỏ	Sông Sài Gòn	474		1193829	611010	Bình Trưng, TP. Hồ	1193437	611096	Bình Trưng, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
350	7	65	135	PL 02				TD.Rạch Mương Kinh.1	TD.Rạch Chiếc.2	283		1194813	610743	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194813	610743	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
351	7	65	135	PL 01				TD.Rạch Mương Kinh.1	TD.Rạch Chiếc.2	151		1194813	610743	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194762	610631	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
352	7	65	141					TD.Rạch Giồng Ông Tố.3	Sông Sài Gòn	776		1194117	612324	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194117	612325	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
353	7	65	110	PL 02	PL 01			TD.Rạch Bà Cả.2.N1	Rạch Bà Cả	273		1193864	608631	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1193822	608407	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
354	7	65	137	PL 01				TD.Rạch Bà Tri.1	Rạch Bà Tri	573		1194669	611772	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194787	611249	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
355	7	65	110	PL 02				TD.Rạch Bà Cả.2	Rạch Bà Cả	481		1193764	608676	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1193794	608235	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
356	7	65	109					Rạch Cầu Đen	Sông Sài Gòn	341		1194613	608799	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1194672	608495	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
357	7	65	134					Rạch Bà Đạt	Sông Sài Gòn	806		1194898	609593	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1194627	609962	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	
358	7	65	132					TD.Rạch Bà Cua.1	Sông Sài Gòn	743		1192041	612329	Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh	1192536	612863	Long Trường, TP. Hồ Chí Minh	
359	7	65	123					TD.Sông Sài Gòn.4	Sông Sài Gòn	564		1190436	606877	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1190146	606723	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
360	7	65	116					Rạch Cầu Phao 11	Sông Sài Gòn	826		1190808	606028	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1190278	605828	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
361	7	65	116	1				TD.Rạch Cầu Phao 11.1	Rạch Cầu Phao 11	511		1190649	605953	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1190448	606344	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
362	7	65	87					Suối Tiên	Sông Sài Gòn	810		1201171	615737	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	1200864	615135	Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	
363	7	65	83					TD.Rạch Suối Cái.2	Sông Sài Gòn	1.05		1200822	612146	Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	1201031	613107	Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh	
364	7	65	PL318					Rạch Môn	Sông Sài Gòn	507		1197546	606291	Hiệp Bình,	1197057	606422	Hiệp Bình,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
365	7	65	80					TD.Rạch Ông Dầu.1	Sông Sài Gòn	506		1198945	605920	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198696	605526	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
366	7	65	78					TD.Rạch Đĩa.1	Sông Sài Gòn	530		1199992	606047	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199743	606509	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
367	7	65	75					Rạch Ụ Lò	Sông Sài Gòn	185		1200576	605734	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1200519	605879	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
368	7	65	PL317	PL01				Kênh Ông Một	Rạch Đá	1.298		1200080	603958	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198972	604581	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
369	7	65	PL317					Rạch Đá	Sông Sài Gòn	1.205		1199335	605264	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1198578	604536	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
370	7	65	PL316					Rạch Cây Dừa	Sông Sài Gòn	375		1199583	603914	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199695	603567	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
371	7	65	PL317	PL03				TD.Rạch Đá.1	Rạch Đá	991		1199962	604455	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199122	604844	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
372	7	65	PL317	PL02				Rạch Năm Sóc	Rạch Đá	482		1198814	605116	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199100	604812	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
373	7	65	PL317	PL05				TD.Rạch Đá.3	Rạch Đá	340		1199499	605029	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199332	605258	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
374	7	65	387					Rạch Đĩa	Sông Sài Gòn	703		1202092	606613	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	1201734	606838	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
375	7	65	PL317	PL04				TD.Rạch Đá.2	Rạch Đá	462		1199702	604957	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199286	605124	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	
376	7	65	115					TD.Rạch Cầu Cống.RCT.1	Sông Sài Gòn	596		1191884	604937	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1192437	605060	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
377	7	65	114					TD.Sông Sài Gòn.3	Sông Sài Gòn	682		1193147	606440	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1192985	606123	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
378	7	65	113					TD.Rạch Cá Trê Lớn.1	Sông Sài Gòn	1.112		1192302	607087	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1192685	607195	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
379	7	65	113	1				TD.Rạch Cá Trê Lớn.2	TD.Rạch Cá Trê Lớn.1	558		1192685	607195	An Khánh, TP. Hồ	1192181	607378	An Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
380	7	PL07	53					Rạch Bến Nghé	Rạch Bến Nghé	2.995		1191090	604423	Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	1189185	602217	Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh	
381	7	PL07	PL01					Q7.Kênh Tẻ.1	Sông Bến Lức	782		1188771	606082	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1189483	605893	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
382	7	65	PL322					Rạch Ruột Ngựa đoạn 1	Rạch Ruột Ngựa đoạn 1	1.474		1186724	595787	Bình Phú, TP. Hồ Chí Minh	1185298	595558	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
383	7	PL07	PL62					Rạch Hố Đen	Rạch Hố Đen	226		1187317	601547	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187269	601750	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
384	7	PL07	PL63					Rạch Bà Lựu (Rạch Năng)	Rạch Bà Lựu (Rạch Năng)	420		1185204	594857	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1185070	594485	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
385	7	PL07	PL64					Rạch Bà Lớn - Rạch Chồm	Rạch Bà Lớn - Rạch Chồm	5.164		1186556	597207	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1183124	597868	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
386	7	PL07	PL65					Nhánh Rạch Bà Tàng 3 (Rạch Cống Ông Râu)	Nhánh Rạch Bà Tàng 3 (Rạch Cống Ông Râu)	1.073		1185037	596495	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1184160	597012	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
387	7	PL07	PL66					Rạch Bà Cả	Rạch Bà Cả	411		1186034	595664	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1186056	595277	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
388	7	PL07	PL67					Rạch Bồ Đề	Rạch Bồ Đề	996		1187207	599936	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1186960	599026	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
389	7	PL07	PL68					Nhánh Rạch Bà Lớn 3 (Rạch Su)	Nhánh Rạch Bà Lớn 3 (Rạch Su)	876		1186742	598127	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1185940	598189	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
390	7	PL07	PL69					Rạch Bà Cả	Rạch Bà Cả	311		1193408	608068	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1193427	607761	An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
391	7	PL07	PL70					Rạch Xóm Củi-Gò Nổi	Sông Bến Lức	7.938		1188120	599482	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1181503	601424	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
392	7	PL07	PL12					Q8.Kênh Đôi.1	Sông Bến Lức	1.184		1183596	594908	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1184623	595306	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
393	7	PL07	11					Q8.Rạch Xóm Củi.1	Sông Bến Lức	968		1187189	600146	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187761	599786	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
394	7	PL07	10					Q8.NT.1	Sông Bến Lức	2.737		1187495	600736	Bình Hưng, TP. Hồ	1187679	600803	Chánh Hưng, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
395	7	PL07	23					Q8.Rạch Nhỏ.2	Sông Bến Lức	558		1185340	594620	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1184806	594710	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
396	7	PL07	PL15					Q8.R. Cầu Sộp.3	Sông Bến Lức	329		1184232	596063	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1184290	596358	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
397	7	PL07	PL71					Q8.Rạch Ông Bé.2	Sông Bến Lức	654		1187314	601547	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187438	600915	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
398	7	PL07	PL14	1				Rạch Cầu Đen	Kênh T11	2.426		1182894	593544	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1180652	592797	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
399	7	65	PL328					Kênh Tân Hoá đoạn 1	Kênh Tân Hoá đoạn 1	941		1190744	596678	Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh	1189860	596463	Phú Lâm, TP. Hồ Chí Minh	
400	7	65	53					Rạch Tân Hóa	Sông Sài Gòn	3.11		1193295	597449	Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	1190717	596674	Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh	
401	7	65	PL259					Kênh Hy Vọng	Kênh Hy Vọng	1.835		1196741	597640	Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1197862	596196	Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
402	7	65	PL320					Kênh 19/5	Kênh 19/5	3.474		1196605	595306	Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1193930	593091	Bình Hưng Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
403	7	65	PL321					Rạch Bàu Trâu	Rạch Bàu Trâu	1.265		1189859	596450	Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1190285	595410	Phú Lâm, TP. Hồ Chí Minh	
404	7	65	52					Kênh Nước Đen	Sông Sài Gòn	1.035		1193672	596034	Tân Sơn Nhì, TP. Hồ Chí Minh	1193340	595300	Phú Thọ Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
405	7	65	PL238					Rạch trước Trường Bình Lợi Trung	Rạch trước Trường Bình Lợi Trung	416		1197508	603795	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1197488	604192	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	
406	7	65	PL239					Rạch Cầu Cả Bốn	Rạch Cầu Cả Bốn	2.246		1200389	601024	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1202415	601457	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
407	7	65	PL240					Rạch Cụt	Rạch Cụt	381		1199582	601496	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1199744	601833	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
408	7	65	37					Rạch Cụt	Sông Sài Gòn	268		1200348	598816	An Hội Tây, TP. Hồ	1200550	598688	An Hội Tây, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
409	7	65	43					Q12.Rạch Bến Cát.14	Sông Sài Gòn	338		1198934	602765	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1198814	602459	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
410	7	65	42					Rạch Ụ Sáu Trình	Sông Sài Gòn	649		1199141	603049	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1199139	602460	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
411	7	65	PL265					Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè	Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè	4.913		1192993	605268	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	1193570	601715	Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh	
412	7	65	PL266					Rạch Cầu Làng	Rạch Cầu Làng	425		1197130	608718	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1197158	609140	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
413	7	65	PL267					Rạch Cầu Làng	Rạch Cầu Làng	1.08		1199469	606910	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1199639	607906	Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh	
414	7	65	PL268					Rạch Lăng 1	Rạch Lăng 1	190		1196888	603563	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1197073	603532	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	
415	7	65	48					QBTH.ThiNghe.N1.PN1	Sông Sài Gòn	326		1193742	605356	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ	1193815	605173	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
416	7	PL07	PL88					Kênh C	Sông Bến Lức	7.51		1190076	589851	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1183738	589243	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
417	7	65	52	1				Kênh Nước Đen	Kênh Nước Đen	1.447		1193340	595300	Phú Thọ Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1193203	594019	Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh	
418	7	PL07	33					BT.Rạch Nước Lên.6	Sông Bến Lức	444		1186594	592053	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186984	592169	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
419	7	PL07	29					BT.Rạch Nước Lên.3	Sông Bến Lức	282		1186072	593677	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1186186	593477	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
420	7	PL05	3	18	PL01	3	1	Kênh C9 (kênh 4)	Kênh Xáng Lớn	1.999		1188406	588315	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1187929	590255	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
421	7	PL07	24					BT.Rạch Nước Lên.1	Sông Bến Lức	564		1185000	594534	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1184858	593988	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
422	7	PL05	3	18	PL01	3	PL02	BT.Kênh 4.1	Kênh Xáng Lớn	967		1188314	588683	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1187407	588351	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
423	7	PL07	39					BT.Rạch Hương Nhan.3	Sông Bến Lức	1.275		1187204	591856	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186145	591747	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
424	7	PL05	3	19				BC.Kênh C.1	Kênh Xáng Lớn	7.196		1190056	589851	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1193245	583403	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
425	7	65	65					Rạch Nước Lên	Sông Sài Gòn	1.089		1191068	590110	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1191213	589353	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
426	7	65	50					HM.K.Thanh Long.1	Sông Sài Gòn	3.420		1197349	592879	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	1198681	590242	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	
427	7	65	PL264					Đoạn Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (từ cầu Lê Văn Sỹ đến út Tịch)	Đoạn Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (từ cầu Lê Văn Sỹ đến Út Tịch)	3.755		1193570	601715	Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh	1193748	599224	Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	
428	7	65	PL323					Kênh Tân Hoá đoạn 2	Kênh Tân Hoá đoạn 2	689		1189860	596463	Phú Lâm, TP. Hồ Chí Minh	1189450	596793	Phú Lâm, TP. Hồ Chí Minh	
429	7	65	PL324					Rạch Lò Gốm - Ông Buông	Rạch Lò Gốm - Ông Buông	2.712		1189450	596793	Phú Lâm, TP. Hồ Chí Minh	1187160	596520	Bình Phú, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
430	7	PL07	PL72					Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm	8.802		1189086	601991	Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh	1184704	595449	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
431	7	PL07	PL73					Kênh Ụ Cây	Kênh Ụ Cây	1.226		1188865	600400	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188216	599515	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
432	7	PL07	PL74					Kênh Ngang số 3	Kênh Ngang số 3	411		1186189	596144	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1186014	596516	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
433	7	PL07	PL75					Rạch Bà Tàng - Cầu Sập	Rạch Bà Tàng - Cầu Sập	4.573		1182816	595347	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1186916	597184	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
434	7	PL07	PL76					Rạch Ông Nhỏ	Rạch Ông Nhỏ	1.968		1188461	601320	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188007	602792	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
435	7	PL07	PL02					Rạch Ông Bé	Sông Bến Lức	438		1188475	601320	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188789	601549	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
436	7	65	PL241					Sông Trường Đai nhánh 1	Sông Trường Đai	364		1201019	598231	An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	1200687	598335	An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	
437	7	65	PL242					Sông Trường Đai nhánh 2	Sông Trường Đai nhánh 1	678		1200966	598261	An Hội Tây, TP. Hồ	1200393	597995	An Hội Tây, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
438	7	65	PL243					Rạch Bà Miêng (đoạn 1)	Rạch Bà Miêng (đoạn 1)	1.33		1199965	601092	Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	1198904	600455	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	
439	7	65	PL244					Rạch Bà Miêng (đoạn 2)	Rạch Bà Miêng (đoạn 2)	323		1199965	601093	Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	1200252	601028	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	
440	7	65	PL269					Rạch Lăng đoạn 2	Rạch Lăng đoạn 2	956		1197003	604037	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1196537	603532	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	
441	7	65	PL270					Rạch Lăng đoạn 1	Rạch Lăng đoạn 1	905		1196321	604204	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1196537	603532	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	
442	7	65	PL271					Kênh Thanh Đa	Kênh Thanh Đa	1.482		1196843	605145	Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	1195632	605965	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
443	7	65	PL272					Rạch Cầu Sơn đoạn 2	Rạch Cầu Sơn đoạn 2	407		1195124	604939	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1195121	604581	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
444	7	65	PL2 73					Rạch Cầu Sơn đoạn 1	Rạch Cầu Sơn đoạn 1	179		1195124	604939	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1195240	604991	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	
445	7	65	PL2 74					Rạch Bà Láng đoạn 2	Rạch Bà Láng đoạn 2	688		1194871	603993	Gia Định, TP. Hồ Chí Minh	1195121	604581	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
446	7	65	PL2 75					Rạch Văn Thánh đoạn 3	Rạch Văn Thánh đoạn 3	588		1193640	605169	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	1194141	605066	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	
447	7	65	PL2 76					Rạch Văn Thánh đoạn 2	Rạch Văn Thánh đoạn 2	677		1194141	605066	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	1194563	605472	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	
448	7	65	PL2 77					Rạch Tam Vàm Tắc	Rạch Tam Vàm Tắc	516		1196648	604586	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1196321	604204	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
449	7	65	PL278					Rạch Bà Láng đoạn 1	Rạch Bà Láng đoạn 1	337		1195433	604516	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1195121	604581	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
450	7	PL07	PL89					Kênh Nội Đồng	Kênh Nội Đồng (cặp hẻm 130 đường Lê Tấn Bê)	152		1185074	593306	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1185017	593183	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
451	7	PL07	PL90					Kênh Lương Bèo	Kênh Lương Bèo	1.855		1189143	593243	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1188761	591427	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
452	7	PL07	PL91					Rạch Ông Búp	Rạch Ông Búp	2.370		1190191	593310	Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh	1189744	591435	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
453	7	PL07	PL92					Kênh Liên Xã	Kênh Liên Xã	1.947		1190036	595198	Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh	1190191	593306	Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh	
454	7	PL07	PL93					Kênh Nước Đen	Kênh Nước Đen	1.393		1193603	592872	Bình Hưng Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1193203	594019	Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
455	7	PL07	PL94					Kênh Nội Đồng	Kênh Nội Đồng	586		1190252	589835	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	1190498	589304	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	
456	7	PL07	37					Sông Dập	Sông Bến Lức	532		1186952	590569	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1187325	590224	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
457	7	PL07	54					Rạch Cù Lao Nguyễn Kiệu	Rạch Cù Lao Nguyễn Kiệu	279		1189483	602483	Vĩnh Hội, TP. Hồ Chí Minh	1189228	602592	Vĩnh Hội, TP. Hồ Chí Minh	
458	7	PL07	PL124					Kênh Hàng Bàng	Kênh Hàng Bàng	387		1188713	598968	Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh	1188816	598670	Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh	
459	7	65	PL325					Rạch Hàng Bàng đoạn 3	Sông Sài Gòn	228		1188584	597197	Bình Tây, TP. Hồ Chí Minh	1188616	597423	Bình Tây, TP. Hồ Chí Minh	
460	7	65	PL326					Rạch Hàng Bàng đoạn 2	Rạch Hàng Bàng đoạn 2	458		1188814	598642	Bình Tây, TP. Hồ Chí Minh	1188738	598191	Bình Tây, TP. Hồ Chí Minh	
461	7	65	PL327					Rạch Ruột Ngựa đoạn 2	Rạch Ruột Ngựa đoạn 2	838		1187128	596521	Bình Phú, TP. Hồ Chí Minh	1186724	595787	Bình Phú, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
462	7	PL07	PL77					Kênh Ngang số 1	Kênh Ngang số 1	401		1188247	598341	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1187910	598559	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
463	7	PL07	PL78					Kênh Ngang số 2	Kênh Ngang số 2	411		1187644	597357	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1187294	597572	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
464	7	PL07	PL79					Rạch Lào	Rạch Lào	476		1186887	596998	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1187018	596543	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
465	7	PL07	PL80					Rạch Du	Rạch Du	819		1188462	601310	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187995	600782	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
466	7	PL07	PL81					Rạch Ông Nhỏ nhánh 2	Rạch Ông Nhỏ nhánh 2	89		1188224	601609	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188172	601555	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
467	7	PL07	PL82					Rạch Ông Lớn nhánh 5	Rạch Ông Lớn nhánh 5	324		1188314	602514	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188205	602794	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
468	7	PL07	PL83					Rạch Nhỏ (Bà Lựu nối dài)	Rạch Nhỏ (Bà Lựu nối dài)	731		1185204	594870	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1185298	595558	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
469	7	PL07	PL84					Rạch thoát nước ranh quận Bình Tân - Quận 8	Rạch thoát nước ranh quận Bình Tân - Quận 8	788		1184629	593234	Phú Định, TP. Hồ	1184841	593992	Phú Định, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
470	7	PL07	PL85					Rạch Ruột Ngựa (nhánh 1)	Rạch Ruột Ngựa (nhánh 1)	131		1186477	595714	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1186523	595599	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
471	7	PL07	PL86					Rạch Ông Nhỏ nhánh 3	Rạch Ông Nhỏ nhánh 3	93		1188393	601420	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188317	601368	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
472	7	PL07	PL87					Rạch Cầu Đồn	Rạch Cầu Đồn	668		1186604	597275	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1186835	597669	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
473	7	PL07	52	PL01				Q8.Sông Bến Lức.1	Sông Bến Lức	788		1183249	594341	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1184036	594302	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
474	7	PL07	52	PL02				Q8.Sông Bến Lức.2	Sông Bến Lức	769		1183237	594282	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1183965	594035	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
475	7	PL07	52	PL03				Q8.Sông Bến Lức.3	Sông Bến Lức	664		1183113	593788	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1183776	593749	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
476	7	PL07	PL12	PL01	PL01			Q8.Kênh Đôi.1.N1.PN2	Q8.Kênh Đôi.1.N1	956		1184045	595675	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1183142	595417	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
477	7	PL07	52					Q8.Sông Cần Giuộc.1.N1	Sông Bến Lức	2.116		1183310	593016	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1184334	594690	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
478	7	PL07	PL12	PL01				Q8.Kênh Đôi.1.N1	Sông Bến Lức	394		1183525	595435	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1183709	595087	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
479	7	PL07	PL12	PL01	PL02			Q8.Kênh Đôi.1.N1.PN1	Q8.Kênh Đôi.1.N1	571		1184182	595425	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1183670	595172	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
480	7	PL07	PL60					Q8.Rạch Bà Lớn.1	Sông Bến Lức	807		1186793	598141	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1186476	597417	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
481	7	PL07	PL61					Q8.Rạch Su.1	Sông Bến Lức	530		1186928	598667	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1186778	598164	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
482	7	PL07	22					Q8.Rạch Nhỏ.1	Sông Bến Lức	438		1184808	595068	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1185219	595026	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
483	7	PL07	25					Q8.Rạch Nước Lên.1	Sông Bến Lức	598		1184007	593247	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1184510	593313	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
484	7	PL07	20					Q8.Kênh Tàu Hũ.1	Sông Bến Lức	237		1186513	595435	Phú Định, TP. Hồ	1186524	595599	Phú Định, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
485	7	PL07	21					Rạch Bà Dơi	Sông Bến Lức	590		1185773	595039	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	1185723	595601	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
486	7	65	PL329					Rạch Đầm Sen	Rạch Đầm Sen	624		1190400	597000	Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh	1190046	596622	Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh	
487	7	65	PL260					Kênh A41	Sông Sài Gòn	829		1195363	599497	Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	1194829	599721	Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	
488	7	65	PL261					Rạch nhánh 1 đường Cộng Hoà	Rạch nhánh 1 đường Cộng Hoà	501		1194655	599051	Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	1195007	599362	Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	
489	7	65	PL262					Rạch nhánh 2 đường Cộng Hoà	Rạch nhánh 2 đường Cộng Hoà	292		1194791	599223	Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	1195062	599178	Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	
490	7	65	PL263					Kênh Tân Trụ	Kênh Tân Trụ	1.130		1196593	596319	Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1197263	597051	Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
491	7	65	44					Kênh Hi Vọng	Sông Sài Gòn	1.837		1197357	599360	Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1196742	597641	Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
492	7	65	44	PL 01				QBTH.SVamThuat.13.N20.PN1	Kênh Hi Vọng	1.625		1197949	599382	Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1197265	599352	Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
493	7	65	51					QBTH.SVamThuat.13.N21	Sông Sài Gòn	3.010		1195421	594298	Bình Hưng Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1194864	593842	Bình Hưng Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
494	7	65	51	1				QBTH.SVamThuat.13.N22	QBTH.SVamThuat.13.N21	1.033		1194720	595059	Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1195366	594253	Bình Hưng Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
495	7	65	PL245					Rạch Khu phố 8. phường 15	Rạch khu phố 8. phường 15	300		1200501	600519	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200775	600581	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	
496	7	65	PL246					Rạch Chùa Chiêm Phước	Rạch Chùa Chiêm Phước	343		1200437	600460	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200298	600179	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
497	7	65	PL247					Rạch Bà Miêng nhánh 1	Rạch Bà Miêng nhánh 1	380		1200119	601012	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200026	600663	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	
498	7	65	PL248					Rạch Phạm Văn Chiêu	Rạch Phạm Văn Chiêu	81		1199793	597219	An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	1199852	597163	An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	
499	7	65	PL249					Rạch Ông Bàu nhỏnh 1	Rạch Ông Bàu nhánh 1	128		1197786	602716	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1197683	602700	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
500	7	65	PL250					Rạch Ông Bàu	Rạch Ông Bàu	526		1197864	602793	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1197785	602430	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
501	7	65	PL251					Rạch Chín Xiểng	Rạch Chín Xiểng	732		1197571	602914	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1197394	603287	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
502	7	65	PL252					Rạch Làng Lớn	Rạch Làng Lớn	347		1197443	602831	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1197743	602887	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
503	7	65	PL253					Rạch Cầu Cụt nhánh 1	Rạch Cầu Cụt nhánh 1	167		1200402	598648	An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	1200561	598694	An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	
504	7	65	PL254					Rạch Ông Tổng nhánh 3	Rạch Ông Tổng nhánh 3	126		1198749	602028	An Nhơn,	1198861	601973	An Nhơn,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
505	7	65	PL2 55					Rạch Ông Tổng	Rạch Ông Tổng	1.371		1199123	602452	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1199069	601658	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
506	7	65	PL2 56					Rạch Ông Tổng nhánh 1	Rạch Ông Tổng nhánh 1	403		1198955	602077	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1198793	601771	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
507	7	65	PL2 57					Rạch Ông Tổng nhánh 2	Rạch Ông Tổng nhánh 2	81		1198729	601821	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1198788	601868	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
508	7	65	PL2 58					Rạch Dừa (đoạn mương hở)	Rạch Dừa (đoạn mương hở)	721		1198795	602460	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	1198311	601978	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
509	7	65	PL2 79					Rạch hẻm 332 Phan Văn Trị	Rạch hẻm 332 Phan Văn Trị	28		1196706	603416	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1196707	603444	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	
510	7	65	PL2 80					Rạch Băng Ky	Rạch Băng Ky	37		1196547	603482	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1196535	603517	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
511	7	65	PL2 81					Văn Thánh Nhánh đoạn 2	Văn Thánh Nhánh đoạn 2	38		1196438	603552	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1196462	603580	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
512	7	65	PL2 82					Rạch nhánh rạch Lăng	Rạch nhánh rạch Lăng	171		1196631	604138	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1196519	604045	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	
513	7	65	PL2 83					Rạch hẻm 290 Nơ Trang Long	Rạch hẻm 290 Nơ Trang Long	127		1196271	603753	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1196391	603730	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
514	7	65	PL2 84					Sông Bình Lợi	Sông Bình Lợi	411		1197039	604680	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1196648	604586	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	
515	7	65	PL2 85					Sông Bình Triệu (Hữu Tắc)	Sông Bình Triệu (Hữu Tắc)	810		1196723	605078	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1196648	604586	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	
516	7	65	PL2 86					Rạch nhánh Sông Bình Triệu	Rạch nhánh Sông Bình Triệu	28		1196333	604788	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1196350	604808	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
517	7	65	PL2 87					Rạch Bà Láng đoạn 3	Rạch Bà Láng đoạn 3	672		1196321	604204	Bình Lợi	1195707	604115	Bình Thạnh,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Trung, TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
518	7	65	PL2 88					Rạch Tăng Kỳ Bắc	Rạch Tăng Kỳ Bắc	336		1195562	604008	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1195615	604152	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
519	7	65	PL2 89					Rạch nhánh rạch Lăng (Rạch Lá)	Rạch nhánh rạch Lăng (Rạch Lá)	262		1195978	604156	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1196044	604376	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
520	7	65	PL2 90					Rạch Văn Thánh đoạn 4	Rạch Văn Thánh đoạn 4	486		1193184	605047	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	1193640	605169	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	
521	7	65	PL2 91					Rạch Ung Văn Khiêm	Rạch Ung Văn Khiêm	87		1195220	605959	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	1195259	606037	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	
522	7	65	PL2 92					Rạch Văn Thánh đoạn 1	Rạch Văn Thánh đoạn 1	375		1194563	605472	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	1194896	605643	Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
523	7	65	PL293					Rạch Chài	Rạch Chài	348		1195899	608481	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1195572	608368	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
524	7	65	PL294					Rạch Cây Bàng	Rạch Cây Bàng	638		1196222	608656	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1195894	609083	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
525	7	65	PL295					Rạch Cống Hai Xanh	Rạch Cống Hai Xanh	139		1196606	608995	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1196588	609133	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
526	7	65	PL296					Rạch Cống Ba Lùn	Rạch Cống Ba Lùn	451		1196488	608712	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1196430	609159	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
527	7	65	PL297					Nhánh rạch Chùa	Nhánh rạch Chùa	152		1196549	607899	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1196397	607894	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
528	7	65	PL298					Rạch Ông Ngữ nhánh 2	Rạch Ông Ngữ nhánh 2	212		1196627	607832	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1196767	607680	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
529	7	65	PL299					Rạch Tư Chanh	Rạch Tư Chanh	111		1196477	607754	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1196480	607643	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
530	7	65	PL300					Rạch Chùa	Rạch Chùa	699		1196459	608365	Bình Quới,	1196306	607705	Bình Quới,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
531	7	65	PL3 01					Rạch Ông Ngữ	Rạch Ông Ngữ	1.411		1196750	608539	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1196679	607499	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
532	7	65	PL3 02					Rạch Ông Ngữ nhánh 1	Rạch Ông Ngữ nhánh 1	449		1196754	607605	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1197103	607326	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
533	7	65	PL3 03					Rạch Ông Ngữ nhánh 3	Rạch Ông Ngữ nhánh 3	348		1196914	607696	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1197091	607451	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
534	7	65	PL3 04					Rạch Ông Ngữ nhánh 5	Rạch Ông Ngữ nhánh 5	272		1196901	608151	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1197147	608170	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
535	7	65	PL3 05					Nhánh rạch Cầu Cống Đoạn 4	Nhánh rạch Cầu Cống Đoạn 4	230		1197164	607987	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1197266	608171	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
536	7	65	PL3 06					Rạch Ông Ngữ nhánh 6	Rạch Ông Ngữ nhánh 6	221		1196712	608327	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1196826	608152	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
537	7	65	PL3 07					Rạch Cầu Cống Đoạn 4	Rạch Cầu Cống Đoạn 4	871		1197266	608171	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1197821	608472	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
538	7	65	PL308					Rạch Cầu Cống Đoạn 1	Rạch Cầu Cống Đoạn 1	661		1197522	607889	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1197861	608286	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
539	7	65	PL309					Rạch Sở Nhật	Rạch Sở Nhật	441		1197866	608166	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1198268	608335	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
540	7	65	PL310					Rạch Cầu Cống Đoạn 2	Rạch Cầu Cống Đoạn 2	754		1197917	608997	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1197861	608286	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
541	7	65	PL311					Rạch Tổ dân phố 23 Khu phố 2	Rạch Tổ dân phố 23 Khu phố 2	253		1197425	608911	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1197457	609162	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
542	7	65	PL312					Rạch Cầu Bông	Rạch Cầu Bông	1.601		1193849	603471	Gia Định, TP. Hồ Chí Minh	1194882	603992	Gia Định, TP. Hồ Chí Minh	
543	7	65	PL313					Rạch Lăng Nhánh 1	Rạch Lăng Nhánh 1	131		1196758	603572	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	1196888	603563	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	
544	7	65	PL314					Rạch Bà Láng đoạn 4	Rạch Bà Láng đoạn 4	582		1195707	604115	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1195433	604516	Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
545	7	65	45					QBTh.Rạch Lăng.2	Sông Sài Gòn	732		1196264	603725	Bình Thạnh,	1195943	604128	Bình Thạnh,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
546	7	65	46					QBTH.KênhThi Nghe.N4	Sông Sài Gòn	576		1194371	603555	Gia Định, TP. Hồ Chí Minh	1193821	603404	Gia Định, TP. Hồ Chí Minh	
547	7	65	47					QBTh.Kênh Thị Nghè.1	Sông Sài Gòn	802		1194263	604653	Gia Định, TP. Hồ Chí Minh	1193669	604286	Gia Định, TP. Hồ Chí Minh	
548	7	65	49					QBTH.SaiGon.19	Sông Sài Gòn	301		1195975	608084	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	1195775	607860	Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	
549	7	PL07	PL95					Kênh Hãng Giấy	Kênh Hãng Giấy	264		1186185	593502	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1186242	593246	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
550	7	PL07	PL96					Kênh Hai Nghiệp	Kênh Hai Nghiệp	155		1185597	593367	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1185556	593222	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
551	7	PL07	PL97					Kênh Mười Xà	Kênh Mười Xà	728		1185996	593895	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1185901	593177	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
552	7	PL07	PL98					Rạch Năm Thang	Sông Bến Lức	90		1186511	592886	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186577	592945	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
553	7	PL07	PL99					Rạch Hai Lớn	Sông Bến Lức	128		1186470	592708	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186578	592776	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
554	7	PL07	PL100					Kênh T10	Kênh T10	1.046		1186172	592815	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186506	591824	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
555	7	PL07	PL101					Sông Đập	Sông Đập	2.628		1188890	591307	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1187016	589934	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
556	7	PL07	PL102					Rạch Bà Tiếng	Rạch Bà Tiếng	2.439		1188187	594430	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1186437	593168	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
557	7	PL07	PL103					Rạch Bà Tiếng nhánh 2	Sông Bến Lức	496		1186893	593601	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1187356	593464	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
558	7	PL07	PL104					Rạch Bà Tiếng nhánh 1	Sông Bến Lức	598		1187199	593160	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1186690	593472	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
559	7	PL07	PL105					Rạch Khu phố 3-4 (Nhánh 1)	Sông Bến Lức	328		1186905	594458	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1186581	594508	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
560	7	PL07	PL106					Rạch Khu phố 3-4 (Nhánh 2)	Sông Bến Lức	136		1186449	594527	An Lạc, TP. Hồ	1186583	594507	An Lạc, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
561	7	PL07	PL107					Rạch Khu phố 3-4	Sông Bến Lức	543		1186671	594886	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1186555	594360	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
562	7	PL07	PL108					Rạch Nhảy	Rạch Nhảy	716		1187181	595082	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1186674	594895	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
563	7	PL07	PL109					Nhánh 2 Rạch Nhảy	Nhánh 2 Rạch Nhảy	184		1187136	594906	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1187318	594888	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
564	7	PL07	PL110					Rạch Ruột Ngựa nhánh 1	Sông Bến Lức	354		1187096	594763	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1187179	594780	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
565	7	PL07	PL111					Sông Chùa 2 (Sông Kinh)	Sông Chùa 2 (Sông Kinh)	1.759		1190051	589860	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1189000	591265	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
566	7	PL07	PL112					Sông Chùa 1	Sông Chùa 1	784		1190265	589916	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	1190038	590645	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	
567	7	PL07	PL113					Rạch Đuôi Trâu	Rạch Đuôi Trâu	1.186		1189909	590933	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	1191070	590765	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
568	7	PL07	PL114					Rạch thoát nước cặp hẻm 4430 NCP	Sông Bến Lức	93		1189616	591300	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1189611	591392	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
569	7	PL07	PL115					Kênh Liên ấp (Nhánh ông Búp)	Kênh Liên Ấp (nhánh Ông Búp)	753		1190234	592357	Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh	1190595	591750	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
570	7	PL07	PL116					Kênh Tẻ	Kênh Tẻ (phường Tân Tạo)	1.063		1189756	592266	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1189586	593273	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
571	7	PL07	PL117					Mương thoát nước liên khu 3-4-10-11-12	Sông Bến Lức	68		1190575	595211	Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh	1190559	595277	Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh	
572	7	PL07	PL118					Nhánh Sông Kinh (cặp hẻm 1687 TL10)	Nhánh Sông Kinh (cặp hẻm 1687 Tỉnh lộ 10)	110		1189810	590215	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1189904	590272	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
573	7	PL07	PL119					Nhánh Kênh 5	Nhánh kênh 5	519		1187401	590200	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1187275	590703	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
574	7	PL07	PL120					Nhánh Kênh 4	Nhánh kênh 4	600		1187932	590265	Tân Tạo, TP. Hồ	1187782	590846	Tân Tạo, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
575	7	PL07	PL121					Nhánh Kênh 3	Nhánh kênh 3	196		1188322	590774	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1188277	590965	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
576	7	PL07	PL122					Rạch Lương Sầm	Rạch Lương Sầm	699		1190012	589927	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1189473	589489	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
577	7	PL07	PL123					Rạch Nhảy	Rạch Nhảy	1.462		1186760	595798	Bình Phú, TP. Hồ Chí Minh	1187179	595086	Bình Phú, TP. Hồ Chí Minh	
578	7	PL07	30					Rạch Bà Tiếng nhánh 2	Sông Bến Lức	847		1187356	593461	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1188055	593342	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
579	7	PL07	31					Rạch Bà Tiếng nhánh 1	Sông Bến Lức	536		1187646	592975	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1187190	593154	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
580	7	PL07	32					BT.Rạch Nước Lên.5	Sông Bến Lức	674		1186529	592847	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186818	592538	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
581	7	PL05	3	18	PL01	4	1	Kênh C11 (kênh 5)	Kênh Xáng Lớn	1.977		1187896	588277	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1187407	590193	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
582	7	PL05	3	18	PL 01	1	PL0 7	Kênh C3 (kênh 1)	Kênh Xáng Lớn	1.512		1189170	590782	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1189519	589312	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
583	7	PL07	36					BT.Rạch Cái Trung.1	Sông Bến Lức	896		1186563	591649	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186846	590799	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
584	7	PL05	3	18	PL 01	PL0 2	1	Kênh C5 (kênh 2)	Kênh Xáng Lớn	2.256		1189209	588853	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1188728	591057	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
585	7	PL05	3	18	PL 01	2	1	Kênh C7 (kênh 3)	Kênh Xáng Lớn	2.359		1188902	588475	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1188312	590759	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
586	7	PL07	35					BT.Rạch Cái Trung.2	Sông Bến Lức	1.27		1187076	590727	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186970	591879	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
587	7	PL07	34					Kênh 4	Sông Bến Lức	913		1187696	591045	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1187467	591882	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
588	7	PL07	32	PL 01				BT.Rạch Nước Lên.4	Sông Bến Lức	449		1186078	592471	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186464	592699	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
589	7	PL05	3	18	PL 01	2	2	BT.kênh 3.1	Kênh Xáng Lớn	526		1188841	588656	Tân Tạo, TP. Hồ	1188316	588674	Tân Tạo, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
590	7	PL07	27					BT.Rạch Nước Lên.2.N2	Sông Bến Lức	1.203		1185795	594479	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1186893	593988	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
591	7	PL07	26					BT.Rạch Nước Lên.2	Sông Bến Lức	1.078		1186136	594961	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1186001	593893	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
592	7	PL07	28					BT.Rạch Nước Lên.2.N1	Sông Bến Lức	859		1186551	594361	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	1185950	594015	An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	
593	7	65	66					BC.Sông Chùa.4	Sông Sài Gòn	506		1190998	590065	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	1190722	589708	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	
594	7	PL05	3	18	3			Kênh T14 (Rạch Suối Reo)	Kênh Xáng Lớn	4.458		1190243	589858	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	1192988	587678	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
595	7	65	PL315					Sông Tắc	Sông Tắc	979		1186348	591810	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1187188	592035	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
596	7	PL08	PL14	4				Rạch Rõng Trầu	Rạch Bà Phước	2.361		1211715	590545	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1213117	588762	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
597	7	PL08	PL35					Nhánh Rạch Tra 20	Rạch Tra	1.108		1207713	590793	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1208743	590386	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
598	7	PL08	13					Kênh TC2A	Kênh Xáng - Thầy Cai	3.289		1211919	580320	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1209158	578628	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
599	7	65	PL26	PL10	3			CC.Kênh Đức Lập.2	Rạch Láng The	8.985		1227331	582022	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1225500	573905	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
600	7	PL08	PL28					HM.Kênh Rạch Tra.1	Rạch Tra	539		1207310	593966	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1206816	594145	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
601	7	PL08	PL28	PL01				HM.Kênh Rạch Tra.1	HM.Kênh Rạch Tra.1	287		1206947	594106	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1207196	594210	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
602	7	PL08	PL27					HM.Rạch Bà May.1	Rạch Tra	443		1207325	596457	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1206906	596581	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
603	7	65	PL49	1				Rạch Hàng Mợp	Rạch Hàng Mợp	1.673		1212754	596954	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213409	595415	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
604	7	65	PL49					Rạch Hàng Mợp	Rạch Hàng Mợp	3.343		1214256	595718	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1211073	595534	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
605	7	65	PL59	PL08	PL01			Rạch Rỏng Gọn	Rạch Dứa	1.352		1210129	595036	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210850	594026	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
606	7	65	PL59	PL07				Rạch Đứng	Rạch Dứa	4.638		1211073	595534	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1209512	593158	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
607	7	PL08	10	1				CC.Kênh Thầy Cai.4.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	964		1211541	577294	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1212181	576574	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
608	7	PL08	10	PL01				CC.Kênh Thầy Cai.4.N2	Kênh Xáng - Thầy Cai	963		1212455	576783	Tân An Hội, TP. Hồ	1211874	577551	Tân An Hội, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
609	7	65	PL04					Rạch Bà Phước	Sông Sài Gòn	1.906		1232402	580899	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1231101	579968	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
610	7	65	PL12					Rạch Cầu Đen	Sông Sài Gòn	3.007		1227781	583520	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1228421	580896	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
611	7	65	PL16	PL04	1			CC.Rạch Sơn.4.N1	Rạch Sơn	2.764		1223487	579742	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1221043	580759	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
612	7	65	PL26	PL10	2			CC.Rạch Sơn.4.N1.PL1	Rạch Láng The	2.264		1221192	580621	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1220106	578742	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
613	7	65	PL26	PL10	1			CC.Rạch Sơn.5	Rạch Láng The	2.666		1220746	581306	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1219522	579113	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
614	7	65	PL26	PL10	6			CC.Kênh Đức Lập.1	Rạch Láng The	2.813		1229182	575560	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1227500	575905	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
615	7	65	PL26	PL03				Rỗng Bến Lội	Rạch Láng The	601		1219850	590319	Bình Mỹ,	1219479	590091	Phú Hòa	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
616	7	65	PL26					Rạch Láng The - Bến Mương	Sông Sài Gòn	11.076		1220778	590768	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1217351	583468	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
617	7	65	PL26	9				CC.Rạch Láng The.17	Rạch Láng The	775		1216878	584191	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1217256	583598	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
618	7	65	PL26	2				CC.Rạch Láng The.7	Rạch Láng The	379		1219363	590610	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219165	590340	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
619	7	65	PL26	1				Rạch Lùn	Rạch Láng The	673		1219505	590973	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219659	590489	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
620	7	65	PL39	PL02				Rạch Bùng Binh	Rạch Bàu Nhum	1.607		1217624	591278	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1218662	590279	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
621	7	65	PL39	PL03				CC.Rạch Kè.2	Rạch Bàu Nhum	2.401		1217315	591119	Bình Mỹ, TP. Hồ	1216943	589176	Phú Hòa Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
622	7	65	PL39	PL04	1			CC.Rạch Láng The.11	Rạch Bàu Nhum	1.954		1216615	589348	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1218160	589264	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
623	7	65	PL26	4	PL02			Kênh Lò Gạch	Rỗng Năng	1.194		1217225	589035	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1216570	588184	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
624	7	65	PL26	4				Rỗng Năng	Rạch Láng The	1.144		1217037	589123	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1218068	588639	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
625	7	65	PL45	PL01	1			Rạch Cầu Bà Nga	Sông Lu	2.04		1214909	593077	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216262	592962	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
626	7	65	PL49	PL01	PL01			Kênh Tiêu KCN Tân Qui	Rạch Hàng Mợp	3.383		1213755	593921	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214431	590957	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
627	7	65	PL49	2				Rạch Bầu Sinh	Rạch Hàng Mợp	1.459		1211988	596305	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212861	595231	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
628	7	65	PL59					Rạch Dứa	Rạch Dứa	3.967		1213357	598034	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1211028	595490	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
629	7	65	PL59	PL08	PL02			CC.Rạch Chòm Sấu.3	Rạch Dứa	370		1209393	594542	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1209623	594279	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
630	7	PL08	25	PL03				CC.Rạch Dương Đa.1	Rạch Bà Phước	4.928		1209918	593061	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1209491	588713	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
631	7	PL08	25	PL02				Rạch Bàn Nông	Rạch Bà Phước	3.693		1210539	592347	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1210187	589006	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
632	7	PL08	PL14	5				Rỗng Nút	Kênh Địa Phận	898		1210072	591181	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1210093	590304	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
633	7	PL08	PL14	PL09				Kênh T2 (TPT)	Kênh Địa Phận	1.961		1211613	591080	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1210165	590273	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
634	7	PL08	25					Rạch Dương Đa	Rạch Bà Phước	7.614		1211264	589928	Phú Hòa	1207528	592603	Hóc Môn,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
635	7	PL08	PL14	3				Kênh T2	Kênh Địa Phận	1.726		1212009	587455	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1213270	588635	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
636	7	PL08	PL14	2				Kênh Bộ Đội Ấp 2A	Kênh Địa Phận	607		1213303	587028	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1213910	587044	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
637	7	65	PL26	7				CC.Rạch Láng The.18	Rạch Láng The	1.314		1214906	585248	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1216182	585477	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
638	7	PL08	32					Rạch Bà Môn	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.073		1208674	590695	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1207677	590987	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
639	7	PL08	23					Nhánh Rạch Tra 19	Rạch Tra	911		1208555	589826	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207701	590134	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
640	7	PL08	16	2				CC.Kênh 7.1	Kênh Xáng - Thầy Cai	3.219		1207552	584546	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207972	581355	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
641	7	PL08	PL10	PL01				CC.Kênh Xáng.18.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	962		1207886	583613	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207750	584566	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
642	7	PL08	PL07	1				Kênh Cũ	Kênh Xáng - Thầy Cai	4.496		1208548	582693	Củ Chi, TP. Hồ	1208724	580594	Tân An Hội, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
643	7	PL08	PL07	2				CC.Kênh 8.3	Kênh N46	581		1209688	581727	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1209932	581199	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
644	7	PL08	PL07					Kênh TC11	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.754		1208275	580363	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210717	581633	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
645	7	PL08	13	2				CC.Rạch ấp Thượng.1	Kênh N46	2.815		1209255	581835	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1210520	579321	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
646	7	PL08	8					Kênh TC12A	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.954		1214310	574471	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1212758	573284	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
647	7	PL08	PL03	PL01				CC.Kênh Thầy Cai.5.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.309		1212354	575487	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210942	577314	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
648	7	PL08	PL05	PL03				CC.Kênh Thầy Cai.1.N3	Kênh Xáng - Thầy Cai	5.895		1210574	576956	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1214118	572251	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
649	7	PL08	PL05	PL02				CC.Kênh Thầy Cai.1.N2	Kênh Xáng - Thầy Cai	5.824		1210437	576824	Tân An Hội, TP. Hồ	1213964	572192	Thái Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
650	7	PL08	PL05	PL01				CC.Kênh Thầy Cai.1.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	5.509		1210448	576465	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1213843	572132	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
651	7	PL08	4	PL02	1			CC.Kênh Nổi.5.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.733		1212849	574550	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1213702	573044	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
652	7	PL08	9	PL01				CC.Kênh Thầy Cai.6.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	916		1213171	574885	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1213723	574155	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
653	7	PL08	PL12					Kênh Trung Ương	Kênh N46	16.836		1207502	588637	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1216432	577015	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
654	7	PL08	4					Kênh Nổi	Kênh Xáng - Thầy Cai	11.84		1213762	577072	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1214482	566927	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
655	7	PL08	PL12	PL01	PL03			Kênh N38	Kênh N46	6.83		1218841	574243	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1215803	569034	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
656	7	PL08	8	PL 01				Suối Sâu	Kênh N46	6.303		1214310	574471	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1219543	572013	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
657	7	65	PL26	PL 10	PL 04			CC.Kênh Đức Lập.5	Rạch Láng The	2.132		1224496	576544	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1224400	574436	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
658	7	65	PL26	PL 10	PL 03			CC.Kênh Đức Lập.3	Rạch Láng The	3.801		1225286	577210	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1223725	575301	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
659	7	65	PL26	PL 10	PL 02			CC.Kênh Đức Lập.6	Rạch Láng The	2.054		1221701	578003	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1220222	577278	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
660	7	65	PL26	PL 09	1			CC.Kênh Bến Mương.1	Rạch Láng The	297		1217166	582696	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1217456	582739	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
661	7	65	PL26	PL 09	1	1		CC.Kênh Bến Mương.1.N1	Rạch Láng The	4.083		1217016	581958	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1215320	583873	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
662	7	65	PL26	PL 10				Kênh Đức Lập	Rạch Láng The	15.138		1217427	581957	Tân An Hội, TP. Hồ	1228551	575157	An Nhơn Tây,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
663	7	65	PL26	PL09				Kênh Bến Mương	Rạch Láng The	1.617		1217351	583468	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1217427	581957	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
664	7	PL08	PL12	PL01	1	PL01		CC.Kênh Đông.5	Kênh N31A	2.075		1218165	577699	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1216435	577019	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
665	7	PL08	PL12	PL01	1	PL02		CC.Kênh Đông.3	Kênh N31A	1.372		1217730	578156	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1216437	577773	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
666	7	PL08	PL12	PL01	1	PL03		CC.Kênh Đông.1.N2	Kênh N31A	1.499		1216441	579514	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1215486	578506	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
667	7	65	PL26	PL10	PL01	PL011		CC.Kênh Đông.2	Rạch Láng The	3.542		1218507	578242	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1218955	575086	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
668	7	PL08	PL12	PL01				Kênh Đông	Kênh Đông	10.997		1216434	577017	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1225762	573716	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
669	7	65	PL26	PL10	PL01			Kênh Quyết Thắng	Rạch Láng The	10.536		1218612	579282	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1225783	573678	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
670	7	PL08	PL14	PL07				Kênh Giòng Sao (Bàu Hươu)	Kênh Địa Phận	997		1210878	590411	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1211399	589619	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
671	7	PL08	PL12	PL01	1	PL04		Kênh Tiêu KP3	Kênh N31A	1.292		1213701	582722	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1214655	581856	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
672	7	PL08	PL12	PL01	1	PL01	PL01	Hệ thống Liêu Bình Hương	Kênh N31A	6.005		1209422	586857	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1213701	582722	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
673	7	PL08	PL12	PL01	PL01			Kênh N33	Kênh Đông	1.642		1220460	573630	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1220184	575236	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
674	7	PL08	PL12	PL01	1			Kênh N31A	Kênh N31A	11.132		1214655	581856	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1221295	573690	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
675	7	65	PL51					Nhánh Sông Sài Gòn 23	Sông Sài Gòn	1.74		1214110	596355	Bình Mỹ, TP. Hồ	1212519	595703	Bình Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
676	7	65	PL59	PL07	PL01			Rạch Dứa Nhỏ	Rạch Đứng	1.137		1210983	595442	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1211140	594471	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
677	7	65	PL59	PL07	PL02	PL01		CC.Ròng Dài.1	Rạch Dứa	327		1210853	594912	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1210641	594669	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
678	7	65	PL59	PL07	PL02			Rạch Rõng Dài	Rạch Đứng	1.296		1210678	595188	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1210722	594357	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
679	7	65	PL59	PL07	1			Rỗng Ông Mía	Rạch Dứa	1.137		1210506	593570	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1209812	594458	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
680	7	65	PL59	PL07	2			CC.Rạch Đứng.2	Rạch Dứa	701		1210028	593734	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1209580	594241	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
681	7	65	PL59	PL07	PL03	PL01		CC.Rạch Đứng.3.N1	Rạch Dứa	91		1209461	593836	Phú Hòa Đông,	1209537	593794	Phú Hòa Đông,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
682	7	65	PL59	PL07	PL03	PL02		CC.Rạch Đứng.3.N2	Rạch Dứa	316		1209359	593624	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1209069	593603	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
683	7	65	PL59	PL07	PL03			Rạch Lan Trung	Rạch Dứa	1.724		1209339	594030	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1209113	593416	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
684	7	65	PL49	1	PL01			CC.Rạch Cát.1	Rạch Hàng Mợp	249		1212800	596841	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212572	596740	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
685	7	65	18					Rạch Chùa	Sông Sài Gòn	2.1		1212215	596259	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214078	596760	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
686	7	65	PL50					CC.Sài Gòn.40	Sông Sài Gòn	361		1214223	595880	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213889	595752	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
687	7	65	PL52					Nhánh Sông Sài Gòn 24	Sông Sài Gòn	1.095		1214080	596544	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213329	596058	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
688	7	65	PL59	PL05				Rạch Bà Đề	Rạch Dứa	1.073		1212823	597270	Bình Mỹ, TP. Hồ	1213030	596372	Bình Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
689	7	65	PL62					Nhánh Sông Sài Gòn 39	Sông Sài Gòn	616		1212205	598124	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212040	597538	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
690	7	65	PL65					Nhánh Sông Sài Gòn 40	Sông Sài Gòn	548		1211387	598348	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1211426	597821	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
691	7	65	PL66					Nhánh Sông Sài Gòn 28	Sông Sài Gòn	2.02		1211107	598379	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210837	596538	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
692	7	65	PL67					Nhánh Sông Sài Gòn 29	Sông Sài Gòn	2.112		1210532	598343	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210768	596255	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
693	7	65	PL68					Nhánh Sông Sài Gòn 30	Sông Sài Gòn	1.336		1210390	598314	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210639	597008	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
694	7	65	PL69					CC.Sài Gòn.58	Sông Sài Gòn	226		1210244	598283	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210348	598093	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
695	7	65	PL70					Nhánh Sông Sài Gòn 31	Sông Sài Gòn	979		1210191	598269	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210462	597330	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
696	7	65	PL71					Nhánh Sông Sài Gòn 32	Sông Sài Gòn	2.171		1210043	598219	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210480	596112	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
697	7	65	PL72					Nhánh Sông Sài Gòn 33	Sông Sài Gòn	1.897		1209871	598163	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210298	596330	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
698	7	65	PL73					Nhánh Sông Sài Gòn 34	Sông Sài Gòn	2.009		1209729	598147	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210168	596204	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
699	7	65	PL74					Nhánh Sông Sài Gòn 35	Sông Sài Gòn	1.22		1209583	598138	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1209722	596932	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
700	7	PL08	PL24	1				CC.Kênh Xáng.5.N1	Rạch Tra	592		1208699	597644	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208507	597098	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
701	7	65	PL75					Nhánh Sông Sài Gòn 36	Sông Sài Gòn	1.325		1208955	598342	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1209341	597709	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
702	7	PL08	27					Nhánh Rạch Tra 10	Rạch Tra	874		1208494	597742	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1207727	597905	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
703	7	PL08	28					Nhánh Rạch Tra 9	Rạch Tra	934		1208133	598677	Bình Mỹ, TP. Hồ	1207726	598151	Bình Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
704	7	PL08	PL26					CC.Kênh Xáng.1	Rạch Tra	221		1207851	598694	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1207996	598541	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
705	7	PL08	PL24					Nhánh Rạch Tra 18	Rạch Tra	2.737		1207473	597326	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1209916	596637	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
706	7	PL08	PL24	PL01				CC.Kênh Xáng.5.N2	Rạch Tra	75		1209360	596887	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1209374	596960	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
707	7	65	PL26	PL08				CC.Rạch Láng The.15	Rạch Láng The	238		1216107	586562	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1216322	586461	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
708	7	PL08	25	PL03	2			CC.Rạch Dương Đa.1.N2	Rạch Bà Phước	469		1209507	591867	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1209953	591952	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
709	7	65	PL23	PL05	PL01			Rạch Tắc	Rạch Nàng Âm	96		1220851	589284	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1220756	589289	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
710	7	PL08	PL20	PL04	PL01			CC.Rạch Cầu Cũ.3	Rạch Tra	119		1208819	595333	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208926	595283	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
711	7	PL08	PL20	PL06	PL01			CC.Rạch Cầu Nhà Việc.4.N1	Rạch Tra	134		1209286	595411	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1209379	595314	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
712	7	PL08	PL20	PL03	PL01			CC.Rạch Cầu Cũ.2.N1	Rạch Tra	153		1208364	595232	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208411	595376	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
713	7	PL08	PL20	PL02				CC.Rạch Cầu Nhà Việc.2	Rạch Tra	165		1208261	595756	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208102	595751	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
714	7	65	PL75	PL01				CC.Sài Gòn.64.N1	Nhánh Sông Sài Gòn 36	116		1208631	597880	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208518	597906	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
715	7	PL08	28	PL01				CC.Kênh Xáng.2.N1	Rạch Tra	124		1208006	598147	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208109	598081	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
716	7	PL08	25	PL01				CC.Rạch Dương Đa.4	Rạch Bà Phước	233		1211632	591148	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1211821	591280	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
717	7	65	PL28					CC.Sài Gòn.19	Sông Sài Gòn	122		1220566	591608	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1220452	591649	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
718	7	PL08	PL20	PL06				Rạch Xóm Võng	Rạch Tra	532		1209131	595612	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1209117	595208	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
719	7	PL08	4	1	PL01			CC.Kênh Nổi.3.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	952		1213527	569885	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213644	570830	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
720	7	PL08	8	1				CC.Kênh 18.1	Kênh Xáng - Thầy Cai	692		1214204	573515	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213791	574070	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
721	7	PL08	PL03	PL02				CC.Kênh Thầy Cai.5.N2	Kênh Xáng - Thầy Cai	962		1212667	575733	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1212076	576492	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
722	7	PL08	10	2				CC.Kênh Thầy Cai.4.N3	Kênh Xáng - Thầy Cai	956		1213311	576233	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1212724	576987	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
723	7	PL08	PL12	1	PL01			CC.Kênh Trung Ương.1.N1	Kênh N46	1.072		1215905	577463	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1214863	577210	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
724	7	PL08	PL03	1				CC.Kênh Thầy Cai.5.N2	Kênh Xáng - Thầy Cai	963		1211920	576371	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1212506	575607	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
725	7	PL08	4	PL02	1	PL01		CC.Kênh Nổi.5.N1.PL1	Kênh Xáng - Thầy Cai	481		1213511	573392	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213866	573712	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
726	7	PL08	PL01	3				CC.Kênh Thầy Cai.8.N3	Kênh Xáng - Thầy Cai	720		1213972	568552	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213888	567837	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
727	7	PL08	PL01	2				CC.Kênh Thầy Cai.8.N2	Kênh Xáng - Thầy Cai	716		1213575	568594	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213493	567882	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
728	7	PL08	16	1				CC.Kênh 7.2	Kênh Xáng - Thầy Cai	821		1208297	580599	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207929	581333	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
729	7	65	PL01					Rạch Cốc	Sông Sài Gòn	576		1233902	576532	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1233698	577063	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
730	7	65	1					Nhánh Sông Sài Gòn 1a	Sông Sài Gòn	1.873		1232928	578099	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1233688	576465	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
731	7	65	245					Rạch Ông Cắn	Sông Sài Gòn	508		1233536	577928	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1233871	577942	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
732	7	65	16	PL 01				CC.Thê Thài.1	Rạch Thê Thài	475		1231855	579369	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1231498	579295	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
733	7	65	PL0 2					Kênh Trên	Sông Sài Gòn	1.238		1232235	579571	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1231101	579968	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
734	7	65	PL0 3					Rạch Ông Cơ	Sông Sài Gòn	780		1232450	580400	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1231704	580387	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
735	7	65	PL0 5					Kênh Hố Bò	Sông Sài Gòn	3.589		1231101	579968	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1227911	578476	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
736	7	65	PL06					Rạch Miêu	Sông Sài Gòn	667		1232111	581617	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1231793	581127	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
737	7	65	PL07					Nhánh Sông Sài Gòn 2	Sông Sài Gòn	1.26		1232063	581774	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1230965	581504	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
738	7	65	2					Rạch Bà Kỳ	Sông Sài Gòn	266		1231851	582214	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1232081	582081	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
739	7	65	PL08					Rạch Bọ Cạp	Sông Sài Gòn	2.324		1231779	582764	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1230081	582839	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
740	7	65	PL08	1				Nhánh Sông Sài Gòn 3	Rạch Bọ Cạp	919		1230961	583160	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1230529	582367	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
741	7	65	PL09					Nhánh Sông Sài Gòn 6	Sông Sài Gòn	630		1230479	583411	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1230163	582866	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
742	7	65	3	PL01				CC.Rạch Ông Lở.1	Rạch Ông Lở	940		1229892	583662	An Nhơn	1229745	582801	An Nhơn	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Tây, TP. Hồ Chí Minh			Tây, TP. Hồ Chí Minh	
743	7	65	3					Rạch Ông Lở	Sông Sài Gòn	1.9		1229776	582654	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1230134	583753	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
744	7	65	3	PL 02				CC.Rạch Ông Lở.2	Rạch Ông Lở	353		1229559	583489	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1229311	583693	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
745	7	65	PL10					Rạch Cây Xoài	Sông Sài Gòn	1.24		1229189	584734	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1228832	583958	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
746	7	65	PL331					Nhánh Sông Sài Gòn 9	Sông Sài Gòn	365		1228791	584671	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1228976	584377	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
747	7	65	4					Rạch Bà Tài	Sông Sài Gòn	770		1228592	583911	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1228676	584660	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
748	7	65	PL11					Nhánh Sông Sài Gòn 10	Sông Sài Gòn	472		1228026	584251	An Nhơn Tây, TP. Hồ	1228374	583992	An Nhơn Tây, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
749	7	65	PL91					CC.Sài Gòn.8	Sông Sài Gòn	280		1227892	583663	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1228159	583584	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
750	7	65	PL12	1				CC.Rạch Cầu Đen.1	Rạch Cầu Đen	2.907		1228625	582358	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1226023	582607	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
751	7	65	PL13					Rạch Bào Quán	Sông Sài Gòn	432		1225971	585124	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1226243	584800	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
752	7	65	5					Nhánh Sông Sài Gòn 11	Sông Sài Gòn	631		1225973	584302	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1225787	584898	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
753	7	65	PL14					Rạch Suối	Sông Sài Gòn	823		1225505	584635	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1225877	584016	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
754	7	65	PL15					Nhánh Sông Sài Gòn 12	Sông Sài Gòn	975		1225128	584439	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1225690	583851	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
755	7	65	PL15	1				Nhánh Sông Sài Gòn 12a	Nhánh Sông Sài Gòn 12	558		1225302	584112	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1224795	584037	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
756	7	65	PL16	PL01				CC.Rạch Sơn.1	Rạch Sơn	816		1223748	582685	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1224411	582265	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
757	7	65	PL16	2				Suối Gót Chàng	Rạch Sơn	2.075		1223672	582021	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1224985	580843	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
758	7	65	PL16	3				Suối Xóm Mới	Rạch Sơn	3.818		1223256	580712	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1225724	579378	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
759	7	65	PL16	PL04				CC.Rạch Sơn.4	Rạch Sơn	384		1221691	580775	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1221706	580393	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
760	7	65	PL16	PL05				CC.Rạch Sơn.6	Rạch Sơn	4.85		1221773	583477	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1220348	581536	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
761	7	65	PL16					Rạch Sơn	Rạch Sơn	9.633		1224700	584321	Nhuận Đức, TP. Hồ	1218991	581207	Nhuận Đức, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
762	7	65	PL26	PL10	2	PL01		CC.Rạch Sơn.5.N1.PL1	Rạch Láng The	1.109		1220733	579450	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1220229	580291	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
763	7	65	PL26	PL10	2	PL02		CC.Rạch Sơn.5.N1.PL2	Rạch Láng The	759		1220213	578863	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1220107	579615	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
764	7	65	PL26	PL10	3	1		CC.Kênh Đức Lập.2.N1	Rạch Láng The	2.828		1228869	579245	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	1226187	579967	An Nhơn Tây, TP. Hồ Chí Minh	
765	7	65	PL26	PL10	7			Kênh N23A	Rạch Láng The	3.856		1228047	575079	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1227819	574793	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
766	7	65	PL17					Rạch Giữa	Sông Sài Gòn	285		1222329	586729	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1222142	586524	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
767	7	65	PL18					Rạch Đường Long	Sông Sài Gòn	370		1222080	586925	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1221836	586664	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
768	7	65	PL19					Nhánh Sông Sài Gòn 13	Sông Sài Gòn	369		1221498	588978	Phú Hòa Đông, TP. Hồ	1221155	588943	Phú Hòa Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
769	7	65	PL20					CC.Sài Gòn.14	Sông Sài Gòn	193		1221721	589258	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1221630	589427	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
770	7	65	PL21					CC.Sài Gòn.15	Sông Sài Gòn	167		1221857	589281	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1221763	589409	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
771	7	65	PL22					CC.Sài Gòn.16	Sông Sài Gòn	220		1222348	589430	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1222224	589604	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
772	7	65	PL23	PL01				CC.Rạch Câu Lượng.1	Rạch Câu Lượng	468		1221688	589770	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1221296	589692	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
773	7	65	PL23	PL01	1			CC.Rạch Câu Lượng.1.N1	CC.Rạch Câu Lượng.1	242		1221495	589646	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1221692	589599	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
774	7	65	PL23	PL05				Rạch Nàng Âm	Rạch Câu Lượng	922		1220884	589432	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1221514	589057	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
775	7	65	PL23	PL05	PL03			Kênh Đào 1	Rạch Nàng Âm	180		1221080	589176	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1220973	589053	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
776	7	65	PL23	PL05	PL04			Kênh Đào 2	Rạch Nàng Âm	163		1221145	589151	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1221087	589003	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
777	7	65	PL23	PL05	PL02			Rạch Ông Tài	Rạch Nàng Âm	176		1220851	589219	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1220830	589049	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
778	7	65	PL23	PL02				CC.Rạch Câu Lượng.2	Rạch Câu Lượng	316		1221115	589545	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1221339	589520	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
779	7	65	PL23	PL03				CC.Rạch Câu Lượng.3	Rạch Câu Lượng	383		1220948	589469	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1221233	589291	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
780	7	65	PL23					Rạch Câu Lượng	Sông Sài Gòn	2.034		1222002	590266	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1220521	589021	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
781	7	65	PL23	PL04				CC.Rạch Câu Lượng.4	Rạch Câu Lượng	213		1221074	589539	Phú Hòa	1221048	589749	Phú Hòa	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
782	7	65	PL24					Nhánh Sông Sài Gòn 13a	Sông Sài Gòn	502		1221485	590530	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1221513	590164	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
783	7	65	PL25					Rạch Ông Giảm	Sông Sài Gòn	1.323		1221014	590633	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1220786	589411	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
784	7	65	PL26	PL01				Rạch Cá Lăng	Rạch Láng The	961		1220186	590263	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1220765	589685	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
785	7	65	PL26	PL01	1			Rạch Ông Tín	Rạch Láng The	282		1220705	590025	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1220446	590046	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
786	7	65	PL26	PL01	PL01			Rạch Bà Ngọc	Rạch Láng The	938		1220547	589742	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1219939	589553	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
787	7	65	PL26	PL01	PL01	PL01		CC.Rạch Bà Ngọc.1	Rạch Láng The	130		1220108	589602	Phú Hòa Đông, TP. Hồ	1220190	589697	Phú Hòa Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
788	7	65	PL26	PL02				CC.Rạch Láng The.2	Rạch Láng The	566		1219862	590218	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1219971	589832	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
789	7	65	PL26	PL04	1			CC.Rạch Láng The.4.N1	Rạch Láng The	254		1219854	590689	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219947	590472	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
790	7	65	PL26	PL04				Bến Lở	Rạch Láng The	809		1219861	590344	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219946	590919	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
791	7	65	PL26	8				CC.Rạch Láng The.16	Rạch Láng The	293		1216676	584509	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1216818	584301	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
792	7	65	PL26	6				CC.Rạch Láng The.14	Rạch Láng The	807		1216677	587281	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1217042	587615	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
793	7	65	PL26	5				CC.Rạch Láng The.13	Rạch Láng The	546		1217231	587817	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1217540	588111	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
794	7	65	PL26	3				CC.Rạch Láng The.9	Rạch Láng The	764		1218188	589372	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1218374	589948	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
795	7	65	PL26	PL06				Rỗng Cà Na	Rạch Láng The	532		1218385	589980	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1218808	589658	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
796	7	65	PL26	PL07				CC.Rạch Láng The.10	Rạch Láng The	380		1218187	589373	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1218516	589255	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
797	7	65	PL26	PL05				CC.Rạch Láng The.6	Rạch Láng The	230		1219171	590337	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219171	590121	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
798	7	65	6					CC.Sài Gòn.18	Sông Sài Gòn	280		1220316	591084	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1220589	591114	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
799	7	65	PL27					Rạch Bà Khâm	Sông Sài Gòn	855		1220550	591477	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219780	591208	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
800	7	65	7					CC.Sài Gòn.20	Sông Sài Gòn	225		1220847	592023	Bình Mỹ, TP. Hồ	1220937	591831	Bình Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
801	7	65	7	PL 01				CC.Sài Gòn.20.N1	CC.Sài Gòn.20	124		1220920	591929	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1220829	592003	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
802	7	65	8					CC.Sài Gòn.21	Sông Sài Gòn	261		1221048	592089	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1221168	591860	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
803	7	65	10					CC.Sài Gòn.22	Sông Sài Gòn	307		1221197	592206	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1221399	591979	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
804	7	65	11					CC.Sài Gòn.23	Sông Sài Gòn	253		1221334	592292	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1221517	592121	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
805	7	65	PL29					Nhánh Sông Sài Gòn 14	Sông Sài Gòn	727		1220574	592679	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1221088	592333	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
806	7	65	12					CC.Sài Gòn.25	Sông Sài Gòn	364		1220845	592935	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1221158	592926	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
807	7	65	PL30					Nhánh Sông Sài Gòn 15	Sông Sài Gòn	419		1220351	592493	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1220563	592137	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
808	7	65	PL31					CC.Sài Gòn.28	Sông Sài Gòn	284		1220106	592266	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1220238	592018	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
809	7	65	PL32					Nhánh Sông Sài Gòn 15A	Sông Sài Gòn	309		1219941	592174	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1220036	591901	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
810	7	65	PL33					CC.Sài Gòn.30	Sông Sài Gòn	324		1219668	592124	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219753	591818	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
811	7	65	PL34					Rạch Chuối Nước	Sông Sài Gòn	974		1219483	592122	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219679	591191	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
812	7	65	PL35					Rạch Kinh	Sông Sài Gòn	897		1219328	592128	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219247	591239	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
813	7	65	PL36					Rạch Cây Gia	Sông Sài Gòn	1.782		1219202	592151	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1218438	590578	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
814	7	65	PL37					Rạch Giỏ	Sông Sài Gòn	848		1218768	592264	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1218592	591451	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
815	7	65	PL38					Rạch Bảy Sườn	Sông Sài Gòn	758		1218590	592316	Bình Mỹ, TP. Hồ	1218455	591585	Bình Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
816	7	65	PL39	PL01				CC.Rạch Kè.1	Rạch Bàu Nhum	268		1218113	592030	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217870	592127	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
817	7	65	PL39					Rạch Kè	Rạch Bàu Nhum	1.892		1218295	592445	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217315	591119	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
818	7	65	PL39	PL04				Rạch Bào Nhum	Rạch Bàu Nhum	2.448		1217315	591119	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216960	589854	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
819	7	65	PL39	PL03	1			CC.Rạch Kè.2.N2	Rạch Bàu Nhum	617		1217645	589940	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217694	590437	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
820	7	65	PL39	PL03	PL01			CC.Rạch Kè.2.N1	Rạch Bàu Nhum	260		1217387	590845	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217133	590801	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
821	7	65	PL39	PL03	PL02			CC.Rạch Kè.2.N3	Rạch Bàu Nhum	1.486		1217404	589922	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216584	590828	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
822	7	65	PL26	4	PL03			CC.Rạch Láng The.12.N3	Rạch Láng The	1.892		1217362	588964	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1218296	590610	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
823	7	65	PL26	4	PL03	PL01		Kênh Năm Dụng	Rỗng Năng	1.095		1217766	589675	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1217217	589039	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
824	7	65	PL26	4	1			Kênh 30/4 Ấp 2	Rỗng Năng	944		1216939	588122	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1217421	588934	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
825	7	65	PL26	4	PL01			Kênh Bộ Đội Ấp 2	Rỗng Năng	391		1217638	588821	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1217431	588489	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
826	7	65	PL26	PL11				Rạch Phú Hòa Đông	Rạch Láng The	2.256		1217121	587886	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1215288	587777	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
827	7	65	PL26	PL11	PL01			CC.Rạch Phú Hòa Đông.2	Rạch Láng The	1.368		1216599	588167	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1215516	587636	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
828	7	65	PL40					CC.Sài Gòn.31	Sông Sài Gòn	965		1218138	592639	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217324	592209	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
829	7	65	PL41					Nhánh Sông Sài Gòn 16	Sông Sài Gòn	979		1218046	593017	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217225	592498	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
830	7	65	PL45	PL02				Rạch Sông Lu	Rạch Cây Cui	2.089		1216237	593477	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217975	593229	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
831	7	65	PL42					Nhánh Sông Sài Gòn 18	Sông Sài Gòn	436		1217850	593616	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217462	593445	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
832	7	65	13					Nhánh Sông Sài Gòn 17	Sông Sài Gòn	605		1217443	594171	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217825	593926	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
833	7	65	PL43					CC.Sài Gòn.35	Sông Sài Gòn	257		1217769	594537	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217555	594401	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
834	7	65	PL44					CC.Sài Gòn.36	Sông Sài Gòn	271		1217366	594888	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217267	594636	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
835	7	65	14					Rạch Bà Diệu	Sông Sài Gòn	677		1216797	594925	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217165	594893	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
836	7	65	14	1				CC.Rạch Bà Điệu.1	Rạch Bà Diệu	200		1216875	594720	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216896	594547	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
837	7	65	PL45	PL01				CC.Rạch Sông Lựu.3	Sông Lu	767		1216237	593477	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216299	592777	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
838	7	65	PL45	PL02	PL01			Rạch Ông Dũng	Rạch Cây Cui	478		1216402	593506	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216758	593640	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
839	7	65	PL45	PL02	1			Rỗng Rừa	Rạch Cây Cui	319		1216473	593231	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216327	593493	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
840	7	65	PL45	PL01	1	1		CC.Rạch Cầu Bà Nga.1	Sông Lu	1.161		1214678	591782	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1215091	592498	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
841	7	65	PL46					CC.Sài Gòn.37	Sông Sài Gòn	363		1215523	594394	Bình Mỹ, TP. Hồ	1215410	594076	Bình Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
842	7	65	PL47					Nhánh Sông Sài Gòn 20	Sông Sài Gòn	490		1215319	594477	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1215249	594048	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
843	7	65	PL48					Nhánh Sông Sài Gòn 23a	Sông Sài Gòn	680		1214693	595227	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214245	594966	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
844	7	65	PL49	PL01				CC.Rạch Hàng Mơp.1	Rạch Hàng Mơp	3.142		1212902	595215	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214501	593378	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
845	7	65	PL49	3				CC.Rạch Hàng Mơp.2	Rạch Hàng Mơp	1.355		1212630	594129	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212053	595343	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
846	7	65	PL49	4				CC.Rạch Hàng Mơp.3	Rạch Hàng Mơp	607		1212090	594789	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1211969	595365	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
847	7	65	PL49	PL02				CC.Rạch Dứa.1	Rạch Hàng Mơp	992		1211580	595415	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1211250	594602	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
848	7	65	PL49	2	PL02			Kênh Cấp 3	Rạch Hàng Mợp	917		1212185	596070	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1211484	595479	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
849	7	65	PL49	2	PL01			CC.Rạch Bầu Sinh.1	Rạch Hàng Mợp	543		1212464	595737	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212058	595572	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
850	7	65	15					Nhánh Sông Sài Gòn 22	Sông Sài Gòn	1.562		1212788	595459	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214205	595964	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
851	7	65	PL49	2	1			CC.Rạch Bầu Sinh.2	Rạch Hàng Mợp	817		1213036	596271	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212283	595955	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
852	7	65	PL59	PL04				Kênh Cấp 2	Rạch Dứa	1.121		1213237	597418	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212869	597055	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
853	7	65	PL59	PL03				CC.Rạch Dứa.3	Rạch Dứa	438		1213321	597584	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213613	597269	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
854	7	65	PL59	PL02				CC.Rạch Dứa.2	Rạch Dứa	486		1213321	597584	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213770	597444	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
855	7	65	PL59	PL01				CC.Rạch Dứa.1	Rạch Dứa	230		1213328	597745	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213110	597687	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
856	7	65	19					Nhánh Sông Sài Gòn 25	Sông Sài Gòn	529		1213706	597225	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214144	596969	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
857	7	65	PL53					Rạch Cầu Trệt	Sông Sài Gòn	394		1214355	597267	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213988	597400	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
858	7	65	PL54					Rạch Cầu Võng	Sông Sài Gòn	392		1214483	597723	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214127	597660	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
859	7	65	PL55					Rạch Xẻo	Sông Sài Gòn	532		1214179	598057	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213946	597586	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
860	7	65	PL56					CC.Sài Gòn.46	Sông Sài Gòn	322		1213956	598121	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213859	597817	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
861	7	65	PL57					CC.Sài Gòn.47	Sông Sài Gòn	312		1213854	598141	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213779	597847	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
862	7	65	PL58					Nhánh Sông Sài Gòn 26	Sông Sài Gòn	480		1213604	598129	Bình Mỹ, TP. Hồ	1213682	597666	Bình Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
863	7	65	PL60					Nhánh Sông Sài Gòn 37	Sông Sài Gòn	629		1212738	597992	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212478	597441	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
864	7	65	PL60	PL01				CC.Sài Gòn.49.N1	Nhánh Sông Sài Gòn 37	193		1212713	597878	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212709	597690	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
865	7	65	PL61	PL01				CC.Sài Gòn.50.1	Nhánh Sông Sài Gòn 38	336		1212329	597935	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212337	597607	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
866	7	65	PL61					Nhánh Sông Sài Gòn 38	Sông Sài Gòn	652		1212396	598061	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212139	597477	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
867	7	65	PL63					Nhánh Sông Sài Gòn 27	Sông Sài Gòn	1.972		1212103	598157	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1211299	596379	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
868	7	65	PL64					Nhánh Sông Sài Gòn 41	Sông Sài Gòn	2.624		1211815	598245	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210849	595831	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
869	7	PL08	PL23					Rạch Trâu Trên	Rạch Tra	2.152		1207346	596989	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1208877	596069	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
870	7	PL08	PL23	PL02				Rạch Trâu Trên	Rạch Tra	2.461		1208779	596510	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210949	595698	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
871	7	PL08	PL23	PL01				CC.Rạch Trâu Trên.1	Rạch Tra	168		1207925	596852	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208070	596928	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
872	7	65	PL59	PL08				Rạch Chòm Sấu	Rạch Dứa	3.437		1210949	595698	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208163	594101	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
873	7	65	PL59	PL08	PL05			Rạch Cây Đa	Rạch Dứa	1.198		1208333	594174	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1207362	593644	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
874	7	65	PL59	PL08	PL04			CC.Rạch Chòm Sấu.5	Rạch Dứa	533		1209148	594449	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208957	593966	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
875	7	65	PL59	PL08	PL03			CC.Rạch Chòm Sấu.4	Rạch Dứa	276		1209337	594555	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1209398	594743	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
876	7	PL08	PL20	PL07				CC.Rạch Cầu Nhà Việc.5	Rạch Tra	220		1209696	594983	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1209537	595071	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
877	7	PL08	PL20					Rạch Cầu Nhà Việc	Rạch Tra	3.406		1207326	596431	Bình Mỹ, TP. Hồ	1209752	594920	Bình Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
878	7	65	PL59	PL08	1			CC.Rạch Chòm Sấu.1	Rạch Dứa	697		1210190	595995	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210718	595544	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
879	7	65	PL59	PL08	2			CC.Rạch Chòm Sấu.2	Rạch Dứa	1.116		1209950	596270	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210284	595206	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
880	7	PL08	PL22					Rạch Cây Dương	Rạch Tra	3.28		1207329	596861	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1210184	595513	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
881	7	PL08	PL22	PL01				CC.Rạch Cây Dương.1	Rạch Tra	193		1208522	596290	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208452	596114	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
882	7	PL08	PL20	PL05				Rạch 6 Đát	Rạch Tra	308		1208546	595641	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208609	595940	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
883	7	PL08	PL20	PL03				CC.Rạch Cầu Cũ.2	Rạch Tra	887		1208461	595662	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208670	595001	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
884	7	PL08	PL20	PL04				Rạch Cầu Cũ	Rạch Tra	1.532		1208647	595594	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208960	594399	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
885	7	PL08	PL17					Nhánh Rạch Tra 17	Rạch Tra	1.649		1207142	595178	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1208659	594728	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
886	7	PL08	PL18					Nhánh Rạch Tra 11	Rạch Tra	503		1207222	595463	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207701	595313	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
887	7	PL08	PL19					Nhánh Rạch Tra 12	Rạch Tra	1.302		1207346	596106	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1208253	595323	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
888	7	PL08	PL20	PL01				Rạch Út Nạt	Rạch Tra	756		1207563	596327	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1207911	595719	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
889	7	PL08	PL21					CC.Kênh Xáng.7	Rạch Tra	227		1207326	596526	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207542	596474	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
890	7	PL08	PL16					Nhánh Rạch Tra 13	Rạch Tra	650		1207221	594597	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1207850	594499	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
891	7	PL08	26					Nhánh Rạch Tra 14	Rạch Tra	616		1207861	594124	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1207321	593928	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
892	7	PL08	25	PL03	1			CC.Rạch Dương Đa.1.N1	Rạch Bà Phước	283		1209751	592506	Phú Hòa Đông,	1209503	592394	Phú Hòa Đông,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
893	7	PL08	25	PL02	PL01			CC.Rạch Bàn Nông.1	Rạch Bà Phước	925		1210383	592145	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1209751	591642	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
894	7	PL08	25	PL02	PL02			CC.Rạch Bàn Nông.3	Rạch Bà Phước	842		1210121	589323	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1209976	590016	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
895	7	PL08	25	1				CC.Rạch Dương Đa.2	Rạch Bà Phước	598		1210205	591595	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1210605	591950	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
896	7	PL08	PL14	PL06				Kênh T3 (TPT)	Kênh Địa Phận	1.761		1211399	589619	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1210295	588247	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
897	7	PL08	PL14	PL05				Kênh T5	Kênh Địa Phận	1.483		1212291	589169	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1211504	587912	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
898	7	PL08	PL14	PL03				Kênh T1 (TPT)	Kênh Địa Phận	1.119		1213509	588157	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1214574	587892	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
899	7	PL08	PL14	PL04				Rỗng Chùa	Kênh Địa Phận	1.595		1213380	588473	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1214886	588487	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
900	7	PL08	PL14	PL01				CC.Kênh Đông.1.N4	Rạch Bà Phước	3.627		1214739	585903	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1213896	582572	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
901	7	PL08	PL14	PL01	PL02			CC.Kênh Đông.1.N4.PL2	Rạch Bà Phước	628		1214550	585522	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1213953	585713	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
902	7	PL08	PL14	1				Kênh 30/4 Ấp 2A	Kênh Địa Phận	715		1213953	585713	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1214570	586065	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
903	7	PL08	PL14	PL01	PL01			CC.Kênh Đông.1.N4.PL1	Rạch Bà Phước	3.137		1212433	584967	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1214266	584811	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
904	7	PL08	PL12	PL01	1	PL01	1	CC.Kênh Đông.1.N3	Kênh N31A	2.001		1214486	584272	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1214146	582377	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
905	7	PL08	22					Nhánh Rạch Tra 21	Rạch Tra	995		1208640	589593	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207705	589932	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
906	7	PL08	23	PL01				Nhánh Rạch Tra 19A	Nhánh Rạch Tra 19	1.689		1207943	590077	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1208897	588684	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
907	7	PL08	PL13					Nhánh Rạch Tra 22	Rạch Tra	910		1207673	589349	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1208509	588988	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
908	7	PL08	21					Nhánh Rạch Tra 23	Rạch Tra	1.476		1208281	588122	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207639	589015	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
909	7	PL08	20					Kênh TC14	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.361		1208710	587574	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207352	587660	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
910	7	PL08	19					Rỗng Xe Cu	Kênh N46	1.414		1208700	587391	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207340	587407	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
911	7	PL08	18					Kênh TC17	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.543		1208837	586603	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207301	586620	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
912	7	PL08	17					Rỗng Vươn Lin	Kênh N46	1.466		1208657	586159	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207297	586507	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
913	7	PL08	PL11	PL01				Kênh TC18	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.224		1208435	585653	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207283	585751	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
																	Chí Minh	
914	7	PL08	PL11					Kênh TC18A	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.464		1207308	585508	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1208755	585723	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
915	7	PL08	15					Kênh TC16	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.092		1208520	584640	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207433	584539	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
916	7	PL08	16					Kênh TC7	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.819		1210314	582561	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1207808	581273	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
917	7	PL08	16	3	1	1		CC.Kênh 6.1.N1	Kênh N46	1.114		1209670	582503	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1208810	581840	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
918	7	PL08	16	3	1			CC.Kênh 6.1	Kênh N46	939		1208700	582706	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1208830	581777	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
919	7	PL08	PL08					Kênh TC7A	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.411		1207659	582595	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1210033	582899	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
920	7	PL08	PL10					Kênh TC8	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.388		1207550	583560	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1208921	583772	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
921	7	PL08	PL09					Rạch Ấp Tiền	Kênh N46	1.628		1207634	582821	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1208997	583676	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
922	7	PL08	13	PL01	2	1		CC.Kênh 9.3.N1	Kênh N46	1.069		1210601	580015	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1209613	579657	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
923	7	PL08	13	PL01	2	2		CC.Kênh 9.3.N2	Kênh N46	430		1209925	580046	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1209602	579778	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
924	7	PL08	PL12	2				Rạch Ấp Thượng	Kênh N46	2.029		1208771	581067	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1210418	582213	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
925	7	PL08	PL07	1	PL01			CC.Kênh Cũ.1	Kênh N46	1.372		1209323	580645	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210551	581146	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
926	7	PL08	16	3				CC.Kênh 7.5	Kênh Xáng - Thầy Cai	822		1208822	580853	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1208453	581588	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
927	7	PL08	16	PL02				CC.Kênh 7.4	Kênh Xáng - Thầy Cai	819		1208277	581500	Củ Chi, TP. Hồ	1208649	580770	Củ Chi, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
928	7	PL08	16	PL 01				CC.Kênh 7.3	Kênh Xáng - Thầy Cai	820		1208102	581416	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1208475	580686	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
929	7	PL08	16	1	PL 02			CC.Kênh 7.2.N2	Kênh Xáng - Thầy Cai	583		1208822	580853	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1208297	580599	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
930	7	PL08	16	1	PL 01			CC.Kênh 7.2.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	587		1208112	580962	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1208642	581214	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
931	7	PL08	14					Kênh TC9	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.711		1211135	580718	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1208716	579493	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
932	7	PL08	13	3				CC.Kênh 10.1	Kênh N46	1.753		1212657	579128	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1211127	579624	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
933	7	PL08	12	3				CC.Kênh 8.2	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.93		1208930	580696	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210236	578074	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
934	7	PL08	12	2				CC.Kênh 9.2	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.955		1209183	579732	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210060	577985	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
935	7	PL08	12	1				CC.Kênh 9.1	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.789		1208630	580390	Tân An Hội, TP. Hồ	1209873	577894	Tân An Hội, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
936	7	PL08	13	1				CC.Kênh 8.1	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.951		1208398	580428	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1209254	578674	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
937	7	PL08	PL06	PL01				CC.Kênh 10.3	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.61		1210873	577695	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210153	579135	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
938	7	PL08	PL06	1				CC.Kênh 10.2	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.625		1210063	579089	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210787	577634	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
939	7	PL08	12	4				CC.Kênh 10.1	Kênh TC2A	986		1209975	579045	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210420	578165	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
940	7	PL08	PL06					Kênh TC2	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.524		1209948	577055	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1211204	577916	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
941	7	PL08	12					Kênh TC2A	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.284		1210745	578322	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1209593	577756	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
942	7	PL08	PL05					Kênh TC13	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.016		1210358	576394	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1211961	577616	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
943	7	PL08	11					Kênh TC5A	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.273		1212430	577340	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210507	576201	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
944	7	PL08	PL04					Kênh TC1A	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.023		1210664	575998	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1211476	576621	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
945	7	PL08	10					CC.Kênh Thầy Cai.4	Kênh Xáng - Thầy Cai	3.907		1214105	577775	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210944	575635	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
946	7	PL08	PL03					Kênh TC6	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.991		1211550	574844	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1213901	576692	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
947	7	PL08	9					Kênh TC7A	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.074		1213785	575353	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1212136	574095	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
948	7	PL08	4	PL02				CC.Kênh Nổi.5	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.497		1214054	575099	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1212740	574480	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
949	7	PL08	7					Kênh TC12	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.523		1214547	573458	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213335	572537	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
950	7	PL08	PL02					Kênh TC1	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.103		1213643	572030	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214744	572062	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
951	7	PL08	PL12	PL01	PL03	1		CC.Kênh Đông.6.N2	Kênh Xáng - Thầy Cai	3.676		1213575	573083	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216441	572132	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
952	7	PL08	7	1				CC.Kênh 17.1	Kênh Xáng - Thầy Cai	709		1213610	573213	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214185	573189	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
953	7	PL08	10	3				CC.Kênh Thầy Cai.4.N4	Kênh Xáng - Thầy Cai	953		1213628	576476	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1213046	577231	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
954	7	PL08	PL03	PL03				CC.Kênh Thầy Cai.5.N3	Kênh Xáng - Thầy Cai	958		1212984	575982	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1212384	576728	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
955	7	PL08	6					Kênh TC0	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.222		1214714	570691	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213530	570988	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
956	7	PL08	4	1				CC.Kênh Nổi.3	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.204		1213527	569885	Thái Mỹ,	1214707	569645	Thái Mỹ,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
957	7	PL08	4	1	1	PL01		CC.Kênh Nổi.3.N2.PL1	Kênh Xáng - Thầy Cai	693		1214102	570279	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213756	570136	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
958	7	PL08	4	PL01	1	PL02		CC.Kênh Nổi.2.N1.PL2	Kênh Xáng - Thầy Cai	705		1213468	569399	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214036	569539	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
959	7	PL08	4	PL01	1	PL01		CC.Kênh Nổi.2.N1.PL1	Kênh Xáng - Thầy Cai	598		1214043	569134	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213448	569201	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
960	7	PL08	4	PL01				CC.Kênh Nổi.2	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.119		1214533	568855	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213415	568913	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
961	7	PL08	PL01	1	PL01			CC.Kênh Thầy Cai.8.N1.PL1	Kênh Xáng - Thầy Cai	902		1214273	568519	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213376	568614	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
962	7	PL08	PL01					Kênh TC4	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.543		1213193	567910	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214727	567744	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
963	7	PL08	5					Kênh TC3	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.147		1214602	567444	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213490	567667	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
964	7	PL08	PL01	4				CC.Kênh Thầy Cai.8.N4	Kênh Xáng - Thầy Cai	719		1214175	568530	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214084	567817	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
965	7	PL08	PL01	4	PL01			CC.Kênh Nổi.1	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.486		1214134	568135	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216237	566810	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
966	7	PL08	4	PL01	1			CC.Kênh Nổi.2.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	899		1214036	569782	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214047	568883	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
967	7	PL08	PL01	1				CC.Kênh Thầy Cai.8.N1	Kênh Xáng - Thầy Cai	1.666		1213488	569556	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213291	567902	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
968	7	PL08	4	1	1			CC.Kênh Nổi.3.N2	Kênh Xáng - Thầy Cai	2.203		1213976	572034	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1213729	569844	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
969	7	PL08	PL12	PL01	PL03	PL02		CC.Kênh Đông.6.N3	Kênh N46	1.692		1216051	571720	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1214782	570811	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
970	7	PL08	PL12	PL01	PL03	PL01		Kênh N38B	Kênh Đông	1.292		1218408	573419	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217276	573595	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
971	7	65	PL26	PL09	PL01			CC.Kênh Bến Mương.2	Rạch Láng The	588		1217438	583142	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	1218025	583182	Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh	
972	7	PL08	PL12	1				Kênh Tiêu Trung Viết	Kênh Trung Ương	1.928		1214969	577730	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1216290	576945	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
973	7	PL08	PL12	PL01	PL04			Kênh N39	Kênh Đông	1.584		1218254	574659	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1217855	576162	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
974	7	PL08	PL12	PL01	PL02			Kênh N37	Kênh N31A	970		1219075	574073	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219049	575042	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
975	7	PL08	13	PL01	1			CC.Rạch Mũi Da.1	Kênh N46	203		1210243	579183	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210132	579352	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
976	7	PL08	13	PL01	2			CC.Kênh 9.3	Kênh N46	760		1209728	580007	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210126	579361	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
977	7	PL08	13	PL01				Rạch Mũi Da	Kênh N46	1.406		1210739	579952	Tân An Hội, TP. Hồ	1209728	579174	Tân An Hội, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
978	7	PL08	12	1	PL 01			CC.Kênh 9.1.N1	CC.Kênh 9.1	1.228		1209238	579201	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	1210309	579696	Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh	
979	7	PL08	PL14	PL 02				Kênh Ông Anh	Kênh Địa Phận	390		1213910	587044	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	1214269	586943	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
980	7	PL08	PL14	PL 08				Kênh T1A	Kênh Địa Phận	1.349		1210165	590273	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	1210362	588960	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
981	7	65	PL45					Rạch Cây Cui	Sông Sài Gòn	1.527		1215945	594479	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1216237	593477	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
982	7	65	PL59	PL 06				Kênh Mới (2 Bước)	Rạch Dứa	381		1211600	596493	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1211799	596168	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
983	7	65	PL59	PL 05	PL 01			Rạch đường Võ Văn Bích	Rạch Dứa	2.36		1212754	596955	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1212754	596954	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
984	7	65	PL26	PL 10	PL 01	1		Kênh N27	Kênh Quyết Thắng	1.983		1222868	573784	Thái Mỹ, TP. Hồ	1221659	575230	Thái Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
985	7	PL08	PL12	PL01	2			Kênh N35	Rạch Láng The	2.499		1218955	575086	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1219904	573567	Thái Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
986	7	65	PL92					Kênh Trung Ương	Kênh Trung Ương	15.022		1207498	588649	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1193470	587890	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
987	7	65	PL93					Rạch Cầu Dừa	Rạch Cầu Dừa	607		1204962	597853	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204972	598439	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
988	7	65	PL94					Kênh Tiêu liên xã	Kênh Tiêu liên xã	4.386		1202835	591103	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1198674	590234	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
989	7	65	PL95					Kênh Tiêu liên xã	Kênh Tiêu liên xã	3.589		1202245	588689	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205536	590041	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
990	7	65	PL96					Rạch Cầu Dừa	Rạch Cầu Dừa	671		1189829	603301	Vĩnh Hội, TP. Hồ Chí Minh	1190011	603129	Vĩnh Hội, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
991	7	PL08	PL25					CC.Kênh Xáng.3	Rạch Tra	247		1207671	598049	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207911	598030	Bình Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
992	7	PL08	PL14					Kênh Địa Phận	Rạch Bà Phước	10.873		1207641	591146	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1216077	585987	Phú Hòa Đông, TP. Hồ Chí Minh	
993	7	65	PL97					Sông Dương Da	Kênh Xáng - Thầy Cai	586		1208103	592731	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1207528	592603	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
994	7	65	PL89	PL02				Sông Vàm Thuật	Rạch Cầu Võng	1.104		1205090	600580	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1205374	601641	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
995	7	PL05	3	12	2	1		HM.Kênh.An Hạ.6.N1.PN4	Kênh Xáng Lớn	405		1199719	587245	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1199325	587150	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
996	7	PL05	3	10				Kênh AH19 (T7)	Kênh Xáng Lớn	1.594		1199274	586500	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1199688	584960	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
997	7	PL08	30					HM.Kênh Rạch Tra.2	Rạch Tra	695		1206682	593581	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1207356	593671	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
998	7	PL08	31					HM.Kênh Xáng.1	Rạch Tra	1.073		1206521	587987	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1207340	587410	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
999	7	PL05	3	10	1			HM.Kênh.An Hạ.5.N1	Kênh Xáng Lớn	2.981		1202114	587414	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1199218	586719	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1000	7	PL08	29					HM. Rạch Trà.8	Rạch Tra	609		1206565	595269	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207141	595187	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1001	7	65	PL76	PL01				HM.Rạch Trà.2	HM.Sông Sài Gòn.1	355		1207653	598980	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207955	598796	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1002	7	65	PL151					Rạch Cầu Mênh - Rạch Bến Cát	Rạch Cầu Mênh - Rạch Bến Cát	10.406		1200719	599911	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	1207647	598515	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1003	7	65	PL152					Rạch Lăng 2	Rạch Lăng 2	1.477		1197933	603165	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1197073	603532	Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1004	7	65	PL153					Rạch Võ	Rạch Võ	1.535		1201088	602896	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200199	601876	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
1005	7	65	PL154					Mương Cầu Võ	Mương Cầu Võ	1.605		1200861	602832	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1199690	601914	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1006	7	65	PL155					Rạch Ụ Tư Vựng	Rạch Ụ Tư Vựng	770		1198475	603313	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1197965	602787	An Nhơn, TP. Hồ Chí Minh	
1007	7	65	PL156					Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đay-Kênh Tham Lương - Rạch Nước Lên	Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đay-Kênh Tham Lương - Rạch Nước Lên	32.462		1198740	603867	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1184096	593729	Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	
1008	7	65	40					Q12.Sông Sài Gòn.1	Sông Sài Gòn	729		1201063	603999	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201785	604005	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1009	7	65	50	1				Kênh Cầu Sơ	HM.K.Thanh Long.1	1.844		1197349	592879	Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	1196644	594500	Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1010	7	65	33					Rạch Đất Sét	Sông Sài Gòn	515		1202091	601902	An Phú Đông,	1202404	601503	An Phú Đông,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1011	7	65	31					Q12.SVàmThuật.13.N15.PN6	Sông Sài Gòn	298		1203349	598878	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203354	599167	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1012	7	65	26					Q12.SVàmThuật.1.N1.PN1	Sông Sài Gòn	1.274		1204656	600098	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205698	600406	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1013	7	65	PL98					Kênh Trần Quang Cơ	Kênh Trần Quang Cơ	3.385		1204962	597853	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203472	595760	Tân Thới Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	
1014	7	65	PL99					Rạch Trưng Nữ Vương	Rạch Trưng Nữ Vương	731		1204537	591755	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1204519	592443	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1015	7	65	PL100					Rạch Bà Triệu 1	Rạch Bà Triệu 1	1.779		1203001	590477	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1203443	592017	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1016	7	65	PL101					Rạch Hóc Môn	Rạch Hóc Môn	6.795		1207126	595083	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1203647	593556	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1017	7	65	PL102					Rạch Bến Gò Trại nối dài	Rạch Bến Gò Trại nối dài	730		1205494	594880	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205144	595256	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1018	7	65	PL103					Rạch Bọng Bầu	Rạch Bọng Bầu	921		1206185	594955	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205966	595693	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1019	7	65	PL104					Rạch cầu Ba Viên (Rỗng Gòn - Cầu Kho)	Rạch cầu Ba Viên (Rỗng Gòn - Cầu Kho)	1.422		1206005	599086	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205678	600448	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1020	7	PL08	PL14	PL10				Kênh T10 Rỗng Cát (TPT)	Kênh Địa Phận	2.789		1208675	590932	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1209200	588244	Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
1021	7	PL08	PL30	1				HM.Kênh T2.1	Kênh T2	1.029		1206120	589654	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1206703	590503	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1022	7	PL05	3	PL01	PL03			HM.Kênh 13.1	Kênh Xáng Lớn	1.603		1206338	588174	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1204934	587407	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1023	7	PL05	3	PL03	PL01			HM.Kênh 13.2	Kênh 13	977		1205834	586236	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ	1204985	585752	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1024	7	PL05	3	PL 04	PL 01			HM.Kênh 13.2	Kênh 13	1.407		1204849	587514	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1203637	586799	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1025	7	PL05	3	PL 03	2			HM.Kênh 13.1	Kênh 13	1.989		1203866	585680	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205590	586672	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1026	7	PL05	3	PL 11				Kênh 12	Kênh Xáng Lớn	1.626		1204503	586834	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1203459	588079	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1027	7	65	55					HM.Sông Cầu Xáng.4	Sông Sài Gòn	410		1206758	593869	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206379	593975	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1028	7	PL08	2	1				Kênh 12	Kênh Ranh	1.655		1204407	586737	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205225	585298	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1029	7	65	21					HM.Rạch.Cầu Mênh.2	Sông Sài Gòn	1.093		1207234	599608	Đông Thạnh, TP. Hồ	1206873	598624	Đông Thạnh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1030	7	65	58					HM.Sông Cầu Xáng.9	Sông Sài Gòn	355		1206007	593116	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206327	592972	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1031	7	65	56					HM.Sông Cầu Xáng.5	Sông Sài Gòn	620		1206132	593866	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206706	593683	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1032	7	PL08	PL28	1				HM.Rạch Bàn Hồ.1.N1	HM. Kênh Rạch Tra.1	991		1205860	594048	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206819	594153	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1033	7	65	57					HM.Sông Cầu Xáng.7	Sông Sài Gòn	493		1206197	593667	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206589	593498	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1034	7	PL08	29	PL01				HM. Sông Cầu Xáng.1	Rạch Tra	535		1206756	595270	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207039	594860	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1035	7	65	PL157					Rạch Rỗng Hóa	Rạch Rỗng Hóa	287		1203835	599193	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203727	598937	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1036	7	65	PL158					Rạch Sơ Rơ	Rạch Sơ Rơ	2.124		1203622	601266	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203810	599215	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1037	7	65	PL159					Kênh Đồng Tiến đoạn 2	Kênh Đồng Tiến đoạn 2	278		1199147	595788	Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1199046	596047	Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1038	7	65	PL160					Rạch Tư Trang	Rạch Tư Trang	1.658		1201415	603060	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200628	601658	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1039	7	65	PL161					Rạch Trùm Bích	Rạch Trùm Bích	2.243		1202551	601776	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1204575	601114	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1040	7	65	PL162					Mương Cầu Suối	Mương Cầu Suối	2.183		1200251	597394	Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1201336	595607	Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	
1041	7	65	PL163					Rạch Quản	Rạch Quản	1.315		1203903	602422	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1204187	601358	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1042	7	65	PL164					Rạch Rỗng Tùng	Rạch Rỗng Tùng	2.728		1202415	601455	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1203223	599502	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1043	7	65	PL89	PL02	PL01			Sông Vàm Thuật	Sông Vàm Thuật	616		1205685	600492	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1205098	600603	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1044	7	65	28					Rạch Rồng Trăm	Sông Sài Gòn	970		1204188	600198	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204155	599260	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1045	7	65	PL90					Rạch Cầu Ông Đụng	Sông Sài Gòn	3.323		1204455	599502	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204189	602602	Lái Thiêu, TP. Hồ Chí Minh	
1046	7	65	PL105					Rạch Cầu Trắng	Rạch Cầu Trắng	1.123		1206829	601885	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206822	600905	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1047	7	65	PL106					Rạch Hai Bửu	Rạch Hai Bửu	692		1207945	600989	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207276	601163	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1048	7	65	PL107					Rạch Tư Ớt	Rạch Tư Ớt	300		1207905	600823	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207613	600888	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1049	7	65	PL108					Rạch Mười Định	Rạch Mười Định	311		1207808	599953	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207553	599778	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1050	7	65	PL109					Rạch Cầu Cụt	Rạch Cầu Cụt	623		1206417	602610	Đông Thạnh,	1206186	602036	Đông Thạnh,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1051	7	65	PL110					Rạch Bờ Đê	Rạch Bờ Đê	334		1206465	601207	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206146	601305	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1052	7	65	PL111					Rạch Nhà Vuông	Rạch Nhà Vuông	339		1206491	601285	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206192	601424	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1053	7	65	PL112					Rạch Vân Thành	Rạch Vân Thành	331		1206248	602669	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206144	602355	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1054	7	65	PL113					Rạch Ba Nga	Rạch Ba Nga	124		1206612	602543	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206566	602429	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1055	7	65	PL114					Rạch Tám Đặng	Rạch Tám Đặng	136		1206765	602317	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206809	602446	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1056	7	65	PL115					Rạch Vựa Khạp	Rạch Vựa Khạp	416		1206152	602704	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205988	602323	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1057	7	65	PL116					Mương Tiêu (Trần Quang Cơ nối dài)	Mương tiêu (Trần Quang Cơ nối dài)	2.024		1203644	593581	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1203699	595494	Tân Thới Hiệp, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
																	Chí Minh	
1058	7	65	PL117					Rạch Bà Điểm 2	Rạch Bà Điểm 2	414		1198351	593386	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1197957	593259	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	
1059	7	65	PL118					Rạch Bà Điểm 1	Rạch Bà Điểm 1	2.017		1199706	593479	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1198010	592591	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	
1060	7	65	PL119					Rạch Nam Thới - Thới Tứ	Rạch Nam Thới - Thới Tứ	637		1205586	592919	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205629	593534	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1061	7	65	PL120					Rạch Nguyễn Thị Sóc	Rạch Nguyễn Thị Sóc	246		1200944	592983	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1201032	593197	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1062	7	65	PL121					Rạch Cạnh số nhà 42B QL22 (Xăng dầu Hoàng Anh 1)	Rạch Cạnh số nhà 42B QL22 (Xăng dầu Hoàng Anh 1)	160		1202948	591847	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1202816	591939	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1063	7	65	PL122					Rạch Cạnh số nhà 3/153 QL22	Rạch Cạnh số nhà 3/153 QL22	253		1202954	591890	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1203156	591914	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1064	7	65	PL123					Mương sau Lô B	Mương sau lô B	2.526		1202599	585744	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1202069	588195	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1065	7	65	PL124					Mương Ranh xã XTS-XTT	Mương ranh xã XTS-XTT	982		1203052	589626	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1202773	588777	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1066	7	65	PL125					Rạch Tám Chim	Rạch Tám Chim	691		1207488	592628	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1206848	592710	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1067	7	65	PL126					Rạch Bến Trại	Rạch Bến Trại	1.673		1206909	594613	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205494	594880	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1068	7	65	PL127					Nhánh Rạch Bọng Bầu 2	Nhánh Rạch Bọng Bầu 2	366		1205991	595076	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205668	595235	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1069	7	65	PL128					Nhánh Rạch Bọng Bầu 1	Nhánh Rạch Bọng Bầu 1	170		1206277	595096	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206109	595070	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1070	7	65	PL129					Nhánh 1 Rạch Tra Đặng Thúc Vịnh	Nhánh 1 Rạch Tra Đặng Thúc Vịnh	260		1207258	596921	Đông Thạnh, TP. Hồ	1207004	596892	Đông Thạnh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
1071	7	65	PL130					Nhánh 2 Rạch Tra Đặng Thúc Vịnh	Nhánh 2 Rạch Tra Đặng Thúc Vịnh	252		1207361	597227	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207128	597310	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1072	7	65	PL131					Nhánh Rạch Rỗng bầu 1	Nhánh Rạch Rỗng bầu 1	162		1207029	595264	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207068	595421	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1073	7	65	PL132					Nhánh Rạch Rỗng bầu 2	Nhánh Rạch Rỗng bầu 2	179		1206885	595469	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206858	595301	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1074	7	65	PL133					Nhánh Rạch Rỗng bầu 3	Nhánh Rạch Rỗng bầu 3	108		1206708	595277	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206709	595384	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1075	7	65	PL134					Nhánh Rạch Rỗng bầu 5	Nhánh Rạch Rỗng bầu 5	80		1206707	595180	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206714	595260	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1076	7	65	PL135					Nhánh Rạch Rỗng bầu 4	Nhánh Rạch Rỗng bầu 4	55		1206603	595190	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206615	595243	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1077	7	65	PL136					Rạch Nhà Lầu	Rạch Nhà Lầu	188		1207762	600467	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207575	600483	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1078	7	65	PL137					Rạch Mười Mậu	Rạch Mười Mậu	216		1207737	600356	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207522	600345	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1079	7	65	PL138					Rạch Tư Đơn	Rạch Tư Đơn	235		1207236	602253	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207146	602035	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1080	7	65	PL139					Rạch Hai Bịch	Rạch Hai Bịch	698		1206207	601809	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205576	602106	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1081	7	65	PL140					Rạch Út Hoàng	Rạch Út Hoàng	351		1205801	601788	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205498	601961	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1082	7	65	PL141					Rạch Đấu Cùi	Rạch Đấu Cùi	421		1204863	598625	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205097	598962	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1083	7	65	PL142					Nhánh Rạch Cầu Dừa 1	Nhánh Rạch Cầu Dừa 1	131		1205118	597967	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1204995	598011	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1084	7	65	PL143					Mương Tiêu Nội đồng ấp 4.6	Mương Tiêu Nội đồng ấp 4.6	935		1199010	589052	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1199185	589927	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	
1085	7	65	PL144					Nhánh Rạch Cầu Tre 2	Nhánh Rạch Cầu Tre 2	247		1205516	598739	Đông Thạnh, TP. Hồ	1205333	598902	Đông Thạnh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1086	7	65	PL145					Nhánh Rạch Cầu Tre 1	Nhánh Rạch Cầu Tre 1	132		1205319	598712	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205209	598767	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1087	7	65	PL146					Rạch Tư Hợi và đoạn nhánh	Rạch Tư Hợi và đoạn nhánh	1.474		1205780	599069	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205206	600240	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1088	7	65	PL147					Nhánh Rạch Cầu Tre 3	Nhánh Rạch Cầu Tre 3	116		1205733	598901	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205682	599004	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1089	7	65	PL148					Nhánh Rạch Bọng Bầu 3	Nhánh Rạch Bọng Bầu 3	101		1206051	595278	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205959	595320	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1090	7	65	PL149					Rạch Cầu Cụt	Rạch Cầu Cụt	842		1200855	598985	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200695	598430	An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	
1091	7	65	PL150					Rạch Lý Thường Kiệt	Rạch Lý Thường Kiệt	1.36		1203961	591182	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1203724	592325	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1092	7	65	59					Kênh Ông Đụng	Sông Sài Gòn	509		1199251	588058	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1199264	587564	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1093	7	PL08	2	5				HM.K.An Hạ.4	Kênh Ranh	1.012		1202455	585612	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1202651	584619	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1094	7	PL08	PL34					HM. Kênh Xáng.2	Rạch Tra	1.569		1207299	586856	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1206151	587753	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1095	7	PL08	PL32	PL01				HM.Kênh 2.1	Kênh 2	1.575		1206972	586200	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1206108	584883	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1096	7	65	PL88	3				HM.Rạch. Bà Hồng.5	Rạch. Bà Hồng	340		1206668	600597	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206333	600646	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1097	7	PL08	3	1	PL01			HM.Kênh Xáng.5.N1	Rạch Tra	1.776		1207292	583231	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1207023	584987	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1098	7	PL05	3	PL01				HM.Kênh.Trung Ương.4	Kênh Xáng Lớn	1.858		1206475	587981	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205955	589713	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1099	7	PL08	PL30	PL01				HM.Kênh T2.2	Kênh T2	845		1206454	590677	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1205966	589987	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1100	7	65	PL88	PL02				HM.Rạch. Bà Hồng.9	Rạch. Bà Hồng	487		1206668	601545	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206416	601844	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1101	7	PL08	2	4				Kênh 10	Kênh Ranh	1.101		1202674	585733	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1203223	584778	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1102	7	PL08	3	3				HM.Kênh Xáng.4	Rạch Tra	1.507		1207297	585423	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205799	585259	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1103	7	PL05	3	8				Kênh 9	Kênh Xáng Lớn	2.636		1200903	587983	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1201412	585396	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	
1104	7	PL05	3	10	1	2		HM.Kênh.An Hạ.6.N1.PN2	Kênh Xáng Lớn	880		1201271	588116	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1201341	587240	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1105	7	PL05	3	10	1	3		HM.Kênh.An Hạ.6.N1.PN3	Kênh Xáng Lớn	837		1199812	587675	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1199769	586861	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	
1106	7	PL08	PL31					Kênh T1	Rạch Tra	2.178		1207640	589284	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1205839	590473	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1107	7	PL08	PL33					HM.Kênh Xáng.3	Rạch Tra	2.014		1207275	586364	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205613	587417	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1108	7	PL08	PL32					Kênh 2	Rạch Tra	1.643		1207258	586131	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205667	586538	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1109	7	PL08	PL30					Kênh T2	Rạch Tra	1.723		1207673	589859	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1206282	590848	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1110	7	PL08	3	1				HM.Kênh Xáng.7	Rạch Tra	756		1207571	583208	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1206816	583226	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1111	7	PL05	3	PL01	PL01			HM.Kênh Trung Ương.2	Kênh Xáng Lớn	1.019		1206181	588414	Xuân Thới	1207037	588966	Xuân Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Sơn, TP. Hồ Chí Minh			Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1112	7	PL08	2	2	1			HM.Kênh 10.1	Kênh Ranh	1.584		1202741	585616	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1204113	586408	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1113	7	PL05	3	PL 01	1			HM.Kênh Trung Ương.1	Kênh Xáng Lớn	1.088		1207161	588876	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1206330	588187	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1114	7	PL05	3	PL 04				Kênh 13	Kênh Xáng Lớn	2.075		1205104	587182	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1203916	588849	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1115	7	PL08	2	2				HM.Kênh.An Hạ.2	Kênh Ranh	1.529		1204045	586525	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1204818	585206	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1116	7	PL05	3	PL 03				Kênh 13	Kênh Xáng Lớn	2.66		1205273	587241	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1206538	584929	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1117	7	65	22					HM.Rạch.Cầu Mênh.3	Sông Sài Gòn	230		1206823	598598	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206749	598385	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1118	7	65	PL89					Rạch Cầu Võng	Sông Sài Gòn	1.345		1206001	602812	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1205374	601641	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1119	7	PL05	3	6				HM.Kênh.An Hạ.3	Kênh Xáng Lớn	2.489		1202546	588410	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1203017	585974	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1120	7	PL05	3	7				HM.Kênh.An Hạ.6	Kênh Xáng Lớn	1.807		1201964	587378	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1202252	585598	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	
1121	7	PL05	3	9				Kênh 8	Kênh Xáng Lớn	2.578		1200201	586949	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1200198	586963	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	
1122	7	PL05	3	4				HM.Kênh.Trung Ương.5	Kênh Xáng Lớn	1.906		1204354	588886	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205595	587506	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1123	7	PL05	3	PL 04	PL 02			HM.Kênh 13.3	Kênh 13	2.479		1204481	587973	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1202352	586704	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1124	7	65	PL8 9	PL 01				Rạch Cầu Ba Viên (Rỗng Gòn - Cầu Kho)	Rạch Cầu Võng	1.619		1205388	601641	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205682	600448	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1125	7	65	27					R. Giồng Trăm	Sông Sài Gòn	1		1204778	599459	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1205511	599694	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1126	7	65	PL8 0	1				Rạch Cầu	Rạch Cầu Nhum	2.303		1206966	600679	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206381	598954	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1127	7	65	PL8 0					Rạch Cầu Nhum	Sông Sài Gòn	1.163		1207831	600039	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206739	599849	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1128	7	65	23					HM.Rạch.Cầu Mênh.4	Sông Sài Gòn	487		1206881	599235	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206713	598791	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1129	7	65	20					HM.Rạch.Cầu Mênh.1	Sông Sài Gòn	376		1207339	598930	Đông Thạnh, TP. Hồ	1207189	598615	Đông Thạnh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1130	7	65	PL76					HM.Sông Sài Gòn.1	Sông Sài Gòn	929		1208121	599246	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207643	598708	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1131	7	PL08	PL27	PL01	PL01			HM.Rạch Bà May.1.N1	HM.Rạch Bà May.1	809		1206719	596425	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206761	595698	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1132	7	PL08	PL28	1	1			HM.Rạch Bàn Hồ.1	HM.Rạch Bàn Hồ.1.N1	1.22		1205838	594879	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206179	594111	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1133	7	PL08	3	2				HM.Kênh Xáng.6	Rạch Tra	1.031		1207472	584051	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1206447	583938	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1134	7	65	PL86					HM.Sông Sài Gòn.18	Sông Sài Gòn	777		1207584	602060	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207212	601378	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1135	7	65	PL83					HM.Sông Sài Gòn.15	Sông Sài Gòn	698		1208010	601623	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207416	601258	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1136	7	65	PL77					HM.Sông Sài Gòn.2	Sông Sài Gòn	605		1208052	599360	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207529	599062	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1137	7	65	PL79					HM.Sông Sài Gòn.5	Sông Sài Gòn	624		1207836	599874	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207307	599544	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1138	7	65	PL78					HM.Sông Sài Gòn.3	Sông Sài Gòn	480		1207952	599597	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207543	599347	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1139	7	65	25					HM.Sông Sài Gòn.11	Sông Sài Gòn	496		1207386	600834	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207871	600737	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1140	7	65	PL88	5				HM.Rạch. Bà Hồng.2	Rạch. Bà Hồng	438		1205884	600378	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206322	600370	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1141	7	PL08	2	3				Kênh 11	Kênh Ranh	1.377		1203535	586234	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1204228	585043	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1142	7	PL08	3	PL 01				HM.Kênh Xáng.5	Rạch Tra	1.381		1205979	584869	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1207351	585028	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1143	7	PL05	3	10	1	1		HM.Kênh.An Hạ.6.N1.PN1	Kênh Xáng Lớn	896		1201561	588212	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1201712	587329	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1144	7	PL08	PL29	PL01				HM-Kênh T3-1	Kênh T3	725		1207112	590842	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1206398	590716	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1145	7	PL08	PL29					Kênh T3	Rạch Tra	1.427		1207626	591074	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1207702	590462	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1146	7	65	PL81					HM.Sông Sài Gòn.7	Sông Sài Gòn	397		1207752	600194	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207363	600118	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1147	7	65	24					HM.Sông Sài Gòn.10	Sông Sài Gòn	309		1207548	600688	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207849	600625	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1148	7	65	PL82					HM.Sông Sài Gòn.13	Sông Sài Gòn	234		1208070	601240	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207837	601243	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1149	7	65	PL85					HM.Sông Sài Gòn.17	Sông Sài Gòn	286		1207790	601911	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207636	601670	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1150	7	65	PL87					HM.Sông Sài Gòn.19	Sông Sài Gòn	395		1207352	602173	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207182	601817	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1151	7	65	PL88	PL01				HM.Rạch Bà Hồng.11	Rạch. Bà Hồng	609		1206917	602053	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207357	601643	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1152	7	65	PL84					HM.Sông Sài Gòn.16	Sông Sài Gòn	185		1207926	601782	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1207799	601650	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1153	7	65	PL88	PL05				HM.Rạch Bà Hồng.1	Rạch. Bà Hồng	348		1206349	600077	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206002	600095	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1154	7	65	PL88	PL03				HM.Rạch. Bà Hồng.7	Rạch. Bà Hồng	188		1206490	601211	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206665	601145	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1155	7	65	PL88	4				HM.Rạch Bà Hồng.3	Rạch. Bà Hồng	324		1205980	600496	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206302	600503	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1156	7	65	PL88	2				HM.Rạch Bà Hồng.4	Rạch. Bà Hồng	366		1205932	600651	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206298	600641	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1157	7	65	PL88	1				Rạch Nhà Vuông	Rạch Bà Hồng	287		1206241	601413	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206489	601274	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1158	7	PL05	3	PL 02				HM.Kênh.An Hạ.1	Kênh Xáng Lớn	1.509		1205883	587618	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205030	588829	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1159	7	PL05	3	PL 01	PL 02			HM.Kênh Trung Ương.4	Kênh Xáng Lớn	749		1206026	588839	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1206674	589215	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1160	7	PL05	3	PL 01	2			HM.Kênh Trung Ương.3	Kênh Xáng Lớn	872		1206836	589100	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1206088	588652	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1161	7	PL05	3	PL 03	1			HM.Kênh 13.3	Kênh 13	995		1205074	585566	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1205959	586020	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1162	7	PL08	24					HM.Kênh.Rạch Tra.5	Rạch Tra	563		1208207	591494	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1207658	591497	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1163	7	PL08	PL15					HM.Kênh.Rạch Tra.4	Rạch Tra	593		1207649	591697	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1208224	591761	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1164	7	65	54					HM.Sông Cầu Xáng.6	Sông Sài Gòn	676		1206665	593543	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	1207198	593285	Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
1165	7	PL08	PL27	PL01	PL01	1		HM.Rạch Bà May.1.N1	HM.Rạch Bà May.1	470		1206416	596191	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206861	596069	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1166	7	PL08	PL27	PL01				HM.Rạch Bà May.1	Rạch Tra	474		1206906	596583	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206556	596337	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1167	7	PL05	3	5				Kênh 11	Kênh Xáng Lớn	2.622		1202447	588596	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	1203912	586491	Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	
1168	7	65	PL88					Rạch. Bà Hồng	Sông Sài Gòn	3.688		1207030	602390	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206293	598965	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
1169	7	65	PL88	PL04				HM.Rạch. Bà Hồng.6	Rạch. Bà Hồng	293		1206310	600724	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1206024	600765	Đông Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1170	7	65	PL165					Kênh Đất Sét	Kênh Đất Sét	1.617		1190961	587899	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189532	587143	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1171	7	65	PL166					Kênh Lê Thị Riêng	Kênh Lê Thị Riêng	562		1204971	597993	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204415	598073	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1172	7	65	PL167					Rạch Ông Bảy Còi	Rạch Ông Bảy Còi	394		1205556	602869	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1205452	602489	An Phú Đông, TP. HCM	
1173	7	65	PL168					Rạch Rỗng Lớn	Rạch Rỗng Lớn	775		1204072	598599	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204036	598939	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1174	7	65	PL169					Rạch Nam Lô	Rạch Nam Lô	160		1204560	598396	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204624	598539	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1175	7	65	PL170					Mương Riêu	Mương Riêu	159		1203789	598958	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203846	599106	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1176	7	65	PL171					Rạch Rỗng Hầm	Rạch Rỗng Hầm	745		1203605	599790	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203317	599181	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1177	7	65	PL172					Rạch Nhà Nuôi	Rạch Nhà Nuôi	826		1203200	601144	Thới An, TP.	1202602	600575	Thới An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
1178	7	65	PL173					Rạch Cầu Móng	Rạch Cầu Móng	343		1202981	600038	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203036	599708	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1179	7	65	PL174					Rạch Ba Ton - Cầu Tre	Rạch Ba Ton - Cầu Tre	807		1202650	599369	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203141	599264	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1180	7	65	PL175					Mương Nơ	Mương Nơ	204		1203493	598966	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203548	599162	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1181	7	65	PL176					Rạch Rỗng Trâm	Rạch Rỗng Trâm	2.247		1204644	598626	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204345	600738	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1182	7	65	PL177					Rạch Cơ Khí	Rạch Cơ Khí	189		1201334	600726	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1201466	600856	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1183	7	65	PL178					Rạch Chín Chuyện	Rạch Chín Chuyện	369		1201265	600862	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1200934	600899	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1184	7	65	PL179					Rạch Tư Mành	Rạch Tư Mành	195		1201030	598768	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1201211	598842	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1185	7	65	PL180					Rạch Út Bon	Rạch Út Bon	817		1201427	599465	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1200902	599046	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1186	7	65	PL181					Mương Mười Nghĩa	Mương Mười Nghĩa	464		1200918	599690	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1201205	599446	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1187	7	65	PL182					Nhánh Mương Cầu Suối (nhánh 2)	Nhánh Mương Cầu Suối (nhánh 2)	1.153		1201336	595607	Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	1200781	594962	Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	
1188	7	65	PL183					Kênh Đồng Tiến đoạn 1	Kênh Đồng Tiến đoạn 1	137		1199417	594915	Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1199525	594903	Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1189	7	65	PL184					Rạch Cây Liêm	Rạch Cây Liêm	175		1199080	596180	Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1198976	596257	Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1190	7	65	PL185					Rạch Mướp	Rạch Mướp	845		1201000	601334	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200224	601259	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1191	7	65	PL186					Nhánh Rạch Mướp	Nhánh Rạch Mướp	110		1200528	601307	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200572	601393	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1192	7	65	PL187					Kênh Đất Sét	Kênh Đất Sét	2.077		1202097	601905	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200148	601529	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1193	7	65	PL188					Rạch Thợ Bột	Rạch Thợ Bột	1.775		1202001	602599	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200628	601658	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1194	7	65	PL189					Rạch Láng Le	Rạch Láng Le	2.115		1200813	601858	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202323	603227	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1195	7	65	PL190					Nhánh Rạch Thợ Bột (rạch chùa Thiên Vân)	Nhánh Rạch Thợ Bột (rạch chùa Thiên Vân)	135		1201366	601815	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201292	601928	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1196	7	65	PL191					Rạch Thầy Tư	Rạch Thầy Tư	626		1201435	603267	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201917	603663	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1197	7	65	PL192					Rạch Tư Hổ	Rạch Tư Hổ	648		1202176	602540	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202518	603073	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1198	7	65	PL193					Rạch Cầu Kinh (Đoạn 2)	Rạch Cầu Kinh (Đoạn 2)	1.075		1201206	603140	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202102	603406	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1199	7	65	PL194					Rạch Ba Cưỡng	Rạch Ba Cưỡng	253		1200242	603015	An Phú Đông, TP. Hồ	1200494	603006	An Phú Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
1200	7	65	PL195					Rạch Gia	Rạch Gia	992		1200289	603318	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200327	602393	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1201	7	65	PL196					Rạch Võ Trung Nhứt	Rạch Võ Trung Nhứt	313		1200272	603792	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200566	603695	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1202	7	65	PL197					Rạch Cầu Kinh (Đoạn 1)	Rạch Cầu Kinh (Đoạn 1)	1.227		1200135	603497	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201168	603153	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1203	7	65	PL198					Rạch Thầy Bảo	Rạch Thầy Bảo	506		1200946	604268	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201065	604007	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1204	7	65	PL199					Rạch Cầu Xây	Rạch Cầu Xây	1.209		1200765	603752	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201394	603462	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1205	7	65	PL200					Rạch Ụ Bảy Quán	Rạch Ụ Bảy Quán	326		1200668	605100	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200375	605239	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1206	7	65	PL201					Rạch Ụ Bảy Quán	Rạch Ụ Bảy Quán	256		1200668	605194	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200480	605366	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1207	7	65	PL2 02					Rạch Lũy	Rạch Lũy	347		1201343	604939	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201543	605214	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1208	7	65	PL2 03					Rạch Bà Đương (Đoạn 1)	Rạch Bà Đương (Đoạn 1)	284		1201536	604583	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201819	604581	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1209	7	65	PL2 04					Rạch Bà Đương (Đoạn 2)	Rạch Bà Đương (Đoạn 2)	583		1201228	604668	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201536	604583	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1210	7	65	PL2 05					Nhánh Sông Sài Gòn 4	Nhánh Sông Sài Gòn 4	120		1201512	605036	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201598	605119	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1211	7	65	PL2 06					Nhánh Sông Sài Gòn 1	Nhánh Sông Sài Gòn 1	276		1201298	605034	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201476	605245	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1212	7	65	PL2 07					Nhánh Sông Sài Gòn 8	Nhánh Sông Sài Gòn 8	109		1201705	603811	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201806	603852	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1213	7	65	PL2 08					Nhánh Sông Sài Gòn 7	Nhánh Sông Sài Gòn 7	132		1201626	604157	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201756	604181	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1214	7	65	PL2 09					Nhánh Sông Sài Gòn 5	Nhánh Sông Sài Gòn 5	199		1201556	604377	An Phú Đông, TP. Hồ	1201745	604406	An Phú Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1215	7	65	PL2 10					Rạch Chú Kỳ	Rạch Chú Kỳ	322		1202676	602614	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202842	602888	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1216	7	65	PL2 11					Rạch Lò Heo	Rạch Lò Heo	642		1202376	602432	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202639	602988	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1217	7	65	PL2 12					Rạch Ông Trực	Rạch Ông Trực	228		1202764	602606	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202883	602799	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1218	7	65	PL2 13					Rạch Ụ Ba Chai (nhánh rạch Giao Khẩu)	Rạch Ụ Ba Chai (nhánh rạch Giao Khẩu)	605		1202152	602312	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202672	602014	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1219	7	65	PL2 14					Rạch Giao Khẩu	Rạch Giao Khẩu	1.384		1203049	602652	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202415	601457	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1220	7	65	PL2 15					Rạch Sâu	Rạch Sâu	1.757		1202675	600535	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1201486	600451	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1221	7	65	PL2 16					Rạch Năm Vườn Chuối	Rạch Năm Vườn Chuối	889		1202760	600118	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1202179	599523	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1222	7	65	PL2 17					Rạch Kênh Mới	Rạch Kênh Mới	438		1201945	599938	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1202179	599569	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1223	7	65	PL2 18					Rạch Tám Giáo - Tâm Mập	Rạch Tám Giáo - Tâm Mập	656		1201888	600553	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1201941	600493	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1224	7	65	PL2 19					Rạch Cù Lao Bá Hộ	Rạch Cù Lao Bá Hộ	488		1205748	602825	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1205620	602414	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1225	7	65	PL2 20					Rạch Cầu Móng	Rạch Cầu Móng	413		1205348	602929	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1205242	602531	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1226	7	65	PL2 21					Rạch Út Hoảnh	Rạch Út Hoảnh	128		1204108	602419	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1204164	602304	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1227	7	65	PL2 22					Nhánh Rạch Quản - Võ Tây (đường TL39)	Nhánh Rạch Quản - Võ Tây (đường TL39)	497		1203339	602091	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1203785	601878	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1228	7	65	PL2 23					Rạch Võ Tây	Rạch Võ Tây	367		1203785	601878	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1204017	602158	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1229	7	65	PL2 24					Nhánh Rạch Quản	Nhánh Rạch Quản	427		1204067	602114	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1203813	601772	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1230	7	65	PL2 25					Rạch Sáu Đuông	Rạch Sáu Đuông	130		1204177	601644	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204284	601569	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1231	7	65	PL2 26					Rạch Bà Ngâu	Rạch Bà Ngâu	466		1204134	602008	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1203862	601632	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1232	7	65	PL2 27					Rạch Ông Sỏi	Rạch Ông Sỏi	614		1203064	601914	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1203297	602481	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1233	7	65	PL2 28					Rạch Ông Học	Rạch Ông Học	1.102		1202688	601998	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1203688	601544	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1234	7	65	PL2 29					Sông Rỗng Trâu	Sông Rỗng Trâu	502		1204670	599182	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204547	598701	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1235	7	65	PL2 30					Nhánh Mương Cầu Suối (Nhánh 1)	Nhánh Mương Cầu Suối (Nhánh 1)	1.425		1202146	594677	Trung Mỹ Tây,	1201336	595607	Trung Mỹ Tây,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1236	7	65	PL231					Rạch Ba Nhan (nhánh rạch Giao Khẩu)	Rạch Ba Nhan (nhánh rạch Giao Khẩu)	183		1202348	601281	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202417	601450	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1237	7	65	PL232					Rạch Tám Quỳnh	Rạch Tám Quỳnh	212		1202507	601189	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1202659	601337	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1238	7	65	PL233					Rạch Sáu Sửu	Rạch Sáu Sửu	537		1198277	602771	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1198744	603022	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1239	7	65	PL234					Rạch Ghe Máy	Rạch Ghe Máy	585		1199566	602876	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1199149	602525	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1240	7	65	PL235					Rạch Thầy Quyền	Rạch Thầy Quyền	1.28		1201677	600640	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1200722	600088	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1241	7	65	PL236					Rạch Bà Cam	Rạch Bà Cam	309		1203463	602392	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1203348	602106	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1242	7	65	PL237					Rạch Trâm	Rạch Trâm	884		1200555	604784	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200325	604448	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1243	7	65	39					Q12.SaiGon.7	Sông Sài Gòn	613		1201126	603726	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1201710	603799	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1244	7	65	41					Q12.Rạch Bến Cát.12	Sông Sài Gòn	402		1199997	602409	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	1199734	602135	An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1245	7	65	32					Rạch Giao Khẩu	Sông Sài Gòn	2.398		1202187	600815	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1202191	600814	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1246	7	65	32	1				Rạch Bà Hẹ	Rạch Giao Khẩu	711		1203036	600738	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1203239	600095	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1247	7	65	PL90	PL01				Rạch Cầu Số 3	Rạch Cầu Ông Đụng	796		1205359	601610	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204580	601728	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1248	7	65	PL90	1				Q12.Rạch Bến Cát.1	Rạch Cầu Ông Đụng	413		1204331	600766	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1204272	601174	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1249	7	65	38					Rạch Cán Dù	Sông Sài Gòn	1.238		1201039	600432	An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh	1200390	601024	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1250	7	65	32	1	1			Q12.Rạch Bến Cát.6	Rạch Bà Hẹ	512		1203040	600476	Thới An, TP.	1202764	600116	Thới An,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1251	7	65	29					Q12.Sông.VamThuat.13.N15.PN5	Sông Sài Gòn	429		1202917	599664	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1202949	599328	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1252	7	65	34					Q12.Rạch Bến Cát.7	Sông Sài Gòn	778		1201485	598943	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1201895	599272	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1253	7	65	30					Q12.Sông VamThuat.13.N15.PN4	Sông Sài Gòn	937		1202599	598751	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1202668	599318	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1254	7	65	35					Q12.Rạch Bến Cát.8	Sông Sài Gòn	327		1201439	599251	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1201745	599362	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1255	7	65	36					Q12.Rạch Bến Cát.9	Sông Sài Gòn	931		1201575	598605	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	1201566	599536	Thới An, TP. Hồ Chí Minh	
1256	7	PL06	2	PL 30				Sông Phướng	Sông Phướng	1.727		1187432	588259	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187016	589934	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
1257	7	PL25						Rạch Đỉa - Rạch Rơi - Sông Phú Xuân	Rạch Đỉa - Rạch Rơi - Sông Phú Xuân	9.7		1186250	602644	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183860	608887	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1258	7	PL06	2	PL 31				Rạch Ông Lớn 2 - Sông Phước Kiểng -Mương Chuối	Rạch Ông Lớn 2 - Sông Phước Kiểng -Mương Chuối	9.109		1184775	602493	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1179634	607756	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1259	7	PL06	2	PL 32				Nhánh Rạch Bà Tàng 1	Nhánh Rạch Bà Tàng 1	1.247		1184654	597619	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185612	596827	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1260	7	PL06	2	PL 33				Nhánh Rạch Bà Tàng 2 (Rạch Mã Voi)	Nhánh Rạch Bà Tàng 2 (Rạch Mã Voi)	2.345		1183547	597537	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185449	596721	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1261	7	PL06	2	PL 34				Sông Cái Trung	Sông Cái Trung	5.808		1183395	592040	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1187016	589934	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
1262	7	PL06	2	PL 35				Kênh AH-KC	Rạch Bà Lào	8.231		1194026	583572	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1190076	589851	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1263	7	PL06	2	PL 14				NB.Rạch Bà Lào.1	Rạch Xóm Củi	319		1182538	600814	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182590	601087	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1264	7	PL06	2	PL 12				NB.Rạch Gò Nổi.3	Rạch Xóm Củi	332		1182865	600853	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182872	601159	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1265	7	PL06	2	PL 13				NB.Rạch Gò Nổi.4	Rạch Xóm Củi	424		1182778	600839	Nhà Bè, TP.	1182763	601219	Nhà Bè, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
1266	7	PL06	2	10				NB.Rạch Gò Nổi.2	Rạch Xóm Củi	572		1183270	600866	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182988	601220	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1267	7	PL05	3	18	PL 01	2	3	BT.Kênh 3.2	Kênh Xáng Lớn	1.515		1187281	588879	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1188796	588844	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
1268	7	PL07	38					BT.Rạch Hương Nhan.2	Sông Bến Lức	1.091		1186628	590793	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186856	591841	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
1269	7	PL07	PL20					Rạch Cống Ông Phước	Sông Bến Lức	1.66		1182520	596712	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183016	595443	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1270	7	PL07	15					NB.Kênh Cây Khô.3.N1	Sông Bến Lức	140		1185571	602317	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185634	602423	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1271	7	PL07	12	PL 01				BC.Rạch Cây Khô.2	Sông Bến Lức	145		1186015	602508	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186025	602376	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1272	7	PL07	1	2	PL 04			BC.R. Tân Quy.4	Rạch Ổ Cu Kiến Vàng	678		1183577	587116	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184238	586977	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1273	7	PL08	2	12				Kênh Nước Mắm	Kênh Ranh	868		1193495	583239	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193906	582476	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1274	7	PL06	2	2				BC.Rạch Xóm Củi.4	Rạch Bà Lào	531		1185655	600841	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185648	600323	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1275	7	PL08	2	PL 03				Kênh AH18-1	Kênh Ranh	1.033		1200215	583989	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1199967	584992	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1276	7	PL08	2	9				Kênh AH20-1	Kênh Ranh	1.02		1199030	584753	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1199272	583762	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1277	7	PL05	3	16	1			BC.Kênh Liên Vùng.1	Kênh Xáng Lớn	1.901		1193817	587363	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1194306	585526	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1278	7	PL07	3	3	2	PL01		Kênh Bảy Quế	Kênh Thày Thuốc	579		1185701	584447	Bình Lợi., TP. Hồ Chí Minh	1186171	584776	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1279	7	PL05	3	23	PL 03	3	PL08	BC.Kênh C24.1	Kênh Xáng Lớn	675		1184468	588258	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1185028	588014	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1280	7	PL05	3	2	4	1	1	Kênh Lò Búng	BC.Kênh Ranh. Đ2	1.547		1187932	581804	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186593	581032	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1281	7	PL07	2	PL 01	1			BC.Rạch Ông Đồ.3	Rạch Ông Thoàn	2.823		1180458	590245	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1178895	588565	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1282	7	PL05	3	27				Kênh Cấp 2	Kênh Xáng Lớn	3.297		1186512	581883	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189061	579793	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1283	7	PL06	2	PL 36				Rạch Bà Tỵ	Rạch Bà Tỵ	3.91		1185681	585731	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1181847	586003	Tân Nhựt Thành, TP. Hồ Chí Minh	
1284	7	PL06	2	PL 37				Rạch Ông Đồ	Rạch Ông Đồ	3.07		1179586	589459	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1182434	589469	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1285	7	PL06	2	PL 38				Rạch Gia (Cầu Gia)	Rạch Gia (Cầu Gia)	5.471		1182635	595383	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1177952	592872	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1286	7	PL06	2	PL 39				Kênh T17	Kênh T17	1.603		1191903	588944	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1191166	587572	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1287	7	PL06	2	PL 40				Rạch Cung	Rạch Cung	3.098		1181834	592932	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1179560	591239	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1288	7	PL06	2	PL 41				Rạch Chiểu	Rạch Chiểu	661		1185941	598201	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185900	598836	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1289	7	PL06	2	PL 42				Rạch Đắp Ông Hiền - Ông Niệm	Rạch Đắp Ông Hiền - Ông Niệm	2.926		1181593	599516	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183201	599783	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1290	7	PL06	2	PL 43				Kênh T12	Kênh T12	3.591		1179438	593644	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1178635	590998	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1291	7	PL06	2	PL 44				Rạch Ngọn Đình (Chi lưu rạch Ông Đồ)	Rạch Ngọn Đình (Chi lưu rạch Ông Đồ)	879		1180458	590245	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1180424	589515	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1292	7	PL06	2	PL 45				Nhánh Rạch Bà Gốc 2 (Rạch Mỹ Phú)	Nhánh Rạch Bà Gốc 2 (Rạch Mỹ Phú)	3.414		1184657	588725	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184985	591120	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1293	7	PL06	2	PL 46				Rạch Cầu Suối	Rạch Cầu Suối	6.465		1197809	589389	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1192493	588695	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1294	7	PL06	2	PL 47				Kênh Xáng An Hạ - Kênh Xáng Lý Văn Mạnh	Kênh Xáng An Hạ - Kênh Xáng Lý Văn Mạnh	18.453		1193284	583365	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1182763	590422	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1295	7	PL06	2	PL 48				Rạch Bà Đá	Rạch Bà Đá	1.614		1182809	590732	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1181322	590544	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1296	7	PL06	2	PL 49				Rạch Tắc Bến Rô	Rạch Tắc Bến Rô	2.077		1184788	602485	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185486	600921	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1297	7	PL06	2	PL 50				Nhánh Rạch Bà Lớn 5	Nhánh Rạch Bà Lớn 5	828		1185905	597639	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185301	597521	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1298	7	PL06	2	PL 51				Nhánh Rạch Bà Lớn 4	Nhánh Rạch Bà Lớn 4	690		1185301	597521	Bình Hưng, TP. Hồ	1185834	597861	Bình Hưng, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1299	7	PL06	2	PL 52				Nhánh Rạch Bà Lớn 6	Nhánh Rạch Bà Lớn 6	220		1186239	597373	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186069	597234	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1300	7	PL06	2	PL 53				Nhánh Rạch Bà Lớn 2	Nhánh Rạch Bà Lớn 2	659		1185301	597521	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184939	597912	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1301	7	PL06	2	PL 54				Nhánh Rạch Ông Lớn 1	Nhánh Rạch Ông Lớn 1	1.197		1185386	602461	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185851	601453	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1302	7	PL06	2	PL 55				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 5 (Rạch Lum Mới)	Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 5 (Rạch Lum Mới)	2.101		1185156	601020	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185400	599094	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1303	7	PL06	2	PL 56				Nhánh Rạch Bà Lào-Xà Tòn 14	Nhánh Rạch Bà Lào-Xà Tòn 14	1.684		1184802	599081	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183171	598800	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1304	7	PL06	2	PL 57				Rạch Thủ Đảo	Rạch Thủ Đảo	1.247		1183067	598782	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183214	599761	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1305	7	PL06	2	PL 58				Rạch Ông Chồm	Rạch Ông Chồm	904		1183067	598782	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183346	597992	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1306	7	PL06	2	PL 59				Nhánh Sông Cần Giuộc 2	Nhánh Sông Cần Giuộc 2	2.35		1181267	596539	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1182037	598432	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1307	7	PL06	2	PL 60				Rạch Giao thông hào ấp 2 (rạch R4-Quốc lộ 1A)	Rạch Giao thông hào ấp 2 (rạch R4-Quốc lộ 1A)	915		1179328	587504	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1178680	588133	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1308	7	PL06	2	PL 61				Nhánh Sông Cần Giuộc 1	Nhánh Sông Cần Giuộc 1	3.898		1181025	596507	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178098	595091	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1309	7	PL06	2	PL 62				Nhánh Rạch Bà Gốc 1(Rạch Hương Nhơn)	Nhánh Rạch Bà Gốc 1(Rạch Hương Nhơn)	2.231		1186340	591807	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1184384	591455	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1310	7	PL06	2	PL 63				Nhánh Rạch Nước Lên 2	Nhánh Rạch Nước Lên 2	749		1186945	590555	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186268	590396	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
1311	7	PL06	2	PL 64				Kênh ấp 4 - xã Bình Chánh (Trịnh Như Khuê)	Kênh ấp 4 - xã Bình Chánh (Trịnh Như Khuê)	1.638		1180174	590332	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1179137	589087	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1312	7	PL06	2	PL 65				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 10	Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 10	734		1184506	601218	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185033	601623	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1313	7	PL06	2	PL 66				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 11	Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 11	262		1184413	601101	Bình Hưng, TP. Hồ	1184488	600880	Bình Hưng, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1314	7	PL06	2	PL 67				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 9	Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 9	1.034		1185912	600715	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186034	599742	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1315	7	PL06	2	PL 68				Nhánh Rạch Bà Lào 5	Nhánh Rạch Bà Lào 5	1.093		1181700	600289	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182597	600736	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1316	7	PL06	2	PL 69				Nhánh Rạch Bà Lào 1	Nhánh Rạch Bà Lào 1	871		1181866	601037	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181700	600289	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1317	7	PL06	2	PL 70				Nhánh rạch Bà Lào 2	Nhánh rạch Bà Lào 2	599		1182104	601015	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181932	600476	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1318	7	PL06	2	PL 71				Nhánh Rạch Chồm 1	Nhánh Rạch Chồm 1	203		1183890	598341	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183823	598533	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1319	7	PL06	2	PL 72				Rạch Út Nói	Rạch Út Nói	871		1196446	590017	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1196476	589147	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1320	7	PL06	2	PL 73				Kênh ấp 4 - xã Bình Hưng	Kênh ấp 4 - xã Bình Hưng	757		1186489	600398	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186757	601105	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1321	7	PL06	2	PL 74				Rạch Chiêu - Cầu Bà Cả	Rạch Chiêu - Cầu Bà Cả	3.878		1179992	601378	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181458	598474	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1322	7	PL06	2	PL 75				Nhánh Rạch Bà Lào-Xà Tờn 1	Nhánh Rạch Bà Lào-Xà Tờn 1	488		1183583	599774	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183662	599303	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1323	7	PL06	2	PL 76				Nhánh Rạch Bà Lào-Xà Tờn 3	Nhánh Rạch Bà Lào-Xà Tờn 3	216		1184390	599937	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184340	600144	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1324	7	PL06	2	PL 77				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 3	Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 3	268		1183701	600611	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183784	600814	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1325	7	PL06	2	PL 78				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 1	Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 1	631		1183436	600849	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183591	600359	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1326	7	PL06	2	PL 79				Rạch Ông Bé	Rạch Ông Bé	1.934		1187787	601850	Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186232	602571	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1327	7	PL06	2	PL 80				Rạch Lồng Đèn - Bà Đập	Rạch Lồng Đèn - Bà Đập	3.377		1183349	595017	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	1181837	592933	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1328	7	PL06	2	PL 81				Nhánh Rạch Bà Lớn 1	Nhánh Rạch Bà Lớn 1	592		1184717	598083	Bình Hưng, TP. Hồ	1184238	597906	Bình Hưng, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1329	7	PL06	2	PL 82				Nhánh Rạch Chồm 5	Nhánh Rạch Chồm 5	601		1184631	597983	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184207	598376	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1330	7	PL06	2	PL 83				Nhánh Rạch Tắc Bến Rô 1	Nhánh RạchTắc Bến Rô 1	645		1186117	601314	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185553	601427	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1331	7	PL06	2	PL 84				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 16	Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 16	53		1186221	600352	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186238	600402	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1332	7	PL06	2	PL 85				Rạch Bà Môn	Rạch Bà Môn	1.277		1181938	591558	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183127	591659	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1333	7	PL06	2	PL 86				Rạch Xóm Củi-Gò Nổi (đoạn 2)	Rạch Bà Lào	140		1186668	600403	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186725	600276	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1334	7	PL06	2	PL 03				BC.Rạch Tắc Bến Rô.2	Rạch Tắc Bến Rô	1.053		1184731	602137	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184683	601375	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1335	7	PL06	2	PL 24				Rạch Cống Chùa	Rạch Bà Lào	2.012		1180648	601586	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1180357	600259	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1336	7	PL06	2	PL 24	1	1		BC.Rạch.Ba Leo.4.N2.PN1	Rạch Cống Chùa	411		1181279	600620	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181276	600861	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1337	7	PL06	2	PL 21	1			BC.Rạch Bà Lào.3	Nhánh Rạch Bà Lào-Xà Tòn 6	184		1181611	600824	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181541	600973	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1338	7	PL07	16					BC.Kênh Cây Khô.4.N1	Sông Bến Lức	275		1185293	602052	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185539	602021	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1339	7	PL06	2	PL 23				BC.Rạch Bà Lào.4	Rạch Bà Lào	336		1180450	601364	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1180319	601127	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1340	7	PL07	13					BC.Kênh Cây Khô.2	Sông Bến Lức	318		1185782	602382	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185873	602476	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1341	7	PL07	PL07					Kênh Nội Đồng Đê số 1	Sông Bến Lức	1.506		1182432	589128	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183788	588909	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1342	7	PL07	45					BC.Rạch Hưng Nhơn.1	Sông Bến Lức	940		1184422	591512	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184242	592429	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1343	7	PL07	PL09					Kênh T23	Sông Bến Lức	868		1183086	591368	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183914	591105	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1344	7	PL07	44					Kênh Bờ Xe Lam	Sông Bến Lức	757		1184839	591804	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184593	592520	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1345	7	PL07	40					Kênh Bảy Chiến	Sông Bến Lức	645		1185582	591937	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1185473	592573	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
1346	7	PL05	3	18	PL01	5	1	BC.Kênh B16.2	Kênh Xáng Lớn	679		1187870	584739	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188172	585272	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1347	7	PL05	3	17	PL01			BC.Kênh 500.1	Kênh Xáng Lớn	1.545		1193206	584770	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193400	583631	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1348	7	PL08	2	PL07	1			BC.Kênh. An Hạ.5.N1	Kênh Ranh	988		1195223	583480	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1196180	583724	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1349	7	PL08	2	PL 07	PL 02			BC.Kênh. An Hạ.5.N2	Kênh Ranh	994		1196246	583475	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1195283	583226	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1350	7	PL08	2	PL 07	PL 01			BC.Kênh. An Hạ.5.N3	Kênh Ranh	999		1196311	583223	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1195341	582985	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1351	7	PL08	2	PL 05	1			BC.Kênh. An Hạ.7.N1	Kênh Ranh	975		1196214	583730	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1197159	583969	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1352	7	PL08	2	9	1			BC.Kênh. An Hạ.8.N3	Kênh Ranh	1.005		1198190	583962	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1199163	584211	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1353	7	PL05	3	27	PL 04			BC.Kênh. Độc Lập.1.N1	Kênh Xáng Lớn	365		1186512	581883	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186286	581597	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1354	7	PL05	3	27	PL 02			BC.Kênh Ranh Đ2.1	Kênh Xáng Lớn	580		1186910	581558	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186546	581107	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1355	7	PL07	46					Kênh T24	Sông Bến Lức	714		1183969	591380	Tân Nhựt, TP. Hồ	1183284	591581	Tân Nhựt, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1356	7	PL07	2	PL01	1	1	PL01	BC.Rạch Cung.1	Rạch Ông Thoàn	804		1179702	590487	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1179652	591290	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1357	7	PL07	1	2	PL03			BC.Rạch Ổ Cu Kiến Vàng.4	Rạch Ổ Cu Kiến Vàng	699		1183575	587046	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184255	586896	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1358	7	PL07	1	2	PL01			BC.Rạch ổ Cu Kiến Vàng.1	Rạch Ổ Cu Kiến Vàng	587		1183367	586493	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183939	586368	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1359	7	PL07	2	PL02				Kênh Miếu Ông Đá (rạch R5-Quốc Lộ 1A)	Rạch Ông Thoàn	1.568		1179343	587498	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1178083	588242	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1360	7	PL05	3	18	PL01	PL02	PL02	BC.Kênh C6	Kênh Xáng Lớn	2.532		1190376	586590	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189220	588843	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1361	7	PL05	3	PL06	PL01	PL02		Kênh A12	Kênh Xáng Lớn	2.095		1190965	582351	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190043	584232	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1362	7	PL05	3	PL07				Kênh A6	Kênh Xáng Lớn	1.926		1191897	583016	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191071	584755	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1363	7	PL05	3	26				Kênh 9	Kênh Xáng Lớn	431		1191692	582278	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191353	582544	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1364	7	PL05	3	3	1	1		Kênh Sáu áp	Kênh Ngang	817		1192219	582154	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1193034	582113	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1365	7	PL08	2	9	PL 01			BC.K. An Hạ.8.N2	Kênh Ranh	1.006		1199103	584457	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1198128	584208	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1366	7	PL05	3	27	PL 03			BC.K. Độc Lập.1.N2	Kênh Xáng Lớn	412		1186717	581715	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186459	581394	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1367	7	PL07	1	1	PL 01			BC.Rạch Bà Miêu.1	Rạch Bà Miêu	952		1183876	585331	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184827	585343	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1368	7	PL05	3	18	PL 01	5	6	Rạch Láng Tiền	Kênh Xáng Lớn	728		1186538	589025	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1187188	589271	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
1369	7	PL07	43					BC.Rạch. Cái Trung.1	Sông Bến Lức	1.414		1185178	591244	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1184730	592585	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	
1370	7	PL07	PL11					Kênh A (Tân Túc)	Sông Bến Lức	1.872		1182086	587979	Tân Nhựt, TP. Hồ	1180243	588259	Bình Chánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1371	7	PL07	PL05	1				Kênh nội đồng Đê số 4	Kênh nội đồng Đê số 2	1.683		1182947	586148	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1182811	587826	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1372	7	PL07	3	3	2	PL02		Kênh Thân Khải	Kênh Thày Thuốc	615		1185534	584714	Bình Lợi., TP. Hồ Chí Minh	1186071	585014	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1373	7	PL05	3	PL06	PL04			BC.Kênh A6.2	Kênh Xáng Lớn	1.249		1192720	584181	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191610	583609	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1374	7	PL05	3	25				Kênh Số 12	Kênh Xáng Lớn	820		1192594	582321	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1192449	583113	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1375	7	PL08	2	PL05	PL01			BC.Kênh. An Hạ.7.N2	Kênh Ranh	977		1197225	583723	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1196278	583481	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1376	7	PL08	2	7				BC.Kênh. An Hạ.12	Kênh Ranh	992		1200448	585114	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1200703	584156	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1377	7	PL08	2	PL01				BC.Kênh. An Hạ.13	Kênh Ranh	987		1201659	584404	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1201379	585351	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1378	7	PL08	2	8				BC.Kênh. An Hạ.11	Kênh Ranh	996		1199498	584874	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1199751	583911	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1379	7	PL08	2	PL 04				BC.Kênh. An Hạ.9	Kênh Ranh	987		1198782	583673	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1198547	584631	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1380	7	PL05	3	27	PL 01			BC.Kênh. Độc Lập.1.N4	Kênh Xáng Lớn	667		1187104	581402	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186685	580882	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1381	7	PL07	2	PL 01	1	PL0 1		Kênh 42	Rạch Ông Thoàn	698		1180233	589195	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1180930	589221	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1382	7	PL07	47					Rạch Ba Thước	Sông Bến Lức	1.692		1184049	585832	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1185305	586327	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1383	7	PL07	PL0 3					BC.Rạch Bà Tỵ.88.1	Sông Bến Lức	882		1181822	585887	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1182448	586015	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1384	7	PL07	1	PL 01				Kênh Sáu Oanh	Kênh Ranh	950		1185034	584959	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1184596	585798	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1385	7	PL07	3	3	PL 01	4		Kênh Bảy Hinh	Kênh Thầy Thuốc	772		1186708	582392	Bình Lợi, TP. Hồ	1187374	582782	Bình Lợi, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1386	7	PL07	2	PL 01				Kênh T1-3	Rạch Ông Thoàn	928		1179569	587671	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1179271	588550	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1387	7	PL05	3	18	PL 01	1	PL0 8	BC.Kênh C8.1	Kênh Xáng Lớn	1.062		1188922	588382	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189564	589223	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1388	7	PL05	3	20	1			BC.Kênh A22.1	Kênh Xáng Lớn	2.906		1189114	583474	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191707	584786	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1389	7	PL05	3	PL 08	1			BC.Kênh 9.7	Kênh Xáng Lớn	2.543		1189028	582269	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191283	583443	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1390	7	PL08	2	PL 06				Kênh AH26-1	Kênh Ranh	675		1196382	583076	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1196214	583730	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1391	7	PL08	2	10				Kênh AH22-1	Kênh Ranh	1.008		1198051	584508	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1198297	583530	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1392	7	PL08	2	6	2			BC.Kênh 7.1	Kênh Ranh	1.988		1200045	584675	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1201969	585176	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1393	7	PL05	3	PL 10				Kênh Hai Ngôi	Kênh Xáng Lớn	729		1188696	579209	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188125	579662	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1394	7	PL07	3	3	PL 01	3		BC.Kênh. Thầy Thuốc.1.N3.PN1	Kênh Thày Thuốc	1.099		1186338	582042	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187023	582901	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1395	7	PL08	2	PL 03	PL 01			BC.Kênh. An Hạ.8.N1	Kênh Ranh	1.959		1199980	584941	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1198087	584435	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1396	7	PL05	3	PL 05				BC.BC.Kênh Liên Vùng.2	Kênh Xáng Lớn	1.855		1197243	584347	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1196809	586151	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1397	7	PL08	2	6	PL 01			BC.Kênh 7.2	Kênh Ranh	1.99		1202031	584934	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1200105	584435	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1398	7	PL08	2	6	1			BC.Kênh 7.3	Kênh Ranh	1.995		1200167	584182	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1202095	584692	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1399	7	PL05	3	PL 06	PL 05			BC.Kênh A6.1	Kênh Xáng Lớn	1.616		1192631	584359	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191189	583628	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1400	7	PL05	3	PL 06	PL 01	PL0 3		BC.Kênh 9.7.N4	Kênh Xáng Lớn	979		1190886	582128	Bình Lợi, TP. Hồ	1190449	583004	Bình Lợi, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1401	7	PL07	47	1				Kênh Bốn Thước	Rạch Ba Thước	1.325		1185464	586048	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184145	586142	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1402	7	PL07	PL10	PL01				Kênh B (Tân Túc)	Sông Chợ Đệm	1.15		1180914	588647	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1182057	588778	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1403	7	PL05	3	3	1	PL06		BC.K. Cầu Xáng.3	Kênh Ngang	1.483		1190124	578529	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188952	579438	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1404	7	PL08	2	PL09				Kênh Bảy Thuận	Kênh Ranh	954		1194397	582640	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193967	583491	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1405	7	PL05	3	PL06	PL06			BC.Kênh A20.2	Kênh Xáng Lớn	4.913		1192538	584542	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188156	582335	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1406	7	PL05	3	18	PL01	PL01	PL08	Kênh C2	Kênh Xáng Lớn	2.555		1191091	587419	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189958	589710	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1407	7	PL05	3	27	PL05	PL01		Kênh Năm Xuyên	Kênh Xáng Lớn	1.397		1186208	582118	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187175	583126	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1408	7	PL07	1	2	PL 02			BC.Rạch ổ Cu Kiến Vàng.2	Rạch Ổ Cu Kiến Vàng	692		1183566	586927	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184228	586729	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1409	7	PL07	PL0 5					Kênh nội đồng Đê số 2	Sông Bến Lức	2.387		1182087	587800	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184453	587822	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1410	7	PL05	3	18	PL 01	1	PL1 0	BC.Kênh C6.1	Kênh Xáng Lớn	1.033		1190343	588919	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189399	588498	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1411	7	PL05	3	27	PL 05	PL0 2		Kênh Năm Giáp	Kênh Xáng Lớn	1.464		1186084	582218	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187064	583305	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1412	7	PL07	3	3	PL 01	2		Kênh Chài Chìm	Kênh Thày Thuốc	1.521		1185933	582447	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186836	583671	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1413	7	PL05	3	PL 06	PL 01	PL0 4		BC.Kênh 9.7.N3	Kênh Xáng Lớn	1.012		1190755	582023	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190314	582934	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1414	7	PL07	3	3	PL 01	1		BC.Rạch. Chài Chim.2	Kênh Thày Thuốc	995		1185806	582521	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186422	583302	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1415	7	PL05	3	PL 08				Kênh A8	Kênh Xáng Lớn	1.848		1191553	582924	Bình Lợi, TP. Hồ	1190713	584571	Bình Lợi, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1416	7	PL05	3	3	1	7		Kênh Tràm Lầy 2	Kênh Ngang	1.483		1188850	579305	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190027	578403	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1417	7	PL05	3	PL 09				Kênh A10	Kênh Xáng Lớn	2.046		1191325	582589	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190407	584418	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1418	7	PL08	2	PL 10				Kênh Bà Tư Bốn	Kênh Ranh	1		1194306	582569	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193862	583465	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1419	7	PL05	3	3	1	2		Kênh Số 8	Kênh Ngang	1.873		1191113	582253	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1192868	581918	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1420	7	PL05	3	3	1	PL01	1	Kênh Số 10	Kênh số 6	2.144		1191618	582831	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191819	580807	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1421	7	PL05	3	3	1	2	1	Kênh Số 12	Kênh số 8	1.086		1192248	582940	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1192367	581891	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1422	7	PL05	3	22				Kênh A16	Kênh Xáng Lớn	2.856		1189000	583708	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190176	581105	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1423	7	PL05	3	18	PL01	PL01	PL01	BC.Kênh B16.6	Kênh Xáng Lớn	5.33		1192054	585367	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187298	582965	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1424	7	PL05	3	18	PL01	PL01	PL02	BC.Kênh B18.1	Kênh Xáng Lớn	4.077		1192015	585580	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188385	583725	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1425	7	PL05	3	18	PL01	PL01	PL03	BC.Kênh B20.1	Kênh Xáng Lớn	5.299		1191924	585763	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187203	583356	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1426	7	PL05	3	18	PL01	1	PL01	BC.Kênh B16.5	Kênh Xáng Lớn	4.828		1191399	585737	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187105	583529	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1427	7	PL05	3	18	PL01	2	PL01	BC.Kênh B16.4	Kênh Xáng Lớn	2.986		1190437	585467	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187781	584102	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1428	7	PL05	3	18	PL01	1	PL03	BC.Kênh B16.3	Kênh Xáng Lớn	4.147		1191239	586105	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187551	584208	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1429	7	PL05	3	18	PL01	2	PL02	BC.Kênh B12.4	Kênh Xáng Lớn	1.595		1190254	585816	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188837	585083	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1430	7	PL05	3	18	PL01	1	PL04	BC.Kênh B12.3	Kênh Xáng Lớn	3.092		1191023	586480	Bình Lợi, TP. Hồ	1188292	585031	Bình Lợi, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
1431	7	PL05	3	19	PL 03			BC.Kênh B12.2	Kênh Xáng Lớn	3.655		1191475	586921	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188217	585265	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1432	7	PL05	3	18	PL 01	PL0 2	PL0 1	BC.Kênh B12.1	Kênh Xáng Lớn	2.543		1190376	586590	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188120	585415	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1433	7	PL05	3	18	PL 01	2	PL0 3	BC.Kênh B12.5	Kênh Xáng Lớn	2.065		1189847	586536	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188010	585593	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1434	7	PL05	3	18	PL 01	PL0 1	PL0 7	BC.Kênh C12.1	Kênh Xáng Lớn	3.579		1191127	587344	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187905	585799	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1435	7	PL05	3	23	PL 03	2		BC.Kênh 12.2	Kênh Xáng Lớn	1.527		1185902	585632	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187428	585569	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1436	7	PL05	3	PL 06	PL 08			BC.Kênh A16.1	Kênh Xáng Lớn	4.886		1192307	584871	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187949	582663	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1437	7	PL05	3	PL 06	PL 07			BC.Kênh A20.1	Kênh Xáng Lớn	4.926		1192452	584712	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188052	582499	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1438	7	PL05	3	PL 06	PL 01	2		BC.Kênh 9.7.N1	Kênh Xáng Lớn	1.628		1189286	582406	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189945	580918	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1439	7	PL05	3	PL 06	PL 01	1		BC.Kênh 9.7.N2	Kênh Xáng Lớn	1.568		1189713	582883	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190353	581451	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1440	7	PL05	3	PL 06	PL 02			BC.Kênh 9.8	Kênh Xáng Lớn	4.184		1192903	583820	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189175	581922	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1441	7	PL05	3	20	PL 01			BC.Kênh B22.2	Kênh Xáng Lớn	4.627		1191628	584945	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187497	582861	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1442	7	PL05	3	PL 06	PL 03			BC.Kênh A4.1	Kênh Xáng Lớn	1.617		1192807	584010	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191379	583250	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1443	7	PL05	3	23	PL 02			BC.Kênh A20.3	Kênh Xáng Lớn	1.261		1188958	582427	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188189	581428	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1444	7	PL05	3	23	PL 01			BC.Kênh A22.2	Kênh Xáng Lớn	1.226		1189073	582168	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188325	581197	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1445	7	PL05	3	24	2			BC.Kênh A22.3	Kênh Xáng Lớn	881		1189099	581479	Bình Lợi, TP. Hồ	1188578	580767	Bình Lợi, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1446	7	PL05	3	18	PL01	4	PL01	Kênh C12	Kênh Xáng Lớn	2.331		1187947	588182	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188960	586083	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1447	7	PL05	3	18	PL01	1		Kênh B2	Kênh Xáng Lớn	2.408		1190613	587244	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191713	585104	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1448	7	PL05	3	24	3			BC.Kênh A22.4	Kênh Xáng Lớn	821		1189245	581079	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188792	580396	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1449	7	PL05	3	21	1			BC.Kênh B16.1	Kênh Xáng Lớn	1.445		1187407	585647	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188779	585202	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1450	7	PL05	3	18	PL01	6	1	Kênh 9 (C19)	Kênh Xáng Lớn	2.376		1185430	590587	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1185675	588223	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1451	7	PL05	3	18	PL01	2	PL04	BC.Kênh 6.1	Kênh Xáng Lớn	977		1189218	587782	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188356	587322	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1452	7	PL05	3	18	PL01	1	PL09	BC.Kênh 6.2	Kênh Xáng Lớn	3.085		1190775	588038	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188067	586597	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1453	7	PL05	3	18	PL 01	1	PL0 5	Kênh B	Kênh Xáng Lớn	3.001		1191064	587475	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188359	586178	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1454	7	PL05	3	18	PL 01	PL0 2	PL0 3	BC.Kênh 5.1	Kênh Xáng Lớn	973		1189443	588414	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188583	587961	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1455	7	PL05	3	19	PL 05			BC.Kênh 4.2	Kênh Xáng Lớn	1.606		1190637	588535	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189208	587802	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1456	7	PL05	3	27	PL 05	1		BC.Kênh. Thầy Thuốc.1.N1	Kênh Xáng Lớn	1.557		1186928	583539	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1185979	582306	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1457	7	PL07	3	2	PL 02			Kênh Đôi Bé	Kênh Đôi	1.092		1187676	582262	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186745	581692	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1458	7	PL07	3	2	PL 01			BC.Kênh Đôi Lớn.1.0243	Kênh Đôi	787		1186875	582094	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187290	581426	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1459	7	PL05	3	27	3			BC.Kênh Xáng Ngang.3	Kênh Cấp 2	1.006		1188691	580499	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187823	579989	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1460	7	PL05	3	2	1			Kênh Tám Đại	Kênh Ba Lạt	1.338		1188776	580354	Bình Lợi, TP. Hồ	1187618	579683	Bình Lợi, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1461	7	PL05	3	27	2			Kênh Bảy Thanh	Kênh Cấp 2	747		1188830	580255	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188181	579885	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1462	7	PL07	PL05	2				Kênh Nội Đồng Đê số 3	Kênh nội đồng Đê số 2	1.952		1183992	585833	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184073	587774	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1463	7	PL07	50					BC.Rạch Ông Đồ.2	Sông Bến Lức	1		1181194	590400	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1180750	589522	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1464	7	PL07	2	PL01	1	1	1	Kênh Giao Thông Hào	Rạch Ông Thoàn	1.91		1178205	588741	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1179009	590054	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1465	7	PL05	3	10	3			Kênh Liên Vùng	Kênh Xáng Lớn	6.542		1193183	586473	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1199218	586719	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1466	7	PL07	42					Kênh 10 (C23)	Sông Bến Lức	1.84		1184519	588775	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184197	590585	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1467	7	PL07	PL10					Sông Chợ Đệm	Sông Bến Lức	3.388		1181970	587030	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1180643	588276	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1468	7	PL05	3	18	PL01			Kênh A	Kênh Xáng Lớn	6.605		1193306	585569	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1187342	582863	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1469	7	PL05	3	23	PL03	3	PL03	Rạch Lương Sâu	Kênh Xáng Lớn	1.067		1185996	586851	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1185562	585942	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1470	7	PL05	3	23	PL03	3	PL01	BC.Kênh 9.1	Kênh Xáng Lớn	986		1187067	586303	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1187643	586293	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1471	7	PL07	3	3	PL01	PL01		R. Chài Chim	Kênh Thày Thuốc	2.058		1186604	584128	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1185933	582447	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1472	7	PL06	3	3				R. Hốc Hư	Rạch Hốc Hư	1.318		1177109	596708	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1176253	597684	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1473	7	PL07	PL33	PL04	3			BC. Rạch Ông Đội.2	Kênh Ông Đội	691		1177713	597523	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178247	597418	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1474	7	PL07	PL43	PL01				Kênh Đường Bà Cả	Sông Bến Lức	1.157		1180502	597099	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1180760	598227	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1475	7	PL07	PL41					Kênh T4-1	Sông Bến Lức	640		1180267	594116	Hưng Long,	1180260	594754	Hưng Long,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1476	7	PL07	PL35					Kênh T7	Sông Bến Lức	526		1178883	594601	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178930	595115	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1477	7	PL06	3	2				Rạch Hốc Hửu.2	Rạch Hốc Hư	292		1175620	597604	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1175882	597490	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1478	7	PL07	PL51					BC.Rạch Cầu Lớn.1	Sông Bến Lức	680		1182415	600001	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182684	600535	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1479	7	PL07	PL53					BC.Rạch Cầu Lớn.3	Sông Bến Lức	758		1181715	599745	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182272	599804	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1480	7	PL07	PL27					BC. Rạch Rô.7	Sông Bến Lức	304		1181919	597929	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1181621	597987	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1481	7	PL07	PL33	PL04	2			BC. Rạch Ông Đội.3	Kênh Ông Đội	467		1178642	597290	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178243	597283	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1482	7	PL07	PL20	PL01				BC.Rạch Cống Ông Phước.1	Rạch Cống Ông Phước	1.073		1183128	595895	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182803	596774	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1483	7	PL06	3	PL02	1			Kênh Nguyễn Văn Thời	Rạch Hốc Hửu	1.053		1176676	597194	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1175917	596618	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1484	7	PL06	2	PL24	PL02	PL02		BC.Rạch Ngã Cây.2	Rạch Ngã Cây	415		1179107	599085	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179517	599113	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1485	7	PL07	PL40					BC. Kênh T4.1	Sông Bến Lức	1.056		1179687	594590	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1180724	594609	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1486	7	PL06	2	PL24	PL02			Rạch Ngã Cây	Rạch Bà Lào	3.984		1180376	600237	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179342	599460	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1487	7	PL07	PL25					BC.Rạch Rô.5	Sông Bến Lức	448		1182496	598228	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182082	598393	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1488	7	PL06	3	PL02	2			Rạch Hốc Hửu.5	Rạch Hốc Hửu	508		1175614	596234	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1176025	596393	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1489	7	PL06	3	1				Rạch Hốc Hửu .3	Rạch Hốc Hư	386		1175420	597218	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1175760	597331	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1490	7	PL07	PL14					Kênh T11	Sông Bến Lức	2.459		1181485	592091	Bình Chánh, TP. Hồ	1179999	593977	Hưng Long, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1491	7	PL07	PL16					BC. Rạch Bà Lớn 1.N1	Sông Bến Lức	305		1185135	597576	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184855	597487	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1492	7	PL07	PL17	PL01				BC.Rạch Bà Lớn.1.N1	BC.Rạch Bà Lớn.1	323		1184717	598470	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185016	598575	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1493	7	PL06	1	PL01	PL01			BC.Sông Cần Giuộc.5.N1	Rạch Cầu Ngang	184		1176961	599786	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1176878	599639	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1494	7	PL06	2	PL29				BC.Sông Cần Giuộc.3	Rạch Bà Lào	282		1177369	601265	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177603	601149	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1495	7	PL06	2	PL28				BC.Sông Cần Giuộc.2	Rạch Bà Lào	189		1177381	601322	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177568	601337	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1496	7	PL06	2	PL89				Rạch Bà Mai	Rạch Bà Lào	1.082		1178246	602177	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178537	601341	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1497	7	PL07	PL21	2				BC.Rạch Rô.1	Rạch Ba Lữ	622		1181654	597206	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182105	597256	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1498	7	PL06	2	PL 25	PL 02			BC. Rạch. Rắng.1.N1	Rạch Bà Lào	300		1179211	601194	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178995	601046	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1499	7	PL07	PL2 1	PL 01				BC.Rạch Ba Lữ.1	Rạch Ba Lữ	287		1182676	597063	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182646	596836	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1500	7	PL07	PL2 3					BC. Rạch Rô.4	Sông Bến Lức	630		1181949	597675	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182446	597504	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1501	7	PL07	PL2 4					BC. Rạch Rô.5	Sông Bến Lức	562		1181931	597851	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182436	597931	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1502	7	PL07	PL5 7					Nhánh Rạch Chiếu	Sông Bến Lức	559		1181086	599456	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1181600	599458	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1503	7	PL07	PL5 6	PL 01				BC. Rạch Chiếu.3. N2	Nhánh Rạch Chiếu	473		1181503	599114	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181747	598740	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1504	7	PL07	PL5 5					Rạch Cầu Lớn	Sông Bến Lức	308		1182151	598979	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182099	598684	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1505	7	PL06	2	PL 11				BC.Rạch Gò Nổi.1	Rạch Bà Lào	296		1183235	600859	Nhà Bè, TP.	1183139	600601	Bình Hưng, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
1506	7	PL07	PL18					BC. Rạch Thủ Đào 2. N1	Sông Bến Lức	134		1183047	598914	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183157	598988	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1507	7	PL06	2	7	PL01	PL01		BC.Rạch Gò Nổi.5.N1.PN1	Rạch Bà Lào	192		1184105	600766	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184259	600801	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1508	7	PL06	2	7	PL01	PL02		BC.Rạch Gò Nổi.5.N1.PN2	Rạch Bà Lào	141		1184416	600549	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184494	600664	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1509	7	PL06	2	6	PL01			BC.Rạch Gò Nổi.6.PN1	Rạch Bà Lào	158		1184450	601026	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184546	600936	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1510	7	PL06	2	15				BC.Rạch Xóm Củi.1	Rạch Bà Lào	190		1184770	601011	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184892	601149	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1511	7	PL06	2	5				BC.Rạch Xóm Củi.2	Rạch Bà Lào	209		1184878	600942	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184746	600783	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1512	7	PL07	PL43	2				Rạch Sáu Vẽ	Sông Bến Lức	793		1178112	598067	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177914	598566	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1513	7	PL06	2	PL 26	1			BC. Rạch Chùa 2	Rạch Chùa	601		1178677	601228	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178901	601584	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1514	7	PL06	2	PL 25	PL 01			Rạch Rắng	Rạch Bà Lào	211		1179474	601279	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179564	601091	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1515	7	PL06	2	PL 25				Rạch Ván	Rạch Bà Lào	602		1179561	601347	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179228	601073	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1516	7	PL06	2	PL 24	PL 01			BC. Rạch Rắn.2	Rạch Cống Chùa	340		1180578	600589	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1180652	600314	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1517	7	PL06	2	PL 21				Nhánh Rạch Bà Lào-Xà Tờn 6	Rạch Bà Lào	684		1181648	601258	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181263	601024	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1518	7	PL06	2	PL 10				BC.Rạch Gò Nổi.2	Rạch Bà Lào	744		1183470	600905	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183426	600315	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1519	7	PL06	2	PL 87				BC.Rạch Gò Nổi.3	Rạch Bà Lào	535		1183871	600798	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183942	600364	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1520	7	PL06	2	7				BC.Rạch Gò Nổi.5	Rạch Bà Lào	636		1183949	600863	Nhà Bè, TP.	1183945	600359	Bình Hưng, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
1521	7	PL06	2	7	PL 02			BC.Rạch Gò Nổi.5.N2	Rạch Bà Lào	396		1184030	600713	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184168	600480	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1522	7	PL06	2	7	PL 01			BC.Rạch Gò Nổi.5.N1	BC.Rạch Gò Nổi.5	657		1184060	600772	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184553	600498	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1523	7	PL06	2	6				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 4	Rạch Bà Lào	274		1184391	601132	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184469	600908	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1524	7	PL06	2	4				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 4	Rạch Bà Lào	540		1185046	600745	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184710	600360	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1525	7	PL06	2	3				Rạch Xóm Cống	Rạch Bà Lào	1.352		1185208	600692	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185465	599462	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1526	7	PL07	PL17					BC.Rạch Bà Lớn.1	Sông Bến Lức	335		1184578	598659	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1184693	598421	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1527	7	PL06	2	PL 24	PL 02	1		Rạch Ông Xẻo	Rạch Ngã Cây	3.204		1177468	601040	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179594	599859	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1528	7	PL07	PL58	1				Rạch Bà Ca	BC. Rạch Chiếu.1	525		1180556	598979	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1180882	598763	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1529	7	PL07	PL49					Rạch Năm Nhã	Sông Bến Lức	552		1178198	599588	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177830	599296	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1530	7	PL07	PL48					BC.Sông Cần Giuộc.7	Sông Bến Lức	322		1177870	599239	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177619	599045	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1531	7	PL07	PL47					Kênh Nguyễn Văn Long	Sông Bến Lức	1.191		1177101	598874	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177921	598533	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1532	7	PL07	PL37					BC.Sông Cần Giuộc.11	Sông Bến Lức	1.031		1178073	597776	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177353	597370	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1533	7	PL07	PL45					Rạch Chú Khánh	Sông Bến Lức	546		1179118	597914	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178771	597553	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1534	7	PL07	PL43	1				Kênh Tập Đoàn 16	Kênh Đường liên ấp 4.5	609		1180171	597815	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1180048	597229	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1535	7	PL07	PL44					Rạch Chùa ấp 5	Sông Bến Lức	1.134		1180766	597741	Hưng Long, TP. Hồ	1180669	596774	Hưng Long, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1536	7	PL07	PL21					Rạch Ba Lữ	Sông Bến Lức	1.977		1181776	597436	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183267	597300	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1537	7	PL07	PL22					BC.Rạch Rô.2	Sông Bến Lức	555		1181341	597763	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1181790	597481	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1538	7	PL07	PL54					BC.Rạch Cầu Lớn.4	Sông Bến Lức	327		1182233	599279	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182039	599442	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1539	7	PL07	PL55	PL01				BC.Rạch Cầu Lớn.5	Rạch Cầu Lớn	896		1182109	598864	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181454	598471	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1540	7	PL07	PL59	PL01				Nhánh Rạch Cống Lớn-Rạch Ngang 1	Rạch Đình	880		1181711	599754	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181055	599701	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1541	7	PL07	PL56					Nhánh Rạch Chiếu	Sông Bến Lức	812		1181692	599206	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181440	598714	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1542	7	PL07	PL20	PL01	1			BC.Rạch Cống Ông Phước.1.N1	BC.Rạch Cống Ông Phước.1	861		1183087	597074	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183151	596224	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1543	7	PL07	PL21	PL01	1			BC.Rạch Ba Lữ.2.N1	Rạch Ba Lữ	1.397		1182187	596917	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183128	596876	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1544	7	PL07	PL21	1				BC. Rạch Rô.1	Rạch Ba Lữ	354		1182574	597349	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182597	597033	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1545	7	PL07	PL43	1	PL01			BC.Kênh Tập Đoàn 16.1	Kênh Tập Đoàn 16	696		1180137	597394	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1180743	597204	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1546	7	PL07	PL33	PL03				BC. Rạch Ông Đội.1.N1	Sông Bến Lức	2.07		1178633	597283	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178675	595217	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1547	7	PL07	PL34					Kênh T8	Sông Bến Lức	2.018		1179582	595084	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179843	597046	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1548	7	PL07	PL38					Kênh T2-1	Sông Bến Lức	1.748		1180699	596264	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1181454	594689	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1549	7	PL07	PL39	1				Kênh T3-1	Rạch Tân Nhiễu	1.551		1180442	595610	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1181000	594213	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1550	7	PL07	PL33	PL02				Kênh T9	Sông Bến Lức	1.738		1179302	596808	Hưng Long, TP. Hồ	1179121	595083	Hưng Long, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1551	7	PL07	PL13					Kênh T13	Sông Bến Lức	2.539		1178954	593475	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178512	591158	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1552	7	PL07	PL125					Kênh T14	Sông Bến Lức	2.177		1178228	591272	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1178768	593337	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1553	7	PL07	12					Nhánh Rạch Ông Lớn 4	Sông Bến Lức	472		1186025	602587	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1186003	602188	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1554	7	PL07	PL32					BC.Sông Cần Giuộc.16	Sông Bến Lức	636		1181855	596546	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181568	596029	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1555	7	PL07	PL31					BC.Sông Cần Giuộc.3	Sông Bến Lức	886		1182072	596589	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181769	595952	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1556	7	PL07	PL30					BC.Sông Cần Giuộc.3.N1	Sông Bến Lức	1.572		1181555	596346	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182806	595469	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1557	7	PL07	PL33	PL01				Kênh T1-1	Sông Bến Lức	902		1181623	595776	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1182012	594970	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1558	7	PL06	3	PL 01				Sông Cầu Tràm	Rạch Hốc Hư	758		1175177	596625	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1175283	596103	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1559	7	PL07	PL28					BC.Rạch Rô.7	Sông Bến Lức	232		1181722	597746	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1181934	597657	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1560	7	PL06	2	PL 22				BC. Rạch. Bà Lào.4. N1	Rạch Bà Lào	334		1181268	600282	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181517	600063	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1561	7	PL07	49					BC.Rạch Ông Đồ.1	Sông Bến Lức	655		1182152	589539	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1182095	590046	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1562	7	PL05	3	PL 06				Kênh Công Xáng 1	Kênh Xáng Lớn	1.812		1193142	583347	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1192325	584965	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1563	7	PL05	3	3	1	PL03		Kênh Số 3	Kênh Ngang	1.503		1190947	579583	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189768	580515	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1564	7	PL05	3	3	1	PL05		Kênh Xã Tĩnh	Kênh Ngang	1.499		1190331	578794	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189149	579716	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1565	7	PL05	3	3	1	5		Kênh Số 4	Kênh Ngang	1.501		1190073	580898	Bình Lợi, TP. Hồ	1191274	579997	Bình Lợi, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1566	7	PL05	3	3	1	PL04		Kênh Số 2	Kênh Ngang	1.501		1190742	579319	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189564	580250	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1567	7	PL05	3	3	1	PL02		Kênh Số 5	Kênh Ngang	1.502		1191576	580391	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190384	581304	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1568	7	PL08	2	PL08				Kênh 1	Kênh Ranh	980		1194421	582596	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1194172	583544	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1569	7	PL08	2	PL07				BC.Kênh An Hạ.6	Kênh Ranh	988		1196351	583069	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1196104	584026	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1570	7	PL08	2	PL05				Kênh AH24-1	Kênh Ranh	992		1197333	583308	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1197079	584267	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1571	7	PL05	3	3	1	6		Kênh Số 1	Kênh Ngang	1.502		1189363	579994	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190545	579068	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1572	7	PL05	3	3	1	PL01		Kênh Số 6	Kênh Ngang	1.519		1191883	580760	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190663	581665	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1573	7	PL08	2	PL02				Kênh AH16-1	Kênh Ranh	1.030		1201189	584239	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1200950	585241	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1574	7	PL05	3	20				Kênh A4	Kênh Xáng Lớn	1.975		1191594	585015	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1192457	583238	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1575	7	PL05	3	16	1	1		BC.Kênh Liên Vùng.1.N1	BC.Kênh Liên Vùng.1	2.112		1196302	586218	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1194258	585692	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1576	7	PL05	3	11				Kênh Nông Trường	Kênh Xáng Lớn	1.794		1198732	586598	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1199198	584866	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1577	7	PL05	3	10	3	1		Kênh NT5	Kênh Liên Vùng	1.090		1197104	587327	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1197176	586261	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1578	7	65	62					BC.Kênh 1.5	Sông Sài Gòn	873		1193479	588645	Tân Vĩnh	1192896	588274	Tân Vĩnh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Lộc, TP. Hồ Chí Minh			Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1579	7	65	63					Kênh T16	Sông Sài Gòn	1.159		1192431	588703	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1192056	587670	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1580	7	PL05	3	18	3	1		Kênh T18 (Kênh điều hòa KDC Vĩnh Lộc B)	Kênh T14 (Rạch Suối Reo)	841		1191422	589127	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1190866	588496	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1581	7	65	60					Mương đê bao ấp 2.3	Sông Sài Gòn	1.023		1194175	590534	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193168	590364	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1582	7	65	61					BC.Rạch Cầu Suối.1	Sông Sài Gòn	1		1192474	590925	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1192669	589945	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1583	7	PL05	3	17				Kênh Nước Mắm	Kênh Xáng Lớn	1.863		1193011	585169	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193818	583490	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1584	7	PL05	3	18	2			BC.Kênh 1.6	Kênh Xáng Lớn	1.401		1193041	587267	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ	1191953	586409	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1585	7	PL05	3	19	2			BC.Kênh 1.6.N1.PN1	Kênh Xáng Lớn	1.115		1192466	587109	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1191658	586626	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1586	7	PL05	3	18				Kênh Nước Mắm	Kênh Xáng Lớn	4.365		1191499	587313	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193461	583414	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1587	7	PL05	3	19	1			BC.Kênh 1.7	Kênh Xáng Lớn	1.588		1193067	587155	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1191949	586057	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1588	7	PL05	3	19	PL 02			Kênh T13	Kênh Xáng Lớn	1.328		1191751	586439	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1192797	587147	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1589	7	PL05	3	18	2	PL0 1		BC.Kênh 1.6.N2	BC.Kênh 1.6	1.369		1192670	587034	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1192891	585710	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1590	7	PL05	3	19	PL 01			BC.Kênh 1.8	Kênh Xáng Lớn	1.467		1192127	585687	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193132	586724	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1591	7	PL05	3	18	1			BC.Kênh 1.9	Kênh Xáng Lớn	1.168		1193174	586471	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1192323	585671	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1592	7	PL05	3	15	PL 01			BC.Kênh 1.12	Kênh Xáng Lớn	2.025		1195471	585190	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193508	584694	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1593	7	PL05	3	PL 05	PL 01			BC.Kênh 1.13	Kênh Xáng Lớn	3.509		1196994	585367	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193587	584526	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1594	7	PL05	3	13	PL 04			BC.Kênh 1.14	Kênh Xáng Lớn	3.955		1197506	585294	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193661	584369	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1595	7	PL05	3	13	PL 03			BC.Kênh 1.15	Kênh Xáng Lớn	3.912		1197552	585110	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193758	584160	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1596	7	PL05	3	13	PL 02			BC.Kênh 1.16	Kênh Xáng Lớn	3.875		1197599	584924	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193842	583976	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1597	7	PL05	3	13	PL 01			BC.Kênh 1.17	Kênh Xáng Lớn	4.225		1198027	584804	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193922	583803	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1598	7	PL05	3	16				Kênh T2-3	Kênh Xáng Lớn	1.829		1194300	585499	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1194783	583734	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1599	7	PL05	3	13				Kênh AH16-1	Kênh Xáng Lớn	1.86		1197258	586265	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1197716	584462	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1600	7	PL05	3	3	1	4		Kênh Số 6	Kênh Ngang	1.597		1190853	581889	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1192207	581142	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1601	7	PL05	3	3	1	3		Kênh Số 11	Kênh Ngang	1.966		1191917	582983	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1192457	581435	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1602	7	PL05	3	18	PL 01	6		Kênh 10 (C20)	Kênh Xáng Lớn	5.423		1185730	588133	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1188021	583217	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1603	7	PL05	3	18	PL 01	3		Kênh B8	Kênh Xáng Lớn	2.330		1189321	586496	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190362	584411	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1604	7	PL05	3	18	PL 01	3	PL0 1	Kênh C10	Kênh Xáng Lớn	2.025		1188409	588303	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1189321	586496	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1605	7	PL05	3	27	1			Kênh Lò Đường	Kênh Cấp 2	595		1188938	580066	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188424	579814	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1606	7	65	64	1	PL 01			BC.Kênh 1.3.N1.PN1	Rạch Ông Lung	229		1192702	589220	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1192865	589219	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1607	7	65	64	1				Rạch Ông Lung.1	Rạch Ông Lung	385		1192875	589308	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1192540	589182	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1608	7	PL07	3	3	1			BC.Rạch. Chài Chim.1	Kênh Thày Thuốc	401		1185657	582739	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1185381	583030	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1609	7	PL07	PL08					Rạch Bà Xí	Sông Bến Lức	901		1182474	589468	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183314	589651	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1610	7	PL07	1	PL02				Rạch Xóm Dòng	Kênh Ranh	817		1183187	585171	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183464	585848	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1611	7	PL05	3	23	PL03	1		Kênh Bà Tám Hoán	Kênh Xáng Lớn	1.653		1186009	585193	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187628	585175	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1612	7	PL07	2	PL01	1	1	PL02	Kênh Tập Đoàn 7	Rạch Ông Thoàn	1.293		1178974	590025	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1177736	590314	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1613	7	PL06	2	PL88				Rạch Nhà Công	Rạch Bà Lào	818		1186423	585718	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1186422	586468	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1614	7	PL05	3	23	PL03	3	PL04	Rạch Lương Cạn	Kênh Xáng Lớn	868		1185844	586965	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1185385	586282	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1615	7	PL05	3	23	PL03	3	PL05	Rạch Ngọn Chùa	Kênh Xáng Lớn	2.207		1185887	586875	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184865	588598	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1616	7	PL05	3	23	PL03	3	PL06	Rạch Đập Dừa	Kênh Xáng Lớn	1.865		1187543	587400	Tân Nhựt, TP. Hồ	1185821	587083	Tân Nhựt, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
1617	7	PL05	3	18	PL01	5	5	BC.Rạch. Láng Le.1	Kênh Xáng Lớn	1.002		1187425	588239	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187660	587272	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1618	7	PL05	3	23	PL03	1	PL01	BC.Kênh B22.1	Kênh Xáng Lớn	1.468		1187595	585141	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186298	584914	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1619	7	PL05	3	23	PL03	PL01		Kênh Thầy Cai	Kênh Xáng Lớn	1.562		1187812	584810	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186592	584152	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1620	7	PL05	3	23	PL03	PL01	PL01	Rạch Báu Cò Trên	Kênh Xáng Lớn	2.749		1187125	584371	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187921	583175	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1621	7	PL07	PL04					Rạch Bà Chung	Sông Bến Lức	1.093		1181924	586647	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1182888	586364	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1622	7	PL07	41					Rạch Láng Mặn	Sông Bến Lức	2.268		1186548	589958	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1184827	588705	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1623	7	PL07	PL06	PL01				Rạch Bà Phong	Sông Bến Lức	573		1182708	588297	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1182266	588063	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1624	7	PL07	1	2	1			Rạch Làng Dừa	Rạch Ổ Cu Kiến Vàng	891		1184123	587521	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183559	587149	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1625	7	PL07	PL11	1				Rạch Thuyền	Kênh A (Tân Túc)	1.414		1182059	588771	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1180811	588186	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1626	7	PL07	PL10	1				Rạch Ngon Đình	Sông Chợ Đệm	846		1181139	589427	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1180908	588658	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1627	7	PL05	3	12	2			BC.Kênh 6.1	Kênh Xáng Lớn	1.243		1199325	587150	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1198116	586860	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1628	7	PL05	3	12	1			Kênh NT6-1	Kênh Xáng Lớn	1.832		1197736	588259	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1198197	586498	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1629	7	PL05	3	14				Kênh AH25 (T4)	Kênh Xáng Lớn	2.045		1196302	586218	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1196738	584221	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1630	7	PL05	3	15				Kênh T3-2	Kênh Xáng Lớn	2.033		1195276	585953	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1195765	583980	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1631	7	PL08	2	11				Kênh AH28-2	Kênh Ranh	983		1195147	583789	Tân Vĩnh	1195380	582834	Vĩnh Lộc,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Lộc, TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1632	7	PL08	2	13				BC.BC.Kênh An Hạ.1.N1	Kênh Ranh	1.773		1194895	583726	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1193677	582718	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1633	7	PL08	2	14	1	1		Kênh Số 13	Cống Kênh Rau Răm	620		1192955	583241	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1193123	582644	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1634	7	PL05	3	PL 06	PL 01			BC.Kênh A20.5	Kênh Xáng Lớn	5.524		1193089	583451	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189187	579991	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1635	7	PL05	3	PL 06	PL 01	PL0 1		BC.Kênh A18.1	Kênh Xáng Lớn	2.838		1191252	582731	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1188717	581456	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1636	7	PL05	3	21				Kênh A14	Kênh Xáng Lớn	4.968		1188353	586080	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190601	581653	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1637	7	PL05	3	2	4			Kênh Đình	Kênh Ba Lạt	1.717		1188269	581221	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186854	580301	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1638	7	PL05	3	2	4	1		BC.Kênh Ranh Đ2	Kênh Đình	1.912		1186305	582032	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186953	580453	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1639	7	PL07	3	3	PL 01			BC.Kênh Thầy Thuốc.1	Kênh Thày Thuốc	1.773		1185805	583713	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187280	582729	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1640	7	PL05	3	23	PL 03	3	PL0 7	Rạch Láng Búa	Kênh Xáng Lớn	783		1184848	588531	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1184281	588183	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1641	7	PL07	1	1				Rạch Bà Miêu	Kênh Ranh	1.251		1183901	586204	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183926	584962	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1642	7	PL07	PL0 6					Rạch Láng Cát	Sông Bến Lức	2.257		1182256	588922	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183688	588096	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1643	7	PL07	1	2				Rạch Ổ Cu Kiến Vàng	Kênh Ranh	2.212		1183421	587225	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1182688	585360	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1644	7	PL07	48					Rạch Xã Hai	Sông Bến Lức	2.349		1183593	587801	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1181963	586869	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1645	7	PL05	3	19	PL 04			Kênh B	Kênh Xáng Lớn	5.931		1191195	587475	Bình Lợi, TP. Hồ	1185687	585736	Tân Nhựt, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1646	7	PL05	3	18	PL 01	5	4	Rạch Láng Le	Kênh Xáng Lớn	1.706		1187449	588278	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186152	588222	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1647	7	PL05	3	18	PL 01	5	3	Kênh C15	Kênh Xáng Lớn	2.744		1186170	590659	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186819	588008	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1648	7	PL05	3	18	PL 01	5		Kênh B14	Kênh Xáng Lớn	2.437		1187860	585875	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1188954	583699	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1649	7	PL07	PL42					Kênh T5-1	Sông Bến Lức	1.27		1179461	595078	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179739	593858	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1650	7	PL07	PL29					BC.Rạch Cầu Gia.1	Sông Bến Lức	1.186		1181802	594829	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1182510	594622	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1651	7	PL07	PL33					BC. Rạch Ông Đội.1	Sông Bến Lức	6.153		1178302	597608	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1183331	594926	Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh	
1652	7	PL07	PL33	PL 04				Kênh Ông Đội	Sông Bến Lức	2.914		1178324	597800	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178678	595600	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1653	7	PL07	PL33	PL04	1			BC. Rạch Ông Đội.4	Kênh Ông Đội	649		1178628	597173	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178120	597014	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1654	7	PL07	PL50					R. Hốc Hửu	Sông Bến Lức	650		1176656	598922	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1176373	598633	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1655	7	PL06	1	PL01				BC.Sông Cần Giuộc.5	Rạch Cầu Ngang	737		1176749	599964	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177280	599806	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1656	7	PL07	PL43					Kênh Đường Liên ấp 4.5	Sông Bến Lức	4.38		1181303	596660	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178277	598378	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1657	7	PL06	2	PL24	PL02	1	PL01	Rạch Nhỏ	Rạch Ngã Cây	1.357		1177501	600794	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177433	599678	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1658	7	PL06	2	PL27				Rạch Hội Đồng	Rạch Bà Lào	1.1		1177731	601704	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178300	601693	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1659	7	PL06	2	PL27	2			BC.Rạch Hội Đồng.2	Rạch Hội Đồng	587		1177828	601590	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178031	601582	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1660	7	PL06	2	PL27	1			BC.Rạch Hội Đồng.1	Rạch Hội Đồng	426		1177997	601820	Hưng Long, TP. Hồ	1177703	601512	Hưng Long, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
1661	7	PL06	3	PL 02				Rạch Hốc Hửu	Rạch Hốc Hư	1.031		1175700	596757	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1176386	596225	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1662	7	PL06	3	PL 01	1			Kênh Sáu Khánh	Sông Cầu Tràm	1.059		1176394	596199	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1175489	596250	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1663	7	PL06	3	PL 03				Rạch Hốc Hữu.4	Rạch Hốc Hư	316		1175397	597076	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1175320	597325	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1664	7	PL06	2	PL 26	PL 02			BC.Rạch Chùa.1	Rạch Bà Lào	412		1178828	601808	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178547	601717	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1665	7	PL06	2	PL 26	PL 01			BC.Rạch Chùa.3	Rạch Bà Lào	313		1178928	601573	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179193	601616	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1666	7	PL07	PL5 8					BC.Rạch Chiếu.1	Sông Bến Lức	720		1180563	598455	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1181027	598705	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1667	7	PL07	PL5 2					BC. R Cầu Lớn.2	Sông Bến Lức	582		1182073	600336	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1182303	599984	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1668	7	PL07	PL59					Rạch Đình	Sông Bến Lức	599		1181953	599867	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1181492	599650	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1669	7	PL07	PL26					BC. Rạch Rô.6	Sông Bến Lức	257		1181667	597904	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1181919	597882	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1670	7	PL06	2	PL24	1			BC.Rạch Cống Chùa.1	Rạch Cống Chùa	1.788		1181009	599881	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1181089	601041	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1671	7	PL07	PL19					BC.Rạch Thú Đào.1	Sông Bến Lức	982		1182833	599905	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1183149	599358	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1672	7	PL06	2	1				Nhánh Rạch Xóm Củi-Gò-Nổi 2	Rạch Bà Lào	1.281		1185931	600740	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186000	599520	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1673	7	PL06	2	3	PL01			Rạch Cống Chùa	Rạch Bà Lào	675		1185247	599937	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185847	599916	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1674	7	PL06	2	PL01				Rạch Cầu Đồn	Rạch Bà Lào	977		1186261	599679	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187179	599784	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1675	7	PL07	PL36					Kênh Bà Bảy	Sông Bến Lức	2.786		1178164	595746	Hưng Long, TP. Hồ	1178550	595225	Hưng Long, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1676	7	PL05	3	2	2			Kênh Tư Điểu	Kênh Ba Lạt	1.52		1188609	580642	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187304	579873	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1677	7	PL05	3	2	3			Kênh Hội Đồng	Kênh Ba Lạt	1.587		1188442	580932	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187071	580132	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1678	7	PL24						Kênh 12 (C24)	Sông Bến Lức	3.725		1184049	588865	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1185901	585634	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1679	7	PL05	3	PL 06	PL 01	3	1	Kênh B20	Kênh Xáng Lớn	2.757		1186398	585606	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187624	583136	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1680	7	PL07	3	3	2			Kênh Tư Cu	Kênh Thày Thuốc	2.482		1185080	585765	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186298	583662	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1681	7	PL07	PL58	PL 01				Rạch Tổ 11.12.13 ấp 5	Sông Chợ Đệm	210		1180563	598455	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1180376	598431	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1682	7	PL07	51					Kênh Bà Môn	Sông Bến Lức	1.809		1181469	591731	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1183093	591475	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1683	7	PL08	2	6				Kênh AH14-1	Kênh Ranh	1.047		1201899	585498	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	1202153	584484	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1684	7	PL05	3	23	PL 03	3		Kênh 9 (C18)	Kênh Xáng Lớn	2.967		1186091	588242	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1187388	585668	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1685	7	PL07	3	3	2	PL0 3		Kênh Thằng Chỏng	Kênh Thày Thuốc	618		1185289	585149	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1185867	585369	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1686	7	PL06	2	3	PL 02			BC.Rạch Xóm Cống.2	Rạch Bà Lào	213		1185321	599780	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1185809	599635	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1687	7	PL05	3	16	PL 01			Kênh Liên Vùng	Kênh Xáng Lớn	1.75		1194296	585519	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1192624	585074	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1688	7	PL07	PL1 3	1				Rạch Ruộng	Kênh T13	917		1178939	594355	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178954	593475	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1689	7	PL05	3	10	2			Kênh NT7-1	Kênh Xáng Lớn	772		1199068	587244	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1199274	586500	Bà Điểm, TP. Hồ Chí Minh	
1690	7	PL05	3	23				Kênh A18	Kênh Xáng Lớn	2.692		1188686	583043	Bình Lợi,	1189758	580575	Bình Lợi,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1691	7	PL05	3	23	PL 03			Kênh B16	Kênh Xáng Lớn	2.937		1187388	585668	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1188686	583043	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1692	7	PL05	3	23	PL 03	3	PL0 9	Kênh 8 (C17)	Kênh Xáng Lớn	2.423		1185685	590630	Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	1186091	588242	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1693	7	PL05	3	PL 06	PL 01	3	2	Kênh 11 (C22)	Kênh Xáng Lớn	2.607		1185079	587854	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1186398	585606	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1694	7	PL05	3	PL 06	PL 01	3		Kênh A20	Kênh Xáng Lớn	3.393		1187624	583136	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189460	580290	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1695	7	PL05	3	24				Kênh A22	Kênh Xáng Lớn	3.602		1187404	583016	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189243	579920	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1696	7	PL05	3	24	1			Kênh B22	Kênh Xáng Lớn	3.019		1185901	585634	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1187404	583016	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1697	7	PL05	3	23	PL 03	3	PL0 2	Rạch Đập Đầu	Kênh Xáng Lớn	1.726		1187447	586804	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1185887	586875	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1698	7	PL05	3	23	PL 03	3	1	BC.Rạch Đập Đầu.1	Kênh Xáng Lớn	1.715		1186220	586853	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1187250	585920	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1699	7	PL05	3	18	PL 01	5	2	Kênh B14	Kênh Xáng Lớn	2.326		1186841	587966	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1187860	585875	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1700	7	PL05	3	18	PL 01	4		Kênh B10	Kênh Xáng Lớn	2.128		1188960	586083	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1189888	584168	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1701	7	PL08	2	14	PL 01			Kênh Tư Đức	Kênh Ranh	797		1193207	582433	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1192415	582346	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1702	7	PL08	2	14	1			Cống Kênh Rau Răm	Kênh Rau Răm	502		1193123	582644	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1193623	582675	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1703	7	PL05	3	27	PL 05			BC.Kênh Ranh Đ1	Kênh Xáng Lớn	1.587		1185270	582871	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1186512	581883	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1704	7	PL06	2	PL 24	PL 02	PL0 3		Rạch Ngã Ba Đình	Rạch Ngã Cây	656		1179441	599714	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178795	599661	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1705	7	PL06	2	PL 24	PL 02	PL0 1		BC.Rạch Ngã Cây.1	Rạch Ngã Cây	1.059		1180173	599767	Hưng Long, TP. Hồ	1179609	599325	Hưng Long, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1706	7	PL06	2	PL 24	PL 02	PL0 1	PL0 1	BC.Rạch Ngã Cây.1.N1	BC.Rạch Ngã Cây.1	1.092		1180154	599521	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179706	598775	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1707	7	PL07	PL4 6					Kênh Bà Két	Sông Bến Lức	523		1178006	598056	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177500	598007	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1708	7	PL06	2	25				BC.Sông Cần Giuộc.8. N1	Rạch Bà Lào	1		1178706	597904	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1178706	597904	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1709	7	PL07	PL3 9					Rạch Tân Nhiễu	Sông Bến Lức	1.114		1181000	594213	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1181114	593277	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
1710	7	PL07	2	PL 01	1	1		BC.Kênh T12.1.N1	Rạch Ông Thoàn	1.766		1179009	590054	Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	1180463	590254	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	
1711	7	PL06	3	3	1			Rạch Hốc Hửu Hạ	Rạch Hốc Hư	871		1176448	596207	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1177109	596708	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	
1712	7	PL07	PL0 5	3				Rạch Ông Hền	Kênh nội đồng Đê số 2	1.425		1183875	588839	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	1183593	587801	Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1713	7	PL05	3	15	1			Kênh NT3 -3	Kênh Xáng Lớn	1.600		1195263	587528	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1195276	585953	Tân Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1714	7	PL05	3	14	1			Kênh NT4 -1	Kênh Xáng Lớn	1.168		1196383	587358	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1196302	586218	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1715	7	PL05	3	12				Kênh AH21 (T6)	Kênh Xáng Lớn	1.822		1198197	586498	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	1198641	584731	Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1716	7	PL05	3	18	PL01	PL01	PL04	BC.Kênh B2.1	Kênh Xáng Lớn	481		1191827	585955	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191399	585737	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1717	7	PL05	3	18	PL01	PL01	PL05	BC.Kênh B2.2	Kênh Xáng Lớn	473		1191739	586131	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191316	585919	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1718	7	PL05	3	18	PL01	1	PL02	BC.kênh 9.4	Kênh Xáng Lớn	989		1191316	585919	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190437	585467	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1719	7	PL05	3	18	PL01	PL01		Kênh B0	Kênh Xáng Lớn	2.356		1192149	585314	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191091	587419	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1720	7	65	64					Rạch Ông Lung	Sông Sài Gòn	1.220		1192742	588826	Tân Vĩnh	1191977	588973	Tân Vĩnh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Lộc, TP. Hồ Chí Minh			Lộc, TP. Hồ Chí Minh	
1721	7	PL05	3	18	PL 01	2		Kênh B6	Kênh Xáng Lớn	4.258		1188894	588439	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190844	584655	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1722	7	PL05	3	18	PL 01	PL0 2		Kênh B4	Kênh Xáng Lớn	1.937		1191254	584863	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190376	586590	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1723	7	PL05	3	18	PL 01	1	PL0 6	BC.Kênh C4	Kênh Xáng Lớn	2.325		1189524	589299	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1190613	587244	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1724	7	PL05	3	18	PL 01	PL0 1	PL0 6	BC.Kênh B2.3	Kênh Xáng Lớn	459		1191647	586313	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1191239	586105	Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh	
1725	7	PL94						Nhánh Rạch Rơi 4 (Rạch Lười)	Nhánh Rạch Rơi 4 (Rạch Lười)	664		1184093	606442	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1184503	606140	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1726	7	PL27						Rạch Ông Lớn - Kênh Cây Khô	Rạch Ông Lớn - Kênh Cây Khô	8.264		1189196	602633	Vĩnh Hội, TP. Hồ Chí Minh	1181547	601491	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1727	7	PL95						Rạch Ông Đội 2	Rạch Ông Đội 2	2.833		1186585	606857	Tân Mỹ, TP. Hồ	1184791	606471	Tân Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1728	7	PL82						NB.Sông Phú Xuân.2	Sông Phú Xuân	385		1183418	607473	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183523	607827	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1729	7	PL103						Rạch Ông Lưới	Sông Phú Xuân	617		1184989	606307	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1184473	606177	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1730	7	PL07	4					Q7.Rạch Bàng.1	Sông Bến Lức	487		1188395	604960	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187956	604978	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1731	7	PL07	9					BC.Rạch Ông Lớn.3	Sông Bến Lức	412		1187777	603032	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187561	602695	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1732	7	PL06	2	14	PL01			NB.Rạch Cây Khô.6	Rạch Cây Khô	466		1182519	603090	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182078	602982	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1733	7	PL06	2	PL08				Rạch Dấp Nước	Rạch Tắc Quạ	711		1183792	601679	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183274	601379	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1734	7	PL06	2	22				NB.Rạch Tôm.SLK.15	Rạch Bà Lào	956		1179847	602533	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180578	602409	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1735	7	PL26	12					Rạch Ông	Rạch Tôm	1.750		1181615	607088	Nhà Bè, TP.	1182174	608031	Nhà Bè, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
1736	7	PL06	2	12				NB.Rạch Cây Khô.3.N1	Rạch Cây Khô	389		1183053	602775	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183164	602538	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1737	7	PL25	1					NB.Rạch Cây Bông.2	Rạch Đỉa	582		1185498	605307	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185231	604814	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1738	7	PL10	7					NB.Rạch Lấp Dầu.10	Sông Kinh	510		1179117	605233	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178660	605306	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1739	7	PL59						Rạch Ngã Tư	Sông Đồng Nai	964		1185737	606802	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185183	606227	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1740	7	PL07	17					NB.Kênh Cây Khô.5	Sông Bến Lức	331		1185047	602460	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185099	602216	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1741	7	PL07	14					Nhánh Rạch Ông Lớn 2	Sông Bến Lức	1.077		1185706	602513	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1186101	601844	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1742	7	PL06	2	PL 26				Rạch Chùa	Rạch Bà Lào	1.156		1178803	602132	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	1179151	601360	Hưng Long, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1743	7	PL104						Nhánh 1 Rạch Bần Đôn Đoạn 1	Nhánh 1 Rạch Bần Đôn Đoạn 1	716		1188488	605610	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187884	605622	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1744	7	PL105						Rạch Bần Đôn nhánh 1	Rạch Bần Đôn nhánh 1	760		1188579	606063	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188536	605444	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1745	7	PL106						Rạch Thầy Tiêu Đoạn 1 (Rạch Dừa Sụp)	Rạch Thầy Tiêu Đoạn 1 (Rạch Dừa Sụp)	1.555		1185934	605964	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1187180	605092	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1746	7	PL107						Rạch Thủy Tiên	Rạch Thủy Tiên	1.259		1187180	605092	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1187519	604051	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1747	7	PL108						Rạch Cả Cấm	Rạch Cả Cấm	2.355		1185868	606409	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1187656	606147	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1748	7	PL109						Rạch số 13 (Nhánh rạch Ông Đội 2) Đoạn 1	Rạch số 13 (Nhánh rạch Ông Đội 2) Đoạn 1	242		1184777	607198	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1184895	606993	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1749	7	PL110						Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 11	Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 11	97		1186227	607476	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1186302	607538	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1750	7	PL73						Rạch Cá Nóc	Sông Đồng Nai	1.125		1187794	607990	Phú Thuận, TP. Hồ	1187794	607990	Phú Thuận, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1751	7	PL78						Q7.Rạch Ông Đội.2	Sông Đồng Nai	702		1184840	607665	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185355	607384	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1752	7	PL29						Rạch Tôm (nhánh Phú Xuân - Mương Chuối)	Rạch Tôm (nhánh Phú Xuân - Mương Chuối)	2.394		1183369	606543	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181379	606594	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1753	7	PL239						Rạch Bà Chiêm - Bà Chùa - Lấp Dầu	Rạch Bà Chiêm - Bà Chùa - Lấp Dầu	4.446		1180594	606599	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178280	604253	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1754	7	PL240						Nhánh Sông Nhà Bè 8	Nhánh Sông Nhà Bè 8	1.277		1181977	609715	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181242	608752	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1755	7	PL241						Rạch Bằng ổi (LT11)	Rạch Bằng Ổi (LT11)	1.412		1176922	608216	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176227	607970	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1756	7	PL25	2					NB.Rạch Mỏ Neo.1	Rạch Đỉa	767		1185644	603181	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1186166	603324	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1757	7	PL06	2	9				NB.Kênh Cây Khô.1	Rạch Cây Khô	1.169		1182791	601827	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182224	601055	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1758	7	PL06	2	PL20				NB.Rạch Bà Lào.4	Rạch Bà Lào	781		1179925	602030	Hiệp Phước, TP. Hồ	1180169	601376	Bình Hưng, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1759	7	PL06	2	24				Rạch Cống Ông Lượng	Rạch Bà Lào	962		1179804	603810	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179279	604264	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1760	7	PL06	2	14	PL 02			NB.Rạch Cây Khô.9	Rạch Cây Khô	559		1182535	603469	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182033	603464	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1761	7	PL10 2	8					NB.Sông Mương Chuối.2	Sông Mương Chuối	589		1179842	606894	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180217	607280	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1762	7	PL10 2	5	1				NB.Sông Mương Chuối.1.N1	Sông Mương Chuối	742		1180865	606618	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180834	606282	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1763	7	PL10 2	9	1				NB.Sông Mương Chuối.1.N1	Sông Mương Chuối	362		1179865	606198	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179975	606536	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1764	7	PL79						NB.Rạch Ngang.1	Sông Nhà Bè	723		1181661	609326	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181242	609554	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1765	7	PL71	105					NB.Sông Nhà Bè.2	Sông Soài Rạp	600		1180072	607846	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180457	607403	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1766	7	PL26	7					Rạch ấp Ba	Rạch Tôm	1.208		1181328	607766	Nhà Bè, TP.	1182323	607985	Nhà Bè, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
1767	7	PL26	7	1				NB.Rạch ấp Ba.2	Rạch Tôm	395		1181433	608191	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181720	608041	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1768	7	PL26	1					Rạch Bà Quân	Rạch Tôm	1.251		1182395	607521	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182780	606629	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1769	7	PL71	159					NB.Rạch Ngang.3	Sông Soài Rạp	1.19		1181192	607714	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181398	608403	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1770	7	PL06	2	PL 04				NB.Rạch Tắc Bên Rô.3	Rạch Tắc Bên Rô	576		1184369	601826	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184565	601355	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1771	7	PL28	1	2				NB.Kênh Cây Khô.3.N1	Kênh Cây Khô	839		1181961	601922	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181463	601468	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1772	7	PL26	7	1	1			NB.Rạch Ấp Ba.2.N1	Rạch Tôm	544		1181861	608428	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181479	608238	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1773	7	PL10 2	4					NB.Rạch Mương Chuối.1	Sông Mương Chuối	1.292		1180691	608060	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180975	606988	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1774	7	PL28	1	3				NB.Kênh Cây Khô.3.N2	Kênh Cây Khô	635		1181335	602404	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181886	602219	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1775	7	PL10 2	23					NB.Rạch Bà Minh.8	Sông Mương Chuối	429		1179672	605009	Hiệp Phước,	1179331	605159	Hiệp Phước,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1776	7	PL10	PL11					NB.Sông Rạch Dơi.6	Sông Rạch Dơi	464		1178343	603896	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178646	603970	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1777	7	PL10	PL10					NB.Rạch Lấp Dầu.2	Sông Rạch Dơi	1.086		1178646	604447	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179101	603854	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1778	7	PL10	PL09					NB.Sông Rạch Dơi.5	Sông Rạch Dơi	1.021		1178368	603850	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179209	603577	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1779	7	PL102	7					NB.Sông Mương Chuối.4	Sông Mương Chuối	1.235		1179173	606982	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179680	607399	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1780	7	PL06	2	14	1			NB.Rạch Cây Khô.8	Rạch Cây Khô	180		1182330	603384	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1182510	603395	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1781	7	PL102	6					NB.Sông Mương Chuối.3	Sông Mương Chuối	479		1179675	607442	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180128	607597	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1782	7	PL26	8	1				NB.Rạch Ông.7	Rạch Tôm	229		1181563	607672	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181676	607623	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1783	7	PL102	4	1				NB.Rạch Mương Chuối.1.N1	Sông Mương Chuối	434		1180951	607425	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180823	607097	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1784	7	PL26	8	PL04				NB.Rạch Ông.6	Rạch Tôm	409		1181586	607454	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181419	607421	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1785	7	PL102	29					NB.Rạch Tôm.SPX.5.N1	Sông Mương Chuối	404		1181614	606884	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181241	606748	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1786	7	PL102	3					NB.Rạch Mương Chuối.4	Sông Mương Chuối	346		1181134	607495	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180873	607471	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1787	7	PL102	21					NB.Rạch Bà Minh.5	Sông Mương Chuối	165		1179476	605381	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179316	605381	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1788	7	PL06	2	PL02				NB.Rạch Tắc Bến Rô.1	Rạch Tắc Bến Rô	231		1184708	601653	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184802	601446	Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1789	7	PL26	8	2				NB.Rạch Ông.5	Rạch Tôm	313		1181676	607328	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181567	607410	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1790	7	PL26	8	PL03				NB.Rạch Ông.8	Rạch Tôm	278		1181951	607525	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181866	607316	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1791	7	PL102	2					NB.Rạch Mương Chuối.3	Sông Mương Chuối	520		1181132	607485	Nhà Bè, TP.	1181393	607350	Nhà Bè, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
1792	7	PL26	7	PL 01				NB.Rạch Ấp Ba.1	Rạch Tôm	444		1181850	608027	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181686	607706	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1793	7	PL71	159	PL 01				NB.Rạch Ngang.3.N1	Sông Soài Rạp	461		1181158	608062	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180797	607992	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1794	7	PL102	22					NB.Rạch Bà Minh.6	Sông Mương Chuối	314		1179317	605379	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179500	605286	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1795	7	PL102	11	1				NB.Rạch Bà Chiên.2.N1	Sông Mương Chuối	518		1179225	605604	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179582	605683	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1796	7	PL102	25					NB.Rạch Bà Minh.10	Sông Mương Chuối	842		1179715	604584	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178988	604556	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1797	7	PL102	24					NB.Rạch Bà Minh.9	Sông Mương Chuối	551		1179680	604740	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179184	604767	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1798	7	PL242						NB.Rạch Lấp Dầu.5.N1	Sông Rạch Dơi	403		1178865	604412	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178900	604049	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1799	7	PL10	PL18					Sông Kinh	Sông Kinh	672		1175576	607397	Hiệp Phước,	1176175	607199	Hiệp Phước,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1800	7	PL102	30					NB.Rạch Mương Chuối.2	Sông Mương Chuối	272		1181523	607097	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181281	606983	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1801	7	PL111						Rạch Sông Tân	Ao Song Tân	1.208		1188507	605439	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188883	604416	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1802	7	PL112						Nhánh 2 Rạch Sông Tân	Nhánh 2 Rạch Sông Tân	173		1188422	604963	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188593	604939	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1803	7	PL113						Nhánh 5 Rạch Bần Đôn	Nhánh 5 Rạch Bần Đôn	87		1188538	605767	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188537	605848	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1804	7	PL114						Nhánh 2 Rạch Bần Đôn	Nhánh 2 Rạch Bần Đôn	389		1188639	605803	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188959	605783	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1805	7	PL115						Mương nước UBND phường	Mương nước UBND phường	69		1188700	605992	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188768	606004	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1806	7	PL116						Rạch Bần Đôn nhánh 1 Đoạn 1	Rạch Bần Đôn nhánh 1 Đoạn 1	338		1188154	604423	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188314	604598	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1807	7	PL117						Rạch Bần Đôn nhánh 2	Rạch Bần Đôn nhánh 2	1.105		1188074	604193	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187837	605207	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1808	7	PL118						Rạch Bần Đôn nhánh 3	Rạch Bần Đôn nhánh 3	193		1187829	605214	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187702	605311	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1809	7	PL119						Rạch Ông Tư Dinh	Rạch Ông Tư Dinh	1.186		1186633	603441	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186190	603410	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1810	7	PL120						Rạch Bàng (Đoạn cuối)	Rạch Bàng (Đoạn cuối)	894		1187514	604040	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187412	603249	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1811	7	PL121						Nhánh Rạch Bàng 3	Nhánh Rạch Bàng 3	79		1187427	603986	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187493	604028	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1812	7	PL122						Rạch Thủy Tiên nhánh 1	Rạch Thủy Tiên nhánh 1	347		1187506	604151	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187834	604194	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1813	7	PL123						Rạch Thầy Tiêu Đoạn 2	Rạch Thầy Tiêu Đoạn 2	487		1187283	605084	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187681	605304	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1814	7	PL124						Rạch Bàng nhánh 2	Rạch Bàng nhánh 2	936		1186679	603608	Tân Hưng, TP. Hồ	1187591	603529	Tân Hưng, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1815	7	PL125						Rạch Cả Cấm Đoạn 2	Rạch Cả Cấm Đoạn 2	1.457		1188670	606778	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187656	606147	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1816	7	PL126						Nhánh 1 Rạch Cả Cấm	Nhánh 1 Rạch Cả Cấm	625		1187796	606205	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187881	606695	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1817	7	PL127						Nhánh 1 Rạch Cả Cấm Đoạn 6	Nhánh 1 Rạch Cả Cấm Đoạn 6	46		1187900	606726	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187905	606772	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1818	7	PL128						Nhánh 1 Rạch Cả Cấm Đoạn 5	Nhánh 1 Rạch Cả Cấm Đoạn 5	78		1187790	606728	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187822	606800	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1819	7	PL129						Rạch Lớn (rạch Ông Chồn)	Rạch Lớn (rạch Ông Chồn)	850		1187882	607222	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188390	607825	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1820	7	PL130						Nhánh 5 Rạch Bà Bướm	Nhánh 5 Rạch Bà Bướm	168		1187801	607754	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187754	607888	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1821	7	PL131						Nhánh 3B Rạch Bà Bướm Đoạn 2	Nhánh 3B Rạch Bà Bướm Đoạn 2	441		1187443	607598	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187597	608009	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1822	7	PL132						Rạch Số 1 - Rạch Cả Cấm	Rạch Số 1 - Rạch Cả Cấm	192		1187286	606816	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1187333	607000	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1823	7	PL133						Nhánh 1 Rạch Bà Bướm	Nhánh 1 Rạch Bà Bướm	193		1187179	606743	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1187293	606899	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1824	7	PL134						Rạch Bà Bướm nhánh 2	Rạch Bà Bướm nhánh 2	534		1186880	607302	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187257	607418	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1825	7	PL135						Nhánh 4A Rạch Bà Bướm Đoạn 3	Nhánh 4A Rạch Bà Bướm Đoạn 3	149		1186795	607481	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186911	607502	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1826	7	PL136						Rạch Bà Bướm nhánh 3	Rạch Bà Bướm nhánh 3	666		1186795	607481	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187205	607765	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1827	7	PL137						Rạch Số 3 - Rạch Cả Cấm	Rạch Số 3 - Rạch Cả Cấm	132		1186596	607196	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1186719	607154	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1828	7	PL138						Rạch Số 2 - Rạch Cả Cấm	Rạch Số 2 - Rạch Cả Cấm	251		1186786	606951	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1186994	606999	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1829	7	PL139						Nhánh rạch Cả Cấm (Đoạn 3)	Nhánh rạch Cả Cấm (Đoạn 3)	67		1186758	606891	Tân Mỹ, TP. Hồ	1186786	606951	Tân Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1830	7	PL140						Rạch Số 8 - Rạch Ông Đội 2	Rạch Số 8 - Rạch Ông Đội 2	39		1185607	607538	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185597	607576	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1831	7	PL141						Rạch Cây Me (Đoạn 5)	Rạch Cây Me (Đoạn 5)	285		1185389	608252	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1185641	608315	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1832	7	PL142						Rạch Cây Me	Rạch Cây Me	968		1185614	608636	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1185872	607833	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1833	7	PL143						Nhánh Sông Nhà Bè	Nhánh Sông Nhà Bè	287		1185930	608729	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186042	608466	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1834	7	PL144						Nhánh 3 Rạch Cây Me	Nhánh 3 Rạch Cây Me	501		1185667	608284	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186040	608159	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1835	7	PL145						Rạch Số 7 - Rạch Ông Đội 2	Rạch Số 7 - Rạch Ông Đội 2	115		1185632	607549	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185741	607573	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1836	7	PL146						Nhánh 2 Rạch Tam Đệ	Nhánh 2 Rạch Tam Đệ	292		1186381	608313	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186631	608355	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1837	7	PL147						Rạch Tam Đệ Đoạn 1	Rạch Tam Đệ Đoạn 1	780		1186713	608458	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186609	607764	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1838	7	PL148						Nhánh 1 Rạch Số 6 Đoạn 3 - Rạch Ông Đội 2	Nhánh 1 Rạch số 6 Đoạn 3 - Rạch Ông Đội 2	43		1186086	607494	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1186113	607461	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1839	7	PL149						Nhánh 6 Rạch Bà Bướm Đoạn 1	Nhánh 6 Rạch Bà Bướm Đoạn 1	296		1187009	608025	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187238	607920	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1840	7	PL150						Rạch Bà Bướm nhánh 1	Rạch Bà Bướm nhánh 1	2.097		1187868	608778	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187159	607165	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1841	7	PL151						Rạch Tổ 1B-KP1-Sông Nhà Bè	Rạch Tổ 1B-KP1-Sông Nhà Bè	370		1183632	606650	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1183681	607017	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1842	7	PL152						Rạch Số 7 - Sông Phú Xuân	Rạch Số 7 - Sông Phú Xuân	250		1183674	607496	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1183674	607265	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1843	7	PL153						Rạch Số 22 - Sông Phú Xuân	Sông Đồng Nai	1.049		1184553	607384	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1184777	607198	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1844	7	PL154						Rạch trước cửa xả số nhà 1727	Rạch trước cửa xả số nhà 1727	196		1184000	607984	Phú Thuận, TP. Hồ	1183978	607951	Phú Thuận, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
								Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Huỳnh Tấn Phát					Chí Minh			Chí Minh	
1845	7	PL155						Rạch Bàng nhánh 1	Rạch Bàng nhánh 1	256		1187672	603791	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1187876	603933	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1846	7	PL156						Nhánh của Rạch Ông Đội (Nhánh 1 - Đoạn 1)	Nhánh của Rạch Ông Đội (Nhánh 1 - Đoạn 1)	216		1188557	603592	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188742	603502	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1847	7	PL157						Nhánh của Rạch Ông Đội (Nhánh 2 - Đoạn 1)	Nhánh của Rạch Ông Đội (Nhánh 2 - Đoạn 1)	142		1188815	603889	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188854	603764	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1848	7	PL158						Rạch ấp Chiến Lược	Rạch Ấp Chiến Lược	757		1188852	602838	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188622	603211	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1849	7	PL159						Rạch Ông Đội 1	Rạch Ông Đội 1	1.254		1188655	603050	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188955	603959	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1850	7	PL160						Rạch Tam Đệ	Rạch Tam Đệ	618		1186406	608927	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186713	608458	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1851	7	PL161						Rạch Số 4 - Đường Huỳnh Tấn Phát	Rạch Số 4 - Đường Huỳnh Tấn Phát	154		1184215	607666	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1184352	607727	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1852	7	PL16 2						Rạch Ông Kích	Rạch Ông Kích	1.498		1187346	604202	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186245	603869	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1853	7	PL16 3						Rạch Sông Tân	Rạch Sông Tân	3.265		1178696	611279	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177222	611556	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
1854	7	PL16 4						Nhánh 1 Rạch Tam Đệ	Nhánh 1 Rạch Tam Đệ	290		1186432	607713	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186230	607664	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1855	7	PL16 5						Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 10	Sông Đồng Nai	7		1186295	607538	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186302	607538	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1856	7	PL16 6						Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 7	Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 7	89		1186293	607536	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186297	607621	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1857	7	PL16 7						Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 3	Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 3	67		1186319	607565	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186297	607621	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1858	7	PL16 8						Rạch Số 6 - Đường Huỳnh Tấn Phát	Rạch Số 6 - Đường Huỳnh Tấn Phát	149		1184245	607641	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1184124	607621	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1859	7	PL16 9						Rạch Bến Ngựa	Rạch Bến Ngựa	891		1188721	606881	Tân Thuận, TP. Hồ	1188603	607738	Tân Thuận, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1860	7	PL170						Nhánh 6 Rạch Bến Ngựa Đoạn 1	Nhánh 6 Rạch Bến Ngựa Đoạn 1	53		1188545	607285	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188597	607284	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1861	7	PL171						Nhánh 5 Rạch Bến Ngựa Đoạn 1	Nhánh 5 Rạch Bến Ngựa Đoạn 1	21		1188624	607173	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188644	607168	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1862	7	PL172						Rạch Số 4 nhánh 1 - Đường Huỳnh Tấn Phát	Rạch Số 4 nhánh 1 - Đường Huỳnh Tấn Phát	113		1186512	607146	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1186546	607254	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1863	7	PL173						Rạch Số 5 - Rạch Ông Đội 2	Rạch Số 5 - Rạch Ông Đội 2	266		1186211	607341	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1186254	607139	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1864	7	PL174						Rạch Số 10 (rạch Ông Đội 2 nhánh 11)	Rạch Số 10 (rạch Ông Đội 2 nhánh 11)	273		1185528	607461	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185484	607714	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1865	7	PL175						Rạch số 16 Đoạn 1 (Nhánh Sông Phú Xuân)	Rạch Số 16 Đoạn 1 (Nhánh Sông Phú Xuân)	370		1183632	606650	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1183681	607017	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1866	7	PL176						Nhánh 4 Rạch số 2 Đoạn 1 - Sông Nhà Bè	Nhánh 4 Rạch Số 2 Đoạn 1 - Sông Nhà Bè	157		1184361	608029	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1184499	607986	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1867	7	PL177						Rạch Tổ 1B-KP1-Sông Nhà Bè	Rạch Tổ 1B-KP1-Sông Nhà Bè	183		1184885	608625	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1184912	608450	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1868	7	PL178						Rạch Bình Thung Đoạn 1	Rạch Bình Thung Đoạn 1	169		1185098	608458	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1185070	608623	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1869	7	PL179						Nhánh 1 Rạch Ông Đội 1	Sông Đồng Nai	153		1188990	603802	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1189085	603775	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1870	7	PL180						Nhánh 2 Rạch Số 6 - Rạch Ông Đội 2	Nhánh 2 Rạch Số 6 - Rạch Ông Đội 2	53		1185958	607455	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185971	607408	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1871	7	PL181						Rạch Số 6 - Rạch Ông Đội 2	Rạch Số 6 - Rạch Ông Đội 2	182		1186033	607427	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185883	607455	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1872	7	PL182						Nhánh 3 Rạch Số 6 Đoạn 1 - Rạch Ông Đội 2	Nhánh 3 Rạch Số 6 Đoạn 1 - Rạch Ông Đội 2	25		1185950	607475	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185964	607458	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1873	7	PL183						Nhánh 1 Rạch Số 6 Đoạn 6 - Rạch Ông Đội 2	Nhánh 1 Rạch Số 6 Đoạn 6 - Rạch Ông Đội 2	40		1186020	607458	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1186034	607491	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1874	7	PL184						Nhánh 1 Rạch Tam Đệ	Nhánh 1 Rạch Tam Đệ	354		1186484	607709	Phú Thuận, TP. Hồ	1186230	607664	Phú Thuận, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1875	7	PL185						Nhánh 1 Rạch Tam Đệ đoạn 11	Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 11	89		1186293	607536	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186297	607621	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1876	7	PL186						Nhánh 1 Rạch số 6 Đoạn 3 - Rạch Ông Đội 2	Nhánh 1 Rạch số 6 Đoạn 3 - Rạch Ông Đội 2	64		1186020	607458	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1186074	607431	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1877	7	PL187						Nhánh 1 Rạch Bà Bướm Đoạn 8	Nhánh 1 Rạch Bà Bướm Đoạn 8	115		1187025	607230	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187078	607304	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1878	7	PL188						Rạch Bà Bướm Đoạn 2	Rạch Bà Bướm Đoạn 2	71		1187252	607142	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187231	607189	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1879	7	PL189						Nhánh 3B Rạch Bà Bướm Đoạn 2	Nhánh 3B Rạch Bà Bướm Đoạn 2	207		1187435	608052	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187597	608009	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1880	7	PL190						Rạch số 2 - Sông Nhà Bè	Rạch số 2 - Sông Nhà Bè	852		1184643	608653	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1184411	607901	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1881	7	PL191						Nhánh 4 Rạch số 2 Đoạn 2 - Sông Nhà Bè	Nhánh 4 Rạch số 2 Đoạn 2 - Sông Nhà Bè	59		1184422	607951	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1184479	607956	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1882	7	PL192						Chi lưu 2 Sông Nhà Bè (Rạch số 14)	Chi lưu 2 Sông Nhà Bè (Rạch số 14)	134		1184424	608519	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1184428	608652	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1883	7	PL193						Rạch số 11-Rạch tổ 28-KP3-Sông Nhà Bè	Rạch số 11-Rạch tổ 28-KP3-Sông Nhà Bè	541		1184209	608326	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1184428	608652	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1884	7	PL194						Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 7	Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 7	113		1186325	607755	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186359	607648	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1885	7	PL195						Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 4	Nhánh 1 Rạch Tam Đệ Đoạn 4	69		1186247	607729	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186244	607665	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1886	7	PL196						Nhánh Rạch số 5 - Rạch Ông Đội 2	Nhánh Rạch số 5 - Rạch Ông Đội 2	101		1186173	607274	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1186272	607264	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1887	7	PL254						Nhánh 2 Rạch Ông Chồn	Nhánh 2 Rạch Ông Chồn	24		1188110	607683	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188134	607684	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1888	7	PL197						Nhánh 3 Rạch Ông Chồn Đoạn 1	Nhánh 3 Rạch Ông Chồn Đoạn 1	32		1188134	607684	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188163	607697	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1889	7	PL198						Nhánh 3 Rạch Ông Chồn Đoạn 2	Nhánh 3 Rạch Ông Chồn Đoạn 2	45		1188147	607753	Tân Thuận, TP. Hồ	1188170	607716	Tân Thuận, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1890	7	PL199						Nhánh 1 Rạch Bến Ngựa	Nhánh 1 Rạch Bến Ngựa	23		1188726	606937	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188746	606926	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1891	7	PL200						Nhánh 5 Rạch Ông Đội 1 Đoạn 4	Nhánh 5 Rạch Ông Đội 1 Đoạn 4	57		1188681	603980	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188737	603993	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1892	7	PL255						Nhánh 5 Rạch Ông Đội 1	Nhánh 5 Rạch Ông Đội 1	75		1188821	604051	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188847	603987	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1893	7	PL256						Nhánh 1 Rạch Bà Bướm	Nhánh 1 Rạch Bà Bướm	245		1187284	607617	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187514	607547	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1894	7	PL238						Nhánh Sông Cầu Kinh	Nhánh Sông Cầu Kinh	163		1189017	607811	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1189173	607768	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1895	7	PL257						Rạch Tắc Rỗi (Rạch Cầu Kinh)	Rạch Tắc Rỗi (Rạch Cầu Kinh)	1.248		1188360	608362	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1189017	607811	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1896	7	PL88						Q7.Sông Phú Xuân.1	Sông Đồng Nai	1.078		1184046	607204	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1184525	606552	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1897	7	PL75						Q7.Rạch Bà Bướm.2	Sông Đồng Nai	406		1187021	608193	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187357	608307	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1898	7	PL76						Q7.Sông Nhà Bè.1	Sông Đồng Nai	1.114		1187368	608377	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1186578	609013	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1899	7	PL07	5					Q7.Rạch ấp Chiến Lược.2	Sông Bến Lức	871		1187884	603958	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188556	603833	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1900	7	PL74						Rạch Nước	Sông Đồng Nai	277		1187568	609276	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1187792	609360	Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1901	7	PL07	6					Q7.Rạch ấp Chiến Lược.2	Sông Bến Lức	913		1187768	603744	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1188560	603411	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1902	7	PL96						Q7.Sông Phú Xuân.2	Sông Đồng Nai	678		1184305	606858	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1184126	606467	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1903	7	PL59	1					Q7.Rạch Ngã Tư.2	Rạch Ngã Tư	627		1185435	606741	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185124	607182	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1904	7	PL77						Q7.Rạch Cá Cấm.3	Sông Đồng Nai	664		1186428	607330	Tân Mỹ, TP. Hồ	1186718	606863	Tân Mỹ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1905	7	PL07	7					Q7.Rạch Ông Kích.1	Sông Bến Lức	381		1186966	604698	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186969	604324	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1906	7	PL07	8					Q7.Rạch Ông Kích.2	Sông Bến Lức	320		1186857	603785	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	1186719	604040	Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	
1907	7	PL07	PL01	PL01				Q7.Kênh Tè.1.N1	Sông Bến Lức	864		1189310	606816	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	1188972	606062	Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	
1908	7	PL96	1					Q7.Rạch Ông Đội.1.N1	Sông Đồng Nai	376		1184412	607101	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1184710	607311	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1909	7	PL59	PL01					Q7.Rạch Ngã Tư.1	Rạch Ngã Tư	219		1185087	606607	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1185255	606526	Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	
1910	7	PL243						Rạch Tắc Thầy Cai (ND8)	Rạch Tắc Thầy Cai (ND8)	2.459		1179349	603688	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180469	604135	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1911	7	PL201						Rạch Mỏ Neo (Hồ Neo) - Bà Tranh	Rạch Mỏ Neo (Hồ Neo) - Bà Tranh	1.485		1186173	602822	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185134	603755	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1912	7	PL245						Nhánh Rạch Xóm Củi - Gò Nổi 12	Nhánh Rạch Xóm Củi - Gò Nổi 12	1.358		1183444	602057	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184085	601027	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1913	7	PL246						Rạch cây Bông (PK3)	Rạch cây Bông (PK3)	2.298		1185540	604779	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183853	605770	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1914	7	PL25	30					Nhánh Rạch Đỉa 10	Nhánh Rạch Đỉa 10	927		1184640	605805	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185463	605659	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1915	7	PL247						Rạch Bà Minh (ND15)	Rạch Bà Minh (ND15)	2.087		1179799	604529	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180146	606062	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1916	7	PL248						Rạch 7.3	Rạch 7.3	1.260		1179428	602772	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178897	602126	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1917	7	PL249						Rạch Bóng Lương (PX5)	Rạch Bóng Lương (PX5)	317		1180999	609677	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180700	609592	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1918	7	PL250						Nhánh Rạch Cống Vinh - Ông Bốn 1	Sông Đồng Nai	997		1181625	604900	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182438	605025	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1919	7	PL251						Nhánh Rạch Cây Khô 7	Sông Đồng Nai	953		1182084	602201	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182797	602413	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1920	7	PL252						Nhánh Rạch Cây Khô 4	Sông Đồng Nai	476		1182233	602789	Hiệp Phước, TP. Hồ	1182630	602934	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
1921	7	PL253						Nhánh Rạch Cây Khô 8	Nhánh Rạch Cây Khô 8	238		1182749	602124	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182645	602291	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1922	7	PL258						Rạch Khe Giữa - Chi lưu 2	Rạch Khe Giữa - Chi lưu 2	168		1182905	601960	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182746	601948	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1923	7	PL259						Nhánh Rạch Cây Khô 10	Sông Đồng Nai	264		1183099	602125	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182856	602147	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1924	7	PL260						Nhánh Rạch Đỉa 9	Nhánh Rạch Đỉa 9	903		1186049	603525	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185333	603840	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1925	7	PL26						Rạch Tôm (nhánh Phước Kiểng)	Rạch Tôm (nhánh Phước Kiểng)	5.131		1181231	605950	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180233	601489	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1926	7	PL261						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 1	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 1	177		1182538	603642	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182543	603797	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1927	7	PL262						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 4	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 4	214		1182200	604132	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182341	604050	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1928	7	PL263						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 6	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 6	201		1181949	604537	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182098	604578	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1929	7	PL264						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 7	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 7	975		1181925	604561	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182329	604349	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1930	7	PL265						Nhánh Rạch Mương Chuối 3	Nhánh Rạch Mương Chuối 3	293		1180861	606842	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180734	606984	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1931	7	PL266						Nhánh Rạch Mương Chuối 1	Nhánh Rạch Mương Chuối 1	430		1180194	606877	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180325	607130	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1932	7	PL267						Nhánh Sông Nhà Bè 18	Sông Đồng Nai	102		1180719	608814	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180819	608802	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1933	7	PL268						Nhánh Sông Nhà Bè 17	Nhánh Sông Nhà Bè 17	121		1180758	609133	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180877	609113	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1934	7	PL269						Nhánh Sông Nhà Bè 15	Nhánh Sông Nhà Bè 15	273		1180431	610367	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180590	610472	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1935	7	PL270						Nhánh Sông Nhà Bè 14	Nhánh Sông Nhà Bè 14	365		1180259	610702	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180461	610873	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1936	7	PL271						Nhánh Rạch Cây Khô 6	Sông Đồng Nai	1.067		1182793	602694	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181841	602594	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1937	7	PL272						Rạch Miễu (LT7)	Rạch Miễu (LT7)	1.248		1177962	605197	Hiệp Phước, TP. Hồ	1178427	605630	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1938	7	PL273						Rạch Bà Sáu (LT8)	Rạch Bà Sáu (LT8)	828		1178462	605486	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177735	605545	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1939	7	PL274						Nhánh Sông Nhà Bè 6	Nhánh Sông Nhà Bè 6	400		1183280	609045	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183172	608663	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1940	7	PL275						Rạch Ba Bọng (TT1)	Rạch Ba Bọng (TT1)	422		1183742	608090	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183512	608044	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1941	7	PL276						Nhánh Rạch Tôm 1	Nhánh Rạch Tôm 1	165		1183552	606411	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183389	606429	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1942	7	PL277						Nhánh Rạch Tôm 3	Nhánh Rạch Tôm 3	114		1182711	606620	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182674	606513	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1943	7	PL278						Nhánh Rạch Tôm 4	Nhánh Rạch Tôm 4	92		1182430	606788	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182492	606855	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1944	7	PL279						Nhánh Rạch Tôm 4	Nhánh Rạch Tôm 5	722		1182192	606801	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182343	607426	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1945	7	PL280						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 14	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 14	444		1181413	606417	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181779	606587	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1946	7	PL281						Nhánh Sông Phước Kiểng 1	Nhánh Sông Phước Kiểng 1	161		1181434	606218	Nhà Bè, TP.	1181584	606164	Nhà Bè, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
								(rạch trước cửa xả số 4 Nguyễn Hữu Thọ)	(rạch trước cửa xả số 4 Nguyễn Hữu Thọ)					Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
1947	7	PL282						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 11	Sông Đồng Nai	161		1181466	605457	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181620	605501	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1948	7	PL283						Nhánh Rạch Cống Vinh - Ông Bốn 2	Sông Đồng Nai	160		1182065	605410	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182015	605561	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1949	7	PL284						Nhánh Rạch Cống Vinh - Ông Bốn 13	Nhánh Rạch Cống Vinh - Ông Bốn 13	186		1183038	603698	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183184	603654	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1950	7	PL285						Nhánh Rạch Cống Vinh - Ông Bốn 11	Nhánh Rạch Cống Vinh - Ông Bốn 11	448		1183095	603926	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183433	603924	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1951	7	PL286						Nhánh Rạch Cống Vinh - Ông Bốn 8	Nhánh Rạch Cống Vinh - Ông Bốn 8	428		1183082	603941	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183380	604127	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1952	7	PL287						Rạch Cống Dinh - Ông Bốn	Rạch Cống Dinh - Ông Bốn	3.818		1183143	603382	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181707	605029	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1953	7	PL288						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 8	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 8	95		1181756	604722	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181804	604802	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1954	7	PL289						Nhánh Rạch Cây Khô 17	Nhánh Rạch Cây Khô 17	200		1182464	603166	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1182618	603244	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1955	7	PL290						Nhánh Rạch Cây Khô 16	Nhánh Rạch Cây Khô 16	181		1182648	602954	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182720	603084	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1956	7	PL291						Nhánh Rạch Cây Khô 12	Nhánh Rạch Cây Khô 12	547		1182875	602615	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183173	602993	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1957	7	PL292						Rạch Ông Gốc (từ cống Bà Vú đến Rạch Bà Tánh) (PL11)	Rạch Ông Gốc (từ cống Bà Vú đến Rạch Bà Tánh) (PL11)	1.167		1183469	603036	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183494	602307	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1958	7	PL293						Nhánh Rạch Ông Lớn 15	Nhánh Rạch Ông Lớn 15	94		1183323	603133	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183280	603052	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1959	7	PL294						Nhánh Rạch Ông Lớn 7	Sông Đồng Nai	159		1184408	602705	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184334	602568	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1960	7	PL295						Nhánh Rạch Ông Lớn 8	Sông Đồng Nai	363		1184148	602801	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184052	602486	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1961	7	PL296						Nhánh Rạch Ông Lớn 10	Nhánh Rạch Ông Lớn 10	153		1184034	602845	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183988	602734	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1962	7	PL297						Nhánh Rạch Ông Lớn 12	Nhánh Rạch Ông Lớn 12	769		1183792	602974	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183687	602353	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1963	7	PL298						Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 1	Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 1	876		1183785	603539	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183804	603059	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1964	7	PL299						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 15	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 15	1.121		1182035	604135	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181154	604061	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1965	7	PL300						Nhánh Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo 6	Nhánh Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo 6	252		1183759	603847	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183713	604092	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1966	7	PL301						Nhánh Rạch Ông Lớn 5	Nhánh Rạch Ông Lớn 5	722		1184744	602648	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185181	603116	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1967	7	PL302						Nhánh Rạch Ông Lớn 6	Nhánh Rạch Ông Lớn 6	774		1184720	602688	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184927	603427	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1968	7	PL303						Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 3	Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 3	321		1183979	603314	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184118	603526	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1969	7	PL304						Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 4	Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 4	163		1183785	603586	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183937	603642	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1970	7	PL305						Rạch Cống Mốc (LT2)	Rạch Cống Mốc (LT2)	334		1178487	605482	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178640	605295	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1971	7	PL306						Rạch Cống Lớn (LT3)	Rạch Cống Lớn (LT3)	913		1178019	604982	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178639	605290	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1972	7	PL307						Rạch nhánh 1 của rạch Giáp Quạ	Rạch nhánh 1 của rạch Giáp Quạ	309		1183811	601578	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184032	601740	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1973	7	PL308						Rạch Tắc Từ Hải (PL4)	Rạch Tắc Từ Hải (PL4)	787		1181861	601641	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181897	602217	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1974	7	PL309						Rạch Ngọn Đình (ND6)	Rạch Ngọn Đình (ND6)	2.077		1181877	602227	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180636	602185	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1975	7	PL310						Rạch Bà Đình (ND18)	Rạch Bà Đình (ND18)	775		1180655	604276	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180717	603694	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1976	7	PL311						Rạch Mười Bé	Rạch Mười Bé	1.483		1185613	604530	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184536	604059	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1977	7	PL312						Các nhánh Rạch Cây Bông	Các nhánh Rạch Cây Bông	426		1184682	604898	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184386	604989	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1978	7	PL313						Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 2	Sông Đồng Nai	335		1184373	603381	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184099	603244	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1979	7	PL314						Rạch Bông Bồn (LT9)	Rạch Bông Bồn (LT9)	480		1179258	606167	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179325	606542	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1980	7	PL315						Rạch Bảy Đượm (từ rạch Bà Chồi	Rạch Bảy Đượm (từ rạch	1.626		1177669	606545	Hiệp Phước,	1178817	605906	Hiệp Phước,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
								đến rạch Cá Nóc) (LT14)	Bà Chồi đến rạch Cá Nóc) (LT14)					TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
1981	7	PL316						Rạch Bảy Đượm - Chi lưu 1	Sông Đồng Nai	439		1178414	606424	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178433	606798	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1982	7	PL317						Rạch 21.2	Rạch 21.2	693		1179600	601498	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179742	601891	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1983	7	PL318						Rạch 1.1	Rạch 1.1	333		1181315	603110	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181088	603211	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1984	7	PL319						Rạch Bà Chồi - Chi lưu 4	Rạch Bà Chồi - Chi lưu 4	380		1177726	607391	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177431	607252	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1985	7	PL320						Chi lưu Rạch Đồn (LT16)	Chi lưu Rạch Đồn (LT16)	229		1178371	607088	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178463	606947	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1986	7	PL321						Rạch Số 6 (ND20)	Rạch Số 6 (ND20)	354		1179207	602090	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179432	602264	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1987	7	PL322						Nhánh Sông Nhà Bè 20	Sông Đồng Nai	487		1178807	607773	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178581	607365	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1988	7	PL323						Rạch 1.8	Rạch 1.8	289		1180622	604584	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180470	604827	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1989	7	PL324						Rạch Bà Quýt (PK7)	Rạch Bà Quýt (PK7)	703		1182251	604022	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182901	604264	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1990	7	PL325						Rạch Tư Hổ (trong hẻm 1419 LVL)	Sông Đồng Nai	173		1182108	604406	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181992	604431	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1991	7	PL326						Rạch Hẻm 1419 (Hẻm 15 cũ LVL)	Sông Đồng Nai	169		1182175	604438	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182026	604360	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1992	7	PL327						Nhánh Rạch Cống Vinh - Ông Bốn 6	Sông Đồng Nai	141		1182474	605501	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182480	605366	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1993	7	PL328						Nhánh Sông Nhà Bè 13	Nhánh Sông Nhà Bè 13	233		1180839	610836	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180697	610661	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1994	7	PL329						Chi lưu Rạch Tư Chấp (PX8)	Sông Đồng Nai	77		1180848	610731	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180789	610762	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1995	7	PL330						Nhánh Rạch Tôm 5	Nhánh Rạch Tôm 6	1.214		1181633	606849	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182342	607438	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
1996	7	PL331						Rạch Cống Cầu (LT5)	Rạch Cống Cầu (LT5)	528		1176481	606975	Hiệp Phước, TP. Hồ	1176827	607211	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
1997	7	PL332						Rạch Bà Chồi - Chi lưu 3	Rạch Bà Chồi - Chi lưu 3	152		1177168	607483	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177059	607575	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1998	7	PL333						Rạch Bà Chồi - Chi lưu 2	Rạch Bà Chồi - Chi lưu 2	232		1177258	607705	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177052	607685	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
1999	7	PL334						Rạch Bà Chồi - Chi lưu 1	Rạch Bà Chồi - Chi lưu 1	444		1178020	607106	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177741	607387	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2000	7	PL335						Rạch Khe Giữa (LT15)	Rạch Khe Giữa (LT15)	2.426		1179778	606985	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177738	607392	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2001	7	PL336						Rạch Cá Nóc (ND4)	Rạch Cá Nóc (ND4)	310		1180395	606476	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180194	606665	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2002	7	PL337						Rạch Rộp	Rạch Rộp	3.114		1175328	610976	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175365	608218	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2003	7	PL338						Nhánh Sông Nhà Bè 12	Sông Đồng Nai	212		1180963	610713	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180804	610579	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2004	7	PL339						Rạch cụt nhánh Sông Đồn Điền	Rạch cụt nhánh Sông Đồn Điền	509		1176761	608005	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176309	607874	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2005	7	PL340						Rạch Bầu Dừa	Rạch Bầu Dừa	952		1177057	606371	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177513	607081	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2006	7	PL341						Nhánh Sông Phú Xuân 1	Nhánh Sông Phú Xuân 1	393		1183224	607479	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183201	607820	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2007	7	PL342						Nhánh Rạch Tôm 2	Nhánh Rạch Tôm 2	517		1183466	605968	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183207	606237	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2008	7	PL343						Nhánh Rạch Cây Bông	Nhánh Rạch Cây Bông	486		1184685	604656	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184979	604992	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2009	7	PL2207						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 5	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 5	54		1182143	604273	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182098	604242	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2010	7	PL2208						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 3	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 3	200		1182359	603812	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182304	603946	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2011	7	PL2209						Rạch Bầu Dừa (LT10)	Rạch Bầu Dừa (LT10)	958		1175078	607771	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175585	607396	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2012	7	PL2210						Rạch Mương Chuối - rạch Ngang	Rạch Mương Chuối - rạch Ngang	2.751		1181225	606761	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181011	608729	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2013	7	PL202						Rạch Mương Chuối - rạch Ngang	Rạch Mương Chuối - rạch Ngang	190		1181011	608729	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180943	608558	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2014	7	PL203						Rạch Bờ Băng (PX2)	Rạch Bờ Băng (PX2)	774		1180809	607901	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1180943	608558	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2015	7	PL204						Rạch Cống Lỡ (ND17)	Rạch Cống Lỡ (ND17)	291		1178246	602584	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178428	602806	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2016	7	PL205						Rạch 7.5	Rạch 7.5	889		1178147	603416	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178680	602871	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2017	7	PL206						Rạch Bà Não (ND7)	Rạch Bà Não (ND7)	1.445		1179272	603146	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178531	602449	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2018	7	PL207						Nhánh Rạch Tôm 1	Nhánh Rạch Tôm 1	447		1179995	603366	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180236	603158	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2019	7	PL208						Rạch 18	Rạch Bà Đình (ND18)	724		1180820	603366	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180315	603271	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2020	7	PL209						Rạch 18.3	Rạch 18.3	246		1180635	603311	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180551	603491	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2021	7	PL210						Rạch 18.1	Rạch 18.1	103		1180837	603176	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180792	603269	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2022	7	PL211						Nhánh Rạch Cây Khô 8	Nhánh Rạch Cây Khô 8	297		1182327	602018	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182329	601742	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2023	7	PL212						Rạch Miếu Mốc (ND13)	Rạch Miếu Mốc (ND13)	619		1181883	603116	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1182440	603241	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2024	7	PL213						Rạch Ông Lương (từ ngã 3 Tắc Thầy Cai và Rạch Ông Lương đến rạch Bà Não (ND24)	Rạch Ông Lương (từ ngã 3 Tắc Thầy Cai và rạch Ông Lương đến Rạch Bà Não (ND24)	519		1180042	604435	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180123	604049	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2025	7	PL214						Rạch Nò - Nhánh 1 (TT3)	Rạch Nò - Nhánh 1 (TT3)	1.010		1183027	608348	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182227	608466	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2026	7	PL215						Chi lưu Rạch Nò - Nhánh 1 (TT3)	Chi lưu Rạch Nò - Nhánh 1 (TT3)	408		1182291	608512	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182243	608801	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2027	7	PL216						Rạch Nò - Nhánh 2 (TT4)	Rạch Nò - Nhánh 2 (TT4)	249		1181989	608759	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182146	608946	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2028	7	PL217						Nhánh Sông Nhà Bè 10	Sông Đồng Nai	500		1181772	609906	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181426	609730	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2029	7	PL218						Nhánh Rạch Xóm Củi - Gò Nổi 15	Nhánh Rạch Xóm Củi - Gò Nổi 15	913		1183660	600989	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182996	601282	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2030	7	PL219						Rạch Ông 10 Ngon	Rạch Ông 10 Ngon	164		1184705	602361	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184547	602319	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2031	7	PL220						Rạch Chùa Lá	Rạch Chùa Lá	78		1186170	603112	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1186093	603127	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2032	7	PL221						Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 4	Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 4	212		1186047	602629	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1186118	602825	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2033	7	PL222						Nhánh Rạch Ông Lớn 11	Nhánh rạch Ông Lớn 11	127		1185485	602609	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185512	602727	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2034	7	PL223						Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 10	Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo nhánh 10	166		1186172	603044	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1186055	602928	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2035	7	PL224						Nhánh Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo 9	Nhánh Rạch Bà Thanh-Mỏ Neo 9	297		1185499	603232	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185575	603517	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2036	7	PL225						Rạch Mỏ Neo (Hồ Neo) - Bà Tranh	Rạch Mỏ Neo (Hồ Neo) - Bà Tranh	2.072		1183491	603136	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184808	603841	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2037	7	PL226						Rạch Tư Ten (PK4)	Rạch Tư Ten (PK4)	1.136		1184735	603796	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184482	602764	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2038	7	PL227						Rạch Cầu Nhum (ND10)	Rạch Cầu Nhum (ND10)	215		1180715	604900	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180521	604991	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2039	7	PL228						Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 13	Nhánh Sông Phước Kiểng-Mương Chuối 13	453		1181436	606307	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181845	606256	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2040	7	PL229						Tắc Mương Lớn	Tắc Mương Lớn	1.989		1173838	609077	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172457	608467	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2041	7	PL230						Rạch Đinh - Rạch Mương Lớn	Rạch Đinh - Tắc Mương Lớn	4.893		1174197	611253	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175348	608211	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2042	7	PL26	10					NB.Rạch Tôm.SPX.2	Rạch Tôm	837		1183013	606261	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182692	605682	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2043	7	PL231						NB.Rạch Ông Lưới.1	Sông Phú Xuân	222		1184759	606281	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184825	606099	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2044	7	PL232						NB.Rạch Cống Vinh.7	Rạch Cống Vinh	276		1181861	605074	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182085	605214	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2045	7	PL83	PL01	1				NB.Rạch Bà Thanh.8	Rạch Ông Bốn	1.008		1183260	604841	Nhà Bè, TP.	1184032	604643	Nhà Bè, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
2046	7	PL233						NB.Rạch Ông Bốn.4	Rạch Ông Bốn	348		1183108	604495	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182815	604586	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2047	7	PL83	PL01					NB.Rạch Bà Thanh.7	Sông Ông Lớn	540		1183718	604346	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184059	604629	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2048	7	PL06	2	19	PL01			NB.Rạch Tôm.SLK.6.N2	Sông Long Kiểng	452		1181076	603784	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180727	603698	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2049	7	PL25	5					NB.Rạch Cây Bông.4	Rạch Đỉa	262		1185088	604894	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184948	604684	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2050	7	PL06	2	PL05				NB.Rạch Tắc Quạ.3	Rạch Tắc Quạ	466		1184024	601748	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184176	602097	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2051	7	PL06	2	9	PL01			NB.Kênh Cây Khô.1.N1	Rạch Xóm Củi	724		1182875	601577	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183198	601831	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2052	7	PL28	1	PL01				NB.Kênh Cây Khô.2	Kênh Cây Khô	389		1182332	602010	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182137	602215	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2053	7	PL25	6					NB.Rạch Cây Bông.11	Rạch Đỉa	582		1184509	605422	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184227	605376	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2054	7	PL10	10	1				NB.Rạch Lấp Dầu.10	Sông Kinh	320		1178594	605480	Hiệp Phước,	1178557	605790	Hiệp Phước,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
2055	7	PL10	13					NB.Rạch Lấp Dầu.13.N1	Sông Kinh	989		1178559	606065	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177611	606133	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2056	7	PL10	PL13					NB.Rạch Lấp Dầu.11.N1	Sông Kinh	490		1177799	605357	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178260	605344	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2057	7	PL10	PL16	1				Rạch Bà Chồi	Sông Kinh	219		1176826	607648	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177031	607571	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2058	7	PL10	4					NB.Rạch Lấp Dầu.3	Sông Kinh	923		1178672	604457	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178354	605007	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2059	7	PL10	PL06					NB.Rạch Bà Não.6	Sông Rạch Dơi	1.009		1178714	603689	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179007	603093	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2060	7	PL10	2					NB.Sông Rạch Dơi.4	Sông Rạch Dơi	515		1178276	603221	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177870	603205	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2061	7	PL10	12					NB.Rạch Lấp Dầu.13	Sông Kinh	331		1178003	606221	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177690	606245	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2062	7	PL10	5					NB.Sông Kinh.1	Sông Kinh	709		1178100	604550	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178168	604273	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2063	7	PL10	15					NB.Sông Kinh.4	Sông Kinh	996		1177358	607235	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176830	606478	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2064	7	PL10	1					NB.Sông Rạch Rơi.1.N1	Sông Rạch Dơi	436		1178448	603062	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178548	602730	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2065	7	PL102	19					NB.Rạch Bà Minh.3	Sông Mương Chuối	345		1180116	605331	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179863	605522	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2066	7	PL06	2	20				NB.Rạch Tôm.SLK.11.N1	Rạch Bà Lào	370		1179993	603544	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180176	603260	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2067	7	PL11	PL08					Rạch Tắc Lầu	Rạch Giồng	1.679		1171373	608738	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172035	607531	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2068	7	PL71	107					NB.Rạch Mương Đinh.2	Sông Soài Rạp	445		1170785	606703	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171062	606816	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2069	7	PL11	PL16					NB.Rạch Chà La.3.N1	Rạch Giồng	1		1173219	608048	Hiệp Phước, TP. Hồ	1172373	608275	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
2070	7	PL11	13					NB.Rạch Bà Rùa.1	Sông Kinh Lộ	656		1174997	607675	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174355	607645	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2071	7	PL71	108					NB.Rạch Chà La.4	Sông Soài Rạp	414		1174172	608541	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174438	608309	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2072	7	PL71	109					NB.Rạch Rộp.6	Sông Soài Rạp	2.054		1175575	609215	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173846	608964	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2073	7	PL71	110					NB.Rạch Dinh Ông.2	Sông Soài Rạp	907		1176175	608851	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175597	609029	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2074	7	PL71	111					NB.Rạch Đình.3	Sông Soài Rạp	555		1175066	608664	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175591	608567	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2075	7	PL71	108	2	1			NB.Rạch Đình.8	Sông Soài Rạp	599		1174696	608761	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174300	608720	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2076	7	PL11	12					NB.Rạch Chà La.1	Sông Kinh Lộ	498		1172996	608657	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172765	608415	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2077	7	PL11	PL13	PL02				NB.Rạch Giồng.4.N2	Rạch Giồng	1.005		1170967	607391	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171516	607207	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2078	7	PL11	10	1				NB.Rạch Mương Đinh.1	Rạch Giồng	746		1171770	607192	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171775	606777	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2079	7	PL71	112					NB.Rạch Chim Trên.3	Sông Soài Rạp	554		1170596	606982	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170824	607428	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2080	7	PL71	113	2				NB.Rạch Dinh Ông.5	Sông Soài Rạp	1.435		1176899	610073	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175858	609840	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2081	7	PL71	113	2	PL01	PL01		NB.Rạch Dinh Ông.4.N1.PN1	Sông Soài Rạp	663		1176233	610537	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176261	611072	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2082	7	PL71	114					NB.Rạch Trại Cửa Lớn.2	Sông Soài Rạp	891		1175918	610278	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176659	610700	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2083	7	PL71	115					NB.Sông Nhà Bè.3	Sông Soài Rạp	637		1176992	609854	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176397	609753	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2084	7	PL71	116					NB.Rạch Tắc Mương Lớn.3	Sông Soài Rạp	652		1174549	609480	Hiệp Phước, TP. Hồ	1174443	609630	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2085	7	PL71	117					NB.Rạch Mương Lớn.1.N5	Sông Soài Rạp	713		1173367	609496	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173309	609976	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2086	7	PL71	118					NB.Rạch Mương Lớn.1.N4	Sông Soài Rạp	851		1173417	610799	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173320	609976	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2087	7	PL71	119	1	1			NB.Rạch Ông Giò.1.N1	Sông Soài Rạp	417		1173376	610499	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173188	610752	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2088	7	PL71	120	1	PL01	PL01	PL01	NB.Rạch Già.1	Sông Soài Rạp	371		1172100	609909	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171819	609760	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2089	7	PL71	121	2				NB.Rạch Ông Giò.4.N2	Sông Soài Rạp	1.194		1170896	610835	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171958	610457	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2090	7	PL71	122	1				NB.Rạch Bà Tàu.1	Sông Soài Rạp	610		1171874	610934	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172082	611483	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2091	7	PL71	122	PL01				NB.Rạch Bà Tàu.2	Sông Soài Rạp	704		1171928	611572	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172247	612034	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2092	7	PL11	PL15	PL03				NB.Rạch Ông Giò.2.N2.PN1	Rạch Giồng	550		1172545	609898	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172895	610076	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2093	7	PL71	120	1	PL01	PL01		Kênh Thầy Cai	Sông Soài Rạp	497		1172180	609702	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172099	610091	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2094	7	PL71	119	PL03				NB.Rạch Ông Giò.10	Sông Soài Rạp	461		1172209	610382	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172586	610449	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2095	7	PL71	113	PL02				Rạch Trại Cưa Lớn	Sông Soài Rạp	1.115		1175693	609877	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175709	610972	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2096	7	PL71	113	2	PL01			NB.Rạch Dinh Ông.4.N1	Sông Soài Rạp	1.293		1176298	610110	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175874	610992	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2097	7	PL11	PL15	PL02	1			NB.Rạch Giồng Chôm.3.N1	Rạch Giồng	330		1172814	609519	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172613	609720	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2098	7	PL11	PL10	PL01				Rạch Cây Bướm	Rạch Giồng	618		1173102	606140	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172747	606512	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2099	7	PL11	PL15	1	1			NB.Rạch Bà Tư.2	Rạch Giồng	289		1172839	608923	Hiệp Phước, TP. Hồ	1172968	609104	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
2100	7	PL11	PL10	2				NB.Rạch Giồng.6	Rạch Giồng	501		1172776	606403	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172335	606244	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2101	7	PL11	10					Rạch Mương Đinh	Rạch Giồng	2.178		1170905	606993	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172203	606124	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2102	7	PL11	PL12					NB.Rạch Giồng 3.N1	Rạch Giồng	404		1173331	607596	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172951	607540	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2103	7	PL11	PL03	1	PL01	1		NB.Rạch Chà La.6.N2.PN1	Sông Kinh Lộ	499		1174260	607595	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173903	607447	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2104	7	PL71	108	2				NB.Rạch Mương Lớn.4	Sông Soài Rạp	701		1173898	608873	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174301	608521	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2105	7	PL71	113					Rạch Dinh Ông.RR	Sông Soài Rạp	2.292		1175289	609891	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176404	608712	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2106	7	PL71	124					NB.Rạch Rộp.3	Sông Soài Rạp	636		1175399	610407	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175523	610983	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2107	7	PL11	PL08	PL01				NB.Rạch Tắc Lầu.2	Rạch Giồng	1.142		1171757	607721	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171084	607339	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2108	7	PL11	9	PL01				NB.Rạch Cây Bướm.3	Rạch Giồng	739		1172685	606762	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173346	606904	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2109	7	PL10	PL21					Rạch Bầu Dừa	Sông Kinh	261		1175272	606892	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175178	607074	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2110	7	PL71	125					NB.Rạch Đình.3.N1	Sông Soài Rạp	600		1175265	608487	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175593	608858	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2111	7	PL71	108	1				NB.Rạch Chà La.4.N1	Sông Soài Rạp	285		1174057	608297	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174172	608541	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2112	7	PL71	106					NB.Rạch Tắc Mương Lớn.2	Sông Soài Rạp	786		1174524	609606	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174464	609823	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2113	7	PL71	126					NB.Rạch Rộp.2	Sông Soài Rạp	860		1175154	610303	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174381	610048	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2114	7	PL71	119	PL01				NB.Rạch Ông Giò.2	Sông Soài Rạp	1.113		1172864	611245	Hiệp Phước, TP. Hồ	1172716	610223	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2115	7	PL71	119	1				NB.Rạch Ông Giò.1	Sông Soài Rạp	855		1173135	610659	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173340	611433	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2116	7	PL11	PL03	1				NB.Rạch Chà La.6	Sông Kinh Lộ	605		1174376	607565	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174154	608101	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2117	7	PL71	127					NB.Rạch Chim Trên.3.N1	Sông Soài Rạp	332		1170612	606980	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170905	606993	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2118	7	PL11	4					NB.Rạch Chà La.6.N3	Sông Kinh Lộ	275		1174395	607496	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174610	607567	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2119	7	PL10	PL22					NB.Rạch Dinh Ông.2.N1.PN1	Sông Kinh	1.035		1175790	608157	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176171	608014	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2120	7	PL71	128					NB.Rạch Dinh Ông.3	Sông Soài Rạp	569		1176115	609250	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175559	609297	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2121	7	PL71	129					NB.Rạch Mương Lớn.1.N3	Sông Soài Rạp	787		1173544	609939	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173444	609237	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2122	7	PL71	130					NB.Rạch Đình.7	Sông Soài Rạp	302		1174724	608612	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174514	608513	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2123	7	PL71	131					NB.Rạch Mương Lớn.1.N3.PN1	Sông Soài Rạp	426		1173430	609516	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173376	609249	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2124	7	PL71	120	1	PL 01			Rạch Thầy Cai	Sông Soài Rạp	689		1171979	609281	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172265	609799	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2125	7	PL11	8					Rạch Số Năm	Sông Kinh Lộ	941		1171002	609214	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171549	608695	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2126	7	PL71	132					NB.Rạch Mương Lớn.7	Sông Soài Rạp	398		1173413	608867	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173736	608661	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2127	7	PL11	PL15	PL 02				NB.Rạch Giồng Chôm.3	Rạch Giồng	398		1172551	609709	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172904	609734	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2128	7	PL11	11					NB.Rạch Mương Lớn.6	Sông Kinh Lộ	664		1173350	609152	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173363	608625	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2129	7	PL11	PL15	3				NB.Rạch Bà Tư.3	Rạch Giồng	548		1172409	609455	Hiệp Phước, TP. Hồ	1172806	609155	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2130	7	PL11	11	PL 01				NB.Rạch Chà La.2	Sông Kinh Lộ	467		1173268	608729	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173177	608327	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2131	7	PL11	PL15	PL 02	PL 02			NB.Rạch Ông Giò.2.N2	Rạch Giồng	457		1173179	609420	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172904	609734	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2132	7	PL11	7	1				Rạch Số Hai	Sông Kinh Lộ	657		1171865	609059	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171857	608619	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2133	7	PL11	7	PL 01				NB.Rạch Số Hai.1	Sông Kinh Lộ	382		1171742	609076	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171473	609091	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2134	7	PL11	PL15	2				NB.Rạch Bà Tư.4	Rạch Giồng	258		1172529	609240	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172318	609189	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2135	7	PL11	PL06					Rạch Bầu	Rạch Giồng	316		1173027	607830	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172868	608034	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2136	7	PL11	PL04					NB.Rạch Giồng.3.N2	Rạch Giồng	1.523		1173381	607565	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173738	607060	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2137	7	PL11	PL04	1				NB.Rạch Giồng.3.N3	Rạch Giồng	446		1173438	607456	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173869	607457	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2138	7	PL11	PL11					Rạch Mương Bằng	Rạch Giồng	1.948		1172037	607435	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172846	607078	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2139	7	PL11	PL03	1	PL01			NB.Rạch Chà La.6.N2	Sông Kinh Lộ	609		1173972	607288	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174376	607565	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2140	7	PL11	PL11	PL01				NB.Rạch Mương Bằng.1	Rạch Giồng	462		1172564	607400	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172533	607666	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2141	7	PL11	9	1				NB.Rạch Cây Bướm.1	Rạch Giồng	264		1172686	607240	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172615	607001	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2142	7	PL11	PL09					Rạch Tắc Vàm Châu	Rạch Giồng	1.057		1173629	606338	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173121	606667	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2143	7	PL11	PL09	PL02				NB.Rạch Tắc Vàm Châu.2	Rạch Giồng	268		1173186	606565	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173393	606727	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2144	7	PL11	PL09	PL03				NB.Rạch Tắc Vàm Châu.3	Rạch Giồng	361		1173107	606607	Hiệp Phước, TP. Hồ	1172911	606341	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2145	7	PL71	133					NB.Rạch Mương Lớn.3	Sông Soài Rạp	158		1173798	609261	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173648	609251	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2146	7	PL71	113	1				NB.Sông Nhà Bè.2	Sông Soài Rạp	1.135		1177127	609467	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176267	609315	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2147	7	PL71	134					NB.Rạch Rộp.1.N1.PN1	Sông Soài Rạp	771		1174639	610519	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174849	611044	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2148	7	PL11	PL17					NB.Rạch Mương Đinh.3	Rạch Giồng	426		1170905	606993	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170960	607386	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2149	7	PL71	121					NB.Rạch Ông Giò.4	Sông Soài Rạp	1.062		1171302	610200	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171958	610457	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2150	7	PL11	11	PL02				NB.Rạch Chà La.3	Sông Kinh Lộ	284		1173398	608259	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173219	608048	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2151	7	PL71	135					Rạch Đường Thép	Sông Soài Rạp	1.466		1171467	608497	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170073	608304	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2152	7	PL11	PL13	PL01				NB.Rạch Giồng.4.N1	Rạch Giồng	931		1171547	607193	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170904	607101	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2153	7	PL71	136					NB.Rạch Đình.1.N1	Sông Soài Rạp	345		1174743	608078	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174679	608311	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2154	7	PL11	PL15	PL01				NB.Rạch Giồng Chôm.2	Rạch Giồng	892		1172481	609561	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173179	609420	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2155	7	PL71	120	1				Rạch Già	Sông Soài Rạp	1.883		1171098	609790	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171114	609789	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2156	7	PL71	120	1	2			NB.Rạch Già.2	Sông Soài Rạp	1.378		1170918	610282	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171447	609599	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2157	7	PL71	122					Rạch Bà Tàu	Sông Soài Rạp	2.582		1170847	611131	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172305	611359	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2158	7	PL71	137					Rạch Ông Rên	Sông Soài Rạp	586		1170595	611713	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170969	611671	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2159	7	PL71	122	2				Rạch Lò Than	Sông Soài Rạp	1.090		1171543	612310	Hiệp Phước, TP. Hồ	1171836	611613	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
2160	7	PL71	113	1	PL 01			NB.Sông Nhà Bè.1	Sông Soài Rạp	791		1176460	609337	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177244	609291	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2161	7	PL71	122	1	PL 01			NB.Rạch Bà Tàu.1.N2	Sông Soài Rạp	792		1171499	610581	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171873	610934	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2162	7	PL11	9					Rạch Cây Bướm	Rạch Giồng	1.029		1172739	606598	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172404	606971	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2163	7	PL71	119	PL 01	1			NB.Rạch Ông Giò.2.N2	Sông Soài Rạp	926		1172922	610032	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172846	610842	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2164	7	PL71	138					NB.Rạch Ông Giò.1	Sông Soài Rạp	154		1173100	610134	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173123	610286	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2165	7	PL11	PL15					Rạch Giồng Chôm	Rạch Giồng	1.872		1172416	608462	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172494	610143	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2166	7	PL71	119	PL 01	2			Rạch Giồng Chôm	Sông Soài Rạp	806		1172732	610703	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172623	611215	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2167	7	PL11	PL07					Rạch Số Hai	Sông Kinh Lộ	475		1171986	608590	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171958	609021	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2168	7	PL71	120	1	1			NB.Rạch Già.1	Sông Soài Rạp	243		1171875	609594	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171716	609431	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2169	7	PL71	119	4				NB.Rạch Ông Giò.4	Sông Soài Rạp	248		1172127	610895	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172227	611108	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2170	7	PL71	122	2	PL01			Rạch Ông Rên	Sông Soài Rạp	280		1171414	611787	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171407	611510	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2171	7	PL71	139					NB.Rạch Ông Rên.1	Sông Soài Rạp	959		1170492	611936	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171048	612349	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2172	7	PL10	PL19					Sông Kinh	Sông Kinh	672		1175576	607397	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176175	607199	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2173	7	PL71	109	1				NB.Rạch Rộp.6.N1	Sông Soài Rạp	557		1174994	609139	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175422	609222	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2174	7	PL71	109	2				NB.Rạch Rộp.6.N2	Sông Soài Rạp	517		1175020	609232	Hiệp Phước, TP. Hồ	1175191	609313	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2175	7	PL11	PL15	1	PL01			NB.Rạch Bà Tư.1	Rạch Giồng	270		1173177	608967	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173212	609207	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2176	7	PL71	120	PL01				NB.Rạch Giồng Chôm.1	Sông Soài Rạp	400		1172358	609386	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172143	609649	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2177	7	PL71	106	1	PL01			NB.Rạch Rộp.4	Sông Soài Rạp	404		1174917	609724	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175293	609852	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2178	7	PL71	113	PL02	1			NB.Rạch Trại Cửa Lớn.1	Sông Soài Rạp	324		1175399	610436	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175676	610382	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2179	7	PL71	140					NB.Rạch Rộp.5	Sông Soài Rạp	511		1175559	609297	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175541	609710	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2180	7	PL71	106	1				NB.Rạch Tắc Mương Lớn.1	Sông Soài Rạp	716		1174857	609432	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174770	609816	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2181	7	PL71	141					NB.Rạch Mương Lớn.2	Sông Soài Rạp	253		1173624	609735	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173796	609653	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2182	7	PL71	142					NB.Rạch Mương Lớn.1.N1	Sông Soài Rạp	583		1173391	610483	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173437	609982	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2183	7	PL71	120	1	PL 01	PL0 2		NB.Kênh Thầy Cai.1	Sông Soài Rạp	454		1172091	609628	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172134	609767	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2184	7	PL71	120	1	2	PL0 1		NB.Rạch Già.2.N1	Sông Soài Rạp	331		1171636	609835	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171336	609958	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2185	7	PL71	119	6				NB.Rạch Ông Giò.9	Sông Soài Rạp	337		1171985	610305	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172229	610441	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2186	7	PL71	119	5				NB.Rạch Ông Giò.5	Sông Soài Rạp	226		1172108	610863	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172283	610871	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2187	7	PL71	123					NB.Rạch Ông Giò.4.N1	Sông Soài Rạp	346		1172098	610837	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171865	610906	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2188	7	PL71	122	1	PL 01	PL0 1		NB.Rạch Bà Tàu.1.N1	Sông Soài Rạp	526		1171795	610982	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171930	611129	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2189	7	PL71	121	1	1			NB.Rạch Ông Giò.4.N3.PN1	Sông Soài Rạp	269		1171687	610225	Hiệp Phước, TP. Hồ	1171729	610429	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2190	7	PL71	120	1	PL 01	PL0 1	PL0 2	NB.Rạch Già.1.N1	Sông Soài Rạp	413		1171875	609827	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171936	609885	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2191	7	PL71	143					NB.Rạch Ông Giò.3	Sông Soài Rạp	110		1172488	611281	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172416	611204	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2192	7	PL71	119	PL 02				NB.Rạch Ông Giò.6	Sông Soài Rạp	208		1172358	610838	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172541	610841	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2193	7	PL71	119	2				NB.Rạch Ông Giò.7	Sông Soài Rạp	211		1172534	610767	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172343	610751	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2194	7	PL71	119	3				NB.Rạch Ông Giò.8	Sông Soài Rạp	85		1172411	610674	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172329	610695	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2195	7	PL11	PL1 8					NB.Rạch Giồng Chôm.4	Rạch Giồng	440		1172373	609969	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172539	610283	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2196	7	PL71	119	PL 01	2	PL0 1		NB.Rạch Ông Giò.2.N1.PN2	Sông Soài Rạp	228		1172548	610803	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172699	610859	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2197	7	PL11	PL15	PL01	PL02	PL01		NB.Rạch Mương Lớn.1.N6	Rạch Giồng	417		1173135	609521	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173202	609930	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2198	7	PL71	113	2	1			NB.Rạch Dinh Ông.5.N2	Sông Soài Rạp	306		1176376	609955	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176083	609973	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2199	7	PL71	113	2	2			NB.Rạch Dinh Ông.5.N1	Sông Soài Rạp	581		1176297	609727	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175946	609880	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2200	7	PL11	PL09	PL01				NB.Rạch Tắc Vàm Châu.1	Rạch Giồng	637		1173135	606279	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173629	606338	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2201	7	PL344						NB.Rạch Chà La.6.N3.PN1	Sông Kinh Lộ	248		1174776	607281	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174548	607198	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2202	7	PL11	PL19					NB.Rạch Giồng.3.N2.PN1	Rạch Giồng	361		1174335	607144	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174068	607101	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2203	7	PL11	PL12	PL01				NB.Rạch Mương Bằng.1.N2	Rạch Giồng	252		1173060	607569	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172871	607631	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2204	7	PL11	PL20					NB.Rạch Giồng.5	Rạch Giồng	442		1172328	606642	Hiệp Phước, TP. Hồ	1172698	606705	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
2205	7	PL71	144					NB.Rạch Dinh Ông.2.N1	Sông Soài Rạp	348		1175999	608201	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176106	608533	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2206	7	PL11	PL03	1	1			NB.Rạch Chà La.6.N1	Sông Kinh Lộ	444		1174570	608002	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174257	607872	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2207	7	PL11	PL08	2				NB.Rạch Tắc Lầu.3	Rạch Giồng	373		1171468	607426	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171755	607491	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2208	7	PL71	113	2	1	1		NB.Rạch Dinh Ông.5.N1.PN1	Sông Soài Rạp	280		1176248	609741	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1176285	609963	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2209	7	PL71	145					NB.Rạch Mương Lớn.1.N2	Sông Soài Rạp	801		1173469	609287	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173642	609920	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2210	7	PL71	119	PL01	PL01			NB.Rạch Ông Giò.2.N1	Sông Soài Rạp	430		1172880	611048	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172733	610812	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2211	7	PL71	120	1	2	PL01	1	NB.Rạch Già.1.N2	Sông Soài Rạp	190		1171803	609939	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171628	609979	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2212	7	PL71	121	1				NB.Rạch Ông Giò.4.N3	Sông Soài Rạp	503		1171604	610570	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171917	610357	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2213	7	PL71	146					NB.Rạch Rộp.1.N1	Sông Soài Rạp	490		1174637	610600	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174715	611067	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2214	7	PL11	PL03	1	PL01	PL01		NB.Rạch Chà La.6.N2.PN2	Sông Kinh Lộ	417		1174335	607144	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174228	607525	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2215	7	PL71	147					NB.Rạch Mương Lớn.5	Sông Soài Rạp	211		1173958	608673	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173765	608691	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2216	7	PL11	PL11	PL03				NB.Rạch Mương Bằng.3	Rạch Giồng	437		1172633	607266	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172205	607191	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2217	7	PL71	148					NB.Rạch Rộp.1	Sông Soài Rạp	757		1174310	610382	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175053	610508	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2218	7	PL71	119	3	1			NB.Rạch Ông Giò.8.N1	Sông Soài Rạp	259		1172390	610457	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172411	610674	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2219	7	PL71	122	1	PL01	PL02		NB.Rạch Bà Tàu.1.N2.PN1	Sông Soài Rạp	177		1171804	610988	Hiệp Phước, TP. Hồ	1171861	611154	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2220	7	PL11	PL03					Rạch Chà La	Sông Kinh Lộ	1.138		1174402	608206	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173398	608259	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2221	7	PL71	149					NB.Rạch Chim Trên.2	Sông Soài Rạp	331		1170147	607085	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170346	607279	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2222	7	PL71	150					NB.Rạch Mương Đinh.2.N1	Sông Soài Rạp	677		1171105	606314	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170754	606751	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2223	7	PL11	PL02					NB.Rạch Chà La.6.N4	Sông Kinh Lộ	341		1174333	607033	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174652	607048	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2224	7	PL10	PL23					NB.Rạch Bầu Dừa.1	Sông Kinh	544		1174862	607232	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175178	607074	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2225	7	PL71	119					Rạch Ông Giò	Sông Soài Rạp	2.625		1173361	611442	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172099	610091	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2226	7	PL71	151					NB.Rạch Mương Lớn.1	Sông Soài Rạp	962		1173796	609928	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172931	610204	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2227	7	PL71	152					NB.Rạch Chim Trên.1	Sông Soài Rạp	438		1170588	607565	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170372	607299	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2228	7	PL71	153					NB.Rạch Đình.6	Sông Soài Rạp	513		1174739	608523	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174440	608309	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2229	7	PL11	11	1				NB.Rạch Mương Lớn.7.N1	Sông Kinh Lộ	201		1173479	609006	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173337	609106	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2230	7	PL71	154					NB.Rạch Đình.5	Sông Soài Rạp	319		1174927	608356	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174893	608566	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2231	7	PL71	136	PL 02				NB.Rạch Đình.2	Sông Soài Rạp	209		1174772	608194	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174912	608084	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2232	7	PL11	PL15	1				Rạch Bà Tư	Rạch Giồng	955		1173201	608939	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172390	608951	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2233	7	PL11	PL15	PL 01	PL 01			NB.Rạch Ông Giò.2.N2.PN2	Rạch Giồng	233		1173105	609405	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173058	609590	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2234	7	PL11	PL14					NB.Rạch Giồng.1	Rạch Giồng	266		1172377	608298	Hiệp Phước, TP. Hồ	1172130	608311	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2235	7	PL11	PL01					NB.Rạch Giồng.2	Rạch Giồng	426		1172459	608020	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172053	607902	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2236	7	PL11	5	PL01				NB.Rạch Chà La.5.N3	Sông Kinh Lộ	242		1173446	607858	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173321	607954	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2237	7	PL11	5	PL02				NB.Rạch Chà La.5.N1	Sông Kinh Lộ	274		1173563	607848	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173655	608089	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2238	7	PL11	5	PL02	PL01			NB.Rạch Chà La.5.N1.PN1	Sông Kinh Lộ	225		1173574	607901	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173780	607940	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2239	7	PL11	PL05					NB.Rạch Giồng.3.N4	Rạch Giồng	244		1173602	607298	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173745	607431	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2240	7	PL11	PL11	PL01	PL01			NB.Rạch Mương Bằng.1.N1	Rạch Giồng	250		1172671	607542	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172878	607582	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2241	7	PL11	PL11	PL02				NB.Rạch Mương Bằng.2	Rạch Giồng	253		1172576	607359	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172328	607317	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2242	7	PL11	9	PL 02				NB.Rạch Cây Bướm.2	Rạch Giồng	165		1172586	606791	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172428	606750	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2243	7	PL11	PL10	PL 01	PL 01			NB.Rạch Cây Bướm.4	Rạch Giồng	439		1172774	606471	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173095	606719	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2244	7	PL11	9	PL 02	PL 01			NB.Rạch Cây Bướm.1.N1	Rạch Giồng	197		1172514	606771	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172488	606908	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2245	7	PL11	PL06	PL 01				NB.Rạch Bầu.1	Rạch Giồng	190		1172917	608004	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172880	607821	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2246	7	PL11	6					NB.Rạch Chà La.5.N2	Sông Kinh Lộ	92		1173510	607699	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173535	607774	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2247	7	PL11	PL10	1				NB.Rạch Giồng.8	Rạch Giồng	520		1172757	606333	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172658	605969	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2248	7	PL11	PL10	1	PL 01			NB.Rạch Giồng.6.N1	Rạch Giồng	221		1172684	606220	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172596	606367	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2249	7	PL71	136	PL 01				NB.Rạch Đình.1	Sông Soài Rạp	191		1174744	608079	Hiệp Phước, TP. Hồ	1174931	608084	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2250	7	PL71	119	7				NB.Rạch Ông Giò.11	Sông Soài Rạp	250		1171967	610290	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172147	610224	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2251	7	PL11	PL13					NB.Rạch Giồng.4	Rạch Giồng	1.434		1170724	607565	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1172043	607151	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2252	7	PL71	155					NB.Rạch Tắc Lầu.1	Sông Soài Rạp	1.697		1170547	608465	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171612	608083	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2253	7	PL11	5					NB.Rạch Chà La.5	Sông Kinh Lộ	1.071		1173812	607612	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1173219	607736	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2254	7	PL11	8	1				NB.Rạch Số Năm.1	Sông Kinh Lộ	577		1170805	609556	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1171163	609194	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2255	7	PL10	PL24					NB.Rạch Bầu Dừa.1.N1	Sông Kinh	181		1175031	607013	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175097	606861	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2256	7	PL71	156					NB.Rạch Già.2.N1	Sông Soài Rạp	263		1171129	610026	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1170908	610135	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2257	7	PL71	157					Rạch Tắc Mương Lớn	Sông Soài Rạp	668		1173982	610441	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1174344	610168	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2258	7	PL06	2	PL 15	PL 02			NB.Sông Long Kiểng.1.N3	Sông Long Kiểng	338		1180942	603080	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181011	603400	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2259	7	PL06	2	8				Rạch Bần Bộng	Sông Ông Lớn	981		1183885	602918	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183523	602305	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2260	7	PL06	2	PL 15	1			NB.Sông Long Kiểng.1.N2	Sông Long Kiểng	1.451		1181245	603253	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1182087	603688	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2261	7	PL26	9	1	1			NB.Rạch Tôm.SPX.4	Rạch Tôm	719		1181868	606254	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182178	606734	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2262	7	PL98						NB.Sông Ông Lớn.8	Sông Ông Lớn	451		1183300	603293	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183428	603677	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2263	7	PL26	11					NB.Rạch Cống Vinh.4	Rạch Tôm	911		1182666	606384	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182482	605552	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2264	7	PL25	7					Rạch Mười Bé	Rạch Đỉa	868		1184510	603996	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183704	604216	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2265	7	PL102	9					NB.Sông Mương Chuối.1	Sông Mương Chuối	736		1180225	606381	Hiệp Phước,	1179918	606852	Hiệp Phước,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
2266	7	PL102	1					NB.Rạch Tôm.SLK.2	Sông Long Kiểng	1.016		1181073	605801	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180305	605737	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2267	7	PL26	1	1				NB.Rạch Bà Quân.1	Rạch Tôm	270		1182496	606843	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182715	606903	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2268	7	PL102		PL01	2			NB.Rạch Bà Liên.1	Sông Mương Chuối	321		1180188	605264	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180478	605171	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2269	7	PL99						NB.Rạch Tôm.SLK.3	Sông Long Kiểng	928		1180970	605335	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180248	605500	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2270	7	PL97						NB.Rạch Tôm.SLK.2.N1	Sông Long Kiểng	790		1180841	605665	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180248	605500	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2271	7	PL06	2	13				NB.Rạch Cống Gốc.1	Rạch Cây Khô	466		1182903	602630	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183211	602373	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2272	7	PL06	2	14				Rạch Cây Khô	Rạch Cây Khô	2.123		1182560	603552	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182838	601846	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2273	7	PL25	8					NB.Rạch Cây Me.5	Rạch Đỉa	1.109		1184464	604848	Nhà Bè, TP.	1183968	604175	Nhà Bè, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
2274	7	PL25	9					NB.Rạch Cây Bông.8	Rạch Đỉa	582		1184640	605342	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184599	604873	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2275	7	PL25	10					NB.Rạch Cây Bông.10	Rạch Đỉa	368		1184372	605737	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184335	605405	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2276	7	PL25	11					NB.Rạch Bún.3	Rạch Đỉa	425		1185148	606099	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185101	605690	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2277	7	PL345						NB.Rạch Cây Bông.12	Sông Phú Xuân	692		1184361	606096	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183995	605672	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2278	7	PL100						NB.Rạch Cống Vinh.1	Rạch Cống Vinh	738		1183165	605098	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183602	605517	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2279	7	PL90						NB.Rạch Cống Vinh.2	Rạch Cống Vinh	1.02		1183036	605142	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182164	604673	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2280	7	PL26	9	1				NB.Rạch Tôm.SPX.3	Rạch Tôm	884		1182509	606684	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181834	606267	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2281	7	PL26	9					NB.Rạch Tôm.SPX.3.N1	Rạch Tôm	2.376		1181431	605873	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182329	606465	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2282	7	PL81	2					NB.Sông Long Kiểng.5	Sông Long Kiểng	542		1181577	606160	Nhà Bè, TP.	1181466	605852	Nhà Bè, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
2283	7	PL81	2	PL 01				NB.Sông Long Kiểng.5.N2	Sông Long Kiểng	650		1181567	605939	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182044	605729	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2284	7	PL81	2	PL 02				NB.Sông Long Kiểng.5.N1	Sông Long Kiểng	355		1181676	606092	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181994	606087	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2285	7	PL06	2	PL 16				NB.Sông Long Kiểng.4	Sông Long Kiểng	1.29		1181284	605692	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180767	604948	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2286	7	PL06	2	PL 15				NB.Sông Long Kiểng.1	Sông Long Kiểng	2.503		1182255	603828	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180410	603040	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2287	7	PL06	2	16				NB.Rạch Cây Khô.7.N2	Rạch Cây Khô	531		1181839	603119	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181783	602810	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2288	7	PL28	1	PL 04				NB.Rạch Đình Nhơn Mỹ.4	Kênh Cây Khô	753		1180954	603075	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181070	602416	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2289	7	PL06	2	PL 15	PL 01			NB.Sông Long Kiểng.1.N1	Sông Long Kiểng	790		1182117	603696	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181873	603331	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2290	7	PL06	2	18	PL 01			NB.Sông Long Kiểng.2	Sông Long Kiểng	1.698		1180928	604706	Hiệp Phước,	1181548	604025	Hiệp Phước,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
2291	7	PL06	2	18				NB.Sông Long Kiểng.3	Sông Long Kiểng	1.376		1181845	604572	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181540	604697	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2292	7	PL102	5					NB.Sông Mương Chuối.1	Sông Mương Chuối	1.085		1180739	606724	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180542	606456	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2293	7	PL102						Rạch Bà Liên	Sông Mương Chuối	1.522		1180323	606119	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180405	604967	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2294	7	PL93						NB.Rạch Tôm.SLK.5	Sông Long Kiểng	1.042		1180607	604304	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180109	604395	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2295	7	PL102	11					NB.Rạch Bà Chiên.2	Sông Mương Chuối	1.030		1179950	606126	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179487	605408	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2296	7	PL10	PL06	PL01				NB.Rạch Bà Não.6.N1	Sông Rạch Dơi	448		1178983	603118	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179052	603500	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2297	7	PL10	1	1				NB.Sông Rạch Dơi.2	Sông Rạch Dơi	492		1178001	602795	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178401	603011	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2298	7	PL10	3					NB.Rạch Lấp Dầu.1	Sông Rạch Dơi	414		1178540	604426	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178498	604048	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2299	7	PL10	PL10	PL01				NB.Rạch Lấp Dầu.2.N1	Sông Rạch Dơi	379		1178907	603878	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179085	604068	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2300	7	PL102	28					NB.Rạch Lấp Dầu.7	Sông Mương Chuối	405		1178967	604794	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179122	604643	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2301	7	PL06	2	PL19				NB.Rạch Tôm.SLK.9	Sông Long Kiểng	574		1180494	603770	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180020	603627	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2302	7	PL10	PL02	PL01				NB.Rạch Bà Não.4	Sông Rạch Dơi	283		1179560	603368	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179461	603132	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2303	7	PL06	2	23	PL01			Rạch Cầu Đình	Rạch Bà Lào	340		1179885	602941	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179711	603196	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2304	7	PL10	PL17					NB.Rạch Lấp Dầu.13.N1.PN1	Sông Kinh	733		1177679	605550	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178169	605842	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2305	7	PL25	12					NB.Rạch Bún.4	Rạch Đỉa	463		1185029	605697	Nhà Bè, TP.	1184905	605267	Nhà Bè, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
2306	7	PL25	13					NB.Rạch Cây Bông.1	Rạch Đỉa	592		1185362	604806	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185230	604443	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2307	7	PL10	PL25					NB.Sông Kinh.KOD.1	Sông Kinh	197		1175945	607435	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1175894	607262	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2308	7	PL25	14					NB.Rạch Cây Me.4	Rạch Đỉa	207		1185278	604405	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185196	604230	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2309	7	PL06	2	17	1			NB.Rạch Cây Khô.7.N3	Rạch Cây Khô	459		1181126	603053	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181473	603022	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2310	7	PL28	1	1				NB.Kênh Cây Khô.3.N1.PN1	Kênh Cây Khô	362		1181527	601638	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181661	601783	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2311	7	PL06	2	PL10	PL01			NB.Rạch Gò Nổi.2.N2	Rạch Xóm Củi	288		1183185	601021	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183044	601135	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2312	7	PL06	2	PL08	1			NB.Rạch Dấp Nước.1	Rạch Tắc Quạ	431		1183269	601712	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183554	601648	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2313	7	PL06	2	PL10	PL02			NB.Rạch Gò Nổi.2.N1	Rạch Xóm Củi	321		1183248	600917	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183432	601083	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2314	7	PL06	2	PL 06				NB.Rạch Tắc Quạ.2	Rạch Tắc Quạ	385		1183839	601394	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183985	601567	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2315	7	PL06	2	PL 09				NB.Rạch Gò Nổi.1.N1	Rạch Xóm Củi	302		1183635	601182	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183717	601390	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2316	7	PL25	15					NB.Rạch Cây Me.1	Rạch Đỉa	252		1185473	604173	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185562	604389	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2317	7	PL25	16					NB.Rạch Cây Me.2	Rạch Đỉa	257		1185429	604170	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185494	604418	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2318	7	PL25	17					NB.Rạch Cây Me.3	Rạch Đỉa	245		1185318	604183	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185372	604416	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2319	7	PL86	1					NB.Rạch Bà Thanh.6.N1	Sông Ông Lớn	486		1183409	603289	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183585	603739	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2320	7	PL234						NB.Rạch Ông Bốn.6	Rạch Ông Bốn	347		1182942	604799	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183213	604816	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2321	7	PL06	2	14	PL 02	PL0 1		NB.Rạch Cây Khô.7.N1.PN1	Rạch Cây Khô	246		1182314	603229	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1182322	603462	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2322	7	PL06	2	18	1			NB.Sông Long Kiểng.3.N1	Sông Long Kiểng	348		1180977	604404	Hiệp Phước, TP. Hồ	1181302	604422	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2323	7	PL25	18					NB.Rạch Cây Bông.7.N1	Rạch Đỉa	288		1184706	604906	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184856	605151	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2324	7	PL25	19					NB.Rạch Cây Bông.7	Rạch Đỉa	116		1184944	605158	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184833	605158	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2325	7	PL28	1	1	1			NB.Kênh Cây Khô.3.N3	Kênh Cây Khô	771		1181845	602376	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181543	601830	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2326	7	PL28	1	3	PL01	PL01		NB.Kênh Cây Khô.3.N4	Kênh Cây Khô	247		1181581	602572	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181788	602696	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2327	7	PL346						NB.Rạch Cây Bông.12.N1	Sông Phú Xuân	199		1184256	605977	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184380	605824	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2328	7	PL84						NB.Rạch Bà Thanh.5	Sông Ông Lớn	307		1183784	603813	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184082	603789	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2329	7	PL25	20					NB.Rạch Mỏ Neo.3	Rạch Đỉa	525		1185398	603267	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185473	602753	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2330	7	PL25	21					NB.Rạch Mỏ Neo.4	Rạch Đỉa	281		1185492	603483	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185340	603334	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2331	7	PL06	2	PL 07				NB.Rạch Tắc Quạ.1	Rạch Tắc Quạ	251		1184064	601153	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184140	601364	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2332	7	PL25	22					NB.Rạch Cây Bông.9	Rạch Đỉa	194		1184609	605371	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184693	605532	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2333	7	PL25	23					NB.Rạch Cây Bông.10	Rạch Đỉa	154		1184524	605433	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184526	605579	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2334	7	PL28	1	PL 02				NB.Rạch Đình Nhơn Mỹ.1	Kênh Cây Khô	526		1181312	602395	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181274	601908	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2335	7	PL06	2	23	1	1		NB.Rạch Tôm.SLK.12	Rạch Bà Lào	353		1180437	602950	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180132	602849	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2336	7	PL10 2	26					NB.Rạch Bà Minh.2	Sông Mương Chuối	219		1179729	605770	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179927	605678	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2337	7	PL10 2	27					NB.Rạch Bà Minh.1	Sông Mương Chuối	298		1180023	605766	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179758	605895	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2338	7	PL92	PL0 1					NB.Rạch Bà Minh.7.N1	Sông Long Kiểng	337		1180083	605126	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179765	605087	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2339	7	PL102	7	1				NB.Sông Mương Chuối.4.N1	Sông Mương Chuối	396		1179132	607124	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179262	607481	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2340	7	PL102	9	2				NB.Sông Mương Chuối.1.N2	Sông Mương Chuối	429		1179672	606249	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179891	606599	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2341	7	PL102	24	1				NB.Rạch Bà Minh.9.N1	Sông Mương Chuối	376		1179508	604888	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179237	604813	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2342	7	PL06	2	PL19	1			NB.Rạch Tôm.SLK.9.N1	Sông Long Kiểng	410		1180080	603502	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180252	603692	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2343	7	PL102	11	PL01				NB.Rạch Bà Chiên.2.N2	Sông Mương Chuối	582		1179471	605449	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178960	605580	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2344	7	PL102	13	1				NB.Rạch Bà Chiên.4.N2	Sông Mương Chuối	218		1179735	606506	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179547	606564	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2345	7	PL80						Rạch Tắc Ông Kiển	Sông Nhà Bè	1.28		1182333	609500	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181532	608920	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2346	7	PL102	20					NB.Rạch Bà Minh.4	Sông Mương Chuối	588		1179726	605458	Hiệp Phước, TP. Hồ	1180102	605454	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2347	7	PL26	8	PL 02				NB.Rạch Ông.9	Rạch Tôm	393		1181935	607715	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181914	608050	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2348	7	PL26	4					NB.Rạch Ông.3	Rạch Tôm	238		1182063	607340	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182068	607161	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2349	7	PL26	6					NB.Rạch Miễu.1	Rạch Tôm	299		1182415	607226	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182380	606981	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2350	7	PL10 2	PL0 2					NB.Rạch Tôm.SLK.1	Sông Long Kiểng	1.016		1180394	605975	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181121	605916	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2351	7	PL26	3					NB.Rạch Ông.2	Rạch Tôm	165		1182266	607433	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182205	607565	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2352	7	PL26	2	PL 01				NB.Rạch Ông.1	Rạch Tôm	552		1182398	607564	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182624	607841	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2353	7	PL26	8	PL 01				NB.Rạch Ông.10	Rạch Tôm	185		1182105	607846	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182271	607781	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2354	7	PL92						NB.Rạch Bà Minh.7	Sông Long Kiểng	687		1179682	605055	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180010	604673	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2355	7	PL92	PL03					NB.Rạch Bà Minh.7.N2	Sông Long Kiểng	361		1179870	604936	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180177	605029	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2356	7	PL07	19					NB.Sông Ông Lớn.4	Sông Ông Lớn	499		1185138	602511	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185015	602890	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2357	7	PL06	2	PL03	PL01			NB.Rạch Tắc Bến Rô.2.N2	Rạch Tắc Bến Rô	337		1184634	601790	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184956	601744	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2358	7	PL06	2	PL03	1			NB.Rạch Tắc Bến Rô.2.N1	Rạch Tắc Bến Rô	259		1184348	601861	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184606	601857	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2359	7	PL86						NB.Rạch Bà Thanh.6	Sông Ông Lớn	747		1183583	604169	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183756	603843	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2360	7	PL85						NB.Rạch Bà Thanh.2	Sông Ông Lớn	358		1183835	603466	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183619	603373	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2361	7	PL25	24					NB.Rạch Cây Me.5.N1	Rạch Đỉa	859		1185041	604533	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184557	604258	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2362	7	PL25	25					NB.Rạch Cây Bông.3	Rạch Đỉa	357		1185183	604838	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185041	604545	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2363	7	PL25	26					NB.Rạch Bún.1	Rạch Đỉa	264		1185431	605666	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185291	605446	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2364	7	PL235						NB.Rạch Ông Lưới.2	Sông Phú Xuân	120		1184714	606282	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184745	606168	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2365	7	PL236						NB.Rạch Ông Lưới.3	Sông Phú Xuân	224		1184616	606272	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184635	606068	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2366	7	PL87						NB.Sông Ông Lớn.9	Sông Ông Lớn	364		1183388	603562	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183160	603429	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2367	7	PL237						NB.Rạch Ông Bốn.3	Rạch Ông Bốn	432		1183463	604481	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183093	604419	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2368	7	PL244						NB.Rạch Ông Bốn.5	Rạch Ông Bốn	250		1183225	604626	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183359	604477	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2369	7	PL89						NB.Rạch Cống Vinh.3	Rạch Cống Vinh	694		1182991	605393	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183047	605329	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2370	7	PL26	1	2				NB.Rạch Bà Quân.2	Rạch Tôm	333		1182801	607423	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182579	607306	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2371	7	PL26	5					NB.Rạch Ông.4	Rạch Tôm	359		1181935	607202	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181938	606962	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2372	7	PL28	1	3	PL01			NB.Kênh Cây Khô.3.N2.PN1	Kênh Cây Khô	611		1181661	602245	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181387	602506	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2373	7	PL28	1	PL 03				NB.Rạch Đình Nhơn Mỹ.2	Kênh Cây Khô	426		1181188	602407	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181091	602054	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2374	7	PL28	1	PL 04	PL 01			NB.Rạch Đình Nhơn Mỹ.3	Kênh Cây Khô	400		1181074	602416	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180922	602125	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2375	7	PL28	1	PL 05				NB.Rạch Đình Nhơn Mỹ.5	Kênh Cây Khô	572		1180870	602898	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180997	602408	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2376	7	PL28	1	PL 06				NB.Rạch Đình Nhơn Mỹ.6	Kênh Cây Khô	337		1180698	602247	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180877	601972	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2377	7	PL06	2	18	2			NB.Sông Long Kiểng.3.N2	Sông Long Kiểng	594		1180771	604739	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181292	604611	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2378	7	PL93	1					NB.Rạch Tôm.SLK.5.N1	Sông Long Kiểng	643		1180208	605130	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180211	604593	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2379	7	PL91						NB.Rạch Tôm.SLK.4.N1	Sông Long Kiểng	417		1180352	604915	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180566	604642	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2380	7	PL06	2	19				NB.Rạch Tôm.SLK.6	Sông Long Kiểng	830		1180916	603922	Hiệp Phước, TP. Hồ	1181076	603471	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2381	7	PL06	2	PL 17				NB.Rạch Tôm.SLK.7	Sông Long Kiểng	608		1181089	603990	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180522	603861	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2382	7	PL06	2	PL 18				NB.Rạch Tôm.SLK.8	Sông Long Kiểng	317		1180760	603906	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180508	603802	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2383	7	PL10 2	10					NB.Rạch Bà Chiên.1	Sông Mương Chuối	252		1180112	606320	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180057	606077	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2384	7	PL10 2	12					NB.Rạch Bà Chiên.3	Sông Mương Chuối	325		1179599	606232	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179573	605965	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2385	7	PL10 2	13					NB.Rạch Bà Chiên.4	Sông Mương Chuối	609		1179489	606806	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179506	606227	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2386	7	PL10 2	13	PL 01				NB.Rạch Bà Chiên.4.N1	Sông Mương Chuối	292		1179509	606350	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179695	606405	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2387	7	PL10 2	14					NB.Rạch Bà Chiên.5	Sông Mương Chuối	532		1179422	606181	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179495	605809	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2388	7	PL10	PL04					NB.Rạch Bà Não.7	Sông Rạch Dơi	147		1178800	602760	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178729	602876	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2389	7	PL10	PL09	PL01				NB.Sông Rạch Dơi.5.N1	Sông Rạch Dơi	328		1178936	603549	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179054	603844	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2390	7	PL10	PL06	1				NB.Rạch Bà Não.6.N2	Sông Rạch Dơi	426		1178793	603497	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178855	603194	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2391	7	PL10	PL07					NB.Rạch Bà Não.1	Sông Rạch Dơi	430		1179353	603698	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179775	603657	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2392	7	PL10	PL26					NB.Rạch Bà Minh.10.N2	Sông Kinh	641		1178868	604405	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179405	604549	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2393	7	PL10	PL06	PL02				NB.Rạch Bà Não.6.N3	Sông Rạch Dơi	264		1178662	603561	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178881	603466	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2394	7	PL06	2	21				Rạch Đìa Dứa	Sông Long Kiểng	724		1180044	603959	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179829	603672	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2395	7	PL10	PL01					NB.Rạch Bà Não.2	Sông Rạch Dơi	175		1179714	603568	Hiệp Phước, TP. Hồ	1179809	603475	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2396	7	PL06	2	22	1			NB.Rạch Tôm.SLK.13	Rạch Bà Lào	723		1180557	602639	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180041	602331	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2397	7	PL06	2	23	PL 03			Rạch Hai Trực	Rạch Bà Lào	332		1179683	602811	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179747	602499	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2398	7	PL10	16					NB.Rạch Tắc Thầy Cai.2	Sông Long Kiểng	302		1179944	604335	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179691	604289	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2399	7	PL10 2	25	1				NB.Rạch Bà Minh.10.N1	Sông Mương Chuối	431		1179162	604711	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179448	604551	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2400	7	PL92	PL0 2					NB.Rạch Bà Minh.7.N3	Sông Long Kiểng	290		1179953	604884	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179794	604799	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2401	7	PL10	PL1 6					NB.Rạch Bà Chồi.1	Sông Kinh	368		1177031	607571	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177342	607757	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2402	7	PL10	10					NB.Rạch Lấp Dầu.12	Sông Kinh	879		1178828	605905	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178140	605610	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2403	7	PL10	PL14					NB.Rạch Cống Cầu.2.N2	Sông Kinh	963		1177657	606528	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178059	606726	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2404	7	PL71	158					NB.Sông Nhà Bè.3	Sông Soài Rạp	576		1178850	607179	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178996	607735	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2405	7	PL10	11					NB.Rạch Lấp Dầu.14	Sông Kinh	556		1178616	606380	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178907	606681	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2406	7	PL10	PL15	1				NB.Rạch Cống Cầu.2.N1	Sông Mương Chuối	247		1178133	607227	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177956	607334	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2407	7	PL10	14					NB.Rạch Cống Cầu.5	Sông Mương Chuối	613		1177222	606850	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177352	606983	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2408	7	PL10	PL14	1				NB.Sông Kinh.3	Sông Kinh	701		1177210	606365	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177686	606658	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2409	7	PL102	17					NB.Rạch Sa Sạp.1	Sông Mương Chuối	777		1178998	606971	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178396	607323	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2410	7	PL10	PL15					NB.Rạch Cống Cầu.3	Sông Mương Chuối	219		1177856	607246	Hiệp Phước, TP. Hồ	1177955	607400	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2411	7	PL102	15					NB.Rạch Bà Chiên.7	Sông Mương Chuối	323		1179101	606022	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179276	605849	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2412	7	PL102	16					NB.Rạch Bà Chiên.8	Sông Mương Chuối	316		1179007	605912	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179107	605645	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2413	7	PL102	18					NB.Rạch Cống Cầu.1	Sông Mương Chuối	415		1178848	607080	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178567	606903	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2414	7	PL10	8					Rạch Bà Chùa	Sông Mương Chuối	457		1178808	605962	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179107	606035	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2415	7	PL10	PL12	PL01	1			NB.Rạch Lấp Dầu.6	Sông Kinh	353		1178897	604527	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178791	604844	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2416	7	PL10	PL12	PL01				NB.Rạch Lấp Dầu.4	Sông Kinh	756		1178971	605015	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178779	604509	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2417	7	PL10	PL20					NB.Rạch Lấp Dầu.5	Sông Kinh	165		1178831	604516	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178873	604360	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2418	7	PL10	17					NB.Rạch Tắc Thầy Cai.3	Sông Long Kiểng	380		1179858	604153	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179775	603891	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2419	7	PL10	PL03					NB.Rạch Bà Não.5	Sông Rạch Dơi	249		1179042	603088	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179205	602931	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2420	7	PL10	PL05					NB.Rạch Bà Não.8	Sông Rạch Dơi	355		1178571	602479	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178704	602565	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2421	7	PL06	2	23	1			NB.Rạch Đình Lớn.1	Rạch Bà Lào	590		1180149	602536	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180056	603018	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2422	7	PL06	2	23	PL02			NB.Rạch Bà Lào.6	Rạch Bà Lào	906		1179861	602849	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179449	602294	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2423	7	PL06	2	22	PL02			NB.Rạch Tôm.SLK.14	Rạch Bà Lào	742		1180050	602313	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1180574	602451	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2424	7	PL06	2	22	PL01			NB.Rạch Tôm.SLK.15.N1	Rạch Bà Lào	432		1180085	602262	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179770	602141	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2425	7	PL10	PL08					NB.Sông Rạch Dơi.3	Sông Rạch Dơi	449		1177803	602953	Hiệp Phước, TP. Hồ	1178217	602967	Hiệp Phước, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
2426	7	PL10	6					NB.Rạch Lấp Dầu.9	Sông Mương Chuối	298		1179106	605117	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179331	604994	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2427	7	PL10	PL27					NB.Sông Kinh.2	Sông Kinh	464		1177492	605764	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1177796	605939	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2428	7	PL25	27					NB.Rạch Cây Bông.5	Rạch Đỉa	492		1184952	605074	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185281	605340	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2429	7	PL25	28					NB.Rạch Bún.2	Rạch Đỉa	545		1185162	605656	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184937	605216	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2430	7	PL06	2	23				Rạch Đình Lớn	Rạch Bà Lào	991		1180251	603107	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179399	602787	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2431	7	PL25	29					Rạch Mỏ Neo	Rạch Đỉa	329		1185133	603749	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184825	603836	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2432	7	PL07	18					Rạch Cống Búp	Sông Ông Lớn	353		1185190	603118	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1185312	602966	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2433	7	PL25	3					Rạch Cây Bông	Rạch Đỉa	353		1183740	605362	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184030	605488	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2434	7	PL10	PL02					Rạch Bà Não	Sông Rạch Dơi	632		1179580	603527	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179257	603161	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2435	7	PL28	1	4				NB.Kênh Cây Khô.3	Kênh Cây Khô	484		1181861	602513	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1181864	602383	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2436	7	PL06	2	11				NB.Sông Ông Lớn.7	Sông Ông Lớn	359		1183621	602568	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183318	602587	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2437	7	PL26	2					Rạch Ông	Rạch Tôm	643		1182443	607936	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1182337	607442	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2438	7	PL10	PL12					NB.Rạch Lấp Dầu.8	Sông Kinh	483		1178587	605013	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1179048	604990	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2439	7	PL10	9					NB.Rạch Lấp Dầu.11	Sông Kinh	547		1178937	605677	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1178610	605450	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2440	7	PL06	2	17				NB.Rạch Cây Khô.7	Rạch Cây Khô	633		1181839	603119	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	1181359	603095	Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	
2441	7	PL101						Rạch Bà Thanh	Sông Ông Lớn	825		1183572	604813	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1183717	604093	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2442	7	PL25	4					NB.Rạch Cây Me.5	Rạch Đỉa	678		1185143	604376	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	1184752	604854	Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
2443	7	PL55	13					Sông Hà Thanh	Sông Hà Thanh	3.209		1148789	626558	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1147746	626014	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2444	7	PL32						Tắc Ông Nghĩa	Tắc Ông Nghĩa	6.68		1170407	618296	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1172922	616000	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2445	7	PL31						Rạch Lá - Tắc Tây Đen	Rạch Lá - Tắc Tây Đen	13.608		1174600	619591	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173524	612748	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2446	7	PL45						Sông Dinh Bà 1 - Lôi Giang	Sông Dinh Bà 1 - Lôi Giang	9.851		1163502	618324	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166115	619806	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2447	7	PL43						Sông Lò Rèn	Sông Lò Rèn	3.973		1162107	617428	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160261	614534	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2448	7	PL54						Sông Dinh Bà	Sông Dinh Bà	6.135		1160931	621738	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162107	617428	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2449	7	PL47						Sông Dần Xây	Sông Dần Xây	10.671		1162161	622224	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164007	622599	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2450	7	PL39	143					Rạch Tắc Cà Đao	Rạch Tắc Cà Đao	7.752		1166796	621592	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166128	624213	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2451	7	PL09	1	237				Sông Đồng Tranh 2	Sông Đồng Tranh 2	7.824		1155851	622104	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1148570	620877	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2452	7	PL54	30					Sông Dinh Bà 2	Sông Dinh Bà 2	4.635		1151751	629049	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152716	632278	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2453	7	PL54	39					Sông An Hoà	Sông An Hoà	3.691		1152592	627947	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152870	626422	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2454	7	PL42						Sông Vàm Sát	Sông Vàm Sát	14.33		1164853	609965	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160261	614534	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2455	7	PL42	1					Sông Cát Lái - Sông Vàm Sát	Sông Cát Lái - Sông Vàm Sát	13.167		1155949	621304	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160261	614534	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2456	7	PL52						Sông Đồng Đình - Bãi Tiên	Sông Đồng Đình - Bãi Tiên	8.337		1153815	634465	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159333	630824	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2457	7	PL31	4					CG.Tắc Tây Đen.3	Rạch Lá	551		1173605	618335	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173991	618266	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2458	7	PL09	64					CG.Rạch Mương Bồng 2	Sông Lòng Tàu	1.208		1171084	620464	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171040	619257	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2459	7	PL09	1	20				CG.Rạch Tắc Cua.46	Sông Đồng Tranh 1	5.997		1167467	637825	Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1170552	635523	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2460	7	PL61	63					Sông Thêu	Sông Thêu	6.697		1157126	633299	Thạnh An, TP.	1162666	635808	Thạnh An,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
2461	7	PL57						Rạch Năm Mươi	Rạch Năm Mươi	3.478		1161219	634244	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162800	632272	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2462	7	PL61	62					Rạch Cá Nhán	Rạch Cá Nhán	6.871		1162656	635796	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165649	632005	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2463	7	PL68	186					Rạch Ngọn Hốt Quả	Rạch Ngọn Hốt Quả	773		1170080	632623	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169418	632694	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2464	7	PL41						Tắc Ông Cu - Tắc Bài	Tắc Ông Cu - Tắc Bài	7.605		1167889	634626	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170873	629271	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2465	7	PL61	38					Rạch Thiềng Liềng	Rạch Thiềng Liềng	7.675		1165608	631996	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167482	630789	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2466	7	PL51						Rạch Mồng Gà - Tắc Móc Mu	Rạch Mồng Gà - Tắc Móc Mu	4.632		1159675	630530	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161416	627869	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2467	7	PL66	9					Rạch Giông	Rạch Giông	1.162		1157123	627719	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1156363	627827	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2468	7	PL66						Sông Ông Tiên - Cá Gau	Sông Ông Tiên - Cá Gau	9.118		1158744	630043	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160035	624798	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2469	7	PL49						Sông Lò Vôi	Sông Lò Vôi	13.289		1154817	628046	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161263	625731	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2470	7	PL48						Sông Mùng Năm - Tắc Ăn Chè	Sông Mùng Năm - Tắc Ăn Chè	6.735		1160368	626878	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161131	622442	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2471	7	PL56						Sông Cá Nhám Lớn - Rạch Cá Nháp Lớn	Sông Cá Nhám Lớn - Rạch Cá Nháp Lớn	8.753		1156887	617582	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157136	611806	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2472	7	PL46						Rạch Tràm - Kênh Kê	Rạch Tràm - Kênh Kê	5.964		1156973	618612	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161074	618368	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2473	7	PL71	1					Tuyến nối tắt ĐBSCL-VTTVải: Đào mới 2.1 km nối Sông Soài Rạp - Rạch Gốc Tre Nhỏ	Tuyến nối tắt ĐBSCLVTTVải: Đào mới 2.1 km nối Sông Soài Rạp - Rạch Gốc Tre Nhỏ (Chưa đào)	2.965		1162029	611791	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160514	610137	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2474	7	PL71	102					Sông Cái Mết	Sông Cái Mết	4.027		1164646	614306	An Thới Đông, TP. Hồ	1163451	613157	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2475	7	PL71	103					Rạch Đôn	Rạch Đôn	8.685		1169497	612922	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168682	618843	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2476	7	PL71	99					Kênh Bà Tổng	Kênh Bà Tổng	1.985		1171830	615228	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171735	613416	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2477	7	PL71	100					Rạch Tân - Rạch Bông Giếng Lớn	Rạch Tân - Rạch Bông Giếng Lớn	4.481		1174166	615201	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176102	611872	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2478	7	PL39	145					Rạch Đước - Rạch Sáu Quán - Rạch Lấp Dời	Rạch Đước - Rạch Sáu Quán - Rạch Lấp Dời	7.337		1176402	616162	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179867	612167	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2479	7	PL71	101					Tắc Sông Chà	Tắc Sông Chà	1.421		1177974	610646	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179095	611141	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2480	7	PL44	30					Tắc Ông Đại - Bà Đây - Ba Giồng	Tắc Ông Đại - Bà Đây - Ba Giồng	6.914		1164191	618650	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160930	615153	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2481	7	PL50						Rạch Tắc Cống	Rạch Tắc Cống	5.406		1164078	627449	Cần Giờ, TP. Hồ	1159904	627439	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2482	7	PL39						Sông Dừa - Tắc Định Cậu - Rạch Tắc Rỗi	Sông Dừa - Tắc Định Cậu - Rạch Tắc Rỗi	13.424		1172055	625296	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172031	625305	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2483	7	PL39	144					Rạch Ăn Thịt - Cái Đước - Rạch Dừa	Rạch Ăn Thịt - Cái Đước - Rạch Dừa	1.934		1169883	623840	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169108	622181	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2484	7	PL39	141					Rạch Tắc Lớn	Rạch Tắc Lớn	2.899		1169108	622181	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167224	620703	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2485	7	PL39	142					Tắc Ăn Tết - Tắc Cầu Kho	Tắc Ăn Tết - Tắc Cầu Kho	5.457		1172031	625305	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167477	625818	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2486	7	PL68	183					Tắc Bức Mây	Tắc Bức Mây	4.815		1167305	629945	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167297	629947	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2487	7	PL68	184					Rạch Đuôi Cá	Rạch Đuôi Cá	4.019		1168387	631349	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170356	628735	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2488	7	PL68	185					Tắc Đòi Nợ	Tắc Đòi Nợ	3.687		1167498	634053	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165537	632281	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2489	7	PL52	6					Rạch Long Thạnh	Rạch Long Thạnh	1.414		1148793	626557	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149513	625983	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2490	7	PL55						Sông Hà Thanh - Đồng Hòa	Sông Hà Thanh - Đồng Hòa	9.317		1151064	628496	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151121	628529	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2491	7	PL52	5					Sông Đồng Đình - Bãi Tiên	Sông Đồng Đình - Bãi Tiên	5.580		1154722	629557	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151751	629049	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2492	7	PL42	63					Rạch Gốc Tre Nhỏ - Rạch Rào Lớn	Rạch Gốc Tre Nhỏ - Rạch Rào Lớn	5.528		1161932	613256	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163506	610104	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2493	7	PL09	1	38				CG.Sông Gò Gia.1	Sông Đồng Tranh 1	319		1165473	637073	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165522	636839	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2494	7	PL09	1	40	PL 02			CG.Sông Gò Gia.2	Sông Đồng Tranh 1	727		1165535	637923	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165889	637683	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2495	7	PL09	1	41	1			CG.Sông Gò Gia.3	Sông Đồng Tranh 1	272		1165737	638239	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165719	638474	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2496	7	PL09	1	42	PL 01			CG.Sông Gò Gia.4	Sông Đồng Tranh 1	445		1165352	638906	Thạnh An, TP.	1165760	638826	Thạnh An,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
2497	7	PL09	1	40	PL 01			CG.Sông Gò Gia.5	Sông Đồng Tranh 1	404		1165298	637975	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165248	637969	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2498	7	PL09	1	39	PL 01			CG.Sông Gò Gia.6	Sông Đồng Tranh 1	408		1166489	637670	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166541	638023	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2499	7	PL09	1	14	PL 01			CG.Rạch Tắc Cua.1	Sông Đồng Tranh 1	814		1169736	637246	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170227	637686	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2500	7	PL09	1	4				CG.Rạch Tắc Cua.2	Sông Đồng Tranh 1	779		1172813	638476	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1172524	638012	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2501	7	PL09	1	10				CG.Rạch Tắc Cua.3	Sông Đồng Tranh 1	273		1170789	638560	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171049	638625	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2502	7	PL09	1	8				CG.Rạch Tắc Cua.4	Sông Đồng Tranh 1	1.643		1170595	638957	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170602	639090	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2503	7	PL09	1	12	PL 01			CG.Rạch Tắc Cua.5	Sông Đồng Tranh 1	932		1170423	638731	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170104	638041	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2504	7	PL09	1	181				CG.Rạch Tắc Cua.6	Sông Đồng Tranh 1	784		1173569	637924	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1172952	637456	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2505	7	PL09	1	11	1			CG.Rạch Tắc Cua.7	Sông Đồng Tranh 1	1.068		1171196	637111	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170548	637683	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2506	7	PL09	1	11				CG.Rạch Tắc Cua.8	Sông Đồng Tranh 1	3.873		1169230	638442	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170647	638620	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2507	7	PL09	1	9				CG.Rạch Tắc Cua.9	Sông Đồng Tranh 1	1.479		1170580	639410	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171141	638257	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2508	7	PL09	1	8	1			CG.Rạch Tắc Cua.10	Sông Đồng Tranh 1	713		1170510	639040	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170529	639105	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2509	7	PL09	1	6	1			CG.Rạch Tắc Cua.11	Sông Đồng Tranh 1	1.052		1171569	636925	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170849	637341	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2510	7	PL09	1	14				CG.Rạch Tắc Cua.12	Sông Đồng Tranh 1	1.819		1169214	637943	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170222	636977	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2511	7	PL09	1	43				CG.Sông Gò Gia.7	Sông Đồng Tranh 1	1.819		1168283	638079	Phú Mỹ, TP. Hồ	1169478	637139	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2512	7	PL09	1	20	PL 05	1		CG.Sông Gò Gia.8	Sông Đồng Tranh 1	382		1168769	637614	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168510	637403	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2513	7	PL09	1	20	PL 05			CG.Sông Gò Gia.9	Sông Đồng Tranh 1	1.765		1167634	637200	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168666	636971	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2514	7	PL09	1	31				Rạch Tắc Cau	Sụng Đồng Tranh 1	2.611		1165068	636975	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167100	636835	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2515	7	PL09	1	31	PL 03			CG.Sông Gò Gia.11	Sông Đồng Tranh 1	807		1166732	637224	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167358	637375	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2516	7	PL09	1	39				CG.Sông Gò Gia.12	Sông Đồng Tranh 1	928		1166260	637754	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166779	637341	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2517	7	PL09	1	31	1			CG.Sông Gò Gia.13	Sông Đồng Tranh 1	2.012		1166410	638309	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165693	637298	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2518	7	PL09	1	39	PL 02			CG.Sông Gò Gia.14	Sông Đồng Tranh 1	586		1166577	637659	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166503	637621	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2519	7	PL09	1	40				CG.Sông Gò Gia.15	Sông Đồng Tranh 1	1.900		1164073	638118	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165743	638118	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2520	7	PL09	1	41				CG.Sông Gò Gia.16	Sông Đồng Tranh 1	2.197		1164766	639110	Tân Phước, TP. Hồ Chí Minh	1166271	638537	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2521	7	PL09	1	42				CG.Sông Gò Gia.17	Sông Đồng Tranh 1	693		1165351	638975	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165130	638613	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2522	7	PL09	1	4	1			CG.Rạch Tắc Cua.13	Sông Đồng Tranh 1	956		1172570	638514	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1172461	637615	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2523	7	PL09	1	7				CG.Rạch Tắc Cua.14	Sông Đồng Tranh 1	1.273		1171398	639377	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171519	638330	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2524	7	PL09	1	5				CG.Rạch Tắc Cua.15	Sông Đồng Tranh 1	1.313		1172694	637622	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1172136	638291	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2525	7	PL09	1	5	PL 01			CG.Rạch Tắc Cua.16	Sông Đồng Tranh 1	1.62		1172131	638193	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171771	637011	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2526	7	PL09	1	6	PL 01			CG.Rạch Tắc Cua.17	Sông Đồng Tranh 1	425		1171842	637899	Thạnh An, TP.	1171452	638044	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
2527	7	PL09	1	12				CG.Rạch Tắc Cua.18	Sông Đồng Tranh 1	1.843		1170132	638984	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170426	637914	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2528	7	PL09	1	13				CG.Rạch Tắc Cua.19	Sông Đồng Tranh 1	1.168		1169582	639033	Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	1169952	638136	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2529	7	PL09	1	44				CG.Sông Gò Gia.18	Sông Đồng Tranh 1	1.978		1164168	637485	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162963	637066	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2530	7	67	3					CG.Sông Thị Vải	Sông Thị Vải	591		1163296	637469	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1163642	637094	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2531	7	PL09	1	6				CG.Rạch Tắc Cua.20	Sông Đồng Tranh 1	2.014		1172226	638835	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171559	637155	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2532	7	PL09	1	17	PL 01	1		CG.Rạch Tắc Cua.21	Sông Đồng Tranh 1	714		1170568	635581	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170948	635391	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2533	7	PL09	1	19				CG.Rạch Tắc Cua.22	Sông Đồng Tranh 1	830		1171066	635510	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171092	636237	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2534	7	PL09	1	29	PL 01	PL0 1		CG.Sông Gò Gia.19	Sông Đồng Tranh 1	486		1168522	635304	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168065	635404	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2535	7	PL61	40					CG.Sông Ngã Bảy.1	Sông Ngã Bảy	935		1165057	629727	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164956	629712	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2536	7	PL41	1					CG.Tắc Bài.1	Sông Đồng Tranh 1	931		1168843	632083	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169228	632717	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2537	7	PL41	2	1				CG.Tắc Bài.2	Sông Đồng Tranh 1	470		1170775	630768	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170527	630806	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2538	7	PL41	2	PL 01				CG.Tắc Bài.3	Sông Đồng Tranh 1	359		1170486	630575	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170162	630635	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2539	7	PL09	1	71	2			CG.Ngọn Hốt Hóa.1	Sông Đồng Tranh 1	440		1169266	633372	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169563	633492	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2540	7	PL41	9					CG.Tắc Bài.4	Sông Đồng Tranh 1	618		1167717	633864	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167904	634260	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2541	7	PL09	1	22	PL 01			CG.Rạch Tắc Cua.23	Sông Đồng Tranh 1	584		1171718	630936	Thạnh An, TP.	1171777	631480	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
2542	7	PL09	1	157				CG.Sông Đồng Tranh 1.1	Sông Đồng Tranh 1	820		1176012	619247	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175491	619740	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2543	7	PL09	152					CG.Sông Lòng Tàu.1	Sông Lòng Tàu	344		1175621	619724	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175739	620032	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2544	7	PL09	1	179	1	1		CG.Sông Đồng Tranh 1.2	Sông Đồng Tranh 1	391		1175572	619124	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175465	619479	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2545	7	PL09	1	179	1			CG.Sông Đồng Tranh 1.3	Sông Đồng Tranh 1	506		1175410	619537	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175785	619236	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2546	7	PL09	1	157	PL 01			CG.Sông Đồng Tranh 1.4	Sông Đồng Tranh 1	419		1174788	625481	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174525	625420	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2547	7	PL39	94	1				CG.Rạch Dừa Chà Là.1	Sông Dừa	412		1174463	622966	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174813	623134	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2548	7	PL39	47					CG.Rạch Tắc Rỗi.1	Sông Dừa	1.001		1172545	622473	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172053	623200	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2549	7	PL39	55	PL 01				CG.Rạch Tắc Bé.1	Sông Dừa	694		1172794	623333	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172264	623500	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2550	7	PL39	96	PL 01				CG.Rạch Tắc Bé.2	Sông Dừa	550		1172636	624780	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172853	625167	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2551	7	PL39	129					CG.Rạch Ngã Bắc.1	Sông Dừa	413		1173896	624203	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174197	624293	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2552	7	PL39	48	1				CG.Rạch Tắc Rỗi.2	Sông Dừa	336		1171946	623390	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171665	623535	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2553	7	PL39	48					CG.Rạch Tắc Rỗi.3	Sông Dừa	733		1171997	623674	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171443	623783	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2554	7	PL39	77	PL 01				CG.Rạch Đước 2.1	Sông Dừa	382		1171156	623667	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170967	623851	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2555	7	PL39	77	PL 01	PL 01			CG.Rạch Đước 2.2	Sông Dừa	804		1171027	623779	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170484	624107	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2556	7	PL39	75	PL 01				CG.Rạch Đước 2.3	Sông Dừa	870		1170688	623994	Bình Khánh, TP. Hồ	1170932	624549	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2557	7	PL09	1	135	PL 01			CG.Rạch Tắc Cầu Kho.1	Sông Đồng Tranh 1	436		1171151	625938	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171057	626305	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2558	7	PL39	91	PL 01	PL 03			CG.Rạch Tắc Bé.3	Sông Dừa	530		1173424	623661	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173002	623526	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2559	7	PL39	91	PL 01	PL 02			CG.Rạch Tắc Bé.4	Sông Dừa	502		1173339	623874	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173033	624003	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2560	7	PL09	1	27				CG.Rạch Tắc Cua.24	Sông Đồng Tranh 1	380		1171685	629909	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171860	630169	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2561	7	PL09	1	122				CG.Rạch Tắc Bà Kiên.1	Sông Đồng Tranh 1	471		1171819	626771	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172104	627120	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2562	7	PL09	1	160				CG.Sông Đồng Tranh 1.5	Sông Đồng Tranh 1	548		1172643	628549	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172225	628398	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2563	7	PL09	1	138				CG.Rạch Tắc Cầu Kho.2	Sông Đồng Tranh 1	374		1171920	625706	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171583	625624	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2564	7	PL09	1	134	PL 01			CG.Rạch Tắc Cầu Kho.3	Sông Đồng Tranh 1	380		1171397	625759	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171681	625911	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2565	7	PL09	1	139	1	PL0 1		CG.Rạch Tắc Cầu Kho.4	Sông Đồng Tranh 1	259		1170689	626381	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170769	626610	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2566	7	PL09	1	128				CG.Rạch Bà Kiên.1	Sông Đồng Tranh 1	514		1171698	626386	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171303	626583	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2567	7	PL09	1	129				CG.Rạch Bà Kiên.2	Sông Đồng Tranh 1	281		1171767	626750	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171943	626552	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2568	7	PL41	8	PL 01	1			CG.Tắc Bài.5	Sông Đồng Tranh 1	326		1171345	629707	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171093	629872	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2569	7	PL39	13	1				CG.Sông Dừa.1	Sông Dừa	581		1169765	624910	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169185	624874	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2570	7	PL39	13	PL 01				CG.Rạch Tắc Ăn Tết.1	Sông Dừa	600		1169113	625071	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169711	625121	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2571	7	PL09	1	147				CG.Rạch Con Chó.1	Sông Đồng Tranh 1	211		1168663	627211	Bình Khánh, TP. Hồ	1168540	627355	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
2572	7	PL09	1	146	PL 01			CG.Rạch Con Chó.2	Sông Đồng Tranh 1	772		1167419	626894	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167565	627556	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2573	7	PL09	11					CG.Sông Lòng Tàu.2	Sông Lòng Tàu	909		1171050	621474	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170892	622210	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2574	7	PL39	86					CG.Rạch Cái Đước.1	Sông Dừa	484		1169035	620854	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169307	621204	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2575	7	PL39	89					CG.Rạch Cái Đước.2	Sông Dừa	614		1169330	621437	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169556	621640	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2576	7	PL39	88					CG.Rạch Cái Đước.3	Sông Dừa	1.043		1169285	621471	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169148	622064	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2577	7	PL39	88	1				CG.Rạch Cái Đước.4	Sông Dừa	200		1169284	621657	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169097	621691	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2578	7	PL39	88	1	PL 01			CG.Rạch Cái Đước.5	Sông Dừa	282		1169127	621703	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169299	621804	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2579	7	PL39	103					CG.Rạch Tắc Lớn.1	Sông Dừa	559		1169019	621793	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168960	622169	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2580	7	PL39	105					CG.Rạch Tắc Lớn.2	Sông Dừa	591		1168537	622039	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168055	622227	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2581	7	PL39	105	PL 01				CG.Rạch Tắc Lớn.3	Sông Dừa	530		1168095	622228	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168495	621969	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2582	7	PL39	105	PL 01	PL 01			CG.Rạch Tắc Lớn.4	Sông Dừa	223		1168323	622014	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168241	621823	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2583	7	PL39	146					CG.Rạch Cá Nhám 1.1	Sông Dừa	588		1168759	622636	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168424	622527	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2584	7	PL39	130					CG.Rạch Cá Nhám 1.2	Sông Dừa	479		1168870	622778	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168437	622809	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2585	7	PL39	39	PL 01				CG.Sông Dừa.2	Sông Dừa	490		1168515	624904	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168548	624631	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2586	7	PL39	83	PL 01	1			CG.Rạch Ăn Thịt.1	Sông Dừa	608		1169289	622614	Bình Khánh, TP. Hồ	1169507	622095	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2587	7	PL39	83	PL 01	1	PL0 1	PL0 1	CG.Rạch Ăn Thịt.2	Sông Dừa	474		1169579	622356	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169370	622738	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2588	7	PL39	114	1				CG.Rạch Bắc Ngoại.1	Sông Dừa	527		1167170	621982	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167569	621918	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2589	7	PL39	56					CG.Tắc Cá Đao.1	Sông Dừa	436		1167796	624278	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167544	624516	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2590	7	PL39	72					CG.Tắc Cá Đao.2	Sông Dừa	290		1166563	620859	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166714	621107	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2591	7	PL39	69	1				CG.Tắc Cá Đao.3	Sông Dừa	798		1166533	621770	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166041	622200	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2592	7	PL39	69	PL 03				CG.Tắc Cá Đao.4	Sông Dừa	270		1166038	622151	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165813	622015	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2593	7	PL39	69	PL 02				CG.Tắc Cá Đao.5	Sông Dừa	368		1166045	622228	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165705	622296	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2594	7	PL09	57					CG.Rạch Lang Hoa.1	Sông Lòng Tàu	966		1165668	622373	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166097	621550	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2595	7	PL09	18	PL 01				CG.Sông Lòng Tàu.3	Sông Lòng Tàu	346		1165574	621932	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165264	621797	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2596	7	PL09	18	PL 01	PL 01			CG.Sông Lòng Tàu.4	Sông Lòng Tàu	529		1165276	621811	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165246	622339	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2597	7	PL09	155					CG.Rạch Tắc Cống.2	Sông Lòng Tàu	780		1161769	628466	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162157	627845	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2598	7	PL09	112	1	1			CG.Tắc Sống Trâu.1	Sông Lòng Tàu	600		1162559	623928	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162920	624207	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2599	7	PL09	113	1	PL 01			CG.Tắc Sống Trâu.2	Sông Lòng Tàu	522		1163029	623502	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163397	623308	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2600	7	PL09	112					CG.Tắc Ông Địa 3.1	Sông Lòng Tàu	1.014		1163201	624536	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162590	624961	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2601	7	PL09	112	PL 01				CG.Tắc Ông Địa 3.2	Sông Lòng Tàu	658		1162808	624511	Cần Giờ, TP. Hồ	1163260	624988	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2602	7	PL09	156					CG.Rạch Tắc Cống.1	Sông Lòng Tàu	572		1163654	628817	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163197	628536	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2603	7	PL65	2					CG.Rạch Dầm.1	Sông Hào Võ	545		1162794	626241	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162250	626218	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2604	7	PL09	34					CG.Sông Lòng Tàu.5	Sông Lòng Tàu	1.004		1164585	621647	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165041	620781	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2605	7	PL47	4	PL 02				CG.Sông Long Giang Xây.1	Sông Dần Xây	539		1162816	621209	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163041	621528	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2606	7	PL47	2	PL 01				CG.Sông Dần Xây.1	Sông Dần Xây	285		1161748	621940	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161950	622123	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2607	7	PL47	3					CG.Sông Long Giang Xây.2	Sông Dần Xây	941		1161285	622063	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162139	621671	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2608	7	PL47	2					CG.Sông Long Giang Xây.3	Sông Dần Xây	978		1162152	621753	An Thới	1161264	622161	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2609	7	PL47	4					CG.Sông Long Giang Xây.4	Sông Dần Xây	1.086		1162219	621651	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163069	620985	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2610	7	PL47	15					CG.Kênh Phụ Nữ.1	Sông Dần Xây	208		1163314	621956	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163123	622035	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2611	7	PL47	16					CG.Kênh Phụ Nữ.2	Sông Dần Xây	268		1164160	622142	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163998	621934	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2612	7	PL47	17					CG.Kênh Phụ Nữ.3	Sông Dần Xây	545		1164318	622023	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163854	621738	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2613	7	PL44	1					CG.Rạch Bà Giồng.1	Rạch Bà Giồng	347		1162461	615827	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162364	616052	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2614	7	PL44	22					CG.Rạch Ngã Chín.1	Rạch Bà Giồng	532		1165372	615975	An Thới Đông, TP. Hồ	1164928	616161	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
2615	7	PL45	16					CG.Rạch Tắc Mới 1.1	Sông Lôi Giang	327		1166454	616339	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166572	616510	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2616	7	PL42	14	PL 01				CG.Sông Vàm Sát.1	Sông Vàm Sát	649		1167330	612222	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166780	612183	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2617	7	PL42	15	1	PL 01	1		CG.Rạch Miễu 3.1	Sông Vàm Sát	620		1165899	611463	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165395	611805	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2618	7	PL42	104					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.1	Sông Vàm Sát	801		1162640	611328	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162604	611959	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2619	7	PL71	5					CG.Rạch Rào Bé.1	Sông Soài Rạp	731		1162468	610232	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162705	610838	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2620	7	PL71	4					CG.Rạch Rào Bé.2	Sông Soài Rạp	862		1162756	610063	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162841	610919	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2621	7	PL42	2					CG.Sông Vàm Sát.2	Sông Vàm Sát	1.062		1164249	609975	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164492	611009	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2622	7	PL42	3					CG.Sông Vàm Sát.3	Sông Vàm Sát	928		1164649	609962	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164829	610216	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2623	7	PL71	20					CG.Rạch Kho Đồn.1	Sông Soài Rạp	233		1168449	612362	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168454	612595	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2624	7	PL71	10					CG.Rạch Đôi.1	Sông Soài Rạp	871		1169513	610512	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168914	609959	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2625	7	PL71	11					CG.Rạch Đôi.2	Sông Soài Rạp	1.071		1168969	609919	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169739	609531	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2626	7	PL71	13					CG.Rạch Đôi.3	Sông Soài Rạp	485		1169637	609846	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169705	610211	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2627	7	PL42	4					CG.Sông Vàm Sát.4	Sông Vàm Sát	1.324		1164978	610098	An Thới	1165438	610951	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2628	7	PL42	5					CG.Sông Vàm Sát.5	Sông Vàm Sát	458		1165507	611008	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165692	610656	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2629	7	PL42	6	1				CG.Sông Vàm Sát.6	Sông Vàm Sát	525		1166405	609725	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166589	610217	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2630	7	PL71	6	PL 01				CG.Sông Nhà Bè.1	Sông Soài Rạp	1.477		1168773	610127	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168712	608988	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2631	7	PL42	7					CG.Sông Vàm Sát.7	Sông Vàm Sát	491		1165684	609780	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165776	610254	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2632	7	PL71	27					CG.Rạch Bàu Thơ.1	Sông Soài Rạp	353		1169334	614168	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169160	613918	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2633	7	PL09	97					CG.Rạch Đồn.1	Sông Lòng Tàu	604		1169143	617122	An Thới Đông, TP. Hồ	1169137	616757	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
2634	7	PL09	101					CG.Rạch Đồn.2	Sông Lòng Tàu	1.027		1169043	615561	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168728	614763	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2635	7	PL09	102					CG.Rạch Đồn.3	Sông Lòng Tàu	339		1169065	615631	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169333	615779	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2636	7	PL71	37					CG.Rạch Giồng 1.1	Sông Soài Rạp	408		1171442	614546	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171251	614255	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2637	7	PL71	38					CG.Rạch Giồng 1.2	Sông Soài Rạp	411		1171132	613841	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171534	613831	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2638	7	PL71	39					CG.Rạch Giồng 1.3	Sông Soài Rạp	530		1171079	613759	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171574	613742	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2639	7	PL71	43	2				CG.Tắc Ông Nghĩa.1	Sông Soài Rạp	819		1171715	613961	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172254	614320	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2640	7	PL71	43	1				CG.Tắc Ông Nghĩa.2	Sông Soài Rạp	483		1172748	615195	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172578	614786	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2641	7	PL71	41	PL 02				CG.Rạch Sâu.1	Sông Soài Rạp	465		1172899	614547	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172613	614625	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2642	7	PL09	75					CG.Rạch An Nghĩa.1	Sông Lòng Tàu	936		1172147	616316	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171634	616573	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2643	7	PL09	75	PL 01				CG.Rạch An Nghĩa.2	Sông Lòng Tàu	896		1171812	616603	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1172034	616463	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2644	7	PL09	76	1				CG.Rạch An Nghĩa.3	Sông Lòng Tàu	216		1170056	618081	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169899	617932	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2645	7	PL09	39	1				CG.Sông Lòng Tàu.6	Sông Lòng Tàu	475		1172471	620963	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172941	621024	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2646	7	PL09	77					CG.Rạch An Nghĩa.4	Sông Lòng Tàu	1.125		1170350	618206	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170163	618007	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2647	7	PL31	6					CG.Rạch Lá.1	Rạch Lá	519		1173723	616255	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173491	616633	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2648	7	PL31	7					CG.Rạch Lá.2	Rạch Lá	451		1173387	615940	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172961	615910	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2649	7	PL31	9					CG.Rạch Lá.3	Rạch Lá	822		1173981	615183	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173488	615628	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2650	7	PL09	116					CG.Rạch Cây Dừa.1	Sông Lòng Tàu	886		1175430	615385	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176033	615605	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2651	7	PL71	57					CG.Rạch Miễu 2.1	Sông Soài Rạp	890		1175979	613189	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175820	613187	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2652	7	PL09	117					CG.Rạch Cây Dừa.2	Sông Lòng Tàu	799		1174751	615697	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175481	615931	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2653	7	PL09	132					CG.Rạch Sóm Quán.1	Sông Lòng Tàu	625		1178888	613308	Bình Khánh,	1178688	612798	Bình Khánh,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
2654	7	PL71	74	1				CG.Kênh Đào.1	Sông Soài Rạp	557		1178331	610637	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178741	610846	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2655	7	PL71	73					CG.Tắc Sông Chà.1	Sông Soài Rạp	401		1178442	610764	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178312	610911	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2656	7	PL71	73	PL 01				CG.Tắc Sông Chà.2	Sông Soài Rạp	365		1178491	610925	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178432	611052	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2657	7	PL09	137					CG.Kinh Ngay.1	Sông Lòng Tàu	419		1177585	614227	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177418	614532	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2658	7	PL09	42	PL 01				CG.Sông Lòng Tàu.7	Sông Lòng Tàu	388		1177868	615269	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178087	615571	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2659	7	PL09	42	PL 02				CG.Sông Lòng Tàu.8	Sông Lòng Tàu	652		1178205	615059	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178532	615300	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2660	7	PL09	125					CG.Kênh Ông Cả.1	Sông Lòng Tàu	543		1176523	614687	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176380	615103	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2661	7	PL09	128					CG.Rạch Đước 1.1	Sông Lòng Tàu	240		1176375	616198	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176411	615993	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2662	7	PL09	43	2				CG.Sông Lòng Tàu.9	Sông Lòng Tàu	406		1176237	616403	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175986	616224	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2663	7	PL09	43					CG.Rạch Cây Dừa.3	Sông Lòng Tàu	939		1176141	616484	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175514	616010	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2664	7	PL09	43	1				CG.Rạch Cây Dừa.4	Sông Lòng Tàu	323		1175627	616215	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175909	616090	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2665	7	PL09	43	1	PL 01			CG.Rạch Cây Dừa.5	Sông Lòng Tàu	667		1175779	616193	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175847	616727	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2666	7	PL09	174					CG.Rạch Dà Đo 1.1	Sông Lòng Tàu	657		1174708	616973	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174348	617003	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2667	7	PL09	175					CG.Rạch Dà Đo 1.2	Sông Lòng Tàu	522		1174733	617054	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174757	617466	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2668	7	PL09	40					CG.Sông Lòng Tàu.10	Sông Lòng Tàu	745		1175102	618261	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174520	618010	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2669	7	PL31	15					CG.Rạch Cát.1	Rạch Lá	563		1175087	618455	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174881	618838	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2670	7	PL31	1					CG.Tắc Tây Đen.1	Rạch Lá	560		1174359	620142	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174549	619877	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2671	7	PL42	105					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.2	Sông Vàm Sát	226		1161211	612120	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161247	612304	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2672	7	PL42	16					CG.Sông Vàm Sát.8	Sông Vàm Sát	607		1165469	612004	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165196	612043	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2673	7	PL45	1					CG.Sông Lôi Giang.1	Sông Lôi Giang	939		1166042	617215	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166164	618131	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2674	7	PL71	75					CG.Kênh Đào.2	Sông Soài Rạp	920		1178977	610989	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179232	610362	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2675	7	PL71	17					CG.Rạch Bà Tám.1	Sông Soài Rạp	275		1168570	612020	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168298	611986	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2676	7	PL42	11					CG.Sông Vàm Sát.9	Sông Vàm Sát	1.672		1167827	611129	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167581	611523	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2677	7	PL42	15	1	PL 01			CG.Sông Vàm Sát.10	Sông Vàm Sát	367		1165373	611783	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165532	612076	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2678	7	PL71	28					CG.Rạch Bàu Thơ.2	Sông Soài Rạp	451		1169833	614033	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169552	613764	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2679	7	PL45	44					CG.Tắc Ông Địa 1.1	Sông Lôi Giang	347		1165061	617807	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164732	617789	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2680	7	PL45	17					CG.Rạch Tắc Mới 1.2	Sông Lôi Giang	226		1166724	615995	An Thới Đông,	1166577	615823	An Thới Đông,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
2681	7	PL44	23					CG.Rạch Ngã Chín.2	Rạch Bà Giồng	307		1165703	616208	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165486	616402	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2682	7	PL09	29					CG.Sông Lòng Tàu.11	Sông Lòng Tàu	468		1167405	619016	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167178	619233	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2683	7	PL45	2	PL 03				CG.Sông Lôi Giang.2	Sông Lôi Giang	539		1166309	619209	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165975	619247	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2684	7	PL45	21	1				CG.Rạch Tắc Mới 2.1	Sông Lôi Giang	410		1167217	616520	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167092	616552	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2685	7	PL09	76					CG.Rạch An Nghĩa.5	Sông Lòng Tàu	2.053		1169852	618377	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170302	616892	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2686	7	PL09	78	PL 01				CG.Rạch An Nghĩa.6	Sông Lòng Tàu	304		1170356	617491	An Thới Đông, TP. Hồ	1170290	617498	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2687	7	PL09	80	PL 01				CG.Rạch An Nghĩa.7	Sông Lòng Tàu	205		1170281	616801	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170204	616789	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2688	7	PL71	98					CG.Rạch Múc Bột	Sông Soài Rạp	270		1170103	615210	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169957	615197	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2689	7	PL45	37	PL 01				CG.Tắc Ráng.1	Sông Lôi Giang	214		1164514	619675	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164315	619637	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2690	7	PL45	3	PL 01				CG.Sông Lôi Giang.3	Sông Lôi Giang	434		1166028	617702	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166266	617671	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2691	7	PL45	13	1				CG.Sông Lôi Giang.4	Sông Lôi Giang	289		1165238	619445	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164972	619422	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2692	7	PL47	4	PL 01				CG.Sông Long Giang Xây.5	Sông Dần Xây	266		1162700	621310	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162442	621354	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2693	7	PL47	2	PL 02				CG.Sông Dần Xây.2	Sông Dần Xây	470		1161338	622123	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161349	622459	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2694	7	PL31	22					CG.Rạch Cây Cui.1	Rạch Lá	662		1174929	614954	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174682	615568	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2695	7	PL09	82					CG.Rạch An Nghĩa.8	Sông Lòng Tàu	1.525		1170518	616266	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171328	616873	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2696	7	PL09	86	1				CG.Rạch An Nghĩa.9	Sông Lòng Tàu	773		1170645	617389	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171108	617468	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2697	7	PL09	86	PL 01				CG.Rạch An Nghĩa.10	Sông Lòng Tàu	985		1171504	617787	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170621	617886	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2698	7	PL09	73					Rạch Bụn Tam Thôn Hiệp	Rạch Vọp	1.665		1174542	620020	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174207	621227	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2699	7	PL09	39	PL 02	PL 01			CG.Rạch Mương Bồng 1.1	Sông Lòng Tàu	728		1171100	620678	Bình Khánh, TP. Hồ	1171817	620715	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2700	7	PL09	39	3				CG.Rạch Vọp.2	Sông Lòng Tàu	593		1173882	620775	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173384	620946	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2701	7	PL09	14	1				CG.Sông Lòng Tàu.12	Sông Lòng Tàu	316		1170289	619728	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170071	619580	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2702	7	PL09	61					CG.Tắc Rạch Dừa.1	Sông Lòng Tàu	229		1167893	620278	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167704	620363	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2703	7	PL39	83					CG.Rạch Bìa.1	Sông Dừa	592		1169921	622143	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169798	622439	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2704	7	PL39	83	PL 01	1	PL0 1		CG.Rạch Bìa.2	Sông Dừa	517		1169482	622200	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169694	622544	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2705	7	PL39	70					CG.Tắc Cá Đao.6	Sông Dừa	2.574		1164482	622799	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166156	623860	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2706	7	PL09	19					CG.Rạch Long Vương.1	Sông Lòng Tàu	950		1165502	623350	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164821	623033	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2707	7	PL39	65					CG.Tắc Cá Đao.7	Sông Dừa	744		1166133	622668	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166676	622306	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2708	7	PL39	65	1				CG.Tắc Cá Đao.8	Sông Dừa	346		1166686	622400	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166392	622481	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2709	7	PL09	19	PL 01				CG.Rạch Long Vương.2	Sông Lòng Tàu	557		1165232	623224	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165009	623633	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2710	7	PL39	68					CG.Tắc Cá Đao.9	Sông Dừa	729		1167458	621562	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166922	621572	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2711	7	PL39	68	1				CG.Tắc Cá Đao.10	Sông Dừa	244		1167445	621721	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167261	621868	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2712	7	PL09	112	1				CG.Tắc Sống Trâu.3	Sông Lòng Tàu	483		1162951	623972	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163019	624409	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2713	7	PL09	1	76	PL 01			CG.Tắc Bức Mây.1	Sông Đồng Tranh 1	375		1168286	630961	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168024	631059	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2714	7	PL09	1	98				CG.Rạch Đuôi Cá.1	Sông Đồng Tranh 1	278		1170165	629598	Thạnh An, TP.	1170089	629842	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
2715	7	PL09	1	37	PL 01	PL0 1		CG.Sông Gò Gia.20	Sông Đồng Tranh 1	702		1165865	635625	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165654	636272	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2716	7	PL09	1	31	PL 01	2	1	CG.Sông Gò Gia.21	Sông Đồng Tranh 1	276		1168320	635697	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168416	635952	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2717	7	PL39	117					CG.Rạch Bắc Ngoại.2	Sông Dừa	527		1168118	623452	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168357	623828	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2718	7	PL39	116	PL 01				CG.Rạch Bắc Ngoại.3	Sông Dừa	1.023		1168314	623117	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167485	622909	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2719	7	PL39	39	PL 02	PL 01			CG.Tắc Cá Đao.11	Sông Dừa	511		1168131	624910	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167986	625298	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2720	7	PL09	44	2	PL 01			CG.Sông Lòng Tàu.13	Sông Lòng Tàu	272		1164125	623307	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1163947	623493	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2721	7	PL09	44	PL 01	PL 01			CG.Rạch Long Vương.3	Sông Lòng Tàu	1.082		1165146	624127	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164683	624761	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2722	7	PL09	1	115	PL 01			CG.Rạch Gia Cua.1	Sông Đồng Tranh 1	308		1171652	627445	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171501	627195	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2723	7	PL09	1	70				CG.Rạch Ngọn Hốt Hỏa.1	Sông Đồng Tranh 1	685		1170171	632887	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169950	632854	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2724	7	PL09	1	73	PL 01	2		CG.Rạch Ông Cu.1	Sông Đồng Tranh 1	400		1171074	632136	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170714	632238	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2725	7	PL09	1	73	PL 01	1		CG.Rạch Ông Cu.2	Sông Đồng Tranh 1	656		1170844	631554	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170558	632027	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2726	7	PL09	1	26				CG.Rạch Tắc Cua.25	Sông Đồng Tranh 1	1.607		1171232	631118	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171642	632290	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2727	7	PL41	8					CG.Tắc Bài.6	Sông Đồng Tranh 1	1.229		1172031	630681	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171044	630477	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2728	7	PL09	1	22	PL 01	PL0 1		CG.Rạch Tắc Cua.26	Sông Đồng Tranh 1	261		1171726	631370	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171560	631209	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2729	7	PL09	1	110				CG.Rạch Thầy Ba.1	Sông Đồng Tranh 1	322		1171536	627988	Bình Khánh, TP. Hồ	1171584	628296	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2730	7	PL09	1	160	1	1		CG.Sông Đồng Tranh 1.6	Sông Đồng Tranh 1	413		1172547	628790	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172341	628771	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2731	7	PL09	1	160	1	PL02		CG.Sông Đồng Tranh 1.7	Sông Đồng Tranh 1	216		1172348	628799	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172515	628701	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2732	7	PL09	1	104	PL01			CG.Rạch Thầy Ba.2	Sông Đồng Tranh 1	272		1172083	628741	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171957	628919	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2733	7	PL71	75	PL01				CG.Kênh Đào.3	Sông Soài Rạp	969		1179045	610320	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178796	609499	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2734	7	PL09	138					CG.Rạch Lắp Vòi.1	Sông Lòng Tàu	447		1179420	611773	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179177	612006	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2735	7	PL09	133					CG.Kinh Ngay.2	Sông Lòng Tàu	744		1178075	614521	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178092	613921	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2736	7	PL31	26					CG.Rạch Bà Đua 1.1	Rạch Lá	1.381		1175499	613936	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174882	614657	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2737	7	PL09	123					CG.Rạch Cây Dừa.6	Sông Lòng Tàu	759		1175132	614769	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175466	615255	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2738	7	PL09	122					CG.Rạch Cây Dừa.7	Sông Lòng Tàu	636		1175293	614642	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175809	614862	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2739	7	PL09	121					CG.Rạch Cây Dừa.8	Sông Lòng Tàu	650		1175782	614600	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175424	614163	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2740	7	PL71	49	PL 01				CG.Rạch Bông Giếng.1	Sông Soài Rạp	458		1175635	613655	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175405	613431	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2741	7	PL71	52					CG.Rạch Bông Giếng Lớn	Sông Soài Rạp	1.004		1176623	612901	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176507	612725	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2742	7	PL71	58					CG.Rạch Miễu 2.2	Sông Soài Rạp	467		1175827	612884	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176025	613188	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2743	7	PL71	51					CG.Rạch Bông Giếng.2	Sông Soài Rạp	655		1175925	612802	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176347	612897	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2744	7	PL39	94	2				CG.Rạch Dừa Chà Là.2	Sông Dừa	779		1175088	623185	Bình Khánh, TP. Hồ	1174454	622977	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2745	7	PL09	1	150	PL 04			CG.Rạch Sói Lớn.1	Sông Đồng Tranh 1	815		1177212	623649	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177479	623099	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2746	7	PL47	18					CG.Kênh Phụ Nữ.4	Sông Dần Xây	897		1163669	621659	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164565	621681	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2747	7	PL09	76	PL 02				CG.Rạch An Nghĩa.11	Sông Lòng Tàu	479		1169950	617837	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170358	617963	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2748	7	PL09	45					CG.Sông Lòng Tàu.14	Sông Lòng Tàu	354		1170066	617982	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170032	618334	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2749	7	PL45	9					CG.Sông Lôi Giang.5	Sông Lôi Giang	1.262		1166023	618284	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165210	619097	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2750	7	PL45	13					CG.Sông Lôi Giang.6	Sông Lôi Giang	893		1164629	619856	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165175	619150	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2751	7	PL09	130					CG.Rạch Dà Đo 1.3	Sông Lòng Tàu	716		1174530	616072	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174275	616741	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2752	7	PL31	23					CG.Rạch Cây Cui.2	Rạch Lá	514		1174669	615581	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174473	616057	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2753	7	PL31	24					CG.Rạch Cây Cui.3	Rạch Lá	438		1174712	615643	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174545	616048	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2754	7	PL31	25					CG.Rạch Cây Cui.4	Rạch Lá	757		1175036	614936	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174723	615621	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2755	7	PL09	76	PL 03				CG.Rạch Đồn.4	Sông Lòng Tàu	629		1169758	617285	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169929	617873	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2756	7	PL09	1	17	PL 01			CG.Rạch Tắc Cua.27	Sông Đồng Tranh 1	377		1170908	636023	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170916	635691	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2757	7	PL09	1	73	PL 02			CG.Rạch Ông Cu.3	Sông Đồng Tranh 1	482		1170051	632204	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170256	632528	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2758	7	PL41	2					CG.Tắc Bài.7	Sông Đồng Tranh 1	1.063		1170835	630442	Thạnh An, TP.	1170495	631168	Thạnh An,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
2759	7	PL61	41					CG.Sông Ngã Bảy.2	Sông Ngã Bảy	257		1164641	629881	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164879	629958	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2760	7	PL61	50	1				CG.Rạch Ông Mung.1	Sông Ngã Bảy	736		1164403	630425	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164627	630623	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2761	7	PL61	42					CG.Sông Ngã Bảy.3	Sông Ngã Bảy	429		1164273	630642	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164111	630831	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2762	7	PL61	43					CG.Sông Ngã Bảy.4	Sông Ngã Bảy	411		1163714	631127	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1163545	631196	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2763	7	PL61	38	1				CG.Rạch Thiềng Liềng.1	Sông Ngã Bảy	597		1163376	631271	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162901	631399	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2764	7	PL61	38	2				CG.Rạch Thiềng Liềng.2	Sông Ngã Bảy	1.059		1162620	631595	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1163200	632149	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2765	7	PL61	38	3				CG.Rạch Thiềng Liềng.3	Sông Ngã Bảy	1.08		1164200	632357	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1163768	632208	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2766	7	PL61	10					CG.Rạch Năm Mươi.1	Sông Ngã Bảy	2.966		1163694	632184	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162580	632370	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2767	7	PL61	11					CG.Rạch Năm Mươi.2	Sông Ngã Bảy	830		1162469	632362	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162390	632860	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2768	7	PL61	12					CG.Rạch Năm Mươi.3	Sông Ngã Bảy	2.157		1162380	632964	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162308	633436	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2769	7	PL61	13					CG.Rạch Năm Mươi.4	Sông Ngã Bảy	1.079		1162273	632139	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162113	631987	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2770	7	PL42	36					CG.Rạch Lá Be.1	Sông Vàm Sát	1.080		1163081	614346	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163310	613942	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2771	7	PL42	35					CG.Rạch Lá Be.2	Sông Vàm Sát	1.778		1163891	614369	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163182	614414	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2772	7	PL42	37					CG.Rạch Lá Be.3	Sông Vàm Sát	616		1164320	614220	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163837	613979	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2773	7	PL42	57	PL 01				CG.Rạch Kho Đá.1	Sông Vàm Sát	1.496		1167550	614069	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166910	614547	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2774	7	PL44	24					CG.Rạch Chà Là.1	Rạch Bà Giồng	793		1165198	615261	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164789	614915	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2775	7	PL44	26					CG.Rạch Chà Là.2	Rạch Bà Giồng	298		1165809	614907	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165615	614758	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2776	7	PL44	21					CG.Rạch Ngã Chín.3	Rạch Bà Giồng	571		1165872	615427	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165606	615895	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2777	7	PL44	19	1				CG.Rạch Ngã Chín.4	Rạch Bà Giồng	207		1165923	615554	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165846	615745	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2778	7	PL44	19	PL 01				CG.Rạch Ngã Chín.5	Rạch Bà Giồng	819		1165228	615970	An Thới	1165647	615694	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2779	7	PL45	50					Tắc Tràng	Đường Rừng Sác	1.769		1165145	618695	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166078	619675	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2780	7	PL45	38					CG.Tắc Ráng.2	Sông Lôi Giang	1.357		1164145	619193	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164360	620383	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2781	7	PL09	33	PL 01				CG.Sông Lòng Tàu.15	Sông Lòng Tàu	240		1164751	620471	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164689	620675	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2782	7	PL48	1					CG.Sông Mùng Năm.1	Sông Dần Xây	358		1161225	624499	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161499	624606	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2783	7	PL48	2					CG.Sông Mùng Năm.2	Sông Dần Xây	513		1161438	624621	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161225	624902	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2784	7	PL09	110					CG.Tắc Ông Địa 3.3	Sông Lòng Tàu	1.123		1162466	624472	Cần Giờ, TP. Hồ	1162041	625091	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2785	7	PL09	109					CG.Tắc Ông Địa 3.4	Sông Lòng Tàu	429		1162389	624948	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162111	625169	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2786	7	PL09	108					CG.Tắc Ông Địa 3.5	Sông Lòng Tàu	226		1162585	625582	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162467	625391	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2787	7	PL09	157					CG.Tắc Cống.3	Sông Lòng Tàu	939		1162827	627335	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162545	626867	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2788	7	PL09	158					CG.Tắc Cống.4	Sông Lòng Tàu	786		1162628	627193	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162272	627834	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2789	7	PL09	159					CG.Tắc Cống.5	Sông Lòng Tàu	513		1163943	627500	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1164163	627782	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2790	7	PL61	51					CG.Rạch Móng Gà.1	Sông Ngã Bảy	214		1161629	629865	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161755	630013	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
2791	7	PL61	44					CG.Sông Ngã Bảy.5	Sông Ngã Bảy	295		1162913	630255	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162630	630248	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2792	7	PL61	19					CG.Rạch Cá Nhám 2.1	Sông Ngã Bảy	352		1164850	634310	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164548	634201	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2793	7	PL61	20					CG.Rạch Cá Nhám 2.2	Sông Ngã Bảy	609		1165178	634201	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164754	634018	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2794	7	PL09	1	90				CG.Rạch Đuôi Cá.2	Sông Đồng Tranh 1	346		1168603	630871	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168697	631177	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2795	7	PL09	1	81				CG.Tắc Bức Mây.2	Sông Đồng Tranh 1	338		1167252	630432	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167521	630614	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2796	7	PL09	1	84				CG.Tắc Bức Mây.3	Sông Đồng Tranh 1	307		1167948	630509	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167684	630467	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2797	7	PL09	1	55				CG.Tắc Đòi Nợ.1	Sông Đồng Tranh 1	333		1166463	632453	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166415	632723	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2798	7	PL09	1	54				Rạch Đũi Nợ	Sụng Đồng Tranh 1	912		1166624	634145	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167383	634515	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2799	7	PL09	1	77				CG.Tắc Bức Mây.4	Sông Đồng Tranh 1	953		1167574	631573	Thạnh An, TP.	1168056	632331	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
2800	7	PL09	1	29				CG.Sông Gò Gia.22	Sông Đồng Tranh 1	2.117		1168022	635161	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169483	635325	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2801	7	PL09	1	31	PL 01	PL0 1		CG.Sông Gò Gia.23	Sông Đồng Tranh 1	914		1166025	636726	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165647	636386	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2802	7	PL09	1	31	PL 01	1		CG.Sông Gò Gia.24	Sông Đồng Tranh 1	758		1166298	636053	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166301	636608	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2803	7	PL61	21					CG.Rạch Cá Nhám 2.4	Sông Ngã Bảy	415		1165554	631483	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165803	631756	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2804	7	PL09	1	20	PL 02			CG.Sông Gò Gia.25	Sông Đồng Tranh 1	480		1169377	636506	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169719	636832	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2805	7	PL09	1	20	3			CG.Sông Gò Gia.26	Sông Đồng Tranh 1	351		1169015	636624	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168999	636335	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2806	7	PL09	1	20	2			CG.Rạch Tắc Cua.28	Sông Đồng Tranh 1	336		1170077	636522	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169780	636412	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2807	7	PL09	1	20	PL01	PL01	1	CG.Sông Gò Gia.27	Sông Đồng Tranh 1	604		1169880	634965	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170166	635477	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2808	7	PL09	1	182	PL01			CG.Rạch Tắc Cua.29	Sông Đồng Tranh 1	321		1171556	636441	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171580	636755	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2809	7	PL09	1	182	PL01	1		CG.Rạch Tắc Cua.30	Sông Đồng Tranh 1	341		1171716	636768	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171415	636802	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2810	7	PL09	1	182	2			CG.Rạch Tắc Cua.31	Sông Đồng Tranh 1	567		1171761	636214	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171383	636003	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2811	7	PL09	44	1				CG.Rạch Long Vương.4	Sông Lòng Tàu	246		1164518	623296	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164596	623468	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2812	7	PL39	127					CG.Rạch Cá Vồ.1	Sông Dừa	234		1165578	625195	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165395	625227	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2813	7	PL39	43					CG.Sông Dừa.3	Sông Dừa	691		1165323	625697	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165626	626155	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2814	7	PL39	125	3				CG.Rạch Cá Vồ.2	Sông Dừa	221		1166347	625884	Bình Khánh, TP. Hồ	1166172	625887	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2815	7	PL39	125	1				CG.Rạch Cá Vồ.3	Sông Dừa	339		1166643	625203	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166443	625397	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2816	7	PL39	125	2				CG.Rạch Cá Vồ.4	Sông Dừa	382		1166815	625583	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166475	625510	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2817	7	PL39	125	2	PL 01			CG.Rạch Cá Vồ.5	Sông Dừa	271		1166679	625606	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166693	625833	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2818	7	PL39	106					CG.Rạch Tắc Lớn.5	Sông Dừa	1.27		1168132	620278	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167352	620787	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2819	7	PL09	62					CG.Tắc Rạch Dừa.2	Sông Lòng Tàu	395		1167759	619980	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167933	620295	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2820	7	PL39	107					CG.Rạch Tắc Lớn.6	Sông Dừa	323		1167875	621242	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167904	621440	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2821	7	PL39	120					CG.Rạch Bắc Ngoại.4	Sông Dừa	369		1167318	623252	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167435	623491	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2822	7	PL39	121					CG.Rạch Bắc Ngoại.5	Sông Dừa	323		1167131	623324	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167027	623081	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2823	7	PL39	122					CG.Rạch Bắc Ngoại.6	Sông Dừa	492		1167076	623313	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167141	623682	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2824	7	PL09	1	163				CG.Sông Đồng Tranh 1.8	Sông Đồng Tranh 1	346		1169533	627303	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169381	627570	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2825	7	PL09	1	142				CG.Rạch Tắc Cầu Kho.5	Sông Đồng Tranh 1	1.02		1168938	626528	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169578	626536	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2826	7	PL09	1	142	1			CG.Rạch Tắc Cầu Kho.6	Sông Đồng Tranh 1	329		1169167	626617	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169407	626564	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2827	7	PL09	1	134	PL02	PL01		CG.Rạch Tắc Cầu Kho.7	Sông Đồng Tranh 1	479		1171432	626192	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171756	625893	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2828	7	PL09	1	137				CG.Rạch Tắc Cầu Kho.8	Sông Đồng Tranh 1	522		1171929	625954	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171817	626037	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2829	7	PL09	1	123				CG.Rạch Tắc Bà Kiên.2	Sông Đồng Tranh 1	455		1172751	627465	Bình Khánh, TP. Hồ	1172525	627721	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
2830	7	PL09	1	102				CG.Rạch Thầy Ba.3	Sông Đồng Tranh 1	458		1172510	627747	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172071	627786	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2831	7	PL39	13	PL 01	PL 01			CG.Rạch Tắc Ăn Tết.2	Sông Dừa	221		1169348	625094	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169422	625297	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2832	7	PL39	14					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.3	Sông Dừa	1.086		1170077	624418	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169658	625331	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2833	7	PL39	15	PL 01				CG.Rạch Tắc Ăn Tết.4	Sông Dừa	476		1170088	625403	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170116	625833	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2834	7	PL09	1	116				CG.Rạch Gia Cua.2	Sông Đồng Tranh 1	509		1171079	627446	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170613	627330	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2835	7	PL09	1	117				CG.Rạch Gia Cua.3	Sông Đồng Tranh 1	428		1171266	627535	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171032	627195	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2836	7	PL09	1	118				CG.Rạch Gia Cua.4	Sông Đồng Tranh 1	277		1171366	627332	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171165	627149	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2837	7	PL09	1	111	2			CG.Rạch Thầy Ba.4	Sông Đồng Tranh 1	594		1171344	628385	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170834	628202	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2838	7	PL09	1	111	3			CG.Rạch Thầy Ba.5	Sông Đồng Tranh 1	496		1171191	628237	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170811	628359	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2839	7	PL09	1	111	1			CG.Rạch Thầy Ba.6	Sông Đồng Tranh 1	368		1171457	627906	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171117	627822	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2840	7	PL45	30					CG.Rạch Tắc Mới 1.3	Sông Lôi Giang	1.457		1166856	615071	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166407	616390	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2841	7	PL45	32					CG.Rạch Tắc Mới 1.4	Sông Lôi Giang	825		1166228	616894	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166041	616574	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2842	7	PL45	4					CG.Sông Lôi Giang.8	Sông Lôi Giang	787		1166256	617235	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166558	617848	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2843	7	PL71	33	2				CG.Rạch Hóc Hỏa Lớn.1	Sông Soài Rạp	257		1170192	614128	An Thới Đông, TP. Hồ	1170290	614310	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2844	7	PL09	91	1				CG.Rạch Tắc Bà Tùng.1	Sông Lòng Tàu	1.268		1170577	617930	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171519	618326	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
2845	7	PL31	5					CG.Rạch Lá.4	Rạch Lá	905		1173735	615926	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173410	615709	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2846	7	PL09	89					CG.Rạch Móc Keo.1	Sông Lòng Tàu	261		1172817	618334	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172576	618365	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2847	7	PL09	66					CG.Rạch Mương Bồng 1.2	Sông Lòng Tàu	249		1172607	619517	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172840	619529	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2848	7	PL31	2					CG.Tắc Tây Đen.2	Rạch Lá	315		1173401	619110	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173239	619271	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2849	7	PL71	72					CG.Sông Chà.1	Sông Soài Rạp	701		1178668	611329	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179316	611151	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2850	7	PL09	1	150	PL 02			CG.Rạch Sói Lớn.2	Sông Đồng Tranh 1	459		1175952	622350	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176236	622151	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2851	7	PL09	1	150	PL 03			CG.Rạch Sói Lớn.3	Sông Đồng Tranh 1	538		1175882	622283	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175682	621803	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2852	7	PL09	1	176				CG.Sông Đồng Tranh 1.9	Sông Đồng Tranh 1	727		1176949	622190	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176353	622170	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2853	7	PL09	1	177				CG.Sông Đồng Tranh 1.10	Sông Đồng Tranh 1	552		1176983	622366	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176453	622312	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2854	7	PL09	1	178				CG.Sông Đồng Tranh 1.11	Sông Đồng Tranh 1	699		1176500	622576	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177027	622416	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2855	7	PL09	1	156	PL 01			CG.Rạch Vàm Tượng.1	Sông Đồng Tranh 1	1.046		1175329	623241	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175798	622794	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2856	7	PL09	1	156				CG.Rạch Vàm Tượng.2	Sông Đồng Tranh 1	472		1175363	622884	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175208	622459	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2857	7	PL09	1	150	PL 01			CG.Rạch Sói Lớn.4	Sông Đồng Tranh 1	400		1176951	623287	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176719	622980	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2858	7	PL09	1	155				CG.Rạch Vàm Tượng.3	Sông Đồng Tranh 1	733		1175713	623912	Bình Khánh, TP. Hồ	1176070	623436	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2859	7	PL09	1	155	1			CG.Rạch Vàm Tượng.4	Sông Đồng Tranh 1	374		1176055	624048	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175780	623823	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2860	7	PL09	1	155	PL 01			CG.Rạch Vàm Tượng.5	Sông Đồng Tranh 1	530		1175798	623625	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175896	623122	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2861	7	PL09	1	154				CG.Rạch Vàm Tượng.6	Sông Đồng Tranh 1	454		1175543	623578	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175135	623498	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2862	7	PL09	1	153				CG.Rạch Vàm Tượng.7	Sông Đồng Tranh 1	590		1175135	623925	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175696	623915	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2863	7	PL39	96					CG.Rạch Dừa Chà Là.3	Sông Dừa	1.157		1173404	624959	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172564	624785	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2864	7	PL39	96	PL 02				CG.Rạch Tắc Bé.5	Sông Dừa	293		1172647	624770	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172771	624555	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2865	7	PL39	100					CG.Rạch Tắc Bé.6	Sông Dừa	1.643		1173280	624034	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172583	624254	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2866	7	PL39	99	1				CG.Rạch Tắc Bé.7	Sông Dừa	777		1173319	624373	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172809	623855	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2867	7	PL39	131	1				CG.Rạch Ngã Bắc.2	Sông Dừa	435		1174543	624820	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174137	624830	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2868	7	PL39	131					CG.Rạch Ngã Bắc.3	Sông Dừa	553		1174416	624549	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174067	624861	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2869	7	PL39	147					CG.Rạch Ngã Bắc.4	Sông Dừa	425		1173988	624665	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173639	624526	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2870	7	PL39	129	PL 01				CG.Rạch Ngã Bắc.5	Sông Dừa	568		1174006	624068	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173918	624490	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2871	7	PL09	1	3	2			CG.Rạch Tắc Cua.32	Sông Đồng Tranh 1	963		1172254	636556	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171810	635781	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2872	7	PL09	1	3	1			CG.Rạch Tắc Cua.33	Sông Đồng Tranh 1	692		1172060	635758	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171592	635662	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2873	7	PL09	1	18				CG.Rạch Tắc Cua.34	Sông Đồng Tranh 1	1.589		1171336	636365	Thạnh An, TP.	1171338	636365	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
2874	7	PL09	1	16				CG.Rạch Tắc Cua.35	Sông Đồng Tranh 1	435		1171105	636631	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170849	636399	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2875	7	PL09	1	17				CG.Rạch Tắc Cua.36	Sông Đồng Tranh 1	701		1171118	636416	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170811	635930	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2876	7	PL09	1	20	1			CG.Rạch Tắc Cua.37	Sông Đồng Tranh 1	396		1170890	636595	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170521	636535	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2877	7	PL09	1	20	PL 01	PL0 1		CG.Sông Gò Gia.28	Sông Đồng Tranh 1	1.244		1169826	636285	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170056	635284	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2878	7	PL09	1	20	PL 01			CG.Rạch Tắc Cua.38	Sông Đồng Tranh 1	1		1169690	636365	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170262	635857	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2879	7	PL09	1	20	PL 03			CG.Sông Gò Gia.29	Sông Đồng Tranh 1	1.226		1168729	636307	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169500	635916	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2880	7	PL09	1	20	PL 03	PL0 1		CG.Sông Gò Gia.30	Sông Đồng Tranh 1	565		1169170	635948	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169167	635952	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2881	7	PL09	1	53				CG.Sông Gò Gia.31	Sông Đồng Tranh 1	304		1168808	636109	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168954	635942	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2882	7	PL09	1	31	PL 01	2	2	CG.Sông Gò Gia.32	Sông Đồng Tranh 1	486		1168910	635613	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168627	635463	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2883	7	PL09	1	31	PL 01	2		CG.Sông Gò Gia.33	Sông Đồng Tranh 1	1.454		1168701	635653	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167677	635838	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2884	7	PL09	1	32				CG.Sông Gò Gia.34	Sông Đồng Tranh 1	472		1167864	636284	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167640	635908	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2885	7	PL09	1	29	PL 01			CG.Sông Gò Gia.35	Sông Đồng Tranh 1	648		1168584	635443	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168218	635041	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2886	7	PL09	1	30				CG.Sông Gò Gia.36	Sông Đồng Tranh 1	598		1168229	635006	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168363	634671	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2887	7	PL09	1	33				CG.Sông Gò Gia.37	Sông Đồng Tranh 1	476		1167559	636246	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167228	635967	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2888	7	PL09	1	34				CG.Sông Gò Gia.38	Sông Đồng Tranh 1	1.032		1167020	636107	Thạnh An, TP.	1167464	635816	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
2889	7	PL09	1	35				CG.Sông Gò Gia.39	Sông Đồng Tranh 1	640		1167558	636521	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167083	636178	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2890	7	PL09	1	36				CG.Sông Gò Gia.40	Sông Đồng Tranh 1	774		1167323	636645	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167030	636233	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2891	7	PL09	1	37	PL 01			CG.Sông Gò Gia.41	Sông Đồng Tranh 1	556		1165804	635508	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165540	635695	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2892	7	PL09	1	37				CG.Sông Gò Gia.42	Sông Đồng Tranh 1	1.535		1164815	635636	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165758	635317	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2893	7	PL09	1	21				CG.Rạch Tắc Cua.39	Sông Đồng Tranh 1	494		1169896	634091	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170302	634053	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2894	7	PL09	1	45				CG.Sông Gò Gia.43	Sông Đồng Tranh 1	253		1169831	634576	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170023	634423	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2895	7	PL09	1	23				CG.Rạch Tắc Cua.40	Sông Đồng Tranh 1	1.566		1171242	633066	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170307	632711	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2896	7	PL09	1	24				CG.Rạch Tắc Cua.41	Sông Đồng Tranh 1	925		1170728	633581	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170702	632955	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2897	7	PL09	1	72				CG.Ngọn Hốt Hỏa.2	Sông Đồng Tranh 1	532		1170208	633304	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170544	633611	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2898	7	PL09	1	69				CG.Rạch Ngọn Hốt Hỏa.2	Sông Đồng Tranh 1	1.361		1169645	632747	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170492	632155	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2899	7	PL41	12					CG.Tắc Bài.9	Sông Đồng Tranh 1	1.146		1168893	634101	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168744	633380	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2900	7	PL09	1	46				CG.Sông Gò Gia.44	Sông Đồng Tranh 1	579		1168484	634154	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168250	633670	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2901	7	PL09	1	73	PL 01			CG.Rạch Ông Cu.4	Sông Đồng Tranh 1	953		1170409	632129	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171037	632128	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2902	7	PL09	1	25				CG.Rạch Tắc Cua.42	Sông Đồng Tranh 1	701		1171365	632618	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171148	632071	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2903	7	PL41	7					CG.Tắc Bài.10	Sông Đồng Tranh 1	1.071		1171378	631347	Thạnh An, TP.	1170555	631434	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
2904	7	PL41	3					CG.Tắc Bài.11	Sông Đồng Tranh 1	482		1170479	631927	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170109	631896	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2905	7	PL41	7	PL 01				CG.Tắc Bài.12	Sông Đồng Tranh 1	825		1170879	631569	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171198	631117	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2906	7	PL41	7	PL 01	PL 01			CG.Tắc Bài.13	Sông Đồng Tranh 1	408		1171049	631377	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170711	631273	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2907	7	PL41	7	PL 01	1			CG.Tắc Bài.14	Sông Đồng Tranh 1	1.176		1170766	631188	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171193	630503	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2908	7	PL09	1	22				CG.Rạch Tắc Cua.43	Sông Đồng Tranh 1	734		1171940	631001	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171296	630722	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2909	7	PL09	1	22	PL 02			CG.Rạch Tắc Cua.44	Sông Đồng Tranh 1	633		1171424	630834	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1172024	630704	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2910	7	PL09	1	28				CG.Rạch Tắc Cua.45	Sông Đồng Tranh 1	454		1171676	630340	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171983	630163	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2911	7	PL41	8	PL 01				CG.Tắc Bài.15	Sông Đồng Tranh 1	797		1171559	630304	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171012	629910	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2912	7	PL41	10					CG.Tắc Bài.16	Sông Đồng Tranh 1	713		1170759	629976	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170191	630106	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2913	7	PL09	1	96				CG.Rạch Đuôi Cá.3	Sông Đồng Tranh 1	780		1170621	629500	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170240	628852	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2914	7	PL09	1	96	1			CG.Rạch Đuôi Cá.4	Sông Đồng Tranh 1	604		1170229	629432	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170265	629030	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
2915	7	PL71	74	PL 01				CG.Kênh Đào.4	Sông Soài Rạp	1.026		1178795	610430	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178168	610054	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2916	7	PL71	71					CG.Tắc Sông Chà.3	Sông Soài Rạp	482		1178818	611175	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179114	610979	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2917	7	PL71	80					CG.Rạch Cá Đôi	Sông Soài Rạp	377		1178046	611298	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178198	611009	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2918	7	PL71	70					CG.Sông Chà.2	Sông Soài Rạp	322		1178818	611505	Bình Khánh, TP. Hồ	1179096	611406	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2919	7	PL71	68					CG.Sông Chà.3	Sông Soài Rạp	631		1179369	612176	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178922	611773	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2920	7	PL71	67					CG.Sông Chà.4	Sông Soài Rạp	694		1178702	611836	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178553	611997	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2921	7	PL71	66					CG.Sông Chà.5	Sông Soài Rạp	743		1178669	612446	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178063	612033	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2922	7	PL71	65					CG.Sông Chà.6	Sông Soài Rạp	794		1178106	611915	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177803	611273	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2923	7	PL71	64					CG.Sông Chà.7	Sông Soài Rạp	1.211		1178040	612073	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177496	611390	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2924	7	PL71	63					CG.Rạch Sông Tần.2	Sông Soài Rạp	262		1176554	613429	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176524	613197	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2925	7	PL71	49					CG.Rạch Bông Giếng.3	Sông Soài Rạp	994		1175862	613688	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175346	613276	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2926	7	PL71	50					CG.Rạch Bông Giếng Nhỏ	Sông Soài Rạp	389		1175585	612898	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175747	612591	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2927	7	PL09	119					CG.Rạch Cây Dừa.9	Sông Lòng Tàu	1.15		1176803	614095	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176012	613620	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2928	7	PL09	120	PL 01	PL 01			CG.Rạch Cây Dừa.10	Sông Lòng Tàu	1.151		1176736	614547	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176018	613924	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2929	7	PL09	143					CG.Rạch Hú Hý	Sông Lòng Tàu	476		1179792	612648	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179780	612277	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2930	7	PL09	139					CG.Rạch Lắp Vòi.2	Sông Lòng Tàu	516		1179108	612725	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178897	612583	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2931	7	PL09	145					CG.Rạch Sáng Quán.2	Sông Lòng Tàu	352		1178690	613509	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178844	613354	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2932	7	PL09	146	PL 01				CG.Rạch Sáng Quán.3	Sông Lòng Tàu	371		1178422	613042	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178739	613000	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2933	7	PL09	146					CG.Rạch Sáng Quán.4	Sông Lòng Tàu	813		1178530	613238	Bình Khánh, TP. Hồ	1178636	612670	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2934	7	PL09	144	1				CG.Rạch Sáng Quán.1	Sông Lòng Tàu	740		1178829	613663	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178203	613655	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2935	7	PL09	144	1	PL 01			CG.Rạch Sáng Quán.2	Sông Lòng Tàu	289		1178375	613755	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178505	613551	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2936	7	PL09	147					CG.Rạch Sáng Quán.5	Sông Lòng Tàu	470		1177761	613619	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177778	613321	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2937	7	PL09	148					CG.Rạch Sáng Quán.6	Sông Lòng Tàu	440		1177521	613740	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177252	613471	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2938	7	PL09	149					CG.Rạch Sáng Quán.7	Sông Lòng Tàu	265		1177275	613811	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177099	613703	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2939	7	PL09	120	PL 01				CG.Kinh Ngay.3	Sông Lòng Tàu	1.009		1176764	614695	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177460	614137	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2940	7	PL09	120					CG.Rạch Cá Sức.1	Sông Lòng Tàu	1.425		1177311	615435	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177012	614592	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2941	7	PL09	120	1				CG.Rạch Cá Sức.2	Sông Lòng Tàu	1.005		1177346	615294	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176905	614437	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2942	7	PL31	27					CG.Rạch Bà Đua 1.2	Rạch Lá	327		1175637	614304	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175839	614169	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2943	7	PL09	129					CG.Rạch Đước 1.2	Sông Lòng Tàu	397		1175940	615408	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175930	615144	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2944	7	PL09	129	1				CG.Rạch Đước 1.3	Sông Lòng Tàu	354		1176198	615623	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176062	615346	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2945	7	PL09	126					CG.Kênh Ông Cả.2	Sông Lòng Tàu	976		1176620	615788	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176560	615239	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2946	7	PL09	126	1				CG.Kênh Ông Cả.3	Sông Lòng Tàu	580		1176381	615430	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176783	615014	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2947	7	PL09	140					CG.Rạch Bà Tân	Sông Lòng Tàu	353		1178617	614044	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178907	613981	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2948	7	PL09	133	PL 01				CG.Kinh Ngay.4	Sông Lòng Tàu	1.086		1178118	614400	Bình Khánh, TP. Hồ	1178895	614490	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2949	7	PL09	136					CG.Kinh Ngay.5	Sông Lòng Tàu	384		1177743	614303	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177985	614205	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2950	7	PL09	42					CG.Rạch Cá Sức.3	Sông Lòng Tàu	1.610		1177348	615457	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178350	614804	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2951	7	PL09	134					CG.Kinh Ngay.6	Sông Lòng Tàu	572		1177798	615028	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178046	614569	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2952	7	PL09	127	PL 01	PL 01	PL0 1		CG.Rạch Cá Sức.4	Sông Lòng Tàu	204		1177475	614621	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177591	614774	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2953	7	PL09	127	PL 01	PL 01			CG.Rạch Cá Sức.5	Sông Lòng Tàu	575		1177266	614777	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177419	614532	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2954	7	PL09	127	PL 01				CG.Rạch Cá Sức.6	Sông Lòng Tàu	647		1177453	615071	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177174	614510	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2955	7	PL09	118					CG.Rạch Cây Dừa.11	Sông Lòng Tàu	369		1176931	614068	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177194	614086	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2956	7	PL31	28					CG.Rạch Bà Đua 1.3	Rạch Lá	473		1175033	614164	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175459	613975	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2957	7	PL71	48					CG.Rạch Bà Hớn.1	Sông Soài Rạp	2.196		1175053	611994	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174566	612328	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2958	7	PL31	29					CG.Rạch Bà Đua 2	Rạch Lá	1.101		1174853	613884	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174450	613516	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2959	7	PL09	131					CG.Rạch Dà Đo 1.4	Sông Lòng Tàu	1.209		1175007	617002	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174719	616101	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2960	7	PL09	153					Rạch Cá Gấu	Đường Rừng Sác	3.028		1175548	616149	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173735	615926	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2961	7	PL31	5	1				CG.Rạch Lá.6	Rạch Lá	680		1174066	616505	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173629	616114	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2962	7	PL71	41	PL 01				CG.Rạch Sâu.2	Sông Soài Rạp	343		1173241	615188	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173001	614963	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2963	7	PL31	8					CG.Rạch Lá.7	Rạch Lá	1.665		1172941	615448	Bình Khánh, TP. Hồ	1171972	615312	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2964	7	PL31	8	1				CG.Rạch Lá.8	Rạch Lá	575		1172554	615662	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172903	615434	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2965	7	PL09	85					CG.Rạch An Nghĩa.12	Sông Lòng Tàu	1.032		1172082	615839	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172856	615929	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2966	7	PL31	19					CG.Rạch Dà Đo 2.1	Rạch Lá	628		1173941	617008	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173924	616748	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2967	7	PL31	18	1				CG.Rạch Dà Đo 2.2	Rạch Lá	880		1174389	617489	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174066	617138	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2968	7	PL31	35					CG.Rạch Bà Xáng	Rạch Lá	441		1173484	617620	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173832	617408	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2969	7	PL31	16					CG.Rạch Cát.2	Rạch Lá	1.928		1174098	618742	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175151	617655	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2970	7	PL31	17					CG.Rạch Cát.3	Rạch Lá	883		1174181	618920	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174691	619326	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
2971	7	PL31	3					CG.Tắc Tây Đen.4	Rạch Lá	785		1173425	619001	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173835	618780	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2972	7	PL09	1	180				CG.Sông Đồng Tranh 1.12	Sông Đồng Tranh 1	527		1176482	620228	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176593	619832	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2973	7	PL09	1	179				CG.Sông Đồng Tranh 1.13	Sông Đồng Tranh 1	3.272		1175277	620562	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176596	620285	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2974	7	PL09	2					CG.Sông Lòng Tàu.16	Sông Lòng Tàu	1.330		1175816	620140	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175017	619991	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2975	7	PL09	3					CG.Sông Lòng Tàu.17	Sông Lòng Tàu	1.015		1175623	621034	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175672	620278	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2976	7	PL39	132					CG.Rạch Ngã Bắc.6	Sông Dừa	252		1174669	623698	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174775	623472	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2977	7	PL39	97					CG.Rạch Dừa Chà Là.4	Sông Dừa	806		1174456	623469	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173841	623750	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2978	7	PL39	98					CG.Rạch Dừa Chà Là.5	Sông Dừa	366		1173844	623672	Bình Khánh, TP. Hồ	1174045	623382	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2979	7	PL39	93					CG.Rạch Dừa Chà Là.6	Sông Dừa	558		1173765	623310	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173845	622930	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2980	7	PL09	4					CG.Sông Lòng Tàu.18	Sông Lòng Tàu	286		1174309	622024	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174144	621813	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2981	7	PL09	5					CG.Sông Lòng Tàu.19	Sông Lòng Tàu	409		1174105	622159	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174039	621800	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2982	7	PL09	6					CG.Sông Lòng Tàu.20	Sông Lòng Tàu	464		1173845	622405	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173552	622091	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2983	7	PL09	7					CG.Sông Lòng Tàu.21	Sông Lòng Tàu	387		1173444	622578	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173327	622238	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2984	7	PL09	8					CG.Sông Lòng Tàu.22	Sông Lòng Tàu	284		1173235	622597	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173073	622398	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2985	7	PL39	55					CG.Rạch Tắc Rỗi.4	Sông Dừa	1.557		1172185	623589	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172833	623382	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2986	7	PL39	55	PL 02				CG.Rạch Tắc Bé.8	Sông Dừa	578		1172759	623142	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172927	622861	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2987	7	PL39	91	PL 01				CG.Rạch Dừa Chà Là.7	Sông Dừa	1.536		1173411	624238	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172865	623575	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2988	7	PL39	91	PL 01	PL 04			CG.Rạch Tắc Bé.9	Sông Dừa	602		1173130	623382	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173006	623140	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2989	7	PL39	102					CG.Rạch Tắc Bé.10	Sông Dừa	676		1172807	623722	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172185	623594	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2990	7	PL39	55	PL 03				CG.Rạch Tắc Bé.11	Sông Dừa	204		1172522	622899	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172592	622755	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2991	7	PL09	9					CG.Sông Lòng Tàu.23	Sông Lòng Tàu	310		1172681	622540	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172501	622325	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2992	7	PL09	10					CG.Sông Lòng Tàu.24	Sông Lòng Tàu	402		1172412	622545	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172379	622261	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2993	7	PL39	52					CG.Rạch Tắc Rỗi.5	Sông Dừa	604		1171898	622127	Bình Khánh, TP. Hồ	1172287	622449	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
2994	7	PL39	53					CG.Rạch Tắc Rỗi.6	Sông Dừa	354		1172052	624753	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172280	624728	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2995	7	PL39	101					CG.Rạch Tắc Bé.12	Sông Dừa	676		1172077	624363	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172559	624140	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2996	7	PL39	92					CG.Rạch Dừa Chà Là.8	Sông Dừa	580		1173551	623528	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173761	623926	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2997	7	PL39	91	PL 01	PL 01			CG.Rạch Dừa Chà Là.9	Sông Dừa	291		1173404	624104	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173553	623886	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2998	7	PL09	1	152	PL 01			CG.Rạch Vàm Tượng.8	Sông Đồng Tranh 1	528		1175607	624591	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175607	624591	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
2999	7	PL09	1	157	PL 02			CG.Sông Đồng Tranh 1.14	Sông Đồng Tranh 1	647		1174988	625892	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174651	625591	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3000	7	PL39	95					CG.Rạch Dừa Chà Là.10	Sông Dừa	1.058		1173380	625571	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174283	625387	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3001	7	PL39	28					CG.Sông Dừa.4	Sông Dừa	680		1173425	626304	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173689	625903	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3002	7	PL39	29					CG.Sông Dừa.5	Sông Dừa	892		1173294	626423	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173065	625679	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3003	7	PL09	1	158				CG.Sông Đồng Tranh 1.15	Sông Đồng Tranh 1	381		1172908	626578	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173161	626811	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3004	7	PL09	1	133				CG.Rạch Bà Kiên.3	Sông Đồng Tranh 1	648		1172386	626731	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172922	626692	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3005	7	PL09	1	124	PL 01			CG.Rạch Tắc Bà Kiên.3	Sông Đồng Tranh 1	533		1172353	627138	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172167	626732	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3006	7	PL09	1	124	PL 02			CG.Rạch Tắc Bà Kiên.4	Sông Đồng Tranh 1	251		1172385	627112	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172603	627026	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3007	7	PL09	1	124				CG.Rạch Tắc Bà Kiên.5	Sông Đồng Tranh 1	649		1172329	627201	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172761	627085	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3008	7	PL09	1	125				CG.Rạch Tắc Bà Kiên.6	Sông Đồng Tranh 1	752		1171955	627409	Bình Khánh, TP. Hồ	1171968	627134	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3009	7	PL09	1	125	1			CG.Rạch Tắc Bà Kiên.7	Sông Đồng Tranh 1	470		1171984	627658	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172263	627328	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3010	7	PL39	31					CG.Sông Dừa.6	Sông Dừa	586		1171993	626289	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172214	625809	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3011	7	PL09	1	132				CG.Rạch Bà Kiên.4	Sông Đồng Tranh 1	326		1172160	626452	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172101	626143	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3012	7	PL09	1	131				CG.Rạch Bà Kiên.5	Sông Đồng Tranh 1	500		1172171	626059	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171755	625876	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3013	7	PL09	1	134	PL 02			CG.Rạch Tắc Cầu Kho.9	Sông Đồng Tranh 1	1.391		1171070	626377	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171636	626256	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3014	7	PL09	1	136				CG.Rạch Tắc Cầu Kho.10	Sông Đồng Tranh 1	331		1171535	626099	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171844	626140	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3015	7	PL39	32					CG.Sông Dừa.7	Sông Dừa	384		1171883	625892	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171989	625527	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3016	7	PL09	1	135				CG.Rạch Tắc Cầu Kho.11	Sông Đồng Tranh 1	570		1171242	625981	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171024	625580	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3017	7	PL09	1	139	1			CG.Rạch Tắc Cầu Kho.12	Sông Đồng Tranh 1	957		1170374	626610	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170906	626017	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3018	7	PL09	1	139				CG.Rạch Tắc Cầu Kho.13	Sông Đồng Tranh 1	1.114		1170148	626278	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170940	625891	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3019	7	PL09	1	139	PL 01			CG.Rạch Tắc Cầu Kho.14	Sông Đồng Tranh 1	993		1170349	626122	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170751	625944	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3020	7	PL39	20					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.5	Sông Dừa	1.028		1170421	625215	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170945	625571	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3021	7	PL39	21					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.6	Sông Dừa	377		1170351	625275	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170546	625479	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3022	7	PL39	17					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.7	Sông Dừa	814		1170123	625139	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170123	625139	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3023	7	PL39	15					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.8	Sông Dừa	490		1170348	625534	Bình Khánh, TP. Hồ	1169934	625301	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3024	7	PL39	19					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.9	Sông Dừa	473		1170770	625100	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170746	624773	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3025	7	PL39	19	PL 01				CG.Rạch Tắc Ăn Tết.10	Sông Dừa	409		1170950	625332	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170713	625151	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3026	7	PL39	22					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.11	Sông Dừa	263		1171292	625605	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171166	625395	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3027	7	PL09	1	159	PL 01			CG.Sông Đồng Tranh 1.16	Sông Đồng Tranh 1	346		1172692	628216	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172527	628037	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3028	7	PL09	1	159				CG.Sông Đồng Tranh 1.17	Sông Đồng Tranh 1	1.022		1172058	627910	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172865	628254	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3029	7	PL09	1	104	1			CG.Rạch Thầy Ba.7	Sông Đồng Tranh 1	834		1172445	628228	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171721	628405	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3030	7	PL09	1	113				CG.Rạch Thầy Ba.8	Sông Đồng Tranh 1	919		1171667	627931	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171458	627150	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3031	7	PL09	1	115				CG.Rạch Gia Cua.5	Sông Đồng Tranh 1	476		1171520	627403	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171954	627408	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3032	7	PL09	1	120				CG.Rạch Gia Cua.6	Sông Đồng Tranh 1	439		1171567	627190	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171527	626811	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3033	7	PL09	1	119				CG.Rạch Gia Cua.7	Sông Đồng Tranh 1	549		1171272	627054	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170935	626768	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3034	7	PL09	1	140				CG.Rạch Tắc Cầu Kho.15	Sông Đồng Tranh 1	405		1170977	626958	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170765	626685	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3035	7	PL09	1	126				CG.Rạch Tắc Bà Kiên.8	Sông Đồng Tranh 1	366		1171952	627128	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171639	627075	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3036	7	PL09	1	160	1			CG.Sông Đồng Tranh 1.18	Sông Đồng Tranh 1	693		1172533	628999	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172242	628418	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3037	7	PL09	1	105	PL02			CG.Rạch Thầy Ba.9	Sông Đồng Tranh 1	670		1171830	629228	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172397	628917	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3038	7	PL09	1	160	1	PL01		CG.Sông Đồng Tranh 1.19	Sông Đồng Tranh 1	201		1172336	628743	Bình Khánh, TP. Hồ	1172162	628644	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3039	7	PL09	1	104				CG.Rạch Thầy Ba.10	Sông Đồng Tranh 1	937		1172352	628823	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171653	628319	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3040	7	PL09	1	105				CG.Rạch Thầy Ba.11	Sông Đồng Tranh 1	719		1171804	629468	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172044	628834	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3041	7	PL09	1	105	PL 01			CG.Rạch Thầy Ba.12	Sông Đồng Tranh 1	541		1171862	629076	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171500	629025	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3042	7	PL09	1	105	1			CG.Rạch Thầy Ba.13	Sông Đồng Tranh 1	281		1171943	629503	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171840	629288	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3043	7	PL09	1	106				CG.Rạch Thầy Ba.14	Sông Đồng Tranh 1	438		1171435	628857	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171813	628752	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3044	7	PL09	1	103	1			CG.Rạch Thầy Ba.15	Sông Đồng Tranh 1	341		1172072	628044	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171775	628127	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3045	7	PL09	1	103				CG.Rạch Thầy Ba.16	Sông Đồng Tranh 1	534		1171705	628175	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171827	627730	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3046	7	PL09	1	107				CG.Rạch Thầy Ba.17	Sông Đồng Tranh 1	368		1171752	628658	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171417	628578	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3047	7	PL09	1	109				CG.Rạch Thầy Ba.18	Sông Đồng Tranh 1	357		1171255	628241	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171272	627901	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3048	7	PL09	1	108				CG.Rạch Thầy Ba.19	Sông Đồng Tranh 1	563		1170890	628997	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171391	628764	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3049	7	PL09	1	161				CG.Sông Đồng Tranh 1.20	Sông Đồng Tranh 1	370		1171184	629136	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171260	628839	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3050	7	PL09	1	108	1			CG.Rạch Thầy Ba.20	Sông Đồng Tranh 1	560		1170878	628904	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171319	628782	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3051	7	PL39	139					CG.Rạch Gốc Tre.3	Sông Dừa	723		1169978	621547	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170378	621200	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3052	7	PL39	54					CG.Rạch Tắc Rỗi.10	Sông Dừa	586		1171457	622074	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171382	621665	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3053	7	PL39	54	PL 01				CG.Rạch Tắc Rỗi.11	Sông Dừa	205		1171267	621905	Bình Khánh, TP. Hồ	1171074	621874	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3054	7	PL39	140	1				CG.Rạch Giữa.1	Sông Dừa	399		1170448	622540	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170102	622492	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3055	7	PL39	140	PL 01				CG.Rạch Giữa.2	Sông Dừa	399		1170120	622476	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170159	622107	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3056	7	PL39	83	PL 01				CG.Rạch Ăn Thịt.3	Sông Dừa	826		1169756	622100	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169132	622248	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3057	7	PL39	37					CG.Sông Dừa.15	Sông Dừa	477		1169425	624029	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169437	623580	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3058	7	PL39	148					CG.Rạch Cá Nhám 1.3	Sông Dừa	391		1169183	623551	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169521	623434	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3059	7	PL39	149					CG.Rạch Cá Nhám 1.4	Sông Dừa	455		1169127	623352	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169423	623186	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3060	7	PL39	112					CG.Rạch Tắc Lớn.11	Sông Dừa	467		1168723	622119	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168437	622286	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3061	7	PL39	133					CG.Rạch Cá Nhám 1.5	Sông Dừa	420		1168632	622585	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168326	622557	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3062	7	PL39	134					CG.Rạch Cá Nhám 1.6	Sông Dừa	868		1168371	623102	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168447	623088	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3063	7	PL39	116					CG.Rạch Bắc Ngoại.7	Sông Dừa	2.242		1167633	623594	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169149	623608	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3064	7	PL39	135					CG.Rạch Cá Nhám 1.7	Sông Dừa	496		1169125	623919	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168691	623765	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3065	7	PL39	38					CG.Sông Dừa.16	Sông Dừa	686		1168968	624296	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168968	624297	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3066	7	PL42	43					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.11	Sông Vàm Sát	699		1160752	612422	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161372	612559	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3067	7	PL42	27					CG.Rạch Cá Ngáy Lớn.1	Sông Cát Lái	731		1157921	615638	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158299	616229	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3068	7	PL42	44					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.12	Sông Vàm Sát	722		1161211	612895	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160634	612629	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3069	7	PL42	53	PL 01				CG.Tắc Lý Trượng	Sông Cát Lái	496		1156193	615661	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156455	615318	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3070	7	PL42	47					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.4	Sông Cát Lái	1.038		1158848	612371	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158799	612177	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3071	7	PL09	1	183				CG.Sông Mũi Nai.1	Sông Đồng Tranh 2	898		1159513	621692	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159835	620853	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3072	7	PL54	1					CG.Sông Dinh Bà 1.13	Sông Dinh Bà	609		1160696	620165	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160398	620628	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3073	7	PL09	1	184				CG.Sông Mũi Nai.2	Sông Đồng Tranh 2	946		1157313	622306	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156907	621662	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3074	7	PL53	PL01	1				CG.Rạch Bà Yến.1	Sông Cá Gau	332		1156256	626778	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1156510	626742	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3075	7	PL65	10					CG.Sông Ông Tiên.1	Sông Hào Võ	320		1159245	626811	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159112	627087	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3076	7	PL48	4	PL 01				CG.Sông Mùng Năm.6	Sông Dần Xây	579		1161044	625806	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160822	626341	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3077	7	PL65	9					CG.Rạch Dầm.8	Sông Hào Võ	582		1160597	626838	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160586	627411	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3078	7	PL09	160					CG.Tắc Cống.18	Sông Lòng Tàu	523		1160189	628051	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160446	628343	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3079	7	PL61	5					Rạch Ba Giồng	Khu dân cư	359		1158989	633043	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1159177	632748	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3080	7	PL61	4					CG.Sông Tắc Đèn.2	Sông Ngã Bảy	993		1158173	632699	Thạnh An, TP.	1158198	633173	Thạnh An,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
3081	7	PL55	1					CG.Sông Hà Thanh.2	Sông Hà Thanh	855		1149731	627270	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150070	626513	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3082	7	PL09	1	112				CG.Rạch Thầy Ba.21	Sông Đồng Tranh 1	619		1171362	628521	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170787	628472	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3083	7	PL09	1	111				CG.Sông Đồng Tranh 1.21	Sông Đồng Tranh 1	1.367		1170619	628640	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171240	627872	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3084	7	PL09	1	111	PL 01			CG.Rạch Thầy Ba.22	Sông Đồng Tranh 1	266		1170912	628004	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171068	627845	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3085	7	PL09	1	162				CG.Sông Đồng Tranh 1.22	Sông Đồng Tranh 1	830		1170304	628206	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170791	628149	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3086	7	PL09	1	141				CG.Rạch Tắc Cầu Kho.16	Sông Đồng Tranh 1	606		1170298	627327	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169807	627132	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3087	7	PL39	16					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.12	Sông Dừa	563		1169762	625893	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169903	625379	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3088	7	PL39	23					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.13	Sông Dừa	715		1169216	625473	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169139	625863	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3089	7	PL39	25					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.14	Sông Dừa	678		1169236	626271	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168812	625931	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3090	7	PL39	18					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.15	Sông Dừa	338		1169845	624975	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170165	624920	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3091	7	PL39	36					CG.Sông Dừa.8	Sông Dừa	462		1170353	624769	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170080	624646	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3092	7	PL39	14	PL 01				CG.Sông Dừa.9	Sông Dừa	608		1169881	624799	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169760	624302	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3093	7	PL39	78					CG.Rạch Đước 2.4	Sông Dừa	2.757		1171875	624781	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171789	623200	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3094	7	PL39	49					CG.Rạch Tắc Rỗi.7	Sông Dừa	422		1171926	623939	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171587	623887	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3095	7	PL39	50					CG.Rạch Tắc Rỗi.8	Sông Dừa	494		1171908	624196	Bình Khánh, TP. Hồ	1171619	623928	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3096	7	PL39	51					CG.Rạch Tắc Rỗi.9	Sông Dừa	365		1171905	624345	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171628	624142	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3097	7	PL39	78	PL 01	1			CG.Tắc Định Cậu.1	Sông Dừa	764		1170801	623176	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171143	622664	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3098	7	PL39	78	PL 01				CG.Tắc Định Cậu.2	Sông Dừa	364		1171374	623216	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171056	623067	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3099	7	PL39	77	1				CG.Rạch Đước 2.5	Sông Dừa	369		1171358	623533	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171114	623464	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3100	7	PL39	77					CG.Rạch Đước 2.6	Sông Dừa	947		1171227	623888	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170896	623204	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3101	7	PL39	76					CG.Rạch Đước 2.7	Sông Dừa	497		1170276	624088	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170051	623763	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3102	7	PL39	77	PL 01	PL 01	PL0 1		CG.Tắc Định Cậu.3	Sông Dừa	548		1170618	623822	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170328	623475	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3103	7	PL39	79					CG.Tắc Định Cậu.4	Sông Dừa	593		1170968	623564	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170489	623366	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3104	7	PL39	33					CG.Sông Dừa.10	Sông Dừa	446		1171461	624914	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171456	624661	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3105	7	PL39	34					CG.Sông Dừa.11	Sông Dừa	409		1171223	624751	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171326	624458	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3106	7	PL39	41					CG.Sông Dừa.12	Sông Dừa	397		1171067	624449	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171289	624382	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3107	7	PL39	35					CG.Sông Dừa.13	Sông Dừa	277		1170657	624375	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170779	624135	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3108	7	PL39	80					CG.Tắc Định Cậu.5	Sông Dừa	361		1170369	622944	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170715	622903	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3109	7	PL39	81	PL 01				CG.Tắc Định Cậu.6	Sông Dừa	685		1171039	622374	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170618	621996	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3110	7	PL39	81	PL 01	PL 01			CG.Tắc Định Cậu.7	Sông Dừa	325		1170953	622328	Bình Khánh, TP. Hồ	1170753	622089	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3111	7	PL09	1	94				Ngọn Nhau Mèo	Sông Đồng Tranh 1	2.232		1169796	631902	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170535	631190	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3112	7	PL41	4					CG.Tắc Bài.18	Sông Đồng Tranh 1	388		1170013	631705	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170101	631347	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3113	7	PL41	5					CG.Tắc Bài.19	Sông Đồng Tranh 1	832		1169887	631814	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170140	631057	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3114	7	PL09	1	87				CG.Rạch Đuôi Cá.5	Sông Đồng Tranh 1	422		1169576	631430	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169487	631082	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3115	7	PL09	1	88				CG.Rạch Đuôi Cá.6	Sông Đồng Tranh 1	1.224		1169600	631468	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168800	631122	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3116	7	PL09	1	89				CG.Rạch Đuôi Cá.7	Sông Đồng Tranh 1	365		1169115	631312	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168839	631096	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3117	7	PL41	6					CG.Tắc Bài.20	Sông Đồng Tranh 1	858		1169454	632210	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169140	631476	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3118	7	PL09	1	79				CG.Tắc Bức Mây.5	Sông Đồng Tranh 1	1.256		1169416	632276	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168279	631972	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3119	7	PL09	1	80				CG.Tắc Bức Mây.6	Sông Đồng Tranh 1	623		1168342	631748	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168887	631748	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3120	7	PL09	1	74				CG.Tắc Bức Mây.7	Sông Đồng Tranh 1	737		1168189	632510	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168867	632421	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3121	7	PL09	1	94	PL 01			CG.Rạch Đuôi Cá.8	Sông Đồng Tranh 1	1.725		1170207	630850	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169660	629574	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3122	7	PL09	1	95				CG.Rạch Đuôi Cá.9	Sông Đồng Tranh 1	339		1169680	629357	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169939	629349	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3123	7	PL09	1	97				CG.Rạch Đuôi Cá.10	Sông Đồng Tranh 1	361		1169951	629749	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170077	629425	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3124	7	PL41	11	1				CG.Tắc Bài.21	Sông Đồng Tranh 1	871		1170615	629582	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170090	629832	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3125	7	PL41	11					CG.Tắc Bài.22	Sông Đồng Tranh 1	941		1170171	629590	Thạnh An, TP.	1170119	629239	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
3126	7	PL09	1	85				CG.Tắc Bức Mây.8	Sông Đồng Tranh 1	223		1168378	631132	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168374	630937	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3127	7	PL09	1	99				CG.Rạch Đuôi Cá.11	Sông Đồng Tranh 1	751		1168417	631322	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168227	630656	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3128	7	PL09	1	86				CG.Tắc Bức Mây.9	Sông Đồng Tranh 1	490		1167998	631032	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168019	630560	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3129	7	PL09	1	75				CG.Tắc Bức Mây.10	Sông Đồng Tranh 1	348		1168049	632650	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167963	632438	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3130	7	PL09	1	76				CG.Tắc Bức Mây.11	Sông Đồng Tranh 1	695		1167499	632669	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168058	632718	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3131	7	PL09	1	91	PL 01			CG.Rạch Đuôi Cá.12	Sông Đồng Tranh 1	671		1169135	629729	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169317	630172	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3132	7	PL09	1	82				CG.Tắc Bức Mây.12	Sông Đồng Tranh 1	412		1168076	630489	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167735	630336	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3133	7	PL09	1	168				CG.Sông Đồng Tranh 1.23	Sông Đồng Tranh 1	287		1167891	629728	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168171	629692	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3134	7	PL09	1	167				CG.Sông Đồng Tranh 1.24	Sông Đồng Tranh 1	1.016		1168046	630224	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167622	629550	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3135	7	PL09	1	83				CG.Tắc Bức Mây.13	Sông Đồng Tranh 1	376		1167604	629964	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167246	629955	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3136	7	PL09	1	91	1			CG.Rạch Đuôi Cá.13	Sông Đồng Tranh 1	351		1168814	630002	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169045	629755	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3137	7	PL09	1	92				CG.Rạch Đuôi Cá.14	Sông Đồng Tranh 1	290		1169862	630145	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169615	630026	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3138	7	PL09	1	93				CG.Rạch Đuôi Cá.15	Sông Đồng Tranh 1	432		1169609	630040	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169535	630397	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3139	7	PL09	1	91				CG.Rạch Đuôi Cá.16	Sông Đồng Tranh 1	1.425		1169645	629512	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168476	629703	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3140	7	PL09	1	165				CG.Sông Đồng Tranh 1.25	Sông Đồng Tranh 1	475		1169215	628520	Thạnh An, TP.	1168818	628489	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
3141	7	PL09	1	166	1			CG.Sông Đồng Tranh 1.26	Sông Đồng Tranh 1	237		1169102	628966	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168876	628934	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3142	7	PL09	1	166				CG.Sông Đồng Tranh 1.27	Sông Đồng Tranh 1	691		1168747	629330	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168744	628776	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3143	7	PL09	1	164				CG.Sông Đồng Tranh 1.28	Sông Đồng Tranh 1	816		1170123	628498	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169488	628624	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3144	7	PL09	1	148				CG.Rạch Con Chó.3	Sông Đồng Tranh 1	744		1168614	627551	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169062	627244	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3145	7	PL39	9	1				CG.Rạch Mu Rùa.1	Sông Dừa	1.058		1168205	627416	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167980	626624	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3146	7	PL39	10					CG.Rạch Mu Rùa.2	Sông Dừa	1		1167703	627099	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167448	626615	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3147	7	PL09	1	146				CG.Rạch Con Chó.4	Sông Đồng Tranh 1	1.149		1167238	627574	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167435	626858	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3148	7	PL39	11					CG.Rạch Mu Rùa.3	Sông Dừa	1.646		1169365	626659	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169320	626652	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3149	7	PL39	24					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.16	Sông Dừa	884		1168803	626571	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169044	625791	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3150	7	PL09	1	142	PL 01			CG.Rạch Tắc Cầu Kho.17	Sông Đồng Tranh 1	530		1169578	626536	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169246	626811	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3151	7	PL39	26					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.17	Sông Dừa	539		1169073	626288	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168663	626090	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3152	7	PL39	12					CG.Rạch Mu Rùa.4	Sông Dừa	406		1167757	626589	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167678	626290	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3153	7	PL39	27					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.18	Sông Dừa	401		1167469	626349	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167609	625984	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3154	7	PL09	1	173				CG.Sông Đồng Tranh 1.29	Sông Đồng Tranh 1	1.329		1168385	628686	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167854	628318	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3155	7	PL09	1	149				CG.Rạch Con Chó.5	Sông Đồng Tranh 1	334		1168070	628047	Bình Khánh, TP. Hồ	1167765	628021	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3156	7	PL09	1	173	PL 01			CG.Sông Đồng Tranh 1.30	Sông Đồng Tranh 1	361		1168240	628446	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167941	628402	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3157	7	PL09	1	172				CG.Sông Đồng Tranh 1.31	Sông Đồng Tranh 1	809		1167712	629174	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167802	628479	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3158	7	PL09	1	174				CG.Sông Đồng Tranh 1.32	Sông Đồng Tranh 1	910		1167448	629189	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167336	628473	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3159	7	PL39	1	PL 01				CG.Rạch Tràm 1.1	Sông Dừa	437		1166784	628028	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167165	627853	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3160	7	PL39	2					CG.Rạch Tràm 1.2	Sông Dừa	317		1166778	628387	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166832	628095	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3161	7	PL39	3					CG.Rạch Tràm 1.3	Sông Dừa	379		1166451	628301	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166479	627954	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3162	7	PL39	4					CG.Rạch Tràm 1.4	Sông Dừa	394		1166714	627806	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166371	627654	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3163	7	PL39	5					CG.Rạch Tràm 1.5	Sông Dừa	411		1166084	627593	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165877	627837	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3164	7	PL39	6					CG.Rạch Tràm 1.6	Sông Dừa	373		1165449	626889	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165764	626875	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3165	7	PL39	7					CG.Rạch Tràm 1.7	Sông Dừa	599		1165129	626757	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165574	626529	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3166	7	PL39	8	PL 01				CG.Rạch Tràm 1.8	Sông Dừa	329		1165639	627300	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165715	627545	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3167	7	PL09	22	PL 01				CG.Sông Lòng Tàu.25	Sông Lòng Tàu	277		1165086	627192	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165263	627391	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3168	7	PL39	8					CG.Rạch Tràm 1.9	Sông Dừa	1.133		1164974	627405	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165976	627329	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3169	7	PL09	22					CG.Sông Lòng Tàu.26	Sông Lòng Tàu	388		1164935	627254	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165247	627043	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3170	7	PL39	46					CG.Sông Dừa.14	Sông Dừa	426		1165258	626958	Bình Khánh, TP. Hồ	1164887	626799	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3171	7	PL09	74					CG.Rạch Vọp.3	Sông Lòng Tàu	913		1174423	619891	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173808	619747	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3172	7	PL09	73	PL 01				CG.Rạch Vọp.4	Sông Lòng Tàu	426		1174182	620497	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174033	620250	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3173	7	PL09	39	2				CG.Rạch Vọp.5	Sông Lòng Tàu	3.487		1173434	621595	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173511	619263	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3174	7	PL09	39	PL 01				CG.Sông Lòng Tàu.27	Sông Lòng Tàu	358		1172938	621220	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173263	621261	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3175	7	PL09	39					CG.Sông Lòng Tàu.28	Sông Lòng Tàu	2.089		1172616	621845	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173319	620972	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3176	7	PL09	39	PL 03				CG.Rạch Vọp.6	Sông Lòng Tàu	427		1173020	620990	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172815	620649	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3177	7	PL09	39	PL 03	PL 01			CG.Rạch Vọp.7	Sông Lòng Tàu	293		1172970	620969	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173168	620821	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3178	7	PL09	67	PL 01				CG.Rạch Mương Bồng 1.3	Sông Lòng Tàu	526		1172507	620410	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172601	620085	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3179	7	PL09	67					CG.Rạch Mương Bồng 1.4	Sông Lòng Tàu	3.451		1172440	621668	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171797	620187	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3180	7	PL09	68					CG.Rạch Mương Bồng 1.5	Sông Lòng Tàu	1.53		1171479	621081	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171890	620426	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3181	7	PL09	39	PL 02				CG.Rạch Mương Bồng 1.6	Sông Lòng Tàu	2.153		1172782	621210	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171091	620503	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3182	7	PL09	87					CG.Rạch Móc Keo.2	Sông Lòng Tàu	1.579		1170793	619292	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171996	618919	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3183	7	PL09	38					CG.Sông Lòng Tàu.29	Sông Lòng Tàu	425		1170712	619822	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170980	619630	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3184	7	PL09	90	1				CG.Rạch Móc Keo.3	Sông Lòng Tàu	1.072		1172599	619375	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172661	618733	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3185	7	PL09	90	1	1			CG.Rạch Móc Keo.4	Sông Lòng Tàu	249		1172320	619215	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172558	619158	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3186	7	PL09	88					CG.Rạch Móc Keo.5	Sông Lòng Tàu	341		1171720	618833	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1172048	618766	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3187	7	PL09	91	2				CG.Rạch Tắc Bà Tùng.2	Sông Lòng Tàu	535		1171969	618401	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171640	618121	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3188	7	PL31	32					CG.Rạch Tàu Chìm.1	Rạch Lá	477		1172303	617576	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1172299	617776	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3189	7	PL09	86					CG.Rạch Tắc Bà Tùng.3	Sông Lòng Tàu	2.04		1171730	617773	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170636	617779	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3190	7	PL09	91	PL 01				CG.Rạch Tắc Bà Tùng.4	Sông Lòng Tàu	1.028		1171169	619210	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170683	618519	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3191	7	PL31	13					CG.Rạch Lá.9	Rạch Lá	2.249		1172643	616817	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174465	616083	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3192	7	PL71	46					CG.Rạch Bà Hớn.2	Sông Soài Rạp	498		1174365	612304	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173986	612242	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3193	7	PL31	12					CG.Rạch Lá.10	Rạch Lá	561		1174132	612577	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173663	612463	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3194	7	PL31	11					CG.Rạch Lá.11	Rạch Lá	520		1173261	613426	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172922	613097	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3195	7	PL71	44					CG.Rạch Mốp	Sông Soài Rạp	932		1172435	613632	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173134	613241	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3196	7	PL71	42					CG.Rạch Sâu.3	Sông Soài Rạp	1.194		1171796	613957	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172591	613334	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3197	7	PL71	77					CG.Kênh Bà Tống	Sông Soài Rạp	989		1171430	615086	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171682	614493	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3198	7	PL71	30					CG.Rạch Hóc Hỏa Lớn.2	Sông Soài Rạp	584		1170377	615317	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170343	614755	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3199	7	PL71	31					CG.Rạch Hóc Hỏa Lớn.3	Sông Soài Rạp	319		1170224	615125	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170209	614831	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3200	7	PL71	32	1				CG.Rạch Hóc Hỏa Lớn.4	Sông Soài Rạp	219		1170076	614917	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169873	614881	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3201	7	PL09	103					CG.Rạch Đồn.5	Sông Lòng Tàu	1.302		1168502	615298	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168990	614654	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3202	7	PL09	84					CG.Rạch An Nghĩa.13	Sông Lòng Tàu	1.935		1172016	615865	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171082	615317	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3203	7	PL09	84	1				CG.Rạch An Nghĩa.14	Sông Lòng Tàu	705		1171322	616145	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171373	615792	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3204	7	PL09	83					CG.Rạch An Nghĩa.15	Sông Lòng Tàu	471		1171027	615847	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170633	615687	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3205	7	PL31	33					CG.Rạch Tàu Chìm.2	Rạch Lá	535		1171540	616870	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171393	616687	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3206	7	PL09	81					CG.Rạch An Nghĩa.16	Sông Lòng Tàu	450		1170215	616273	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170441	616140	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3207	7	PL09	80					CG.Rạch An Nghĩa.17	Sông Lòng Tàu	897		1170474	616698	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169688	616754	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3208	7	PL09	80	1				CG.Rạch An Nghĩa.18	Sông Lòng Tàu	216		1169981	616900	An Thới	1169981	616900	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3209	7	PL09	78					CG.Rạch An Nghĩa.19	Sông Lòng Tàu	624		1170029	617504	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170410	617278	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3210	7	PL09	79					CG.Rạch An Nghĩa.20	Sông Lòng Tàu	354		1170024	617188	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170321	617086	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3211	7	PL09	76	PL 01				CG.Rạch An Nghĩa.21	Sông Lòng Tàu	432		1169984	617675	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170268	617597	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3212	7	PL09	46					CG.Sông Lòng Tàu.30	Sông Lòng Tàu	373		1169999	618345	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169849	618015	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3213	7	PL09	76	PL 04				CG.Rạch Đồn.6	Sông Lòng Tàu	731		1169807	618033	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169484	617495	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3214	7	PL09	76	PL 04	PL 01			CG.Rạch Đồn.7	Sông Lòng Tàu	202		1169681	617662	An Thới Đông, TP. Hồ	1169727	617491	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3215	7	PL09	76	PL 03	PL 01			CG.Rạch Đồn.8	Sông Lòng Tàu	577		1169765	617322	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169429	617065	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3216	7	PL09	13					CG.Sông Lòng Tàu.31	Sông Lòng Tàu	826		1170054	618939	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170409	619137	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3217	7	PL09	12					CG.Sông Lòng Tàu.32	Sông Lòng Tàu	834		1169818	620432	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170332	620052	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3218	7	PL39	85	PL 01				CG.Rạch Cái Đước.6	Sông Dừa	1.907		1168561	620365	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169195	619102	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3219	7	PL39	85	PL 01	1			CG.Rạch Cái Đước.7	Sông Dừa	1.451		1168802	620589	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169195	619989	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3220	7	PL39	85	PL 01	1	PL0 1		CG.Rạch Cái Đước.8	Sông Dừa	759		1169279	620391	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168584	620375	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3221	7	PL39	87					CG.Rạch Cái Đước.9	Sông Dừa	513		1168749	621018	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168747	620581	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3222	7	PL39	108					CG.Rạch Tắc Lớn.7	Sông Dừa	1.377		1168431	620328	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167791	621113	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3223	7	PL39	106	PL 01				CG.Rạch Tắc Lớn.8	Sông Dừa	404		1167532	620638	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167509	620303	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3224	7	PL39	106	PL 01	1			CG.Rạch Tắc Lớn.9	Sông Dừa	587		1167761	620593	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167473	620209	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3225	7	PL09	16					CG.Sông Lòng Tàu.33	Sông Lòng Tàu	588		1167746	620028	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167519	619688	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3226	7	PL39	106	PL 01	1	1		CG.Rạch Tắc Lớn.10	Sông Dừa	593		1167180	620294	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167658	620030	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3227	7	PL09	15					CG.Sông Lòng Tàu.34	Sông Lòng Tàu	1.087		1168764	619747	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168693	619127	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3228	7	PL39	90					CG.Rạch Cái Đước.10	Sông Dừa	1.646		1169359	621286	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170378	620331	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3229	7	PL39	90	1				CG.Rạch Cái Đước.11	Sông Dừa	882		1169565	620077	Bình Khánh, TP. Hồ	1169784	620765	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3230	7	PL39	137	1				CG.Rạch Gốc Tre.1	Sông Dừa	457		1170398	621837	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170256	621467	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3231	7	PL39	138					CG.Rạch Gốc Tre.2	Sông Dừa	408		1169844	621817	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169505	621647	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3232	7	PL39	42					CG.Sông Dừa.17	Sông Dừa	1.481		1168486	624082	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168486	624082	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3233	7	PL39	118					CG.Rạch Bắc Ngoại.8	Sông Dừa	557		1167983	623500	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167694	623399	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3234	7	PL39	119					CG.Rạch Bắc Ngoại.9	Sông Dừa	331		1167626	623411	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167847	623182	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3235	7	PL39	39					CG.Sông Dừa.18	Sông Dừa	1.307		1168383	625258	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168268	624269	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3236	7	PL39	40					CG.Sông Dừa.19	Sông Dừa	221		1168443	624452	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168240	624369	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3237	7	PL39	39	PL 02				CG.Sông Dừa.20	Sông Dừa	758		1168465	625033	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168136	624556	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3238	7	PL39	73					CG.Tắc Cá Đao.12	Sông Dừa	1.813		1168068	624580	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168068	624580	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3239	7	PL39	123					CG.Rạch Bắc Ngoại.10	Sông Dừa	596		1167732	623991	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167254	624131	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3240	7	PL39	125					CG.Rạch Cá Vồ.6	Sông Dừa	3.233		1166143	626375	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167505	624690	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3241	7	PL39	126					CG.Rạch Cá Vồ.7	Sông Dừa	749		1166400	625549	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165937	625242	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3242	7	PL39	104					CG.Rạch Tắc Lớn.12	Sông Dừa	548		1168559	621605	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168597	621589	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3243	7	PL39	109					CG.Rạch Tắc Lớn.13	Sông Dừa	500		1168668	621225	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168353	620980	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3244	7	PL39	110					CG.Rạch Tắc Lớn.14	Sông Dừa	445		1167955	621129	Bình Khánh, TP. Hồ	1168351	621099	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3245	7	PL61	22					CG.Rạch Cá Nhám 2.5	Sông Ngã Bảy	1.261		1166672	632435	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165755	631813	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3246	7	PL61	23					CG.Rạch Cá Nhám 2.6	Sông Ngã Bảy	387		1165960	632808	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165800	632482	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3247	7	PL61	24					CG.Rạch Cá Nhám 2.7	Sông Ngã Bảy	3.696		1165829	632749	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165830	632752	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3248	7	PL09	1	56	PL 01			CG.Tắc Đòi Nợ.2	Sông Đồng Tranh 1	1.729		1166400	633574	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167259	633249	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3249	7	PL09	1	56	PL 01	PL0 1		CG.Tắc Đòi Nợ.3	Sông Đồng Tranh 1	323		1167086	633207	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166913	632961	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3250	7	PL09	1	56				CG.Tắc Đòi Nợ.4	Sông Đồng Tranh 1	2.233		1165707	634707	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167088	633873	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3251	7	PL09	1	47				CG.Sông Gò Gia.45	Sông Đồng Tranh 1	246		1166038	634210	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166255	634108	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3252	7	PL09	1	48				CG.Sông Gò Gia.46	Sông Đồng Tranh 1	660		1165832	634354	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165816	633787	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3253	7	PL09	1	49				CG.Sông Gò Gia.47	Sông Đồng Tranh 1	618		1165164	634709	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165358	634245	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3254	7	PL09	1	50				CG.Sông Gò Gia.48	Sông Đồng Tranh 1	512		1166318	634810	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166312	634440	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3255	7	PL09	1	51				CG.Sông Gò Gia.49	Sông Đồng Tranh 1	486		1166655	634944	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166519	634715	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3256	7	PL09	1	52				CG.Sông Gò Gia.50	Sông Đồng Tranh 1	885		1167298	634998	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167103	634946	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3257	7	PL61	25					CG.Rạch Cá Nhám 2.8	Sông Ngã Bảy	501		1165366	633664	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164999	633401	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3258	7	PL61	26					CG.Rạch Cá Nhám 2.9	Sông Ngã Bảy	695		1164127	634253	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164353	634579	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3259	7	PL61	27					CG.Rạch Cá Nhám 2.10	Sông Ngã Bảy	2.358		1162950	634723	Thạnh An, TP.	1164742	634709	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
3260	7	PL61	28					CG.Rạch Cá Nhám 2.11	Sông Ngã Bảy	1.156		1162850	634432	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162541	633773	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3261	7	PL61	29					CG.Rạch Cá Nhám 2.12	Sông Ngã Bảy	364		1163273	633774	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1163108	633497	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3262	7	PL61	38	4				CG.Rạch Thiềng Liềng.4	Sông Ngã Bảy	660		1163365	633051	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1163420	632458	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3263	7	PL61	38	5				CG.Rạch Thiềng Liềng.5	Sông Ngã Bảy	386		1164560	632679	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164663	632425	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3264	7	PL61	39					CG.Tắc Cây	Sông Ngã Bảy	419		1164237	633181	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164390	632861	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3265	7	PL61	38	6				CG.Rạch Thiềng Liềng.6	Sông Ngã Bảy	3.615		1162705	633888	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164233	632363	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3266	7	PL61	30					CG.Rạch Cá Nhám 2.13	Sông Ngã Bảy	1.366		1161786	634112	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162692	633886	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3267	7	PL61	14					CG.Rạch Năm Mươi.5	Sông Ngã Bảy	200		1161635	633757	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1161465	633665	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3268	7	PL61	15					CG.Rạch Năm Mươi.6	Sông Ngã Bảy	2.045		1162292	633459	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1161353	633812	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3269	7	PL61	16					CG.Rạch Năm Mươi.7	Sông Ngã Bảy	1.252		1162030	633324	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1162716	633327	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3270	7	PL61	17					CG.Rạch Năm Mươi.8	Sông Ngã Bảy	437		1162035	632641	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1161635	632659	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3271	7	PL61	18					CG.Rạch Năm Mươi.9	Sông Ngã Bảy	768		1162170	632214	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1161748	631843	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3272	7	PL61	38	7				CG.Rạch Thiềng Liềng.7	Sông Ngã Bảy	448		1163231	632354	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1163287	631986	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3273	7	PL61	38	8				CG.Rạch Thiềng Liềng.8	Sông Ngã Bảy	315		1163616	632006	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1163470	631734	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3274	7	PL61	38	9				CG.Rạch Thiềng Liềng.9	Sông Ngã Bảy	466		1164146	632232	Thạnh An, TP.	1164082	631808	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
3275	7	PL61	50	2				CG.Rạch Ông Mung.2	Sông Ngã Bảy	1.819		1164655	631472	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164621	630620	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3276	7	PL61	50	3				CG.Rạch Ông Mung.3	Sông Ngã Bảy	329		1164720	631344	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164446	631226	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3277	7	PL61	50	4				CG.Rạch Ông Mung.4	Sông Ngã Bảy	489		1164953	630856	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164602	630611	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3278	7	PL61	45					CG.Sông Ngã Bảy.6	Sông Ngã Bảy	637		1164465	630107	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164907	630284	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3279	7	PL61	46					CG.Sông Ngã Bảy.7	Sông Ngã Bảy	536		1164877	630177	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164502	630423	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3280	7	PL09	1	169				CG.Sông Đồng Tranh 1.33	Sông Đồng Tranh 1	803		1166679	629433	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166569	630137	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3281	7	PL09	1	169	PL 01			CG.Sông Đồng Tranh 1.34	Sông Đồng Tranh 1	434		1166545	629714	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166135	629811	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3282	7	PL09	1	175				CG.Sông Đồng Tranh 1.35	Sông Đồng Tranh 1	796		1166931	629153	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166581	628880	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3283	7	PL09	1	170				CG.Sông Đồng Tranh 1.36	Sông Đồng Tranh 1	1.082		1165623	629832	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166256	629134	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3284	7	PL09	1	171				CG.Sông Đồng Tranh 1.37	Sông Đồng Tranh 1	1.511		1164994	629717	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165647	628810	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3285	7	PL61	50	5				CG.Rạch Ông Mung.5	Sông Ngã Bảy	312		1165466	630987	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165214	630851	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3286	7	PL61	47					CG.Sông Ngã Bảy.8	Sông Ngã Bảy	765		1161752	630481	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162400	630530	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3287	7	PL61	48					CG.Sông Ngã Bảy.9	Sông Ngã Bảy	1.1		1162372	630731	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162637	629878	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3288	7	PL61	31					CG.Rạch Cá Nhám 3.1	Sông Ngã Bảy	2.532		1161453	630906	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162802	629558	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3289	7	PL61	32					CG.Rạch Cá Nhám 3.2	Sông Ngã Bảy	259		1163013	629264	Cần Giờ, TP. Hồ	1163153	629423	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3290	7	PL61	33					CG.Rạch Cá Nhám 3.3	Sông Ngã Bảy	480		1161929	629314	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162213	629044	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3291	7	PL61	57					CG.Tắc Móc Mu.1	Sông Ngã Bảy	836		1161813	628811	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161809	628818	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3292	7	PL61	58					CG.Tắc Móc Mu.2	Sông Ngã Bảy	907		1161486	629029	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161861	628461	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3293	7	PL09	161					CG.Tắc Cống.6	Sông Lòng Tàu	1.255		1162238	629006	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162202	627861	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3294	7	PL09	162					CG.Tắc Cống.7	Sông Lòng Tàu	833		1161722	628723	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162173	628077	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3295	7	PL09	163					CG.Tắc Cống.8	Sông Lòng Tàu	864		1162725	628937	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163268	628371	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3296	7	PL09	164					CG.Tắc Cống.9	Sông Lòng Tàu	648		1162681	628476	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163246	628382	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3297	7	PL09	165					CG.Tắc Cống.10	Sông Lòng Tàu	282		1162926	628421	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162695	628294	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3298	7	PL09	166					CG.Tắc Cống.11	Sông Lòng Tàu	1.126		1163552	628079	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162855	627496	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3299	7	PL61	34					CG.Rạch Cá Nhám 3.4	Sông Ngã Bảy	1.418		1163304	630536	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163198	629404	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3300	7	PL09	167					CG.Tắc Cống.12	Sông Lòng Tàu	1.734		1163839	629508	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1164164	628401	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3301	7	PL61	35					CG.Rạch Cá Nhám 3.5	Sông Ngã Bảy	230		1163452	629219	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163678	629196	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3302	7	PL09	168					CG.Tắc Cống.13	Sông Lòng Tàu	362		1163773	628516	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163532	628261	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3303	7	PL09	169					CG.Tắc Cống.14	Sông Lòng Tàu	899		1164303	628306	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163599	627944	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3304	7	PL09	170					CG.Tắc Cống.15	Sông Lòng Tàu	382		1163750	627617	Cần Giờ, TP. Hồ	1163452	627410	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3305	7	PL09	21					CG.Sông Lòng Tàu.35	Sông Lòng Tàu	1.090		1163903	626953	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1163609	626251	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3306	7	PL09	23					CG.Sông Lòng Tàu.36	Sông Lòng Tàu	393		1162877	627206	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162995	626918	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3307	7	PL09	171					CG.Tắc Cống.16	Sông Lòng Tàu	221		1162797	627425	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162628	627286	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3308	7	PL09	172					CG.Tắc Cống.17	Sông Lòng Tàu	508		1161499	627948	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161840	627603	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3309	7	PL65	3					CG.Rạch Dầm.2	Sông Hào Võ	461		1161922	627211	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161532	627202	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3310	7	PL65	4					CG.Rạch Dầm.3	Sông Hào Võ	441		1161948	627071	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161552	627172	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3311	7	PL65	5					CG.Rạch Dầm.4	Sông Hào Võ	942		1161960	626060	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161698	625728	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3312	7	PL65	16					CG.Rạch Ăn Chè	Sông Hào Võ	393		1161226	626095	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161561	626041	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3313	7	PL48	3	1				CG.Sông Mùng Năm.3	Sông Dần Xây	255		1161926	625509	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161692	625493	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3314	7	PL65	6					CG.Rạch Dầm.5	Sông Hào Võ	216		1162354	626044	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162278	625854	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3315	7	PL09	24					CG.Sông Lòng Tàu.37	Sông Lòng Tàu	245		1162991	626181	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162808	626033	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3316	7	PL09	25					CG.Sông Lòng Tàu.38	Sông Lòng Tàu	511		1162549	626472	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162945	626193	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3317	7	PL65	7					CG.Rạch Dầm.6	Sông Hào Võ	601		1162176	626465	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162172	625895	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3318	7	PL48	3					CG.Sông Mùng Năm.4	Sông Dần Xây	1.881		1161628	625293	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162964	625885	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3319	7	PL09	107	1				CG.Tắc Ông Địa 3.6	Sông Lòng Tàu	219		1162754	625544	Cần Giờ, TP. Hồ	1162684	625355	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3320	7	PL09	107					CG.Tắc Ông Địa 3.7	Sông Lòng Tàu	294		1162627	625317	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162847	625262	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3321	7	PL09	113	2				CG.Tắc Sống Trâu.4	Sông Lòng Tàu	994		1162398	624313	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162398	624313	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3322	7	PL09	111					CG.Tắc Ông Địa 3.8	Sông Lòng Tàu	353		1162123	624539	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162070	624268	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3323	7	PL09	110	1				CG.Tắc Ông Địa 3.9	Sông Lòng Tàu	261		1162553	624708	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162330	624603	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3324	7	PL09	113	1				CG.Tắc Sống Trâu.5	Sông Lòng Tàu	543		1163166	623143	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162935	623527	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3325	7	PL09	113	PL 01				CG.Tắc Sống Trâu.6	Sông Lòng Tàu	428		1162794	623393	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162542	623110	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3326	7	PL47	9					CG.Sông Dần Xây.3	Sông Dần Xây	1.007		1162015	623344	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161993	622588	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3327	7	PL09	114					CG.Tắc Sống Trâu.7	Sông Lòng Tàu	672		1162050	623506	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161906	622985	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3328	7	PL48	6					CG.Sông Mùng Năm.5	Sông Dần Xây	804		1161223	623296	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161295	623843	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3329	7	PL54	2					CG.Sông Dinh Bà 1.1	Sông Dinh Bà	1.270		1162320	620715	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161345	620327	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3330	7	PL54	3					CG.Sông Dinh Bà 1.2	Sông Dinh Bà	672		1162502	620077	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161947	619826	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3331	7	PL54	4					CG.Sông Dinh Bà 1.3	Sông Dinh Bà	775		1161700	619526	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161218	619382	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3332	7	PL47	7					CG.Sông Long Giang Xây.6	Sông Dần Xây	574		1162375	621353	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162062	620914	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3333	7	PL47	5					CG.Sông Long Giang Xây.7	Sông Dần Xây	571		1162840	621627	An Thới Đông, TP. Hồ	1162350	621447	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3334	7	PL47	6					CG.Sông Long Giang Xây.8	Sông Dần Xây	1.124		1163448	621386	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162746	620850	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3335	7	PL47	6	1				CG.Sông Long Giang Xây.9	Sông Dần Xây	373		1163201	621213	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162982	620947	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3336	7	PL47	20					Kênh Phụ Nữ 1	Tắc Ráng	1.963		1163648	619516	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161974	619459	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3337	7	PL45	39					CG.Tắc Ráng.3	Sông Lôi Giang	544		1163863	619913	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163651	619597	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3338	7	PL54	5					CG.Sông Dinh Bà 1.5	Sông Dinh Bà	1.005		1163731	619102	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163504	618400	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3339	7	PL54	6					CG.Sông Dinh Bà 1.6	Sông Dinh Bà	1.616		1161643	618894	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162533	618843	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3340	7	PL54	7					CG.Sông Dinh Bà 1.7	Sông Dinh Bà	798		1161645	618175	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161470	617710	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3341	7	PL54	8					CG.Sông Dinh Bà 1.8	Sông Dinh Bà	1.346		1161811	618329	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161339	617856	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3342	7	PL45	49					CG.Tắc Ông Địa 2.1	Sông Lôi Giang	293		1163338	617652	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163560	617470	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3343	7	PL45	47					CG.Tắc Ông Địa 2.2	Sông Lôi Giang	358		1164180	618061	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163893	617990	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3344	7	PL45	48					CG.Tắc Ông Địa 2.3	Sông Lôi Giang	454		1164015	617819	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164337	617597	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3345	7	PL54	9					CG.Sông Dinh Bà 1.9	Sông Dinh Bà	650		1163428	618264	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163206	617779	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3346	7	PL54	10					CG.Rạch Hai Đại	Sông Dinh Bà	436		1162765	617003	An Thới	1162989	616674	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3347	7	PL44	15					CG.Rạch Ba Đáy.1	Rạch Bà Giồng	1.036		1164151	616895	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164623	616202	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3348	7	PL44	16					CG.Rạch Ba Đáy.2	Rạch Bà Giồng	251		1164331	617148	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164093	617142	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3349	7	PL44	17					CG.Rạch Ba Đáy.3	Rạch Bà Giồng	813		1163573	616503	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163999	616345	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3350	7	PL44	2					CG.Rạch Bà Giồng.2	Rạch Bà Giồng	722		1162908	616620	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162918	615984	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3351	7	PL44	18					CG.Rạch Ba Đáy.4	Rạch Bà Giồng	343		1162616	616523	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162901	616379	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3352	7	PL43	1					CG.Sông Lò Rèn.1	Sông Đồng Tranh 2	1.276		1161974	617073	An Thới Đông, TP. Hồ	1162361	616289	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3353	7	PL54	11					CG.Sông Dinh Bà 1.10	Sông Dinh Bà	694		1162650	618271	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162650	618271	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3354	7	PL42	90					CG.Sông Vàm Sát.11	Sông Vàm Sát	307		1161638	613896	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161437	613714	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3355	7	PL44	4					CG.Rạch Bà Giồng.3	Rạch Bà Giồng	449		1161759	614451	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161425	614531	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3356	7	PL44	5					CG.Rạch Bà Giồng.4	Rạch Bà Giồng	970		1161340	615178	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161764	614662	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3357	7	PL42	33					CG.Rạch Lá Be.4	Sông Vàm Sát	621		1162344	614601	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161913	614510	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3358	7	PL42	26					CG.Sông Vàm Sát.12	Sông Vàm Sát	524		1162115	613909	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162157	613435	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3359	7	PL42	38					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.1	Sông Cát Lái	565		1161638	610814	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161210	611145	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3360	7	PL42	45					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.3	Sông Vàm Sát	513		1161647	613060	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161208	612849	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3361	7	PL42	46					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.4	Sông Vàm Sát	557		1161769	611946	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162230	611943	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3362	7	PL42	52					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.5	Sông Vàm Sát	590		1161743	612042	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161211	612047	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3363	7	PL42	25					CG.Sông Vàm Sát.13	Sông Vàm Sát	516		1162060	613196	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162398	612842	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3364	7	PL42	110					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.6	Sông Vàm Sát	784		1162269	612843	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161625	612729	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3365	7	PL42	24					CG.Sông Vàm Sát.14	Sông Vàm Sát	470		1162643	613374	An Thới	1162615	612990	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3366	7	PL42	23					CG.Sông Vàm Sát.15	Sông Vàm Sát	429		1162864	613383	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162849	613031	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3367	7	PL71	6					CG.Kênh Sơn.1	Sông Soài Rạp	1.889		1169129	611064	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168719	609845	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3368	7	PL71	8					CG.Kênh Sơn.2	Sông Soài Rạp	920		1168780	610702	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168781	610709	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3369	7	PL71	6	1				CG.Rạch Ba Gây.1	Sông Soài Rạp	1.136		1167902	610628	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168664	610378	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3370	7	PL71	15					CG.Kênh Ông Chủ	Sông Soài Rạp	409		1169064	611781	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168774	611593	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3371	7	PL71	18					CG.Rạch Bà Tám.2	Sông Soài Rạp	711		1167577	611889	An Thới Đông, TP. Hồ	1168268	611964	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3372	7	PL71	21					CG.Rạch Kho Đồn.2	Sông Soài Rạp	633		1169243	612325	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168639	612300	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3373	7	PL71	25					CG.Rạch Kho Mắm	Sông Soài Rạp	843		1167874	613707	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168128	612909	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3374	7	PL09	104					CG.Rạch Đồn.9	Sông Lòng Tàu	702		1168501	614110	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168783	613715	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3375	7	PL42	14					CG.Sông Vàm Sát.16	Sông Vàm Sát	1.556		1168210	612319	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166874	611945	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3376	7	PL42	13					CG.Sông Vàm Sát.17	Sông Vàm Sát	1.010		1167592	610341	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167262	609598	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3377	7	PL42	12					CG.Sông Vàm Sát.18	Sông Vàm Sát	449		1167348	611647	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167073	611351	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3378	7	PL42	10					CG.Sông Vàm Sát.19	Sông Vàm Sát	1.117		1166949	611221	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167181	610365	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3379	7	PL42	6					CG.Sông Vàm Sát.20	Sông Vàm Sát	1.492		1166435	610706	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166478	609922	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3380	7	PL42	8					CG.Sông Vàm Sát.21	Sông Vàm Sát	1.23		1166487	610898	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166027	609801	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3381	7	PL42	9					CG.Sông Vàm Sát.22	Sông Vàm Sát	1.515		1166091	611160	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166312	611043	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3382	7	PL42	31	1				Tắc Miễu	Sông Vàm Sát	782		1165783	611851	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165783	611851	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3383	7	PL42	17					CG.Sông Vàm Sát.23	Sông Vàm Sát	706		1165224	612852	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165179	612448	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3384	7	PL42	39					CG.Rạch Lá Be.5	Sông Vàm Sát	745		1165144	614057	An Thới	1165167	613595	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3385	7	PL42	19					CG.Sông Vàm Sát.24	Sông Vàm Sát	1.168		1164932	613317	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164223	612779	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3386	7	PL71	3					CG.Rạch Rào Bé.3	Sông Soài Rạp	753		1163907	610759	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163720	610032	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3387	7	PL42	48					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.7	Sông Vàm Sát	964		1162505	610917	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162491	609981	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3388	7	PL42	49					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.8	Sông Vàm Sát	877		1162401	610854	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162283	609990	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3389	7	PL42	50					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.9	Sông Vàm Sát	1.715		1162362	611448	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162006	609973	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3390	7	PL42	51					CG.Rạch Gốc Tre Nhỏ.10	Sông Vàm Sát	504		1163214	611521	An Thới Đông, TP. Hồ	1162758	611367	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3391	7	PL42	21					CG.Sông Vàm Sát.25	Sông Vàm Sát	3.199		1162803	612827	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162803	612827	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3392	7	PL42	22					CG.Sông Vàm Sát.26	Sông Vàm Sát	1.614		1163284	612997	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162895	611958	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3393	7	PL42	20					CG.Sông Vàm Sát.27	Sông Vàm Sát	1.175		1163307	612785	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163754	612642	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3394	7	PL42	20	PL 01				CG.Sông Vàm Sát.28	Sông Vàm Sát	275		1163345	612352	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163363	612100	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3395	7	PL42	20	PL 02				CG.Sông Vàm Sát.29	Sông Vàm Sát	479		1163730	612416	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163937	612051	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3396	7	PL42	20	PL 01	PL 01			CG.Sông Vàm Sát.30	Sông Vàm Sát	538		1163828	612299	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163850	611861	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3397	7	PL44	6	PL 01				CG.Rạch Bà Giồng.5	Rạch Bà Giồng	893		1162781	615140	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162915	614856	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3398	7	PL42	40					CG.Rạch Lá Be.6	Sông Vàm Sát	382		1162663	614826	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162760	614570	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3399	7	PL42	34					CG.Rạch Lá Be.7	Sông Vàm Sát	215		1163130	615097	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163312	615052	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3400	7	PL44	7					CG.Rạch Bà Giồng.6	Rạch Bà Giồng	402		1163256	615773	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163237	615429	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3401	7	PL44	8					CG.Rạch Bà Giồng.7	Rạch Bà Giồng	775		1163471	615722	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163652	615228	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3402	7	PL44	9					CG.Rạch Bà Giồng.8	Rạch Bà Giồng	1.649		1163802	615814	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163813	614934	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3403	7	PL44	10					CG.Rạch Bà Giồng.9	Rạch Bà Giồng	752		1164368	615906	An Thới	1164862	615504	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3404	7	PL44	10	1				CG.Rạch Chà Là.3	Rạch Bà Giồng	249		1164883	615806	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164666	615704	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3405	7	PL42	58					CG.Rạch Kho Đá.2	Sông Vàm Sát	1.223		1166749	612390	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166338	612989	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3406	7	PL42	18					CG.Sông Vàm Sát.31	Sông Vàm Sát	529		1165914	612933	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166122	612524	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3407	7	PL42	54					CG.Rạch Lá Bé.1	Sông Vàm Sát	627		1166666	613919	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166083	613904	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3408	7	PL42	55					CG.Rạch Lá Bé.2	Sông Vàm Sát	285		1166023	613863	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166182	613664	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3409	7	PL42	56					CG.Rạch Lá Bé.3	Sông Vàm Sát	275		1166377	614067	An Thới Đông, TP. Hồ	1166642	614055	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3410	7	PL71	22					CG.Rạch Kho Đồn.3	Sông Soài Rạp	310		1168487	612878	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168581	612588	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3411	7	PL71	34					CG.Rạch Hóc Hỏa Nhỏ.1	Sông Soài Rạp	332		1169525	614433	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169778	614272	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3412	7	PL71	33	1				CG.Rạch Hóc Hỏa Nhỏ.2	Sông Soài Rạp	311		1170052	614335	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169783	614250	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3413	7	PL71	35					CG.Rạch Hóc Hỏa Nhỏ.3	Sông Soài Rạp	291		1169401	614668	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169687	614651	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3414	7	PL71	26	PL 01				CG.Rạch Kho Mắm Nhỏ	Sông Soài Rạp	226		1169093	613431	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168888	613341	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3415	7	PL42	60					CG.Rạch Tắc Ông Thọ.1	Sông Vàm Sát	670		1167594	614936	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167955	614556	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3416	7	PL42	61					CG.Rạch Tắc Ông Thọ.2	Sông Vàm Sát	844		1166665	615383	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167322	615354	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3417	7	PL45	20					CG.Rạch Tắc Mới 1.5	Sông Lôi Giang	478		1167171	616221	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167546	616103	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3418	7	PL45	19					CG.Rạch Tắc Mới 1.6	Sông Lôi Giang	349		1166907	616463	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167172	616249	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3419	7	PL45	21					CG.Rạch Tắc Mới 1.7	Sông Lôi Giang	1.446		1166949	616504	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166950	616508	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3420	7	PL45	22					CG.Rạch Tắc Mới 1.8	Sông Lôi Giang	366		1166794	616677	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167129	616809	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3421	7	PL45	23					CG.Rạch Tắc Mới 1.9	Sông Lôi Giang	301		1166938	616967	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166754	616746	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3422	7	PL45	36	1				CG.Rạch Tắc Mới 1.10	Sông Lôi Giang	205		1166767	616268	An Thới	1166645	616127	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3423	7	PL45	18					CG.Rạch Tắc Mới 1.11	Sông Lôi Giang	426		1166451	616737	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166402	616472	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3424	7	PL45	31					CG.Rạch Tắc Mới 1.12	Sông Lôi Giang	369		1166382	616179	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166308	615858	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3425	7	PL09	100					CG.Rạch Đồn.10	Sông Lòng Tàu	875		1168405	615841	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168906	615686	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3426	7	PL09	100	1				CG.Rạch Đồn.11	Sông Lòng Tàu	308		1168479	616001	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168529	615744	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3427	7	PL09	100	PL 01				CG.Rạch Đồn.12	Sông Lòng Tàu	267		1168812	615724	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168673	615507	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3428	7	PL09	99					CG.Rạch Đồn.13	Sông Lòng Tàu	285		1168636	616201	An Thới Đông, TP. Hồ	1168877	616157	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3429	7	PL09	98					CG.Rạch Đồn.14	Sông Lòng Tàu	649		1168855	616619	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169068	616355	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3430	7	PL09	92	PL 01				CG.Rạch Đồn.15	Sông Lòng Tàu	518		1168830	618178	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168921	617723	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3431	7	PL09	92					CG.Rạch Đồn.16	Sông Lòng Tàu	1.255		1168705	618417	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169381	617544	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3432	7	PL45	27					CG.Rạch Tắc Mới 2.2	Sông Lôi Giang	460		1168214	616790	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167890	616532	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3433	7	PL09	96					CG.Rạch Đồn.17	Sông Lòng Tàu	264		1168200	617385	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168430	617362	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3434	7	PL45	28					CG.Rạch Tắc Mới 2.3	Sông Lôi Giang	323		1168226	616621	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168304	616910	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3435	7	PL45	26					CG.Rạch Tắc Mới 2.4	Sông Lôi Giang	271		1167577	616850	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167747	616699	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3436	7	PL45	26	PL 01				CG.Rạch Tắc Mới 2.5	Sông Lôi Giang	219		1167574	616773	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167699	616608	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3437	7	PL45	24					CG.Rạch Tắc Mới 2.6	Sông Lôi Giang	478		1167397	617146	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167458	616724	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3438	7	PL45	33	1	PL 01			CG.Rạch Tắc Mới 2.7	Sông Lôi Giang	293		1167520	617276	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167731	617078	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3439	7	PL45	33	1				CG.Rạch Tắc Mới 2.8	Sông Lôi Giang	506		1167871	617394	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167410	617283	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3440	7	PL45	33	2	PL 01			CG.Rạch Tắc Mới 2.9	Sông Lôi Giang	496		1167387	617507	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167865	617493	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3441	7	PL45	33	2				CG.Rạch Tắc Mới 2.10	Sông Lôi Giang	642		1167824	617672	An Thới	1167228	617533	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3442	7	PL45	25					CG.Rạch Tắc Mới 2.11	Sông Lôi Giang	286		1167379	617183	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167139	617048	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3443	7	PL45	29					CG.Rạch Tắc Mới 1.13	Sông Lôi Giang	1.219		1167245	617418	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166247	616997	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3444	7	PL45	35					CG.Rạch Tắc Mới 2.12	Sông Lôi Giang	477		1167098	617606	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167122	617261	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3445	7	PL45	35	1				CG.Rạch Tắc Mới 2.13	Sông Lôi Giang	376		1167068	617692	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166973	617443	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3446	7	PL45	6					CG.Sông Lôi Giang.9	Sông Lôi Giang	1.147		1166504	617317	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166596	617329	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3447	7	PL45	33	PL 01				CG.Rạch Tắc Mới 2.14	Sông Lôi Giang	661		1167114	617718	An Thới Đông, TP. Hồ	1167054	617833	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3448	7	PL45	33	PL 01	1			CG.Rạch Tắc Mới 2.15	Sông Lôi Giang	280		1167578	617930	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167322	617846	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3449	7	PL09	28					CG.Sông Lòng Tàu.39	Sông Lòng Tàu	665		1167772	618730	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167279	618537	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3450	7	PL09	28	PL 01				CG.Sông Lòng Tàu.40	Sông Lòng Tàu	270		1167570	618540	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167570	618274	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3451	7	PL45	33	PL 01	PL 01	1	1	CG.Rạch Tắc Mới 2.16	Sông Lôi Giang	554		1167502	618501	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167213	618129	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3452	7	PL45	33	PL 01	PL 01	1		CG.Rạch Tắc Mới 2.17	Sông Lôi Giang	349		1167411	618360	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167195	618116	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3453	7	PL45	33	PL 01	PL 01			CG.Rạch Tắc Mới 2.18	Sông Lôi Giang	503		1167140	617868	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167027	618174	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3454	7	PL45	34					CG.Rạch Tắc Mới 2.19	Sông Lôi Giang	996		1166926	617899	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166586	617939	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3455	7	PL45	2	PL 02	1			CG.Sông Lôi Giang.10	Sông Lôi Giang	778		1166108	618390	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166691	618023	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3456	7	PL09	105					CG.Rạch Đồn.18	Sông Lòng Tàu	2.738		1168731	617669	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166290	618160	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3457	7	PL45	2					CG.Sông Lôi Giang.11	Sông Lôi Giang	2.478		1165877	618740	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166366	618371	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3458	7	PL45	2	PL 01				CG.Sông Lôi Giang.12	Sông Lôi Giang	352		1166651	618947	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166953	618795	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3459	7	PL45	2	1				CG.Sông Lôi Giang.13	Sông Lôi Giang	266		1166997	618622	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166752	618629	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3460	7	PL45	2	PL 02				CG.Sông Lôi Giang.14	Sông Lôi Giang	1.029		1166304	619175	An Thới	1166243	618335	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3461	7	PL45	8					CG.Sông Lôi Giang.15	Sông Lôi Giang	1.448		1166433	619730	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166433	619730	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3462	7	PL09	30					CG.Sông Lòng Tàu.41	Sông Lòng Tàu	667		1166510	619897	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166522	619401	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3463	7	PL09	37					CG.Sông Lòng Tàu.42	Sông Lòng Tàu	391		1166852	619615	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167119	619532	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3464	7	PL09	93					CG.Rạch Đồn.19	Sông Lòng Tàu	544		1168481	618266	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168184	617848	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3465	7	PL09	94					CG.Rạch Đồn.20	Sông Lòng Tàu	379		1168485	618289	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168238	618160	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3466	7	PL09	36					CG.Sông Lòng Tàu.43	Sông Lòng Tàu	921		1167887	618000	An Thới Đông, TP. Hồ	1167945	618703	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3467	7	PL09	95					CG.Rạch Đồn.21	Sông Lòng Tàu	236		1167905	618105	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168134	618100	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3468	7	PL09	26					CG.Sông Lòng Tàu.44	Sông Lòng Tàu	366		1169023	618378	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169104	618702	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3469	7	PL39	114					CG.Rạch Bắc Ngoại.11	Sông Dừa	1.875		1167439	621704	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167566	622202	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3470	7	PL39	111					CG.Rạch Tắc Lớn.15	Sông Dừa	492		1167856	621822	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167479	621529	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3471	7	PL39	68	PL 01				CG.Tắc Cá Đao.13	Sông Dừa	876		1167232	621695	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166902	622055	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3472	7	PL39	67					CG.Tắc Cá Đao.14	Sông Dừa	438		1166751	622448	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167067	622248	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3473	7	PL39	115					CG.Rạch Bắc Ngoại.12	Sông Dừa	347		1167323	622730	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166992	622665	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3474	7	PL39	68	PL 01	PL 01			CG.Tắc Cá Đao.15	Sông Dừa	554		1166911	622046	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166647	621892	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3475	7	PL39	74					CG.Tắc Cá Đao.16	Sông Dừa	552		1167011	621256	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167393	621011	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3476	7	PL39	66					CG.Tắc Cá Đao.17	Sông Dừa	326		1166416	622130	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166646	622079	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3477	7	PL09	59					CG.Rạch Lang Hoa.2	Sông Lòng Tàu	1.032		1166367	621525	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166674	620788	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3478	7	PL39	71					CG.Rạch Tắc Lớn.16	Sông Dừa	814		1166902	621052	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167003	620546	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3479	7	PL39	71	PL 01				CG.Tắc Cá Đao.18	Sông Dừa	1.215		1166803	620593	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166538	621391	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3480	7	PL09	18					CG.Sông Lòng Tàu.45	Sông Lòng Tàu	1.798		1164845	622267	Bình Khánh, TP. Hồ	1165326	621513	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3481	7	PL09	18	2				CG.Sông Lòng Tàu.46	Sông Lòng Tàu	284		1165788	621976	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165674	621828	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3482	7	PL09	18	1				CG.Sông Lòng Tàu.47	Sông Lòng Tàu	405		1165935	621653	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165585	621597	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3483	7	PL09	18	3				CG.Sông Lòng Tàu.48	Sông Lòng Tàu	330		1165399	622620	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165311	622325	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3484	7	PL09	18	PL 02				CG.Sông Lòng Tàu.49	Sông Lòng Tàu	464		1165132	622564	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164845	622267	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3485	7	PL39	69	PL 01				CG.Tắc Cá Đao.19	Sông Dừa	512		1166117	622765	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165789	622442	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3486	7	PL39	62					CG.Tắc Cá Đao.20	Sông Dừa	767		1165978	623190	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165653	622559	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3487	7	PL39	70	PL 01				CG.Tắc Cá Đao.21	Sông Dừa	289		1165686	623429	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165733	623178	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3488	7	PL09	19	PL 02				CG.Sông Lòng Tàu.50	Sông Lòng Tàu	2.101		1165217	623147	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165424	622859	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3489	7	PL09	19	1				CG.Rạch Long Vương.5	Sông Lòng Tàu	987		1164366	622789	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165011	623195	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3490	7	PL09	19	PL 01	1			CG.Rạch Long Vương.6	Sông Lòng Tàu	311		1165217	623562	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165226	623251	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3491	7	PL09	44					CG.Rạch Long Vương.7	Sông Lòng Tàu	4.618		1163416	625900	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164595	622944	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3492	7	PL39	69					CG.Tắc Cá Đao.22	Sông Dừa	1.145		1166293	622975	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166177	621967	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3493	7	PL39	63					CG.Tắc Cá Đao.23	Sông Dừa	840		1166879	623452	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166544	622908	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3494	7	PL39	152					CG.Rạch Bắc Ngoại.13	Sông Dừa	1.067		1166970	623879	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166970	623878	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3495	7	PL39	63	PL 01	1			CG.Tắc Cá Đao.24	Sông Dừa	446		1166026	623368	Bình Khánh, TP. Hồ	1166410	623284	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3496	7	PL39	63	PL 01				CG.Tắc Cá Đao.25	Sông Dừa	1.028		1166233	623828	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166664	623162	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3497	7	PL39	58					CG.Tắc Cá Đao.26	Sông Dừa	316		1166426	623921	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166222	623893	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3498	7	PL39	57					CG.Tắc Cá Đao.27	Sông Dừa	792		1167064	624292	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166437	624107	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3499	7	PL39	57	PL 01				CG.Tắc Cá Đao.28	Sông Dừa	318		1166771	624126	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166546	623936	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3500	7	PL39	57	PL 02				CG.Tắc Cá Đao.29	Sông Dừa	313		1166968	624195	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166812	623975	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3501	7	PL39	59					CG.Tắc Cá Đao.30	Sông Dừa	374		1166252	624485	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166454	624248	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3502	7	PL39	60					CG.Tắc Cá Đao.31	Sông Dừa	799		1166091	624197	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165442	623901	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3503	7	PL39	61					CG.Tắc Cá Đao.32	Sông Dừa	312		1165920	624466	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166157	624538	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3504	7	PL39	124					CG.Rạch Cá Vồ.8	Sông Dừa	557		1165792	624725	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165511	624395	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3505	7	PL39	124	PL 01				CG.Rạch Cá Vồ.9	Sông Dừa	210		1165592	624393	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165705	624224	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3506	7	PL09	55					CG.Rạch Long Vương.8	Sông Lòng Tàu	584		1165356	624237	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165493	623721	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3507	7	PL09	44	PL 01				CG.Rạch Long Vương.9	Sông Lòng Tàu	2.935		1164553	623578	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164750	624987	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3508	7	PL09	44	PL 01	PL 01	1		CG.Rạch Long Vương.10	Sông Lòng Tàu	1.124		1165210	624482	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165100	624209	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3509	7	PL09	44	PL 01	PL 01	PL0 1		CG.Rạch Long Vương.11	Sông Lòng Tàu	343		1164909	624144	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165047	623972	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3510	7	PL09	54					CG.Rạch Long Vương.12	Sông Lòng Tàu	562		1164577	624264	Bình Khánh, TP. Hồ	1164672	623842	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3511	7	PL09	44	2				CG.Rạch Long Vương.13	Sông Lòng Tàu	877		1163957	623082	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164519	623717	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3512	7	PL09	20					CG.Sông Lòng Tàu.51	Sông Lòng Tàu	1.128		1163577	624269	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164427	624095	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3513	7	PL09	41	2				CG.Rạch Long Vương.14	Sông Lòng Tàu	995		1164625	625015	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164251	624332	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3514	7	PL09	41	2	1			CG.Rạch Long Vương.15	Sông Lòng Tàu	413		1164062	624387	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164213	624590	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3515	7	PL09	41					CG.Sông Lòng Tàu.52	Sông Lòng Tàu	1.126		1163669	625278	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164473	624887	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3516	7	PL09	41	1				CG.Sông Lòng Tàu.53	Sông Lòng Tàu	362		1164150	625437	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1163855	625364	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3517	7	PL09	47					CG.Rạch Long Vương.16	Sông Lòng Tàu	527		1163882	625491	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1163511	625739	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3518	7	PL09	48					CG.Rạch Long Vương.17	Sông Lòng Tàu	403		1164359	625885	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164153	625690	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3519	7	PL09	51					CG.Rạch Long Vương.18	Sông Lòng Tàu	658		1164591	625570	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164194	625509	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3520	7	PL39	45					CG.Sông Dừa.21	Sông Dừa	507		1165332	626061	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164847	626029	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3521	7	PL09	49					CG.Rạch Long Vương.19	Sông Lòng Tàu	874		1164449	625907	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165019	625846	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3522	7	PL09	49	1				CG.Rạch Long Vương.20	Sông Lòng Tàu	783		1165066	625583	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165430	625974	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3523	7	PL39	44					CG.Sông Dừa.22	Sông Dừa	666		1164523	626680	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164306	626969	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3524	7	PL09	50					CG.Rạch Long Vương.21	Sông Lòng Tàu	1.543		1165309	625664	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1164848	625470	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3525	7	PL47	13					CG.Sông Dần Xây.4	Sông Dần Xây	361		1163241	622863	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163072	622562	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3526	7	PL47	11					CG.Sông Dần Xây.5	Sông Dần Xây	487		1162708	622225	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163085	622006	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3527	7	PL47	10					CG.Sông Dần Xây.6	Sông Dần Xây	934		1162764	622350	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163240	621632	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3528	7	PL47	10	1				CG.Sông Dần Xây.7	Sông Dần Xây	298		1163280	622201	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163000	622199	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3529	7	PL09	33					CG.Sông Lòng Tàu.54	Sông Lòng Tàu	1.062		1164977	620751	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164979	620749	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3530	7	PL45	40					CG.Tắc Ráng.4	Sông Lôi Giang	510		1164394	620769	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164697	620517	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3531	7	PL09	35					CG.Sông Lòng Tàu.55	Sông Lòng Tàu	416		1164543	621149	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164654	620793	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3532	7	PL45	41					CG.Tắc Ráng.5	Sông Lôi Giang	1.276		1164538	621572	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164088	620628	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3533	7	PL47	19					CG.Kênh Phụ Nữ.5	Sông Dần Xây	1.121		1164705	621798	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163856	621464	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3534	7	PL47	19	PL 01				CG.Kênh Phụ Nữ.6	Sông Dần Xây	832		1164275	621390	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163690	620929	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3535	7	PL47	12					CG.Sông Dần Xây.8	Sông Dần Xây	799		1163567	622485	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163515	621771	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3536	7	PL45	42					CG.Tắc Ráng.6	Sông Lôi Giang	724		1164788	619262	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164789	619262	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3537	7	PL45	37					CG.Tắc Ráng.7	Sông Lôi Giang	782		1164573	619823	An Thới	1164236	619330	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3538	7	PL45	43					CG.Tắc Ráng.8	Sông Lôi Giang	549		1164184	620065	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164268	619585	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3539	7	PL45	13	1	1			CG.Sông Lôi Giang.16	Sông Lôi Giang	313		1164932	619595	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165162	619480	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3540	7	PL09	31	PL 01				CG.Sông Lòng Tàu.56	Sông Lòng Tàu	368		1165245	619889	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164923	619933	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3541	7	PL45	7					CG.Sông Lôi Giang.17	Sông Lôi Giang	292		1165765	619108	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165565	619003	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3542	7	PL45	15					CG.Sông Lôi Giang.18	Sông Lôi Giang	1.278		1166530	617806	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165587	617355	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3543	7	PL45	10					CG.Sông Lôi Giang.19	Sông Lôi Giang	818		1165352	617960	An Thới Đông, TP. Hồ	1165352	617960	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3544	7	PL45	10	1				CG.Sông Lôi Giang.20	Sông Lôi Giang	665		1165757	617805	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165198	617663	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3545	7	PL45	45					CG.Tắc Ông Địa 1.2	Sông Lôi Giang	371		1164720	617746	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164503	617462	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3546	7	PL45	46					CG.Tắc Ông Địa 1.3	Sông Lôi Giang	546		1165084	616932	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165069	616430	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3547	7	PL45	11					CG.Sông Lôi Giang.21	Sông Lôi Giang	492		1165488	617299	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165136	617015	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3548	7	PL45	11	PL 01				CG.Sông Lôi Giang.22	Sông Lôi Giang	277		1165470	617259	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165606	617031	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3549	7	PL45	12					CG.Sông Lôi Giang.23	Sông Lôi Giang	456		1164724	618892	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164768	618450	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3550	7	PL44	11					CG.Rạch Bà Giồng.10	Rạch Bà Giồng	1.45		1166078	616795	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164836	616201	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3551	7	PL44	23	1				CG.Rạch Chà Là.4	Rạch Bà Giồng	841		1165164	616417	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165900	616532	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3552	7	PL44	20					CG.Rạch Ngã Chín.6	Rạch Bà Giồng	653		1166108	615806	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165562	615962	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3553	7	PL09	1	31	PL 01			CG.Sông Gò Gia.51	Sông Đồng Tranh 1	2.732		1165958	636839	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165960	636837	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3554	7	PL09	1	31	PL 02			CG.Sông Gò Gia.52	Sông Đồng Tranh 1	467		1166891	636953	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1166513	636710	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3555	7	PL09	1	20	PL 04			CG.Sông Gò Gia.53	Sông Đồng Tranh 1	746		1168290	636651	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1168307	636785	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3556	7	PL09	1	20	PL 01	1		CG.Sông Gò Gia.54	Sông Đồng Tranh 1	544		1169207	637033	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169614	636729	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3557	7	PL09	1	15	1			CG.Rạch Tắc Cua.47	Sông Đồng Tranh 1	563		1171231	637149	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170993	636711	Thạnh An, TP. HCM	
3558	7	PL09	1	182	1			CG.Rạch Tắc Cua.48	Sông Đồng Tranh 1	368		1172136	636954	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171937	636719	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3559	7	PL09	1	3	3			CG.Rạch Tắc Cua.49	Sông Đồng Tranh 1	1.376		1172355	637447	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1172468	636366	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3560	7	PL39	150					CG.Rạch Ngã Bắc.7	Sông Dừa	426		1175003	624989	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174669	624781	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3561	7	PL09	1	244				CG.Sông Đồng Tranh 1.38	Sông Đồng Tranh 1	2.669		1175017	625906	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175410	624148	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3562	7	PL39	30	PL 01				CG.Sông Dừa.23	Sông Dừa	648		1174313	625811	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174509	625323	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3563	7	PL39	30					CG.Sông Dừa.24	Sông Dừa	1.183		1173923	626193	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174246	625285	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3564	7	PL39	94					CG.Rạch Dừa Chà Là.11	Sông Dừa	262		1174369	623017	Bình Khánh, TP. Hồ	1174320	622773	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3565	7	PL09	14	PL 01				CG.Sông Lòng Tàu.57	Sông Lòng Tàu	1.142		1169800	619874	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169190	619206	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3566	7	PL09	14					CG.Tắc Rạch Dừa.3	Sông Lòng Tàu	1.181		1169343	620167	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170063	619615	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3567	7	PL39	82	PL 01				CG.Rạch Ăn Thịt.4	Sông Dừa	568		1170189	623273	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170189	623274	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3568	7	PL39	82					CG.Tắc Định Cậu.8	Sông Dừa	263		1170254	623458	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170191	623226	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3569	7	PL09	71					CG.Rạch Vọp.8	Sông Lòng Tàu	390		1173434	619726	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173218	619630	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3570	7	PL09	70					CG.Rạch Vọp.9	Sông Lòng Tàu	794		1173216	619627	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173218	619630	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3571	7	PL42	15	1				CG.Sông Vàm Sát.32	Sông Vàm Sát	1.503		1164967	611962	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165235	611278	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3572	7	PL42	15					CG.Sông Vàm Sát.33	Sông Vàm Sát	1.375		1164109	611361	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165447	611153	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3573	7	PL45	14					CG.Sông Lôi Giang.24	Sông Lôi Giang	543		1165159	619841	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165401	619448	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3574	7	PL09	31					CG.Sông Lòng Tàu.58	Sông Lòng Tàu	823		1165644	619948	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165158	619841	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3575	7	PL09	32	PL 01				CG.Sông Lòng Tàu.59	Sông Lòng Tàu	238		1165018	620436	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164796	620455	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3576	7	PL09	32					CG.Sông Lòng Tàu.60	Sông Lòng Tàu	770		1165018	620436	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165018	620437	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3577	7	PL54	12					CG.Sông Dinh Bà 1.11	Sông Dinh Bà	338		1162731	617931	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162681	617649	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3578	7	PL54	13					CG.Sông Dinh Bà 1.12	Sông Dinh Bà	736		1162730	617931	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162731	617931	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3579	7	PL43	2					CG.Sông Lò Rèn.2	Sông Đồng Tranh 2	1.394		1161437	616414	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162143	616047	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3580	7	PL44	12					CG.Rạch Bà Giồng.11	Rạch Bà Giồng	1.153		1161437	616414	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161217	616412	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3581	7	PL61	50	6				CG.Rạch Ông Mung.6	Sông Ngã Bảy	363		1164535	631534	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164393	631559	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3582	7	PL61	38	10				CG.Rạch Thiềng Liềng.10	Sông Ngã Bảy	4.818		1163190	632118	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164535	631534	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3583	7	PL09	1	71	1			CG.Ngọn Hốt Hóa.3	Sông Đồng Tranh 1	946		1169710	633523	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1169060	633269	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3584	7	PL09	1	71				CG.Ngọn Hốt Hóa.4	Sông Đồng Tranh 1	906		1169710	633523	Thạnh An, TP.	1169710	633523	Thạnh An,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
3585	7	PL09	1	25	1			CG.Rạch Tắc Cua.50	Sông Đồng Tranh 1	343		1171081	632107	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171359	631940	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3586	7	PL09	1	182				CG.Rạch Tắc Cua.51	Sông Đồng Tranh 1	3.474		1172153	636830	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1172153	636830	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3587	7	PL71	69					CG.Sông Chà.8	Sông Soài Rạp	439		1179270	611514	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178952	611568	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3588	7	PL42	19	1				CG.Rạch Lá Be.8	Sông Vàm Sát	1.994		1164633	614332	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164612	613223	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3589	7	PL42	53	PL 02				CG.Rạch Lá Bé.4	Sông Vàm Sát	2.496		1166864	612694	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167011	613433	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3590	7	PL42	62					CG.Rạch Tắc Ông Thọ.3	Sông Vàm Sát	847		1167802	615980	An Thới Đông, TP. Hồ	1167414	615334	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3591	7	PL44	3					CG.Rạch Bà Giồng.12	Rạch Bà Giồng	1.878		1162207	615335	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162028	614111	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3592	7	PL42	28					CG.Sông Vàm Sát.34	Sông Vàm Sát	699		1161533	614067	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161212	614087	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3593	7	PL09	52					CG.Rạch Long Vương.22	Sông Lòng Tàu	893		1164436	623837	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1163794	623422	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3594	7	PL09	58					CG.Rạch Lang Hoa.3	Sông Lòng Tàu	1.514		1165646	620794	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165912	620806	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3595	7	PL09	17					CG.Sông Lòng Tàu.61	Sông Lòng Tàu	654		1166468	620688	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166441	620151	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3596	7	PL09	59	1				CG.Rạch Lang Hoa.4	Sông Lòng Tàu	553		1166718	620793	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166319	620565	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3597	7	PL39	64	PL 01				CG.Tắc Cá Đao.33	Sông Dừa	510		1166667	622857	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166747	622586	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3598	7	PL39	64					CG.Tắc Cá Đao.34	Sông Dừa	872		1167002	623317	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166410	622925	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3599	7	PL39	136					CG.Rạch Cá Nhám 1.8	Sông Dừa	1.188		1168230	623454	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169129	623798	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3600	7	PL39	13					CG.Rạch Tắc Ăn Tết.19	Sông Dừa	3.115		1168996	625317	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169050	625355	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3601	7	PL31	10					CG.Rạch Lá.12	Rạch Lá	1.064		1171939	617055	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171939	617055	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3602	7	PL65	8					CG.Rạch Dầm.7	Sông Hào Võ	544		1161524	627008	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161678	626779	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3603	7	PL61	36					CG.Rạch Cá Nhám 2.14	Sông Ngã Bảy	1.092		1166351	633571	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165549	633133	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3604	7	PL47	8					CG.Sông Long Giang Xây.10	Sông Dần Xây	209		1161778	621622	An Thới	1161712	621446	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3605	7	PL61	37					CG.Rạch Cá Nhám 3.6	Sông Ngã Bảy	390		1162535	629868	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162479	629492	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3606	7	PL61	50	7				CG.Rạch Ông Mung.7	Sông Ngã Bảy	256		1165494	632030	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165447	631783	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3607	7	PL61	50	8				CG.Rạch Ông Mung.8	Sông Ngã Bảy	3.036		1165018	629973	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164967	629913	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3608	7	PL61	49					CG.Sông Ngã Bảy.10	Sông Ngã Bảy	711		1164846	630051	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165324	629690	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3609	7	PL09	1	15				CG.Rạch Tắc Cua.52	Sông Đồng Tranh 1	2.363		1170638	635219	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1171297	636713	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3610	7	PL09	1	3				CG.Rạch Tắc Cua.53	Sông Đồng Tranh 1	2.653		1172111	635915	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1173243	636555	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3611	7	PL45	5					CG.Sông Lôi Giang.25	Sông Lôi Giang	337		1166030	617162	An Thới Đông, TP. Hồ	1166140	616852	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3612	7	PL44	25					CG.Rạch Chà Là.5	Rạch Bà Giồng	1.07		1165392	615073	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164544	614914	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3613	7	PL44	6					CG.Rạch Bà Giồng.13	Rạch Bà Giồng	1.208		1163252	615298	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162417	615366	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3614	7	PL42	101					CG.Rạch Lá Be.9	Sông Vàm Sát	900		1163566	613873	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164209	613735	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3615	7	PL09	1	78				CG.Tắc Bức Mây.14	Sông Đồng Tranh 1	554		1167828	631571	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1167495	631749	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3616	7	PL09	1	143				CG.Rạch Tắc Cầu Kho.18	Sông Đồng Tranh 1	893		1169784	626157	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169688	625407	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3617	7	PL09	63					CG.Tắc Rạch Dừa.4	Sông Lòng Tàu	565		1167985	620074	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167985	620074	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3618	7	PL09	27					CG.Sông Lòng Tàu.62	Sông Lòng Tàu	654		1169440	618590	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169249	618350	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3619	7	PL09	1	188				CG.Rạch Khe Đôi Lớn.1	Sông Đồng Tranh 2	735		1150879	622987	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151060	623690	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3620	7	PL09	1	202				CG.Rạch Ốc.1	Sông Đồng Tranh 2	641		1152424	622285	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152686	622856	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3621	7	PL42	112					CG.Rạch Cá Nháp 2.1	Sông Cát Lái	806		1155625	616786	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156133	616684	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3622	7	PL71	82	PL 01				CG.Rạch Cá Nháp Lớn.1	Sông Soài Rạp	521		1155768	613826	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155386	613565	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3623	7	PL09	1	205				CG.Rạch Ông Nhàn Lớn	Sông Đồng Tranh 2	1.157		1154300	622661	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153661	623299	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3624	7	PL09	1	204				CG.Rạch Ốc.2	Sông Đồng Tranh 2	649		1154193	623464	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153581	623398	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3625	7	PL42	117					CG.Rạch Núc Mu Lớn.1	Sông Cát Lái	579		1155363	618290	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1154965	617947	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3626	7	PL71	88	PL 02				CG.Rạch Cá Nháp Bé.1	Sông Soài Rạp	524		1153737	616396	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153253	616485	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3627	7	PL71	96					CG.Rạch Mương Thông.1	Sông Soài Rạp	690		1153389	617777	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153324	617173	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3628	7	PL71	88	PL 01				CG.Rạch Cá Nháp Bé.2	Sông Soài Rạp	655		1154186	615721	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153620	615670	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3629	7	PL09	1	186	PL 01	PL0 1		CG.Rạch Khe Đôi Nhỏ.1	Sông Đồng Tranh 2	721		1152314	623580	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152889	623668	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3630	7	PL09	1	203				CG.Rạch Ốc.3	Sông Đồng Tranh 2	461		1153088	623104	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152700	623170	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3631	7	PL09	1	207	1			CG.Rạch Giành Hào Lớn.1	Sông Đồng Tranh 2	470		1153371	618942	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153753	619025	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3632	7	PL71	82	PL 02				CG.Rạch Cá Nháp Lớn.2	Sông Soài Rạp	832		1155896	613177	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155320	612941	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3633	7	PL62	2					CG.Rạch Giồng Ao	Rạch Sáu	509		1150290	630989	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150526	631291	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3634	7	PL09	1	198	PL 01	PL0 1		CG.Sông Đồng Hòa.1	Sông Đồng Tranh 2	423		1148910	623999	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1148575	624256	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3635	7	PL09	1	195	PL 01			CG.Rạch Dinh.1	Sông Đồng Tranh 2	335		1150365	624241	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150041	624320	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3636	7	PL09	1	192				CG.Rạch Dinh.2	Sông Đồng Tranh 2	613		1150736	624540	Cần Giờ, TP. Hồ	1150220	624835	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3637	7	PL55	2					CG.Rạch Cổ Cò	Sông Hà Thanh	431		1150148	625525	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150501	625388	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3638	7	PL09	1	187	PL 01			CG.Rạch Khe Đôi Lớn.2	Sông Đồng Tranh 2	967		1151483	623358	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152018	624087	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3639	7	PL55	3					CG.Sông Hà Thanh.1	Sông Hà Thanh	3.868		1153371	624725	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150122	626485	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3640	7	PL43	3					CG.Sông Lò Rèn.3	Sông Đồng Tranh 2	390		1161110	615863	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161214	616115	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3641	7	PL71	81					CG.Rạch Bà Nam.2	Sông Soài Rạp	1.055		1157281	611971	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156476	612419	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3642	7	PL42	100					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.2	Sông Cát Lái	706		1160203	610907	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159945	611026	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3643	7	PL42	42	2				CG.Rạch Gốc Tre Lớn.3	Sông Cát Lái	1.037		1160149	611540	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159918	612279	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3644	7	PL61	9					CG.Tắc Cán Gáo	Sông Ngã Bảy	536		1160322	632014	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1160654	632359	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3645	7	PL61	6					CG.Tắc Cù Bắp	Sông Ngã Bảy	609		1159725	633961	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1159347	633672	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3646	7	PL61	3					CG.Sông Tắc Đèn.3	Sông Ngã Bảy	1.074		1158004	631382	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1158005	631385	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3647	7	PL61	2					CG.Sông Tắc Đèn.4	Sông Ngã Bảy	2.751		1157908	631663	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1159094	631543	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3648	7	PL09	1	230				CG.Rạch Giành Hào Bé.1	Sông Đồng Tranh 2	1.477		1150554	619440	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1149939	618389	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3649	7	PL71	91					CG.Mương Ốc.1	Sông Soài Rạp	1.347		1149903	618348	An Thới Đông,	1150752	618063	An Thới Đông,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
3650	7	PL09	1	230	1			CG.Rạch Giành Hào Bé.2	Sông Đồng Tranh 2	852		1150776	618973	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1150554	619440	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3651	7	PL71	91	1				CG.Mương Ốc.2	Sông Soài Rạp	1.478		1150554	619440	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1150602	618331	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3652	7	PL71	91	2				CG.Mương Ốc.3	Sông Soài Rạp	1.430		1150072	618564	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1150499	618558	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3653	7	PL09	1	231				CG.Rạch Giành Hào Bé.3	Sông Đồng Tranh 2	606		1152268	619881	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1151774	619752	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3654	7	PL71	92					CG.Mương Ốc.4	Sông Soài Rạp	2.068		1151539	617858	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1152079	616689	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3655	7	PL09	1	232				CG.Rạch Giành Hào Bé.4	Sông Đồng Tranh 2	770		1152547	619287	An Thới Đông, TP. Hồ	1152325	618807	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3656	7	PL71	94	PL 01				CG.Rạch Mương Thông.2	Sông Soài Rạp	812		1152647	617891	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153085	617665	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3657	7	PL71	88					CG.Rạch Cá Nháp Bé.3	Sông Soài Rạp	4.015		1153584	617187	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153826	615060	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3658	7	PL71	89					CG.Rạch Cá Nháp Bé.4	Sông Soài Rạp	2.049		1154232	615128	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155746	615434	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3659	7	PL09	1	208				CG.Rạch Giành Hào Lớn.2	Sông Đồng Tranh 2	560		1154397	620781	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1154401	620286	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3660	7	PL09	1	208	PL 01			CG.Rạch Giành Hào Lớn.3	Sông Đồng Tranh 2	440		1154456	620376	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1154289	620749	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3661	7	PL42	64					CG.Rạch Cát Lái Bé	Sông Cát Lái	870		1155192	619605	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155957	619852	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3662	7	PL42	113					CG.Rạch Cá Nháp 2.2	Sông Cát Lái	590		1155663	616113	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155514	615738	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3663	7	PL71	90					CG.Rạch Cá Nháp Lớn.3	Sông Soài Rạp	1.136		1155553	614520	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1154678	614157	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3664	7	PL71	84					CG.Rạch Cá Nháp Lớn.4	Sông Soài Rạp	1.100		1154719	614518	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155592	614880	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3665	7	PL71	83					CG.Rạch Cá Nháp Lớn.5	Sông Soài Rạp	1.238		1155678	614409	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1154828	613701	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3666	7	PL71	82					CG.Rạch Cá Nháp Lớn.6	Sông Soài Rạp	1.360		1155978	614181	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156005	613201	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3667	7	PL42	65					CG.Sông Cát Lái.1	Sông Cát Lái	732		1157363	615008	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156980	614611	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3668	7	PL42	102					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.5	Sông Cát Lái	1.045		1160504	610592	An Thới	1161006	610518	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3669	7	PL42	109					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.6	Sông Cát Lái	1.702		1161000	611483	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160384	611488	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3670	7	PL42	42					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.7	Sông Cát Lái	1.241		1159526	612391	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160634	612629	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3671	7	PL42	42	PL 01				CG.Rạch Gốc Tre Lớn.8	Sông Cát Lái	1.371		1160634	612629	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161401	611517	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3672	7	PL42	66					CG.Sông Cát Lái.2	Sông Cát Lái	1.406		1159140	615416	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159521	615322	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3673	7	PL54	14					CG.Sông Dinh Bà 2.1	Sông Dinh Bà	1.176		1152517	630235	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151915	630400	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3674	7	PL65	PL02					CG.Sông Hào Võ.1	Sông Hào Võ	2.422		1158675	625032	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159454	625299	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3675	7	PL42	42	3				CG.Rạch Gốc Tre Lớn.9	Sông Cát Lái	843		1159782	613255	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160258	612538	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3676	7	PL42	42	1				CG.Rạch Gốc Tre Lớn.10	Sông Cát Lái	605		1159705	612900	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160067	612392	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3677	7	PL42	106					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.11	Sông Cát Lái	854		1160127	613011	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159410	612546	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3678	7	PL42	107					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.12	Sông Cát Lái	566		1160047	613121	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159569	612818	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3679	7	PL42	67					CG.Sông Cát Lái.3	Sông Cát Lái	1.979		1159031	614534	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160181	612938	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3680	7	PL42	103					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.13	Sông Cát Lái	2.016		1160520	613968	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158987	612661	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3681	7	PL42	41					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.14	Sông Cát Lái	1.524		1159650	614114	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159682	614139	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3682	7	PL42	68					CG.Sông Cát Lái.4	Sông Cát Lái	2.486		1160247	613711	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159732	613710	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3683	7	PL42	42	1	1			CG.Rạch Gốc Tre Lớn.15	Sông Cát Lái	515		1160273	612870	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159897	612617	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3684	7	PL42	29	PL 01				CG.Sông Vàm Sát.35	Sông Vàm Sát	500		1160386	613510	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160009	613181	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3685	7	PL42	69					CG.Sông Cát Lái.5	Sông Cát Lái	1.936		1159682	614139	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159172	614391	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3686	7	PL42	70					CG.Sông Cát Lái.6	Sông Cát Lái	409		1159642	614929	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159374	614620	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3687	7	PL42	71					CG.Sông Cát Lái.7	Sông Cát Lái	581		1159472	614730	An Thới	1159374	614620	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3688	7	PL42	72					CG.Sông Cát Lái.8	Sông Cát Lái	337		1159711	614635	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159853	614496	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3689	7	PL42	29					CG.Sông Vàm Sát.36	Sông Vàm Sát	516		1160272	613673	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160571	613253	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3690	7	PL42	30					CG.Sông Vàm Sát.37	Sông Vàm Sát	1.52		1160851	613603	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160494	613303	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3691	7	PL42	41	1				CG.Rạch Gốc Tre Lớn.16	Sông Cát Lái	1.089		1158692	614198	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159404	613508	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3692	7	PL43	4					CG.Sông Lò Rèn.4	Sông Đồng Tranh 2	740		1161214	615778	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160654	615410	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3693	7	PL44	13					CG.Rạch Bà Giồng.14	Rạch Bà Giồng	503		1160894	615110	An Thới Đông, TP. Hồ	1161168	614787	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3694	7	PL43	5					CG.Sông Lò Rèn.5	Sông Đồng Tranh 2	485		1160776	616374	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161215	616273	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3695	7	PL43	6					CG.Sông Lò Rèn.6	Sông Đồng Tranh 2	497		1161215	616403	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160826	616488	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3696	7	PL42	73					CG.Sông Cát Lái.9	Sông Cát Lái	569		1158812	615043	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158812	615043	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3697	7	PL42	74					CG.Sông Cát Lái.10	Sông Cát Lái	755		1158442	614932	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158680	614353	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3698	7	PL42	75					CG.Sông Cát Lái.11	Sông Cát Lái	464		1157251	615989	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156881	615923	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3699	7	PL42	91					CG.Rạch Cá Ngáy Lớn.2	Sông Cát Lái	779		1159118	615679	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159013	616316	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3700	7	PL42	92					CG.Rạch Cá Ngáy Lớn.3	Sông Cát Lái	1.616		1158780	615660	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158640	615882	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3701	7	PL42	76					CG.Sông Cát Lái.12	Sông Cát Lái	1.706		1160338	615808	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159551	615397	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3702	7	PL54	15					CG.Sông Dinh Bà 1.14	Sông Dinh Bà	642		1161007	618030	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160757	617476	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3703	7	PL42	77					CG.Sông Cát Lái.13	Sông Cát Lái	2.529		1160133	615374	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160123	615678	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3704	7	PL42	32					CG.Rạch Cá Ngáy Lớn.4	Sông Cát Lái	695		1159922	617201	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159948	617220	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3705	7	PL42	94					CG.Rạch Cá Ngáy Lớn.5	Sông Cát Lái	3.191		1160165	616481	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159286	616743	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3706	7	PL43	7					CG.Sông Lò Rèn.7	Sông Đồng Tranh 2	2.295		1160547	617336	An Thới	1160683	617314	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3707	7	PL42	98					CG.Rạch Cá Ngáy Lớn.6	Sông Cát Lái	809		1160300	617128	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160820	616863	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3708	7	PL54	45					CG.Rạch Tràm 2.1	Sông Dinh Bà	1.540		1158615	618234	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158402	617742	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3709	7	PL42	78					CG.Sông Cát Lái.14	Sông Cát Lái	485		1156254	620495	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156670	620323	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3710	7	PL54	46					CG.Rạch Tràm 2.2	Sông Dinh Bà	905		1158692	617597	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158885	617674	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3711	7	PL54	44					CG.Rạch Tràm 2.3	Sông Dinh Bà	415		1159176	618043	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158840	617992	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3712	7	PL54	43	PL 01				CG.Rạch Tràm 2.4	Sông Dinh Bà	501		1159062	618547	An Thới Đông, TP. Hồ	1158644	618441	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3713	7	PL54	43					CG.Rạch Tràm 2.5	Sông Dinh Bà	2.417		1158583	618613	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160233	618027	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3714	7	PL54	42					CG.Rạch Tràm 2.6	Sông Dinh Bà	1.979		1159768	619339	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159767	619355	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3715	7	PL54	42	PL 01				CG.Rạch Tràm 2.7	Sông Dinh Bà	1.075		1159748	619892	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159924	619335	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3716	7	PL54	41					CG.Rạch Tràm 2.8	Sông Dinh Bà	545		1159342	619306	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159685	618951	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3717	7	PL54	47					CG.Rạch Tràm 2.9	Sông Dinh Bà	899		1160591	619232	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160722	618415	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3718	7	PL54	16					CG.Sông Dinh Bà 1.15	Sông Dinh Bà	1.542		1161218	619784	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160206	619660	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3719	7	PL54	17					CG.Sông Dinh Bà 1.16	Sông Dinh Bà	926		1160334	620578	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159711	620164	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3720	7	PL65	1					CG.Sông Hào Võ.2	Sông Hào Võ	4.8		1159047	623309	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160958	622254	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3721	7	PL48	5					CG.Sông Mùng Năm.7	Sông Dần Xây	1.073		1160387	624505	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160957	623914	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3722	7	PL48	4					CG.Sông Mùng Năm.8	Sông Dần Xây	1.608		1160088	626720	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161044	625806	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3723	7	PL65	11					CG.Sông Ông Tiên.2	Sông Hào Võ	1.386		1159804	626295	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159804	626295	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3724	7	PL65	12					CG.Sông Ông Tiên.3	Sông Hào Võ	406		1159349	626205	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159072	626041	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3725	7	PL66	1					CG.Sông Cá Gau.1	Sông Cá Gau	658		1160106	627283	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160471	627026	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3726	7	PL65	13					CG.Sông Ông Tiên.4	Sông Hào Võ	761		1159758	626901	Cần Giờ,	1159549	627172	Cần Giờ,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
3727	7	PL61	61					CG.Tắc Cô Ngần	Sông Ngã Bảy	285		1160135	628780	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160188	628505	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3728	7	PL61	52					CG.Rạch Móng Gà.2	Sông Ngã Bảy	1.541		1160229	630040	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159560	630434	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3729	7	PL66	2					CG.Sông Cá Gau.2	Sông Cá Gau	634		1159042	629062	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159636	629118	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3730	7	PL66	3					CG.Sông Cá Gau.3	Sông Cá Gau	291		1159109	627824	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159322	627913	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3731	7	PL61	53					CG.Rạch Móng Gà.3	Sông Ngã Bảy	579		1160673	629687	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1161179	629792	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3732	7	PL61	54					CG.Rạch Móng Gà.4	Sông Ngã Bảy	640		1160983	629920	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160361	629984	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3733	7	PL61	55					CG.Rạch Móng Gà.5	Sông Ngã Bảy	273		1160288	630470	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160267	630710	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3734	7	PL49	1					CG.Sông Lò Vôi.1	Sông Lò Vôi	1.748		1155453	627013	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1155453	627013	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3735	7	PL53	1					CG.Sông Bà Yến	Sông Cá Gau	557		1156836	629139	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1156510	628757	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3736	7	PL49	2					CG.Sông Lò Vôi.2	Sông Lò Vôi	1.734		1156306	627814	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1155380	627474	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3737	7	PL53	2	1				CG.Rạch Vân.1	Sông Cá Gau	1.648		1156018	628463	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1155438	628108	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3738	7	PL53	2	PL 01				CG.Rạch Vân.2	Sông Cá Gau	415		1155254	628520	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1154967	628731	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3739	7	PL66	4					CG.Sông Cá Gau.4	Sông Cá Gau	633		1158595	628986	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1158992	628629	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3740	7	PL66	5					CG.Sông Cá Gau.5	Sông Cá Gau	875		1158209	628801	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1158452	628280	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3741	7	PL66	6					CG.Rạch Tắc Ngọn	Sông Cá Gau	984		1158445	626520	Cần Giờ, TP. Hồ	1158649	626641	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3742	7	PL49	3					CG.Rạch Cá Rô	Sông Lò Vôi	888		1156825	626754	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1157021	626383	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3743	7	PL53	PL01	PL1				CG.Rạch Bà Yến.2	Sông Cá Gau	594		1156170	627014	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1156730	627053	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3744	7	PL53	PL01	2				CG.Rạch Bà Yến.3	Sông Cá Gau	1.092		1156808	627492	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1156500	627369	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3745	7	PL52	2					CG.Sông Bà Vú.1	Sông Đồng Đình	1.11		1154294	626102	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153641	625817	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3746	7	PL52	2	PL01				CG.Sông Bà Vú.2	Sông Đồng Đình	1.413		1154220	627235	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1155203	626681	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3747	7	PL09	154					Rạch Ông Nhàn Lớn	Rạch Ốc	1.553		1154375	622225	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153135	622906	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3748	7	PL09	1	245				CG.Rạch Ốc.5	Sông Đồng Tranh 2	974		1153553	623376	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1154282	622977	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3749	7	PL09	1	199				CG.Sông Đồng Hòa.2	Sông Đồng Tranh 2	1.108		1148006	624978	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1148353	624149	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3750	7	PL09	1	186	PL 01			CG.Rạch Khe Đôi Nhỏ.2	Sông Đồng Tranh 2	706		1152583	624089	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152240	623578	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3751	7	PL09	1	190				CG.Rạch Khe Đôi Lớn.3	Sông Đồng Tranh 2	2.507		1152701	624223	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152018	624560	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3752	7	PL55	4					CG.Rạch Lò Thàn	Sông Hà Thanh	1.067		1151833	626408	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150799	626189	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3753	7	PL54	28					Rạch Cỏ Trang	Sụng Dinh Bà	1.599		1153290	627732	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152702	627484	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3754	7	PL52	9					Rạch Cỏ Múng	cuối tuyến	1.266		1153200	627149	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153813	626763	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3755	7	PL52	2	PL 02				CG.Sông Bà Vú.4	Sông Đồng Đình	587		1153555	625758	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153070	625485	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3756	7	PL55	5					CG.Sông Hà Thanh.3	Sông Hà Thanh	896		1151589	628310	Cần Giờ, TP. Hồ	1151409	628688	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3757	7	PL09	1	189				CG.Rạch Khe Đôi Lớn.4	Sông Đồng Tranh 2	2.018		1151380	624543	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151339	622898	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3758	7	PL09	1	200				CG.Sông Đồng Hòa.3	Sông Đồng Tranh 2	381		1147992	623807	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1148237	623554	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3759	7	PL09	1	198				CG.Sông Đồng Hòa.4	Sông Đồng Tranh 2	1.795		1149009	624892	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149009	624892	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3760	7	PL09	1	198	PL 01			CG.Sông Đồng Hòa.5	Sông Đồng Tranh 2	1.249		1149229	624671	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1148770	623738	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3761	7	PL55	6					CG.Sông Hà Thanh.4	Sông Hà Thanh	426		1149092	626375	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149334	626099	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3762	7	PL09	1	201				CG.Sông Đồng Hòa.6	Sông Đồng Tranh 2	2.356		1150220	624835	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149309	623412	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3763	7	PL09	1	196				CG.Rạch Dinh.3	Sông Đồng Tranh 2	738		1149985	624543	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149735	624209	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3764	7	PL09	1	195				CG.Rạch Dinh.4	Sông Đồng Tranh 2	698		1150213	624518	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150410	623943	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3765	7	PL55	7					CG.Sông Hà Thanh.5	Sông Hà Thanh	449		1149963	626416	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149826	626687	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3766	7	PL55	8					CG.Sông Hà Thanh.6	Sông Hà Thanh	521		1149104	628025	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149197	627631	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3767	7	PL52	1	PL 01				CG.Rạch So Đũa	Sông Đồng Đình	1.466		1154126	629848	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1154352	629480	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3768	7	PL54	18	PL 01				CG.Rạch Năm Bến	Sông Dinh Bà	954		1152613	629188	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152070	628552	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3769	7	PL54	19					CG.Sông Dinh Bà 2.2	Sông Dinh Bà	478		1152010	631340	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151673	631556	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3770	7	PL54	20					CG.Sông Dinh Bà 2.3	Sông Dinh Bà	304		1152087	631816	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152369	631867	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3771	7	PL61	59					CG.Tắc Móc Mu.3	Sông Ngã Bảy	1.202		1160573	627685	Cần Giờ, TP. Hồ	1161228	628259	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3772	7	PL61	56					CG.Rạch Móng Gà.6	Sông Ngã Bảy	1.469		1161046	630397	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160328	630393	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3773	7	PL63	1					CG.Rạch Lở.1	Rạch Lở	1.149		1150473	628935	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150162	627974	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3774	7	PL63	2					CG.Rạch Lở.2	Rạch Lở	1.074		1150187	630665	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150051	629619	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3775	7	PL63	2	1				CG.Rạch Lở.N1	Rạch Lở	1.101		1150471	630568	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150471	630568	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3776	7	PL54	21					CG.Rạch Cau No	Sông Dinh Bà	1.072		1150833	629703	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150473	628935	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3777	7	PL62	1					CG.Rạch Sáu	Rạch Sáu	2.5		1151598	632778	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151598	632778	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3778	7	PL09	173					CG.Tắc Cống.19	Sông Lòng Tàu	2.736		1160526	628550	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159175	628555	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3779	7	PL65	14					CG.Sông Ông Tiên.5	Sông Hào Võ	1.268		1158753	627148	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1158753	627148	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3780	7	PL09	1	185				CG.Sông Mũi Nai.3	Sông Đồng Tranh 2	1.166		1160176	621736	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160173	621748	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3781	7	PL48	8					Rạch Rụ	Đường Rừng Sốc	3.703		1158987	623195	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1158987	623195	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3782	7	PL42	108					CG.Rạch Gốc Tre Lớn.17	Sông Cát Lái	695		1161103	610642	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161209	610031	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3783	7	PL71	60					CG.Rạch Miễu 1.1	Sông Soài Rạp	523		1178858	609088	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178869	609380	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3784	7	PL71	61	PL 03				CG.Sông Nhà Bè.2	Sông Soài Rạp	252		1179519	608815	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179509	608597	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3785	7	PL71	61	PL 02				CG.Sông Nhà Bè.3	Sông Soài Rạp	885		1179326	608843	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178904	608494	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3786	7	PL71	61	PL 02	PL 01			CG.Rạch Miễu 1.2	Sông Soài Rạp	266		1179324	608731	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179099	608717	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3787	7	PL71	9					CG.Rạch Ba Gây.2	Sông Soài Rạp	653		1168217	609703	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168331	609085	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3788	7	PL52	7					Rạch So Đũa Lớn	cuối tuyến	1.931		1155774	624211	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1156116	623370	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3789	7	PL71	85					CG.Rạch Cá Nháp Lớn.7	Sông Soài Rạp	1.254		1155917	614477	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156549	614822	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3790	7	PL71	86					CG.Rạch Cá Nháp Lớn.8	Sông Soài Rạp	875		1156591	614571	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155911	614446	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3791	7	PL42	55	PL 01				CG.Rạch Núc Mu Lớn.2	Sông Cát Lái	1.772		1154897	618395	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155033	617417	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3792	7	PL42	114					CG.Rạch Cá Nháp 2.3	Sông Cát Lái	897		1155033	617417	An Thới	1155522	617192	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3793	7	PL42	115					CG.Rạch Cá Nháp 2.4	Sông Cát Lái	498		1154668	616715	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155064	616578	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3794	7	PL55	9					CG.Sông Hà Thanh.7	Sông Hà Thanh	1.171		1148966	626853	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1148965	626838	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3795	7	PL55	10					CG.Sông Hà Thanh.8	Sông Hà Thanh	3.95		1148844	627374	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149232	627647	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3796	7	PL63	3					CG.Rạch Lở.3	Rạch Lở	1.18		1149618	628136	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149793	629205	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3797	7	PL63	4					CG.Rạch Lở.4	Rạch Lở	1.308		1149618	629206	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149618	628136	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3798	7	PL09	1	193				CG.Rạch Dinh.5	Sông Đồng Tranh 2	1.285		1151178	624964	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150469	624027	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3799	7	PL09	1	201	PL 01			CG.Sông Đồng Hòa.7	Sông Đồng Tranh 2	991		1149585	624096	Cần Giờ, TP. Hồ	1149558	625055	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3800	7	PL09	1	197	PL 01			CG.Rạch Dinh.6	Sông Đồng Tranh 2	392		1149738	623536	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149382	623688	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3801	7	PL09	1	194				CG.Rạch Dinh.7	Sông Đồng Tranh 2	439		1150016	624133	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150405	623930	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3802	7	PL09	1	197				CG.Rạch Dinh.8	Sông Đồng Tranh 2	1.585		1150220	624835	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149742	623383	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3803	7	PL54	22					CG.M Cây Rạch.1	Sông Dinh Bà	537		1151453	625756	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151019	625752	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3804	7	PL54	23	PL 01				CG.M Cây Rạch.2	Sông Dinh Bà	1.320		1151661	625886	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152666	625246	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3805	7	PL42	79					CG.Sông Cát Lái.15	Sông Cát Lái	494		1157318	620660	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157097	620982	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3806	7	PL09	1	236				CG.Rạch Đầm Cạn	Sông Đồng Tranh 2	387		1157498	620418	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157330	620326	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3807	7	PL65	15					Tắc Cạn	Sông Hào Võ	4.255		1159297	624105	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1159806	624071	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3808	7	PL65	PL01					CG.Sông Hào Võ.5	Sông Hào Võ	2.969		1158213	624535	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1158784	623931	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3809	7	PL71	61					CG.Rạch Miễu 1.3	Sông Soài Rạp	708		1179714	608890	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179134	608951	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3810	7	PL71	61	PL01				CG.Rạch Miễu 1.4	Sông Soài Rạp	518		1179409	608829	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179010	608916	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3811	7	PL71	61	PL01	1			CG.Rạch Miễu 1.5	Sông Soài Rạp	547		1179626	609137	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179166	608963	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3812	7	PL42	96					CG.Rạch Cá Ngáy Lớn.7	Sông Cát Lái	1.175		1158865	616333	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158824	617136	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3813	7	PL43	8					CG.Sông Lò Rèn.8	Sông Đồng Tranh 2	483		1160018	616331	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160406	616084	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3814	7	PL42	97					CG.Rạch Cá Ngáy Lớn.8	Sông Cát Lái	1.603		1159848	617252	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160729	617423	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3815	7	PL54	48					CG.Rạch Tràm 2.10	Sông Dinh Bà	1.647		1160319	617937	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160305	617260	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3816	7	PL42	48	PL 01				CG.Rạch Cá Nháp 1	Sông Cát Lái	384		1157673	616060	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157871	616388	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3817	7	PL42	80					CG.Sông Cát Lái.16	Sông Cát Lái	602		1157593	617648	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157922	617897	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3818	7	PL42	84					CG.Kênh Kê.1	Sông Cát Lái	1.773		1157762	618288	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157625	618248	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3819	7	PL42	85					CG.Kênh Kê.2	Sông Cát Lái	4.683		1157762	618288	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157561	618085	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3820	7	PL42	86					CG.Kênh Kê.3	Sông Cát Lái	844		1157280	618804	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157421	619444	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3821	7	PL42	81					CG.Sông Cát Lái.17	Sông Cát Lái	5.88		1157421	619444	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157177	619217	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3822	7	PL42	87					CG.Kênh Kê.4	Sông Cát Lái	358		1157280	618804	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157242	619082	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3823	7	PL46	1					Rạch Sấu	Rạch Tràm	4.513		1157313	622306	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1157421	619444	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3824	7	PL42	88					CG.Rạch Xóc Xẻo	Sông Cát Lái	803		1156687	618337	An Thới	1156420	618340	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3825	7	PL42	55	PL 02				CG.Rạch Núc Mu Lớn.3	Sông Cát Lái	3.856		1154086	618427	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156862	618332	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3826	7	PL09	1	234				CG.Rạch Giành Hào Lớn.4	Sông Đồng Tranh 2	4.581		1154086	618427	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155032	617417	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3827	7	PL09	1	232	1	1		CG.Rạch Giành Hào Bé.5	Sông Đồng Tranh 2	751		1151869	619204	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1151960	619764	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3828	7	PL09	1	232	1	PL02		CG.Rạch Giành Hào Bé.6	Sông Đồng Tranh 2	310		1151805	619742	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1151496	619738	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3829	7	PL09	1	233	PL01	PL01		CG.Rạch Giành Hào Bé.7	Sông Đồng Tranh 2	324		1151788	619061	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1151464	619058	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3830	7	PL09	1	232	1	PL01		CG.Rạch Giành Hào Bé.8	Sông Đồng Tranh 2	413		1151726	619272	An Thới Đông, TP. Hồ	1151803	619669	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3831	7	PL09	1	209				CG.Rạch Giành Hào Lớn.5	Sông Đồng Tranh 2	1.059		1153048	619192	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153048	619192	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3832	7	PL71	94					CG.Mương Ốc.5	Sông Soài Rạp	1.124		1152851	618483	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1152485	617421	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3833	7	PL09	1	232	1	PL03		CG.Rạch Giành Hào Bé.9	Sông Đồng Tranh 2	2.543		1151805	619742	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1152420	618501	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3834	7	PL09	1	232	1	PL04		CG.Rạch Giành Hào Bé.10	Sông Đồng Tranh 2	788		1151494	620056	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1151495	619268	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3835	7	PL09	1	232	1			CG.Rạch Giành Hào Bé.11	Sông Đồng Tranh 2	2.06		1152431	618579	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1151805	619742	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3836	7	PL09	1	233	PL01			CG.Rạch Giành Hào Bé.12	Sông Đồng Tranh 2	891		1151971	619206	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1151956	618657	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3837	7	PL09	1	233				CG.Rạch Giành Hào Bé.13	Sông Đồng Tranh 2	2.259		1151975	619587	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1152661	617931	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3838	7	PL09	1	209	1			CG.Rạch Giành Hào Lớn.6	Sông Đồng Tranh 2	1.287		1152509	618497	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153796	618465	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3839	7	PL54	25					CG.Sông Dinh Bà 1.17	Sông Dinh Bà	2.705		1161221	621371	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160824	620542	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3840	7	PL71	76					CG.Kênh Đào.5	Sông Soài Rạp	582		1179172	609769	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178971	609358	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3841	7	PL39	81					Tắc Định Cậu	Sông Dừa	2.615		1171488	622337	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169840	623963	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3842	7	PL71	54					Rạch Bông Giếng Nhỏ	cuối tuyến	1.504		1176044	612066	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175362	612806	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3843	7	PL71	47					Rạch Bà Hớn	Sông Soài Rạp	1.666		1174574	611815	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175186	612902	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3844	7	PL09	135					Kinh Ngay	Sông Lòng Tàu	1.795		1177258	613886	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178685	614962	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3845	7	PL09	124					Kênh Ông Cả	Sông Lòng Tàu	2.154		1176776	615964	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176366	614394	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3846	7	PL31	20					Rạch Bà Xỏn	cuối tuyến	1.012		1173744	617308	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174089	617835	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3847	7	PL71	40					Rạch Giồng	cuối tuyến	1.728		1171038	613497	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171027	615029	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3848	7	PL71	36					Kênh Ngay	Sông Soài Rạp	1.247		1170723	613535	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170755	614777	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3849	7	PL09	90					Rạch Mốc Keo Lớn	Tắc Tõy Đen	3.13		1173382	618253	An Thới	1171741	619249	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3850	7	PL09	65					Rạch Mương Bồng 1	Sông Lòng Tàu	4.479		1173314	618371	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171119	620470	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3851	7	PL62						Rạch Sáu	Rạch Sáu	3.01		1152062	633044	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151241	630894	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3852	7	PL62	3					Rạch Giồng Ao	Rạch Sáu	1.996		1151440	631931	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150888	630991	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3853	7	PL09	1	239				Rạch Cây Da	cuối tuyến	516		1148651	625139	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1148296	625168	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3854	7	PL63						Rạch Lở	Rạch Lở	2.03		1149722	629571	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150380	628727	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3855	7	PL71	62					Rạch Sông Tần	Sông Soài Rạp	1.644		1177500	612406	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176202	613322	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3856	7	PL09	141					Rạch Bà Tân	Sông Lòng Tàu	899		1179468	613736	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178940	613934	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3857	7	PL09	127					Rạch Cá Sức	Sông Lòng Tàu	1.046		1177323	615701	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177607	614731	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3858	7	PL31	31					Rạch Muỗi	Rạch Lá	1.281		1173625	614333	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174403	614559	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3859	7	PL31	21					Rạch Cây Cui	Rạch Lá	783		1174235	615400	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174683	615531	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3860	7	PL09	72					Rạch Vọp	Sông Lòng Tàu	2.399		1174500	621067	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173501	619737	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3861	7	PL09	91					Rạch Tắc Bà Tùng	Sông Lòng Tàu	2.153		1171772	617746	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1170824	619260	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3862	7	PL71	32					Rạch Hóc Hỏa Lớn	Sông Soài Rạp	2.277		1170308	613469	An Thới	1170034	615171	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3863	7	PL71	33					Rạch Hóc Hỏa Nhỏ	Sông Soài Rạp	1.677		1170184	613626	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169409	614906	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3864	7	PL71	29					Rạch Bàu Thơ	Sông Soài Rạp	1.482		1169856	613238	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169154	614530	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3865	7	PL71	104					Rạch Múc Bột	Rạch Đôn	1.895		1170307	615437	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169679	616304	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3866	7	PL71	19					Rạch Bà Tám	Sông Soài Rạp	867		1169147	612113	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168298	611986	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3867	7	PL71	16					Kênh Chủ	Rạch Kho Mắm	1.504		1169096	611851	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167753	611570	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3868	7	PL71	14					Kênh Thỏ	Sông Soài Rạp	1.181		1169111	611224	An Thới Đông, TP. Hồ	1167986	610953	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3869	7	PL71	7					Kênh Sơn	kênh Chủ	1.360		1169149	611055	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168160	610433	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3870	7	PL71	12					Rạch Đôi	Sông Soài Rạp	590		1169634	609368	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169187	609689	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3871	7	PL71	6	1	1			Rạch Ba Gây	Sông Soài Rạp	1.454		1167998	609112	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167998	610333	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3872	7	PL09	1	150				Rạch Sói Lớn	Sông Đồng Tranh 1	3.716		1177287	623789	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175029	621419	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3873	7	PL09	1	152				Rạch Vàm Tượng	Sông Đồng Tranh 1	2.266		1175679	625147	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175380	623202	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3874	7	PL39	91					Rạch Dừa Chà Là	Sông Dừa	3.800		1173401	625588	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174595	622963	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3875	7	PL39	128					Rạch Ngã Bắc	Sông Dừa	2.596		1173244	625080	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174519	623849	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3876	7	PL39	99					Rạch Tắc Bé	Sông Dừa	2.446		1172283	625050	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172863	622978	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3877	7	PL68	114					Rạch Già Cua	cuối tuyến	1.929		1170450	627403	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171627	627674	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3878	7	PL09	1	144				Rạch Tắc Cầu Kho	Sông Đồng Tranh 1	5.168		1170009	627851	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171368	625631	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3879	7	PL39	9					Rạch Mu Rùa	Sông Dừa	1.912		1167210	626511	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168614	626878	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3880	7	PL09	1	145				Rạch Con Chó	Sông Đồng Tranh 1	3.575		1168749	627685	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166568	626744	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3881	7	PL39	1					Rạch Tràm 1	Sông Dừa	1.985		1165794	626651	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166815	628039	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3882	7	PL39	85					Rạch Cái Đước	Sông Dừa	2.458		1169107	622185	Bình Khánh, TP. Hồ	1168486	620353	Bình Khánh, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3883	7	PL39	84					Rạch Bìa	Sông Dừa	905		1169683	622938	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169754	622174	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3884	7	PL39	140					Rạch Giữa	Sông Dừa	602		1169737	622830	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170146	622463	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3885	7	PL39	137					Rạch Gốc Tre	Sông Dừa	1.594		1169382	621669	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1170529	621089	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3886	7	PL39	113					Rạch Bắc Ngoại	Sông Dừa	2.459		1167210	624256	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1167473	622419	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3887	7	PL09	56					Rạch Lang Hoa	Sông Lòng Tàu	885		1165724	620782	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1166126	621290	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3888	7	PL09	53					Rạch Long Vương	Sông Lòng Tàu	4.732		1163549	625900	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165129	623837	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3889	7	PL09	1	73				Rạch Ông Cu	Sông Đồng Tranh 1	718		1169774	632221	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170475	632098	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3890	7	PL09	1	238				Rạch Ngọn Hốc Hỏa	Sông Đồng Tranh	477		1169581	632679	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170023	632840	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3891	7	PL68	101					Ngọn Hốc Hỏa	Sông Gò Gia	1.312		1169298	634165	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1170105	633416	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3892	7	PL39	151					Rạch Cỏi Vồ	Tắc Cỏ Đao	2.637		1166234	626269	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1165773	624621	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3893	7	PL42	31					Rạch Miễu 3	Sông Vàm Sát	799		1165752	612056	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165993	611324	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3894	7	PL71	2					Rạch Rào Bé	Sông Soài Rạp	855		1163059	610058	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1162999	610773	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3895	7	PL42	118					Rạch Núc Mu Lớn	cuối tuyến	1.458		1155870	617235	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155491	618406	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3896	7	PL71	87					Rạch Cá Nháp Bé	Sông Soài Rạp	3.295		1155780	615578	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153697	616784	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3897	7	PL71	95					Rạch Mương Thông	Sông Soài Rạp	1.861		1152223	616560	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153096	617690	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3898	7	PL71	93					Mương Ốc	Sông Soài Rạp	836		1151570	617399	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1152196	617573	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3899	7	PL44	27					Rạch Chà Là	Rạch Bà Giồng	2.638		1164862	616175	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165509	614159	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3900	7	PL45	51					Rạch Tắc Rỏn	Rạch Lỏ - Tắc Tõy Đen	1.804		1163811	620500	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164359	618850	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3901	7	PL47	1					Sông Long Giang Xây	Sông Dần Xây	2.305		1162319	621928	An Thới	1163299	620297	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3902	7	PL42	93					Rạch Cá Ngáy Lớn	Sông Cát Lái	3.259		1157936	616407	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1160344	617146	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3903	7	PL09	113					Tắc Sống Trâu	Sông Lòng Tàu	3.696		1161585	624267	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163227	623929	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3904	7	PL09	106					Tắc Ông Địa 3	Sông Lòng Tàu	3.051		1161629	624429	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163293	625017	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3905	7	PL48	7					Rạch Đầm	Sụng Mựn Năm	3.491		1160777	626745	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1162038	625997	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3906	7	PL51	1					Rạch Cỏ Nhỏm	Rạch Mồng Gà	2.096		1161636	629316	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1163131	629323	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3907	7	PL61	60					Tắc Cô Ngần	Sông Ngã Bảy	731		1160478	629691	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1160454	629024	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3908	7	PL66	6	1				Rạch Tắc Ngọn	Sông Cá Gau	4.386		1158503	627911	Cần Giờ, TP. Hồ	1157553	625955	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
3909	7	PL49	6					Rạch Cỏ	Khu dõn cư	647		1156932	626402	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1157133	626904	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3910	7	PL53	2					Rạch Vân	Sông Cá Gau	688		1155612	628785	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1155336	628248	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3911	7	PL66	7					Rạch Giồng 2	Sông Cá Gau	527		1156600	628654	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1156849	628564	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3912	7	PL53						Sông Bà Yến	Sông Cá Gau	2.205		1155050	629498	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156582	628652	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3913	7	PL53	PL01					Rạch Bà Yến	Sông Cá Gau	2.250		1156582	628652	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1156310	626747	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3914	7	PL49	4					Rạch Cây Trâm Bé	Sông Lò Vôi	1.528		1155967	626049	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1156060	624827	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3915	7	PL49	5					Rạch Cây Trâm Lớn	cuối tuyến	2.019		1155723	626090	Cần Giờ, TP. Hồ	1154435	625282	Cần Giờ, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3916	7	PL53	3					Sông Bà Vú	Rạch Bà Yến	2.873		1154554	627816	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153886	625410	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3917	7	PL52	4					Rạch Bà Tiến	Sông Đồng Đình	1.879		1153886	625410	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1154711	624652	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3918	7	PL52	2	PL 03				Rạch Bà Lưới	Sông Đồng Đình	921		1153597	626054	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153086	626163	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3919	7	PL54	32					M Cây Rạch	cuối tuyến	1.914		1152354	626720	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151462	625499	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3920	7	PL55	4	1				Rạch Lò Thàn	cuối tuyến	520		1150718	626474	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150814	626021	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3921	7	PL09	1	187				Rạch Khe Đôi Lớn	Sông Đồng Tranh 2	2.024		1151330	622780	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152007	624582	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3922	7	PL55	11					Rạch Cổ Cò	Sông Hà Thanh	636		1149770	626162	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150268	625904	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3923	7	PL55	12					Rạch Lá Buông	Sông Hà Thanh	1.534		1150581	626950	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1149899	627792	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3924	7	PL54	38					Rạch Cầu Nũ	cuối tuyến	1.328		1151678	629485	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1150834	628965	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3925	7	PL52	3					Rạch Ruột Ngựa	Sông Đồng Đình	1.307		1154549	628889	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153689	628737	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3926	7	PL52	1					Rạch So Đũa	Sông Đồng Đình	880		1154393	629817	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1154019	630239	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3927	7	PL52	1	PL 02				Rạch So Đũa Lớn 2	Sông Đồng Đình	2.701		1154019	630239	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153483	629259	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3928	7	PL54	26					Rạch Cá Heo	Sông Dinh Bà	2.152		1153133	628280	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153498	629475	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3929	7	PL54	18					Rạch Năm Bến	Sông Dinh Bà	1.919		1151806	629125	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1152411	629605	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3930	7	PL63	PL01					Rạch Lở.N1	Rạch Lở	1.785		1150115	629608	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1151037	630251	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3931	7	PL42	116					Tắc Lý Trượng	Sông Cát Lái	1.11		1156656	616048	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1155828	615491	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3932	7	PL65						Sông Hào Võ	Sông Hào Võ	4.421		1157700	623209	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1158351	625015	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3933	7	PL42	99					Rạch Gốc Tre Lớn	Sông Cát Lái	7.894		1158661	614194	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1161182	611316	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3934	7	PL42	53					Rạch Lá Bé	Sông Vàm Sát	2.752		1165509	614159	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166968	613858	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3935	7	PL42	59					Rạch Tắc Ông Thọ	Sông Vàm Sát	2.198		1167977	614037	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167556	615573	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3936	7	PL45	36					Rạch Tắc Mới	Rạch Đụn	2.126		1167451	615684	An Thới	1166216	617140	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3937	7	PL09	1	240				Rạch Gành Hào Lớn	Ngọn rạch	4.030		1153811	618517	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1153971	620740	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3938	7	PL09	1	241				Rạch Gành Hào Bộ	cuối tuyến	1.633		1152396	619370	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1152535	620738	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3939	7	PL42	82					Rạch Cát Lái Lớn	Sông Cát Lái	1.318		1155016	619501	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156057	620105	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3940	7	PL42	83					Rạch Cát Lái Bé	Sông Cát Lái	1.766		1156009	618649	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156125	619931	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3941	7	PL42	89					Rạch Xóc Xẻo	Sông Cát Lái	1.640		1156853	617815	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1156170	618013	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3942	7	PL42	111					Rạch Cỏ Nhỏp	cuối tuyến	1.863		1157313	615580	An Thới Đông, TP. Hồ	1157488	616531	An Thới Đông, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
3943	7	PL47	14					Kênh Phụ Nữ	Sông Dần Xây	1.308		1163729	621209	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163672	622459	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3944	7	PL42	57					Kênh Kho Đá	Kênh Chủ	4.765		1168518	613290	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166584	612533	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3945	7	PL71	26					Rạch Kho Mắm Nhỏ	Sông Soài Rạp	814		1169658	613083	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1169046	613497	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3946	7	PL71	23					Rạch Kho Đồn	Sông Soài Rạp	1.326		1169246	612449	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167951	612647	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3947	7	PL71	43					Tắc Ông Nghĩa	Sông Soài Rạp	1.977		1171925	615293	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171930	614487	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3948	7	PL71	78					Tắc Ông Mười Chương	Sông Soài Rạp	799		1178269	609717	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178844	610216	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3949	7	PL71	59					Rạch Miễu 1	Sông Soài Rạp	1.091		1178488	609062	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178877	609067	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3950	7	PL71	74					Kênh Đào	Sông Soài Rạp	1.871		1179388	609646	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178610	611168	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3951	7	PL71	79					Kênh Ông Huyện	Sông Soài Rạp	1.640		1177875	612363	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179047	612414	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3952	7	PL09	142					Rạch Hú Hý	Sông Lòng Tàu	1.154		1180105	612512	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179337	612553	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3953	7	PL09	115					Rạch Cây Dừa	Sông Lòng Tàu	2.427		1175812	615092	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175582	616899	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3954	7	PL09	151					Rạch Bà Đo	Sụng Lũng Tàu	1.569		1175380	617108	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174403	616775	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3955	7	PL31	18					Rạch Dà Đo 2	Rạch Lá	2.619		1174313	617177	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172854	617062	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3956	7	PL31	34					Rạch Bần Bụng	Rạch Lỏ	1.51		1172615	616933	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171772	617746	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3957	7	PL31	14					Rạch Cát	Rạch Lá	1.132		1173705	618737	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174713	618948	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3958	7	PL09	69					Rạch Mương Bồng 2	Sông Lòng Tàu	2.160		1171741	619249	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1171090	620042	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3959	7	PL44	19					Rạch Ngã Chín	Rạch Bà Giồng	1.142		1165161	615952	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166181	615582	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3960	7	PL44	28					Rạch Cá Đuối	Rạch Bà Giồng	728		1165433	614529	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1166016	614803	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3961	7	PL42	95					Tắc Tường Miêu	Sông Vàm Sát	1.799		1165443	612257	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1165827	613868	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3962	7	PL71	45					Rạch Mốp	Sông Soài Rạp	960		1172612	613201	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173156	613889	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3963	7	PL71	56					Rạch Miễu 2	Sông Soài Rạp	1.270		1176232	613236	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1175007	613304	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3964	7	PL71	97					Rạch Cá Đôi	Sông Soài Rạp	1.695		1177645	611165	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178892	611620	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3965	7	PL71	55					Rạch Bà Chín	Sông Soài Rạp	732		1176582	611916	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176634	612339	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3966	7	PL31	30					Rạch Bà Đua 2	Rạch Lá	1.454		1174551	613141	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174637	613581	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3967	7	PL09	144					Rạch Sáng Quán	Sông Lòng Tàu	829		1178344	613214	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1178033	613865	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3968	7	PL71	41					Rạch Sâu	Sông Soài Rạp	2.787		1172226	613326	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1173254	615302	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3969	7	PL44	29					Tắc Ông Địa	Rạch Bà Giồng	1.742		1165047	618073	An Thới	1164958	617032	An Thới	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Đông, TP. Hồ Chí Minh			Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3970	7	PL09	60					Tắc Rạch Dừa	Sông Lòng Tàu	1.622		1167801	619275	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1168906	620016	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3971	7	PL39	75					Rạch Đước 2	Sông Dừa	1.243		1170274	624140	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171291	623906	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3972	7	PL68	181					Rạch Bùng	cuối tuyến	2.303		1171627	627674	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171762	629403	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3973	7	PL09	1	121				Rạch Tắc Bà Kiên	Sông Đồng Tranh 1	1.705		1173081	627198	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1171704	626764	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3974	7	PL09	1	127				Rạch Bà Kiên	Sông Đồng Tranh 1	2.393		1171104	626426	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1172810	626203	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3975	7	PL66	8					Rạch Giộng	cuối tuyến	2.282		1156934	627967	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1157955	628078	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3976	7	PL61	50					Rạch Ông Mung	cuối tuyến	2.225		1165184	631978	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1165526	630360	Thạnh An, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
																	Chí Minh	
3977	7	PL68	182					Tắc Cây	Rạch Cá Nhám	1.185		1163894	633808	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1164864	633533	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3978	7	PL68	187					Tắc Cá Chồn	Sông Cái Mép	1.865		1163242	635425	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1163783	636564	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3979	7	PL61	8					Tắc Cán Gáo	Sông Ngã Bảy	2.603		1161203	631457	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1161672	633337	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3980	7	PL61	7					Tắc Cù Bắp	Sông Ngã Bảy	1.282		1160298	633803	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1160092	632929	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3981	7	PL61	1					Sông Tắc Đèn	Sông Ngã Bảy	1.939		1157463	632697	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1158504	631678	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
3982	7	PL09	1	243				Rạch Lồng Bai	Đường Rừng Sác	721		1153872	625393	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153300	625089	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3983	7	PL09	1	186				Rạch Khe Đôi Nhỏ	Sông Đồng Tranh 2	3.21		1151775	622570	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153359	624697	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3984	7	PL09	1	242				Rạch Ốc	cuối tuyến	2.839		1152869	621856	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1153807	624263	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3985	7	PL09	1	206				Rạch Ông Nhàn Lớn	Sông Đồng Tranh 2	2.313		1154444	622141	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1154260	624289	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3986	7	PL52	8					Rạch So Đũa Nhỏ	cuối tuyến	1.714		1156119	623131	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	1155050	623938	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3987	7	PL46	2					Rạch Tượng	cuối tuyến	1.381		1158315	620098	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1158831	621262	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3988	7	PL45	33					Rạch Tắc Mới	Rạch Đụn	1.787		1166672	617890	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1167811	616877	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3989	7	PL44	14					Rạch Ba Đáy	Rạch Bà Giồng	1.280		1163786	616588	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164745	617194	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3990	7	PL54	27					Rạch Hai Đại	Sông Dinh Bà	1.108		1162306	617580	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1163069	617001	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3991	7	PL09	1	191				Rạch Dinh	Sông Đồng Tranh 2	1.544		1150261	623127	Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	1150752	624443	Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
3992	7	PL09	1	151				Rạch Sỏi Nhỏ	Sông Đồng Tranh 1	1.169		1176691	624033	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176156	623276	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3993	7	PL39	153					Rạch Cá Nhám 1	Sông Dừa	1.985		1168525	622516	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1169244	624083	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3994	7	PL71	62	1				CG.Rạch Sông Tần.1	Sông Soài Rạp	593		1177927	612563	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1177501	612406	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3995	7	PL09	150					Rạch Sáu Quán	Rạch Lập Dời	781		1179106	613314	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1179857	613335	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3996	7	PL71	53					Rạch Bông Giếng Lớn	Sông Soài Rạp	393		1176507	612725	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1176740	613008	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3997	7	PL71	24					Rạch Kho Mắm	Sông Soài Rạp	482		1168576	613070	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1168119	612919	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
3998	7	PL39	154					Sông Dừa	Sông Dừa	2.567		1172017	625331	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1174015	626294	Bình Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
3999	7	PL54	40					Rạch Tràm	Sông Dinh Bà	1.328		1158532	618546	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1159272	619366	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
4000	7	PL44						Rạch Bà Giồng	Rạch Chà La	1.675		1163417	615800	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	1164862	616175	An Thới Đông, TP. Hồ Chí Minh	
4001	7	1						Suối Cầu	Sông Đồng Nai	18		1235769	704061	Xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	1227075	712788	Xã Thường Tân, TP. Hồ Chí Minh	
4002	7	2						Hệ thống suối Tân Lợi - suối sâu - suối Vũng Gấm	Sông Đồng Nai	23		1231831	698531	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	1221485	708920	Xã Thường Tân, TP. Hồ Chí Minh	
4003	7	3						Suối Tổng Nhẫn	Sông Đồng Nai	14,9		1232966	703380	Xã Bắc Tân Uyên,	1232816	706874	Xã Bắc Tân Uyên,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
4004	7	4						Suối Tre	Suối Cái	2,5		1229701	684748	Phường Hòa Lợi. TP. Hồ Chí Minh	1234774	684019	Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	
4005	7	5						Suối Đá Bàn	Sông Đồng Nai	2,8		1240621	704038	Xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	1239627	707397	Xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	
4006	7	6						Suối Cái	Sông Đồng Nai	29		1233421	689251	Phường Bình Cơ, TP. Hồ Chí Minh	1212931	694761	Phường Tân Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
4007	7	7						Suối Vĩnh Lai	Suối Cái	11		1233602	691352	Phường Bình Cơ, TP. Hồ Chí Minh	1223843	687841	Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	
4008	7	8						Rạch Cầu Ông Hựu	Sông Đồng Nai	3,2		1226820	695317	Xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	1223489	696747	Xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4009	7	9						Rạch Cầu Gõ	Sông Đồng Nai	2,4		1225694	697045	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	1223796.94	696410.63	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	
4010	7	10						Suối Bà Tùng	Sông Đồng Nai	4		1225977	697171	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	1223753	697814	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	
4011	7	11						Rạch Tre	Sông Đồng Nai	2,1		1226820	695317	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	1223489	696747	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	
4012	7	12						Suối Bưng Cù	Suối Cái	1,4		1214131	692513	Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	1213283	693583	Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	
4013	7	13						Suối Bà Phó	Suối Cái	24,6		1227252	673269	Phường Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh	1227973	674019	Phường Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh	
4014	7	14						Suối Con	Suối Cái	3		1220100	686505	Phường Tân Khánh,	1220370	689414	Phường Tân Hiệp,	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														TP. Hồ Chí Minh			TP. Hồ Chí Minh	
4015	7	15						Suối Dung Gia	Suối Cái	4		1229815	686940	Phường Vĩnh Tân, TP. Hồ Chí Minh	1226253	686347	Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	
4016	7	16						Suối Ông Đông	Suối Cái	7,6		1213294	684703	Phường Bình Cơ, TP. Hồ Chí Minh	1233798	694822	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	
4017	7	17						Suối Chợ	Suối Cái	9,5		1225814	683711	Phường Tân Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1227065	685419	Phường Tân Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
4018	7	18						Suối Hố Đá	Suối Cái	2,5		1225373	686123	Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	1225800	686674	Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	
4019	7	19						Rạch Ông Tiếp	Sông Đồng Nai	7,5		1211728	692922	Phường Tân Khánh, TP. Hồ Chí Minh	1213089	694664	Phường Tân Khánh, TP. Hồ Chí Minh	
4020	7	20						Suối Long Đá	Suối Cái	3,4		1220100	686505	Phường Tân Hiệp, TP. Hồ	1220370	689414	Phường Tân Hiệp, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
4021	7	21						Suối Tân Lợi	Sông Đồng Nai	3,2		1231831	698531	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	1221485	708920	Xã Thường Tân, TP. Hồ Chí Minh	
4022	7	22						Suối Nhum (Tân Uyên)	Suối Bà Phó	1,2		1227227	689344	Phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	1226788	688659	Phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	
4023	7	23						Suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	Sông Đồng Nai	22,9		1204892	698217	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1206138	698933	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4024	7	24						Suối Nhum (Dĩ An)	Sông Đồng Nai	4,7		1205232	693259	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1202595	694444	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4025	7	25						Suối Bình Thắng	Sông Đồng Nai	4,5		1203899	697601	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1206382	699297	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4026	7	26						Rạch Tân Vạn	Sông Đồng Nai	3,6		1207185	698486	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1206816	700053	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4027	7	27						Suối Lồ Ô Rạch Tân Vạn	Sông Đồng Nai	2,4		1205535	695818	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1206259	698124	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4028	7	28						Rạch Bà Khâm	Sông Đồng Nai	1,6		1205587	699441	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1206390	699407	Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4029	7	29						Suối Sâu Tân Thắng	Sông Đồng Nai	1,2		1209055	693137	Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	1209751	693956	Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	
4030	7	30						Suối Cây Trường	Sông Đồng Nai	2,2		1211509	691233	Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	1211324	692791	Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	
4031	7	31						Suối Bình Cơ	Suối Bà Phó	2,3		1234440	694474	Phường Bình Cơ, TP.	1235893	697375	Phường Bình Cơ, TP.	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Hồ Chí Minh			Hồ Chí Minh	
4032	**7**	61	1					Hệ thống Suối Cát - rạch Bà Lụa	Sông Sài Gòn	1,4		1215169	684778	Phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh	1210325	681820	Phường Thuận An, TP. Hồ Chí Minh	
4033	**7**	61	2					Hệ thống rạch Lái Thiêu - rạch Vĩnh Bình	Sông Sài Gòn	1,4		1205850	684832	Phường Lái Thiêu, TP. Hồ Chí Minh	1203736	685661	Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4034	**7**	61	3					Hệ thống rạch Chòm Sao - rạch Vàm Búng	Sông Sài Gòn	8		1210078	684422	Phường Thuận Giao, TP. Hồ Chí Minh	1210698	685920	Phường Thuận An, TP. Hồ Chí Minh	
4035	**7**	61	4					Hệ thống suối Đờn - rạch Bình Nhâm	Sông Sài Gòn	5,8		1209661	686488	Phường Thuận Giao, TP. Hồ Chí Minh	1208735	684976	Phường Lái Thiêu, TP. Hồ Chí Minh	
4036	**7**	61	5					Rạch Cầu Đỏ	Rạch Bình Nhâm	2,6		1207579	685135	Phường Lái Thiêu, TP. Hồ Chí Minh	1209697	684556	Phường Lái Thiêu, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4037	**7**	61	6					Suối Xuy Nô	Sông Sài Gòn	10		1242416	657399	Xã Thanh An, TP. Hồ Chí Minh	1234130	659503	Xã Thanh An, TP. Hồ Chí Minh	
4038	**7**	61	7					Suối Cát (Dầu Tiếng)	Sông Sài Gòn	13		1255423	651368	Xã Dầu Tiếng, TP. Hồ Chí Minh	1245387	648677	Xã Dầu Tiếng, TP. Hồ Chí Minh	
4039	**7**	61	8					Suối Dứa	Sông Sài Gòn	16		1254147	652429	Xã Dầu Tiếng, TP. Hồ Chí Minh	1243448	649343	Xã Dầu Tiếng, TP. Hồ Chí Minh	
4040	**7**	61	9					Rạch Cần Nôm	Sông Sài Gòn	10		1244925	659024	Xã Thanh An, TP. Hồ Chí Minh	1241492	650860	Xã Thanh An, TP. Hồ Chí Minh	
4041	**7**	61	10					Hệ thống rạch Suối Giữa - suối Bưng Cầu- rạch Bà Cố	Sông Sài Gòn	11		1222851	683067	Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	1216728	676901	Phường Chánh Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	
4042	**7**	61	11					Rạch Trầu	Sông Sài Gòn	5,5		1216941	678765	Phường Thủ Dầu	1214570	678019	Phường Thủ Dầu	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Một, TP. Hồ Chí Minh			Một, TP. Hồ Chí Minh	
4043	**7**	61	12					Rạch Ông Đành	Sông Sài Gòn	1,5		1214577	679914	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	1215238	681315	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	
4044	**7**	61	13					Rạch Thầy Năng	Sông Sài Gòn	1,8		1213898	680194	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	1214178	681191	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	
4045	**7**	61	14					Rạch Thủ Ngữ	Sông Sài Gòn	1,3		1213293	681477	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	1213380	680525	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	
4046	**7**	61	15					Rạch Bàu Bàng (Chủ Hiếu)	Sông Sài Gòn	1,8		1212960	681410	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	1213404	680370	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4047	7	61	16	1				Suối Chà Vi	Sông Thị Tính	4,4		1234945	673304	Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	1233650	673151	Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	
4048	7	61	16	2				Rạch Chồm Chồm	Sông Thị Tính	3,2		1233246	673229	Phường Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh	1230816	673334	Phường Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh	
4049	7	61	16	3				Rạch Bến Trắc	Sông Thị Tính	11		1234167	680972	Phường Chánh Phú Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1228389	673798	Phường Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh	
4050	7	61	16	4				Hệ thống rạch Cây Bần - suối Tân Định - suối Cầu Định	Sông Thị Tính	14,1		1227525	678074	Phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1224538	675034	Phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4051	7	61	16	5				Suối Căm Xe	Sông Thị Tính	11,8		1259775	667787	Xã Minh Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1252781	660710	Xã Thạnh An, TP. Hồ Chí Minh	
4052	7	61	16	6				Suối Bà Và	Sông Thị Tính	10,3		1267467	671468	Xã Minh	1259857	667815	Xã Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Thạnh, TP. Hồ Chí Minh			Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
4053	7	61	16	7				Suối Bà Tứ	Sông Thị Tính	3,2		1249005	674378	Xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh	1251448	667522	Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4054	7	61	16	8				Suối Lồ Ô	Sông Thị Tính	8,2		1265677	665478	Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1263634	664119	Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4055	7	61	16	9				Suối Đá Yêu	Suối Hố Đá	8,2		1255924	674295	Xã Trừ Văn Thố, TP. Hồ Chí Minh	1247770	661154	Phường Tây Nam, TP. Hồ Chí Minh	
4056	7	61	16	10				Suối Hàng Nù	Sông Thị Tính	5,5		1249644	654839	Xã Thanh An, TP. Hồ Chí Minh	1246497	661681	Phường Tây Nam, TP. Hồ Chí Minh	
4057	7	61	16	11				Suối Hố Muồng	Sông Thị Tính	10,8		1247906	667873	Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1244758	662710	Phường Tây Nam, TP. Hồ Chí Minh	
4058	7	61	16	12				Suối Cầu Đen	Sông Thị Tính	4,3		1250886	656126	Xã Thanh An, TP.	1250505	659328	Phường Tây Nam, TP. Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Hồ Chí Minh			Chí Minh	
4059	7	61	16	13				Suối Cầu Đỏ	Sông Thị Tính	9,4		1254415	653461	Xã Dầu Tiếng, TP. Hồ Chí Minh	1253347	655431	Xã Dầu Tiếng, TP. Hồ Chí Minh	
4060	7	61	16	14				Suối Cái Liêu	Sông Thị Tính	11		1266416	661541	Xã Minh Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1257956	665444	Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4061	7	61	16	15				Suối Bát	Sông Thị Tính	14		1264113	660646	Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1252382	660646	Xã Thanh An, TP. Hồ Chí Minh	
4062	7	61	16	16				Suối Cốm (suối Cầu Trắc)	Sông Thị Tính	13		1258470	651218	Xã Dầu Tiếng, TP. Hồ Chí Minh	1251727	660239	Xã Thanh An, TP. Hồ Chí Minh	
4063	7	61	16	17				Suối Hố Đỏ (suối Ông Chai)	Sông Thị Tính	17		1255924	674295	Xã Trừ Văn Thố, TP. Hồ Chí Minh	1247770	661154	Xã Thanh An, TP. Hồ Chí Minh	
4064	7	61	16	18				Hệ thống suối Bến Ván - suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng - suối Ông Tề	Sông Thị Tính	27,7		1237943	674328	Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	1234199	673009	Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4065	7	61	16	19				Suối Ông Thanh	Sông Thị Tính	8		1258366	671319	Xã Trừ Văn Thố, TP. Hồ Chí Minh	1259782	667792	Xã Trừ Văn Thố, TP. Hồ Chí Minh	
4066	7	61	16	20				Suối Bà Tứ	Sông Thị Tính	8,8		1249005	674378	Xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh	1251448	667522	Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4067	7	61	16	21				Suối Ông Chài	Sông Thị Tính	5,2		1255990	673300	Xã Trừ Văn Thố, TP. Hồ Chí Minh	1251838	667571	Xã Trừ Văn Thố, TP. Hồ Chí Minh	
4068	7	61	16	22				Suối Ông Bằng	Sông Thị Tính	4		1248923	680465	Xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh	1251521	685194	Xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	
4069	7	61	16	23				Suối Cầu Đôi	Sông Thị Tính	4,4		1239885	671667	Phường Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh	1235392	673402	Phường Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh	
4070	7	61	16	24				Suối Đòn Gánh	Sông Thị Tính	4,6		1246472	671257	Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1242128	674175	Phường Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4071	7	61	16	25				Suối Nhà Mát	Sông Thị Tính	7,7		1245965	668987	Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1241741	667493	Phường Long Nguyên, TP. Hồ Chí Minh	
4072	7	51	1					Suối Nước Trong	Sông Bé	30		1267789	696920	Xã Phước Thành, TP. Hồ Chí Minh	1245713	691579	Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4073	7	51	2					Suối Giai	Sông Bé	32,4		1259381	696304	Xã Phước Thành, TP. Hồ Chí Minh	1244879	701727	Xã Phú Giáo, TP. Hồ Chí Minh	
4074	7	51	3					Suối Nước Vàng	Suối Giai	19,5		1253381	697049	Xã Phú Giáo, TP. Hồ Chí Minh	1244971	700354	Xã Phú Giáo, TP. Hồ Chí Minh	
4075	7	51	4					Suối Dầm Tư	Sông Bé	5		1240174	700313	Xã Phú Giáo, TP. Hồ Chí Minh	1233180	698976	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	
4076	7	51	5					Suối Thôn	Sông Bé	14,6		1260177	683590	Xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	1253598	684326	Xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4077	7	51	6					Suối Ông Bằng	Sông Bé	5		1251311	678495	Xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh	1251139	685125	Xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	
4078	7	51	7					Rạch Bé	Sông Bé	13		1254942	707677	Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1249415	706098	Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4079	7	51	8					Rạch Rạt	Sông Bé	26		1258265	702540	Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1244502	704761	Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4080	7	51	9					Suối Đôi	Sông Bé	6,8		1255472	712198	Xã Phú Giáo, TP. Hồ Chí Minh	1252181	711953	Xã Phú Giáo, TP. Hồ Chí Minh	
4081	7	51	10					Suối Mã Đà	Sông Bé	11,6		1243884	709830	Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	1252176	711953	Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4082	7	51	11					Suối Bả Tảo	Sông Bé	6,6		1246440	680458	Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	1246717	689455	Xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4083	7	51	12					Suối Đồng Chính	Sông Bé	8		1237337	688275	Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	1239726	691103	Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	
4084	7	51	13					Suối Vàm Tư	Sông Bé	7,4		1233180	698976	Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	1240174	700313	Xã Phú Giáo, TP. Hồ Chí Minh	
4085	7	51	14					Suối Ngang	Sông Bé	9,5		1234796	694497	Phường Bình Cơ, TP. Hồ Chí Minh	1236276	697476	Phường Bình Cơ, TP. Hồ Chí Minh	
4086	7	51	15					Suối Bà Tảo	Sông Bé	3		1246440	680458	Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	1246717	689455	Xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	
II	**Phụ lưu nội tỉnh của Sông Thị Vải**							Sông Thị Vải	Biển	90		1177139	419138.1	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	1159660	416418	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Cái Mép

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4087	7	67	01					Sông Cái Mép	Sông Thị Vải	10,2		1168441	421033.1	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	1166424	420462	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	Rạch Cái Mép. Rạch Ngã Tư
4088	7	67	02					Rạch Rạng	Sông Thị Vải	2,5		1176064	418016.9	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	1175050	418504	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	
4089	7	67	03					Tắc Cá Trủng	Sông Thị Vải	6,4		1175582	419456.3	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	1174084	418621	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	
4090	7	67	04					Rạch Mương	Sông Thị Vải	8,8		1174095	421425.9	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	1173346	419258	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	
4091	7	67	04	01				Suối Thị Vải	Rạch Mương	5		1178172	427631.7	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ	1174095	421426	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ	Suối Keo

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Chí Minh			Chí Minh	
4092	7	67	04	01	01			Suối Nhum	Suối Thị Vải	5,7		1175351	429842	Phường Tân Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	1174930	424517	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	
4093	7	67	04	01	02			Suối Lội	Suối Nhum	4,1		1173531	429006.3	Xã Châu Pha; Thành phố Hồ Chí Minh	1174910	425877	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	
4094	7	67	04	02				Suối Sao	Rạch Mương	10,8		1171180	428816.2	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	1174094	421425	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Ngọc Hà
4095	7	67	05					Rạch Bàn Thạch	Sông Thị Vải	5,8		1170082	420786.1	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	1166322	420622	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	
4096	7	67	05	01				Rạch Chàm	Rạch Bàn Thạch	5,8		1169696	422992.2	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	1169237	421479	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4097	7	67	05	02				Rạch Đông	Rạch Bàn Thạch	3		1168537	422551.3	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	1168278	421216	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	
4098	7	67	05	03				Rạch Ông Trịnh	Rạch Chàm	3		1167116	423421.5	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	1166403	421038	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	
4099	7	67	6	03	01			Suối Ba Sình	Rạch Ông Trịnh	5,4		1170248	427556.6	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	1167116	423421	Phường Phú Mỹ; Thành phố Hồ Chí Minh	
III	**Lưu vực Sông khác ven biển Đông Nam Bộ**																	
4100	31	01						Suối Xá Ác	Sông Ray	14,5		1189021	469465.4	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	1187893	459363	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Bà Lú
4101	31	02						Suối Le	Sông Ray	5,1		1184207	461563.7	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	1185503	457132	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4102	31	03						Suối Tầm Bong	Hồ Sông Ray	3,5		1183137	459027.7	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	1180615	456975	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	
4103	31	04						Suối Nùng Tung	Hồ Sông Ray	5,4		1182908	460398.2	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	1181669	459309	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	
4104	31	05						Suối Tầm Bó	Hồ Sông Ray	26,9		1182743	447208.4	Xã Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	1180719	454018	Xã Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	
4105	31	05	01					Suối Gia Hoét	Suối Tầm Bó	7,2		1183105	449594.1	Xã Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	1183105	449594	Xã Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	
4106	31	05	01	01				Suối Cạn	Suối Gia Hoét	4,1		1182743	447208.4	Xã Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	1180719	454018	Xã Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	
4107	31	06						Suối Khỉ	Sông Ray	3,5		1174707	454770.9	Xã Xuân Sơn; Thành	1173644	456260	Xã Xuân Sơn; Thành	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														phố Hồ Chí Minh			phố Hồ Chí Minh	
4108	31	07						Suối Tà Lung	Sông Ray	23,4		1170109	453107.5	Xã Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	1168632	455747	Xã Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	
4109	31	08						Suối Giàu	Sông Ray	14,2		1176314	450303.7	Xã Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	1168632	455747	Xã Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Giao. Suối Rao
4110	31	09						Suối Lồ Ô	Sông Ray	20,2		1176347	445830.2	Xã Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	1166252	457156	Xã Hồ Tràm; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Lồ Ô nhỏ. Suối Lồ Ô 2
4111	31	09	01					Suối Đá	Suối Lồ Ô	2,1		1174877	447904	Xã Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	1172997	447468	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	
4112	31	09	02					Suối Lồ Ô 2	Suối Lồ Ô	8		1174291	449007.4	Xã Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	1168090	451330	Xã Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4113	31	09	03					Suối La	Suối Lồ Ô	6,2		1171866	447011.1	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	1168617	449836	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	
4114	31	09	03	01				Suối Cạn	Suối La	1,6		1171246	447868.8	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	1169714	447914	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Mầu
4115	31	10						Sông Đăng	Sông Ray	8,2		1160814	458822.4	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	1160814	458822	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	
4116	31	10	01					Suối Sâu	Sông Đăng	7,4		1166693	456611.2	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	1161766	457053	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	
4117	31	11						Suối Tre	Sông Ray	11,8		1166152	457152.8	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	1164135	457938	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4118	31	12						Sông Bờ Đập	Sông Ray	0,9		1157384	451580.9	Xã Phước Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	1157385	456374	Xã Phước Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	Kênh Bờ Đập
4119	31	12	01					Suối Đá Bàng	Sông Bờ Đập	22		1179590	446019.5	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	1158900	443560	Xã Long Điền; Thành phố Hồ Chí Minh	
4120	31	12	02					Suối Ngang	Sông Bờ Đập	20		1164995	450033.4	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	1157103	446384	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	S. Đất Đỏ
4121	31	12	03					Suối Bà Nghè	Sông Bờ Đập	5,2		1162855	440933.9	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	1159829	443984	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4122	31	12	03	01				Suối Chùa	Suối Bà Nghè	8,3		1165654	442174.7	Phường Tam Long; Thành phố Hồ Chí Minh	1160977	442033	Xã Long Điền; Thành phố Hồ Chí Minh	
4123	31	12	04					Suối Bà Tùng	Sông Bờ Đập	5,7		1156567	449304.3	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	1161139	449095	Xã Phước Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	
4124	31	12	05					Suối Mả Trốc	Sông Bờ Đập	11		1161924	449879.3	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	1160403	452665	Xã Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Bà Lá
4125	31	13						Sông Hỏa	Sông Ray	36,92		1179414	464430.4	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	1160408	458961	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Kinh
4126	31	13	01					Suối Le	Sông Hỏa	6,9		1182909	461633.2	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	1179414	464430	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	
4127	31	13	02					Suối Dán Ý	Sông Hỏa	6,7		1182944	462674.9	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ	1179414	464430	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
4128	31	13	03					Suối Cầu 3	Sông Hỏa	4,9		1178335	466637.1	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	1177889	469991	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	
4129	31	13	04					Sông La Gum	Sông Hỏa	7,9		1181200	468039.8	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	1169489	468687	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	
4130	31	13	04	01				Suối Cầu 4	Sông La Gum	6,9		1175401	471361.1	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	1176392	466955	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	
4131	31	14						Sông Dân Y	Sông Hỏa	0,9		1180675	460395	Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	1166709	465639	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Sóc
4132	31	14	01					Suối Đá	Suối Sóc	0,9		1179315	460378.9	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	1177296	463867	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	
4133	31	14	02					Suối Chua	Suối Sóc	15,4		1176568	460966	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	1171401	464401	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4134	31	14	02	01				Suối Ly	Suối Chua	6,4		1176320	459273.4	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	1172173	462379	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Chua
4135	31	14	03					Suối Gấu	Sông Dân Y	15,4		1175976	461922.2	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	1172328	464125	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	
4136	31	14	04					Suối Gạo	Suối Gấu	4,5		1176420	462208.9	Xã Hồ Tràm; Thành phố Hồ Chí Minh	1173304	463368	Xã Hòa Hội; Thành phố Hồ Chí Minh	
4137	31	14	05					Suối Đôn	Sông Dân Y	3,7		1170149	461983.6	Xã Xuyên Mộc; Thành phố Hồ Chí Minh	1170851	464639	Xã Xuyên Mộc; Thành phố Hồ Chí Minh	
4138	31	15						Suối Cát	Sông Hỏa	3,9		1164830	468829.2	Xã Xuyên Mộc; Thành phố Hồ Chí Minh	1166782	466085	Xã Xuyên Mộc; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4139	30	1						Suối Bang	Sông Đu Đủ	8,7		1189410	471458.4	Xã Bình Châu; Thành phố Hồ Chí Minh	1174041	479833	Xã Bình Châu; Thành phố Hồ Chí Minh	
4140	30	1	01					Suối Đầm La	Suối Bang	12,1		1184275	469594.8	Xã Hòa Hiệp; Thành phố Hồ Chí Minh	1177157	476063	Xã Hòa Hiệp; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Cầu 5
4141	30	1	02					Suối Các	Suối Bang	9,7		1184823	472865.4	Xã Hòa Hiệp; Thành phố Hồ Chí Minh	1183114	473173	Xã Hòa Hiệp; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Cầu 6
4142	30	2						Suối Đá	Biển	24,5		1173396	472754.8	Xã Bình Châu; Thành phố Hồ Chí Minh	1168622	479806	Xã Bình Châu; Thành phố Hồ Chí Minh	
4143	30	2	01					Suối Lu Hủ	Suối Đá	24,5		1173027	473635.1	Xã Bình Châu; Thành phố Hồ Chí Minh	1170335	473669	Xã Bình Châu; Thành phố Hồ Chí Minh	
4144	30	2	02					Suối nước nóng	Suối Đá	7,2		1173692	477770.9	Xã Bình Châu;	1169384	479135	Xã Bình Châu;	Suối Nước Măn

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Thành phố Hồ Chí Minh			Thành phố Hồ Chí Minh	
4145	30	2	03	01				Sông Lô	Suối Đá	3,1		1167442	478234.9	Xã Bình Châu; Thành phố Hồ Chí Minh	1168874	479710	Xã Bình Châu; Thành phố Hồ Chí Minh	
4146	106							Sông Dinh	Biển	64		1174905	435456.8	Phường Tân Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	1151786	431323	Phường Rạch Dừa; Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Cả
4147	106	01						Suối Đá	Sông Dinh	12,2		1186538	443190.4	Xã Châu Đức; Thành phố Hồ Chí Minh	1179643	436017	Xã Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	
4148	106	02						Suối Chích	Hồ Đá Đen	11,2		1181434	441931.8	Xã Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	1176678	435686	Xã Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Trích
4149	106	03						Suối Lúp	Hồ Đá Đen	18,3		1182375	442991.6	Xã Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	1175193	436034	Xã Ngãi Giao; Thành phố Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
																	Chí Minh	
4150	106	04						Suối Châu Pha	Sông Dinh	23,7		1183840	433529.5	Phường Tân Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	1168861	436536	Xã Châu Pha; Thành phố Hồ Chí Minh	
4151	106	04	01					Suối Giao Kèo	Suối Châu Pha	7,1		1168072	429983.9	Xã Châu Pha; Thành phố Hồ Chí Minh	1170205	434726	Xã Châu Pha; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Đá
4152	106	05						Suối Son	Sông Dinh	16,5		1173075	443257.3	Xã Ngãi Giao; Thành phố Hồ Chí Minh	1165852	437922	Xã Nghĩa Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	
4153	106	06						Sông Xoài	Sông Dinh	8,3		1181761	435908.6	Phường Tân Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	1178268	436055	Phường Tân Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	
4154	106	06	01					Suối Chà Răng	Sông Xoài	9,2		1190420	443119.9	Xã Châu Đức; Thành phố Hồ Chí Minh	1181761	435909	Phường Tân Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4155	106	06	02					Suối Liên Hiệp	Sông Xoài	9,1		1188591	444076.6	Xã Châu Đức; Thành phố Hồ Chí Minh	1183921	437755	Xã Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	
4156	106	06	03					Suối Sông Xoài	Sông Xoài	5,5		1185690	435739.9	Xã Châu Đức; Thành phố Hồ Chí Minh	1181761	435909	Phường Tân Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	
4157	106	07						Suối Cơm	Hồ Đá Đen	3		1178230	438383	Xã Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	1175645	437323	Xã Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	
4158	106	08						Suối Nhạc	Hồ Đá Đen	3,7		1177967	439941.9	Xã Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	1175568	437755	Xã Ngãi Giao; Thành phố Hồ Chí Minh	Suối Nhất
4159	106	09						Suối Sông Cầu	Sông Dinh	11,5		1170871	443848.4	Xã Ngãi Giao; Thành phố Hồ Chí Minh	1163813	437676	Phường Bà Rịa; Thành phố Hồ Chí Minh	Mương Đong Xoài
4160	106	10						Sông Cây Khế	Sông Dinh	5,1		1154135	434071.2	Phường Phước Thắng;	1153335	438236	Phường Phước Thắng;	Rạch Cầu Cháy

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Thành phố Hồ Chí Minh			Thành phố Hồ Chí Minh	
4161	106	11						Sông Gò Găng	Sông Dinh	5,3		1152721	430498.6	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	1152125	433231	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	Rạch Cá Sấu
4162	106	PL01						Sông Cửa Lap	Ra Biển	3,9		1157079	440388.8	Phường Phước Thắng; Thành phố Hồ Chí Minh	1149922	436436	Xã Long Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	
4163	106	PL01	01					Sông Cỏ May	Sông Cửa Lấp	13,8		1155324	434458.7	Phường Phước Thắng; Thành phố Hồ Chí Minh	1154492	440461	Phường Phước Thắng; Thành phố Hồ Chí Minh	
4164	106	PL01	01	01				Sông Rạch Hào	Sông Cỏ May	15		1159480	437547.2	Phường Bà Rịa; Thành phố Hồ Chí Minh	1157994	437086	Phường Bà Rịa; Thành phố Hồ Chí Minh	
4165	106	PL01	01	02				Sông Thủ Lựu	Sông Cỏ May	15		1160661	438471.3	Phường Bà Rịa; Thành phố Hồ Chí Minh	1157792	438530	Phường Bà Rịa; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	Tọa độ X	Tọa độ Y	Xã, tỉnh	
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4166	106	12						Sông Chà Và	Biển	10		1157491	433288.5	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	1153992	429457	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Ăn Thịt; Sông Mũi Dụi
4167	106	13	01					Sông Bà Cội	Sông Chà Và	6		1157346	434530.7	Phường Long Hương; Thành phố Hồ Chí Minh	1157491	433288	Phường Phước Thắng; Thành phố Hồ Chí Minh	
4168	106	14	02					Sông Bến Điệp	Sông Chà Và	4,5		1155774	424235.5	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	1153661	427323	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	Rạch Bến Đệp
4169	106	15	03					Sông Bà Tìm	Sông Chà Và	5,5		1157491	433288.5	Phường Long Hương; Thành phố Hồ Chí Minh	1159610	430943	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	Rạch Bà Tìm
4170	106	16	04					Rạch Bến Gỗ	Sông Chà Và	5,2		1154232	426286	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	1153932	427919	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	
4171	106	17	05					Rạch Cồn Bần	Sông Chà Và	2,1		1156220	428380.4	Xã Long Sơn;	1156941	430777	Xã Long Sơn;	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	(2)							(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
														Thành phố Hồ Chí Minh			Thành phố Hồ Chí Minh	
4172	106	18						Rạch Bà	Sông Dinh	3,4		1149759	430612.8	Phường Rạch Dừa; Thành phố Hồ Chí Minh	1150946	430928	Phường Rạch Dừa; Thành phố Hồ Chí Minh	
4173	106	19						Kênh Bến Đình	Sông Dinh	6,4		1147847	427313.2	Phường Tam Thắng; Thành phố Hồ Chí Minh	1148297	425311	Phường Vũng Tàu; Thành phố Hồ Chí Minh	
4174	02							Ngọn Hội Bài	Biển	3		1160963	420521.2	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	1158261	420882	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	
4175	03							Sông Cá Cóc	Biển	12,4		1167906	423266.9	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	1157972	422288	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Mỏ Nhát
4176	03	01						Ngọn Như Giữa	Sông Cá Cóc	1,8		116752.4	421781.4	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ	1159638	422754	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
														Chí Minh			Chí Minh	
4177	03	02						Ngọn Như Đầu	Sông Cá Cóc	2,7		116505.1	423103.8	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	1159925	423129	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	
4178	04	03						Sông Xóm Mới	Sông Cá Cóc	9,1		1161142	424093.6	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	1159263	427443	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	Rạch Tre
4179	04	03	01					Ngọn Ông Mén	Sông Xóm Mới	1,5		1160322	426296.7	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	1159698	427555	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	
4180	05							Sông Rạng	Biển	11,2		1158415	428982.4	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	1158285	422534	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	
4181	05	01						Sông Bồ Hóc	Sông Rạng	31		1159000	427070	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	1158415	428982	Xã Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Bãi Bùn

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4182	05	02						Sông Lạch Ván	Sông Rạng	3,8		1160620	428986.5	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	1158703	429464	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	
4183	05	03						Sông Long Hoà	Sông Rạng	4,1		1160713	430257.4	Phường Long Hương; Thành phố Hồ Chí Minh	1158648	430043	Phường Long Hương; Thành phố Hồ Chí Minh	
4184	05	04						Tắc So Đũa	Sông Rạng	1,7		1159840	423285.1	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	1159052	424754	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	
4185	05	06						Ngọn Du Thuyền	Sông Rạng	0,8		1161658	426024.5	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	1159738	423816	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	
4186	05	07						Tắc Hào	Sông Rạng	1,7		1159627	425098.3	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	1160174	424612	Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	Mã Sông							Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
												Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
												X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*							*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4187	06							Suối Bà Hạp	Hồ An Hải. ra Biển	7,9		963061.6	373614.2	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	959627	373178	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	
4188	07							Suối Lò Vôi	Biển	8,3		963471.8	375127.3	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	961404	375822	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	
4189	08							Suối Đất Dốc	Biển	4,2		963476.5	375453.7	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	962311	376909	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	
4190	09							Suối Ớt	Biển	5,2		963638.3	375946.8	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	963655	377433	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	
4191	10							Suối Cỏ Ống	Biển	3,9		963623.1	678940.1	Đặc khu Côn	965483	679010	Đặc khu Côn	

STT	Mã Sông	Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Chiều dài thuộc tỉnh, thành phố (km)	Vị trí đầu Sông/suối/kênh/rạch			Vị trí cuối Sông/suối/kênh/suối			Ghi chú
						Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	Tọa độ	Tọa độ	Xã, tỉnh	
						X	Y		X	Y		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
								Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh			Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	
4192	11	Suối Đầm Trầu	Biển	5,5		963591	375114	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	965476	375387	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	

2. Số lượng nguồn nước mặt là các hồ, ao, đầm, phá

STT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống Sông	Diện tích mặt nước (m^2)	Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	Dung tích hữu ích (triệu m^3)	Vị trí hành chính	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Hồ chứa nước Phường 22. quận Bình Thạnh (Hồ Văn Thánh)			28.200			Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ du lịch	
2	Ao Cá Thanh Đa (Hồ điều tiết công viên Thanh Đa)			3.441			Phường Bình Quới, TP. Hồ Chí Minh	Hồ điều tiết nước	
3	Hồ Kỳ Hòa			1.500			Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ du lịch	
4	Ao Cá Hồ Công viên Lê Thị Riêng			16.000			Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ du lịch	
5	Đầm Sen			86.000			Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ du lịch	
6	Hồ Bà Thiên			61.000			Xã Nhuận Đức, TP. Hồ		

STT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống Sông	Diện tích mặt nước (m^2)	Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	Dung tích hữu ích (triệu m^3)	Vị trí hành chính	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							Chí Minh		
7	Hồ Láng Le Bàu Cò			18.200			Xã Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh		
8	Ao Song Tân			63.500			Phường Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	Chỉnh trang đô thị	
9	Ao Cá Hương Tràm			45.000			Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ du lịch. giải trí	
10	Hồ Cá Công ty Thủy Sản			32.412			Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ du lịch. giải trí	
11	Hồ chứa nước Từ Vân 1		Sông Thị Tính	290.000	0,309		Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	Tiêu thoát nước	
12	Hồ chứa nước Từ Vân 2		Sông Thị Tính	120.000	0,241		Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	Tiêu thoát nước	
13	Hồ chứa Thủy Lợi Hồ Cần Nôm		Sông Sài Gòn	230.000	7,987		Xã Thanh An, TP. Hồ Chí Minh	Điều tiết. cung cấp nước tưới	
14	Hồ công viên Thủ Dầu Một		Sông Sài Gòn	8.825	0,026475		Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	
15	Hồ công viên khu dân cư Hiệp Thành 3		Sông Sài Gòn	8.365,7	0,016731		Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	
16	Hồ cảnh quan Công viên thành phố mới		Sông Sài Gòn	157.612,6	0,788063		Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	
17	Hồ Cua Pari		Sông Đồng Nai	170.000	1,19		Phường Vĩnh Tân, TP. Hồ Chí Minh	Tưới nông nghiệp	
18	Hồ Dốc Nhàn	Suối Sâu	Sông Đồng Nai	270.000	0,76		Xã Thường Tân, TP. Hồ Chí Minh	Tưới nông nghiệp	
19	Hồ Đá Bàn	Suối Đá Bàn	Sông Đồng Nai	1.360.000	6,8		Xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	Tưới nông nghiệp	
20	Hồ nước mỏ đá Bình An		Sông Đồng Nai	338.600	13		Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	
21	Hồ nước mỏ đá Núi Đá Nhỏ		Sông Đồng Nai	273.400	25		Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	

STT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống Sông	Diện tích mặt nước (m^2)	Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	Dung tích hữu ích (triệu m^3)	Vị trí hành chính	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
22	Nhà máy nước Phước Vĩnh (hồ)		Sông Đồng Nai	3.350	0,005695		Xã Phú Giáo, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp nước sạch	
23	Đất UBND xã quản lý (Ao)		Sông Bé	12.679,7	0,025358		Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	
24	Đất UBND xã quản lý (Ao)		Sông Bé	1.988,40	0,003976		Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	
25	Đất UBND xã quản lý (hồ)		Sông Bé	80.000	0,2		Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	
26	Hồ nước mỏ đá Tân Đông Hiệp		Sông Đồng Nai	447.000	68		Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	
27	Hồ Suối Lùng		Sông Bé	108.600	0,25		Xã Phước Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Cảnh quan môi trường	
28	Ao cá (đất công ích) phường Hội Nghĩa		Sông Đồng Nai	9.700,7	0,265		Phường Bình Cơ, TP. Hồ Chí Minh	Nuôi trồng thủy sản	
29	Hồ Tân Vĩnh Hiệp	Suối Chợ	Sông Đồng Nai	125.350	0,25		Phường Tân Khánh, TP. Hồ Chí Minh	Tiếp nhận nước mưa. nước thải đã qua xử lý. tiêu thoát nước	
30	Đập. hồ Thị Tính		Sông Thị Tính	571.100	0,674		Xã Long Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Điều tiết. Cung cấp nước tưới (hiện công trình hư hỏngcòn khả năng phục vụ sản xuất)	
31	Đập dâng Suối Sâu		Sông Đồng Nai	_	_		Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	Ngăn nước. chia nước kênh chính cung cấp cho sản xuất nông nghiệp	
32	Đập Tràn		Sông Đồng Nai	58.100	0,14525		Phường Tân Đông Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ nông nghiệp và giữ mạch nước ngầm	
33	Đập Cua Đinh		Sông Đồng Nai	36.000	0,0864		Phường Vĩnh Tân, TP. Hồ Chí Minh	Phục vụ nông nghiệp và giữ mạch nước ngầm	
34	Đập Ông Lựu (Ông Hựu)	Rạch Ông Hựu	Sông Đồng Nai	_	0,44		Phường Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh	Tưới nông nghiệp	
35	Đập Bến Xe		Sông Đồng Nai	_	0,018		Phường Vĩnh Tân, TP. Hồ Chí Minh	Tưới nông nghiệp	
36	Đập Ông Khương		Sông Đồng Nai	_	_		Phường Chánh Phú	Tưới nông nghiệp	

STT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống Sông	Diện tích mặt nước (m^2)	Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	Dung tích hữu ích (triệu m^3)	Vị trí hành chính	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							Hòa, TP. Hồ Chí Minh		
37	Đập Bòng Bong		Sông Thị Tính	_	_		Phường Hòa Lợi. TP. Hồ Chí Minh	Tưới nông nghiệp	
38	Đập Cây Chay		Sông Thị Tính	_	_		Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	Tưới nông nghiệp	
39	Hồ Sông Ray	Suối Tầm Bó; Suối Gia Hoét; Suối Le	Sông Ray	13.096.800	215,36	196,04	Hòa Hội. Bàu Lâm và Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
40	Hồ Đá Đen	Sông Xoài; Suối Chích; Suối Cơm; Suối Nhạc; Suối Lúp	Sông Dinh	5.305.980	33,4	23,28	Kim Long và Phường Tân Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
41	Hồ Đá Bàng	Suối Đá Bàng	Sông Ray	1.964.090	11,35	11,05	Nghĩa Thành và Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
42	Hồ Lồ Ồ	Suối Lồ Ô	Sông Ray	738.803	6	5	Xuân Sơn và Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
43	Hồ Bút Thiền			454.103	2,4	2,3	Phước Hải và Long Điền; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
44	Hồ Gia Hoét II			26.658	0,0669	0,0614	Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
45	Hồ Gia Hoét I			580.330	4	3,9	Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
46	Hồ Kim Long			705.990	3,78	3,43	Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
47	Hồ Núi Nhan			91.083	1,12	1,09	Ngãi Giao; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
48	Hồ Suối Đôi I			148.165	0,1655	0,1558	Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
49	Hồ Suối Sao			10.133	0,102	0,102	Bình Giã; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	

STT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống Sông	Diện tích mặt nước (m^2)	Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	Dung tích hữu ích (triệu m^3)	Vị trí hành chính	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
50	Hồ Tầm Bó			876.800	5,85	5,35	Kim Long; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
51	Hồ Suối Giàu			1.659.390	12,2	11,3	Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
52	Hồ 7 Mẫu			224.176			Châu Đức; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan	
53	Ao xã Suối Nghệ			1.578			Ngãi Giao; Thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ sinh thái	
54	Hồ Châu Pha	Suối Châu Pha	Sông Dinh	1.979.080	3,52	2,81	Châu Pha; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
55	Hồ Hải Sơn			6.544	0,03	0,03	Phường Tân Phước; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
56	Hồ Nhà Bè	Suối Châu Pha	Sông Dinh	68.095	0,21	0,21	Phường Tân Thành; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
57	Hồ Suối Đá			105.843	0,78	0,63	Châu Pha; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
58	Hồ Suối Nhum			164.713	2,05	2,0	Châu Pha; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
59	Ao công ty Cửu Long			68.299			Châu Pha; Thành phố Hồ Chí Minh	Nuôi trồng thủy sản	
60	Ao Công ty Ba Son			12.000			Phường Tân Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
61	Hồ Bàu Úc			97.231	0.84	0,82	Phường Tam Long; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
62	Hồ Lồ Ô			7.207	0.04	0,04	Phường Long Hương; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
63	Hồ Đá Xanh			84.636			Phường Long Hương;	Cung cấp nớc phục vụ SXNN	

STT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống Sông	Diện tích mặt nước (m^2)	Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	Dung tích hữu ích (triệu m^3)	Vị trí hành chính	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							Thành phố Hồ Chí Minh		
64	Hồ HMK			56.699			Phường Long Hương; Thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ sinh thái	
65	Hồ Mỏ đá phường Kim Dinh			131.447			Phường Long Hương; Thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ sinh thái	
66	Ao Eco Tân Hưng			3.672			Phường Long Hương; Thành phố Hồ Chí Minh	Điều hòa nguồn nước	
67	Hồ Minh Đạm			16.917	0,023		Long Điền; Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng cháy chữa cháy	
68	Hồ Sở Bông			244.359	0,82	0,77	Phước Hải; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
69	Hồ Suối Môn			553.223	1,6	1,4	Đất Đỏ; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN	
70	Hồ Sông Hỏa	Suối La Gum	Sông Ray	1.397.410	2,22	1,56	Xuyên Mộc; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
71	Hồ Suối Các	Suối Các	Sông Đu Đủ	1.167.370	4,3	4,1	Hòa Hiệp; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
72	Hồ Xuyên Mộc			1.019.530	4,5	4,07	Hồ Tràm; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
73	Hồ Đập dâng cầu mới	Sông Hỏa	Sông Ray	291.050	0,84	0,84	Hồ Tràm; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	Hồ Sông Kinh
74	Ao trại giam Xuyên Mộc			11.300			Xã Bàu Lâm; Thành phố Hồ Chí Minh	Nuôi trồng thủy sản /Tạo cảnh quan	
75	Đầm Sen			520.730			Xuyên Mộc; Thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ sinh thái	
76	Hồ Cốc			68.235			Xuyên Mộc; Thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ sinh thái	

STT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống Sông	Diện tích mặt nước (m^2)	Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	Dung tích hữu ích (triệu m^3)	Vị trí hành chính	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
77	Hồ Linh			93.137			Xuyên Mộc; Thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ sinh thái	
78	Hồ Mang Cá			81.428	1	1	Long Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan/ Cấp nước tưới	
79	Hồ Á Châu			17.320			Phường Vũng Tàu; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan/ Nuôi trồng Thủy sản	
80	Hồ Bàu Trũng			84.852			Phường Tam Thắng; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan/ Nuôi trồng Thủy sản	
81	Hồ Võ Thị Sáu			19.880			Phường Vũng Tàu; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan	
82	Hồ Rạch Bà	Rạch Bà	Sông Dinh	9.348			Phường Rạch Dừa; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan/ Nuôi trồng Thủy sản	
83	Hồ Mây			5.840			Phường Vũng Tàu; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan	
84	Các ao cá phường Nguyễn An Ninh			87.663			Phường Tam Thắng; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan/ Nuôi trồng Thủy sản	
85	Hồ Vũng Tàu Golf Course			17.471			Phường Tam Thắng; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan	
86	Hồ Bàu Sen			187.903			Phường Vũng Tàu; Thành phố Hồ Chí Minh	Tạo cảnh quan/Điều tiết nước	
87	Đùng Đồi Nhái			391.796			Phường Phước Thắng; Thành phố Hồ Chí Minh	Nuôi trồng thủy sản	
88	Hồ An Hải 1			90.105	0,54	0,54	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	

STT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống Sông	Diện tích mặt nước (m^2)	Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	Dung tích hữu ích (triệu m^3)	Vị trí hành chính	Mục đích sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							Minh		
89	Hồ Quang Trung I			95.710	0,518	0,518	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
90	Hồ Quang Trung II			227.278	0,645	0,645	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
91	Hồ Suối Ớt			17.274	0,0667	0,066	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
92	Hồ Đất Dốc			7.550	0,17	0,16	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	
93	Hồ Lò Vôi			47.365	0,053	0,053	Đặc khu Côn Đảo; Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước phục vụ SXNN và SH	

PHỤ LỤC 03
KIỂM KÊ TỔNG LƯỢNG DÒNG CHẢY NỘI TỈNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: triệu m^3

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
1	Phụ lưu nội tỉnh của sông Đồng Nai	Lý Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	20,8	15,9	12,2	24,4	48,8	122,1	195,3	244,2	232	170,9	97,7	36,6	964,4	256,4	1.220,80
2	Phụ lưu nội tỉnh của sông Đồng Tranh	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	2,1	1,6	1,2	2,5	5	12,4	19,8	24,8	23,5	17,3	9,9	3,7	97,8	26	123,9
3	Phụ lưu nội tỉnh của sông Lòng Tàu	Thạnh An	TP. Hồ Chí Minh	2,7	2,1	1,6	3,2	6,4	15,9	25,5	31,8	30,3	22,3	12,7	4,8	125,8	33,4	159,2

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
4	Phụ lưu nội tỉnh của sông Thị Vải	Thạnh An	TP. Hồ Chí Minh	4,5	3,5	2,7	5,3	10,6	26,5	42,5	53,1	50,4	37,2	21,2	8	209,7	55,7	265,4
I	**Thuộc lưu vực sông Đồng Nai**																	
1	Lưu vực Suối Cầu	Xã Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	0,94	0,46	0,29	0,31	0,67	2,33	4,66	9,45	9,56	8,04	4,28	1,96	34,72	8,23	42,95
2	Lưu vực Hệ thống suối Tân Lợi – suối sâu – suối Vũng Gấm	Xã Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	1,69	0,85	0,54	0,54	1,23	4,17	8,33	16,9	17,11	14,38	7,65	3,51	62,13	14,77	76,9
3	Lưu vực Suối Tổng Nhẫn	Xã Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,16	0,07	0,05	0,05	0,11	0,39	0,78	1,58	1,61	1,34	0,73	0,32	5,8	1,39	7,19
4	Lưu vực Suối Tre	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	0,51	0,24	0,16	0,16	0,37	1,27	2,49	5,09	5,16	4,34	2,31	1,04	18,72	4,42	23,14
5	Lưu vực Suối Đá Bàn	Xã Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,32	0,17	0,11	0,1	0,24	0,8	1,61	3,27	3,32	2,79	1,48	0,67	12,02	2,85	14,87
6	Lưu vực Suối Cái	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	3,67	1,81	1,18	1,17	2,62	9,05	17,97	36,53	36,99	31,1	16,51	7,61	134,26	31,95	166,21
7	Lưu vực Suối Vĩnh Lai	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	0,62	0,29	0,19	0,18	0,43	1,5	2,97	6,05	6,12	5,14	2,72	1,26	22,22	5,26	27,47
8	Lưu vực Rạch Cầu Ông Hựu	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,27	0,15	0,08	0,08	0,19	0,67	1,34	2,73	2,77	2,33	1,24	0,56	10,04	2,38	12,41

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
9	Lưu vực Rạch Cầu Gõ	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,05	0,02	0,03	0,03	0,03	0,1	0,21	0,43	0,44	0,37	0,21	0,08	1,59	0,42	2,01
10	Lưu vực Suối Bà Tùng	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,05	0,02	0,03	0,03	0,03	0,13	0,24	0,51	0,52	0,43	0,23	0,11	1,85	0,47	2,32
11	Lưu vực Rạch Tre	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,13	0,07	0,05	0,05	0,11	0,36	0,72	1,47	1,48	1,26	0,67	0,29	5,4	1,28	6,68
12	Lưu vực Suối Bưng Cù	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	0,11	0,05	0,03	0,03	0,08	0,29	0,56	1,18	1,19	0,99	0,52	0,24	4,29	0,97	5,26
13	Lưu vực Suối Bà Phó	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	0,35	0,17	0,11	0,1	0,24	0,86	1,69	3,43	3,47	2,92	1,56	0,72	12,6	3,01	15,61
14	Lưu vực Suối Con	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	0,11	0,05	0,03	0,03	0,08	0,26	0,51	1,02	1,04	0,88	0,47	0,21	3,79	0,89	4,68
15	Lưu vực Suối Dung Gia	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	0,11	0,05	0,03	0,03	0,08	0,29	0,59	1,18	1,19	0,99	0,52	0,24	4,32	0,97	5,28
16	Lưu vực Suối Ông Đông	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	0,29	0,15	0,11	0,1	0,21	0,73	1,47	3	3,03	2,54	1,35	0,62	10,99	2,61	13,6
17	Lưu vực Suối Chợ	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	0,48	0,24	0,16	0,16	0,35	1,19	2,36	4,77	4,82	4,07	2,15	0,99	17,56	4,18	21,74
18	Lưu vực Suối Hố Đá	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	0,05	0,02	0,03	0,03	0,05	0,13	0,27	0,56	0,57	0,48	0,26	0,11	2,07	0,5	2,56

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
19	Lưu vực Rạch Ông Tiếp	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	0,05	0,02	0,03	0,03	0,03	0,1	0,21	0,46	0,44	0,37	0,21	0,08	1,62	0,42	2,03
20	Lưu vực Suối Long Đá	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	0,08	0,05	0,03	0,03	0,08	0,23	0,46	0,94	0,93	0,8	0,41	0,19	3,44	0,78	4,23
21	Lưu vực Suối Tân Lợi	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,54	0,27	0,19	0,18	0,4	1,35	2,68	5,44	5,52	4,63	2,46	1,12	20,02	4,76	24,78
22	Lưu vực Suối Nhum	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	0,05	0,02	0,03	0,03	0,03	0,13	0,24	0,51	0,52	0,43	0,23	0,11	1,85	0,47	2,32
23	Lưu vực Suối Xiệp – rạch Bà Hiệp	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	0,62	0,46	0,43	0,41	0,54	0,8	1,37	2,17	2,93	3	2	0,86	10,8	4,77	15,58
24	Lưu vực Suối Nhum	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	0,35	0,27	0,27	0,23	0,32	0,47	0,8	1,26	1,71	1,74	1,17	0,51	6,3	2,79	9,09
25	Lưu vực Suối Bình Thắng	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	0,16	0,12	0,11	0,1	0,13	0,21	0,37	0,59	0,78	0,8	0,54	0,24	2,89	1,28	4,16
26	Lưu vực Rạch Tân Vạn	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	0,86	0,65	0,62	0,6	0,78	1,11	1,96	3,08	4,15	4,23	2,8	1,23	15,31	6,75	22,06
27	Lưu vực Suối Lồ Ồ	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	0,13	0,1	0,11	0,08	0,11	0,18	0,29	0,48	0,62	0,64	0,44	0,19	2,33	1,04	3,37
28	Lưu vực Rạch Bà Khâm	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	0,16	0,12	0,11	0,1	0,13	0,21	0,35	0,54	0,73	0,75	0,49	0,21	2,7	1,2	3,9

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
29	Lưu vực Suối Sâu Tân Thắng	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	0,11	0,05	0,03	0,03	0,08	0,29	0,56	1,15	1,17	0,99	0,52	0,24	4,24	0,97	5,2
30	Lưu vực Suối Cây Trường	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	0,21	0,1	0,08	0,08	0,16	0,52	1,04	2,14	2,18	1,82	0,96	0,46	7,86	1,88	9,75
31	Lưu vực Suối Bình Cơ	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	0,11	0,05	0,03	0,03	0,08	0,26	0,54	1,07	1,09	0,91	0,49	0,21	3,95	0,91	4,86
II	**Thuộc lưu vực sông Sài Gòn**																	
32	Lưu vực Hệ thống Suối Cát – rạch Bà Lụa	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	1,02	0,75	0,72	0,67	0,88	1,32	2,28	3,62	4,85	4,96	3,29	1,42	17,9	7,88	25,78
33	Lưu vực Hệ thống rạch Lái Thiêu – rạch Vĩnh Bình	Phường Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	1,66	1,23	1,18	1,11	1,47	2,15	3,72	5,92	7,93	8,12	5,37	2,33	29,31	12,88	42,2
34	Lưu vực Hệ thống rạch Chòm Sao – rạch Vàm Búng	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	0,29	0,22	0,21	0,21	0,27	0,39	0,67	1,04	1,4	1,45	0,96	0,43	5,22	2,32	7,54
35	Lưu vực Hệ thống suối Đờn – rạch Bình Nhâm	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	0,21	0,17	0,16	0,16	0,19	0,29	0,51	0,8	1,09	1,1	0,73	0,32	3,97	1,75	5,72

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
36	Lưu vực Rạch Cầu Đò	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	0,05	0,02	0,03	0,03	0,03	0,05	0,08	0,13	0,21	0,21	0,13	0,05	0,71	0,31	1,03
37	Lưu vực Suối Xuy Nô	Phường Tây Nam	TP. Hồ Chí Minh	1,53	1,14	1,07	1,04	1,34	1,97	3,4	5,41	7,26	7,42	4,92	2,14	26,8	11,84	38,64
38	Lưu vực Suối Cát (Dầu Tiếng)	Xã Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	1,21	0,9	0,86	0,8	1,07	1,56	2,71	4,31	5,78	5,92	3,91	1,71	21,34	9,39	30,73
39	Lưu vực Suối Dứa	Xã Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	1,15	0,87	0,83	0,78	1,02	1,5	2,6	4,12	5,52	5,65	3,73	1,63	20,42	9	29,41
40	Lưu vực Rạch Cần Nôm	Xã Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	1,02	0,77	0,72	0,7	0,91	1,32	2,3	3,64	4,9	5,01	3,32	1,45	18,09	7,98	26,07
41	Lưu vực Hệ thống suối Giữa – suối Bưng Cầu – rạch Bà Cô	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	1,45	1,09	1,04	0,98	1,29	1,89	3,27	5,17	6,95	7,1	4,69	2,04	25,66	11,29	36,95
42	Lưu vực Rạch Trầu	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	0,11	0,07	0,08	0,08	0,08	0,13	0,24	0,37	0,49	0,51	0,34	0,13	1,83	0,81	2,64
43	Lưu vực Rạch Ông Đành	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	0,13	0,1	0,11	0,1	0,13	0,18	0,32	0,51	0,7	0,7	0,47	0,21	2,54	1,12	3,66

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
44	Lưu vực Rạch Thầy Năng	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	0,11	0,07	0,08	0,08	0,08	0,13	0,24	0,37	0,49	0,51	0,34	0,16	1,83	0,84	2,66
45	Lưu vực Rạch Thủ Ngữ	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	0,11	0,07	0,08	0,08	0,11	0,13	0,24	0,37	0,52	0,54	0,34	0,16	1,91	0,84	2,74
46	Lưu vực Rạch Bàu Bàng (Chủ Hiếu)	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	0,13	0,12	0,11	0,1	0,13	0,18	0,32	0,51	0,7	0,72	0,47	0,21	2,57	1,15	3,72
III	**Thuộc lưu vực sông Thị Tính**																	
47	Lưu vực Suối Chà Vi	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	0,03	0,02	0,03	0,03	0,03	0,03	0,05	0,08	0,1	0,11	0,08	0,03	0,4	0,21	0,61
48	Lưu vực Rạch Chồm Chổm	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	0,35	0,27	0,27	0,23	0,32	0,47	0,8	1,29	1,71	1,74	1,17	0,51	6,33	2,79	9,12
49	Lưu vực Rạch Bến Trắc	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	1,66	1,23	1,18	1,11	1,47	2,15	3,72	5,89	7,91	8,09	5,37	2,33	29,23	12,88	42,12
50	Lưu vực Hệ thống rạch Cây Bần – suối Tân Định– suối Cầu Định	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	1,34	1,02	0,96	0,91	1,21	1,76	3,03	4,82	6,48	6,62	4,38	1,9	23,91	10,51	34,42
51	Lưu vực Suối Căm Xe	Xã Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	9,83	7,35	7,04	6,66	8,7	12,78	22,1	35,09	47,1	48,16	31,91	13,9	173,92	76,7	250,62
52	Lưu vực Suối Bà Và	Xã Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	2,22	1,67	1,61	1,5	1,98	2,9	5,01	7,95	10,68	10,9	7,23	3,16	39,43	17,39	56,82

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
53	Lưu vực Suối Bà Tứ	Xã Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	1,53	1,14	1,07	1,04	1,34	1,97	3,4	5,41	7,26	7,42	4,92	2,14	26,8	11,84	38,64
54	Lưu vực Suối Lồ Ô	Xã Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	0,51	0,39	0,37	0,34	0,46	0,67	1,15	1,82	2,44	2,49	1,66	0,72	9,03	3,99	13,02
55	Lưu vực Suối Đá Yêu	Xã Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	4,02	3	2,89	2,72	3,56	5,24	9,03	14,36	19,26	19,69	13,04	5,68	71,13	31,35	102,47
56	Lưu vực Suối Hàng Nù	Xã Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	1,18	0,87	0,83	0,8	1,04	1,53	2,65	4,21	5,62	5,76	3,81	1,66	20,81	9,15	29,97
57	Lưu vực Suối Hố Muồng	Xã Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	0,91	0,68	0,64	0,62	0,8	1,17	2,04	3,24	4,33	4,45	2,93	1,29	16,02	7,07	23,09
58	Lưu vực Suối Cầu Đen	Xã Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	0,24	0,19	0,19	0,18	0,21	0,34	0,56	0,91	1,22	1,23	0,83	0,35	4,47	1,98	6,46
59	Lưu vực Suối Cầu Đỏ	Xã Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	0,99	0,75	0,72	0,67	0,88	1,3	2,25	3,56	4,8	4,9	3,24	1,42	17,69	7,8	25,49
60	Lưu vực Suối Cái Liêu	Xã Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	1,82	1,35	1,31	1,24	1,61	2,36	4,1	6,51	8,74	8,92	5,91	2,57	32,23	14,21	46,44
61	Lưu vực Suối Bát	Xã Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	1,9	1,43	1,37	1,3	1,69	2,46	4,29	6,78	9,1	9,32	6,17	2,68	33,63	14,84	48,47

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
62	Lưu vực Suối Cốm	Xã Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	1,39	1,04	0,99	0,96	1,23	1,81	3,13	5,01	6,71	6,86	4,54	1,98	24,76	10,9	35,66
63	Lưu vực Suối Hố Đỏ	Xã Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	4,42	3,31	3,16	2,98	3,91	5,75	9,94	15,78	21,18	21,64	14,33	6,24	78,2	34,45	112,64
64	Lưu vực Hệ thống suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	6,21	4,67	4,45	4,2	5,52	8,09	13,98	22,2	29,78	30,45	20,19	8,79	110,03	48,5	158,53
65	Lưu vực Suối Ông Thanh	Xã Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	2,06	1,55	1,47	1,4	1,82	2,67	4,63	7,34	9,85	10,07	6,69	2,92	36,38	16,09	52,47
66	Lưu vực Suối Bà Tứ	Xã Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	0,7	0,51	0,48	0,47	0,62	0,88	1,53	2,44	3,29	3,35	2,23	0,96	12,1	5,35	17,45
67	Lưu vực Suối Ông Chài	Xã Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	1,79	1,35	1,29	1,22	1,61	2,36	4,07	6,45	8,66	8,84	5,86	2,54	31,99	14,06	46,04
68	Lưu vực Suối Ông Bằng	Xã Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	1,1	0,56	0,35	0,36	0,8	2,72	5,41	11,01	11,15	9,37	4,98	2,28	40,46	9,62	50,08
69	Lưu vực Suối Cầu Đôi	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	0,56	0,41	0,4	0,39	0,48	0,73	1,26	1,98	2,67	2,73	1,81	0,78	9,85	4,36	14,21
70	Lưu vực Suối Đòn Gánh	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	0,51	0,39	0,37	0,34	0,46	0,67	1,15	1,82	2,46	2,52	1,66	0,72	9,08	3,99	13,07
71	Lưu vực Suối Nhà Mát	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	1,42	1,06	1,02	0,96	1,26	1,87	3,21	5,12	6,87	7,02	4,64	2,04	25,34	11,14	36,48
IV	**Thuộc lưu vực sông Bé**																	

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
72	Lưu vực Suối Nước Trong	Xã Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,22	2,61	1,69	1,66	3,78	12,91	25,71	52,28	52,93	44,49	23,61	10,87	192,1	45,67	237,77
73	Lưu vực Suối Giai	Xã Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	1,9	0,94	0,62	0,6	1,37	4,72	9,37	19,04	19,28	16,2	8,61	3,96	69,99	16,63	86,62
74	Lưu vực Suối Nước Vàng	Xã Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	0,4	0,19	0,13	0,13	0,29	1,01	2,04	4,12	4,17	3,51	1,87	0,86	15,15	3,58	18,73
75	Lưu vực Suối Dầm Tư	Xã Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,46	0,24	0,16	0,16	0,35	1,14	2,3	4,66	4,72	3,96	2,1	0,96	17,13	4,08	21,21
76	Lưu vực Suối Thôn	Xã An Long	TP. Hồ Chí Minh	4,42	2,2	1,42	1,4	3,19	10,91	21,72	44,17	44,69	37,58	19,93	9,19	162,25	38,56	200,81
77	Lưu vực Suối Ông Bằng	Xã An Long	TP. Hồ Chí Minh	1,18	0,58	0,37	0,39	0,86	2,93	5,84	11,89	12,03	10,12	5,37	2,46	43,67	10,35	54,02
78	Lưu vực Rạch Bé	Xã Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	1,63	0,82	0,54	0,52	1,18	4,02	8,01	16,28	16,49	13,87	7,36	3,37	59,85	14,25	74,09
79	Lưu vực Suối Rạt	Xã Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	9	4,48	2,92	2,88	6,48	22,21	44,19	89,83	90,93	76,44	40,56	18,67	330,09	78,5	408,6
80	Lưu vực Suối Đôi	Xã Phú Giáo	HCM	0,72	0,36	0,24	0,23	0,54	1,81	3,59	7,31	7,39	6,21	3,29	1,53	26,85	6,38	33,23
81	Lưu vực Suối Mã Đà	Xã Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	8,76	4,35	2,84	2,8	6,32	21,62	43,04	87,48	88,54	74,43	39,5	18,19	321,43	76,44	397,87
82	Lưu vực Suối Bà Tảo	Xã An Long	TP. Hồ Chí Minh	1,29	0,63	0,4	0,41	0,94	3,16	6,32	12,83	12,99	10,93	5,81	2,68	47,16	11,22	58,38
83	Lưu vực Suối Đồng Chinh	Xã Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	0,62	0,31	0,19	0,21	0,46	1,53	3,03	6,19	6,25	5,25	2,8	1,29	22,69	5,41	28,11

STT	Lưu vực sông	Vị trí tính toán		Tháng												Mùa mưa	Mùa khô	Cả năm
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
(1)	(2)	(3)		(4)												(5)	(6)	(7)
84	Lưu vực Suối Vàm Tư	Xã Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,7	0,36	0,24	0,23	0,51	1,74	3,48	7,07	7,15	6,03	3,19	1,47	25,98	6,19	32,17
85	Lưu vực Suối Ngang	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,13	0,07	0,05	0,05	0,08	0,31	0,62	1,26	1,27	1,07	0,57	0,27	4,61	1,15	5,76
86	Lưu vực Suối Bà Tảo	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	0,4	0,19	0,13	0,13	0,29	1,01	2,04	4,12	4,17	3,51	1,87	0,86	15,15	3,58	18,73

PHỤ LỤC 04

KIỂM KÊ CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Theo chỉ số chất lượng nước tổng hợp WQI)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
1	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Cống Vàm Thuật)	Phường Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	22	2023-2024
2	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (An Lộc)	Phường Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	14	2023-2024
3	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Bến Cát)	Phường Thới An	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	23	2023-2024
4	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Trường Đai)	Phường An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	15	2023-2024
5	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Chợ Cầu)	Phường An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	14	2023-2024
6	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Tham Lương)	Phường Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	12	2023-2024
7	Kênh 19/5 (CN1)	Phường Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	12	2023-2024
8	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Cầu Bưng)	Phường Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	19	2023-2024
9	Kênh Nước Đen (Nước Đen)	Phường Bình Hưng Hoà	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	14	2023-2024

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
10	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Cầu Bình Thuận)	Phường Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	13	2023-2024
11	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Cầu Sông Chùa)	Phường Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	15	2023-2024
12	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Cầu Đường A)	Phường Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	14	2023-2024
13	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Trung Tâm)	Phường Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	14	2023-2024
14	Vàm Thuật - Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên (Nước Lên)	Phường An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	16	2023-2024
15	Kênh Xuyên Tâm (Rạch Tam Vàm Tắc-Cầu Đỏ)	Phường Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	18	2023-2024
16	Kênh Xuyên Tâm (Rạch Cầu Bông-Bùi Hữu Nghĩa)	Phường Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	29	2023-2024
17	Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (Lê Văn Sỹ)	Phường Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	30	2023-2024
18	Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (Hải Đức)	Phường Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	35	2023-2024
19	Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (Thị Nghè 2)	Phường Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	36	2023-2024
20	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm (Chà Và)	Phường Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	16	2023-2024
21	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm (Rạch Ngựa)	Phường Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	15	2023-2024

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
22	Rạch Bến Nghé (Cầu Mống)	Phường Xóm Chiếu	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	30	2023-2024
23	Rạch Văn Thánh (Cầu Văn Thánh)	Phường Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	11	2023-2024
24	Rạch Văn Thánh (Cầu Văn Thánh 2)	Phường Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	15	2023-2024
25	Kênh Trần Quang Cơ (Cầu Dừa)	Phường Thới An	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	14	2023-2024
26	Kênh Trần Quang Cơ (Ngã 3 Đá Hàn - Cầu Dừa)	Xã Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	20	2023-2024
27	Kênh Trần Quang Cơ (Thượng nguồn kênh TQC)	Phường Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	11	2023-2024
28	Kênh Trần Quang Cơ (Cầu Sa)	Phường Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	16	2023-2024
29	Rạch Ông Lớn (Ông Lớn)	Phường Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	27	2023-2024
30	Sông Phú Xuân - Rạch Đĩa (Phú Xuân)	Xã Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	31	2023-2024
31	Kênh Lương Bèo (Hoà Bình)	Phường Bình Thới	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	10	2023-2024
32	Kênh Lương Bèo (Lương Bèo)	Phường Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	16	2023-2024

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
33	Rạch Đồn (Ngô Chí Quốc)	Phường Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	18	2023-2024
34	Rạch Vĩnh Bình (Vĩnh Bình)	Phường Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	12	2023-2024
35	Suối Xuân Trường	Phường Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	10	2023-2024
36	Suối Linh Tây (Linh Đông)	Phường Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	13	2023-2024
37	Rạch Dứa	Xã Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	78	2023-2024
38	Rạch Láng The (Láng The)	Xã Phú Hoà Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	67	2023-2024
39	Kênh AH31 (Cầu Bà Tri)	Xã Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	36	2023-2024
40	Kênh C (Tân Tạo)	Xã Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	30	2023-2024
41	Kênh C6	Xã Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	12	2023-2024
42	Kênh C8	Xã Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	12	2023-2024
43	Kênh C	Xã Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	25	2023-2024
44	Rạch Xóm Củi (Xóm Củi)	Xã Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	46	2023-2024
45	Kênh N46	Xã Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	97	2023-2024

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
46	Kênh Chính Đông (K34)	Xã Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	88	2023-2024
47	Kênh N23A (N23A)	Xã An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	73	2023-2024
48	Kênh N25A (N25A)	Xã Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	82	2023-2024
49	Kênh N31A (N31A (K0)	Xã Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	83	2023-2024
50	Kênh N31A (N31A (K0)	Xã Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	84	2023-2024
51	Kênh N46 (N46 (K0)	Xã Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	83	2023-2024
52	Kênh N46 (N46 (LMN)	Xã Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	87	2023-2024
53	Kênh T38	Xã Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	57	2023-2024
54	Kênh Liên Vùng (NT8)	Xã Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	42	2023-2024
55	Kên Liên Vùng (KLV)	Xã Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	39	2023-2024
56	Kênh AH-AC (AH-KC)	Xã Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	41	2023-2024
57	Kênh A	Xã Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	43	2023-2024
58	Kênh B	Xã Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	31	2023-2024

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
59	Kênh C	Xã Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	27	2023-2024
60	Vàm Sát (VS)	Xã An Thới Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	78	2023-2024
61	Đồng Tranh (ĐT)	Xã Cần Giờ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	75	2023-2024
62	Suối Cầu	Thường Tân	TP.Hồ Chí Minh	LVS Đồng Nai	75	Tháng 3-2021
63	Hệ thống suối Tân Lợi – suối sâu – suối Vũng Gấm	Thường Tân	TP.Hồ Chí Minh		91	Tháng 3-2021
64	Suối Tổng Nhẫn	Bắc Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		90	Tháng 3-2025
65	Suối Tre	Vĩnh Tân	TP.Hồ Chí Minh		9	Tháng 3-2025
66	Suối Đá Bàn	Bắc Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		87	Tháng 3-2025
67	Suối Cái	Tân Khánh	TP.Hồ Chí Minh		53	Tháng 12-2024
68	Suối Vĩnh Lai	Vĩnh Tân	TP.Hồ Chí Minh		85	Tháng 3-2025
69	Rạch Cầu Ông Hựu	Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		91	Tháng 3-2025
70	Rạch Cầu Gõ	Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		76	Tháng 3-2025
71	Suối Bà Tùng	Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		78	Tháng 3-2025

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
72	Rạch Tre	Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		79	Tháng 3-2025
73	Suối Bưng Cù	Tân Khánh	TP.Hồ Chí Minh		51	Tháng 12-2024
74	Suối Bà Phó	Vĩnh Tân	TP.Hồ Chí Minh		71	Tháng 3-2025
75	Suối Con	Vĩnh Tân	TP.Hồ Chí Minh		8	Tháng 3-2025
76	Suối Dung Gia	Vĩnh Tân	TP.Hồ Chí Minh		77	Tháng 3-2025
77	Suối Ông Đông	Tân Hiệp	TP.Hồ Chí Minh		60	Tháng 12-2024
78	Suối Chợ	Tân Khánh	TP.Hồ Chí Minh		79	Tháng 3-2021
79	Suối Hố Đá	Tân Khánh	TP.Hồ Chí Minh		16	Tháng 3-2025
80	Rạch Ông Tiếp	Tân Khánh	TP.Hồ Chí Minh		68	Tháng 3-2025
81	Suối Long Đá	Tân Hiệp	TP.Hồ Chí Minh		73	Tháng 3-2025
82	Suối Tân Lợi	Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		89	Tháng 3-2021
83	Suối Nhum (Tân Uyên)	Tân Hiệp	TP.Hồ Chí Minh		67	Tháng 3-2025
84	Suối Xiệp – Rạch Bà Hiệp	Đông Hòa	TP.Hồ Chí Minh		66	Tháng 12-2024

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
85	Suối Nhum (Dĩ An)	Đông Hòa	TP.Hồ Chí Minh		65	Tháng 3-2025
86	Suối Bình Thắng	Đông Hòa	TP.Hồ Chí Minh		74	Tháng 3-2025
87	Rạch Tân Vạn	Đông Hòa	TP.Hồ Chí Minh		72	Tháng 3-2025
88	Suối Lồ Ồ (Dĩ An)	Đông Hòa	TP.Hồ Chí Minh		74	Tháng 3-2025
89	Rạch Bà Khâm	Đông Hòa	TP.Hồ Chí Minh		76	Tháng 3-2025
90	Suối Sâu Tân Thắng	Tân Đông Hiệp	TP.Hồ Chí Minh		65	Tháng 3-2025
91	Suối Cây Trường	Tân Khánh	TP.Hồ Chí Minh		72	Tháng 3-2025
92	Hệ thống Suối Cát – rạch Bà Lụa	Thuận An	TP.Hồ Chí Minh	LVS Sài Gòn	43	Tháng 12-2024
93	Hệ thống rạch Lái Thiêu – rạch Vĩnh Bình	Hiệp Bình	TP.Hồ Chí Minh		67	Tháng 12-2024
94	Hệ thống rạch Chòm Sao – rạch Vàm Búng	Thuận An	TP.Hồ Chí Minh		44	Tháng 12-2024
95	Hệ thống suối Đờn – rạch Bình Nhâm	Lái Thiêu	TP.Hồ Chí Minh		65	Tháng 12-2024
96	Rạch Cầu Đò	Lái Thiêu	TP.Hồ Chí Minh		83	Tháng 3-2021
97	Suối Xuy Nô	Tây Nam	TP.Hồ Chí Minh		65	Tháng 3-2021

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
98	Suối Cát (Dầu Tiếng)	Dầu Tiếng	TP.Hồ Chí Minh		65	Tháng 3-2021
99	Suối Dứa	Dầu Tiếng	TP.Hồ Chí Minh		65	Tháng 3-2021
100	Rạch Cần Nôm	Thanh An	TP.Hồ Chí Minh		9	Tháng 3-2021
101	Hệ thống suối Giữa – suối Bưng Cầu – rạch Bà Cô	Chánh Hiệp	TP.Hồ Chí Minh		57	Tháng 12-2024
102	Rạch Trầu	Chánh Hiệp	TP.Hồ Chí Minh		83	Tháng 3-2025
103	Rạch Ông Đành	Thủ Dầu Một	TP.Hồ Chí Minh		46	Tháng 12-2024
104	Rạch Thầy Năng	Thủ Dầu Một	TP.Hồ Chí Minh		80	Tháng 3-2025
105	Rạch Thủ Ngữ	Thủ Dầu Một	TP.Hồ Chí Minh		80	Tháng 3-2025
106	Rạch Bàu Bàng (Chủ Hiếu)	Thủ Dầu Một	TP.Hồ Chí Minh		77	Tháng 3-2025
107	Suối Chà Vi	Bến Cát	TP.Hồ Chí Minh	LVS Thị Tính	84	Tháng 3-2025
108	Rạch Chồm Chổm	Bến Cát	TP.Hồ Chí Minh		78	Tháng 3-2021
109	Rạch Bến Trắc	Thới Hòa	TP.Hồ Chí Minh		85	Tháng 3-2021
110	Hệ thống rạch Cây Bần – suối Tân Định– suối Cầu Định	Hòa Lợi	TP.Hồ Chí Minh		84	Tháng 3-2021

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
111	Suối Căm Xe	Long Hòa	TP.Hồ Chí Minh		83	Tháng 12-2024
112	Suối Bà Và	Minh Thạnh	TP.Hồ Chí Minh		75	Tháng 3-2025
113	Suối Bà Tứ (Bàu Bàng)	Bàu Bàng	TP.Hồ Chí Minh		70	Tháng 3-2025
114	Suối Lồ Ồ (Dầu Tiếng)	Minh Thạnh	TP.Hồ Chí Minh		77	Tháng 3-2025
115	Suối Đá Yêu	Long Hòa	TP.Hồ Chí Minh		84	Tháng 3-2025
116	Suối Hàng Nù	Thanh An	TP.Hồ Chí Minh		62	Tháng 3-2025
117	Suối Hố Muồng	Long Hòa	TP.Hồ Chí Minh		73	Tháng 3-2025
118	Suối Cầu Đen	Thanh An	TP.Hồ Chí Minh		20	Tháng 3-2025
119	Suối Cầu Đỏ	Dầu Tiếng	TP.Hồ Chí Minh		74	Tháng 3-2025
120	Suối Cái Liêu	Long Hòa	TP.Hồ Chí Minh		10	Tháng 3-2021
121	Suối Bát	Long Hòa	TP.Hồ Chí Minh		87	Tháng 3-2021
122	Suối Cốm	Thanh An	TP.Hồ Chí Minh		83	Tháng 3-2021
123	Suối Hố Đỏ	Long Hòa	TP.Hồ Chí Minh		85	Tháng 3-2021

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
124	Hệ thống suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	Bến Cát	TP.Hồ Chí Minh		74	Tháng 12-2024
125	Suối Ông Thanh	Trừ Văn Thố	TP.Hồ Chí Minh		78	Tháng 3-2025
126	Suối Bà Tứ (Dầu Tiếng)	Dầu Tiếng	TP.Hồ Chí Minh		81	Tháng 3-2025
127	Suối Ông Chài	Trừ Văn Thố	TP.Hồ Chí Minh		7	Tháng 3-2025
128	Suối Ông Bằng	Bàu Bàng	TP.Hồ Chí Minh		70	Tháng 3-2025
129	Suối Cầu Đôi	Bến Cát	TP.Hồ Chí Minh		73	Tháng 3-2025
130	Suối Đòn Gánh	Long Nguyên	TP.Hồ Chí Minh		88	Tháng 12-2024
131	Suối Nhà Mát	Long Nguyên	TP.Hồ Chí Minh		81	Tháng 3-2025
132	Suối Nước Trong	Phước Hòa	TP.Hồ Chí Minh	LVS Bé	87	Tháng 3-2021
133	Suối Giai	Phú Giáo	TP.Hồ Chí Minh		95	Tháng 3-2021
134	Suối Nước Vàng	Phú Giáo	TP.Hồ Chí Minh		94	Tháng 3-2021
135	Suối Dầm Tư	Bắc Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		84	Tháng 3-2025

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
136	Suối Thôn	An Long	TP.Hồ Chí Minh		8	Tháng 3-2025
137	Suối Ông Bằng	An Long	TP.Hồ Chí Minh		80	Tháng 3-2025
138	Rạch Bé	Phú Giáo	TP.Hồ Chí Minh		76	Tháng 3-2025
139	Suối Rạt	Phú Giáo	TP.Hồ Chí Minh		68	Tháng 3-2025
140	Suối Đôi	Phú Giáo	TP.Hồ Chí Minh		73	Tháng 3-2025
141	Suối Mã Đà	Phú Giáo	TP.Hồ Chí Minh		77	Tháng 3-2025
142	Suối Bà Tảo (Phú Giáo)	An Long	TP.Hồ Chí Minh		78	Tháng 3-2025
143	Suối Đồng Chinh	Phước Hòa	TP.Hồ Chí Minh		8	Tháng 3-2025
144	Suối Vàm Tư	Bắc Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		84	Tháng 3-2025
145	Suối Ngang	Tân Uyên	TP.Hồ Chí Minh		83	Tháng 3-2025
146	Suối Bình Cơ	Bình Cơ	TP.Hồ Chí Minh		23	Tháng 3-2025
147	Suối Bà Tảo (Bàu Bàng)	Bến Cát	TP.Hồ Chí Minh		63	Tháng 3-2025
148	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 1 - 2024 (10/01/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
149	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 3 - 2024 (05/03/2024)
150	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 4 - 2024 (01/04/2024)
151	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 5 - 2024 (02/05/2024)
152	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 6 - 2024 (03/06/2024)
153	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 7 - 2024 (03/07/2024)
154	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 9 - 2024 (04/09/2024)
155	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	59	Đợt 10 - 2024 (02/10/2024)
156	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	72	Đợt 11 - 2024 (04/11/2024)
157	Sông Dinh 1 (xã Xà Bang, Châu Đức)	Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	83	Đợt 12 - 2024 (01/12/2024)
158	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 1 - 2024 (10/01/2024)
159	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 3 - 2024 (05/03/2024)
160	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 4 - 2024 (01/04/2024)
161	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	83	Đợt 5 - 2024 (02/05/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
162	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	82	Đợt 6 - 2024 (03/06/2024)
163	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	83	Đợt 7 - 2024 (03/07/2024)
164	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 9 - 2024 (04/09/2024)
165	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	82	Đợt 10 - 2024 (02/10/2024)
166	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	87	Đợt 11 - 2024 (04/11/2024)
167	Sông Dinh 2 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	65	Đợt 12 - 2024 (01/12/2024)
168	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 1 - 2024 (10/01/2024)
169	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 3 - 2024 (05/03/2024)
170	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 4 - 2024 (01/04/2024)
171	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 5 - 2024 (02/05/2024)
172	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 6 - 2024 (03/06/2024)
173	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 7 - 2024 (03/07/2024)
174	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 9 - 2024 (04/09/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
175	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 10 - 2024 (02/10/2024)
176	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	73	Đợt 11 - 2024 (04/11/2024)
177	Suối Gia Hốp	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	65	Đợt 12 - 2024 (01/12/2024)
178	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 1 - 2024 (10/01/2024)
179	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 3 - 2024 (05/03/2024)
180	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 4 - 2024 (01/04/2024)
181	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (02/05/2024)
182	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 6 - 2024 (03/06/2024)
183	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 7 - 2024 (03/07/2024)
184	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 9 - 2024 (04/09/2024)
185	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 10 - 2024 (02/10/2024)
186	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	73	Đợt 11 - 2024 (04/11/2024)
187	Sông Dinh 3 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	90	Đợt 12 - 2024 (01/12/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
188	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 1 - 2024 (10/01/2024)
189	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 3 - 2024 (05/03/2024)
190	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 4 - 2024 (01/04/2024)
191	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 5 - 2024 (02/05/2024)
192	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 6 - 2024 (03/06/2024)
193	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 7 - 2024 (03/07/2024)
194	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 9 - 2024 (04/09/2024)
195	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	59	Đợt 10 - 2024 (02/10/2024)
196	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	73	Đợt 11 - 2024 (04/11/2024)
197	Suối Đá	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	90	Đợt 12 - 2024 (01/12/2024)
198	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 1 - 2024 (10/01/2024)
199	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 3 - 2024 (05/03/2024)
200	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 4 - 2024 (01/04/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
201	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	83	Đợt 5 - 2024 (02/05/2024)
202	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	83	Đợt 6 - 2024 (03/06/2024)
203	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	83	Đợt 7 - 2024 (03/07/2024)
204	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	87	Đợt 9 - 2024 (04/09/2024)
205	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 10 - 2024 (02/10/2024)
206	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	82	Đợt 11 - 2024 (04/11/2024)
207	Sông Dinh 4 -Xã Láng Lớn, Châu Đức	Xã Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 12 - 2024 (01/12/2024)
208	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 1 - 2024 (10/01/2024)
209	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 3 - 2024 (05/03/2024)
210	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 4 - 2024 (01/04/2024)
211	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	59	Đợt 5 - 2024 (02/05/2024)
212	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 6 - 2024 (03/06/2024)
213	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 7 - 2024 (03/07/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
214	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	81	Đợt 9 - 2024 (04/09/2024)
215	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 10 - 2024 (02/10/2024)
216	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	73	Đợt 11 - 2024 (04/11/2024)
217	Suối Lúp, Châu Đức	Xã Châu Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	90	Đợt 12 - 2024 (01/12/2024)
218	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 1 - 2024 (11/01/2024)
219	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	81	Đợt 3 - 2024 (07/03/2024)
220	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	56	Đợt 4 - 2024 (02/04/2024)
221	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 5 - 2024 (04/05/2024)
222	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 6 - 2024 (04/06/2024)
223	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 7 - 2024 (04/07/2024)
224	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	53	Đợt 9 - 2024 (05/09/2024)
225	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	5	Đợt 10 - 2024 (07/10/2024)
226	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	71	Đợt 11 - 2024 (05/11/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
227	Suối Kinh Tài	Phường Tân Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	90	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
228	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	30	Đợt 1 - 2024 (11/01/2024)
229	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	41	Đợt 3 - 2024 (07/03/2024)
230	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	31	Đợt 4 - 2024 (02/04/2024)
231	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	23	Đợt 5 - 2024 (04/05/2024)
232	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	25	Đợt 6 - 2024 (04/06/2024)
233	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	29	Đợt 7 - 2024 (04/07/2024)
234	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	47	Đợt 9 - 2024 (05/09/2024)
235	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	46	Đợt 10 - 2024 (07/10/2024)
236	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	73	Đợt 11 - 2024 (05/11/2024)
237	Suối Giao Kèo	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	27	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
238	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	89	Đợt 1 - 2024 (11/01/2024)
239	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	65	Đợt 3 - 2024 (07/03/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
240	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	31	Đợt 4 - 2024 (02/04/2024)
241	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	22	Đợt 5 - 2024 (04/05/2024)
242	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	22	Đợt 6 - 2024 (04/06/2024)
243	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	27	Đợt 7 - 2024 (04/07/2024)
244	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	51	Đợt 9 - 2024 (05/09/2024)
245	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	82	Đợt 10 - 2024 (07/10/2024)
246	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	68	Đợt 11 - 2024 (05/11/2024)
247	Suối Tre	Xã Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
248	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	76	Đợt 1 - 2024 (11/01/2024)
249	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 3 - 2024 (07/03/2024)
250	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	59	Đợt 4 - 2024 (02/04/2024)
251	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	76	Đợt 5 - 2024 (04/05/2024)
252	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	76	Đợt 6 - 2024 (04/06/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
253	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	80	Đợt 7 - 2024 (04/07/2024)
254	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	57	Đợt 9 - 2024 (05/09/2024)
255	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	57	Đợt 10 - 2024 (07/10/2024)
256	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	71	Đợt 11 - 2024 (05/11/2024)
257	Đập Cầu Đỏ	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	84	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
258	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 1 - 2024 (24/01/2024)
259	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 3 - 2024 (09/03/2024)
260	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (04/04/2024)
261	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 5 - 2024 (06/05/2024)
262	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 6 - 2024 (05/06/2024)
263	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 7 - 2024 (13/07/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
264	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	58	Đợt 9 - 2024 (11/09/2024)
265	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	88	Đợt 10 - 2024 (05/10/2024)
266	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	87	Đợt 11 - 2024 (06/11/2024)
267	Phước Tỉnh (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
268	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	59	Đợt 1 - 2024 (24/01/2024)
269	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 3 - 2024 (09/03/2024)
270	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 4 - 2024 (04/04/2024)
271	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 5 - 2024 (06/05/2024)
272	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	85	Đợt 6 - 2024 (05/06/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
273	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	87	Đợt 7 - 2024 (13/07/2024)
274	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	58	Đợt 9 - 2024 (11/09/2024)
275	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	86	Đợt 10 - 2024 (05/10/2024)
276	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	89	Đợt 11 - 2024 (06/11/2024)
277	Phước Tỉnh (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
278	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 1 - 2024 (24/01/2024)
279	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 3 - 2024 (09/03/2024)
280	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (04/04/2024)
281	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 5 - 2024 (06/05/2024)
282	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	90	Đợt 6 - 2024 (05/06/2024)
283	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 7 - 2024 (13/07/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
284	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	55	Đợt 9 - 2024 (11/09/2024)
285	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 10 - 2024 (05/10/2024)
286	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 11 - 2024 (06/11/2024)
287	Nhánh sông Cửa Lấp (TX)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	88	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
288	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 1 - 2024 (24/01/2024)
289	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 3 - 2024 (09/03/2024)
290	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 4 - 2024 (04/04/2024)
291	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 5 - 2024 (06/05/2024)
292	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 6 - 2024 (05/06/2024)
293	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 7 - 2024 (13/07/2024)
294	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	55	Đợt 9 - 2024 (11/09/2024)
295	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 10 - 2024 (05/10/2024)
296	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 11 - 2024 (06/11/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
297	Nhánh sông Cửa Lấp (TL)	Xã Long Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	87	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
298	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	79	Đợt 1 - 2024 (24/01/2024)
299	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 3 - 2024 (09/03/2024)
300	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 4 - 2024 (04/04/2024)
301	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 5 - 2024 (06/05/2024)
302	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 6 - 2024 (05/06/2024)
303	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 7 - 2024 (13/07/2024)
304	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	80	Đợt 9 - 2024 (11/09/2024)
305	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 10 - 2024 (05/10/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
306	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	88	Đợt 11 - 2024 (06/11/2024)
307	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
308	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	59	Đợt 1 - 2024 (24/01/2024)
309	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (09/03/2024)
310	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 4 - 2024 (04/04/2024)
311	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 5 - 2024 (06/05/2024)
312	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	87	Đợt 6 - 2024 (05/06/2024)
313	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	90	Đợt 7 - 2024 (13/07/2024)
314	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	85	Đợt 9 - 2024 (11/09/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
315	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 10 - 2024 (05/10/2024)
316	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	68	Đợt 11 - 2024 (06/11/2024)
317	Sông Cửa Lấp-gần khu vực Đùng Chùa Mỏ (Cầu Cửa Lấp) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 12 - 2024 (05/12/2024)
318	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	58	Đợt 1 - 2024 (11/01/2024)
319	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (08/03/2024)
320	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 4 - 2024 (02/04/2024)
321	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (03/05/2024)
322	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 6 - 2024 (04/06/2024)
323	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 7 - 2024 (16/07/2024)
324	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 9 - 2024 (09/09/2024)
325	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	56	Đợt 10 - 2024 (07/10/2024)
326	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 11 - 2024 (08/11/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
327	Sông Dinh 5 (Cầu Cỏ May)	Phường Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	90	Đợt 12 - 2024 (02/12/2024)
328	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 1 - 2024 (23/01/2024)
329	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 3 - 2024 (08/03/2024)
330	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 4 - 2024 (03/04/2024)
331	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 5 - 2024 (03/05/2024)
332	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 6 - 2024 (06/06/2024)
333	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 7 - 2024 (16/07/2024)
334	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 9 - 2024 (09/09/2024)
335	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 10 - 2024 (03/10/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
336	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 11 - 2024 (08/11/2024)
337	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	73	Đợt 12 - 2024 (03/12/2024)
338	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 1 - 2024 (23/01/2024)
339	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 3 - 2024 (08/03/2024)
340	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (03/04/2024)
341	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 5 - 2024 (03/05/2024)
342	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 6 - 2024 (06/06/2024)
343	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 7 - 2024 (16/07/2024)
344	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 9 - 2024 (09/09/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
345	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 10 - 2024 (03/10/2024)
346	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 11 - 2024 (08/11/2024)
347	Khu NTTS Gò Găng (Cầu Gò Găng) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	74	Đợt 12 - 2024 (03/12/2024)
348	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 1 - 2024 (23/01/2024)
349	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	86	Đợt 3 - 2024 (08/03/2024)
350	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 4 - 2024 (03/04/2024)
351	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	78	Đợt 5 - 2024 (03/05/2024)
352	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	74	Đợt 6 - 2024 (06/06/2024)
353	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	77	Đợt 7 - 2024 (16/07/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
354	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 9 - 2024 (09/09/2024)
355	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	56	Đợt 10 - 2024 (03/10/2024)
356	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 11 - 2024 (08/11/2024)
357	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TX)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	83	Đợt 12 - 2024 (03/12/2024)
358	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 1 - 2024 (23/01/2024)
359	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	74	Đợt 3 - 2024 (08/03/2024)
360	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 4 - 2024 (03/04/2024)
361	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 5 - 2024 (03/05/2024)
362	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 6 - 2024 (06/06/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
363	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 7 - 2024 (16/07/2024)
364	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 9 - 2024 (09/09/2024)
365	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	60	Đợt 10 - 2024 (03/10/2024)
366	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 11 - 2024 (08/11/2024)
367	Sông Dinh 6 (phường 11,Vũng Tàu) (TL)	Phường Phước Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 12 - 2024 (03/12/2024)
368	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 1 - 2024 (23/01/2024)
369	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 3 - 2024 (08/03/2024)
370	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (03/04/2024)
371	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 5 - 2024 (03/05/2024)
372	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 6 - 2024 (06/06/2024)
373	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 7 - 2024 (16/07/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
374	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	55	Đợt 9 - 2024 (09/09/2024)
375	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	59	Đợt 10 - 2024 (03/10/2024)
376	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	72	Đợt 11 - 2024 (08/11/2024)
377	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	56	Đợt 12 - 2024 (03/12/2024)
378	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	89	Đợt 1 - 2024 (23/01/2024)
379	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 3 - 2024 (08/03/2024)
380	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 4 - 2024 (03/04/2024)
381	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 5 - 2024 (03/05/2024)
382	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	90	Đợt 6 - 2024 (06/06/2024)
383	Sông Dinh 7 (hạ lưu	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 7 - 2024 (16/07/2024)
384	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	56	Đợt 9 - 2024 (09/09/2024)
385	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	54	Đợt 10 - 2024 (03/10/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
386	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	71	Đợt 11 - 2024 (08/11/2024)
387	Sông Dinh 7 (hạ lưu sông Dinh trước khi đổ ra biển) (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	62	Đợt 12 - 2024 (03/12/2024)
388	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 1 - 2024 (27/01/2024)
389	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (11/03/2024)
390	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 4 - 2024 (08/04/2024)
391	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 5 - 2024 (10/05/2024)
392	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 6 - 2024 (10/06/2024)
393	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 7 - 2024 (15/07/2024)
394	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 9 - 2024 (10/09/2024)
395	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	78	Đợt 10 - 2024 (08/10/2024)
396	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 11 - 2024 (07/11/2024)
397	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 12 - 2024 (06/12/2024)
398	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 1 - 2024 (27/01/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
399	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (11/03/2024)
400	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 4 - 2024 (08/04/2024)
401	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (10/05/2024)
402	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 6 - 2024 (10/06/2024)
403	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 7 - 2024 (15/07/2024)
404	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 9 - 2024 (10/09/2024)
405	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 10 - 2024 (08/10/2024)
406	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 11 - 2024 (07/11/2024)
407	Sông Chà Và-KV gần cống số 6 khu CBHS Tân Hải (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 12 - 2024 (06/12/2024)
408	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 1 - 2024 (27/01/2024)
409	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (11/03/2024)
410	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (08/04/2024)
411	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 5 - 2024 (10/05/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
412	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 6 - 2024 (10/06/2024)
413	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 7 - 2024 (15/07/2024)
414	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 9 - 2024 (10/09/2024)
415	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 10 - 2024 (08/10/2024)
416	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 11 - 2024 (07/11/2024)
417	Sông Chà Và (TX)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 12 - 2024 (06/12/2024)
418	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 1 - 2024 (27/01/2024)
419	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (11/03/2024)
420	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 4 - 2024 (08/04/2024)
421	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (10/05/2024)
422	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 6 - 2024 (10/06/2024)
423	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 7 - 2024 (15/07/2024)
424	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 9 - 2024 (10/09/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
425	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 10 - 2024 (08/10/2024)
426	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 11 - 2024 (07/11/2024)
427	Sông Chà Và (TL)	Phường Tân Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 12 - 2024 (06/12/2024)
428	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 1 - 2024 (27/01/2024)
429	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 3 - 2024 (11/03/2024)
430	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 4 - 2024 (08/04/2024)
431	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 5 - 2024 (10/05/2024)
432	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 6 - 2024 (10/06/2024)
433	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 7 - 2024 (15/07/2024)
434	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 9 - 2024 (10/09/2024)
435	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 10 - 2024 (08/10/2024)
436	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	81	Đợt 11 - 2024 (07/11/2024)
437	Cầu Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	90	Đợt 12 - 2024 (06/12/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
438	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 1 - 2024 (27/01/2024)
439	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (11/03/2024)
440	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (08/04/2024)
441	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (10/05/2024)
442	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 6 - 2024 (10/06/2024)
443	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 7 - 2024 (15/07/2024)
444	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 9 - 2024 (10/09/2024)
445	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 10 - 2024 (08/10/2024)
446	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	81	Đợt 11 - 2024 (07/11/2024)
447	Cầu Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 12 - 2024 (06/12/2024)
448	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 1 - 2024 (27/01/2024)
449	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (11/03/2024)
450	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (08/04/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
451	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (10/05/2024)
452	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 6 - 2024 (10/06/2024)
453	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 7 - 2024 (15/07/2024)
454	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 9 - 2024 (10/09/2024)
455	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 10 - 2024 (08/10/2024)
456	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 11 - 2024 (07/11/2024)
457	Cửa sông Chà Và (TX)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 12 - 2024 (06/12/2024)
458	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 1 - 2024 (27/01/2024)
459	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (11/03/2024)
460	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (08/04/2024)
461	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (10/05/2024)
462	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 6 - 2024 (10/06/2024)
463	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 7 - 2024 (15/07/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
464	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 9 - 2024 (10/09/2024)
465	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 10 - 2024 (08/10/2024)
466	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 11 - 2024 (07/11/2024)
467	Cửa sông Chà Và (TL)	Xã Long Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 12 - 2024 (06/12/2024)
468	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 1 - 2024 (17/01/2024)
469	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 3 - 2024 (18/03/2024)
470	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 4 - 2024 (19/04/2024)
471	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 5 - 2024 (15/05/2024)
472	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 6 - 2024 (13/06/2024)
473	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 7 - 2024 (11/07/2024)
474	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	60	Đợt 9 - 2024 (12/09/2024)
475	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	60	Đợt 10 - 2024 (09/10/2024)
476	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 11 - 2024 (15/11/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
477	Thác Hòa Bình	Xã Hoà Hội	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	65	Đợt 12 - 2024 (12/12/2024)
478	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	60	Đợt 1 - 2024 (17/01/2024)
479	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	95	Đợt 3 - 2024 (18/03/2024)
480	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	96	Đợt 4 - 2024 (19/04/2024)
481	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	94	Đợt 5 - 2024 (15/05/2024)
482	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	94	Đợt 6 - 2024 (13/06/2024)
483	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	96	Đợt 7 - 2024 (11/07/2024)
484	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	60	Đợt 9 - 2024 (12/09/2024)
485	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	60	Đợt 10 - 2024 (09/10/2024)
486	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	93	Đợt 11 - 2024 (15/11/2024)
487	Suối Gia Oét (Gia Hoét)	Xã Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	64	Đợt 12 - 2024 (12/12/2024)
488	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	99	Đợt 1 - 2024 (26/01/2024)
489	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	70	Đợt 3 - 2024 (19/03/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
490	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	93	Đợt 4 - 2024 (06/04/2024)
491	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	80	Đợt 5 - 2024 (18/05/2024)
492	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	60	Đợt 6 - 2024 (14/06/2024)
493	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	71	Đợt 7 - 2024 (12/07/2024)
494	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	51	Đợt 9 - 2024 (13/09/2024)
495	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	48	Đợt 10 - 2024 (11/10/2024)
496	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	72	Đợt 11 - 2024 (18/11/2024)
497	Sông Bờ Đập (Cầu Bờ Đập)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	57	Đợt 12 - 2024 (07/12/2024)
498	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	85	Đợt 1 - 2024 (26/01/2024)
499	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	98	Đợt 3 - 2024 (19/03/2024)
500	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	98	Đợt 4 - 2024 (06/04/2024)
501	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	92	Đợt 5 - 2024 (18/05/2024)
502	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	88	Đợt 6 - 2024 (14/06/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
503	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	98	Đợt 7 - 2024 (12/07/2024)
504	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	56	Đợt 9 - 2024 (13/09/2024)
505	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	59	Đợt 10 - 2024 (11/10/2024)
506	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	95	Đợt 11 - 2024 (18/11/2024)
507	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TX)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	84	Đợt 12 - 2024 (07/12/2024)
508	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	89	Đợt 1 - 2024 (26/01/2024)
509	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	98	Đợt 3 - 2024 (19/03/2024)
510	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	99	Đợt 4 - 2024 (06/04/2024)
511	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	91	Đợt 5 - 2024 (18/05/2024)
512	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	89	Đợt 6 - 2024 (14/06/2024)
513	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	98	Đợt 7 - 2024 (12/07/2024)
514	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	55	Đợt 9 - 2024 (13/09/2024)
515	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	56	Đợt 10 - 2024 (11/10/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
516	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	86	Đợt 11 - 2024 (18/11/2024)
517	Sông Ray 6 (Ra đầm Lộc An) (TL)	Xã Phước Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	76	Đợt 12 - 2024 (07/12/2024)
518	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	94	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
519	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
520	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
521	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
522	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	91	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
523	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
524	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
525	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
526	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
527	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	92	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
528	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
529	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
530	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
531	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
532	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	91	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
533	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
534	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
535	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
536	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
537	Sông Thị Vải 1 (Điểm giáp ranh Gần điểm xả nước thải của Công ty Vedan) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	91	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
538	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
539	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
540	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
541	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
542	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
543	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
544	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
545	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
546	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
547	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	92	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
548	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
549	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
550	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
551	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
552	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
553	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
554	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
555	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
556	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
557	Sông Thị Vải 2 (Khu vực chịu tác động từ nước làm mát nhà máy điện Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
558	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
559	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
560	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
561	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
562	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	94	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
563	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
564	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
565	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
566	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
567	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	91	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
568	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
569	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
570	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
571	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
572	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	93	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
573	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
574	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
575	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
576	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
577	Sông Thị Vải 3 (Cảng Phú Mỹ) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	93	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
578	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
579	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
580	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
581	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
582	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	93	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
583	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
584	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
585	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
586	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
587	Rạch Mương (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	91	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
588	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
589	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
590	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
591	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
592	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
593	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
594	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
595	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
596	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
597	Rạch Mương (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	93	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
598	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
599	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
600	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
601	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
602	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
603	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
604	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
605	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
606	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
607	Rạch Bàn Thạch (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	74	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
608	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
609	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
610	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
611	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
612	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
613	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
614	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
615	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
616	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
617	Rạch Bàn Thạch (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	90	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
618	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
619	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
620	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
621	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
622	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	94	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
623	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
624	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
625	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
626	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
627	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	82	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
628	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
629	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
630	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
631	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
632	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	94	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
633	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
634	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
635	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
636	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
637	Sông Thị Vải 4 (Cảng Baria Serece)(TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	85	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
638	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
639	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
640	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
641	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
642	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	94	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
643	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
644	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
645	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
646	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
647	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TX)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	88	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
648	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
649	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
650	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
651	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
652	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	94	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
653	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
654	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
655	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
656	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
657	Sông Thị Vải 5 (Cảng Phước Hòa - Đồng Dơi) (TL)	Phường Phú Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	53	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
658	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
659	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	96	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)
660	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
661	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
662	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	94	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
663	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
664	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
665	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	98	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
666	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
667	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TX)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	73	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
668	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 1 - 2024 (25/01/2024)
669	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 3 - 2024 (15/03/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
670	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (09/04/2024)
671	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 5 - 2024 (20/05/2024)
672	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 6 - 2024 (12/06/2024)
673	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	99	Đợt 7 - 2024 (19/07/2024)
674	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 9 - 2024 (18/09/2024)
675	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 10 - 2024 (15/10/2024)
676	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (12/11/2024)
677	Sông Thị Vải 6 (Hạ lưu sông Thị Vải, Cảng Cái Mép) (TL)	Phường Tân Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	74	Đợt 12 - 2024 (04/12/2024)
678	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 1 - 2024 (13/01/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
679	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 2 - 2024 (19/02/2024)
680	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 3 - 2024 (21/03/2024)
681	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (10/04/2024)
682	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (7/05/2024)
683	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 6 - 2024 (22/06/2024)
684	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	89	Đợt 7 - 2024 (5/07/2024)
685	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 8 - 2024 (28/08/2024)
686	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	41	Đợt 9 - 2024 (6/09/2024)
687	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 10 - 2024 (14/10/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
688	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 11 - 2024 (14/11/2024)
689	Hồ Đá Bàng	Nghĩa Thành, Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	92	Đợt 12 - 2024 (10/12/2024)
690	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 1 - 2024 (15/01/2024)
691	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	69	Đợt 2 - 2024 (19/02/2024)
692	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 3 - 2024 (22/03/2024)
693	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	86	Đợt 4 - 2024 (25/04/2024)
694	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (11/05/2024)
695	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 6 - 2024 (25/06/2024)
696	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 7 - 2024 (9/07/2024)
697	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 8 - 2024 (28/08/2024)
698	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 9 - 2024 (17/09/2024)
699	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 10 - 2024 (19/10/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
700	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 11 - 2024 (22/11/2024)
701	Hồ Kim Long	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 12 - 2024 (8/12/2024)
702	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	94	Đợt 1 - 2024 (15/1/2024)
703	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	46	Đợt 3 - 2024 (22/3/2024)
704	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 4 - 2024 (25/4/2024)
705	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 5 - 2024 (11/5/2024)
706	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	71	Đợt 6 - 2024 (25/6/2024)
707	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	89	Đợt 7 - 2024 (9/7/2024)
708	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	90	Đợt 9 - 2024 (17/9/2024)
709	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	97	Đợt 10 - 2024 (19/10/2024)
710	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	93	Đợt 11 - 2024 (22/11/2024)
711	Hồ Tầm Bó	Kim Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	75	Đợt 12 - 2024 (8/12/2024)
712	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 1 - 2024 (13/1/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
713	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	69	Đợt 3 - 2024 (21/3/2024)
714	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 4 - 2024 (10/4/2024)
715	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 5 - 2024 (7/5/2024)
716	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	85	Đợt 6 - 2024 (22/6/2024)
717	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	46	Đợt 7 - 2024 (5/7/2024)
718	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	43	Đợt 9 - 2024 (6/9/2024)
719	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	93	Đợt 10 - 2024 (14/10/2024)
720	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	46	Đợt 11 - 2024 (14/11/2024)
721	Hồ Suối Giàu	Xuân Sơn	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	80	Đợt 12 - 2024 (10/12/2024)
722	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 1 - 2024 (15/1/2024)
723	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 3 - 2024 (22/3/2024)
724	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 4 - 2024 (25/4/2024)
725	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 5 - 2024 (11/5/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
726	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	85	Đợt 6 - 2024 (25/6/2024)
727	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 7 - 2024 (9/7/2024)
728	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	85	Đợt 9 - 2024 (17/9/2024)
729	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	91	Đợt 10 - 2024 (19/10/2024)
730	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	100	Đợt 11 - 2024 (22/11/2024)
731	Hồ Gia Oét	Bình Giã	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Ray	97	Đợt 12 - 2024 (8/12/2024)
732	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 1 - 2024 (15/1/2024)
733	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 2 - 2024 (19/2/2024)
734	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 3 - 2024 (22/3/2024)
735	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	85	Đợt 4 - 2024 (25/4/2024)
736	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 5 - 2024 (11/5/2024)
737	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	87	Đợt 6 - 2024 (25/6/2024)
738	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	89	Đợt 7 - 2024 (9/7/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
739	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	81	Đợt 8 - 2024 (28/8/2024)
740	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	44	Đợt 9 - 2024 (17/9/2024)
741	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	77	Đợt 10 - 2024 (19/10/2024)
742	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	78	Đợt 11 - 2024 (22/11/2024)
743	Hồ Núi Nham	Ngãi Giao	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	68	Đợt 12 - 2024 (8/12/2024)
744	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	95	Đợt 1 - 2024 (16/1/2024)
745	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	94	Đợt 2 - 2024 (20/2/2024)
746	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	65	Đợt 3 - 2024 (23/3/2024)
747	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	100	Đợt 4 - 2024 (17/4/2024)
748	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	87	Đợt 5 - 2024 (9/5/2024)
749	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	36	Đợt 6 - 2024 (15/6/2024)
750	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	41	Đợt 7 - 2024 (22/7/2024)
751	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	87	Đợt 8 - 2024 (24/8/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
752	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	46	Đợt 9 - 2024 (20/9/2024)
753	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	87	Đợt 10 - 2024 (12/10/2024)
754	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	97	Đợt 11 - 2024 (20/11/2024)
755	Hồ Sông Hỏa	Xuyên Mộc	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	97	Đợt 12 - 2024 (11/12/2024)
756	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	87	Đợt 1 - 2024 (29/1/2024)
757	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	100	Đợt 2 - 2024 (20/2/2024)
758	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	92	Đợt 3 - 2024 (20/3/2024)
759	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	100	Đợt 4 - 2024 (12/4/2024)
760	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	98	Đợt 5 - 2024 (21/5/2024)
761	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	85	Đợt 6 - 2024 (17/6/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
762	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	89	Đợt 7 - 2024 (8/7/2024)
763	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	100	Đợt 8 - 2024 (24/8/2024)
764	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	100	Đợt 9 - 2024 (16/9/2024)
765	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	100	Đợt 10 - 2024 (16/10/2024)
766	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	100	Đợt 11 - 2024 (19/11/2024)
767	Hồ Suối Các	Hòa Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Đu Đủ	100	Đợt 12 - 2024 (9/12/2024)
768	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	100	Đợt 1 - 2024 (16/1/2024)
769	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	69	Đợt 2 - 2024 (20/2/2024)
770	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	69	Đợt 3 - 2024 (23/3/2024)
771	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	97	Đợt 4 - 2024 (17/4/2024)
772	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	80	Đợt 5 - 2024 (9/5/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
773	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	85	Đợt 6 - 2024 (15/6/2024)
774	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	78	Đợt 7 - 2024 (22/7/2024)
775	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	80	Đợt 8 - 2024 (24/8/2024)
776	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	89	Đợt 9 - 2024 (20/9/2024)
777	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	77	Đợt 10 - 2024 (12/10/2024)
778	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	94	Đợt 11 - 2024 (20/11/2024)
779	Hồ Xuyên Mộc	Hồ Tràm	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	92	Đợt 12 - 2024 (11/12/2024)
780	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 1 - 2024 (11/1/2024)
781	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 2 - 2024 (2/2/2024)
782	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 3 - 2024 (7/3/2024)
783	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 4 - 2024 (2/4/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
784	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	95	Đợt 5 - 2024 (4/5/2024)
785	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	73	Đợt 6 - 2024 (4/6/2024)
786	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	71	Đợt 7 - 2024 (4/7/2024)
787	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 8 - 2024 (16/8/2024)
788	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	85	Đợt 9 - 2024 (5/9/2024)
789	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	97	Đợt 10 - 2024 (7/10/2024)
790	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 11 - 2024 (5/11/2024)
791	Hồ Suối Nhum	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực sông Thị Vải	100	Đợt 12 - 2024 (2/12/2024)
792	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	68	Đợt 1 - 2024 (11/1/2024)
793	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 2 - 2024 (2/2/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
794	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 3 - 2024 (7/3/2024)
795	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 4 - 2024 (2/4/2024)
796	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 5 - 2024 (4/5/2024)
797	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 6 - 2024 (4/6/2024)
798	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	95	Đợt 7 - 2024 (4/7/2024)
799	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 8 - 2024 (16/8/2024)
800	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	44	Đợt 9 - 2024 (5/9/2024)
801	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	93	Đợt 10 - 2024 (7/10/2024)
802	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 11 - 2024 (5/11/2024)
803	Hồ Châu Pha	Châu Pha	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	99	Đợt 12 - 2024 (2/12/2024)
804	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	100	Đợt 1 - 2024 (13/1/2024)
805	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	100	Đợt 3 - 2024 (21/3/2024)
806	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	100	Đợt 4 - 2024 (10/4/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
807	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	96	Đợt 5 - 2024 (7/5/2024)
808	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	96	Đợt 6 - 2024 (22/6/2024)
809	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	93	Đợt 7 - 2024 (5/7/2024)
810	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	44	Đợt 9 - 2024 (6/9/2024)
811	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	98	Đợt 10 - 2024 (14/10/2024)
812	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	100	Đợt 11 - 2024 (14/11/2024)
813	Hồ Suối Môn	Đất Đỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Ray	100	Đợt 12 - 2024 (10/12/2024)
814	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 1 - 2024 (13/1/2024)
815	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	69	Đợt 3 - 2024 (21/3/2024)
816	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 4 - 2024 (10/4/2024)
817	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	94	Đợt 5 - 2024 (7/5/2024)
818	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	98	Đợt 6 - 2024 (22/6/2024)
819	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	91	Đợt 7 - 2024 (5/7/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
820	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	97	Đợt 9 - 2024 (6/9/2024)
821	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	85	Đợt 10 - 2024 (14/10/2024)
822	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	96	Đợt 11 - 2024 (14/11/2024)
823	Hồ Lồ Ô	Phường Long Hương	Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu vực Sông Dinh	100	Đợt 12 - 2024 (10/12/2024)
824	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		95	Đợt 1 - 2024 (15/1/2024)
825	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		100	Đợt 2 - 2024 (5/2/2024)
826	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		96	Đợt 3 - 2024 (8/3/2024)
827	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		85	Đợt 4 - 2024 (5/4/2024)
828	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		80	Đợt 5 - 2024 (3/5/2024)
829	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		89	Đợt 6 - 2024 (6/6/2024)
830	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		84	Đợt 7 - 2024 (5/7/2024)
831	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		75	Đợt 8 - 2024 (5/8/2024)
832	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		71	Đợt 9 - 2024 (4/9/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
833	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		95	Đợt 10 - 2024 (7/10/2024)
834	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		98	Đợt 11 - 2024 (5/11/2024)
835	Hồ Quang Trung 1 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		99	Đợt 12 - 2024 (2/12/2024)
836	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		93	Đợt 1 - 2024 (15/1/2024)
837	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		91	Đợt 2 - 2024 (5/2/2024)
838	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		92	Đợt 3 - 2024 (8/3/2024)
839	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		95	Đợt 4 - 2024 (5/4/2024)
840	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		99	Đợt 5 - 2024 (3/5/2024)
841	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		98	Đợt 6 - 2024 (6/6/2024)
842	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		93	Đợt 7 - 2024 (5/7/2024)
843	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		100	Đợt 8 - 2024 (5/8/2024)
844	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		86	Đợt 9 - 2024 (4/9/2024)
845	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		100	Đợt 10 - 2024 (7/10/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
846	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		100	Đợt 11 - 2024 (5/11/2024)
847	Hồ Quang Trung 2 (vị trí giữa hồ)	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		92	Đợt 12 - 2024 (2/12/2024)
848	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		87	Đợt 1 - 2024 (16/1/2024)
849	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		87	Đợt 2 - 2024 (5/2/2024)
850	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		91	Đợt 3 - 2024 (8/3/2024)
851	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		93	Đợt 4 - 2024 (5/4/2024)
852	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		82	Đợt 5 - 2024 (3/5/2024)
853	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		83	Đợt 6 - 2024 (6/6/2024)
854	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		84	Đợt 7 - 2024 (5/7/2024)
855	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		85	Đợt 8 - 2024 (5/8/2024)
856	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		93	Đợt 9 - 2024 (4/9/2024)
857	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		100	Đợt 10 - 2024 (7/10/2024)
858	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		100	Đợt 11 - 2024 (5/11/2024)

STT	Nguồn nước (thuộc sông, suối, kênh, rạch)	Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Giá trị WQI	Thời gian
		Xã/phường/đặc khu	Thành phố			
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*
859	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh		100	Đợt 12 - 2024 (2/12/2024)

PHỤ LỤC 05
KIỂM KÊ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Hồ chứa, đập dâng có dung tích toàn bộ ≥ 0,01 triệu m³; công trình khai thác, sử dụng nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô > 0,1 m³/giây; khai thác nước mặt cho kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp là > 100 m³/ngày đêm và phát điện với công suất > 50 KW)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Cống rạch địa phận (Cầu kênh Tân)	1213269	588634	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,167			
2	Cống rạch T6	1211795	589426	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,104			
3	Cống tuyến T5	1210589	590099	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,317			
4	Cống rạch Đường Đò	1210572	591933	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,122			
5	Cống rạch T4	1210170	590297	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,272			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
6	Cống tuyến T2 (rạch Đèn Chùm)	1209310	590612	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,282			
7	Cống rạch Rỗng Cát (T3)	1209856	590434	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,493			
8	Cống rạch TĐĐ1 (Ngọn Bàu Năng)	1208179	592566	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,296			
9	Cống đê bao rạch Cây Xanh (CX-BB)	1210788	595937	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,522			
10	Cống C9 (rạch Ông Ngang)	1217361	588964	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,119			
11	Cống tuyến rạch cống C1	1218294	592445	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		1,107			
12	Cống tuyến rạch cống C4	1219328	592127	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,192			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
13	Cống tuyến rạch cống C3	1220550	591477	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,14			
14	Cống tuyến rạch cống C9	1218661	590278	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,144			
15	Cống tuyến rạch cống B2	1211520	595496	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,108			
16	Cống tuyến rạch cống RT9	1207275	595456	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,122			
17	Cống tuyến rạch cống RT14	1207393	596497	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,148			
18	Cống tuyến rạch cống RT14	1207374	596406	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,204			
19	Cống tuyến rạch cống ĐH14	1207486	597135	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,211			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
20	Cống tuyến rạch cống RT23	1207766	597637	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,16			
21	Cống K0+314	1204034	598959	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,113			
22	Cống K2+424	1203228	599100	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Sông Sài Gòn	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,336			
23	Cống kênh N23A-3-1	1226860	575281	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,126			
24	Cống kênh N23A-3-2	1226781	575256	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,147			
25	Cống kênh N23A-12	1227158	576085	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,132			
26	Cống kênh N23A-14	1226921	575011	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,117			
27	Cống kênh N25-2	1225680	574627	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,122			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
28	Cống kênh N25-2A	1225493	574679	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,135			
29	Cống kênh N25-2B	1225304	574732	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,144			
30	Cống kênh N25-1	1225633	574364	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,432			
31	Cống kênh N25	1225515	573982	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,24			
32	Cống kênh N23A-5	1226908	575057	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,182			
33	Cống kênh N25-2-6	1224520	574911	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,193			
34	Cống kênh N25-2-8	1223302	575327	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,162			
35	Cống kênh N28-VC1	1225377	573958	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,135			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
36	Cống kênh N25-2-3 -10	1224121	576128	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,141			
37	Cống kênh N25-2-5	1223680	575191	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,121			
38	Cống kênh N27	1222867	573784	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,107			
39	Cống kênh N29-2-8	1221731	574355	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,105			
40	Cống kênh N33-3	1220347	574566	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,101			
41	Cống kênh N33-5	1220335	574641	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,106			
42	Cống kênh N25-2-7-4	1221194	577340	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,124			
43	Cống kênh N25-2-9	1219940	577584	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,131			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
44	Cống kênh N25-2-34	1220048	577337	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,116			
45	Cống kênh TCC1-1	1218660	576544	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,572			
46	Cống kênh N31A-11	1216602	578838	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,254			
47	Cống kênh N31A	1221299	573739	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp; cấp nước cho nhà máy nước		0,481	5.700		
48	Cống kênh N31A-7-1	1218867	577519	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,111			
49	Cống kênh N39-4	1219357	575392	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,12			
50	Cống kênh N38-5-5	1214938	573225	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,133			
51	Cống kênh N38-5A	1214650	573122	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,163			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
52	Cống kênh N38	1219406	573856	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,143			
53	Cống kênh N38-6-4	1216331	570218	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,151			
54	Cống kênh N38-7-7	1214499	568695	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,199			
55	Cống kênh N38-7	1216037	571733	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,173			
56	Cống kênh N38-7-5	1214524	570125	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,189			
57	Cống kênh N38-7-11	1214789	568087	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,138			
58	Cống kênh N38-7-7A	1214554	569292	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,145			
59	Cống kênh TC2-0	1214790	571314	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,208			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
60	Cống kênh N38-11B	1215742	569261	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,129			
61	Cống kênh N38-7-13	1215502	567768	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,7			
62	Cống kênh T38	1216343	568726	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,13			
63	Cống kênh N34-1	1220989	573429	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,152			
64	Cống kênh N33-2	1220440	573701	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,212			
65	Cống kênh N36-2	1219723	573510	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,111			
66	Cống kênh N36	1219732	573633	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,115			
67	Cống kênh N39-2-1	1218251	574706	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,114			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
68	Cống kênh N39-2-3	1218093	575127	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,124			
69	Cống kênh N37-8	1219050	574812	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,112			
70	Cống kênh N38-1-4	1217911	574288	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,132			
71	Cống kênh N40	1217540	575185	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,27			
72	Cống kênh N38-2A	1218974	573323	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,11			
73	Cống kênh N40-4-3	1216749	574175	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,116			
74	Cống kênh N38-3	1217708	572532	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,215			
75	Cống N41A	1216747	576470	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,222			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
76	Cống N41-10	1217602	576966	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,109			
77	Cống N43-2-4	1216425	576953	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,471			
78	Cống N46-4	1214738	577155	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,277			
79	Cống N46-4-5	1213311	576233	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,25			
80	Cống N46	1216423	576990	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp; cấp nước cho nhà máy nước		0,223			200.000
81	Cống kênh TC2-7	1209947	577054	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,589			
82	Cống N46-2-3	1215429	576231	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,137			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
83	Cống N46-2-1-4	1213759	575341	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,129			
84	Cống N46-2-1	1215295	576395	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,152			
85	Cống N46-2-3 (TC2-5)	1215295	575916	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,32			
86	Cống N46-2-1-2	1214655	576155	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,125			
87	Cống N46-2-3	1215288	575371	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,131			
88	Cống kênh N25-6	1225510	577143	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,124			
89	Cống kênh N25-7-6	1222042	580424	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,102			
90	Cống kênh N25-20B-2	1219230	581436	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,105			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
91	Cống kênh N25-20B-2-1	1219972	581071	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,109			
92	Cống kênh N25-7A	1221072	580492	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,114			
93	Cống kênh N25-7A-1	1221926	581214	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,109			
94	Cống kênh N25-7B-3	1221504	582357	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,118			
95	Cống kênh N31A-13-2	1216150	580801	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,461			
96	Cống kênh N46-10	1211918	580319	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,104			
97	Cống kênh N46-10-4	1211791	580151	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,119			
98	Cống kênh N43-6-1	1215341	578252	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,139			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
99	Cống kênh N43 -6-8	1214458	578508	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,12			
100	Cống kênh N46-6	1213255	578807	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,26			
101	Cống kênh N46-6-4	1211890	577537	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,24			
102	Cống kênh TC2.10	1210786	577634	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,353			
103	Cống kênh TC2-12	1210872	577694	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,156			
104	Cống kênh N46-6-5	1212581	578194	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,116			
105	Cống kênh N46-1	1210846	581231	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,101			
106	Cống kênh N46-12	1211134	580717	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,133			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
107	Cống kênh N46-12-5	1210365	580365	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,334			
108	Cống kênh N31A-8 -9	1212481	581047	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,126			
109	Cống kênh N46-6-3	1212834	578428	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,123			
110	Cống kênh N46-6-2	1213242	578762	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,326			
111	Cống kênh N46-3	1210632	582034	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,198			
112	Cống kênh N46-12A	1210717	581633	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,133			
113	Cống kênh N46-18	1208921	583771	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,301			
114	Cống kênh N46-16	1210032	582898	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,157			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
115	Cống kênh N46-14-6	1209516	582144	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,156			
116	Cống kênh N46-14-8	1208668	581719	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,112			
117	Cống kênh T27	1210354	585141	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,239			
118	Cống kênh N31A-27-4	1211044	585898	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,11			
119	Cống kênh T3	1211399	589619	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,47			
120	Cống kênh T4	1208651	584577	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,443			
121	Cống kênh T2	1212008	587455	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,243			
122	Cống kênh T10	1208669	590685	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,509			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
123	Cống kênh T1	1210169	590242	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Hồ Dầu Tiếng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,443			
124	Cống kênh TK5	1207571	583208	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh Thầy Cai	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,168			
125	Cống kênh TK3	1207471	584051	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh Thầy Cai	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,222			
126	Cống kênh TK1	1207350	585028	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh Thầy Cai	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,227			
127	Cống kênh AH6a	1207258	586130	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,378			
128	Cống kênh AH6b	1206537	584929	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,17			
129	Cống kênh AH6	1205273	587240	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,279			
130	Cống kênh AH8	1204407	586736	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,305			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
131	Cống kênh AH4	1207299	586856	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,193			
132	Cống kênh AH2	1206520	587986	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,224			
133	Cống kênh dẫn TTN	1207502	588636	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,107			
134	Cống kênh AH1	1206475	587980	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,346			
135	Cống kênh AH3	1205883	587618	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,127			
136	Cống kênh AH3a	1204354	588885	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,242			
137	Cống kênh AH5	1205104	587181	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,253			
138	Cống kênh AH7	1204503	586833	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,169			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
139	Cống kênh AH9	1203900	586491	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,165			
140	Cống kênh AH11	1203023	586007	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,132			
141	Cống kênh NT9	1200903	587982	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh Liên Vùng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,117			
142	Cống kênh NT8a	1199811	587674	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh Liên Vùng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,111			
143	Cống kênh AH28	1195146	583788	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,118			
144	Cống kênh T1	1194040	583541	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,312			
145	Cống kênh T2	1194318	585489	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,437			
146	Cống kênh T3	1195338	585749	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,508			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
147	Cống kênh T4	1196351	586009	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,342			
148	Cống kênh T5	1197261	586252	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,36			
149	Cống kênh AH22	1198050	584507	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,253			
150	Cống kênh AH24	1197079	584266	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,133			
151	Cống kênh AH20	1199030	584752	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,168			
152	Cống kênh AH-KC	1193363	585294	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,318			
153	Cống kênh Liên Vùng	1194291	585494	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh Liên Vùng	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,371			
154	Cống kênh A16	1189012	583696	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh A	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,187			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
155	Cống kênh A18	1188511	583441	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh A	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,333			
156	Cống kênh A20	1187710	583038	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh A	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,356			
157	Cống kênh A22	1187462	582902	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh A	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,115			
158	Cống kênh B14	1187882	585849	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh B	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,555			
159	Cống kênh B12	1188352	586079	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh B	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,11			
160	Cống kênh B18	1186850	585654	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh B	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,358			
161	Cống kênh B20	1186394	585676	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh B	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,346			
162	Cống kênh B22	1185962	585511	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh B	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,127			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
163	Cống kênh C10	1188408	588303	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,103			
164	Cống kênh C12	1187920	588235	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,179			
165	Cống kênh C15	1186538	589024	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,471			
166	Cống kênh C17	1186091	588241	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,395			
167	Cống kênh C19	1185669	588266	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,454			
168	Cống kênh C23	1184471	588811	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,392			
169	Cống kênh 3 Ngay	1185528	591199	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,442			
170	Cống kênh 5 Mậu	1185144	591346	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,114			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
171	Cống kênh 4 Thế	1184939	591926	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,109			
172	Cống kênh Sơ Đẳng	1184569	591764	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,149			
173	Cống kênh C25	1183888	589160	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,146			
174	Cống kênh Châu Cả	1188868	591287	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,134			
175	Cống kênh Sang	1184684	591278	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,276			
176	Cống K13+450	1190037	590601	Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,111			
177	Cống kênh C16	1186840	587965	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,176			
178	Cống kênh C18	1186500	587433	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,264			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
179	Cống kênh C20	1185734	588132	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,384			
180	Cống kênh C22	1184894	588526	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,452			
181	Cống kênh C24	1184049	588864	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,226			
182	Cống kênh C1	1190055	589851	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,107			
183	Cống kênh C5	1188727	591057	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,162			
184	Cống kênh C7	1188312	590758	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,313			
185	Cống kênh C9	1187929	590255	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,337			
186	Cống kênh C11	1187406	590193	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh C	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,572			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
187	Cống kênh T7	1199222	586697	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,152			
188	Cống kênh T6	1198219	586450	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,384			
189	Cống kênh T11	1192126	585687	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,253			
190	Cống kênh T12	1193041	587267	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,152			
191	Cống kênh T14	1191498	587313	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh An Hạ	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,104			
192	Cống kênh B2	1190645	587164	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	Cống	Kênh B	Tưới, tiêu nông nghiệp		0,192			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
193	Trung tâm Đầu tư Khai thác thủy lợi và nước sạch Nông thôn (nay Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn thành phố Hồ Chí Minh)/Hồ chứa nước Từ Vân 1	1241806	676819	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	Hồ chứa	Hồ chứa nước Từ Vân 1	Tiêu thoát nước	0,309				
194	Trung tâm Đầu tư Khai thác thủy lợi và nước sạch Nông thôn (nay Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn thành phố Hồ Chí Minh)/Hồ chứa nước Từ Vân 2	1241090	676762	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	Hồ chứa	Hồ chứa nước Từ Vân 2	Tiêu thoát nước	0,241				
195	Tổng công ty Becmex IDC/Công trình khai thác nước mặt suối Bến Tượng	1236865	679153	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	Trạm bơm	Suối Bến Tượng	Kinh doanh dịch vụ					300

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
196	Tổng công ty Becmex IDC/Công trình khai thác nước mặt suối Bến Ván	1245094	675151	Xã Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	Trạm bơm	Suối Bến Ván	Kinh doanh dịch vụ					900
197	Trung tâm Đầu tư Khai thác thủy lợi và nước sạch Nông thôn (nay Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn thành phố Hồ Chí Minh)/Hồ chứa Thủy Lợi Hồ Cần Nôm	1242852	653942	Xã Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	Rạch Cần Nôm	Hồ chứa	Hồ Cần Nôm	Tưới nông nghiệp	7,487	0,1833			
198	Trung tâm Đầu tư Khai thác thủy lợi và nước sạch Nông thôn (nay Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn thành phố Hồ Chí Minh)/Cống Hồ Cần Nôm	1242351	653598	Xã Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	Rạch Cần Nôm	Cống	Hồ Cần Nôm	Tưới nông nghiệp		0,2678			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
199	Tổng Công ty Becamex IDC/Công trình khai thác nước mặt suối Bà Tứ	1248924	671219	Xã Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	Suối Bà Tứ	Trạm bơm	Suối Bà Tứ	Kinh doanh dịch vụ					700
200	UBND phường Hiệp Thành (nay là UBND phường Thủ Dầu Một)/Hồ công viên Thủ Dầu Một	1215932	681357	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	Rạch Ông Đành	Hồ chứa	Hồ công viên Thủ Dầu Một	Cảnh quan môi trường	0,026475				
201	Công ty Cổ phần xây dựng TV-ĐT Bình Dương/Hồ công viên khu dân cư Hiệp Thành 3	1217430	682062	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Giữa – suối Bưng Cầu – rạch Bà Cô	Hồ chứa	Hồ công viên khu dân cư Hiệp Thành 3	Cảnh quan môi trường	0,016731				
202	Tổng Công tyBecamex IDC/Hồ cảnh quan Công viên thành phố mới	1222649	683064	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Giữa – suối Bưng Cầu – rạch Bà Cô	Hồ chứa	Hồ Công viên thành phố mới	Cảnh quan môi trường	0,788063				

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
203	Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành/Công trình khai thác nước mặt	1220058	682508	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Giữa – suối Bưng Cầu – rạch Bà Cô	Trạm bơm	Suối Ông Thiềng	Kinh doanh dịch vụ					2.000
204	Công ty Cổ phần phát triển Phú Mỹ/Khai thác nước mặt suối Ông Thiềng - Sân golf Phú Mỹ	1219449	682168	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Giữa – suối Bưng Cầu – rạch Bà Cô	Trạm bơm	Suối Ông Thiềng	Kinh doanh dịch vụ					1.200
205	Trạm thủy nông huyện Bắc Tân Uyên/Công trình lấy nước hồ Dốc Nhàn	1227861	706778	Xã Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Tân Lợi – suối sâu – suối Vũng Gấm	Cống	Hồ Dốc Nhàn	Tưới nông nghiệp		0,2			
206	Trạm thủy nông huyện Bắc Tân Uyên/Trạm bơm Vũng Gấm	1222234	708747	Xã Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Tân Lợi – suối sâu – suối Vũng Gấm	Trạm bơm	Sông Đồng Nai	Tưới nông nghiệp		0,4722			
207	Trạm thủy nông huyện Bắc Tân Uyên/Hệ thống thủy lợi Đá Bàn - Suối Sâu	1229658	702630	Xã Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	Suối Đá Bàn	Cống	Hồ Đá Bàn	Tưới nông nghiệp		0,72			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
208	UBND TT Tân Bình (nay là UBND phường Vĩnh Tân)/Hồ Cua Pari	1237066	683657	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	Hồ chứa	Hồ Cua Pari	Tưới nông nghiệp	1,19				
209	UBND TT Tân Bình (nay là UBND phường Vĩnh Tân)/Đập Cua Đinh	1235398	684528	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	Suối Tre	Đập dâng	Đập Cua Đinh	Tưới nông nghiệp	0,864				
210	UBND TT Tân Bình (nay là UBND phường Vĩnh Tân)/Đập Bến Xe	1236634	685742	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	Suối Tre	Đập dâng	Đập Bến Xe	Tưới nông nghiệp	0,018				
211	UBND xã Lạc An (nay là UBND xã Thường Tân)/Hồ Dốc Nhàn	1227865	706782	Xã Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Tân Lợi – suối sâu – suối Vũng Gấm	Hồ chứa	Suối Sâu	Tưới nông nghiệp	0,76				

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
212	UBND TT Tân Thành (nay là UBND xã Bắc Tân Uyên)/Hồ Đá Bàn	1229660	706238	Xã Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Tân Lợi – suối sâu – suối Vũng Gấm	Hồ chứa	Suối Sâu	Tưới nông nghiệp	6,2				
213	UBND xã Tân Mỹ (nay là UBND xã Thường Tân)/Đập Tràn	1226762	708054	Xã Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống suối Tân Lợi – suối sâu – suối Vũng Gấm	Đập dâng	Đập Tràn	Tưới nông nghiệp	0,14525				
214	UBND phường Bình An (nay là UBND phường Đông Hòa)/Hồ nước mỏ đá Bình An	1205377	697147	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	Suối Lồ Ồ	Hồ chứa	Hồ nước mỏ đá Bình An	Cảnh quan môi trường	68				
215	UBND phường Bình An (nay là UBND phường Đông Hòa)/Hồ nước mỏ đá Núi Đá Nhỏ	1206727	697628	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	Suối Xiệp – rạch Bà Hiệp	Hồ chứa	Hồ nước mỏ đá Núi Đá Nhỏ	Cảnh quan môi trường	13				

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
216	UBND phường Tân Đông Hiệp/Hồ nước mỏ đá Tân Đông Hiệp	1207811	696160	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	Suối Xiệp – rạch Bà Hiệp	Hồ chứa	Hồ nước mỏ đá Tân Đông Hiệp	Cảnh quan môi trường	25				
217	Công ty TNHH sản xuất cao su Tuấn Huyền/Công trình khai thác nước mặt	1254071	684130	Xã An Long	TP. Hồ Chí Minh	Suối Thôn	Trạm bơm	Suối Thôn	Sản xuất công nghiệp			130		
218	Công ty CP gạch ngói Đồng Nai/ Mỏ sét gạch gói	1239718	688390	Xã Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	Suối Đồng Chinh	Trạm bơm	Hồ nước từ khai thác mỏ	Sản xuất công nghiệp			750		
219	UBND xã Phước Hòa/Đất UBND xã quản lý (hồ)	1240431	692328	Xã Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	Suối Đồng Chinh	Hồ	Hồ	Nuôi trồng thủy sản	0,2				

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
220	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương/Công trình khai thác nước mặt Suối Giai – Chi nhánh cấp nước Phước Vĩnh	1250487	694526	Xã Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	Suối Giai	Đập dâng	Suối Giai	Cấp nước sinh hoạt					3.500
221	Công ty TNHH SX TM DV Thiện Hưng/ Nhà máy SX, chế biến mủ cao su	1252539	689598	Xã Phước Thành	TP. Hồ Chí Minh	Suối Nước Trong	Trạm bơm	Suối Nước Trong	Sản xuất công nghiệp			180		
222	UBND phường Hội Nghĩa (nay là UBND phường Bình Cơ)/Ao cá phường Hội Nghĩa	1229653	690811	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	Suối Bà Phó	Ao	Ao	Nuôi trồng thủy sản	0,265				

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
223	UBND phường Tân Phước Khánh (nay là UBND phường Tân Khánh)/Hồ Tân Vĩnh Hiệp	1217354	686229	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	Suối Chợ	Hồ chứa	Suối Chợ	Tiêu thoát nước	0,25				
224	Công ty TNHH Du lịch Thủy Châu/Công trình khai thác nước mặt	1205927	698644	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	Suối Xiệp – rạch Bà Hiệp	Trạm bơm	Rạch Bà Hiệp	Sinh hoạt và cung cấp nước cho suối nhân tạo, hồ bơi			150		
225	Hồ Đá Đen	1175650	436555,5	Xã Kim Long, Phường Tân Thành, xã Ngãi Giao	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Hồ chứa	Hồ Đá Đen	Tưới nông nghiệp; Cấp nước sinh hoạt	33,4	2,71			
226	Hồ Kim Long	1183058	440411,7	Xã Kim Long	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Hồ chứa	Hồ Kim Long	Tưới nông nghiệp; Cấp nước sinh hoạt	3,78	0,2			
227	Hồ Châu Pha	1173206	432656,9	Xã Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Hồ chứa	Hồ Châu Pha	Tưới nông nghiệp; Cấp nước sinh hoạt	3,52	0,2			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
228	Hồ Suối Các	1183591	471859,8	Xã Hòa Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đu Đủ	Hồ chứa	Hồ Suối Các	Tưới nông nghiệp; Cấp nước sinh hoạt	4,3	0,148			
229	Hồ Xuyên Mộc	1165917	461775,3	Xã Hồ Tràm	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Hồ Xuyên Mộc	Tưới nông nghiệp; Cấp nước sinh hoạt	4,5	0,155			
230	Hồ Đá Bàng	1167750	445352	Xã Nghĩa Thành, Xã Đất Đỏ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Hồ Đá Bàng	Tưới nông nghiệp; Cấp nước sinh hoạt	11,35	0,234			
231	Hồ Sông Ray	1181726	456631,3	Xã Hòa Hội, Xã Bàu Lâm và Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Sông Ray	Tưới nông nghiệp; Cấp nước sinh hoạt	215,36	1,203			
232	Hồ Sông Hỏa	1169346	468807,6	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Sông Hỏa	Tưới nông nghiệp; Cấp nước sinh hoạt	2,22	0,804			
233	Hồ Núi Nhan	1178564	441287,7	Xã Ngãi Giao	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Hồ chứa	Hồ Núi Nhan	Tưới nông nghiệp	1,12				
234	Hồ Suối Giàu	1171162	452666,3	Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Suối Giàu	Tưới nông nghiệp	12,2	0,436			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
235	Hồ Lồ Ồ	1162716	436088	Xã Xuân Sơn, Xã Đất Đỏ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Hồ chứa	Hồ Lồ Ồ	Tưới nông nghiệp	6	0,807			
236	Hồ Tầm Bó	1183127	446907,6	Xã Kim Long	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Hồ Tầm Bó	Tưới nông nghiệp	5,85	0,399			
237	Hồ Gia Hoét I	1183669	449326,7	Xã Bình Giã	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Hồ Gia Hoét I	Tưới nông nghiệp	4	0,148			
238	Hồ Suối Môn	1167067	448405	Xã Đất Đỏ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Hồ Suối Môn	Tưới nông nghiệp	1,6	0,158			
239	Hồ Suối Đôi I	1182144	450238,7	Xã Bình Giã	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Hồ Suối Đôi I	Tưới nông nghiệp	0,1655				
240	Hồ Suối Sao	1184820	451044,3	Xã Bình Giã	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Hồ Suối Sao	Tưới nông nghiệp	0,107				
241	Hồ Bút Thiền	1155595	445179	Phước Hải và Long Điền	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Bút Thiền	Tưới nông nghiệp	2,4				
242	Hồ Gia Hoét II	1183828	450512	Xã Bình Giã	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa	Hồ Gia Hoét II	Tưới nông nghiệp	0,0669				
243	Hồ Hải Sơn	1165232	425771	Phường Tân Phước	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Hải Sơn	Tưới nông nghiệp	0,03				
244	Hồ Nhà Bè	1180071	433125	Phường Tân Thành	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Nhà Bè	Tưới nông nghiệp	0,21				
245	Hồ Suối Đá	1167785	435830	Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Hồ chứa	Hồ Suối Đá	Tưới nông nghiệp	0,78				

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
246	Hồ Suối Nhum	1175419	427496	Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Hồ chứa	Hồ Suối Nhum	Tưới nông nghiệp	2,05				
247	Hồ Bàu Úc	1166305	442456	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Bàu Úc	Tưới nông nghiệp	0,84				
248	Hồ Lồ Ô	1162721	436083	Phường Long Hương	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Lồ Ô	Tưới nông nghiệp	0,04				
249	Hồ Sở Bông	1152755	446746	Phước Hải	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Sở Bông	Tưới nông nghiệp	0,82				
250	Hồ Sông Kinh	1162608	462315	Hồ Tràm	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Sông Kinh	Tưới nông nghiệp	0,84				
251	Hồ Mang Cá	1157170	426445	Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Mang Cá	Tạo cảnh quan	1				
252	Hồ An Hải 1	959932	372805	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ An Hải 1	Tưới nông nghiệp	0,54				
253	Hồ Quang Trung I	961623	374272	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Quang Trung I	Tưới nông nghiệp	0,518				
254	Hồ Quang Trung II	961303	373969	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Quang Trung II	Tưới nông nghiệp	0,645				
255	Hồ Suối Ớt	961509	375808	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Suối Ớt	Tưới nông nghiệp	0,078				
256	Hồ Đất Dốc	963629	377069	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh		Hồ chứa	Hồ Đất Dốc	Tưới nông nghiệp	0,17				

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
257	Nhà máy nước hồ Đá Đen	1162979	436950	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Nhà máy nước	Hồ Đá Đen	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt	33,4		185000		
258	Trạm cấp nước Bình Châu	1171638	479515	Xã Bình Châu	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đu Đủ	Nhà máy nước	Suối Bang	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt			2500		
259	Nhà máy nước Hòa Hiệp	1182939	472088	Xã Hòa Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	Sông Đu Đủ	Nhà máy nước	Hồ Suối Cóc	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt			6000		
260	Nhà máy cấp nước sông Hỏa	1167975	468488	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Nhà máy nước	Hồ sông Hỏa	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt	2,22		5400		
261	Công ty TNHH Cấp nước Tóc Tiên	1172920	426151	Xã Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	Sông Thị Vải	Nhà máy nước	Hồ Suối Nhum	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt	2		20000		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
262	Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTPC- Công ty chế biến khí Vũng Tàu - công trình khai thác nước mặt sông Thị Vải để cấp cho hệ thống gia nhiệt của kho chứa LPG và LNG	1165544	420390	Phường Tân Phước	TP. Hồ Chí Minh	Sông Thị Vải	Trạm bơm	Sông Thị Vải	Sản xuất công nghiệp			93000		
263	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ (Chi nhánh TCTPĐ3) P.M 2.1 Mở rộng	1173723	420810	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Thị Vải	Trạm bơm	Rạch Mương (suối Sao), phụ lưu cấp 1 của sông Thị Vải (thuộc hệ thống sông Đồng Nai)	Sản xuất công nghiệp			970000		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
264	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ (Chi nhánh TCTPĐ3) P.M.2.1	1173723	420810	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Thị Vải	Trạm bơm	Rạch Mương (suối Sao), phụ lưu cấp 1 của sông Thị Vải (thuộc hệ thống sông Đồng Nai)	Sản xuất công nghiệp			970000		
265	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ (Chi nhánh TCTPĐ3) P.M.1	1173723	420810	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Thị Vải	Trạm bơm	Rạch Mương (suối Sao), phụ lưu cấp 1 của sông Thị Vải (thuộc hệ thống sông Đồng Nai)	Sản xuất công nghiệp			970000		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
266	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ (Chi nhánh TCTPĐ3) P.M.4	1173723	420810	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Thị Vải	Trạm bơm	Rạch Mương (suối Sao), phụ lưu cấp 1 của sông Thị Vải (thuộc hệ thống sông Đồng Nai)	Sản xuất công nghiệp			970000		
267	Công ty Năng lượng Mêkông-Chi nhánh TCTPĐ3	1173723	420810	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Thị Vải	Trạm bơm	Rạch Mương (suối Sao), phụ lưu cấp 1 của sông Thị Vải (thuộc hệ thống sông Đồng Nai)	Sản xuất công nghiệp			1857600		
268	Công ty diện lực TNHH PM3-Chi nhánh TCTPĐ3	1172471	421282	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Thị Vải	Trạm bơm	Suối Sao	Sản xuất công nghiệp			1368000		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
269	Tổng công ty phân bón và hóa chất dầu khí-CTCP	1172401	421290	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Thị Vải	Trạm bơm	Suối Sao	Sản xuất công nghiệp			98400		
270	Nhà máy cấp nước Châu Pha	1172627	433656	Xã Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Nhà máy nước	Hồ Châu Pha	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt	3,52		5000		
271	Trạm cấp nước Huyện Côn Đảo	961446	373739	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh		Nhà máy nước	Hồ Quang Trung II	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt	0,645		24000		
272	Nhà máy nước sông Ray	1176960	457361	Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Nhà máy nước	Hồ sông Ray (lấy nước trên kênh chính của hồ chứa nước Sông Ray)	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt	215,36		10000		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
273	Trạm bơm khai thác nước mặt của xí nghiệp chế biến mủ cao su Xà Bang	1185673	446186	Xã Châu Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Trạm bơm	Nước mặt hồ Bầu Sen (Hồ Bảy Màu)	Sản xuất; Tưới nông nghiệp			900		
274	Nhà máy nước mặt Phú Mỹ	1171772	436039	Xã Ngãi Giao	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Nhà máy nước	Hồ Đá Đen	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt	33,4		115000		
275	Nhà máy nước Đá Bàng	1165780	444985	Xã Đất Đỏ	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Nhà máy nước	Hồ Đá Bàng	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt	11,35		17280		
276	Nhà máy nước mặt Sông Dinh	1162449	436899	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	Sông Dinh	Nhà máy nước	Sông Dinh	Kinh doanh dịch vụ; Cấp nước sinh hoạt			225000		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000 múi 3)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác thực tế đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/phường/đặc khu	Thành phố									
1	*2*	*3*	*4*	*5*		*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
277	Thủy điện sông Ray	1177590	457500	Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	Sông Ray	Hồ chứa; Đập dâng	Hồ sông Ray (lấy nước trên kênh chính của hồ chứa nước Sông Ray)	Kinh doanh dịch vụ; Phát điện	215,36		864000	2500	

PHỤ LỤC 06
KIỂM KÊ XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô ≥ 5 m³/ngày đêm và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Căn hộ Remax Plaza	1188673	598232	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2	Chung cư cao cấp Remax	1188587	598212	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
3	Lucky Palace	1188849	598563	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
4	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.Op Hậu Giang	1188926	597472	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	19,66	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	342/GP-STNMT-TNNKS ngày 14/3/2022
5	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Băng thun y tế Minh Quang	1188509	597546	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
6	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	1188945	597243	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	12,11	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
7	Công ty TNHH Dịch vụ Ô Tô Sài Gòn Toyota Tsusho	1189263	596310	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	420/GPMT-UBND ngày 26/1/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
8	Chung cư Nguyễn Văn Luông	1188938	596756	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	79	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	454/GP-STNMT-TNNKS ngày 4/6/2022
9	Công ty TNHH đầu tư Xây dựng và phát triển Hợp Phát	1187907	596988	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	37,6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	637/GPMT-STNMT ngày 7/1/2024
10	Công ty Cổ phần lắp máy điện nước và Xây dựng	1188421	596753	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
11	Công ty TNHH May thêu Thuận Phương	1188620	596628	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	66	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	360/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 26/04/2024
12	Công ty May thêu Thuận Phương - Chi nhánh	1187528	596012	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1376/GPMT-UBND ngày 13/4/2023
13	Chung cư Asiana Capella	1187859	595888	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	115	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	495/GPMT-STNMT ngày 29/5/2024
14	Galaxy Kinh Dương Vương (Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân - Rạp chiếu phim Thiên Ngân)	1188995	595818	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
15	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Phú	1189014	595857	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
16	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh bất động sản Việt Gia Phú	1188246	597913	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	290	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
17	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại hợp phát	1188079	597316	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	48	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
18	Công ty TNHH MTV Dịch vụ y tế Âu Á	1189164	596591	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	12	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
19	Báo Sài Gòn Giải Phóng	1189928	595637	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
20	Chi nhánh Công ty TNHH may Trần Trúc	1189346	596427	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
21	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hào Hoa	1187782	595429	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	137	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
22	Công ty TNHH Bệnh viện chuyên khoa thẩm mỹ JT Angel	1189443	595458	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	21	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
23	Công ty Cổ phần CNTMDT Phú Lâm	1187827	595465	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Quốc Holdings	1186922	595918	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
25	Công ty Nhựa cơ khí Chấn Thuận Thành	1187517	596003	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
26	Công ty TNHH Sản xuất Hàng tiêu dùng Bình Tiên	1187525	596300	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	250/GP-STNMT-TNNKS
27	Công ty TNHH Sản xuất Hàng tiêu dùng Bình Tiên Chi nhánh Bitis Miền Nam	1187620	596296	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
28	Công ty TNHH Y Tâm Đường	1187728	596364	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
29	Công ty Cổ phần Him Lam (Chung cư Him Lam Chợ Lớn Block A)	1188500	596960	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	800	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung trên đường Hậu	Sông Đồng Nai	7164/GPMT-UBND ngày 31/12/2024
30	Chung cư Stanlight Riverside	1188448	596957	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	55	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	689/GP-STNMT-TNNKS ngày 13/8/2020
31	Siêu thị MM Mega Market Bình Phú	1188093	596180	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	70	Sinh hoạt	Kênh Lò Gốm	Sông Đồng Nai	09/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 03/01/2025
32	Citenco - Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	1189335	596414	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
33	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.Hồ Chí Minh- CN Q.6	1189346	596412	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2550/GP-UBND-TNMT ngày 5/9/2019

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
34	Công ty TNHH MTV Thương mại, Sản xuất Vĩnh Thái Thành	1188889	597007	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
35	Công ty TNHH P&D	1189094	596555	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
36	Cơ sở Sản xuất các loại Tỷ Ký	1189833	596410	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
37	Cơ sở Sản xuất các Mì sợi Vĩnh Thành Ký	1189839	596361	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
38	Bến xe buýt chợ lớn	1189064	598334	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
39	Công ty TNHHTMSX Phát Thành (Fataco.LTD)	1189074	598406	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
40	Công ty Hồng Lợi Nam	1189032	598173	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
41	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Phú Đại Lộc	1189276	598203	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
42	HOTEL Tân Cửu Long	1189276	598203	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
43	Chợ Bình Tiên	1188508	597614	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	17	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
44	Công ty TNHH Bánh Trung Thu Đông Hưng Viên	1188644	597800	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	13	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
45	Nha khoa Minh Khôi	1188165	597565	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Y tế	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
46	Chi nhánh Công ty Cổ phần GarMex SG - Nhà máy may Bình Tiên	1188834	597390	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
47	Công ty Khải Nguyên	1188829	597445	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
48	Phòng khám Nhi Đồng 315	1188889	597697	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	40	Y tế	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
49	Công ty Cổ phần Lưới sợi Hùng Vương	1189205	597778	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
50	Công ty TNHH MTV Kẹo Bảy Ba Bảy	1190575	599529	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
51	Công ty TNHH MTV MTĐT TP. Hồ Chí Minh- Chi nhánh Chợ Lớn	1191162	597542	Hòa Bình	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	10/GP-UBND-TNMT ngày 18/2/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
52	Công ty Cổ phần UNIC	1187723	597047	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
53	Công ty TNHH Nguyễn Hồng Xuân (Chành Hòa Bình)	1187616	597120	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
54	Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	1187805	596925	Bình Tiên	TP. Hồ Chí Minh	23	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1375/GPMT-UBND ngày 13/4/2023
55	Cơ sở Nhựa Nam Phát	1189152	597204	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
56	Công ty TNHH Lợi Sơn	1189389	597415	Bình Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
57	The Western Capital	1187396	596298	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	1700	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
58	Ban quản lý chợ Phú Lâm	1189585	596207	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	826/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 12/08/2024
59	Công ty Cổ phần Thủy đặc sản	1180267	587700	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	180	Công nghiệp	Kênh Ông Thoàn	Sông Đồng Nai	
60	Chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thuận Phương-xưởng Bình Chánh	1179230	590059	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	45,48	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	224/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 15/03/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
61	Khu trung tâm Thương mại Dịch vụ nhà ở	1182204	591401	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	2090	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1163/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10/11/2023
62	Công ty TNHH Thương mại, Sản xuất dây và cáp điện Đại Long	1179023	590561	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	9,2	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1299/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 24/12/2024
63	Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	1182452	591154	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	7,8	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	3611/GPMT-UBND ngày 26/4/2024
64	Công ty TNHH Sản xuất thức ăn chăn nuôi Đại Hưng	1180914	591040	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	7,6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
65	Công ty TNHH Thiên Thành-xưởng Sản xuất Thiên Thành 1	1187121	588830	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
66	Công ty Cổ phần Ba Huân - Nhà máy xử lý trứng	1183814	588995	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	70	Sinh hoạt	Kênh Xáng	Sông Đồng Nai	224/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/3/2020
67	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại thép Nguyễn Minh	1181782	591932	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	8,71	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
68	Công ty Cổ phần Sản xuất giày Khải Hoàn-CN3	1186112	592292	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	31,2	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
69	Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Diệu Bằng	1184993	592800	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	6,4	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
70	Bệnh viện Nhi đồng Thành phố	1184494	590120	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	1200	Y tế	Kênh 10	Sông Đồng Nai	338/GP-SNN ngày 10/9/2021
71	Bệnh viện truyền máu huyết học	1186112	592292	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	31,2	Y tế	Kênh 10	Sông Đồng Nai	
72	Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	1182881	593422	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	750	Sinh hoạt	Rạch Lồng Đèn	Sông Đồng Nai	1015/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/12/2020
73	Công ty TNHH Nhựa Thuận Đạt	1180983	594732	Hưng Long	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Cầu Rach Gia	Sông Đồng Nai	
74	Khu dân cư Phong Phú 4	1182434	597656	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	800	Sinh hoạt	Rạch Rô	Sông Đồng Nai	
75	Chung cư Terra Rosa	1184076	597596	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Rạch Mã Voi	Sông Đồng Nai	
76	Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	1187485	586677	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	8000	Công nghiệp	Kênh C16	Sông Đồng Nai	66/GPMT-BTNMT ngày 26/2/2024
77	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thành Hưng Long	1178821	589725	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
78	Chi nhánh Công ty Cổ phần y tế phúc thịnh - Bệnh viện đa khoa Quốc tế nam Sài Gòn	1187416	602737	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	120	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	125/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 06/03/2025

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
79	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Nam Á	1181009	596819	Hưng Long	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
80	Công ty Cổ phần phát triển Nam Sài Gòn - Khu nhà ở sông Lớn	1186496	602405	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
81	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm Thương mại Satra	1187155	600911	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	35	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
82	Công ty TNHH Toyota An Thành Fukushima	1180884	590498	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	273/GP-STNMT-TNNKS ngày 07/3/2022
83	Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam - Nhà máy Sản xuất bao bì	1182494	591770	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
84	Công ty TNHH Nhựa Sunway Mario	1180150	594292	Hưng Long	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	643/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 03/07/2024
85	Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường đô thị Hoà Bình	1177628	598768	Hưng Long	TP. Hồ Chí Minh	51	Công nghiệp	Rạch Chiêu	Sông Đồng Nai	
86	Công ty TNHH bao bì Gia Thành	1188614	585905	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Kênh thuỷ lợi	Sông Đồng Nai	
87	Chi nhánh Công ty Cổ phần dây cáp điện Lucky Star - xưởng Sản xuất	1186371	594789	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
88	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Trường Luân	1187841	587917	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
89	Công ty TNHH Sản xuất Toàn Hùng	1186366	590739	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
90	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ văn hoá và du lịch Quận 8 - Trung tâm Thương mại	1186420	601384	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	53	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
91	Công ty TNHH Dịch vụ Đại Phú Hào	1187770	602644	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	23	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
92	Công ty TNHH MTV Sản xuất Viên Đan	1187711	600604	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	544	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
93	Chung cư cụm III, IV và trung tâm văn hoá có thuộc dân cư Trung Sơn 6,75ha - Khu 6A - Khu chức năng 6 - Đô thị mới Nam Thành Phố	1185592	600551	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	1250	Sinh hoạt	Rạch Ông Lớn	Sông Đồng Nai	
94	Công ty TNHH Sản xuất mũ bảo hiểm Lino	1196205	589845	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	27	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
95	Công ty TNHH MTV in báo nhân dân TP. Hồ Chí Minh	1178532	602882	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
96	Công ty TNHH may thêu nón Đồng Tâm	1180030	598402	Hưng Long	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
97	Toà nhà 194 South Tower	1185889	598902	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	125	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
98	Công ty TNHH Vĩ Kiệt	1181074	591241	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
99	Công ty TNHH ô tô An Lộc Phú	1186869	601157	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
100	Công ty TNHH Bizmax	1180850	594653	Hưng Long	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Kênh N3	Sông Đồng Nai	
101	Công ty TNHH Thực phẩm Beco	1184728	592488	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
102	Chi nhánh Công ty MTV Sản xuất Thương mại can Nhựa Hương Phát	1192033	591306	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
103	Chi nhánh Công ty TNHH may túi xách Thái Dương	1197425	588797	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
104	Công ty Cổ phần giải pháp bao bì Giấy Đất Phương Nam	1179605	589458	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
105	Công ty Điểm Hồng	1180221	589703	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
106	Công ty Tân Hưng	1179658	589478	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
107	Công ty TNHH Hương Hoàng Nam	1180056	589470	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Ao, hồ	Sông Đồng Nai	
108	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Trường Tân	1180777	589505	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
109	Công ty Cổ phần Bất động sản Tiến Phước- khu nhà ở liền kề thuộc dự án khu nhà ở Tiến Phước	1185875	600468	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	160	Sinh hoạt	Rạch nhánh rạch Xóm Củi	Sông Đồng Nai	236/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 19/03/2024
110	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Thuỵ Sỹ	1185191	601654	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
111	Khu dân cư Hạnh Phúc	1184858	598074	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
112	Citenco - Chi nhánh Dịch vụ Môi trường Trung tâm hỏa táng và Nghĩa trang Đa Phước	1179704	599738	Hưng Long	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
113	Chi nhánh 2 Công ty TNHH Phát triển Vĩ Lâm	1191372	586928	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
114	Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Linh Như	1190326	584342	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
115	Cơ sở Tuấn Kiệt 1	1189734	589460	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
116	Công ty TNHH DESMO	1192075	585314	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
117	Công ty TNHH MTV Khuôn mẫu Liên Thành Phát	1190538	584464	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
118	Công ty TNHH MTV Nam Nguyên	1190794	588039	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
119	Công ty TNHH P.DussMann Việt Nam	1190988	584630	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
120	Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Thiệu Phong	1192060	585709	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
121	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Inox Việt Nam	1191298	584852	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
122	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phạm Chiến Công	1189192	583735	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	235/GP-SNN ngày 28/5/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
123	Công ty TNHH thiết bị công nghệ Sản xuất kem Đại Việt Á	1189589	589316	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
124	Công ty TNHH Thông Hồng	1189476	583946	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
125	Công ty TNHH Thuận Giang	1186853	585644	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
126	Công ty TNHH Thương mại, Sản xuất giấy Thành Lợi	1188517	588285	Bình Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
127	Chung cư Terra Rosa B3B4	1184048	597634	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	271	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1075/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/12/2020
128	Công ty Đồng Phú Hưng	1184001	596402	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
129	Công ty TNHH L2A Sài Gòn BagS	1184333	598543	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
130	Công ty TNHH Phụ Kiện Ô tô Quyết Thắng	1184331	598610	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
131	Công ty TNHH Tấm Cách Nhiệt	1184169	596327	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
132	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ Thuật Phương Khôi	1186186	597820	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
133	Công ty TNHH thương mại và Dịch vụ Khiêm Khải	1184068	596474	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
134	Công ty TNHH TIM Corp	1183952	596187	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
135	Dự Án Khu Công Viên-TTCC Và dân cư	1185243	597496	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	175	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
136	Khách Sạn Dư Âm	1184425	598512	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
137	Khu dân cư INTRESCO 13E	1183682	597794	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	1075/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/12/2020
138	Công ty TNHH Cơ điện lạnh Hân Phát	1184805	592455	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
139	Công ty TNHH Du lịch Huy Phát	1184840	591500	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
140	Công ty TNHH Tuấn Phát	1184835	592319	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
141	Doanh nghiệp Tư nhân Toàn Hùng	1185411	590817	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1740/GP-STNMT ngày 21/12/2018
142	Công ty Bao bì Hoàng Nam	1185489	588283	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
143	Công ty TNHH mua bán chế biến Thủy sản Huỳnh Gia	1186615	585709	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
144	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Uy Thịnh	1185235	588387	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
145	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Tin	1181242	589400	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
146	Công ty TNHH Doolim Bình Chánh FaCông tyory	1194964	588913	Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
147	Trạm xử lý nước thải KDC Vĩnh Lộc B	1191481	589112	Tân Vĩnh Lộc	TP. Hồ Chí Minh	3700	Sinh hoạt	Kênh AH-KC	Sông Đồng Nai	285/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 02/04/2024
148	Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân 3	1189240	606752	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	3000	Công nghiệp	Kênh Cô	Sông Đồng Nai	
149	Cơ sở Hữu Thành	1187494	587129	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	80	Công nghiệp	Kênh B	Sông Đồng Nai	377/GP-SNN ngày 8/10/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
150	Trường Cao Đẳng kiến trúc Xây dựng TP.Hồ Chí Minh	1185117	597948	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Rạch Bà Lớn	Sông Đồng Nai	1078/GP-STNMT-TNNKS ngày 15/11/2021
151	Công ty Cổ phần NNH Mizuki Trạm XLNT Giai Đoạn 2	1185255	599525	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	1200	Sinh hoạt	Nhánh rạch xóm củi gò nổi 5	Sông Đồng Nai	299/GPMT-BTNMT ngày 21/8/2023
152	Công ty Cổ phần NNH Mizuki Trạm XLNT Giai Đoạn 1	1185111	599967	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Nhánh rạch xóm củi gò nổi 5	Sông Đồng Nai	65/GPMT-BTNMT ngày 20/3/2023
153	Khu dân cư Senturia	1185915	600667	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Nhánh rạch xóm củi gò nổi 9	Sông Đồng Nai	
154	Nhà máy xử lý nước thải Bình Hưng	1185334	601456	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	130000	Sinh hoạt	Sông Tắc Bến Rô	Sông Đồng Nai	108/GPMT-BTNMT ngày 3/4/2024
155	Công ty TNHH xử lý chất thải Việt Nam	1179648	599906	Hưng Long	TP. Hồ Chí Minh	2500	Công nghiệp	Nhánh Rạch Ông Lớn 11	Sông Đồng Nai	
156	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vĩnh Phong CONIC	1184904	594152	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	700	Sinh hoạt	Rạch Mã Voi	Sông Đồng Nai	400/GP-STNMT-TNNKS ngày 24/03/2022
157	Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Khang Nam	1184016	597535	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Rạch Mã Voi	Sông Đồng Nai	
158	Công ty Cổ phần Thế kỷ 21	1185467	599454	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	290	Sinh hoạt	Kênh Sáng	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
159	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Hương Nam Phương	1189589	596931	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
160	SOHACO Mien Nam Công ty Cổ phần Dược phẩm Sohaco Miền Nam	1189561	596876	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
161	Citenco - Chi nhánh môi trường Đô thị Chợ Lớn	1191163	597546	Hòa Bình	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
162	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.Hồ Chí Minh- Chi nhánh Sài Gòn	1190173	599115	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	03/GP-UNBD-STNMT ngày 14/7/2020
163	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	1190474	597403	Bình Thới	TP. Hồ Chí Minh	49,6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1179/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/10/2019
164	Nhà hàng buffet hải sản Alibaba	1189934	596543	Bình Thới	TP. Hồ Chí Minh	80,8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
165	Khu chung cư Tân Phước	1190241	599325	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	675	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	485/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28/05/2024
166	Bệnh viện Quận 11	1190124	598020	Bình Thới	TP. Hồ Chí Minh	200	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	758/GP-STNMT-CCBVMT ngày 24/07/2024
167	Công ty TNHH Khách sạn Nguyễn Huỳnh Khải Hoàn	1191594	597973	Hòa Bình	TP. Hồ Chí Minh	140	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	482/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/6/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
168	Hộ Kinh doanh cơ sở Sản xuất xe lăn tay Kiến Tường	1189570	597355	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
169	Công ty Cổ phần Dệt may Đông Á	1191487	598129	Hòa Bình	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	220/GPMT-BTNMT ngày 30/6/2023
170	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Đầm Sen	1191268	598631	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	6/GPMT-UBND ngày 22/11/2024
171	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar Dược phẩm Mekophar	1191713	598846	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	230	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	198/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28/02/2025
172	Công ty Cổ phần Gia Bảo	1190590	598856	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	590/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/6/2019
173	Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố	1190355	599111	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	9	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	02/GP-UBND
174	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ vận tải Peter	1191682	597940	Hòa Bình	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
175	Ban quản trị nhà Chung cư Toà nhà Flemington	1190483	598895	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	333	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
176	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	1191046	596727	Bình Thới	TP. Hồ Chí Minh	300	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
177	Công ty TNHH Vilam Engineering Việt Nam	1190566	598848	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
178	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ bất động sản Phú Cường	1189500	598173	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
179	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hậu Sanh	1189865	597615	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
180	Chi nhánh số 06 - Công ty Cổ phần vật tư xăng dầu	1189500	597173	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
181	Chi nhánh số 08 - Công ty Cổ phần vật tư - xăng dầu	1190345	599042	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
182	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Phú Thọ	1190556	599301	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
183	Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Phú Thọ	1190949	597091	Bình Thới	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
184	Công ty TNHH phát triển công nghệ Annapath	1189861	598911	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	116	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
185	Công ty TNHH xét nghiệm bệnh lý học Việt Nam	1189825	599178	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	25	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
186	Công ty TNHH y tế Đại Phước	1190452	599278	Minh Phụng	TP. Hồ Chí Minh	12	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
187	Toà nhà The Everrich	1190385	598964	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	359	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
188	Chi nhánh 1 - Công ty TNHH mô tô Hoàng Việt	1190686	598717	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	20	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
189	Công ty TNHH mô tô Hoàng Việt	1190355	598989	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	18	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
190	Nhà hàng Thuỷ tạ Đầm Sen	1191041	596848	Bình Thới	TP. Hồ Chí Minh	25	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
191	Trạm trung chuyển Chất thải rắn sinh hoạt Tân Hoá	1189872	596605	Bình Thới	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
192	Công ty TNHH Tư vấn đầu tư Thiên Đảo	1189387	601182	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	19/GPMT-UBND ngày 10/10/2023
193	CN Xăng dầu Sài Gòn Công ty Xăng dầu KV2 TNHH MTV(Cửa hàng 27).	1189573	601757	Chợ Quán	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	09/GPMT-UBND ngày 5/14/2024
194	CN Xăng dầu Sài Gòn-Công ty Xăng dầu KV2	1189640	601876	Chợ Quán	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-UBND ngày 5/14/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
195	Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn	1189168	600900	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	30	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	20/GPMT-UBND ngày 30/10/2023
196	Hộ Kinh doanh Đông Nguyên	1189267	599146	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	14	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	9/GPMT-UBND ngày 18/04/2023
197	Công ty TNHH Nhà hàng lẩu cá Thuận Kiều	1189311	598627	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPMT-UBND ngày 1/17/2024
198	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Thương mại Thuận Tài - Toà nhà Golden Plaza Residence	1189368	598776	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
199	Công ty TNHH Lệ Ái - Khách sạn Lệ Ái	1189282	599243	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
200	Khách sạn Hạnh Long	1189377	600994	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
201	Tổng Công ty Cổ phần bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn	1189911	599663	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	800	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	436/GPMT-BTNMT
202	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Chợ Lớn	1189528	599153	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
203	Công ty Cổ phần Trung tâm chăm sóc sức khoẻ cộng đồng CHAC	1189450	600038	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
204	Trung tâm y tế Quận 5	1189390	599977	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	57	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
205	Bệnh viện răng - hàm - mặt trung ương Thành phố Hồ Chí Minh	1189847	599383	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	45	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
206	Công ty TNHH Bệnh viện Đức Khang	1189987	600248	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	30	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
207	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại, Dịch vụ Tâm Nhân Đức - Nhà hàng The Adora - Grand View	1189838	600173	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
208	Ban quản trị chung cư 86 Tản Đà	1189303	599801	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	115	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
209	Chung cư cao tầng kết hợp Thương mại, Dịch vụ - The Everrich Infinity	1190119	601659	Chợ Quán	TP. Hồ Chí Minh	220	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	174/GP-STNMT-TNNKS
210	Công ty Cổ phần khách sạn Chợ Lớn - Trung Mai Hotel	1189284	599248	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
211	Bệnh viện Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh	1189567	599807	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	820	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1028/GP-STNMT-TNNKS ngày 8/11/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
212	Trung tâm Thương mại Dịch vụ An Đông	1189773	600700	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	35	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
213	Khách sạn Equatorial Thành phố Hồ Chí Minh	1190426	601379	Chợ Quán	TP. Hồ Chí Minh	172	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
214	Bệnh viện An Bình	1189395	600724	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	325	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
215	Khách sạn Bát Đát	1189204	599387	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	19	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1484/GP-STNMT-TNNKS
216	Công ty TNHH MTV Dịch vụ y tế Hoàn Cầu	1189246	599214	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	15	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
217	Bệnh viện chấn thương chỉnh hình	1189452	601323	Chợ Quán	TP. Hồ Chí Minh	300-350	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	497/GPMT-STNMT ngày 30/5/2024
218	Bệnh viện Chợ Rẫy	1189830	599281	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	429	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
219	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	1189504	600447	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	540	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1069/GPMT-STNMT ngày 29/10/2024
220	Chi nhánh Công ty Cổ phần Y khoa thân dân - bệnh viện Thân Dân	1189460	601345	Chợ Quán	TP. Hồ Chí Minh	12	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	497/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
221	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế DNA	1189365	601031	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	9	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
222	Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	1189538	599426	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	15	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	503/GP- STNMT-TNNKS
223	Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ Bệnh viện Cao Thắng	1189764	601616	Chợ Quán	TP. Hồ Chí Minh	15	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-UBND ngày 4/18/2025
224	Bệnh viện Nguyễn Trãi	1189711	601014	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	610	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
225	Trung tâm giao dịch Thương mại Hùng Vương (Hùng Vương Plaza)	1189611	599570	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	160	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
226	Khách sạn Đồng Khánh	1189271	600641	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
227	Khách sạn Phước Lộc Thọ 1 - Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Chợ Lớn	1189954	600859	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	17	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
228	Bệnh viện Nhiệt đới	1189317	601368	Chợ Quán	TP. Hồ Chí Minh	500	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	271/GP-STNMT ngày 7/03/2022
229	Khách sạn Thiên Hồng	1189186	599835	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
230	Tản Đà Hotel	1189092	599816	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
231	Tòa nhà Sài Gòn Bus	1189015	599607	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	19	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
232	Văn Hoa Hotel	1189134	599848	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
233	Nhà Hàng Tiệc cưới Á Đông	1189050	600141	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
234	Bệnh viện Hùng Vương	1189562	599638	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	550	Y tế	hố ga thu gom nước thải trên đường Triệu Quang Phục	Sông Đồng Nai	235/BNNMT-MT ngày 3/19/2025
235	Bệnh viện 30-4	1189993	600788	An Đông	TP. Hồ Chí Minh	235	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	896/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 8/29/2024
236	The Goldview	1189678	602847	Vĩnh Hội	TP. Hồ Chí Minh	850	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
237	Chung cư Khánh Hội 3	1189532	602589	Vĩnh Hội	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
238	Công ty TNHH Đầu tư Enter Prise	1189902	603041	Vĩnh Hội	TP. Hồ Chí Minh	8,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2469/GPMT ngày 27/9/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
239	Chung cư phường 3 lô B5	1189559	603825	Vĩnh Hội	TP. Hồ Chí Minh	92,8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
240	Chung cư Vĩnh Hội	1189682	603985	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	56	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
241	Chung cư H1	1190287	603877	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
242	Chung cư SaiGon Royal (Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại Nhà Rồng chủ đầu tư)	1190838	604155	Xóm Chiếu	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
243	Chung cư The Tresor (Chủ đầu tư Công ty TNHH đầu tư và phát triển BĐS Nova Phúc Nguyên	1190545	604028	Xóm Chiếu	TP. Hồ Chí Minh	190	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
244	Toà nhà E.Town Central (Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai)	1190542	604029	Xóm Chiếu	TP. Hồ Chí Minh	135	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước đường Đoàn Văn Lợi, phường 13,Quận 4	Sông Đồng Nai	793/GPMT-STNMT ngày 1/8/2024
245	Công ty Cổ phần Dược Phẩm TW25	1189882	605217	Xóm Chiếu	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1272/GPMT-STNMT ngày 14/11/2023
246	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 4 - Chung cư H3 - Hoàng Diệu	1190117	603644	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	234	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
247	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí MinhTNHH - Công ty Điện lực Tân Thuận	1190566	604125	Xóm Chiếu	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
248	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Hà	1189900	603089	Vĩnh Hội	TP. Hồ Chí Minh	79	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
249	Ban quản trị Chung cư Icon 56	1190755	604056	Xóm Chiếu	TP. Hồ Chí Minh	103	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	465/GP-STNMT-TNNKS ngày 08/06/2020
250	Kinh doanh Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ trà cà phê Việt Nam-The Coffee house - Cửa hàng số 80	1189991	603833	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	867	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
251	Công ty Cổ phần Dệt - Lưới Sài Gòn	1189700	602986	Vĩnh Hội	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
252	Bệnh Viện Quận 4	1190640	603990	Xóm Chiếu	TP. Hồ Chí Minh	150	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	396/GP-STNMT-TNNKS
253	Hotel Le Jardin Secret	1190084	603316	Vĩnh Hội	TP. Hồ Chí Minh	8,7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
254	Khách Sạn AIN Hotel River Side	1190206	603443	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
255	MK Kichen & Bar	1189845	603511	Vĩnh Hội	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
256	Chung cư RiverGate Residence - Lô A	1190324	603584	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	672/GP – STNMT-TNNKS ngày 23/5/2018
257	Chung cư RiverGate Residence - Lô B	1190255	603635	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	672/GP – STNMT-TNNKS ngày 23/5/2018
258	Công ty TNHH Khách Sạn-Dịch vụ	1189966	603811	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
259	Công ty TNHH Thương mạiDịch vụ Vi Khang	1190167	603706	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
260	Hotel Gia Huyên	1189874	603660	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	8,6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
261	Hotel Gia Huyên	1189942	603818	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
262	Nhà hàng tới bến phường 6 quận 4 FOOD & BEER	1190262	603485	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
263	Trạm Y Tế Phường 6 Quận 4	1190241	603476	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
264	Chung Cư H2-Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 4	1190343	603948	Khánh Hội	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	513/GP-STNMT-TNNKS ngày 4/18/2022
265	Chợ Xóm Củi	1188559	599141	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
266	Chợ Bình Đông	1187710	597517	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
267	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	1187391	596932	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
268	Garage Ô Tô Thái Khoa	1186577	596373	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
269	Chung cư Diamond RiverSide	1187039	595393	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	950	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	525/GP-STNMT
270	Chung cư Mỹ Phúc (Căn hộ Mỹ Phúc Heaven Riverview Quận 8)	1185942	595340	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	449/GP-STNMT ngày 6/4/2022
271	Công ty TNHH 3Q Vina	1184938	594860	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	3451/GPMT-UBND
272	Công ty Cổ phần Bánh Lunico	1185563	595765	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
273	Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn	1185694	595819	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
274	Công ty Sản xuất đồ chơi trẻ em Hoàng Thu	1186357	595618	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
275	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Thịnh Phát Lợi	1186174	595762	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
276	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Lý Tú Anh	1186126	595626	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
277	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Chấn Vinh	1186807	596346	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
278	Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại, Dịch vụ và Sản xuất Hùng Thanh	1186644	595312	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
279	Nhà Hàng Tiệc cưới - Nhơn Hoà 2	1185334	595320	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
280	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ kỹ thuật Phúc Hải	1187436	599837	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
281	Công ty Cổ phần Bê tông Hồng Hà	1183009	595368	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
282	Công ty TNHH Môi Trường Hành Trình Xanh	1183344	595243	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
283	Công ty TNHH RM Healthcare	1183774	595224	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
284	Khách Sạn Lê Na	1183647	595337	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
285	Toà nhà Nguyễn Lâm Tower	1188724	602485	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	373/GP-UBND-TNMT ngày 3/9/2022
286	Bệnh viện phục hồi chức năng- Điều Trị Nghề Nghiệp	1188042	602226	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	80	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
287	Bệnh viện phục hồi chức năng- Điều Trị Nghề Nghiệp	1188042	602226	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	270	Y tế	Rạch Kênh Xáng	Sông Đồng Nai	
288	Bệnh viện thẩm mỹ hiệp Lợi	1188753	602523	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	8	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1198/GPMT ngày 26/4/2024
289	Bệnh viện Quận 8	1188062	601110	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	85	Y tế	Hệ thống cống chung Thành phố, số 82 đường Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8	Sông Đồng Nai	972/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 9/26/2024
290	Nhà hàng hầm rượu Lộc Vàng	1187367	599714	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	280	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
291	Chung cư Tara Residence	1187052	598628	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	420	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
292	Chung cư Pegasuite	1187243	598603	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1079/GP-STNMT ngày 15/11/2021
293	Công ty Cổ phần Nhôm Nhựa Kim Hằng	1183631	596264	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Rạch Bà Tàng	Sông Đồng Nai	
294	Công ty Quản Lý & Kinh doanh Chợ Bình Điền	1183685	593712	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	2500	Dịch vụ	Sông Chợ Đệm	Sông Đồng Nai	
295	Diamond Lotus Riverside	1188708	601223	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	243/GPMT ngày 21/3/2023
296	Chung cư Felisa Riverside	1188952	600000	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
297	Công ty Cổ phần hải sản Bình Đông	1188838	600125	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	61	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
298	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	1188235	599368	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
299	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Bình Đông	1188297	598780	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	480/GP-STNMT ngày 15/4/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
300	Công ty Bột Mì Bình Đông	1187876	597985	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	401/GP-STNMT ngày 24/3/2022
301	Chung cư Lưu Hữu Phước	1184873	595734	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	56	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
302	Chung cư City gate Towers	1186419	595470	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	897/GP-STNMT ngày 29/10/2020
303	Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại Nhựa Chợ Lớn	1184989	594859	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Rạch Bà Lựu	Sông Đồng Nai	
304	Good House Apartment Trương Đình Hội	1185425	595154	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
305	Toà nhà Bilion Ways Builing	1186551	595623	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Rạch Ruột Ngựa	Sông Đồng Nai	581/GP-STNMT ngày 9/5/2022
306	Chung cư City Gate	1186504	595512	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	74	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
307	Công ty Cổ phần Năm Dũng	1184952	594490	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
308	Chung cư Mỹ Thuận	1186879	595311	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
309	Chung cư Peridot Building (Chung cư Điện Lực)	1186901	595267	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
310	Chung cư Carina Plaza	1186616	595414	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	390	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
311	Chung cư An Dương Vương	1184764	595185	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	38	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
312	Ban quản trị Chung cư Giai Việt Khối nhà A2 - B1	1187558	600389	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	367	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
313	Công ty Cổ phần thuỷ tinh Hưng Phú	1187065	600107	Bình Hưng	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
314	Chi nhánh Kinh doanh sửa chữa ô tô Sài Gòn Automax - Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn ô tô	1186461	595068	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	638	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
315	Công ty TNHH Di Đại Hưng (xưởng Sản xuất sản phẩm từ plastic)	1187318	594728	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Võ Văn Kiệt sau đó chảy ra Rạch Ruột Ngựa	Sông Đồng Nai	694/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 7/15/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
316	Công ty Cổ phần Thương mại, Dịch vụ và Xây dựng Kinh doanh nhà Vạn Thái - Tòa Topaz Elite	1187928	601161	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	988,23	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
317	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ nhập khẩu hiệp phát Việt Nam	1184091	595693	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	123	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
318	Công ty Cổ phần Thiệp Đức Quyền	1183959	595064	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
319	Vùng quan trắc "Predium Central" thuộc khu nhà ở cao tầng kết hợp Thương mại Dịch vụ	1187553	600424	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
320	Chi nhánh Công ty TNHH Quốc tế Thực phẩm Thái Dương	1187079	595132	Bình Phú	TP. Hồ Chí Minh	14	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
321	Bệnh viện Phục hồi chức năng	1187916	601761	Chánh Hưng	TP. Hồ Chí Minh	500	Y tế	Rạch Ông Nhỏ	Sông Đồng Nai	
322	Khu xử lý nước thải KDC Phú Lợi (Công ty TNHH SX KD Hai Thành)	1183204	595219	Bình Đông	TP. Hồ Chí Minh	380-400	Sinh hoạt	Sông Cần Giuộc	Sông Đồng Nai	
323	KDC Sài Gòn Mới	1181858	608701	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
324	Công ty TNHH cơ khí gas P.M.G	1182362	608912	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Rạch Lão Lượng	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
325	Chi nhánh liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh-Co.opmart Nguyễn Bình	1180557	607679	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước trên đường đường Nguyễn Bình, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	2220/GPMT-UBND ngày 16/9/2024
326	Khu căn hộ Phú Mỹ Thuận	1181157	609162	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
327	Chung Cư Phú Gia (chủ đầu tư Công ty Cổ phần đầu tư Hiệp Nguyên)	1181074	608196	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	245	Sinh hoạt	Rạch Mương Ngang	Sông Đồng Nai	223/GPMT-STNMT ngày 14/3/2024
328	Nhà Hàng Hải sản Đảo Long Hải	1180013	606464	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	25	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
329	Xí nghiệp X30	1184566	601650	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
330	Trường THCS Lê Thành Công	1184749	603393	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Đào Sư Tích, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	2259/GPMT-UBND ngày 20/9/2024
331	PV Gas Tower	1185867	603713	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	55	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	25/GPMT-UBND ngày 1/10/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
332	Khu căn hộ New Saigon	1185595	603838	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	560	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
333	Công ty Cổ phần bất động sản Hưng Lộc Phát Chung cư Hưng Phát 2	1185342	603937	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	140	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	469/GP-STNMT ngày 14/5/2019
334	DRAGON PARC 1 (chủ đầu tư Công ty Cổ phần Địa Ốc Phú Long)	1183588	605457	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	510/GP-STNMT ngày 18/4/2022
335	DRAGON PARC 2 (chủ đầu tư Công ty Cổ phần Địa Ốc Phú Long)	1182540	605872	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
336	Khu biệt thự Nine South (Chủ đầu tư Công ty Vina Capital)	1183003	605946	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	460	Sinh hoạt	Rạch Tôm	Sông Đồng Nai	
337	Khu biệt thự Lavila Nam Sài Gòn, Lavila De Rio (chủ đầu tư Công ty TNHH đầu tư Phước Kiển)	1182640	606194	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	240	Sinh hoạt	Rạch Tôm	Sông Đồng Nai	106/GP-STNMT ngày 1/2/2021
338	Khu biệt thự Ngân Long, Kim Long	1185665	603940	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	85	Sinh hoạt	Rạch Đĩa	Sông Đồng Nai	189/GPMT-UBND ngày 6/2/2024
339	Chung cư Dragon Hill	1184538	604686	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	170	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2718/GPMT-UBND ngày 19/12/2023
340	Chung cư Dragon Hill 2	1184485	604744	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	170	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	190/GPMT-UBND ngày 6/2/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
341	Khu Căn Hộ Phú Hoàng Anh	1185367	604147	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Rạch Cây Me	Sông Đồng Nai	524/GP-TNMT
342	Công ty TNHH VK Plating TECHNOLOGGY	1180714	608236	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
343	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh- Công ty Điện lực Duyên Hải	1180107	605450	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
344	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè	1182144	608611	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
345	Bệnh viện huyện Nhà Bè	1185146	603799	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	70	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
346	Công ty TNHH Triac Composites	1178470	607789	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
347	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hiệp Quế	1184214	604074	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
348	Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn	1178302	607576	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	54	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Văn Tạo, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	2258/GPMT-UBND ngày 20/9/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
349	Nhà máy Dầu nhờn Nhà Bè	1181850	609362	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
350	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thanh Phong Auto	1183427	604189	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
351	Chi nhánh Công ty TNHH Skymax Việt Nam	1175912	607539	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
352	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	1182929	608357	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
353	Nhà máy đóng mới và sửa chữa phương tiện thuỷ Sowatco	1180631	608327	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
354	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hiệp Phước	1176309	609545	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	4500	Công nghiệp	Rạch Dinh Ông	Sông Đồng Nai	1282/GP-BTNMT ngày 23/5/2019
355	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hiệp Phước	1173958	609669	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	700	Công nghiệp	Rạch Dinh Ông	Sông Đồng Nai	1282/GP-BTNMT ngày 23/5/2019
356	Long Thới Farn	1179447	607241	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
357	Nhà Hàng Gà Vàng Bờ Sông	1179516	607239	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Sông, suối	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
358	Nông Trại Kiến Vàng	1179817	606007	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
359	Trạm Bê Tông Hưng Lộc Phát	1180509	606375	Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
360	Chung cư Goldora Dlara	1185587	603599	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	802/GP-STNMT-TNNKS
361	Chung cư Hưng Phát	1184993	603801	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	140	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	394/GP-STNMT-TNNKS
362	Công ty TNHH Thực phẩm Mây Đông Á	1184652	602396	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
363	Nhà máy pha chế dầu mỡ NB	1182253	608740	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	1017/GP-STNMT-TNNKS
364	Công ty TNHH Castrol BP Petco	1182250	608735	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Chi Lưu-rạch Nò-Nhánh 1(TT3)	Sông Đồng Nai	1107/GP-STNMT-TNNKS
365	Chợ Phú Xuân	1183781	607855	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Rạch Đỉa - Rạch Rơi - Sông Phú Xuân	Sông Đồng Nai	
366	Chợ Bờ Băng	1180896	609127	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Rạch Bờ Băng (PX2)	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
367	Chung cư Hoàng Anh Gold House	1184570	604087	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	455	Sinh hoạt	Rạch mười bé	Sông Đồng Nai	
368	NM XLNT Tân An Huy-Công tyCổ phần Nam Sài Gòn Residences	1185598	604372	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	2050	Sinh hoạt	Rạch mười bé	Sông Đồng Nai	14/GP-STNMT-TNNKS
369	Khu dân cư Vina Nam Phú	1183114	606110	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	470	Sinh hoạt	Nhánh rạch Tôm 2	Sông Đồng Nai	140/GP-STNMT-TNNKS ngày 22/2/2021
370	Công ty Cổ phần Tháp Ngà	1183219	605135	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Rạch Cống Dinh - Ông Bốn	Sông Đồng Nai	631/GP-STNMT-TNNKS
371	Cống xả thải Khu đô thị GS Metro City Zeitgeist Nhà Bè	1182582	605543	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Rạch Cống Dinh - Ông Bốn	Sông Đồng Nai	
372	Chợ tạm Rạch Đỉa	1186085	603461	Nhà Bè	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Rạch Đỉa - Rạch Rơi - Sông Phú Xuân	Sông Đồng Nai	
373	Khu du lịch Sinh thái Biển Phương Nam Cần Giờ	1147905	624739	Cần Giờ	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Nước sau xử lý phục vụ Tưới cây	Sông Đồng Nai	
374	Khu du lịch Sinh thái Biển Sài Gòn Cần Giờ	1148927	627951	Cần Giờ	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Nước sau xử lý phục vụ Tưới cây	Sông Đồng Nai	
375	Trung tâm Y Tế huyện Cần Giờ	1150863	629838	Cần Giờ	TP. Hồ Chí Minh	55	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
376	Khu nhà dân cư nhà vườn du lịch Phước Lộc	1150664	627646	Cần Giờ	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Sông Đồng Hòa	Sông Đồng Nai	
377	Công ty TNHH đóng tàu Thanh Tú	1151781	632728	Cần Giờ	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
378	Trạm XLNT KĐT HimLam	1187606	603451	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	900	Sinh hoạt	Rạch Bàng (Đoạn cuối)	Sông Đồng Nai	2138/GP-STNMT-TNNKS ngày 17/8/2016
379	Chung cư Hoàng Anh Thanh Bình	1188550	603552	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	437-980	Sinh hoạt	Rạch Bàng (Đoạn cuối)	Sông Đồng Nai	991/GP-STNMT ngày 1/11/2021
380	Chung cư Sunrise cityview	1188557	603903	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	420	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
381	Chung cư Florita	1188307	603231	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
382	Phòng khám đa khoa tâm anh Q7	1187992	603818	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	50	Y tế	-Dòng thải số 1: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu nhà ở Him Lam - Dòng thải số 2: Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường	Sông Đồng Nai	639/GP-STNMT ngày 1/7/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
								Nguyễn Hữu Thọ		
383	Trung tâm Thương mại tổng hợp Lottte	1187899	603968	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	320	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Thị Thập, Quận 7	Sông Đồng Nai	717/GP-STNMT-CCBVMT ngày 7/23/2024
384	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành cơ sở Nguyễn Hữu Thọ	1188227	603888	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	7,4	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
385	Cửa xả thải 04	1187489	605249	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	7,4	Sinh hoạt	Rạch	Sông Đồng Nai	
386	Cửa xả thải 02	1187522	603925	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Sinh hoạt	Rạch Bàng	Sông Đồng Nai	
387	Cửa xả thải 03	1187400	604874	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	7,3	Sinh hoạt	Rạch Bàng	Sông Đồng Nai	
388	Chung cư Lavida Plus	1186430	605914	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Rạch Thủy Tiên	Sông Đồng Nai	
389	Công ty Cổ phần phát triển khu phức hợp Thương mại Vietsin (TTTM SC vivocity, Mapletree business center)	1186824	604180	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Rạch Ông Kích	Sông Đồng Nai	402/GP-STNMT ngày 24/3/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
390	Công ty TNHH căn hộ Dịch vụ Nam Sài Gòn (khu căn hộ Richlane residences, oak wood)	1186858	604267	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	730	Sinh hoạt	Rạch Ông Kích	Sông Đồng Nai	788/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 7/31/2024
391	Trường ĐH Tôn Đức Thắng và ký túc xá	1186964	603631	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	850	Sinh hoạt	Rạch Tư Dinh	Sông Đồng Nai	677/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 7/11/2024
392	Trường Quốc tế Việt Nam-Phần Lan	1186758	602965	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Rạch Ông Lớn	Sông Đồng Nai	677/GPMT-STNMT ngày 11/7/2024
393	Trạm XLNT H1 (Công ty TNHH phát triển phú mỹ hưng)	1186462	604025	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5000	Sinh hoạt	Rạch Ông Kích	Sông Đồng Nai	815/GP-BTNMT ngày 14/4/2017
394	Chung cư THE GOLDEN STAR	1187710	606573	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Rạch Cả Cấm	Sông Đồng Nai	91/GP-STNMT ngày 28/1/2019
395	Renaissance International School Saigon	1187631	606421	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	44/GP-STNMT ngày 14/1/2021
396	Bệnh viện Quận 7	1187526	606420	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	50	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	544/GP-STNMT ngày 20/1/2022
397	Công ty TNHH Dynamic Innovation (chủ đầu tư toà nhà Sky City - toà S1)	1186723	607013	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	12/GPMT ngày 29/12/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
398	Chung cư Riviera Point (chủ đầu tư Công ty TNHH Riviera Point)	1186963	606884	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	460	Sinh hoạt	Rạch Cả Cấm	Sông Đồng Nai	340/GP-STNMT ngày 14/3/2022
399	Trạm XLNT S25(Công ty TNHH phát triển phú mỹ hưng)	1185555	607408	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	7000	Sinh hoạt	Rạch Ông Đội	Sông Đồng Nai	1638/GP-BTNMT ngày 28/6/2019
400	Công ty Cổ phần Bệnh Viện Phương Nam	1187216	605630	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	240	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	137/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 05/02/2024
401	Trạm XLNT kdc CityLand	1187270	606698	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	350	Sinh hoạt	Rạch Cả Cấm	Sông Đồng Nai	593/GP-STNMT ngày 9/5/2022
402	Chung cư Quốc Cường Gia Lai	1189138	604666	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1312/GP-STNMT ngày 11/9/2018
403	Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng (chung cư lacasa)	1185089	608380	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	920	Sinh hoạt	Rạch Cây Me	Sông Đồng Nai	65/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 21/01/2025
404	Khu căn hộ Tulip Power	1185039	607845	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
405	Công ty TNHH MTV Đóng Tàu & Chi nhánh Hàng Hải Sài Gòn	1186369	608622	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Sông Nhà Bè	Sông Đồng Nai	
406	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (Khu Jamona City)	1187425	608969	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	607	Sinh hoạt	Rạch Bà Bướm	Sông Đồng Nai	415/GPMT-STNMT ngày 16/5/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
407	Công ty TNHH Lập Phúc	1186817	608072	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1071/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 29/10/2024
408	Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam- Công ty Cổ phần	1186680	608587	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Sông Nhà Bè	Sông Đồng Nai	1226/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 09/12/2024
409	Công ty TNHH KidoNhà Bè	1186686	608665	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	53	Công nghiệp	Sông Nhà Bè	Sông Đồng Nai	1198/GP-STNMT ngày 6/12/2021
410	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại In Bao Bì Mai Phát	1187014	608757	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Rạch Bà Bướm	Sông Đồng Nai	25/GPMT-UBND ngày 28/07/2023
411	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thuỷ sản	1188820	608267	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Sông Sài Gòn	Sông Đồng Nai	
412	Công ty TNHH MTV Chi nhánh Tàu Thủy Sài Gòn	1188532	608141	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Sông Sài Gòn	Sông Đồng Nai	
413	Chung cư Eco Green Sài Gòn	1188844	606320	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	1070	Sinh hoạt	Rạch Sông Tân (Cả Cấm) đoạn chảy qua phường Tân Thuận Tây và P. Bình Thuận, Q 7	Sông Đồng Nai	100/GPMT-BTNMT ngày 17/2/2025
414	Siêu thị Co.op mart Nam Sài Gòn	1184815	607728	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	27	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	17/GPMT-UBND ngày 18/07/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
415	Chung cư Boulevard Hưng Thịnh	1184398	607395	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	290	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1075/GP-STNMT ngày 15/11/2021
416	The Peak Garden Villa	1184154	607552	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
417	Công ty Cổ phần Đức Khải- chung cư Era Town	1183526	607345	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	2500	Sinh hoạt	Sông Phú Xuân	Sông Đồng Nai	1394/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/9/2018
418	Khu căn hộ Phú Mỹ	1184999	607223	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	741	Sinh hoạt	Rạch Ông Đội 2	Sông Đồng Nai	
419	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kinh doanh xăng dầu Tân Thịnh Phát - Trạm xăng dầu Thịnh Tấn Phát	1187727	604796	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
420	Công ty TNHH quảng cáo mũi tên vàng	1188606	604825	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
421	Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý bất động sản Independent	1187951	603379	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
422	Công ty Cổ phần Bệnh viện tim Tâm Đức - Bệnh viện tim Tâm Đức	1187188	605632	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	54	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
423	Khu dân cư Tân Phong - Kim Sơn	1187497	603978	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	79	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
424	Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh bao bì An Phú	1187039	604472	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của khu đô thị Phú Mỹ Hưng	Sông Đồng Nai	
425	Bệnh viện Việt Pháp (Bệnh viện FV)	1186998	605741	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	159	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
426	Đại lý 3S xe Volvo	1187814	606056	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
427	Côngg ty Cổ phần Hợp tác và Đầu tư Thái Hưng	1186504	603028	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
428	Tổng Công ty Cổ phần đường sông Miền Nam	1189172	606824	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	38	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
429	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghiệp Hạnh	1189039	607489	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của KCX Tân Thuận	Sông Đồng Nai	
430	Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý bất động sản Nhà tôi	1188179	606343	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
431	Trường THCS và THPT Đinh Thiện Lý	1187096	604011	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	38	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
432	Doanh nghiệp Tư nhân khách sạn Thiên Hà	1187841	607000	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
433	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hiệp Quế	1188976	606184	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
434	Công ty TNHH MTV ô tô Trường Hải Phú Mỹ Hưng - Hồ Chí Minh	1188028	606060	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	26	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	205/GP-STNMT-TNNKS
435	Địa điểm Kinh doanh số 1 - Công ty TNHH MTV ô tô Trường Hải Phú Mỹ Hưng - Hồ Chí Minh	1187883	606056	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
436	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	1188731	606318	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	1500	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
437	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	1188650	603679	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
438	Công ty TNHH Thương mại chế biến nông hải sản Khánh Hà	1186765	608517	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
439	Trung tâm y tế Quận 7	1187624	606285	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	03/GP-UBND-TNMT
440	Công ty Cổ phần VoVos	1184991	608313	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
441	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Dịch vụ Autos	1188301	606064	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
442	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Hải - Trung tâm Hội nghị, tiệc cưới, khách sạn Seventh Palace	1187613	606980	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
443	Công ty TNHH MTV Bảy Bằng	1188224	603899	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	156	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
444	Công ty TNHH MTV Toyota Phú Mỹ Hưng	1186489	603088	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
445	Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	1185975	607612	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	87	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
446	Công ty TNHH EB Thành phố mới	1187606	606431	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	105	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
447	Địa điểm Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ ô tô Nam Sài Gòn	1187613	606713	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
448	Hộ Kinh doanh bánh ngọt Đức Phát	1188818	606629	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
449	Trạm y tế phường Tân Hưng	1188567	604183	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
450	Khu dân cư phía Bắc rạch Bà Bướm	1185912	608440	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	608	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
451	Công ty TNHH Đại học RMIT Việt Nam	1186655	602721	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	741/GPMT-STNMT-CCBVMT
452	Địa điểm Kinh doanh cửa hàng số 42 - Công ty TNHH Bánh ngọt CJ Việt Nam	1187732	604951	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	12/GPMT-UBND
453	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Viễn Đông	1187665	607060	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	14	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
454	Công ty TNHH ChuGai Technos Việt Nam	1185049	607634	Tân Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
455	Chung cư Lux City	1187712	606921	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	170	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
456	Công ty TNHH Super House	1188328	605503	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
457	Chung Cư Hoàng Quốc Việt	1184950	608109	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	35	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
458	Chợ Phú Thuận	1186535	607648	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
459	Chung Cư Q7 SG Riverside Complex Block C	1185834	608350	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	370	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
460	Chung Cư SKY 89	1185113	608373	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	430	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
461	Chung Cư Sky Line	1185182	608145	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
462	Chợ Tân Kiểng 2	1188454	604230	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
463	Chung cư Hưng Vượng 3	1186693	604681	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của khu đô thị Phú Mỹ Hưng	Sông Đồng Nai	
464	Chung Cư Mỹ Cảnh	1186427	605204	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
465	Công ty TNHH tòa nhà văn phòng Nam Sài Gòn 1 (Tòa nhà Mapletree Business Centre)	1186722	603964	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	474	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	402/GP-STNMT-TNNKS ngày 24/3/2022
466	SunRiCe city view Block A	1188508	603886	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
467	SunRiCe city view Block B	1188455	603819	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
468	Trường Đại học cảnh sát nhân dân	1187204	603489	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
469	Ẩm thực Sàn Vườn Mái Lá	1188024	604706	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
470	Chợ Tân Quy	1188407	604463	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	53	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
471	Công ty Cổ phần Xây dựng Và Phát Triển nhà Hoàng Anh	1187845	604365	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	450	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
472	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ BĐS Unite Group	1187889	605235	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
473	Chung Cư An Hoà 1	1188054	607257	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
474	Chung cư Cao cấp Hoàng Kim	1188026	607053	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
475	Chung cư The Bridge view Block A	1188184	607653	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	170	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
476	Chung cư The Bridge view Block B	1188237	607667	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
477	Công ty Daiwa Platic	1188718	607971	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của KCX Tân Thuận	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
478	Công ty Eidaikako	1188814	607973	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	55	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của KCX Tân Thuận	Sông Đồng Nai	
479	Công ty TNHH Sealz Việt Nam	1188526	608018	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của KCX Tân Thuận	Sông Đồng Nai	
480	Công ty TNHH Toyo precision	1188883	607969	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của KCX Tân Thuận	Sông Đồng Nai	
481	Công ty Wunderlabel	1188520	607949	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của KCX Tân Thuận	Sông Đồng Nai	
482	FPT Tân Thuận 2	1189380	608142	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của KCX Tân Thuận	Sông Đồng Nai	
483	Khu dân cư JAMONA Khu Thấp Tầng	1188727	607591	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	364	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	590/GP-STNMT-TNNKS
484	Toà nhà TTCA	1189480	608200	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
485	Win MART	1188314	607245	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
486	Công ty TNHH Thực phẩm Tam Hợp (Bệnh viện Đa khoa Tân Hưng)	1189143	603313	Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	70	Y tế	Hệ thống cống thoát nước chung của Thành phố, tại số 871 đường Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7	Sông Đồng Nai	1271/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 18/12/2024
487	Công ty Liên doanh Bông Sen (Cảng Lotus)	1188027	608193	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Rạch Bà Bướm	Sông Đồng Nai	1011/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10/10/2024
488	Trạm XLNT Khu căn hộ An Hòa	1188072	607466	Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Rạch Lớn (rạch Ông Chồn)	Sông Đồng Nai	
489	TRẠM XLNL khu dân cư Tấn Trường	1187070	607754	Phú Thuận	TP. Hồ Chí Minh	350	Sinh hoạt	Nhánh 5 Rạch Bà Bướm	Sông Đồng Nai	
490	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	1187869	594973	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	178	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	30/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10/1/2024
491	Công ty TNHH Nhựa Tân Lập Thành	1184924	594280	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	80	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	967/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 2/8/2023
492	Công ty TNHH Tỷ Hùng	1184971	594232	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Kênh 10 Xà	Sông Đồng Nai	1292/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 12/20/2024
493	Công ty TNHH chế biến nông hải sản Nam Hải	1187313	594286	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
494	Công ty TNHH Lạc Tỷ	1187776	594364	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	80	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	196/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 2/28/2025
495	Bệnh viện Gia An 115	1187869	593631	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	102	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
496	Bệnh viện Quốc tế CITY	1187946	593760	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	71	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
497	Công ty TNHH Nhựa Long Thành	1185396	594305	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
498	Công ty TNHH TM SX Hoàng Cầm	1185712	594144	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	254/GP-STNMT-TNNKS
499	Công ty TNHH Pouyuen VN	1188959	593020	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	4560	Công nghiệp	Kênh Lương Bèo	Sông Đồng Nai	308/GPMT-BTNMT ngày 22/11/2022
500	Công ty TNHH AEON VN - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1187988	593945	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	796	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	45/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 1/14/2025
501	Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Minh Anh	1188673	594368	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	30	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	153/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 7/3/2025
502	Chi nhánh Công ty TNHH Đỉnh Vàng	1187840	592795	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
503	Công ty Cổ phần bao bì Nhựa Thành Phú	1187304	593165	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	8,9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
504	Bệnh viện quận Bình Tân	1190525	593209	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	178,82	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Mã Lò	Sông Đồng Nai	102/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 1/30/2024
505	Công ty TNHH Hyogo shoes (Việt Nam)	1187388	590574	Tân Nhựt	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
506	CN Công ty Cổ phần Hóa phẩm Mỹ Hảo	1190693	594650	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	5113/GPMT-UBND ngày 26/6/2023
507	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đông Nam Dược Trường Sơn	1192025	592792	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	8,01	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Mã Lò	Sông Đồng Nai	7339/GPMT-UBND ngày 5/10/2023
508	Chung cư Ehomes 3	1184538	593969	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	850	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
509	Công ty Cổ phần Sản xuất Nhựa Duy Tân	1185765	594128	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	253/GP-STNMT-TNNKS
510	Công ty TNHH Fu Chun	1184728	593527	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
511	Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Bình Tân -Hồ Chí Minh	1185239	593578	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	537/GP-STNMT-TNNKS
512	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Hoàng Cầu	1185177	593476	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	380/GP-STNMT-TNNKS
513	Công ty TNHH Top Royal Flash Việt Nam	1184726	593789	Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	26	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
514	KĐT Akari	1185306	593431	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	630	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1216/GP-STNMT-TNNKS
515	Chung cư Moonlight Boulevard	1187719	594254	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	33/GPMT - STNMT-CCBVMT ngày 1/12/2024
516	Công ty TNHH nhôm Đông Quan	1190408	589966	Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
517	HKD Tân Khải Hoa	1190343	589982	Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
518	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hòa Phúc	1193957	592529	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	130	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
519	Công ty Hoàng Gian	1195533	593542	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
520	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Minh Tiến	1193860	592426	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
521	Công ty Cổ phần giấy Tân Việt Phát	1193145	592946	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
522	Công ty TNHH Bao bì Sáng Tâm	1192816	592176	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
523	Công ty TNHH Hồng Đức	1192781	592168	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
524	Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến	1190958	592237	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	130	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	877/GP-STNMT-CCBVMT
525	Công ty TNHH MTV Bigsun Việt Nam1	1190575	592600	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
526	Citenco - Chi nhánh Dịch vụ Môi trường Trung tâm hỏa táng BHH	1194129	594080	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
527	Citenco - Chi nhánh xử lý chất thải Công trường xử lý rác Gò Cát	1193952	592547	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
528	Công ty Cổ phần May Nhật Tân	1191135	591934	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	392/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 5/9/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
529	Công ty TNHH Tinh Minh	1193076	592038	Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
530	Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Bất Động Sản An Gia (chung cư The Star)	1190397	591867	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Rạch Bà Tiếng	Sông Đồng Nai	2202/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/8/2017
531	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Mậu Dịch Mỹ Nga	1191396	591125	Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	12	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
532	Công ty TNHH May Quốc tế Việt NamNhật Bản	1194624	592573	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	463/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 5/23/2024
533	Công ty TNHH Dược Mỹ Phẩm Mặt Trời Mọc	1192100	593385	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
534	Công ty Chế Biến Thực phẩm Việt Ấn (TNHH)	1191372	591824	Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1104/GP-STNMT-TNNKS ngày 22/11/2021
535	Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh doanh Nhà Khang Phúc - Chung cư Privia Khang Điền	1187230	594138	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	800	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1012/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10/10/2024
536	Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Tư Nhân Triều An	1187770	594626	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	320	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	678/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 7/11/2024
537	Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Thương mại Tây Ô Tô	1186373	593269	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	8,9	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
538	Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Nhựa Thuận Phong	1186735	594735	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	28	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
539	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Tân Quang Huy	1190265	593353	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	13,35	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
540	Chi nhánh Số 14-Công ty Cổ phần Vật Tư-Xăng Dầu	1187857	594625	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
541	Công ty Cổ phần Vật Tư -Xăng Dầu	1187428	594255	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
542	Công ty Cổ phần Ô Tô An Thái	1187807	594535	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
543	Chi nhánh Công ty Cổ phần Kết Nối Thời Trang	1187988	590919	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
544	Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và Sản xuất Vi Gô	1189148	592969	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
545	Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Lê Thành	1185577	594619	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	260,6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
546	Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Qui Phúc - xưởng Sản xuất	1191004	590928	Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
547	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ô Tô Tây Sài Gòn	1185730	593826	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
548	Công ty TNHH Giày Lê Gia	1191211	591506	Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
549	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sản xuất Bao Bì Hoa Sen	1189526	592894	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	20,2	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
550	Công ty TNHH TM-DV Siêu thị An Lạc	1186852	593231	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	70	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	558/GP-STNMT-TNNKS ngày 05/09/2022
551	Công ty Cổ phần Sản xuất Hàng Tiêu Dùng Bình Tân	1191121	591914	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	54	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	392/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 5/9/2024
552	Cao ốc An Lạc, 28 Bùi Tư Toàn	1186871	594218	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	106	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
553	Khu Công nghiệp Tân Tạo	1186749	592908	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	6475	Công nghiệp	Rạch Nước lên	Sông Đồng Nai	2124/GPMT-BTNMT ngày 31/8/2017
554	Khu Công nghiệp Tân Tạo mở rộng	1186749	592908	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	2840	Công nghiệp	Rạch Nước lên	Sông Đồng Nai	2124/GPMT-BTNMT ngày 31/8/2017
555	Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	1197718	592268	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	4559	Công nghiệp	Rạch Cầu Sa	Sông Đồng Nai	20/GP-BTNMT ngày 24/1/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
556	Nhà máy XLNT Bình Hưng Hòa	1193244	593623	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	28000	Sinh hoạt	Kênh nước đen	Sông Đồng Nai	153/GP-BTNMT
557	Công ty TNHH CBTP và Bánh kẹo Phạm Nguyên	1186793	589900	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Sông Cái Trung	Sông Đồng Nai	915/GPMT-STNMT-CCBVMT
558	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.opmart Bình Tân	1189326	594231	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	7	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	5363/GPMT-UBND ngày 8/2/2024
559	Bệnh viện Đa khoa Quốc Ánh	1189317	592059	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	40	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	931/GPMT-UBND ngày 3/5/2025
560	Công ty TNHH In lụa Nhất Phương	1192383	592641	Bình Trị Đông	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1178/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/10/2019
561	CN Công ty Cổ phần Bánh kẹo Á Châu	1187393	594406	An Lạc	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	3433/GPMT-UBND ngày 21/4/2023
562	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Minh Đạt	1189474	593012	Tân Tạo	TP. Hồ Chí Minh	140	Công nghiệp	Rạch Ông Búp	Sông Đồng Nai	
563	Chung cư Nguyễn Thiện Thuật	1190975	601379	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	44	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
564	Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt	1191092	601338	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	12	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
565	Chung Cư 1Ab Cao Thắng	1191005	601928	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
566	Chung Cư Số 5 Cao Thắng	1191021	601919	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	55	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
567	Công ty Cổ phần Truyền thông - Điện ảnh Sài Gòn (Trung tâm mua sắm và giải trí Cao Thắng Mall)	1191076	601856	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	55	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	274/GP-STNMT-TNNKS
568	Hộ Kinh doanh	1190869	601615	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
569	Công ty TNHH Paris Baguette Việt Nam	1190978	601952	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
570	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bất động sản D&D	1190955	601930	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
571	Chung Cư Cao Thắng	1191365	601523	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	58	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
572	Tòa nhà Văn phòng	1191295	601597	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	32	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	22/GPMT-UBND ngày 4/7/2023
573	Cao ốc văn phòng Comeco	1191241	601172	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
574	Công ty TNHH Thương mại Kim Cương Việt	1191324	601576	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	35	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	808/GP-STNMT-TNNKS
575	Công ty Cổ phần Đầu Tư Rô Bốt	1191854	601820	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	343/GP-STNMT-TNNKS
576	Báo Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh	1191868	601871	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	11/GP-STNMT-TNNKS
577	Bệnh Viện Bình Dân	1191645	601650	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	450	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1016/GP-STNMT-TNNKS
578	Công ty TNHH Xuri	1191415	601495	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
579	Toà nhà văn phòng ngân hàng Nam Á	1191823	602069	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
580	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	1191405	601532	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
581	Công ty Cổ phần phát triển bất động sản Việt Bắc	1191443	601709	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
582	Công ty TNHH MTV hội nhập phát triển Đông Hưng	1191359	601620	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	19	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
583	Báo Sài Gòn Giải Phóng - Tòa nhà văn hóa - Nghiệp vụ Báo Sài Gòn Giải phóng	1191094	602098	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	32	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	76/GP-STNMT-TNNKS
584	Công ty Cổ phần Đầu tư Thời Đại (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu)	1191064	602061	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	61	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	917/GP-STNMT-TNNKS
585	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam (Cao ốc văn phòng)	1191583	602520	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1328/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 11/27/2023
586	Công ty TNHH MTV cao ốc văn phòng Thương mại Minh Thành	1191232	602004	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
587	Công ty TNHH Bệnh viện phẫu thuật thẩm mỹ Ngô Mộng Hùng	1191619	602174	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	17	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
588	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ HM Town	1191344	602219	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
589	Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ viễn thông	1192445	603127	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
590	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư Vạn thạnh Phát- Cao Ốc Pasteur	1192609	602951	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	135	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	192/GP-STNMT-TNNKS
591	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ phát tiến	1192941	602598	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	28	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
592	Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	1193003	602514	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	43	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1103/GP-STNMT-TNNKS
593	Khách sạn Orchids	1192388	603200	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	60	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	13/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 1/8/2024
594	Cao ốc Princess Nam Phương	1192724	602823	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1300/GPMT ngày 22/11/2023
595	Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Nam Land	1192109	602615	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	245	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1090/GP-STNMT-TNNKS
596	Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc 7	1191983	602543	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
597	Công ty TNHH căn hộ cao cấp Đăk Lăk - Nhật Bản	1191844	602407	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	21	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
598	Công ty TNHH Địa ốc Hoa Đào	1191840	602395	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
599	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Đình Chiểu	1192431	602886	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	30	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
600	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại N.M.A Sài Gòn - Nhà hàng Lux68 Restaurant	1191790	602340	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	13	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
601	Chi nhánh Công ty Cổ phần sữa Việt Nam- Phòng khám Đa khoa An Khang	1192206	602641	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
602	Công ty TNHH Y tế Shoubikai Việt Nam	1192054	602500	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
603	Khách sạn A25	1191896	602763	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	18	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
604	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư 3H - Phòng khám Đa khoa Quốc tế Yersin	1191922	602741	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
605	HAD Apartment - Truong Dinh	1191922	602754	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
606	Khu căn hộ Sài Gòn Pavillon	1191884	602462	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	135	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	864/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 7/6/2023
607	Phòng khám Đa khoa Rafles Medical	1192730	602602	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	05/GPXT-UBND ngày 12/6/2020
608	Bệnh viện Y học cổ truyền	1192911	602351	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	130	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	45/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 15/1/2024
609	Công ty Cổ phần Địa ốc Kỷ Nguyên	1192515	602851	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	160	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1231/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
610	Toà nhà văn phòng Anh Đăng	1193183	602111	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
611	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam-Công ty Cổ phần	1192833	602566	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	28	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
612	Công ty TNHH Todds Realty Việt Nam	1193028	602317	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
613	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thường Tín	1193135	602213	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	31	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
614	Khách sạn Hotel Des Arts The Diplomat	1192545	603421	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	35	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	16/GPMT-UBND ngày 3/17/2023
615	Công ty TNHH MTV Itaxa	1192070	602921	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
616	Công ty SGS Việt NamTNHH	1191816	602693	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	84	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
617	Địa điểm Kinh doanh Công ty TNHH Jollibee Việt Nam- Jollibee Nguyễn Thị Minh Khai	1191759	602642	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
618	Công ty TNHH Khách sạn du lịch Sài Gòn Star	1191728	602675	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	26	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	511/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
619	Căn Hộ Cao Cấp Mỹ Vinh	1191628	602576	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	51	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
620	Tòa Nhà PSG	1192186	602549	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	67	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
621	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Trí Minh (Viet Office Building)	1193026	602908	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	158	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	990/GP-STNMT-TNNKS ngày 2/11/2021
622	Công ty TNHH MTV Hào Khang	1193025	602914	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	90	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	942/GP-STNMT-TNNKS ngày 25/10/2021
623	Khu dân cư Mê Ga	1193020	602913	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	62	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
624	Anna's Serviced Apartment	1193028	602874	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	27	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
625	Chung Cư Trương Quyền	1193068	602812	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	43	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
626	Thiên Sơn Apartment	1192271	602509	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	35	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
627	Chi nhánh Công ty Cổ phần Hiếu Đức - SiLa Urban Living	1192415	602645	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	270	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	482/GP-STNMT-TNNKS ngày 15/4/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
628	Công ty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	1192351	602598	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
629	Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh- Công ty Điện lực Sài Gòn	1192514	603200	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
630	Saigon Mansion Serviced Apartment	1192393	603096	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
631	Công ty Cổ phần Thực phẩm Nông Sản xuất khẩu Sài Gòn	1192158	602713	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	42	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	680/GP – STNMT-TNNKS ngày 6/26/2019
632	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bitexco Nam Long (Tỉnh Thái Bình)	1192013	602764	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
633	Công ty TNHH phòng khám White Clinic	1191921	602647	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
634	Công ty TNHH thẩm mỹ Blossom	1191847	602604	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	37	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
635	Công ty TNHH Máy & Thiết bị văn phòng Hoàng Cường	1191750	602484	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
636	Công ty TNHH TNI King Coffee	1191701	602432	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
637	Công ty Cổ phần Thẩm mỹ Thu Cúc	1192565	602606	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	30	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	407/GP-STNMT-TNNKS ngày 20/4/2021
638	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn	1192466	602502	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	55	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	973/GP-STNMT-TNNKS
639	Công ty Cổ phần Y khoa Loukas	1191480	601399	Vườn Lài	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
640	Bệnh viện Mắt	1192082	602085	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	195	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của Thành phố tại số 280 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3	Sông Đồng Nai	874/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 23/8/2024
641	Chi nhánh Công ty Cổ phần Pizza 4PS - Nhà hàng Pizza 4PS Hai Bà Trưng	1192623	603365	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	39	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
642	Khách sạn Quốc tế thiên phúc - KS Novotel Saigon Centre	1192773	603254	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	32	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Hai Bà Trưng	Sông Đồng Nai	844/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 8/15/2024
643	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam- Công ty Cổ phần	1192897	603128	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	392/GP-STNMT-TNNKS
644	Công ty TNHH Khách sạn A25 - Chi nhánh A25	1193100	602858	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
645	Công ty Cổ phần quản lý bất động sản Prohome	1192309	602533	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
646	Trung tâm Y tế Quận 3	1192796	601967	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	200	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1438/GP-STNMT
647	Trung tâm Thương mại Dịch vụ Lim Tower 2	1191668	602424	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	59	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	350/GPMT ngày 17/8/2023
648	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chơ Đũi	1191682	602389	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	105	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	747/GP-STNMT-TNNKS
649	Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Lim Tower II	1191716	602413	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	99	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	433/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 5/16/2023
650	Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tháng Tám	1191803	602208	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
651	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	1191816	602062	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	344/GP-STNMT-TNNKS
652	Bệnh viện Da Liễu	1191888	602232	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	101	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1281/GP-STNMT-TNNKS
653	Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	1191943	602130	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
654	Công ty Liên doanh cao ốc Indochine	1192136	602997	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	34	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
655	Tòa nhà Pearl 5 Building	1192141	602943	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	210	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	13/GPMT-UBND ngày 3/6/2023
656	Công ty Cổ phần Đầu tư viên ngọc mới	1192444	602729	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
657	Toà nhà văn phòng (Công ty Cổ phần Đô Thị Ngọc Sơn Nam)	1192167	602953	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	13/GPMT-UBND ngày 6/3/2023
658	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Viên	1192498	603315	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
659	Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản khách sạn Thái Dương	1192585	603336	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	19	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
660	Khách sạn 20-22 Phạm Ngọc Thạch (Citadines apart hotell)	1192736	603115	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	50	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	10/GPMT-UBND ngày 6/3/2023
661	Công ty Cổ phần trang trí nội thất AND	1192852	603018	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
662	Cao ốc văn phòng Itower	1192841	602934	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
663	Công ty TNHH MTV An Phú - Chi nhánh An Phú Plaza	1193085	602054	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	397/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10/5/2024
664	Công ty TNHH MTV Viên Lê Quang Lộc	1192701	601976	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
665	Công ty MTV Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận	1192509	601916	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	24/GP-STNMT-TNNKS ngày 19/9/2018
666	Toà nhà Master Building	1192678	603375	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	31	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
667	Địa điểm Kinh doanh số 2 - Công ty TNHH Thực phẩm & Đồ uống Belgo	1191908	602135	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
668	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ricons tại Đồng Nai	1191819	602402	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
669	Trung tâm hội nghị 272	1192258	601860	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
670	Công ty TNHH Dịch vụ quản lý bất động sản Q3	1192162	602545	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
671	Bệnh viện tai mũi họng	1192791	601949	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	98	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
672	Chi nhánh Công ty Cổ phần Quê hương Liberty - Trung tâm Hội nghị và tiệc cưới Metropole	1192271	601763	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	67	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	883/GP-STNMT-TNNKS
673	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tân Long Vân	1192831	601812	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
674	Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt thẩm mỹ Paris	1192476	601711	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
675	Công ty Cổ phần trung tâm y khoa hoàn mỹ Gold Kỳ Đồng	1192391	601669	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	11	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
676	Trung tâm y khoa Vạn Hạnh	1192817	601898	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
677	CN Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	1193149	600313	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	508/ GP-STNMT-TNNKS ngày 18/4/2022
678	Chi nhánh Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng Thương mạiCổ phần Quân đội tại Thành phố Hồ Chí Minh	1192916	600128	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	31	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
679	Chi nhánh số 16 - Công ty Cổ phần vật tư - xăng dầu	1192772	600426	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
680	Hộ Kinh doanh Lê Hữu Trí	1192927	601344	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	9	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
681	Công ty TNHH Tân Hải Hoà	1192879	601343	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
682	Công ty TNHH khách sạn Ngôi Sao Việt	1193005	601268	Nhiêu Lộc	TP. Hồ Chí Minh	146	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
683	Viện tim Thành phố Hồ Chí Minh	1192790	603037	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Y tế	hệ thống thoát nước trên đườngPhạm Ngọc Thạch	Sông Đồng Nai	14/GPMT-UBND ngày 9/8/2024
684	Bệnh viện quận Bình Thạnh	1194276	603292	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	101	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
685	Chung Cư Miếu Nổi Lô 9	1194003	602867	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
686	Công ty văn hoá Văn Lang	1195871	602264	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
687	Công ty TNHH Tầm nhìn mới Việt Nam	1195372	602327	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	81,1	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	03/GPMT-TNMT ngày 9/28/2022
688	Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tiến Sun Village Apartment	1193993	602863	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	43,56	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	03/GPMT-TNMT ngày 5/16/2023
689	Ông Nguyễn Văn Phố	1194871	602503	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	7,26	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	05/GPMT-TNMT ngày 4/21/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
690	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty thí nghiệm điện Miền Nam	1194883	602625	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	125	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
691	Công ty Cổ phần cấp nước Kênh Đông	1194881	602772	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
692	Chung Cư 21/12 Lê Trực	1195544	602701	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
693	Bệnh viện nhân dân Gia Định	1194923	603131	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	900	Y tế	Cống thoát nước chung của Thành phố Hồ Chí Minh nằm trên đường Nơ Trang Long, phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	66/GPMT-BTNMT ngày 23/1/2025
694	Bệnh viện Ung Bướu	1195038	603101	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	127	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1017/GP-STNMT-TNNKS ngày 23/09/2019
695	Công ty Cổ phần in Gia Định	1195160	603105	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	02/GPMT-TNMT ngày 4/2/2025
696	Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ Vườn Cau	1196926	603065	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	87/GPMT-KHQS ngày 4/7/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
697	Chung cư 336/1Bis	1196699	603160	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	69	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
698	Chung cư 276/29 Nguyễn Văn Đậu	1196139	602947	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	64	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
699	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Bình Thạnh	1196538	603121	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	91/GP-STNMT-TNNKS
700	Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Thương mại hoá mỹ phẩm Hoàng Lan	1195585	602898	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
701	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Làng nướng Nam Bộ 1	1196288	603287	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
702	Công ty TNHH vệ sinh môi trường Hoàng Nhân	1196643	603095	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	280	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	183/QĐ-TNMT-QLMT ngày 28/3/2000
703	Công ty TNHYH Sản xuất in ấn Tuấn Nam	1196514	602935	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
704	Nhà máy 189	1195909	603151	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
705	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	1196007	603556	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
706	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	1195834	603399	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-TNMT ngày 9/19/2024
707	Chung cư 1050 - KDC P12 Bình Thạnh	1195669	603839	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1162/GPMT-STNMT-CCBVMT
708	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cường Khôi (Gold Palace)	1196656	603912	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	02/GPMT-TNMT ngày 3/2/2023
709	Bệnh viện Đa Khoa Gia Định	1196850	604137	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	28	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	08/GPMT-UBND ngày 2/27/2023
710	Cơ sở Sản xuất bông Liên Hiệp	1197185	603835	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
711	Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma tuý Bình Triệu	1197615	604237	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	65	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	550/GP-STNMT
712	Công ty Cổ phần Việt Namkỹ nghệ Súc Sản	1196690	604794	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	691	Sinh hoạt	Sông Sài Gòn	Sông Đồng Nai	
713	Nhà hàng ẩm thực 402	1196625	603891	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
714	Xí nghiệp chế biến Thực phẩm Nam Phong - Công ty chăn nuôi và chế biến Thực phẩm Sài Gòn	1196520	603813	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	211/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
715	Chung cư Tecco Central Home	1195058	603624	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	32	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
716	Công ty thoát nước đô thị	1195023	603624	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	12,19	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	09/GPMT-TNMT ngày 9/26/2023
717	Bệnh viện thẩm mỹ SaiGon Young	1195012	603766	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	27,72	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	14/GPMT-TNMT ngày 11/12/2023
718	Bệnh Viện Sante	1194941	604720	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	19,82	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	08/GPMT-TNMT ngày 10/10/2023
719	Khu khám , chuẩn đoán và điều trị kỹ thuật cao Bệnh viện Ung bướu	1195054	603185	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	132	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	147/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 20/2/2025
720	Công ty Cổ phần cấp nước Gia Định	1194964	603141	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
721	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại ABC Bakery	1194910	603790	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	78	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
722	Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đức Phát Bakery	1194938	603830	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
723	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô Tô Hàng Xanh	1194674	604787	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	35	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	10/GPMT-TNMT ngày 31/12/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
724	Công ty TNHH Việt Thuận Thành	1194154	604055	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	709/GP-STNMT-TNNKS
725	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hutech	1194189	604084	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	55	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	57/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 1/16/2024
726	Ông Đỗ Thành Duy Và bà Nguyễn Thụy Như Ý Tòa nhà Golden Lotus Group	1194620	604597	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPMT-TNMT ngày 7/25/2022
727	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	1194521	604369	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	105	Sinh Hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	03/GPMT-TNMT ngày 4/23/2025
728	Công ty TNHH Sản xuất trụ điện và cơ khí Tiền Phong	1194642	604654	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
729	Toà nhà Dreamplex 195	1194435	604320	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	17	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	483/GP-STNMT-TNNKS ngày 5/10/2021
730	Chung cư B1 Trường Sa	1193781	604285	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	476/GP-STNMT-TNNKS
731	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thăng Long Berlin	1194040	604389	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	09/GPMT-UBND ngày 29/12/2022
732	Chung cư B2 Trường Sa	1193726	604237	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	17	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	476/GP-STNMT ngày 10/5/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
733	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	1194324	603968	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	32	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	05/GPMT-TNMT ngày 8/9/2024
734	Tòa nhà Vina Building	1193902	604656	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	19	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	06/GPMT-TNMT ngày 5/4/2023
735	Công ty TNHH SaiGon View	1194069	604349	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	580/GP-STNMT ngày 9/5/2022
736	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phát Tiến	1194594	604885	Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
737	Chung Cư Lô D Phạm Viết Chánh	1193465	604880	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	62	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
738	Ông Trần Thế Toàn	1194515	605250	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	52	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	107/GP-STNMT-TNNKS
739	City Garden tháp A	1193853	604713	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GP-STNMT ngày 21/7/2023
740	City Garden tháp B1 và B2	1193870	604987	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GP-STNMT ngày 21/7/2023
741	City Garden tháp C	1193799	605105	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GP-STNMT ngày 21/7/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
742	City Garden tháp P1 và P2	1193851	605055	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GP-STNMT ngày 21/7/2023
743	Cư dân chung cư lô Mỹ Đức lô D1	1194339	605204	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
744	Cư dân chung cư lô Mỹ Đức lô D2	1194391	605210	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	62	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
745	Cư dân chung cư lô Mỹ Đức lô E1	1194305	605167	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
746	Cư dân chung cư lô Mỹ Đức lô E2	1194294	605128	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	61	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
747	Chi nhánh số 03 - Công ty Cổ phần vật tư - xăng dầu	1194602	605132	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
748	Ông Nguyễn Quang Huy	1194200	605840	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	13,13	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPMT-TNMT ngày 1/16/2023
749	Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV - Làng Du lịch Bình Quới	1194352	605523	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	63	Dịch vụ	Tại số 48/10 Điện Biên Phủ	Sông Đồng Nai	12/GPMT-TNMT ngày 12/5/2023
750	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park	1194389	605977	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	189	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	343/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 19/4/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
751	Công ty Cổ phần Quản lý BĐS Bình Minh PMC - Tòa The Manor 1	1193832	605607	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	190	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh	Sông Đồng Nai	792/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 8/1/2024
752	Công ty Cổ phần Quản lý BĐS Bình Minh PMC - Tòa The Manor 2	1193690	605639	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	792/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 8/1/2024
753	Nhà hàng Văn Thánh	1194224	605235	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	30	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
754	Công ty Cổ phần cơ khí và xây lắp 276	1194005	605610	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
755	Văn phòng trưng bày sản phẩm và Dịch vụ bảo dưỡng ô tô	1194493	605516	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	28	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
756	Chung cư Cantavil Hoàn Cầu	1194394	605562	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
757	Tòa nhà PVFCCO Building	1194997	604702	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	06/GPMT-TNMT ngày 9/17/2024
758	Khu du lịch Tân Cảng (Làng du lịch Bình Quới)	1194467	606381	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	24	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	08/GPMT-TNMT ngày 9/15/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
759	Chung cư Sam Land River view	1194804	606052	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	63	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
760	Công ty Cổ phần xây lắp Thương mại 2	1195483	605216	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	480	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1088/GP-STNMT-TNNKS
761	Chung cư 326/1 Ung Văn Khiêm	1194702	606090	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
762	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Sinh Phát	1195326	605391	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	02/GPMT-TNMT ngày 9/16/2022
763	Chung cư Field 686	1195899	605456	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	126	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1088/GP-STNMT-TNNKS ngày 11/10/2019
764	Cao ốc văn phòng Chung cư Park View Residence	1194583	605567	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	964/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 2/8/2023
765	Chung cư Sài Gòn Land	1194827	605231	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	55	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1645/GP-STNMT ngày 30/10/2015
766	Chung cư Wilton Tower	1194725	605662	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	240	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1224/GP-STNMT-TNNKS ngày 24/4/2018
767	Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh Pearl Plaza	1194511	605711	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	380	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25,	Sông Đồng Nai	1132/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 14/11/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
								quận Bình Thạnh		
768	Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và Sản xuất, vận chuyển Hữu Phước	1195790	605632	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	6,6	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
769	Nhà Hàng 95	1195337	605427	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
770	Tòa nhà CII Tower	1194553	605635	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1250/GP-STNMT-CCBVMT ngày 11/9/2023
771	Công ty TNHH Petro Gas Thanh Bình	1195922	605451	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
772	Tòa Nhà 194 Golden Building	1194668	605238	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
773	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hoàng Phúc Thanh	1195679	605132	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
774	Chung cư Soho Riverview	1195577	605012	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	59	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
775	Cao ốc căn hộ Thuỷ lợi 4	1196282	604458	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	220	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
776	Chung cư An Túc	1195617	604840	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
777	Chung cư Richmond City	1196344	604341	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1107/GP-STNMT ngày 22/11/2021
778	Chung cư Sài Gòn Res	1196373	604513	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	320	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
779	Chợ Chung cư Chu Văn An	1195799	604355	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
780	Trường mầm non 26B	1196268	604364	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
781	Chung cư saigonres PLAZA	1196300	604416	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	343	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
782	Chi nhánh số 11 - Công ty Cổ phần vật tư - xăng dầu	1196020	604793	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
783	Công ty TNHH MTV Bến xe miền Đông	1196281	604887	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	188	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	488/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 5/27/2024
784	Chung cư Rich mond - Nguyễn Xí (Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu)	1196195	604367	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	450	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước chung của Thành phố số 207C đường Nguyễn Xí	Sông Đồng Nai	799/GPMT-STNMT ngày 8/5/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
785	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ trang thiết bị y tế Sài Gòn A.S.T	1195435	604954	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
786	Cư xá Thanh Đa Lô I	1196603	605545	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
787	Cư xá Thanh Đa Lô II	1196566	605556	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
788	Cư xá Thanh Đa Lô VIII	1196430	605622	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
789	Cư xá Thanh Đa Lô IX	1196438	605794	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
790	Cư xá Thanh Đa Lô X	1196390	605637	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
791	Cư xá Thanh Đa Lô XI	1196290	605533	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
792	Cư xá Thanh Đa Lô A	1196352	605910	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
793	Cư xá Thanh Đa Lô B	1196441	606122	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
794	Cư xá Thanh Đa Lô C	1196307	606049	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
795	Cư xá Thanh Đa Lô D	1196411	606200	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
796	Cư xá Thanh Đa Lô E	1196275	606021	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
797	Cư xá Thanh Đa Lô F	1196340	606214	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
798	Cư xá Thanh Đa Lô G	1196221	606106	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
799	Cư xá Thanh Đa Lô H	1196193	606026	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
800	Cư xá Thanh Đa Lô J	1196188	606132	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
801	Cư xá Thanh Đa Lô K	1196068	605880	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
802	Cư xá Thanh Đa Lô L	1196050	605858	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
803	Cư xá Thanh Đa Lô N	1195994	605938	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
804	Cư xá Thanh Đa Lô P	1195983	605932	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
805	Cư xá Thanh Đa Lô S	1195879	606015	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
806	Cư xá Thanh Đa Lô U	1195901	605889	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
807	Chung cư dầu khí cũ	1195884	605939	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
808	Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV - Làng Du lịch Bình Quới	1198082	607853	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Sông Sài Gòn	Sông Đồng Nai	13/GPMT-TNMT ngày 12/5/2023
809	Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV - Làng Du lịch Bình Quới	1198168	608395	Bình Quới	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Sông Sài Gòn	Sông Đồng Nai	10/GPMT-TNMT ngày 9/29/2023
810	Xí nghiệp chế biến Rau quả & Thực phẩm tươi sống Satra	1195528	603308	Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước chung trên đường Phan Văn Trị	Sông Đồng Nai	1320/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 12/26/2024
811	Bùi Thị Ngọc Anh (Tòa Nhà Chubb Tower 1)	1194167	601691	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	06/GPMT-UBND ngày 6/8/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
812	Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	1194516	601958	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	275	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1374/GPMT-STNMT-CCBVMT
813	Chi nhánh Công ty TNHH khách sạn Thần tình yêu	1194207	602465	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	23	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
814	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng bất động sản Tân Hà Phan	1194609	601916	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
815	Phu Nhuan Halo Serviced Apartment	1194759	602635	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
816	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh Phú Nhuận	1194556	601720	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
817	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	1194730	601860	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
818	Tòa Nhà Golden Bee	1195226	601336	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	102	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
819	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Tp.Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Gia Định	1194940	601662	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, quận Phú Nhuận	Sông Đồng Nai	15/GPMT-UBND ngày 9/27/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
820	Khu căn hộ SaiGon Pavillon	1194937	601984	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	160	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	864/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 7/6/2023
821	Botanic Towers	1195158	602089	Bình Lợi Trung	TP. Hồ Chí Minh	126	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
822	Cơ sở xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh MEDLATEC Phú Nhuận - Hồ Chí Minh số 1 và Phòng khám bác sĩ gia đình MEDLATEC Phú Nhuận - Hồ Chí Minh số 1	1195191	601665	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	Hệ thống thoát nước trên đường Thích Quảng Đức	Sông Đồng Nai	20/GPMT-UBND ngày 26/11/2024
823	Bà Dương Kim Ngà	1194964	602164	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	42	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	12/GPMT-UBND ngày 29/11/2023
824	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newtecons	1194882	601920	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
825	Khu chung cư cao tầng kết hợp Thương mại Dịch vụ tại lô BC (Sài Gòn Avenue)	1195032	602271	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	735	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
826	Công ty TNHH xe máy Đông Nam Ba	1194909	602303	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
827	Cư Xá Nhiêu Tứ	1194644	602558	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	58	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
828	Gia Ky New House CO., LTD	1194782	601989	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	59	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
829	Chung Cư Thành Đạt	1194850	602005	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	89	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
830	Công ty TNHH Trung tâm y khoa Hợp Nhân	1194907	602345	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	18/GPMT-UBND ngày 11/7/2024
831	Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật	1194254	602550	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	6,6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
832	Chi nhánh xăng dầu Sài Gòn - Công ty xăng dầu Khu vực II TNHH MTV	1194286	602481	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	385	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2353/BC-QLKT ngày 10/1/2022
833	Cao ốc Pntechcons	1194342	602476	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	145	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
834	Công ty Cổ phần Nhà hàng Yeebo	1194035	601018	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	25	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	03/GPMT-UBND ngày 29/12/2022
835	Showroom và Nhà bảo trì Phú Nhuận	1194055	600922	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
836	Công ty Cổ phần đầu tư Nguyên Vũ	1194157	600765	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	102	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-UBND ngày 8/31/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
837	Khách sạn Sài Gòn Givral	1194316	600486	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	25	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	217/GP-STNMT-TNNKS ngày 22/3/2021
838	Chung cư KINGSTON Phú Nhuận	1194329	600469	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	141	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
839	Bệnh viện Đại học y dược Thành phố Hồ Chí Minh- Cơ sở 3	1194449	600500	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	13	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	14/GPMT-UBND ngày 15/12/2023
840	Chung Cư 227	1194484	600404	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	135	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
841	Công ty TNHH Đồng Gia Phúc	1194048	601046	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	14	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	10/GPMT-UBND ngày 20/11/2023
842	Bệnh Viện Sài Gòn ITO Phú Nhuận	1194247	601162	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	50	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
843	Công ty Cổ phần May Da Xuất Khẩu 30-4	1194238	600752	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
844	Bệnh viện Quận Phú Nhuận	1194264	600615	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	20	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
845	Hộ Kinh doanh Kim Nguyên	1194384	600735	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Trương Quốc Dung, Phường 8,	Sông Đồng Nai	16/GPMT-UBND ngày 10/2/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
								quận Phú Nhuận		
846	Toà nhà Newton Residence	1194281	600698	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	531/GPMT-STNMTTNNRS
847	Trung tâm Thể dục Thể thao Quốc Phòng II	1194501	600343	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	77	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước trên đường Hoàng Văn Thụ	Sông Đồng Nai	641/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 7/2/2024
848	Khu phức hợp cao ốc văn phòng, Thương mại Dịch vụ, officetel và căn hộ - Orchard Parview	1195522	600719	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	515	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	868/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 22/8/2024
849	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thủ Đô	1195544	601271	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	34	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	17/GPMT-UBND ngày 1/11/2024
850	Công ty Cổ phần Phú Quý Thủy Mộc	1194464	600893	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	17,5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPMT-UBND ngày 1/10/2025
851	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Công và Bạn bè	1194446	600773	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	90	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	947/GP-STNMT-TNNKS
852	Công ty Cổ phần vacxin ViệtNam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1194460	600763	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	12	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
853	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutrihome - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1194461	600797	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
854	Công ty TNHH MTV Khách sạn Tân sơn Nhất	1194489	600505	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	200	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1634/GP-STNMT-TNNKS ngày 27/11/2018
855	Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thiên Phúc	1194592	601002	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	36	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	890/GP-STNMT-TNNKS
856	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa Khoa Mỹ Đức Phú Nhuận	1194760	601061	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	28	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	940/GP-STNMT-TNNKS
857	Công ty TNHH Sơn Linh	1194834	601391	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	06/GPMT-UBND ngày 27/03/2024
858	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Phú Nhuận	1195449	601310	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	345/GP-STNMT-TNNKS
859	Chung cư 675 Nguyễn Kiệm	1195598	601318	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	126	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
860	Công ty TNHH Nova Sagel	1195486	600528	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	383	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	237/GP-STNMT-TNNKS ngày 5/4/2019
861	Căn hộ Golden Mansion	1195452	600541	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	206	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
862	Chung cư cao cấp Garden Gate Phú Nhuận	1195541	600887	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	126	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	116/GP-STNMT-TNNKS ngày 4/2/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
863	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận	1195540	600931	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	278/GP-STNMT-TNNKS
864	Tòa Cao Ốc Phú Nhuận	1195387	600775	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	77	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
865	Novaland Orchard ParkView Công ty TNHH Nova Nam Á	1195570	600695	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	224	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước đường Hồng Hà, Phường 9, quận Phú Nhuận	Sông Đồng Nai	868/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 22/08/2024
866	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Phú Nhuận	1195391	601128	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-UBND ngày 12/06/2024
867	Công ty TNHH Sài Gòn may mặc	1195440	601191	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
868	Dự án Orchard Garden Phú Nhuận	1195525	600606	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	110	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	946/GP-STNMT-TNNKS ngày 17/11/2020
869	Công ty TNHH Mountech	1195441	600980	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
870	Khách sạn Sài Gòn Gateway	1194207	600631	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	110	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Văn Trỗi Phường 10, quận Phú Nhuận	Sông Đồng Nai	1148/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 20/11/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
871	Ông Nguyễn Khắc Thành (Sapphire Tower)	1194087	600861	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	11	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Văn Trỗi	Sông Đồng Nai	975/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 27/09/2024
872	Công ty TNHH Khách sạn và Văn phòng làm việc A-1 Vy	1194127	600775	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	250	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước trênđường Trương Quốc Dung, trước số 253 Nguyễn Văn Trỗi	Sông Đồng Nai	842/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 15/08/2024
873	Viện Y dược Học Dân Tộc	1194313	600490	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	70	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	396/GP-STNMT-TNNKS ngày 14/5/2020
874	Cao Ốc Đặng Văn Ngữ	1193925	600365	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
875	CityHouse - Emerald | Serviced Apartment For Rent In Ho Chi Minh City	1193894	600653	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	53	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
876	Công ty TNHH 3 Bees International	1194268	600435	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	13/GPMT-UBND ngày 04/12/2023
877	Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	1194075	600859	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
878	Khách sạn Mường Thanh Luxury Sài Gòn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mường Thanh	1194206	600635	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	82	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1214/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
879	Trạm khách T67 - Bộ tham mưu Quận Khu 7	1194082	600560	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
880	Chi nhánh Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Tường Minh	1193846	600605	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
881	Chung cư 151 Nguyễn Đình Chính	1193885	600866	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	41	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
882	Merin Suite	1193922	601087	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
883	Công ty Cổ phần SU17	1193789	601156	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Hồ Biểu Chánh, Phường 11, quận Phú Nhuận	Sông Đồng Nai	09/GPMT-UBND ngày 10/07/2024
884	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Bình Nguyên	1193732	601133	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
885	Công ty Cổ phần in Thanh niên	1193749	601291	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	11/GPMT-UBND ngày 29/11/2023
886	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa tư nhân An Sinh	1193508	601296	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	132	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	152/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 07/03/2025

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
887	Công ty Cổ phần The Prince Residence	1193555	601603	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1472TNMT-UBND/ 0/12/2023 ngày 20/12/2023
888	Công ty TNHH Đầu tư Cát Tường Holdings	1193720	601466	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPMT-UBND ngày 27/09/2022
889	Ngân Hàng TNHH Indovina	1193776	601416	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	123/GP-STNMT-TNNKS
890	Cen Tre Point	1194208	600778	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	90	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-UBND ngày 31/08/2023
891	Công ty Cổ phần ViCông tyoria Healthcare Mỹ Mỹ	1193862	601227	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	11	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
892	Công ty TNHH Malisa	1193819	601575	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	10	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	04/GPMT-UBND ngày 06/02/2024
893	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận - Phú Nhuận Plaza	1193931	601264	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	09/GPMT-UBND ngày 03/11/2023
894	Chung cư Hải Quan	1193953	601304	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	47	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
895	Chi nhánh Xăng dầu Sài Gòn - Công ty xăng dầu KV II TNHH MTV	1193715	601477	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
896	Novaland Evergren	1193825	601412	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	7,1	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
897	Công ty TNHH Thương mại Dich vụ Du lịch Vital (Cao ốc văn phòng 89 Phan Đình Phùng)	1193835	601943	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	20	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước trên đường Phan Đình Phùng, Phường 17, quận Phú Nhuận	Sông Đồng Nai	13/GPMT-UBND ngày 05/08/2024
898	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thủ Đô (Trung tâm hội nghị tiệc cưới Capella Park View)	1195559	601243	Đức Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Đặng Văn Sâm	Sông Đồng Nai	17/GPMT-UBND ngày 01/11/2024
899	Công ty TNHH Trung tâm y khoa Hợp Nhân	1194898	602333	Cầu Kiệu	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	hệ thống thoát nước trên đường Phan Đăng Lưu	Sông Đồng Nai	18/GPMT-UBND ngày 07/11/2024
900	Công ty TNHH Nha khoa Lan Anh	1193584	600813	Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	hệ thống thoát nước trên đường Huỳnh Văn Bánh	Sông Đồng Nai	22/GPMT-UBND ngày 30/12/2024
901	Chung cư Mini (24/24)	1194176	599824	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
902	Khách sạn Parkroyal Saigon	1194465	600187	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	100	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	438/GPMT-UBND ngày 28/2/2025
903	Bệnh viện phụ sản MêKông Phòng khám chuyên khoa nhi	1194403	600209	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6,7	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
904	Bệnh viện Phụ Sản Mê Kông	1194471	600161	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	90	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	192/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28/2/2025
905	Hotel Phi Phụng	1193905	600112	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
906	Bệnh Viện Quốc tế chấn thương chỉnh hình SG	1193927	600114	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	50	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
907	Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh Thành phố Hồ Chí Minh	1194782	600047	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	260	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	286/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 02/02/2024
908	Khu cao ốc văn phòng và căn hộ chung cư Sky Center	1195177	599959	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	350	Sinh hoạt	Vị trí đấu nối xả thải số 1: Giáp công ty cổ phần Waseco, đường Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình. Toạ độ vị trí xả thải. Vị trí đấu nối xả thải số 2: Đối diện nhà số 66 đường Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình.	Sông Đồng Nai	781/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 05/08/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
909	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước - Tòa nhà WASECO	1195068	600003	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	681/GP-STNMT-TNNKS
910	Chung cư The Botanica	1195438	600412	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	241	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	530/GP-STNMT ngày 27/4/2022
911	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	1195428	600491	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10,6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
912	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh- Công ty Điện lực Tân Bình	1195453	600443	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2591/GPMT-UBND ngày 25/10/2024
913	Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tổng hợp Hà Nội	1194917	599852	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1166/GP-STNMT-TNNKS
914	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9	1194831	599856	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	886/GPMT-UBND ngày 19/4/2023
915	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Bernard 2	1194963	599847	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2735/GPMT-UBND ngày 3/11/2023
916	Ông Tăng Điện Quang (Tòa The Six 8)	1194970	599828	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	22	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	204/GP-STNMT-TNNKS
917	Toà nhà Hà Đô Airport Building	1195955	599866	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Cống thải chung thành phố	Sông Đồng Nai	897/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 29/08/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
918	Công ty TNHH Nova Sasco	1195747	600371	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	840	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	352/GP-STNMT-TNNKS
919	Chung cư Botanica Premier; Căn hộ Botanica Premier Novaland	1195747	600371	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	485	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
920	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH - Công ty công nghệ thông tin Điện lực TP. Hồ Chí Minh	1195564	600430	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
921	Toà nhà S.O.H.O Biz.	1194981	600124	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
922	Chi nhánh Công ty TNHH Intertek Việt Namtại Thành phố Hồ Chí Minh	1194981	600124	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
923	Tòa nhà Park Legend	1194475	599890	Tân Sơn Hòa		73	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	374/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/4/2021
924	Công ty MTV Dịch vụ bất động sản Minh Anh	1194528	599804	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	27	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
925	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Tây Nam	1194516	599846	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	67	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	427/GXH-KHQS ngày 11/1/2019
926	Công ty Cổ phần Kinh doanh Len Sài Gòn	1194459	599759	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
927	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình - Khách sạn TTC Tân Bình	1194539	599475	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	19	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	3048/GPMT-UBND ngày 5/12/2023
928	Công ty TNHH MTV Quản lý AVIA	1194381	599303	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Cống thải chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2737/GPMT-UBND ngày 3/11/2023
929	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam- Chi nhánh Tân Sơn Nhất	1195576	599700	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	337/GP-STNMT-TNNKS
930	Công ty Cổ phần Trường Sơn Plaza	1195917	599894	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	3807/GPMT ngày 20/6/2023
931	Toà nhà South Building	1195873	599897	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	149/GPMT-QS ngày 5/4/2024
932	Chi nhánh Miền Nam Công ty Cổ phần tập đoàn Hà Đô	1195883	599895	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	345	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
933	Chi nhánh Công ty TNHH MTV kĩ thuật máy bay tại Thành phố Hồ Chí Minh	1196310	600145	Tân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	98	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
934	Trường Tiểu Học Lê Văn Sỹ	1194314	600066	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
935	Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng & Thương mại Mê Linh	1194336	599759	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1030/GP-STNMT-TNNKS ngày 14/2/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
936	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hung Gia BLUESKY OFFICE	1196110	600074	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	57	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
937	Chi nhánh Tổng Công ty điện lực Thành phố Hồ Chí MinhTNHH Công ty THÍ NGHIỆM ĐIỆN LỰC Thành phố Hồ Chí Minh	1196270	600404	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2582/GPMT-UBND ngày 18/10/2023
938	Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh- Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex	1196413	600722	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
939	Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam(Skypec) - Khu vực Miền Nam	1195840	599892	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
940	Đặng Thị Minh NgọCông tyoà nhà Mộc Gia Land	1195868	600222	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11,29	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2879/UBND-ĐT ngày 21/11/2024
941	Công ty TNHH MTV suất ăn hàng không Việt Nam	1195736	599828	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	558	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
942	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	1195389	599493	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	48	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
943	Chợ Phạm Văn Hai	1193838	599645	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	25	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
944	Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình	1193768	599704	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	92,7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1778/GPMT-VBND ngày 21/7/2023
945	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ món ăn ngon - Trung tâm hội nghị tiệc cưới Queen Plaza	1193780	599617	Tân Sơn Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
946	Tòa nhà Văn phòng Bách Quang	1193787	599113	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2736/GPMT-UBND ngày 3/11/2023
947	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thượng Hiền	1193781	598700	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	31	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Hòa iệp, Phường 4, quận Tân Bình	Sông Đồng Nai	899/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 30/08/2024
948	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tâm Nhân Đức (The Adora Center)	1194276	599192	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
949	Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông tin học bưu điện	1194201	599115	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
950	Bệnh Viện quận Tân Bình	1193871	598778	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	46	Y tế	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	2955/GPMT-UBND ngày 24/11/2023
951	Trung tâm Thương mại Vincom Plaza Cộng Hoà	1194523	599241	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	37	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	1200/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
952	Chi nhánh 2 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dìn Ký	1194650	598917	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	60	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
953	Công ty Cổ phần Đầu tư Liên Phương	1194650	598917	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
954	CN Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và Dịch vụ ô tô Mặt Trời Mọc	1194633	598872	Tân Sơn Nhất		6	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
955	Republic Plaza	1194759	598747	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	180	Sinh hoạt	Cống thải chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
956	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư viên ngọc mới	1194599	598814	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
957	Chi nhánh tại Thành phố Hồ chí Minh-Tổng Công ty Trực Thăng Việt Nam- Công ty TNHH	1195526	599802	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	7568/GPMT-TM ngày 15/10/2023
958	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	1195370	599620	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2614/GPMT-UBND ngày 20/10/2023
959	Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất	1195358	599489	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	638/GP-STNMT-TNNKS
960	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	1194191	599227	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	Cống thải chung của thành phố	Sông Đồng Nai	481/GPMT-UBND ngày 6/3/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
961	Công ty TNHH Dịch vụ ăn uống Quốc Vinh	1194093	599265	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	13	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
962	Khách sạn Đệ Nhất	1194023	599269	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	133	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
963	Công ty TNHH Nguyễn Minh Đức	1193983	599279	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	9	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
964	Bệnh Viện Thẩm Mĩ KangNam SG	1193057	599784	Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	29	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	550/GP-STNMT ngày 04/05/2022
965	Hồ Bơi Cách Mạng Tháng 8	1193525	599128	Tân Sơn Nhất		80	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
966	Trung tâm thời trang Sanding	1192829	598928	Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
967	Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt tại Tân Bình	1192734	598703	Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
968	Tổng Công ty May Việt Tiến	1193088	598846	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	98	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1154/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10/6/2023
969	Bệnh viện Thống Nhất	1193395	598511	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	800	Y tế	Hệ thống thoát nước trên đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, quận Tân Bình	Sông Đồng Nai	802/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 05/08/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
970	Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh	1193209	598589	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	155	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
971	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bánh Kẹo Á Châu	1193497	598958	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
972	Công ty Cổ phần Du Lịch Thanh Bình	1193109	598600	Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	3225/GPMT-UBND ngày 28/12/2023
973	Chợ Tân Bình	1192968	598430	Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	
974	Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1191919	598210	Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
975	Chung cư The Useful Apartment	1191770	598176	Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	180	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	742/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/8/2020
976	Chợ Tân Phước	1191264	598327	Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
977	Công ty Cổ phần cơ khí Tân Bình (Trung tâm hội nghị tiệc cưới Diamont Place II)	1192545	597443	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1161/GP-STNMT-TNNKS
978	Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện - Công ty TNHH 1 TV (VTC)	1192852	597528	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2664/GPMT-UBND ngày 27/10/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
979	Chung cư Bảy Hiền Tower	1193205	598210	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
980	Căn hộ Cộng Hòa Garden	1194593	598612	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
981	Chung cư Cộng hoà Plaza	1194635	598326	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	70	Sinh hoạt	Cống thải chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
982	Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại, Dịch vụ G.B	1194631	598436	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	626/GP-STNMT-TNNKS
983	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư MHL	1194663	598432	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
984	Chung cư K300	1194297	598460	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	260	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	
985	Chung Cư Hoàng Hoa Thám 2	1194143	598191	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	89	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
986	Chung Cư Hoàng Hoa Thám 3A, B	1194185	598226	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	
987	Chi nhánh Phía Nam - Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel (TP. Hà Nội)	1195312	598207	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	27	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
988	Trạm Cộng hoà	1194471	598404	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
989	Cao ốc vp khu Etown Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	1194699	597245	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	154	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Cộng Hòa	Sông Đồng Nai	1151/GPMT-UBND ngày 20/11/2024
990	Công ty TNHH Thiết Bị Minh Tâm	1194820	596917	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	548/GPMT-UBND ngày 12/3/2025
991	Công ty Cổ phần Bệnh viện Thẩm mỹ Gang Whoo	1194809	597004	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	13	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2018/GPMT-UBND ngày 15/8/2033
992	Công ty Cổ phần Dệt may 7	1195332	597632	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	380	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1421/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 12/12/2023
993	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa Khoa Mỹ Đức	1194481	597294	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	14	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1014/GP-STNMT-TNNKS ngày 20/9/2019
994	Chung Cư Tân Sơn Nhì 2	1193941	597067	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
995	Chợ Hoàng Hoa Thám	1194290	597909	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	58	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
996	Công ty TNHH Du lịch Hải Thanh	1194751	597886	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2612/GPMT-UBND ngày 28/10/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
997	Chi nhánh Công ty Cổ phần dược phẩm ECO (TP.HN)	1195061	597998	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
998	Công ty Cổ phần Eplus Resapch	1195088	598003	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
999	Khách Sạn Hoàng Thiên Lộc	1195266	597978	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1000	KingFood mart	1195053	597969	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1001	Nhà Hàng ốt Đỏ	1194984	597823	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1002	Công ty TNHH Bệnh viện Ga Ya Việt Hàn	1194018	597250	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	20	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1003	Chung cư 2 Bàu Cát	1193345	597463	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	70	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	
1004	Chung cư Melody Âu Cơ	1194127	596852	Tân Sơn Nhì	TP. Hồ Chí Minh	354	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1005	Chung cư The Harmona	1194137	597369	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	283	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1006	Công ty TNHH Thương mại Thú y Tân Tiến	1193645	597299	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	596	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1007	Địa điểm Kinh doanh - Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân - 246 Nguyễn Hồng Đào (Galaxy Cineme)	1193411	597209	Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	1072/GPMT-UBND ngày 13/5/2024
1008	Chung cư Phú Yên 1	1197316	595991	Tân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	226/GP-STNMT-TNNKS ngày 13/02/2018
1009	Chung cư Phú Yên 2	1197253	596070	Tân Sơn		100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	226/GP-STNMT-TNNKS ngày 13/02/2018
1010	Công ty TNHH MTV Hoá chất cơ bản Miền Nam	1197855	596356	Tân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1011	Chợ Bảo Ngọc Tú	1197738	596665	Tân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1012	Khu căn hộ cao cấp vườn Hồng Ngọc (ruby garden)	1196501	596346	Tân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	130	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Sông Đồng Nai	
1013	Chung Cư Tân Trụ	1196593	596769	Tân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	103	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1014	Công ty Cổ phần Hoàng Thành	1192379	604249	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	921/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1015	Tòa Nhà The Lancaster	1192359	604188	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	251	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1016	Công ty TNHH Union Square	1191783	603949	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	500	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	640/GP-STNMT-TNNKS
1017	Công ty TNHH Vincom Rerail Miền Nam Tòa Vincom Centre Đồng Khởi	1192074	603974	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	550	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	642/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 03/07/2024
1018	Chi nhánh Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty - Khách sạn Liberty Central Sai Gon Centre	1191594	603555	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	40	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1019	Khách sạn Hilton Sài Gòn	1191759	604526	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	120	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	254/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 25/03/2024
1020	Khách sạn Sotetsu Hồ Chí Minh	1191690	604223	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	45	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	20/GPMT ngày 4/3/2023
1021	Bệnh viện Nhi Đồng 2	1192374	603972	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	920	Y tế	Công thoát nước chung của TP trên đường Chu Mạnh Trinh, phường Bến Nghé, Quận 1	Sông Đồng Nai	319/GPMT-BTNMT ngày 16/8/2024
1022	Công ty TNHH Bến Thành - RSC (NorFolk Mansion)	1192380	604134	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	52	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1023	Toà nhà Thương mại Bitexcoland	1191309	604180	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	350	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	310/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 11/04/2024
1024	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ dầu khí Biển	1193016	604186	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	85	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	171/GPMT-UBND ngày 20/6/2023
1025	Công ty TNHH Liên doanh khách sạn Plaza - Sofitel Saigon Plaza Central Plaza	1192678	603952	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	220	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	424/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/3/2022
s	Công ty TNHH Daibiru Sai Gon Tower	1192576	603838	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	272/GPMT-UBND ngày 24/11/2023
1027	Toà nhà hữu nghị Việt Nam-Slovakia	1192606	603770	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	158/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 11/3/2025
1028	Tòa nhà Friendship Tower	1192558	603797	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1029	Công ty TNHH Ngôi nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh	1192521	603729	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	220	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1030	Toà nhà Diamond Plaza	1192410	603445	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	145	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-UBND ngày 23/02/2023
1031	Khu phức hợp MPLAZA SAIGON	1192470	603674	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	152	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1032	Đài Tiếng Nói Việt Namtại Thành phố Hồ Chí Minh	1193195	604056	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	191/GP-STNMT-TNNKS
1033	Toà nhà Somerset Chancellor Court	1192762	603711	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	128	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	10/GPMT-UBND ngày 06/03/2023
1034	Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Ngọc Viễn Đông	1192367	603291	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	188/QGPMT-UBND ngày 27/12/2023
1035	Tổng Công ty Xây dựng số 1- Công ty Cổ phần	1192290	603215	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	88	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	599/GP-STNMT-TNNKS
1036	Chung cư AVALON	1192246	603205	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	423/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/03/2022
1037	The Sarus Office Building	1191523	602505	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1038	Khách sạn Mường Thanh	1192740	603731	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	50	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	388/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 09/05/2024
1039	Ban Quản lý Cao Ốc Văn phòng	1192722	604156	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	514/GP-STNMT-TNNKS
1040	Khách sạn Kim Đô Royal Hotel Saigon	1191672	603961	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	120	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Huệ	Sông Đồng Nai	954/GPMT-STNMT-CCBVM ngày 18/09/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1041	Khách sạn Bến Thành (REX)	1191792	603880	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	270	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Huệ, giao lộ Lê Thánh Tôn Pasteur phường Bến Nghé, Quận 1	Sông Đồng Nai	1018/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 11/10/2024
1042	Công ty TNHH Keppel Land Watco-I	1191612	603813	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	250	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1204/GP-STNMT-TNNKS
1043	Công ty TNHH Keppel Land Watco II&III	1191472	603739	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	666	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đường Pasteur	Sông Đồng Nai	1223/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 09/12/2024
1044	Khách sạn Liberty centre Saigon Citypoint	1191717	603773	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	46	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	526/GP-STNMT-TNNKS
1045	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	1191965	603640	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1046	Công ty Cổ phần Sinh Thuận	1192267	603308	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	19	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1047	Trung tâm Thương mại, văn phòng và nhà ở - Tòa nhà Sailing	1192284	603253	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	230	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	14/GPMT-UBND ngày 06/03/2023
1048	Công ty TNHH M Boutique Hotel	1192136	604420	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	50	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	587/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1049	Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV (Khách sạn cao cấp 71 - 79 Đồng Khởi)	1191693	604211	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	684/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 25/05/2023
1050	Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	1192114	603727	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1080/GP-STNMT-TNNKS ngày 15/11/2021
1051	Công ty Liên Doanh Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan TNHH	1192148	603694	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	219/GP-STNMT-TNNKS
1052	Ban Quản lý DA ĐTXD Các công trình dân dụng và Công nghiệp (Xây dựng Nhà Văn hoá Thanh Niên)	1192447	603401	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	682/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 11/07/2024
1053	Công ty TNHH Thực phẩm và nước giải khát ý tưởng Việt - Cửa hàng Hàn Thuyên	1192163	603508	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	13	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	56/UBND-GPXT ngày 10/11/2021
1054	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Nguyên	1191524	603975	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1055	Công ty Cổ phần Khách sạn Fushion	1191480	602601	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	35	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1056	Địa điểm Kinh doanh số 4 - Công ty TNHH Thực phẩm & đồ uống Belgo	1191553	603927	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1057	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển bất động sản Bình An	1192102	603650	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	52	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1058	Sài Gòn Nhất Phương - President Place	1191950	603504	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1059	Công ty Cổ phần Địa ốc 7	1192994	603534	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	29/GPMT-UBND ngày 21/02/2023
1060	Công ty TNHH trang thiết bị Y tế Thế Giới mới	1191303	603141	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1061	Cao ốc Zen Plaza	1191233	602820	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	35	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1008/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10/8/2023
1062	Công ty Cổ phần y tế Prime Health	1191138	602707	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	360	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	201/GPMT-UBND ngày 16/8/2023
1063	Công ty Thương mại Dịch vụ Dìn Ký	1191090	602654	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	17	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	213/GPMT-UBND ngày 31/8/2023
1064	Doanh nghiệp Tư nhân Moonlight Hotel	1191062	602608	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	25	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1065	Khách sạn New World Sài Gòn	1191256	603135	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	400	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	09/GPMT-UBND ngày 03/06/2023
1066	Bệnh viện tư nhân mắt Sài Gòn II	1191300	602720	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	18	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1067	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	1191312	602687	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	581/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 19/06/2024
1068	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Khách sạn 145 Lê Thị Riêng	1191221	602524	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	22	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1069	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện phụ sản Diamond 97	1191463	602449	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	10	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	03/GPMT-UBND ngày 06/01/2025
1070	Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt	1191411	602399	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1071	Khách sạn Fusion Suites Sài Gòn	1191465	602601	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1232/GP-STNMT-TNNKS ngày 20/1/2021
1072	Công ty TNHH Khanh Minh	1191414	602533	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	19	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	08/GPMT-UBND ngày 16/01/2025
1073	Công ty TNHH MTV Khách sạn Cap Town	1191433	603176	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	12/GPMT-UBND
1074	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Lê Duy	1191246	602995	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	21	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	14/GPMT-UBND ngày 21/01/2025
1075	Địa điểm Kinh doanh - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ L'Harmonie Việt Nam- Khách sạn A25 51-5355 CMT8	1191391	602859	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1076	Công ty TNHH Bệnh viện JW Hàn Quốc	1191116	602509	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	20	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	290/GPMT-UBND ngày 21/12/2023
1077	Công ty Cổ phần A25 Sài Gòn	1191393	602682	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	16	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1078	Địa điểm Kinh doanh - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ L'Harmonie Việt Nam- Khách sạn A25 29 - 31 Bùi Thị Xuân	1191332	602604	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1079	Công ty TNHH MTV Khách sạn Toàn cầu Tường Vy	1191359	602616	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1080	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Nguyên	1191304	602581	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1081	Địa điểm Kinh doanh - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển bất động sản Thăng Long	1191752	603326	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	66	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1082	Công ty Liên doanh căn hộ Công viên Nguyễn Du	1191611	603148	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	42	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1083	Chi nhánh Công ty Cổ phần Pizza 4PS - Nhà hàng Pizza 4PS Bến Thành	1191559	603438	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	22	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	106/GPMT-UBND ngày 20/4/2023
1084	Chi nhánh 1 - Công ty TNHH Nhật Hạ	1191406	603293	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	45	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1085	Công ty Cổ phần Chiyoda SuShi V Lotus	1191384	603257	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1086	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn	1191434	603626	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	126	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1087	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Gia Khang	1191647	603433	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1088	Công ty TNHH MTV Sunrise Sai Gon Hotel	1191587	603359	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1089	Khách sạn - căn hộ YQQ	1191482	603229	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	80	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1145/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 5/10/2023
1090	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khach sạn Hải Long - Khách sạn Alagon	1191357	603051	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	25	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1091	Chi nhánh số 5 - Công ty TNHH Khách sạn A25	1191351	603039	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1092	Khách sạn Alagon City	1191309	603029	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	37/GPMT-STNMT ngày 28/2/2023
1093	Khách sạn Hoàng Hải Long	1191304	603094	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	22	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	40 ngày 1/3/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1094	Công ty Liên doanh khách sạn Sài Gòn INN	1191243	603192	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	142	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	957/GP-STNMT-TNNKS ngày 30/8/2019
1095	Công ty Cổ phần phát triển A&B	1191206	603099	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	111	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	603/GP-STNMT-TNNKS ngày 11/5/2022
1096	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hoà - Khách sạn Kỳ Hoà Bến Thành - Crntral Palace	1191801	603385	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	41	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1097	Công ty TNHH MTV Khách sạn Mộc Hương	1191398	603340	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	22	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1098	Công ty TNHH MTV A&A Toronto	1191378	603272	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1099	Tổng Công ty lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	1190223	602584	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	11	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	85/GPMT-UBND ngày 06/04/2023
1100	Công ty TNHH Xây dựng - Kinh doanh Nhà Gia Hoà	1193450	603840	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	38	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1101	Công ty Cổ phần khách sạn Hàng Không	1193172	603611	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	36	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1102	Khu trung tâm Thương mại, vp căn hộ (Toà nhà vp Lim Tower 3)	1193084	603534	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1116/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28/9/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1103	Công ty Cổ phần NDC An Khang 29B Nguyễn Đình Chiểu	1193124	603546	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	665/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 23/05/2023
1104	Công ty Cổ phần Phát triển Hoàng Việt	1193305	603717	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1105	Công ty Cổ phần Địa ốc Triệu Long	1193287	603701	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	19	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1106	Công ty Cổ phần kiến trúc Đồng Nhân	1191172	601710	Bàn Cờ	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1107	Chi nhánh Công ty Cổ phần in Hospitalty	1193415	603918	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1108	Công ty Liên doanh TNHH MeKong - Hacota	1193333	603986	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	90	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1109	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	1193468	603870	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1110	Công ty Cổ phần Bệnh viện Thanh Vân	1193353	603952	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	12	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1111	Wink Hotel Saigon Centre Khách sạn Wink Trung tâm Sài Gòn quy mô 237 phòng	1193507	603749	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	70	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Sông Đồng Nai	200/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28/02/2025

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1112	Cao ốc văn phòng - Toà nhà SFC	1193146	603718	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	32	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	48/GPMT-UBND ngày 23/12/2022
1113	Chi nhánh Công ty Cổ phần phát triển y tế - Công ty ViCông tyoria healthcare - Phòng khám đa khoa ĐTH	1193257	603608	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	8	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	137/GPMT-UBND ngày 17/5/2023
1114	Công ty Phòng khám Đa khoa Đinh Tiên Hoàng	1193280	603568	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	8	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	10/GPMT-UBND ngày 21/10/2023
1115	HMC Tower	1193548	603217	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1116	Chi nhánh Công ty Cổ phần phát triển UP	1192965	603545	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1117	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Vàm cỏ Đông	1192926	603522	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	62	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	117/GP-STNMT-TNNKS
1118	Cao ốc văn phòng Star Building	1192837	603598	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	93/GPMT-UBND ngày 13/04/2023
1119	Serviced Apartments In DistriCông ty 1 - Dream Homes	1192862	603587	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	53	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1120	Tòa nhà PVFCCO Tower	1192927	603467	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	158/ GPMT-UBND ngày 6/6/2003

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1121	Trung tâm Dịch vụ PTTN TP. Hồ Chí Minh	1193666	603821	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1122	Chi nhánh Công ty TNHH ADC	1193421	603622	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1123	Công ty TNHH Thực phẩm & Đồ uống Belgo	1193264	603468	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1124	Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh- Công ty Cổ phần Đầu tư và vận tải Hải Hà	1192972	603202	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	182/GPMT-UBND ngày 12/7/2023
1125	Công ty TNHH Nam Vương	1192761	603492	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	19	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1126	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn	1192842	603408	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	973/GP-STNMT-TNNKS
1127	Công ty TNHH Thương mại VHK	1193386	603623	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1128	Tòa nhà Empress Tower	1192758	603339	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	90	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1129	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Địa ốc Phúc Đạt	1192747	603312	Xuân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	103	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1130	Công ty TNHH MTV nhà hàng Hoàng Yến	1192805	603270	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	16	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1131	Transimex (TMS)	1192910	603171	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1132	Công ty Cổ phần Good Day Hospitality	1193651	603581	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	49	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	31/GPMT-UBND ngày 05/12/2022
1133	VNO Building	1193312	603276	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	06/GPMT ngày 16/1/2024
1134	VPĐD Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1193293	604124	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1135	Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex	1193432	603112	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	80/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 23/1/2025
1136	Công ty TNHH Quản lý nhà An Bình	1193644	604128	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	27	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1137	CAO ỐC VĂN PHÒNG GOLDEN	1193261	604089	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	42/GPMT-UBND ngày 20/12/2022
1138	Trung tâm đào tạo vận động viên năng khiếu thể thao	1193139	603748	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	131	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	638/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 01/07/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1139	Chi nhánh Công ty TNHH Đức Kiến - Sun Land Hotel	1190300	603303	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	47	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1140	Cao ốc BMC	1189975	602888	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	110	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1141	Bệnh viện Quận 1- Cơ sở 2	1190630	602961	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	20	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1142	Công ty Cổ phần phát triển Đất Việt	1190515	602830	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	380	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	941/GP-STNMT-TNNKS
1143	Bệnh Viện Răng Hàm Mặt Sài Gòn	1190477	602799	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	74	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	697/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/5/2018
1144	Tòa nhà SOHO Residence	1190429	603102	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	75	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1145	Tổng Công ty Cơ khí giao thông Vận tải Sài Gòn-TNHH MTV Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô Tô	1190367	603100	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	420/GP-STNMT-TNNKS
1146	Công ty TNHH Sài Gòn Hải Đăng	1190270	602986	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1147	Bệnh viện Quận 1- Cơ sở 1	1193419	602571	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	43	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1148	Công ty TNHH Giấy Vi Tính Liên Sơn (Trụ Sở Chính)	1193534	603794	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1149	Viện Khoa học Nông nghiệp Miền Nam	1193570	603680	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPMT-UBND ngày 12/10/2022
1150	Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	1190980	603938	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	29	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	247/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/2/2022
1151	HUBA Tower Hiệp hội doanh nghiệp TP.Hồ Chí Minh	1190894	603852	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1152	The One Sài Gòn	1191058	603367	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	209	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1153	Hưng Điền New Town	1191124	603404	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	141	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1154	TTVH Giải trí và VP Tổng Công ty VH Sài Gòn	1190735	603463	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1155	TTVH Giải trí và VP Tổng Công ty VH Sài Gòn	1190690	603554	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1156	Mersey Central Saigon A Part' Hotel	1190746	603498	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1157	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Châu Khánh Nguyên	1191500	603740	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	141/GPMT-UBND ngày 24/12/2024
1158	Phòng khám Careplus Quận 1 - Chi nhánh Công ty City Clinic Việt Nam	1191189	603871	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	109/UBND-GPXT ngày 9/12/2020
1159	Tòa Nhà Savico Invest	1191192	603902	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1160	Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam(Cadivi tower)	1191206	603861	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước 70-72 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa,	Sông Đồng Nai	79/GPMT-UBND ngày 16/07/2024
1161	Công ty Cổ phần The Signature - Chi nhánh Topaz Tower	1191182	603658	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	240/GPMT-UBND ngày 16/10/2023
1162	Địa điểm Kinh doanh Công ty Cổ phần A25 Sài Gòn - Khách Sạn A25	1190997	603498	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	26	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1163	Tòa nhà Bến Thành (Cao ốc Bến Thành Tower)	1191066	603393	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	190/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 17/3/2025
1164	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cần Giờ - Cửa hàng Xăng dầu số 18	1191087	603343	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2301/BC-QLKT ngày 10/1/2022
1165	Công ty Cổ phần SaiGonese	1190966	603448	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1166	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Sơn Giang Nhân	1190985	603419	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1167	Công ty TNHH Tân Long Vân	1190984	603405	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1168	Chi nhánh Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty - Khách sạn Quê Hương 2	1191291	603730	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	13	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	111/GPMT-UBND ngày 25/4/2023
1169	Công ty TNHH khách sạn Đình Phát	1191070	603516	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	978	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1170	Doj Tower Công ty Cổ phần Ngoại Thương và PTĐT Địa ốc Châu Lục	1191242	604014	Sài Gòn		54	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1171	ROX Tower	1191038	603808	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	89	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1172	Phòng Khám Phẫu thuật thẩm mỹ Thiện Mỹ	1190833	603310	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1173	Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	1191060	603291	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	17	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1174	Khách sạn Đại Nam	1191024	603269	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	144	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	211/GPMT-UBND ngày 12/9/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1175	Công ty Cổ phần Kho vận giao nhận ngoại thương Mộc An Châu	1190945	603311	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	140/GPMT-BTNMT ngày 7/7/2022
1176	A In Hotel Pel Luna	1190612	603170	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1177	Ngoc Hue Healthcare and Clinic	1190667	603222	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1178	Phòng khám Đa khoa Quốc tế Sài Gòn	1190880	603336	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	10	Y tế	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1179	Khách sạn Pullman Saigon Centre	1190555	602825	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	172	Dịch vụ	Hệ thống cống thoát nước chung của Thành phố đoạn thuộc phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	893/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28/08/2024
1180	Công ty TNHH Phẫu thuật thẩm mỹ Thiên Sứ	1190296	602615	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	26	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	30/GPMT-UBND ngày 29/11/2022
1181	Chi nhánh Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn - TNHH MTV -Xí Nghiệp Cơ Khí Ô Tô Toyota - Bến Thành	1190069	602430	Cầu Ông Lãnh		23	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1182	Công ty TNHH ô tô Toyutsu Samco	1190043	602381	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	729/GP-STNMT-TNNKS
1183	Căn hộ 203 Nguyễn Trãi	1190226	602391	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	134	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1184	Chung cư 212 Nguyễn Trãi	1190836	602400	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	249	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1185	Lancaster Legacy Nguyễn Trãi	1190589	602317	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	248	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1186	Công ty TNHH phẫu thuật thẩm mỹ Quốc tế VIP	1190386	602259	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	10	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1187	Công ty TNHH Bệnh viện chuyên khoa thẩm mỹ Việt Mỹ	1190296	602214	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	18	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	195/GPMT-UBND ngày 3/8/2023
1188	Chung Cư Bộ Công An	1190786	602294	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	141	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1189	Công ty TNHH MTV Co.op Cống Quỳnh	1190904	602226	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	34	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1433/GP-STNMT-TNNKS
1190	Công ty Cổ phần FeiYuch Việt Nam	1190484	601791	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	51	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	326/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1191	Công ty Cổ phần FEI-YUEH Việt Nam	1190565	601750	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	51	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1192	Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng Kinh doanh nhà và Khách sạn Thái Bình	1190945	602103	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	66	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	13/GPMT-UBND ngày 21/01/2025
1193	Quy Nhơn Melody Hưng Thịnh	1190666	601729	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	53	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1194	Nhà hàng Phúc An Khang	1190609	601733	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	66	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	258/GP-STNMT-TNNKS ngày 18/3/2019
1195	Chung cư 189B Lô B2	1190772	602122	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	188	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1196	Công ty TNHH La Memoria	1190503	602598	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	63/GPMT-UBND ngày 20/03/2023
1197	Công ty Cổ phần Dịch vụ nha khoa Minh Khai	1190965	601992	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	8	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	277/GPMT-UBND ngày 11/12/2023
1198	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Đăng Cơ	1190610	602659	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	33	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	45/GPMT-UBND ngày 07/03/2023
1199	Cao ốc văn phòng Jabes Building	1190836	602346	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1200	Bệnh viện phẫu thuật Thẩm mỹ - răng hàm mặt Worldwide	1190839	602362	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	11	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1201	Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	1190844	602339	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	35	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	298/GPMT-UBND ngày 29/12/2023
1202	Công ty TNHH Nha khoa Cống Quỳnh	1190880	602260	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	187	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	108/GPMT-UBND ngày 20/4/2023
1203	Bệnh viện Từ Dũ	1190934	602027	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	1250	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	92/GP-STNMT-TNNKS ngày 21/1/2020
1204	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Tâm Nhân Đức - Nhà hàng Adora - Dynasty	1191128	602492	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	40	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1205	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tâm Nhân Đức	1191109	602502	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	40	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1026/GP-STNMT-TNNKS
1206	Chi nhánh Công ty Cổ phầnQuê Hương Liberty - Khách sạn Liberty SaiGon Greenview	1191033	602995	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	18	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	27/GPMT-UBND ngày 16/02/2023
1207	Chi nhánh Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty - Khách sạn Liberty	1190973	602854	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	36	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1234/GP-STNMT-TNNKS ngày 20/12/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1208	Khách sạn Lyberty Sài Gòn Packview	1190983	602861	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	36	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đườngPhạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	103/GPMT-UBND ngày 9/6/2024
1209	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành- Khách sạn Viễn Đông	1190964	602816	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	100	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2710/GP-STNMT-TNNKS
1210	Tổng Công ty Thương mại Sai Gon - TNHH MTV	1190953	602809	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1211	International plaza	1190887	602622	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	103	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1212	Chung cư Nguyễn Thị Nghĩa	1191242	603040	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	147	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1213	Cao Ốc Thiên Tân	1190959	602329	Bến Thành		128	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1214	Chi nhánh 2 - Công ty TNHH Khách sạn A25	1191012	602998	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	9	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPMT-UBND ngày 06/01/2025
1215	Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Sài Gòn	1191143	602457	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	200	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	491/GP-STNMT-TNNKS ngày 15/4/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1216	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nha khoa Thùy Anh- Thành phố Hồ Chí Minh	1191017	602258	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	18/GPMT-UBND ngày 23/01/2025
1217	Công ty TNHH MeKong Auto	1190700	602913	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1218	Công ty TNHH Khách sạn A25	1190590	602825	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1219	Công ty TNHH MTV Thực phẩm SaiGon Co.op	1191079	603112	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1220	Liên hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	1191061	603137	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	9	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1221	Công ty TNHH khách sạn Thần tình yêu	1190909	602390	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	17	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1222	Chi nhánh 1 Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng bất động sản Tân Hà Phan	1191225	602391	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1223	Nhà hàng Tokyo Deli	1190644	602928	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	18	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	160/GPMT - UBND ngày 6/8/2023
1224	STPERLA	1193667	603182	Tân Định		6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1225	Hộ kinh doạn Huỳnh Ký	1193660	602997	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	66	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1226	IMC Tower	1193668	603036	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	243/GPMT-UBND ngày 23/10/2023
1227	Trung tâm văn hoá Đa Năng	1193653	603045	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	243/GPMT-UBND ngày 23/10/2023
1228	Ban quản lý dự án Đô thị công trình dân dụng và Công nghiệp	1193633	602858	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1769/DDCN-BĐH1 ngày 15/12/2023
1229	Hộ Kinh doanh thẩm mỹ viện đồ Châu Long	1193603	602732	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	8	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1230	Chung cư Thế hệ mới	1190092	602965	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1231	Citenco (Trạm Trung chuyển)	1193451	603066	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1232	Citenco (VP Công ty)	1193469	603060	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1233	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	1193396	603047	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1234	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Quản lý tài sản DKPM	1193623	602571	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1235	Công ty TNHH Coworking	1190661	603619	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước trên đường Võ Văn Kiệt	Sông Đồng Nai	74/GPMT-UBND ngày 07/02/2024
1236	Công ty Cổ phần Nosh (Nhà hàng Quince Eatery - Madam Kew)	1190778	603608	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đườngKý Con	Sông Đồng Nai	80/GPMT-UBND ngày 18/07/2024
1237	Công ty Cổ phần Dịch vụ Circo	1191439	603754	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	23	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sông Đồng Nai	92/GPMT-UBND ngày 08/08/2024
1238	Công ty Cổ phần Warningzone	1192833	603288	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	540	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đường Hai Bà Trưng	Sông Đồng Nai	93/GPMT-UBND ngày 08/08/2024
1239	Công ty TNHH Maishin Taste Việt Nam(Nhà hàng Katana)	1193533	603581	Tân Định	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đường Mai Thị Lựu	Sông Đồng Nai	94/GPMT-UBND ngày 15/08/2024
1240	Công ty TNHH TMDV Nhà hàng karaoke Luxury	1191044	602259	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước trên đườngBùi Thị Xuân	Sông Đồng Nai	97/GPMT-UBND ngày 26/08/2024
1241	Công ty TNHH Thành Long Tân	1191388	603279	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đườngTrương Định	Sông Đồng Nai	98/GPMT-UBND ngày 28/08/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1242	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ quan nước ngoài	1192806	603538	Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước trên đường Phùng Khắc Khoan	Sông Đồng Nai	99/GPMT-UBND ngày 28/08/2024
1243	Công ty Cổ phần Quản lý Khách sạn EHG Việt Nam(La Siesta Hotel & Spa)	1191417	603147	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	33	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đườngLê Anh Xuân	Sông Đồng Nai	100/GPMT-UBND ngày 28/8/2024
1244	Khách sạn Hương Sen III	1191397	603148	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	25	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đườngMạc Thị Bưởi	Sông Đồng Nai	101/GPMT-UBND ngày 28/8/2024
1245	Công ty Thương mại Dịch vụ Thiên Xuân	1191636	603526	Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	20	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước trên đường Lê Thánh Tôn	Sông Đồng Nai	102/GPMT-UBND ngày 9/5/2024
1246	Chi nhánh II Bệnh viện đa khoa Hồng Đức	1200372	604066	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	243	Y tế	rạch Cầu Lớn sau đó chảy ra sông Sài Gòn	Sông Đồng Nai	1330/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 27/12/2024
1247	Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Hưng	1201206	602466	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	70-90	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	15/GPMT-UBND ngày 29/12/2022
1248	Công ty TNHH SaiGon Ve Wong	1201106	605202	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	96	Công nghiệp	Mương thoát nước sau đó ra sông Sài Gòn	Sông Đồng Nai	158/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 20/2/2024
1249	Công ty Cổ phần bất động sản Tiến Phước (Khu dân cư Senturia Vườn Lài)	1200224	603132	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	70	Sinh hoạt	Rạch Gia	Sông Đồng Nai	92/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 29/1/2024
1250	Công ty TNHH Elite Investment Worldwide	1201132	603834	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	70	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	05/GPMT-UBND ngày 27/05/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1251	Trạm trung chuyển rác An Phú Đông	1201295	605368	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	17-19	Công nghiệp	Đường QL1 rồi ra Sông Sài Gòn	Sông Đồng Nai	3769/GPMT-UBND-TNMT ngày 10/6/2022
1252	Cao Ốc An Phú Đông	1200263	602641	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	140	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	876/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/8/2019
1253	Chi nhánh 8 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Gia Định	1201192	604508	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	39	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1254	Công ty Cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	1190170	602165	Cầu Ông Lãnh	TP. Hồ Chí Minh	98	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1255	Công ty TNHH vàng bạc đá quý Kim Hoàng Phát	1198738	596250	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1256	Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân - Rạp chiếu phim Thiên Ngân	1199669	596493	Đông Hưng Thuận		5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-UBND-TNMT ngày 9/10/2023
1257	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt Phước Thịnh - Nhà máy Dệt vải	1198643	596126	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1258	Phòng khám Đa khoa Chợ Cầu	1199522	596348	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	9	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1259	Chợ Cây Sộp	1198124	595703	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1260	Công ty Cổ phần Công nghiệp in và bao bì KHANG	1198121	596064	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1261	Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu PHARMEDIE	1197974	595991	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	222/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 14/03/2024
1262	Công ty Cổ phần Tập đoàn DAT	1199205	596027	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1263	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Tuấn	1198328	596169	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	1584	Công nghiệp	Kênh Tham Lương	Sông Đồng Nai	382/GP-STNMT-TNNKS
1264	Công ty thiết kế - thi công nội thất RAIMU HOME	1198105	596215	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1265	Công ty TNHH Chuyên ngành Nhựa Việt Long	1197864	596097	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1266	Công ty TNHH giấy bao bì Phú Thịnh	1197964	596123	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1267	Công ty TNHH HAN JEWELRY	1198755	596161	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1268	Công ty TNHH Hyup Jin Việt Nam	1197858	596072	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1269	Công ty TNHH JCST ViNa	1199203	595949	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1270	Công ty TNHH May mặc Tín Hưng	1198753	596137	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1271	Công ty TNHH May thời trang Lucky star	1198188	596182	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1272	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Huy Hòa	1198904	596248	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1273	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Sao Việt	1198323	595999	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1274	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Tường Thịnh	1198007	596041	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1275	Công ty TNHH trang trí nội thất đơn giản là đẹp - Chi nhánh xưởng Sản xuất	1198089	596149	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1276	Công ty TNHH Woo Yang Vina	1198417	596023	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1277	Hotel Nhân Đức	1198377	595999	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1278	Nhà hàng Cần Phong 2	1199373	596244	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1279	Rửa xe bọt tuyết Thanh Thuỷ	1198202	595847	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1280	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến - XN Việt Long	1199213	595915	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	382/GP-STNMT-TNNKS ngày 5/8/2020
1281	xưởng may Tân Trang	1198063	596062	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1282	Công ty Goldfinger Việt Nam	1203848	596699	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1283	Công ty may mặc Hosung	1203046	598080	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1284	Nhà máy Tính chế Đồ Gỗ xuất khẩu SaVimex	1203107	597306	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	42	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	72/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 22/01/2025
1285	Công ty TNHH May Shin Dong	1204546	597638	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	05/GPMT-UBND-TNMT ngày 8/8/2023
1286	Công ty Cổ phần Giày Thiên Lộc	1203066	597024	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	82	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1625/GP-STNMT-TNNKS ngày 30/6/2017

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1287	Hiệp Thành City	1202730	595913	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	550	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	818/GP-STNMT-TNNKS ngày 14/06/2021
1288	Chung cư Hiệp Thành Buildings (Hiệp Thành Buildings)	1203296	597985	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	317,28	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	639/GP-STNMT-TNNKS ngày 14/06/2021
1289	Công ty TNHH thời trang Quốc tế Hồng Ngọc	1204492	596950	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước trên đường HT13, KP7, phường Hiệp Thành, Quận 12	Sông Đồng Nai	10/GPMT-UBND-TNMT ngày 10/9/2024
1290	Công ty TNHH WOOYANG VINA II	1204846	597585	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	55	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	485/GP-STNMT ngày 15/4/2022
1291	Citenco - Chi nhánh xử lý Chất thải	1204341	597882	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1292	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại T&T	1204075	596947	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	400	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1293	Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp	1203682	596577	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	2500	Công nghiệp	Kênh Trần Quang Cơ	Sông Đồng Nai	1076/CP-STNMT-TNNKS ngày 28/12/2020
1294	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông	1200774	594980	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	06/GPMT-UBND-TNMT ngày 12/9/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1295	Công ty TNHH MTV Pt Công Viên Phần Mềm Quang Trung	1200201	595940	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	850	Công nghiệp	Rạch Chợ Cầu	Sông Đồng Nai	157/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10/03/2025
1296	Chi nhánh Công ty TNHH giải pháp phần mềm Tường Minh	1200648	596142	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	27	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1297	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	1201990	594498	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1298	Chợ An Sương	1199585	595649	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1299	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại nhập khẩu Tây Nam - Trung tâm đá Grantie & Marble Tây Nam	1199446	594743	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1300	Công ty TNHH MTV phòng khám đa khoa An Sương	1198051	594435	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1301	Chi nhánh Công ty TNHH Rau củ quả Trường Phát	1200825	597719	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1302	Xí nghiệp cao su Hóc Môn	1201135	597823	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	80	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1303	Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên Hương	1201162	598163	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	300	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	11/GPMT-UBND-TNMT ngày 12/9/2024
1304	Công ty TNHH Thiết bị Tân Phát Sài Gòn	1201101	598145	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1305	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vải Nhám Hồ Phát	1200606	597490	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1306	Siêu thị MM Mega Market Hiệp Phú	1201525	598021	Tân Thới Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	60	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	762/GP-STNMT-TNNKS ngày 15/07/2019
1307	Công ty TNHH - Thương mại - Sản xuất Phát Thành (Fataco)	1197905	593316	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1308	Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất May Mặc Thảo Uyên	1197431	593577	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1309	Công ty TNHH Sơn Hòa Bình	1197532	594540	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1310	Chung cư 8X Plus Trường Chinh	1197908	595111	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	252	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1311	Công ty TNHH LPT Việt Nam	1198107	593769	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	22	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1312	Khu chung cư cao tầng Moscow Tower	1197093	595451	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	455	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	168/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 26/2/2025
1313	Chung Cư Tecco Green Nest	1197821	593866	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	701/GP-STNMT-TNNKS
1314	Chung cư PROSPER PLAZA	1197804	594827	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	163	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1315	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Việt Thành	1197524	593619	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1316	Công ty TNHH KB Việt Nam	1197165	595273	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1317	Địa điểm Kinh doanh số 2 - Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diệu Bằng	1198193	593509	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	18	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1318	Công ty Cổ phần Dịch vụ nông nghiệp và Thương mại Thuận Kiều (Chung Cư Topaz Home Phan Văn Hớn)	1197661	594908	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	355	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1319	Chung cư Kim Tâm Hải	1197790	595263	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	53	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1320	Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí Sài Gòn	1197978	595145	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	50	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	126/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 06/03/2025
1321	Chi nhánh Công ty Cổ phần May Phương Đông	1197803	594969	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1322	Công ty Cổ phần ETERANAL PROWESS Việt Nam	1197901	593304	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	486/GPMT-STNMT-CCBVMT
1323	Công ty HeXagon Hồ Chí Minh	1197181	595386	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1324	Công ty TNHH Aba Việt Nam	1197257	593364	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1325	Công ty TNHH Grand Legend Vina	1197389	593741	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	804/GP-UBND-TNMT
1326	Công ty TNHH JadeLuck	1197718	593215	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1327	Công ty TNHH May Mặc Đan Thanh	1197278	595469	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	12073/GP-UBND-TNMT
1328	Công ty TNHH May Thêu xuất nhập khẩuThương mại Mạnh Tiến	1197062	593562	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1329	Công ty TNHH May xuất khẩu Tân Châu	1198901	594231	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	8836/GP-UBND-TNMT
1330	Công ty TNHH Mayin-thêu M&I	1197459	595190	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	711/GP-STNMT-TNNKS
1331	Công ty TNHH MTV Đỉnh Phú Thịnh (Kho hàng)	1197026	594961	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1332	Công ty TNHHSản xuất, Thương mại và Dịch vụ H.N Thời Trang	1197193	595386	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1333	Công ty TNHH Thời Trang Xoài	1197593	593862	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1056/GP-STNMT-TNNKS ngày 30/09/2019
1334	Công ty TNHH Thực phẩm Đức Phát	1197242	593670	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1335	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đức Hoàng	1197961	595130	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	95/GP-STNMT-TNNKS
1336	Công ty TNHH Xây dựng Lê Phan	1197212	595451	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1337	Công tyL Tower Tham Lương	1197201	595350	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	399/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1338	Tổng kho Tấm Ốp SGS	1197194	595337	Đông Hưng Thuận	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1339	Công ty Cổ phần tập đoàn Vạn Xuân Happy One Premier	1200886	601288	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	193	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	21/GPMT-UBND ngày 03/04/2023
1340	ERE Chung Cư First Home Thạnh Lộc	1201896	602227	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	208	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	17/GPMT-UBND ngày 29/12/2023
1341	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Môi trường Đại Việt	1200819	601220	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	112	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1342	Công ty TNHH xuất nhập khẩu ECO HOME	1200967	599348	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1343	Khu du lịch Bến Xưa	1200355	601258	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	60	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1344	Chi nhánh Công ty TNHH May thêu Thiên Ân	1200384	601302	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1345	Trạm trung chuyển rác Thạnh Xuân	1203273	599326	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Rạch Đá Hàn	Sông Đồng Nai	
1346	Công ty Phú Cường VN	1201262	600969	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1347	Công ty TNHH Hạnh Đan	1201671	600282	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1348	Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	1201175	601008	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	26	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1349	Trường Mầm Non Song Ngữ trẻ sáng tạo	1202384	601135	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1350	Công ty TNHH Chính nghĩa và Thỏa đáng Vina	1201721	600391	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1351	Bảo Minh Residence	1202678	600782	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1352	Công ty TNHH giấy Minh Huy	1201249	601865	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1353	Công ty TNHH May mặc TS Vina	1201163	601098	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1354	Công ty TNHH May Thêu Trần Thành Công	1201733	600392	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1355	Công ty TNHH Sản xuất bao bì Vạn Hưng	1201694	600317	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1356	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Tân Cương	1201753	600430	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1357	Golden City 2	1202672	600761	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	32	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1358	Nước đá Hồng Phúc	1202672	600761	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1359	Công ty TNHH Phạm Hà	1204536	601467	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1360	Khu nhà ở Gò Sao	1201724	599878	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	458	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1361	Công ty TNHH cá sấu Hoa Cà	1201694	599616	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1362	Công ty TNHH kho vận Sài Gòn	1202090	598698	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1363	Suntory Pepsico Việt Nam	1201760	598438	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	1625	Công nghiệp	Rạch Bến Cát	Sông Đồng Nai	08/GPMT-BNNMT ngày 18/3/2025
1364	Công ty TNHH Hyunlogos Vina	1203611	598452	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Rạch Bến Cát	Sông Đồng Nai	653/GP-UBND-TNMT ngày 30/1/2019

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1365	Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam	1201987	598235	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	1343	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	433/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022
1366	Công ty TNHH Thời trang Olive	1203447	598743	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	164	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1367	Chung cư nhà ở xã hội Hoa Phượng	1201237	598628	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1368	Công ty Cổ phần Huyndai Miền Nam	1201336	598992	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1369	Phân xưởng Công ty TNHH Sản xuất mỹ phẩm phần Lan Hảo (THORAKAO)	1201296	598800	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1370	Công ty TNHH Sản xuất, Kinh doanh Thực phẩm chay Âu Lạc	1200967	599348	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	882/GP-STNMT-TNNKS
1371	Công ty TNHH Toyota An Sương	1200211	593786	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1372	Công ty Cổ phần Việt Hưng	1199671	594133	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	22	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1373	Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân	1200579	593602	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-UBND-TNMT ngày 9/10/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1374	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	1201027	593820	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	6314/GP-UBND-TNMT ngày 18/8/2020
1375	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy	1200702	593752	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1376	Cn Công ty TNHH May Thêu Thuận Phương - xưởng May M.D.K	1201675	594502	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	46,45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	685/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 25/05/2023
1377	Trung tâm công nghệ sinh học Thành phần Hồ Chí Minh	1199639	594818	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	42	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1378	Công ty TNHH May Nguồn Lực	1201077	594352	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	158	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1379	CO.OP MART Tô Ký	1201074	594623	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1380	Công tác bảo vệ môi trường 2023 Trường cao đẳng Giao thông vận tải	1200852	593778	Trung Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1381	Nhà máy Xử lý nước thải lưu vực Tham Lương - Bến Cát	1198155	602792	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	131000	Sinh hoạt	Sông Vàm Thuật	Sông Đồng Nai	157/GP-BTNMT ngày 21/1/2018
1382	Cửa xả Khu biệt thự Pieix	1201052	598784	Thới An	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Sinh hoạt	Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đay kênh Tham Lương -	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
								rạch Nước Lên		
1383	Khu Công nghiệp cơ khí ô tô	1214491	593203	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Rạch Bà Bếp	Sông Đồng Nai	371/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/4/2021
1384	Bệnh viện Củ Chi	1225970	582794	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	115	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1385	Trại 7 - Công ty bò sữa TP.Hồ Chí Minh	1224892	582617	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1386	Chợ An Nhơn Tây	1205954	592670	Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1387	Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Quỳnh Mai	1225814	583431	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1388	Công ty Cổ phầnKT Cao Su An Phú	1229194	581524	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1389	Làng nghề một thoáng Việt Nam	1204258	594273	Đông Thạnh		5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1390	Doanh nghiệp Tư nhân Toàn Dũng	1209156	593974	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Rạch Bàu Sình	Sông Đồng Nai	1146/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 18/11/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1391	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất Nhập Khẩu Inox Kim Vĩ	1209648	594350	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1392	Công ty Cổ phần Sản xuất Trà Hùng Phát	1208021	593851	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1393	Công ty TNHH Dea Sin Vina	1209383	594176	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1394	Chợ Bình Mỹ	1213802	581334	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1395	Nhà hàng Rạch Dứa	1216428	580084	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Dịch vụ	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1396	Nhà máy xử lý nước thải Khu Công nghiệp Đông Nam	1215642	584586	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	3500	Công nghiệp	Rạch Bà Bếp	Sông Đồng Nai	354/GPMT-BTNMT ngày 16/12/2022
1397	Công ty TNHH Thương mại, đầu tư, Sản xuất Hoàng Hạc	1210054	594702	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	61	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1398	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Hắc Bửu	1210803	597191	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1399	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất bao bì Hải Vương	1210704	598120	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1400	Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ contra	1210167	597096	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	75	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1401	Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Nam Quốc H.L	1208088	593397	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1402	Công ty TNHH Thực phẩm Lộc An	1208735	593895	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	292	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1403	Công ty Cổ phần Lai Phú	1214522	582382	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1404	Công ty Cổ phần bao bì Á Châu	1214637	592237	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1405	Chợ Hoà Phú	1212839	580527	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1406	Nhà máy Sản xuất Giấy - Chi nhánh Công ty TNHH Công nghiệp Thương mại Gò Sao	1214344	592329	Bình Mỹ		16	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1407	Khu nông nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	1218966	584919	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1408	Cơ sở Xã hội Thanh thiếu niên 2	1226508	583418	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	163/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1409	Công ty Cổ phần cuộc sống Tốt Lành	1218650	584617	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1410	Công ty TNHH E.Land Việt Nam	1218724	587729	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	17	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1411	Nhà hàng vườn sinh thái ven sông	1226178	583178	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Ao hồ	Sông Đồng Nai	
1412	Chi nhánh Công ty TNHH Mỹ phẩm Phương Nghi - xưởng Sản xuất	1217226	584110	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1413	Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất dược - mỹ phẩm Gamma	1216803	586311	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1414	xưởng Sản xuất bánh tráng Duy Anh	1220904	588333	Phú Hòa Đông		10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1415	Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	1212851	573611	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	200	Công nghiệp	Kênh TC2-5 (kênh 17)	Sông Đồng Nai	55/GP-TCông tyL-PCông tyTr ngày 28/1/2021
1416	Công ty Cổ phần Vietstar	1213261	573650	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	800	Công nghiệp	Kênh TC2-5 (kênh 17)	Sông Đồng Nai	653/GP-TCông tyL-PCông tyTr ngày 18/12/2020
1417	Công ty TNHH MTV Mt Đô Thị Tp.HCM- Nhà Máy Xử Lý Nước Rỉ Rác Cựu Chiến Binh	1211654	574811	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	600	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1418	Công ty TNHH Kinh doanh Thịnh Phát Đạt	1216198	577332	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1419	Công ty TNHH Bao Bì Vinh Khang	1203507	591902	Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1420	Công ty TNHH Đông Nam Dược Bảo Long	1214332	593973	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1421	Công ty TNHH Hanil Polytec Vina	1214478	593690	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1422	Công ty TNHH LEFA ALUMINIUM FABRICATOR	1203642	593549	Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1423	Công Viên Nước Củ Chi	1203747	592324	Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	60	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1424	Công ty TNHHH Sản xuất và Thương mại Đô Mi	1215530	584464	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1425	Chi nhánh Công ty TNHH Phú Ân - Nhà máy bao bì Nhựa Phú An	1213479	585565	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1426	Công ty TNHH mỹ nghệ Cát Đằng - Chi nhánh F21	1220908	585686	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1427	Chi nhánh Công ty TNHH Mỹ nghệ Cát Đằng - xưởng Cát Đằng 2	1212927	584853	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1428	Công ty TNHH Tiên Đại	1212978	583225	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1429	Công ty TNHH Vina Duke	1213010	584704	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1430	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ mã vạch Việt Nam	1213315	585571	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1431	Công ty TNHH Đại Hiền Tâm	1213544	583590	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1432	Nhà máy sơn 3P	1218238	583427	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1433	Trường Quân Sự Thành Phố Cơ Sở Hai	1224286	584165	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	182	Sinh hoạt	Ra môi trường khuân viên	Sông Đồng Nai	
1434	Công ty TNHH may mặc Thái Dương Thế Giới	1204719	591615	Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1435	Hồ câu cá thể thao Long Tiger	1205805	592837	Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	7	Thủy sản	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1436	Chi nhánh Công ty TNHH Novaglory - xưởng Sản xuất thuốc	1218015	583216	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1437	Nhà máy xử lý chất thải nguy hại Thành Lập	1221945	582009	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1438	Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi	1213849	579293	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	380	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	301/GPMT-BTNMT ngày 8/12/2024
1439	Công ty TNHH Hoàn Vũ.VN	1211055	581505	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	200	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	95/GP-SNN ngày 24/3/2020
1440	Trung Tâm Giống Thủy sản Cây Trồng Thành phố Hồ Chí Minh	1212990	578850	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	55	Thủy sản	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1441	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Phúc Lộc Thọ - Trạm xăng dầu Phúc Lộc Thọ 4	1212245	579252	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1442	Công ty TNHH Dịch vụ in Vĩnh Hiệp	1217064	582176	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1443	Công ty TNHH JinWon Việt Nam	1214279	591487	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	234	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước dọc đường số 127 xã Tân Thạnh Đông	Sông Đồng Nai	959/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 19/09/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1444	Công ty TNHH May mặc Triple (Việt Nam)	1214230	591683	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	157,7	Sinh hoạt	Kênh tiêu Tân Quy - Hòa Phú	Sông Đồng Nai	101/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 29/1/2024
1445	Chi nhánh Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất Giấy An Thái	1213997	591285	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1446	Công ty TNHH Mousse Ngọc Cường	1214173	591163	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	9,6	Công nghiệp	Kênh tiêu Tân Quy	Sông Đồng Nai	8864/GPMT-UBND ngày 26/9/2024
1447	Công ty TNHH Phú Long	1214182	590812	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1448	Công ty TNHH MTV Cao Su Thống Nhất -Nhà máy Sản xuất Phụ Tùng Cao Su Kỹ Thuật Cao	1213987	591393	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	56	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	805/GP-STNMT-TNNKS
1449	Xí nghiệp cơ khí Ô tô An Lạc (Samco AnLac) - Nhà máy ô tô Củ Chi	1214398	591761	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	78/GP-STNMT-TNNKS ngày 25/1/2021
1450	Công ty TNHH Woodworth Wooden (Việt Nam)	1214684	590676	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	475/GPMT-STNMT-CCBVMT
1451	Công ty TNHH Chương Việt	1213912	591174	Phú Hòa Đông		5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1452	Công ty TNHH Cơ Điện Minh Khoa	1214462	590942	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1453	Công ty may mặc xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam	1214659	591666	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	21	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1454	Công ty TNHH Sản xuất Hòa Phong	1210067	594688	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1455	Công ty Cổ phần EXPANDVN	1209483	594210	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1456	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và May thêu Tân Tiến	1210510	594442	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	86	Sinh Hoạt	Kênh Rỗng Ngang, chảy về kênh Xáng-rạch Tra	Sông Đồng Nai	79/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 23/01/2025
1457	Công ty TNHH Sản xuất, thượng mại Bạch Đằng	1212031	582250	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	45	Công nghiệp	Kênh Xáng	Sông Đồng Nai	380/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/04/2021
1458	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Sợi Việt Đức	1226699	583187	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1459	Phòng khám Đa khoa Tân Quy	1214759	590261	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	8	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1460	Công ty Hoằng Thăng	1214005	591320	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	423	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1593/GĐK-TNMT ngày 23/10/2003
1461	Công ty TNHH Sài Gòn Wicker	1208274	592897	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1462	Công ty Cổ phần kiến trúc Đồng Nhân	1214486	590926	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	192	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1463	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Maxbond	1210800	595319	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1464	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Trí Đức	1213253	588984	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Kênh Địa phận	Sông Đồng Nai	35/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/1/2023
1465	Trường Trung học phổ thông Trung Phú, huyện Củ Chi	1214734	590413	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	36	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	843/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 15/8/2024
1466	Xí nghiệp Thực phẩm SAGRI	1214279	591487	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	18/GPMT-UBND ngày 20/3/2023
1467	Công ty TNHH Brv Healthcare - Công ty Cổ phần Dược phẩm RELIV	1215134	589228	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1468	Công ty TNHH Hanwoong VINA	1215585	589773	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1469	Công ty Bao Bì Nhựa Minh Quân	1214450	589228	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1470	Công ty TNHH Dinsen Việt Nam	1213911	589634	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	151/GPMT-STNMT-

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1471	Chợ Tân Thạnh Tây	1210823	597604	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ		Sông Đồng Nai	
1472	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	1230999	582331	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1159/GP-STNMT
1473	Công ty TNHH Hong Won	1214823	591317	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	120	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1132/GP-STNMT
1474	Công ty TNHH SPRING PRINTING	1213914	589595	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1475	Công ty TNHH Tân Hợp Thành	1213434	588737	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1476	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quang Xuân	1212352	581824	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	31	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1477	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.Op Củ Chi	1212038	582254	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	27	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	5447/GPMT-UBND ngày 29/5/2023
1478	Công ty Cổ phần Bồ Công Anh Việt Nam	1206550	599223	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1479	Công ty Sài Gòn Cá Kiểng (Sài Gòn AQUARIUM CORP)	1206383	598707	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	12	Thủy sản	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1480	Công ty TNHH Dệt May Kim Thành	1213402	597338	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	68	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1556/GPMT-STNMT ngày 26/12/2023
1481	Nhà máy nước số 1	1209674	582236	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1482	Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Cao Hoa	1210950	581994	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1483	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH - Công ty công nghệ thông tin Điện lực Củ Chi	1212256	581990	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1484	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Hải Minh	1212627	583128	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1485	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Dịch vụ Nguyễn Tài	1212522	586203	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1486	Cơ Sở Giết Mổ Xuyên Á	1209112	588266	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1487	Cơ Sở Vinh Xương	1210074	587800	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	544/GP-SNN ngày 29/12/2021
1488	Bệnh viên Đa khoa Xuyên Á	1214329	594634	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	500	Y tế	Rạch Cây Điệp	Sông Đồng Nai	195/GPMT-STNMT-28/02/2025

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1489	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Omega Pharma	1206499	599329	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1490	Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Sài Gòn Tây Bắc	1206598	600099	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	1448	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	655/GP-TCông tyL-PCông tyTr ngày 18/12/2020
1491	Công ty TNHH Quốc tế Cao Nguyên Xanh	1213271	593918	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	200	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	385/GP-STNMT-TNNKS ngày 21/03/2022
1492	Công ty TNHH Fujiwa Việt Nam	1213244	587608	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1493	Cơ sở Phú Thành	1210207	585508	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	22	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1494	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Horeca	1212415	586909	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1495	Công ty TNHH cung ứng Thực phẩm Metro	1211633	585503	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1496	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Long	1207340	586671	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	21	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1497	Cơ Sở Thống Nhất- Trại heo Thái Mỹ	1215702	572764	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	13	Chăn nuôi	Kênh tiêu 17	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1498	Công ty TNHH kỹ nghệ gỗ Thanh Thanh	1214693	568594	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	34	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1499	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại Nhựa Việt Nam	1215446	591110	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1500	Công ty TNHH MTV KFC	1215549	590964	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1501	Công ty TNHH Việt NamSam Ho	1214746	590820	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	591	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	05/GPMT-UBND ngày 02/07/2023
1502	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV -Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi	1209055	583859	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	609/GP-STNMT-TNNKS
1503	Chợ Trung An	1214791	585025	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1504	Công ty TNHH in Đỉnh Hảo	1215494	591675	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1505	Công ty Cổ phần Cá Koi Việt Huấn	1203707	595488	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	40	Thủy sản	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1506	Lâm Thị Phới	1208178	595111	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	20	Chăn nuôi	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1507	xưởng Sản xuất Hủ Tiếu Minh Tuấn	1209139	586055	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1508	Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc Lộc Thọ - Trạm xăng dầu Tài Lộc 15	1221254	576839	Nhuận Đức	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	109/GXN-UBNDPTNMT ngày 26/5/2013
1509	Resort thôn kinh đông	1223391	575204	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1510	Công ty TNHH Sản xuất, Dịch vụ và Thương mại Bao Bì Kiến Á	1220439	575916	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1511	Công ty TNHH Dây cáp điện Vĩnh Thịnh	1221002	575384	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1512	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm huynh đệ Tề Hùng	1220408	575948	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1513	Công ty May Mặc Quảng Việt	1212942	581391	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	320	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	8680/GPMT-UBND ngày 10/8/2023
1514	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà hộ sinh Minh Vân	1213205	580536	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1515	Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi	1215396	580665	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	2600	Công nghiệp	Kênh Đức Lập	Sông Đồng Nai	456/GPMT-BTNMT ngày 21/11/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1516	Công ty TNHH Mousse Ngọc Cường-CS3	1214024	590934	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	đường 129, ấp 12, xã Tân Thạnh Đông	Sông Đồng Nai	632/GPMT-UBND ngày 24/1/2025
1517	Công ty TNHH Dowell Vina	1213236	588273	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hồ Văn Tắng, ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung	Sông Đồng Nai	633/GPMT-UBND ngày 24/1/2025
1518	Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi	1214936	580042	Tân An Hội	TP. Hồ Chí Minh	3600	Công nghiệp	Kênh Đức Lập	Sông Đồng Nai	234/GP-BTNMT ngày 4/12/2020
1519	Công ty TNHH Viva Vina CN1	1205249	594895	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Rạch Tra	Sông Đồng Nai	
1520	Công ty TNHH BH Trading Vina	1209205	587626	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	45	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1521	Hệ thống xử lý rỉ rác - Bãi chôn lấp Đông Thạnh	1215003	586704	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	90	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1522	Trạm xử lý chất thải nguy hại thành phố	1214970	588811	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	220/GPMT-BTNMT ngày 30/6/2023
1523	Công ty Cổ phần Quốc tế Hoa Doanh	1213465	585076	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1524	Công ty Tín Đạt JSC	1212327	585189	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1525	Công ty TNHH bao bì Việt Hòa	1213069	585072	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1526	Công ty TNHH phát triển, thường mại và Sản xuất OMI	1208577	596641	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1527	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhựa 247	1212806	586781	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1528	Công ty TNHH thiết kế chế tạo Khang Thịnh	1213389	585464	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1529	Công ty TNHH Vĩnh Nam Anh	1213749	583234	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1530	Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Nông	1224557	575088	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1531	Công ty May Cổ phần Đông Nam 3	1223752	578052	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1532	Công ty TNHH An Nhiên	1214567	589662	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1533	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Phạm Thu	1215112	587327	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1534	Công ty TNHH Trạng Nguyên	1223107	579110	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1535	Co.op Mart Đỗ Văn Dậy	1226097	578812	An Nhơn Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	241/GP-TNMT
1536	Nhà máy nước Tân Hiệp	1215768	589129	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5000	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	3350/GP-BTNMT ngày 22/12/2015
1537	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và xuất nhập khẩu Ngọc Liên	1204564	589004	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Kênh Trung Ương	Sông Đồng Nai	132/GP-STNMT-TNNKS ngày 14/2/2020
1538	Công ty TNHH Cheng Chan Việt Nam	1204310	588899	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1539	Công ty TNHH Shin sung VN Hóc Môn	1204234	589315	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	6936/TTHT-HTNN ngày 31/3/2023
1540	Công ty TNHH Osung Vina	1208711	597356	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1541	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Hóc Môn	1216879	591581	Bình Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	800	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	814/GP-TNMT
1542	Chợ Hóc Môn	1213423	588882	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1543	Công ty TNHH Young Woo	1203205	595053	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	5,6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1544	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	1203664	594817	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	11,84	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1545	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Hóc Môn	1204315	593447	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1718/GPMT-UBND ngày 9/12/2024
1546	Công ty TNHH Đông Nam Việt Nam	1197995	591758	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	77/GP-UBND ngày 7/4/2020
1547	Công ty TNHH GDGT Ánh Mặt Trời	1209708	587851	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1548	Công ty TNHH Han Sung Vina	1201851	592452	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1549	Công ty TNHH Huy Sơn	1223877	576171	Thái Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1550	Công ty TNHH Thương mại Tân Hoàng Gia	1197761	592177	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	173/GP-UBND ngày 12/6/2020
1551	Nhà hàng Cánh Đồng Gió	1214750	589989	Phú Hòa Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1552	Công ty TNHH May Minh Châu	1206612	591450	Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1553	Công ty TNHH Liên Doanh STELLAPHARM	1205799	593858	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	398/GPMT-STNMT ngày 10/5/2024
1554	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu Mối NSTP Huyện Hóc Môn	1206666	593742	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	100	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	906/GP-STNMT ngày 3/11/2020
1555	Công ty TNHH Hakers Việt Nam	1203566	588873	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	288/GP-UBND ngày 12/10/2020
1556	Công ty TNHH Sambu Vina Sports	1202286	589448	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	100	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1557	Công ty TNHH SBGEAR Vina	1203824	589068	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	65,8	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1558	Công ty TNHH Vĩnh Cơ	1203950	589235	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	139/GP-UBND ngày 8/6/2021
1559	Cơ sở tẩy trắng vải Anh Chiến	1201427	588221	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1560	Công ty Cổ phần CB Thực phẩm Hóc Môn	1200558	587529	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	400	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	56/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 16/1/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1561	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Toàn Việt	1201438	588463	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1562	HKD bao bì Nhựa 7 Thành	1201586	588198	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1563	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dệt may Lộc Phát	1199021	592789	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1564	Công ty TNHH mỹ phẩm Quốc tế Vin VA	1202028	591192	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1565	Công ty TNHH Tân Long Vân	1205647	590977	Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1566	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Lê	1205057	595516	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	9	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1567	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ may Công nghiệp Thiện Chí	1199307	590777	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	84/GP-UBND ngày 13/04/2020
1568	Công ty TNHH Quốc tế Smart Elegant Việt Nam	1202911	588913	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh Hoạt	Mương thoát nước khu vực	Sông Đồng Nai	
1569	Công ty TNHH phòng khám Đa khoa Xuân Thới	1206457	601937	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	7	Y tế	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1570	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Việt Quảng	1203912	589394	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1571	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Mỹ phẩm EN YA	1201208	588751	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1572	Công ty TNHH Logistik Unicorp Việt Nam	1204137	589425	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1573	Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Nguyễn Hoàng	1201344	591435	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	235	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1574	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Hoàng Gia	1205528	595773	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	24	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1575	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí MinhTNHH	1205018	592549	Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	14,95	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	1776/GPMT-UBND ngày 17/12/2024
1576	Công ty TNHH nêm Ngọc Phú	1200563	588758	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1577	Công ty TNHH mỹ phẩm Dạ Thảo Lan - Chi nhánh 2	1202245	590839	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	38	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1578	Công ty TNHH Dea Woong Việt Nam	1205937	598168	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	630/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/07/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1579	Công ty TNHH mỹ phẩm Mộc Hoa	1204696	594292	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1580	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Intec - MJ Vina	1203569	589324	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	62	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1581	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Hoàng Tuấn Khoa	1205160	598617	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	65	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1582	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất trực sáng	1199334	591032	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	35	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1583	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	1205661	592661	Hóc Môn		207	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1584	Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Cửu Long	1198830	592723	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1585	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	1202201	592030	Xuân Thới Sơn	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung thành phố	Sông Đồng Nai	
1586	Hộ Kinh doanh Nhất Lộ Gia	1205019	598081	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Rạch Cầu Dừa	Sông Đồng Nai	340/GP-STNMT-TNNKS
1587	Công ty TNHH SX Thương mại Lê Gia	1202140	587211	Bà Điểm	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Kênh An Hạ	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1588	Nhà máy may Nhật Nam	1206004	598949	Đông Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Rạch Cầu Mênh-Bến Cát	Sông Đồng Nai	
1589	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sacom	1196504	602792	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	302	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2726/GP-STNMT-TNNKS
1590	Công ty Cổ phần May Thêu Mỹ Sơn	1196308	602358	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	47	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	69/GP-STNMT-TNNKS
1591	Căn hộ 26 Nguyễn Thượng Hiền	1196112	602258	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	234	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1592	City House Apartment Trần Bình Trọng	1196158	602221	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	137	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1593	Chung Cư (D-eyes)- Dhead	1196570	601428	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	236	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1594	Bệnh Viện Quân Y 175	1196586	601371	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	55	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	787/GP-STNMT-TNNKS
1595	Chi nhánh tại TPHCMCông ty TNHH Thương mại Dich vụ và phân phối Tổng hợp (TP Hà Nội)	1197363	601522	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	29	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	904/GP-STNMT-TNNKS
1596	Ban quản trị Nhà Chung cư Hà Đô. Hà Đô Green View	1196269	601089	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	228,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Văn Công,	Sông Đồng Nai	4367/GPMT-TNMT ngày 8/9/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
								Phường 3, quận Gò Vấp		
1597	Chung cư Bộ đội Biên phòng	1196380	601086	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1598	Sunny Plaza	1196180	601757	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	135	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1599	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại, Dịch vụ Tân Hải Vân-Nhà hàng Tân Hải Vân	1197157	602770	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1600	Nha khoa Kim	1197245	602695	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	7	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1601	Chi nhánh Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	1197696	601883	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	73/GP-STNMT-TNNKS
1602	Công ty TNHH Dịch vụ Nhà Hàng Hương Phố	1197687	601843	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1088/GP-STNMT-TNNKS ngày 15/11/2021
1603	Chung cư Bason	1197825	601861	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	243	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1604	Trường THCS Gò Vấp	1197291	602103	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	263/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28/03/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1605	Công ty TNHH Ô Tô Isuzu Việt Nam	1198762	598086	Thông Tây Hội	TP. Hồ Chí Minh	188	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	227/GP-STNMT-TNNKS
1606	Chung cư I-Home Phạm Văn Chiêu	1200091	598611	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	215	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1607	Trung tâm Thương mại tổng hợp Lotte Gò Vấp	1198667	600458	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	350	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1038/GPMT-TNMT-CCBVMT ngày 17/08/2023
1608	Nhà Máy Thông Tin Điện tử Z755	1197995	600971	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1609	Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thành Phố Khu Dân cư Cityland	1198164	600592	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	442/GPMT ngày 22/5/2024
1610	Tòa nhà VidoLand	1198129	600617	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	341	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1611	Công ty TNHH Rydiam Sài Gòn	1198265	600254	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1612	Chung cư Hà Đô Z751	1198481	599995	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	242	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1613	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	1198757	600041	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	362/GPMT-UBND ngày 22/01/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1614	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1197728	601312	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	868	Công nghiệp	cống nhánh thoát nước tại địa chỉ nhà số 03 đường 03 đường Nguyễn Oanh, Phường 10, quận Gò Vấp sau đó vào hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Oanh	Sông Đồng Nai	203/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 08/02/2025
1615	Công ty TNHH Đầu tư Y Tế Trần diệp Khanh	1197619	601308	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	12	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	203/GPMT-UBND ngày 16/01/2024
1616	Chi nhánh Gò Vấp - Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải CN Gò Vấp- Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	1198319	601004	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	361/GPMT-UBND ngày 22/01/2024
1617	Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang- Siêu thị Văn hóa Văn lang	1197453	601405	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	274/GPMT-UBND ngày 16/01/2024
1618	Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	1197626	600937	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	381/GP-STNMT-TNNKS
1619	Công ty Cổ phần 32	1197637	600885	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	26/GP-STNMT-TNNKS ngày 8/2/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1620	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức	1198148	599747	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	62	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	360/GP-STNMT-TNNKS
1621	Ban quản lý đầu tư Xây dựng công trình quận Gò Vấp - Bệnh viện quận Gò Vấp	1198389	599526	Thông Tây Hội	TP. Hồ Chí Minh	28	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	359/GP-STNMT-TNNKS
1622	Công ty TNHH Nước Uống Tinh Khiết Sài Gòn (Sapuwa)	1198506	599107	Thông Tây Hội	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	3523/GP-UBND ngày 26/10/2021
1623	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Long Biên	1197955	597561	Tân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	770/GP-STNMT-TNNKS
1624	Trường Đại Học Ngyễn Tất Thành	1198857	600995	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1625	Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất Thương mại Hiệp Lực	1199800	597966	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1626	Trung tâm bơi lội quận Gò Vấp	1198767	600278	An Hội Đông	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	483/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 27/05/2024
1627	Chung cư Nguyễn Văn Lượng 3	1199217	599841	An Hội Đông	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1628	Chợ An Nhơn	1199061	601201	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1629	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - Nm Cơ Khí Cns	1199161	610507	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1630	Chung cư Dreamhome 2	1200600	598472	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	41	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1631	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Lê Hùng Phát	1198474	596782	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1632	Công ty Cổ phần may Thiên Hà	1199930	597547	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1633	Công ty TNHH MTV May Hồng Phúc	1198235	596689	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1634	Công ty TNHH MTV Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ AMAC	1198496	597668	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1635	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim - Trung tâm mua sắm Nguyễn Kim Gò Vấp	1197809	601277	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1636	Công ty TNHH MTV Sản xuất Cravat Kỳ	1198715	596481	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1637	Công ty TNHH Thương mại Long Thành Đạt	1197951	601074	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1638	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại, Dịch vụ trà cá phê Việt Nam	1197725	600658	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1639	Chi nhánh số 22 - Công ty Cổ phần vật tư, xăng dầu	1198318	596564	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1640	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại, Dịch vụ tâm Nhân Đức - Nhà hàng The Adora	1196307	601344	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1641	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Hồng Ngọc	1199534	597334	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1642	Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ lịch việt Thái Bình Dương	1195961	602008	Hạnh Thông		13	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1643	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ vườn cau	1197537	602629	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	120	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	88/GPMT-KHQS ngày 07/04/2023
1644	Chi nhánh xăng dầu Sài Gòn - Công ty xăng dầu khu vực II TNHH MTV	1197332	601941	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2322/BC-QLKT ngày 28/12/2023
1645	Chi nhánh xăng dầu Sài Gòn - Công ty xăng dầu khu vực II TNHH MTV	1198457	599395	Thông Tây Hội	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1646	Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	1198625	598694	Thông Tây Hội	TP. Hồ Chí Minh	120	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	735/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 05/06/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1647	Công ty TNHH Thanh Yến Thanh	1196790	602516	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1648	Chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc tế Anh Văn Hội Việt Mỹ	1198454	599314	Thông Tây Hội	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1649	Trung tâm Thương mại Vincom Quang Trung	1197775	600669	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1650	Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật	1197157	602830	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1651	Địa điểm Kinh doanh Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ trà cà phê Việt Nam- The Coffee House - Cửa hàng 52	1197618	602073	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1652	Chợ đầu mối nông sản Trường Đại	1200937	598358	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	20	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1653	Galaxy Hotel	1201035	598337	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1654	Chợ Thạch Đà	1200057	598526	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1655	Công ty Cổ phần May Vạn Hà	1198101	596431	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1656	Công ty Cổ phầnThương mại xuất nhập khẩu May Phương Nam	1197556	596218	Tân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	5831/GPMT-TNMT ngày 16/11/2023
1657	Công ty Đại Việt Cường	1199887	597590	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1658	Công ty TNHHSản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ngọc Chương	1199869	597603	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1659	Siêu thị Thisom	1199061	596844	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	100	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	336/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 19/04/2024
1660	Tiệm rửa xe Trần Quang	1199242	597036	An Hội Tây	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1661	Nhà in Báo Thanh Niên	1199690	600370	An Hội Đông	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1662	Công ty Cổ phần Garmex SaiGon - Nhà máy May An Nhơn	1198771	600611	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	620/GP-STNMT-TNNKS ngày 24/07/2020
1663	Galaxy Hotel Around The World	1199628	601114	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1664	Trung tâm y khoa Hoàn Mỹ Gò Vấp	1199799	601319	Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	5068/GPMT-TNMT ngày 11/10/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1665	Công ty TNHH MTV Chế tác và Kinh doanh trang sức PNJ	1197994	602520	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	100	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1031/GP-STNMT-TNNKS
1666	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận Gò Vấp	1197950	602331	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1667	Công ty may thêu Hà Giang	1200043	601620	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1668	Công ty TNHH Công nghiệp Nam Sài Gòn	1200074	601721	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1669	Enden Hotel	1198571	601697	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1670	Tiệm rửa xe Bi	1199755	601349	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1671	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Gò Vấp	1197756	601729	Hạnh Thông	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	832/GP-STNMT-TNNKS
1672	Citenco - Chi nhánh môi trường Đô thị Gia Định	1198504	598964	Thông Tây Hội	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1673	Siêu thị Co.op Mart Foodcosa	1198374	599572	Thông Tây Hội	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước đường Quang Trung	Sông Đồng Nai	696/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 15/7/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1674	Công ty TNHH Din Sen Việt Nam	1191513	595340	Phú Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	30,73	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	528/GP-STNMT-TNNKS ngày 27/4/2022
1675	Công ty TNHH MTV Co.op Mart Hòa Bình	1191217	595956	Phú Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1676	Công ty Cổ phần Nova RichStar	1191412	595660	Phú Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	1070	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	188/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 17/03/2025
1677	Công ty TNHH Thêu Vĩnh Dương - xưởng Sản xuất 2	1191474	595303	Phú Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	19	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	02/GPMT-UBND ngày 18/11/2019
1678	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	1192735	597100	Tân Phú	TP. Hồ Chí Minh	110	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1329/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 27/12/2024
1679	Chung cư Topaz Garden & Center	1191748	596494	Tân Phú	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	07/GPMT-UBND ngày 12/12/2023
1680	Chung cư Sen Xanh	1191678	596670	Tân Phú	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1681	Chung cư Trung Đông Plaza	1191667	596618	Tân Phú	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1682	Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	1192711	596882	Tân Phú	TP. Hồ Chí Minh	160	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	239/GP-STNMT-TNNKS ngày 19/3/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1683	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	1191433	596361	Tân Phú	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	976/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/9/2019
1684	Trung tâm hội nghị Asiana Plaza Tân Phú	1193145	595545	Phú Thọ Hòa	TP. Hồ Chí Minh	205	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1203/GP-STNMT-TNNKS ngày 11/6/2019
1685	Bệnh viện Quận Tân Phú	1192685	597295	Tân Phú	TP. Hồ Chí Minh	110	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1686	Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC)	1195123	594069	Bình Hưng Hòa	TP. Hồ Chí Minh	3000	Sinh hoạt	kênh 19/5	Sông Đồng Nai	295/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 04/08/2024
1687	Bệnh viện Vạn Phúc	1193810	595745	Tân Sơn Nhì	TP. Hồ Chí Minh	190	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1122/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 12/11/2024
1688	Ban quản trị Chung cư Tân Hương Tower	1193408	595716	Tân Sơn Nhì	TP. Hồ Chí Minh	187	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	2834/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/10/2016
1689	Bệnh viện Ngoại thần kinh Quốc tế	1190041	596369	Phú Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	80	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	84/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 23/01/2025
1690	CN Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt tại Tân Phú	1195224	595544	Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	04/GPMT-UBND ngày 26/07/2024
1691	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Thắng Lợi	1196498	596119	Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	426/STNMT-TNNKS ngày 28/3/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1692	Công ty TNHH MTV Ô Tô Trường Hải Trường Chinh- Hồ Chí Minh	1196066	596262	Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPMT-UBND ngày 18/11/2019
1693	Chi nhánh Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Thương mại Tiên Tiến - Trung tâm Dịch vụ - Đậu xe Tiên Tiến	1195784	595984	Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	90	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1694	Công ty TNHH Ô tô Ngôi Sao Việt Nam– Chi nhánh Chế Lan Viên	1195845	596056	Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1695	Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	1196810	595835	Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	200	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	467/GPSTNMT-TNNKS ngày 8/6/2020
1696	Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn	1195484	595786	Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	2500	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	83/GP-STNMT-TNNKS ngày 20/1/2020
1697	Chung cư The Garden	1194266	595576	Tân Sơn Nhì	TP. Hồ Chí Minh	280	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	764/GP-STNMT-TNNKS
1698	Công ty Bách Sơn - CN1	1193477	596425	Phú Thọ Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1699	Chung cư Carillon 7	1189785	596031	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	569/GP-STNMT-TNNKS
1700	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	1189748	596348	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	133/GP-STNMT-TNNKS

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1701	Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Thực phẩm CN Vifon	1192460	595186	Phú Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	1000	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	393/GP-STNMT-TNNKS
1702	Nhà máy thu gom nước thải Khu Công nghiệp Tân Bình	1196163	594400	Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	1208	Công nghiệp	Kênh Tham Lương	Sông Đồng Nai	838/GP-STNMT-TNMT-TNNKS ngày 09/10/2020
1703	Công ty Cổ phần Thực phẩm CJ Cầu Tre	1190078	595911	Phú Lâm	TP. Hồ Chí Minh	500	Công nghiệp	Rạch Bàu Trâu	Sông Đồng Nai	238/GP-STNMT-TNNKS
1704	Trạm xử lý nước thải KDC Tân Thắng	1195126	594087	Tây Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	1000	Sinh hoạt	Kênh 19/5	Sông Đồng Nai	
1705	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	1191036	600128	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	25,9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	32/GPMT-CCBVMT ngày 1/12/2024
1706	Bệnh viện Nhân dân 115	1191604	599990	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	992,8	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPMT-UBND ngày 01/09/2023
1707	Công ty TNHH Bệnh viện Phương Đông	1191528	599802	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	52	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1708	Công ty Cổ phần Y dược Vietlife	1191937	599992	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	12	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1709	Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương	1191861	599454	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	365	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1710	Công ty TNHH Nha khoa Nhân Tâm	1190499	599384	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	11	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1711	Công ty Cổ phần Capella Center	1191976	601606	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	24	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1712	Công ty Cổ phần Nha Một	1191642	601379	Vườn Lài	TP. Hồ Chí Minh	7,8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1713	Cổ phần MSG Ngô Gia Tự	1190223	600451	Vườn Lài	TP. Hồ Chí Minh	7	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1714	Công ty TNHH trung tâm Y khoa Phước An	1190550	599390	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1715	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Minh Đạt	1191982	599874	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	140	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1716	Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật	1191093	600393	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	13	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1717	Công ty TNHH Y tế Hoà Hảo	1190325	600459	Vườn Lài	TP. Hồ Chí Minh	38	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1718	Bệnh viện Trưng Vương	1191195	599220	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	750	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1719	Công ty Cổ phần vật tư xăng dầu	1190877	600937	Phường Vườn Lài	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1720	Phan Thái Hưng (Khách sạn Minh Tâm)	1191637	601306	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	30	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1721	Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam	1190650	600756	Vườn Lài	TP. Hồ Chí Minh	11	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1722	Công ty Cổ phần Y Việt - Phòng khám bệnh viện Đại học Y dược 1	1191652	600153	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	16-20	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1723	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Làng nướng Nam Bộ 1	1191917	599737	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1724	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 10	1189941	599772	Chợ Lớn	TP. Hồ Chí Minh	7	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1725	Công ty TNHH tiêu hoá Việt	1192566	600628	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	35	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1726	Công ty TNHH Làng Biệt thự Sài Gòn	1191477	599485	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1727	Công ty TNHH MTV in tem Bưu điện	1191636	599052	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1728	Công ty TNHH Bệnh viện chuyên khoa phẫu thuật thẩm mỹ Korean Star - Sao Hàn	1191410	600565	Phường Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	7	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1729	Huỳnh Thị Kim Dung (Bệnh viện đa khoa Vạn Hạnh)	1191364	600576	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	79,4	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1730	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội	1192045	601484	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	143	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	506/GP-STNMT-TNNKS ngày 20/4/2022
1731	Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh-Bệnh viện Nhi đồng 1	1190966	600395	Phường Vườn Lài	TP. Hồ Chí Minh	1000	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	600/GPMT-BTNMT ngày 31/12/2024
1732	Công ty TNHH Lab Group International Việt Nam	1191730	600712	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	95	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1733	Bệnh viện Đa khoa Bưu điện	1192302	599414	Hòa Hưng	TP. Hồ Chí Minh	70	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1734	Công ty Cổ phần Viện mắt Quốc tế Việt - Nga	1191964	601626	Vườn Lài	TP. Hồ Chí Minh	10	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	561/GP-STNMT-TNNKS ngày 05/09/2022
1735	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư SaiGon Healthcare	1191378	599901	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	01/GPXT-UBND ngày 10/2/2022
1736	Chung Cư Nguyễn Kim	1190304	599415	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1737	Công ty TNHH MTV Thực phẩm SaiGon Co.op	1190406	599917	Diên Hồng	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1738	Khu nhà ở Khởi Thành	1192849	607182	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	14/GPMT ngày 29/12/2022
1739	Chung cư Nam Cường	1193924	607372	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	242	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1740	Chung cư Lê Hoàng	1194048	607571	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	247	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1741	Chung cư đo đạc	1193875	607530	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	244	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1742	Chung cư Đức Khải R6	1192698	607725	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	247	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1743	Lô A Chung cư Đức Khải	1192641	607754	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	242	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1744	Chung cư Bộ Công an	1193989	607686	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	248	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1745	Chung cư DeCapella	1193092	607490	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	713/GP-STNMT-TNNKS ngày 23/9/2019

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1746	Chung cư Quận 2	1194261	607807	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	269	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1747	Chung cư Screc II	1193560	608120	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	272	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1748	Lô B chung cư 1ha Thủ Thiêm	1193454	608598	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	156	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1749	Lô G chung cư Bình Khánh	1193263	608516	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	161	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1750	Lô J nhà D chung cư Bình Khánh	1193216	608387	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	156	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1751	Nhà hàng Làng Vũ Đại	1194591	608277	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	13	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1752	Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Mỹ	1193521	608536	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	258	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1753	Trạm XLNT khu B - KDC An Phú	1194295	608131	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	385	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1754	Trạm XLNT khu C - KDC An Phú	1193711	608260	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	385	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1755	Chung cư A11	1194414	607822	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	255	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1756	Chung cư A10	1194396	607826	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	253	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1757	Cao ốc An Phú	1194502	607929	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	262	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1758	An Khang Building	1194236	608056	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	237	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1759	Công ty TNHH Parkland 53	1194951	609091	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	243	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1760	Chung cư Centana Thủ Thiêm	1193487	609394	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1342/GP-STNMT ngày 7/6/2017
1761	Chung cư D'Lusso	1193593	609645	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	160	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	1197/GP-STNMT ngày 20/10/2023
1762	Chung cư Lumiere Riverside tháp West	1194928	609943	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	175	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	484/GP-STNMT-CCBVMT ngày 27/05/2024
1763	Chung cư Precia Apartment	1193543	609636	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	607/GP-STNMT ngày 16/5/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1764	Chung cư The Sun Avenue S5	1192927	609011	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	1800	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	514/GP-STNMT ngày 17/5/2021
1765	Công ty TNHH Dịch vụ Giáo dục Quốc tế ACG	1193361	609211	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh Hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1157/GP-STNMT ngày 1/12/2021
1766	Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	1194554	608403	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	90	Sinh hoạt	nước thải sau xử lý thoát vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố, sau đó chảy vào rạch Đá Đỏ	Sông Đồng Nai	1382/GPMT-STNMT CCBVMT ngày 31/12/2024
1767	Chung cư Estella Height tháp 2, tháp 3	1193460	609095	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	750	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	926/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/8/2019
1768	Chung cư Parkland	1194794	605122	Thạnh Mỹ Tây	TP. Hồ Chí Minh	270	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1769	Công ty TNHH Liên doanh Estella chung cư Estella	1194549	609021	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	650	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1018/GP-STNMT-TNNKS ngày 8/11/2021
1770	Imperia An Phú	1194424	609204	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	900	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	373/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/4/2021
1771	Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 - Xí Nghiệp Minako 1 & 2	1202785	606736	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	26	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1772	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Bao Bì Trường Tín Phát - Chi nhánh	1204258	605638	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1773	Căn Hộ TDH Riverview	1203187	606032	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	239	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1774	Căn Hộ Fresca Riverside - Thủ Đức	1202963	606218	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	241	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1775	Chung cư Thiên Phát - Linh Trung 2	1203842	606041	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	152	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1776	Khu Biệt Thự BMC Bình Chiểu	1204955	605528	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	239	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1777	Công ty TNHH Minh Vân	1203213	606487	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1778	Chi nhánh Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Dương	1203848	606214	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1779	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam	1200101	610822	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	109	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1780	Chung cư MoonLight Residences	1199467	610567	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	740	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	791/GP-STNMT-TNNKS ngày 21/9/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1781	Chung cư Citi Esto	1191289	613173	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	530	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1328/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 14/09/2018
1782	Chung cư Sunview Town	1201769	606695	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	750	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1783	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	1199083	605591	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1784	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất In Dệt Nhãn Hiệu Thủ Đức	1199557	605711	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1785	Chi nhánh Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	1199598	605669	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1786	xưởng Sản xuất giày thuộc Công ty TNHH giày Gia Định	1199737	605673	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1787	Cao ốc văn phòng Gia Định	1199737	605673	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	146	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1788	Công ty Cổ phần Bệnh viện Vạn Phúc City	1199172	604887	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	350	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	209/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 08/03/2024
1789	Công ty TNHH Sản xuất Cân Nhơn Hòa	1199436	605726	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	225	Công nghiệp	kênh rạch Đĩa	Sông Đồng Nai	1306/GPMT-STTNMT-CCBVMT ngày 25/12/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1790	Cao ốc Bình Minh	1199523	611579	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	263	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1791	Chi nhánh Công ty Cổ phần TOYOTA Đông Sài Gòn	1200304	612321	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1792	Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	1199149	611361	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1793	Nha khoa Kim - Lê Văn Việt	1199735	612044	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	13	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1794	Bệnh viện Quân Dân Y miền Đông	1199632	612227	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	115	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	516/GP-STNMT-TNNKS ngày 7/5/2021
1795	Chung cư CentumWeath	1199131	611378	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	490/GP-STNMT-TNNKS ngày 15/4/2022
1796	Chung cư Sài Gòn GateWay	1199365	611449	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	885	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	168/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/1/2022
1797	Công ty GrungFos	1199396	612180	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1119/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/1/2020
1798	Công ty TNHH Việt Thắng Jean	1198726	611837	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	100	Công nghiệp	hệ thống thoát nước trên đường Quang Trung, Hiệp Phú	Sông Đồng Nai	9892/GPMT-UBND-HCC ngày 15/10/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1799	Coop Mark	1199897	611796	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	451/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/4/2022
1800	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh	1200429	611686	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	630	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	288/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày03/04/2024
1801	Công ty Cổ phần Dược Nature Việt Nam	1200538	610433	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1802	Công ty TNHH Sản xuất Bánh Thiên Ân	1200112	610323	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1803	Chung cư mini Triệu An	1200667	609809	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	223	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1804	chung cư Linh Đông	1199472	608772	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	145	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1805	Phòng khám răng hàm mặt Sài Gòn Thủ Đức 2	1200263	608946	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	8	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1806	Nhà hàng ẩm thực đồng quê S.1	1198991	608911	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1807	Chi nhánh Phương Nam Công ty TNHH MTV 19-5 - Bộ Ca	1201306	610343	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1808	Công ty Cổ phần Cơ Khí Và Xây Lắp Công nghiệp - xưởng Sản xuất	1201913	609971	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1809	Công ty Cổ phần Lương Thực Thực phẩm Safoco	1201926	610436	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	02/GP-STNMT-TNNKS ngày 3/1/2020
1810	Chung Cư Linh Tây Tower	1201438	610142	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	257	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1811	Chung Cư FLORA NOVIA-Block A	1201438	610142	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	84	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1812	Căn Hộ Cao Cấp Flora Novia-Block B	1201721	610215	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	84	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1813	Công ty Cổ phần In Trần Phú - Px In Tờ Rời - Bao Bì	1201885	610724	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1814	Công ty TNHH Dệt Lưới Đánh Cá Nam Yang	1201903	610484	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	19	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1815	Công ty TNHH Free Trend Indus Teial	1201726	610919	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	1325	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1816	Công ty TNHH Kachiboshi	1201940	610803	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1817	Công ty TNHH Mini Gold VN	1201875	610931	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1818	Trung Tâm Kiểm Định Kỹ Thuật	1201812	610956	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	27	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1819	Bách Hóa Xanh	1195828	621151	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1820	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải Trí _Giáo Dục và Ẩm Thực Long Gia	1192493	621207	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1821	Công ty Tn Thái Sơn S.P	1196178	621224	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	3717/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/1/2013
1822	xưởng gỗ nội thất Nhà Xinh	1195519	619991	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1823	Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	1199215	618283	Long Bình	TP. Hồ Chí Minh	4498	Công nghiệp	Rạch Gò Công	Sông Đồng Nai	544/GP-BTNMT
1824	Công ty Bimedtech	1198126	615359	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của KCNC	Sông Đồng Nai	
1825	Công ty TNHH Nhà Hàng Vườn Cò Bên Sông	1197025	618428	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1826	Nhà hàng Hương Dừa	1197704	618072	Long Bình	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1827	Hồ Sen Hồ Nhà - Restarant	1194711	619314	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	30	Dịch vụ	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1828	Chung cư Housneo	1194637	613430	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	180	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	726/GP-STNMT-TNNKS ngày 5/7/2019
1829	Chung cư Safira	1194650	613883	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	550	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	15/GPMT-UBND ngày 15/03/2023
1830	Chung cư Sky 9	1195032	613706	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	430	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	566/GP-STNMT-TNNKS ngày 9/5/2022
1831	Chung cư The Eastern	1194672	613974	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	456/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/4/2022
1832	Công ty Hồ Tiêu Việt	1192784	613354	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1833	Công ty TNHH MTV Hào Khang	1194534	614124	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	170	Sinh hoạt	rạch Trau Trảu	Sông Đồng Nai	166/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28/02/2025
1834	Khu biệt thự KiKyO (Valora KiKyO)	1194377	613340	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	874/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/8/2019

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1835	Khu biệt thự nhà vườn Villa Park	1194748	614529	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	157/GP-STNMT-TNNKS ngày 1/3/2021
1836	Khu căn hộ KiKyO	1194280	613261	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	874/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/8/2019
1837	Khu nhà ở phức hợp nhà ở The Venica Khang Điền	1193842	612734	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	376/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/4/2008
1838	Khu phức hợp nhà ở Dragon Village	1192884	613003	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	1300	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	254/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/2/2022
1839	Mega Ruby Residence	1194521	614136	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	90	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	172/GP-STNMT-TNNKS ngày 28/1/2022
1840	Melora Garden Khang Điền	1192454	613805	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	600	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	04/GPMT-UBND ngày 06/02/2023
1841	Nhà công vụ Quân chủng Hải Quân Quận 9	1193986	615657	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	600/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/7/2019
1842	Tòa nhà Chung cư Jamila - Khang Điền	1194004	612942	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	46/GP-STNMT-TNNKS ngày 15/1/2024
1843	Verosa Park Phân khu Kim Phát	1195942	614171	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	145	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	185/GP-STNMT-CCBVMT ngày 27/02/2025

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1844	Verosa Park Phân khu Thành Phúc	1195573	613932	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	905	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	46/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 15/01/2024
1845	xưởng Gia công cơ khí Công ty TNHH Đại Thành Đạt	1193928	615422	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1846	Công ty Cổ phần Giấy Xuân Đức	1196720	610387	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1847	Chung cư Ngô Thời Nhiệm	1197126	610865	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	258	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1848	Chung cư Him Lam Phú An	1196660	610488	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	450	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	793/GP-STNMT-TNNKS ngày 17/7/2019
1849	Công ty Cổ phần Len Việt Nam	1197293	610669	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1850	Công ty Cổ phần P/S - xưởng Thủ Đức	1197761	610826	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	2426/GPMT-UBND ngày 29/3/2024
1851	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm	1197974	610778	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	589/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/5/2021
1852	Chung cư Ehome Đông Sài Gòn 1	1196786	612330	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	346	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1853	Đại học văn hóa Hồ Chí Minh	1197073	611363	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1854	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Phước Long	1198834	611293	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1855	Chung cư 9 View Apartment	1197759	611836	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	472GP-STNMT ngày 31/12/2019
1856	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	1197572	611646	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	530	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Tăng Nhơn Phú	Sông Đồng Nai	625/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 24/09/2024
1857	Công ty Liên doanh BIO-Pharmchemie	1197459	611337	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	265/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 28/03/2024
1858	Công ty Cổ phần phát triển nhà ở Thủ Đức CC TDH Phước Long	1198850	611256	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	3075/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/10/2016
1859	Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư địa ốc Nova CC Lucky Dragon	1196858	611570	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	125	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	517/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/3/2017
1860	Công ty Cổ phần Thủ Thiêm Group CC Thủ Thiêm Garden	1195323	613450	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	350	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1093/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/11/2019
1861	Khu biệt thự Riviera Cove	1196020	613248	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	591/GP-STNMT-TNNKS ngày 16/7/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1862	Khu Villa Rio Vista	1196340	613343	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	290	Sinh hoạt	Sông, suối	Sông Đồng Nai	270/GP-STNMT ngày 29/3/2024
1863	Nhà hàng ẩm thực S:1	1194372	612599	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1864	Trạm xử lý nước thải khu dân cư Gia Hòa	1196005	612346	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	1600	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	986/GP-STNMT-TNNKS ngày 1/12/2020
1865	Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại Xây dựng Và Bao Bì Giấy Tân Sài Gòn	1202620	606916	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1866	Chung cư Sài Gòn Auenue	1201645	607381	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	393/GP-STNMT
1867	Công ty Sản xuất túi vải Bố-trí vải Canvas	1202091	608039	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1868	Công ty TNHH Las Việt Nam	1197299	602414	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1869	Nhà Hàng Nam Bộ	1201787	607378	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1870	Nhà hàng Nam Lửa 18	1197300	602419	An Nhơn	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1871	Công ty Cổ phần Hưng Phú Invest	1201644	608199	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	615	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1872	Bệnh Viện quận Thủ Đức	1201609	608694	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	55	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1873	Chung cư ĐẠT GIA	1201150	607894	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	450	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1874	Công ty TNHH Chế tạo thiết bị Công nghiệp TTQ	1197745	613148	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1875	Công ty TNHH Golden Hill Việt Nam	1198256	612232	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1876	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất TPL	1197585	612582	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1877	Nhà hàng Hoa Viên Ao Đôi	1198318	613056	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Kênh mương	Sông Đồng Nai	
1878	Nhà máy Cơ khí chính xác Duy Khanh	1197025	614772	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của KCNC	Sông Đồng Nai	
1879	Công ty Cổ phần Du lịch Văn Hóa Suối Tiên	1201876	614900	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	74	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đường Xa lộ Hà Nội, Tân Phú	Sông Đồng Nai	13095/GPMT-UBND ngày 1/1/2025

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1880	Bệnh viện Ung bướuCơ sở 2	1202416	615618	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	49	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1881	Khu Chung cư Thạnh Mỹ Lợi	1191332	611556	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1882	Chung cư FELIZEN VISTA	1191949	610120	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	609	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	340/GP-STNMT ngày 9/4/2021
1883	Chung cư The CBD	1191671	610577	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1342/GP-STNMT-TNNKS ngày 7/6/2017
1884	Khu Chung cư cao tầng kết hợp Thương mại Y2 - Vista Verde	1191906	609894	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	650	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	1300/GP-STNMT ngày 17/11/2023
1885	Khu Chung cư cao tầng kết hợp thương mai, Dịch vụ Z1	1192076	609444	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1794/GP-STNMT ngày 17/4/2023
1886	TCL Building	1191430	611531	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1887	Bệnh viện Đa Khoa Bưu Điện CS2	1194824	607756	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	7	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1888	Thảo điền Peari	1194672	607305	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	549	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1889	Nhà hàng ẩm thực vườn Thảo Điền	1195215	607109	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	22	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1890	Masteri Thao Dien - T2	1194827	608069	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	447	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1891	Laang Sài Gòn	1194862	607668	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1892	Công ty TNHH Thương mại Và Đầu Tư Bất Động Sản An Doanh	1194853	607753	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	350	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1893	Công ty Cổ phần Ngoại thương và phát triển đầu tư TP HCM, Căn hộ cao ốc Thảo điền	1194870	607857	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1894	Công ty TNHH Hnl Vina	1196266	615965	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1895	Chi nhánh Công ty Cổ phần Trang trí nội thất And	1196266	615965	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1896	Hồ Sen Hồ Nhà - Restaurant	1194390	619153	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1897	Khu dân cư Đông Tăng Long	1195671	617111	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	351	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1898	Công ty Cổ phần Thương mại Dược Phẩm Quang Minh	1197372	616237	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1899	Công ty Hưng Thịnh Garment Co.Ltd	1197731	616084	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	11,5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1900	Công ty TNHH Đầu tư Nhật Hoàng	1196889	616637	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	310	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	129/GP-STNMTTNNKT ngày 14/2/2020
1901	Công ty TNHH Dệt Đại Vĩnh Thăng	1197535	615829	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1902	Công ty TNHH NIPRO Việt Nam	1198284	615850	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	88	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của KCNC	Sông Đồng Nai	
1903	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cát Thái	1197829	616237	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	63	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1904	Công ty TNHH SMC Corpor Ation (Việt Nam)	1197790	616163	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1905	Công ty TNHH Sản xuất, Dịch vụ Giao Thông Tài Lộc	1197842	616167	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	350	Công nghiệp	Sông, suối	Sông Đồng Nai	
1906	Công ty TNHH T&C Logis	1197803	616210	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1907	Công ty TNHH Tai Lac producing comunication shoes	1197533	616587	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1908	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1198219	609813	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	29	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1909	Chương Dương Home	1198572	609764	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	441	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1910	Chung cư Lan Phương MHBR Tower	1199768	609700	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	442	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1911	Chung cu hung thinh land	1198618	610656	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	444	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1912	xưởng sửa chữa, bảo dưỡng ô tô Huyndai Đông Sài Gòn công suất 10.000 xe/năm	1197572	610326	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1913	Chung cư Lavita Garden	1198246	610484	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	610	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1211/GP-STNMT-TNNKS ngày 10/12/2021
1914	Chung cư Sài Gòn Metro Park	1198756	609510	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1330/GP-STNMT ngày 14/9/2018
1915	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa VN-Nhà máy Sữa Thống Nhất	1199007	610821	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	388	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	999/GP-STNMT ngày 2/2/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1916	Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức	1197663	610299	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1917	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	1197336	610161	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1918	Công ty TNHH MTV Sen Vàng Việt Nam	1197291	610122	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1919	Doanh nghiệp Tư nhân May mặc Nhất Cương	1198690	609739	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	2392/UBND-TNMT ngày 8/8/2017
1920	Nhà máy Sữa Trường Thọ	1199343	610338	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	558	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	1052/GP-STNMT-TNNKS ngày 21/12/2020
1921	Xí nghiệp Cơ khí Công Trình	1197969	610007	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Kênh mương thủy lợi, kênh thải chung	Sông Đồng Nai	
1922	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Địa ốc Trí Kiệt	1195515	612232	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	225	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1923	Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	1204132	611463	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	29	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1924	Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	1199189	611445	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	782	Công nghiệp	Rạch Chiếc	Sông Đồng Nai	874/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 06/07/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1925	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phát Tiến	1194648	609567	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	9	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1926	Công ty TNHH Long Phước - HT	1195909	618534	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1927	Công ty TNHH MTV Việt NamGS Enterprise	1192459	605943	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	33	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1928	Công ty TNHH MTV Co.op Mart Bình Triệu	1198099	605352	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	14	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1929	Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh- Công ty TNHH vânh hành Vincom Retail	1194755	608269	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	163	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1930	Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí MinhTNHH	1201901	607827	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1931	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tân Long Trường	1194531	615975	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1932	Chưng cư Flora Anh Đào - Ban Quản trị chung cư	1195303	612259	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	216	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1933	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phúc Thiện	1196821	610607	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	11	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1934	Công ty TNHH Nha Khoa Lee	1195175	607090	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	14	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1935	Bệnh viện Lê Văn Việt	1199459	613533	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	41	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1936	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Minh Phong	1193926	621074	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	11	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1937	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	1197563	615845	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1938	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ đồ chơi Mạnh Dũng	1194213	616671	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1939	Công ty Cổ phần Tâm Cảng	1193352	606909	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1940	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HDTV	1200047	616402	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	9	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1941	Công ty TNHH Công nghiệp, Thương mại Minh Nghệ	1201832	608100	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1942	Công ty Cổ phần Socola Marou	1203109	608398	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1943	TNHH Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại Vạn Thành	1200520	611306	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	117	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1944	TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Môi trường Huỳnh Kim Nhật	1201676	608870	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	846	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1945	Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	1199557	614021	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1946	Ban quản trị Chung cư Topaz Home 2 Block B	1201589	615744	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	195	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1947	Công ty Cổ phần Y khoa CHAC 2	1199072	610781	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	105	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1948	Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	1194185	608278	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1949	Công ty TNHH Sản xuất Nhựa - Thương mại Cảnh Mỹ	1201169	614573	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1950	Công ty TNHH MTV nhà hàng Chín Định	1193047	613869	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1951	Ban Quản trị Chung cư Lexing Residence	1194373	609425	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	545	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1952	Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật	1194004	608492	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	5,8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1953	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại, Suối Tiên	1200235	616095	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1954	Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ Mỹ Mỹ - Bệnh viện Quốc tế Mỹ	1193836	608738	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	168	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1955	Công ty TNHH kỹ thuật Mai Phương	1197294	616393	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	24	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1956	Công ty TNHH ẩm thực D&T	1194885	607661	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1957	Công ty TNHH xe máy Bình Minh	1200063	611021	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1958	Công ty TNHH MTV Thực phẩm Saigon Co.op	1196538	611009	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1959	Công ty TNHH MTV Thực phẩm Saigon Co.op	1195009	614506	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1960	Công ty Cổ phần Nhà Việt Nam	1197455	616909	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	1550	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1961	Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận vận tải và Thương mại Công Thành	1201848	611175	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1962	Công ty TNHH Năm Sao	1201685	610319	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1963	Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Trường Thọ	1199710	611890	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1964	Công ty TNHH Việt Thái Quân	1193128	610302	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1965	Trung tâm Thương mại Vincom Lê Văn Việt - Công ty vận hành Vincom Retail	1199557	612327	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	118	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1966	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Triệu Nguyễn	1200361	616146	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1967	Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	1203450	607608	Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	46/GPMT-BTNMT ngày 27/2/2023
1968	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại, Dịch vụ Á Châu Đại Thắng	1192613	611118	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1969	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Long Cường	1199007	605202	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	7	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1970	Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huệ	1204013	611792	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	300	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1971	Công ty TNHH Metropolis	1194700	608048	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	750	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1972	Công ty Cổ phần Chỉ may Phong Việt	1201491	612100	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	93	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1973	Công ty TNHH Evolution Enterprises	1197563	615829	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1974	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại bất động sản An Dương Thảo Điền	1195268	607078	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1975	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Phú Lợi	1199642	609918	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1976	Công ty TNHH IIDAMOLD Việt Nam	1197430	616032	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1977	Công ty TNHH Hưng Hải Hậu	1200109	616189	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1978	Chi nhánh Công ty TNHH Cơ khí Ô tô Phát triển	1199560	605856	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	14	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1979	Chi nhánh liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	1201598	607424	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	9	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1980	Công ty TNHH Nhựa kỹ thuật Sakura	1201922	610234	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1981	Công ty TNHH Cơ Khí	1201479	609030	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1982	Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần	1201191	612168	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	133	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1983	Công ty TNHH MTV Khu bắc Thủ Thiêm	1192229	606485	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	136	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1984	Công ty TNHH Dinh Thành Đạt	1200229	616618	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1985	Chi nhánh Công ty Cổ phần phát triển y tế - Công ty Vioria healthcare - Phòng khám đa khoa LĐC	1192984	607128	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	12	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1986	Trường Pháp Quốc tế Marguerite Duras	1202391	617369	Long Bình	TP. Hồ Chí Minh	880	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1987	Công ty TNHH Trấu Việt Sài Gòn	1197530	612827	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	11	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1988	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutrinest	1197316	615888	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1989	Công ty TNHH Minh Đống	1199596	610519	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	115	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1990	Công ty TNHH CVH Mùa Xuân	1193451	611457	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	54	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1991	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Xây dựng Việt Hàn	1194510	607879	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1992	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức	1198236	612430	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1993	Công ty TNHH Savills (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1192804	608696	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	63	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1994	Chung cư Cao Ốc Thịnh Vượng	1193248	611456	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	79	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1995	Công ty TNHH Đầu tư, Kinh doanh Nhà Đoàn Nguyên	1191963	612963	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1996	Công ty Cổ phần chỉ may Hưng Long	1201055	612173	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	49	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1997	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	1194740	609002	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	9	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1998	Khu nhà ở Bình Chiểu	1203644	606728	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	238	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
1999	Công ty TNHH MTV Phương Bảo Trí	1197923	612111	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2000	Công ty TNHH Kinh doanh Địa ốc Minh Thông	1193145	610520	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2001	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thủ Đức	1201311	612358	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	263	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2002	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	1198128	612157	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	4080	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2003	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Masterise	1199565	619274	Long Bình	TP. Hồ Chí Minh	81	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2004	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và Sản xuất trí tuệ Việt Pháp	1196081	620420	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2005	Công ty TNHH Capitaland	1192002	609802	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	102	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2006	Chi nhánh Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV - Nhà máy nước Thủ Đức	1200745	612451	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	58	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2007	Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải, Bình Triệu	1198085	605197	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	9797/GPMT-UBND-HCC ngày 11/10/2024
2008	Công ty TNHH Ty Ty	1203127	607143	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	9	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2009	Công ty TNHH in bao bì Toàn Phát tại Thành phố Hồ Chí Minh	1198930	605246	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2010	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Sơn Thành Lợi	1203040	607301	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2011	Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Điền Phúc Thành	1193464	609365	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2012	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	1191950	610943	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2013	Công ty Cổ phần Phước Lộc	1197980	612405	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2014	Công ty May mặc Tân Phước An	1200810	607623	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2015	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyễn Mộc	1196104	621011	Long Phước	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2016	Công ty Cổ phần Phòng khám chuyên khoa Liễu O2 Skin	1198978	610979	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	13	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2017	Công ty TNHH Kinh doanh Địa ốc Minh Thông	1200552	609001	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	95	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2018	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	1197712	612713	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2019	Công ty TNHH tư vấn Quốc tế	1194869	613708	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	17	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2020	Công ty TNHH Dương Anh Thư	1193077	611241	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2021	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hiếu Hàu sữa	1198197	606624	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2022	Công ty Cổ phần Bệnh viện Y dược Sài Gòn	1196671	611671	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	7	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2023	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bắc Mỹ	1199481	616566	Tăng Nhơn Phú	TP. Hồ Chí Minh	15	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2024	Công ty TNHH Du lịch Khách sạn Long Châu	1194211	607307	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2025	Chi nhánh tại Thành Phố Thủ Đức - Công ty Cổ phần vật liệu Xây dựng thế giới nhà	1198162	610900	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2026	Doanh nghiệp TN Nha khoa Nhật Tân	1200159	609580	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	6	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2027	Công ty TNHH MTV Nhà hàng Minh Anh	1191623	611372	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2028	Công ty TNH máy và thiết bị Kim Tiến Đức	1200987	607793	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2029	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Ngọc Khải Hân	1191877	612722	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	12	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2030	Công ty TNHH Bao Bì Hoàng Thịnh	1203201	608624	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2031	Công ty TNHH Cảng Phước Long	1196579	610108	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2032	Công ty TNHH Ô tô Đại Việt	1193238	611494	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	14	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2033	Công ty Cổ phần Ẩm thực Cháo Đỏ	1198545	608779	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	18	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2034	Công ty Cổ phần tiếp vận suối nắng	1199197	609833	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2035	Công ty TNHH Sản xuất Q.F	1203377	611435	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	86	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2036	Công ty Cổ phần May Bình Minh	1198975	607138	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2037	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyễn Duy	1202516	616231	Long Bình	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2038	Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ, vận tải Tân Phú	1202005	606868	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	8	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2039	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Hiệp Lợi Sài Gòn	1201690	610455	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	5	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2040	Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ vận tải Hiệp Lợi Sài Gòn	1201817	607915	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2041	Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	1203248	616358	Long Bình	TP. Hồ Chí Minh	101	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2042	Khu nhà ở xã hội Bình Trưng Đông	1193458	612061	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	66/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 21/1/2025
2043	Siêu thị tham gia bình ổn thị trường và Thương mại - Dịch vụ - vui chơi - giải trí chiếu phim	1197619	606053	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	600	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	181/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 03/03/2025
2044	Nhà máy Sản xuất lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket, công suất 22.800 tấn sản phẩm/năm	1201356	610353	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	96	Công nghiệp	hệ thống thoát nước chung TP trên đường Kha Vạn Cân	Sông Đồng Nai	182/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 07/02/2025
2045	Chung cư cao tầng ký hiệu lô Công ty	1191843	609228	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	350	Sinh hoạt	Rạch Ngay	Sông Đồng Nai	183/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 07/02/2025
2046	Khu nhà ở Công ty Tháp Mười	1194974	613661	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	173	Sinh hoạt	rạch Đất Sét, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức	Sông Đồng Nai	186/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 07/02/2025
2047	Nhà ở xã hội phục vụ cho công nhân thuê - Hạng mục công trình Khối A và Khối D	1189671	610468	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	308,6	Sinh hoạt	Rạch Kỳ Hà	Sông Đồng Nai	197/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 08/02/2025
2048	Trạm ép rác kín phường Thạnh Mỹ Lợi - giai đoạn 2	1190820	611869	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Rạch Kỳ Hà	Sông Đồng Nai	910/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 06/09/2024
2049	Nghĩa trang thành phố (Lạc Cảnh)	1201438	611285	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	997/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 04/10/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2050	Khu nhà ở tại phường Long Bình, thành phố Thủ Đức	1202859	616574	Long Bình	TP. Hồ Chí Minh	1380	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	689/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 12/07/2024
2051	Nhà máy tinh chế đồ gỗ xuất khẩu Satimex-Chi nhánh Thủ Đức	1202493	608067	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	24	Công nghiệp	hệ thống thoát nước chung TP trên đường Trường Sơn	Sông Đồng Nai	757/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 24/7/2024
2052	Khu nhà ở Công ty Gia Phước, diện tích 31.508,9m2	1192846	615298	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	180	Công nghiệp	Rạch thoát nước phía Tây	Sông Đồng Nai	1049/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 04/08/2023
2053	Khu nhà ở tại Phường Phú Hữu	1193099	614813	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	580	Sinh hoạt	nhánh rạch Ngọn Mương	Sông Đồng Nai	1086/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 02/09/2023
2054	Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật	1199047	611152	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	7,6	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	5685/GP-UBND ngày 24/11/2020
2055	Công ty TNHH Nha khoa Kim	1194311	607227	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2056	Công ty Cổ phần Ô tô Đông Nam Bộ	1198826	605230	Hiệp Bình	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	261/UBND-TNMT ngày 18/1/2013
2057	Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Việt Khang Thủ Đức	1199217	610584	Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	8,4	Y tế	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	
2058	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 2	1192787	610618	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	882/GP-UBND-TNMT ngày 4/2/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2059	Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Điền Phúc Thành	1194490	617667	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	1180	Sinh hoạt	Sông nước Đục	Sông Đồng Nai	1163/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 25/11/2024
2060	Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	1191874	606482	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	537	Sinh hoạt	Rạch Cá Trê	Sông Đồng Nai	1250/GP-STNMT-TNNKS ngày 15/11/2019
2061	Công ty TNHH Maeda- Thiên Đức	1191843	609228	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố	Sông Đồng Nai	854/GP-STNMT–TNNKS ngày 31/07/2019
2062	Trường Đại học Tài chính- Marketing	1196204	615579	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	850	Sinh hoạt	Rạch	Sông Đồng Nai	237/GP-STNMT-TNNKS ngày 13/3/2019
2063	Khu Công nghiệp Bình Chiểu	1203684	607095	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	1500	Công nghiệp	Rạch Gò Dưa	Sông Đồng Nai	443/GP-STNMT-TNNKS ngày 6/5/2019
2064	Khu chế xuất Linh Trung I	1202067	611073	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	3000	Công nghiệp	Suối Xuân Trường	Sông Đồng Nai	375/GP-BTNMT ngày 12/2/2015
2065	Khu chế xuất Linh Trung II	1204323	606127	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	2800	Công nghiệp	Rạch Cùng	Sông Đồng Nai	24/GP-BTNMT ngày 4/2/2021
2066	Khu dân cư Palm Residence Cửa xả nước thải CX5 khu OTM2	1193652	610765	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	911	Sinh hoạt	Rạch Mương Kinh	Sông Đồng Nai	146/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 20/02/2025
2067	Trạm XLNT khu tái định cư Long Sơn	1204200	618177	Long Bình	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Nhánh Rạch Đồng Tròn 29	Sông Đồng Nai	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2068	Tổng Công ty Bến Thành	1203543	607364	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	440	Sinh hoạt	Rạch Nước Trong	Sông Đồng Nai	
2069	Trạm XLNT Chợ Thủ Đức	1202274	606599	Tam Bình	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Rạch Cầu Ván	Sông Đồng Nai	
2070	Trạm XLNT Park Riverside	1195703	615034	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Rạch Ông Nhiêu	Sông Đồng Nai	
2071	Trạm XLNT Khu Công nghiệp Cát Lái II	1190655	611870	Cát Lái	TP. Hồ Chí Minh	450	Công nghiệp	Sông Kỳ Hà	Sông Đồng Nai	503/GP-STNMT-TNNKS ngày 18/4/2022
2072	Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hoàn Mỹ Thủ Đức	1204200	611701	Linh Xuân	TP. Hồ Chí Minh	240	Y tế	Suối Nhum	Sông Đồng Nai	372/GPMT-BTNMT ngày 06/10/2023
2073	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	1192592	611268	Bình Trưng	TP. Hồ Chí Minh	300	Y tế	hầm ga trên đường số 4, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	1187/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 29/11/2024
2074	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Địa ốc Mỹ Phú	1195750	613549	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	155	Sinh hoạt	kênh Một Tấn	Sông Đồng Nai	1185/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 29/11/2024
2075	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh	1195197	612700	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	70	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung của thành phố tại hố ga tuyến thu gom chung	Sông Đồng Nai	1198/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 4/12/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
								ngay gần ngã 3 đường 50 – 250 (bên ngoài tường rào, ngoài ranh dự án)		
2076	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức	1197978	611899	Phước Long	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung trên đường 147	Sông Đồng Nai	1199/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 04/12/2024
2077	Công ty Cổ phần Thành phố Xanh (Khu nhà ở chung cư Phú Hữu)	1194660	613891	Long Trường	TP. Hồ Chí Minh	450	Sinh hoạt	đường N4, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức	Sông Đồng Nai	1152/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 21/02/2025
2078	Công ty Cổ phần TAKAHIRO	1194688	607935	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	100	Dịch vụ	hệ thống thoát nước trên đường Võ Nguyên Giáp, Thảo Điền	Sông Đồng Nai	12986/GPMT-UBND-HCC ngày 27/12/2024
2079	British International School	1195436	607295	An Khánh	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	hệ thống thoát nước trên đườngNguyễn Văn Hưởng, Thảo Điền	Sông Đồng Nai	12987/GPMT-UBND-HCC ngày 27/12/2024
2080	Chi nhánh Công ty TNHH-TM- Cơ khí Nguyễn Mẫn	1235678	689845	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hồ chứa nội bộ	Suối Tre	
2081	Nhà máy gạc Tuynel Bình Mỹ	1230117	689620	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Suối Bình Cơ	Suối Ông Đông	02/GPMTSTNMT cấp ngày 08/01/2025

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2082	Chi nhánh Công ty TNHH Nội thất Golden Forest	1227152	699714	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	8,67	Sinh hoạt	Thoát nước khu vực		87/GP-STNMT cấp ngày 24/07/2018
2083	Nhà trọ Kim Vũ	1228021	700225	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Thoát nước ra vườn cao su	Hệ thống Suối Tân Lợi - Suối Sâu - Suối Vũng Gấm	31/QĐ-STNMT cấp ngày 11/01/2017
2084	Hộ Kinh doanh Mai Thị Thảo	1233181	706538	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	50	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn	Suối Tổng Nhẫn	
2085	Hộ Kinh doanh Minh Châu	1232620	707058	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	60	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Cầu	
2086	Hộ Kinh doanh Thanh Phong	1232947	705452	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Tổng Nhẫn	
2087	Công ty TNHH Chế biến gỗ Hân Nguyên Ký	1228234	700266	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Thoát nước ra vườn cao su	Hệ thống Suối Tân Lợi - Suối Sâu - Suối Vũng Gấm	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2088	Chi nhánh Công ty TNHH nhôm Tiến Đạt	1228863	702214	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	46	Công nghiệp	Mương Bảy Mã, suối Tân Lợi	Hệ thống Suối Tân Lợi - Suối Sâu - Suối Vũng Gấm	
2089	Công ty TNHH Jafa Comfeed Long An - Chi nhánh Bình Dương	1231592	704176	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Chăn nuôi	Hồ tự ngấm	Suối Đá Bàn	
2090	Công ty TNHH JOY VIET FURNITURE	1227106	700575	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Suối Sâu	Hệ thống Suối Tân Lợi - Suối Sâu - Suối Vũng Gấm	01/GPMT-UBND cấp ngày 11/01/2024
2091	KCN Đất Cuốc	1228275	700450	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	3.282,00	Công nghiệp	Suối Tân Lợi	Hệ thống Suối Tân Lợi - Suối Sâu - Suối Vũng Gấm	491/GP-BTNMT cấp ngày 22/11/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2092	Trại heo BAF-xưởng BD2	1227777	712062	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	12	Chăn nuôi	Bơm tưới	Suối Cầu	07/QĐ-TTKKNWI-NT cấp ngày 07/01/2025
2093	Trại heo BAF-xưởng BD3	1228155	712127	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	25	Chăn nuôi	Chảy ra hồ, ngấm	Suối Cầu	0007/QĐ-TTKKNWI-NT cấp ngày 07/01/2025
2094	Trại heo Võ Bá Cang	1233898	710691	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	80	Chăn nuôi	Bơm tưới	Suối Cầu	2013/QĐ-TTKKN cấp ngày30/07/2024
2095	Trại heo Gia Phát	1235835	710507	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Ngấm	Suối Cầu	
2096	Trại heo Bùi Việt Thắng	1231302	711459	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Bơm tưới	Suối Cầu	
2097	Công ty Cổ phần An Tỷ	1235479	708680	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Bơm tưới	Suối Cầu	266/UBND-MT cấp ngày 07/03/2025
2098	Trang trại vịt Bùi Đình Phương	1233495	707798	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	9	Chăn nuôi	Suối Cầu	Suối Cầu	
2099	KCN Tân Bình	1239279	686865	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	2.500,00	Công nghiệp	Suối Đồng Chinh	Suối Đồng Chinh	03/GP-UBND cấp ngày 22/01/2021
2100	HTX cao su Nhật Hưng	1237401	684234	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Hồ Cua Pari	Hệ thống Suối Bến Ván – suối	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	
2101	Công ty TNHH gỗ Duệ Trí	1237984	688729	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Suối Đồng Chinh	Suối Đồng Chinh	
2102	Công ty TNHH ManufaCông tyure Smart Việt Nam	1232531	697010	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hồ chứa nội bộ	Suối Tân Lợi	
2103	Công ty TNHH MT -DV-XD-SX Triệu Phú Lộc	1232722	698169	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Suối Tân Lợi	Suối Tân Lợi	014/GP-STNMT ngày 22/7/2020
2104	Công ty TNHH Bao Bì JIU SHUN	1232389	695529	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hồ chứa nội bộ	Suối Tân Lợi	
2105	Công ty TNHH Honda Industrial	1226246	699658	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Tái sử dụng	Hệ thống Suối Tân Lợi - Suối Sâu - Suối Vũng Gấm	1365-PXL-TNMT ngày 30/06/2006

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2106	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên	1233647	701489	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	8,35	Y tế	Suối Bà Như	Suối Dầm Tư	155/GPMT-STNMT ngày 17/11/2023
2107	Chi nhánh Công ty TNHH Sanh Phát	1222850	707925	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Suối Vũng Gấm	Hệ thống Suối Tân Lợi - Suối Sâu - Suối Vũng Gấm	
2108	Công ty TNHH SX- TM Phước Phong	1223024	708311	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Suối Vũng Gấm	Hệ thống Suối Tân Lợi - Suối Sâu - Suối Vũng Gấm	101/GPMT ngày 16/8/2019
2109	Công ty Cổ phần khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico	1222541	706832	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	380	Công nghiệp	Rạch Gốc		9/GPMT-STNMT ngày 20/8/2024
2110	Công ty TNHH SX - TM Vạn Chính	1221079	690730	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Cống thoát dọc đường Nguyễn Văn Hỗn	Suối Cái	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2111	Công ty TNHH United Colormate	1231447	690037	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Cống thoát nước mưa chung trên đường ĐH410	Suối Bà Phó	
2112	Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Hồng	1222772	708052	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh hoạt	Kênh dẫn	Suối Tân Lợi	
2113	Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	1216251	689446	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Rạch Lái Thiêu	Suối Hố Đá	
2114	Công ty TNHH Gỗ Sen Tông	1228459	699345	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Tự thấm	Suối Tân Lợi	
2115	Trại Gà Hiếu Liêm	1230036	712402	Thường Tân	TP. Hồ Chí Minh	6,69	Công nghiệp	Tái sử dụng	Suối Cầu	
2116	Doanh nghiệp Tư nhân Trung Kiên (Chợ Tân Hưng)	1245026	680864	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Tự thấm	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2117	Hộ gia đình Nguyễn Văn Đấu	1256431	673978	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Suối Hố Đỏ	Suối Ông Chài	
2118	Công ty TNHH Kỹ nghệ gỗ Á Hưng	1254202	675772	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Suối Bàu Lòng	Suối Ông Chài	78/GP-STNMT cấp ngày 24/8/2021
2119	Công ty Cổ phần Sáng Tạo Bình Dương	1253761	673349	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Suối Bàu Lòng	Suối Ông Chài	90/GP-STNMT cấp ngày 11/7/2019
2120	Công ty TNHH Amedan Furniture ManufaCông tyuring	1254208	673390	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Suối Bàu Lòng	Suối Ông Chài	187/GP-STNMT cấp ngày 23/10/2020
2121	Chợ Trừ Văn Thố (Doanh nghiệp Tư nhân Trung Kiên)	1255344	678648	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	10	Dịch vụ	Suối Bàu Lòng	Suối Thôn	
2122	Công ty Cổ phần Phát Hưng	1254895	674906	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Suối Hố Đỏ	Suối Ông Chài	06/GPMT-UBND cấp ngày 18/03/2024
2123	Công ty TNHH Chế biến gỗ Triệu Phát	1255278	679081	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Suối Thôn	Suối Thôn	36/GPMT-UBND cấp ngày 02/12/2024
2124	Khu Nhà ở nông thôn mới	1247665	678586	Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối	1027/QĐ-STNMT cấp ngày 24/08/2017

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Bà Lăng – suối Ông Tề	
2125	Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su Hiệp Thành	1244394	674772	Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	200	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	280/QĐ-UBND cấp ngày 24/12/2016
2126	Công ty TNHH Paihong Việt Nam	1248124	673234	Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	440	Công nghiệp	Suối Bà Tứ	Suối Bà Tứ	79/GPMT-STNMT cấp ngày 15/07/2024
2127	Công ty TNHH Công nghiệp Zhong Ju Việt Nam	1245482	674847	Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng –	348/GPMT-BTNMT cấp ngày 26/09/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									suối Ông Tề	
2128	Công ty TNHH Chen Tai Việt Nam	1245888	674432	Bàu Bàng		1.500,00	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	129/GPMT-STNMT cấp ngày 29/09/2023
2129	Công ty TNHH Kyung Bang Việt Nam	1245652	674892	Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	4.928,00	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	2405/GPBTNMT cấp ngày 30/07/2018

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2130	Công ty TNHH dệt Đại Hào	1245829	674246	Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	292	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	Số GP 119/GPBTNMT cấp ngày 19/07/2021
2131	Công ty TNHH Polytex Far Eartern Việt Nam	1246568	674650	Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	2.565,00	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	272/GPMT-BTNMT cấp ngày 26/07/2024
2132	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phát Vinh	1236336	675922	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Thu gom nước thải bởi Công ty TNHH Đức Duy	Hệ thống Suối Bến Ván – suối	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	
2133	Công ty TNHH Happiness Group Enterprise	1236596	675678	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5,4	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	153/UBND-KT cấp ngày 08/08/2024
2134	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Mai Thành	1235536	673968	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Suối Bà Lăng	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối	567/QĐ-STNMT cấp ngày 04/06/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Ông Tề	
2135	Công ty TNHH Suất Ăn Công nghiệp Châu Thiện Mỹ	1236348	674630	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	7,7	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	
2136	Cơ sở Nước Đá Hưng Phát	1236573	674635	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Công nghiệp	Suối Cầu Cuổi	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	14/GXN-UBND cấp ngày 19/05/2017

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2137	Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn	1244259	674677	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	1.978,14	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	18/GP-UBND cấp ngày 15/08/2024
2138	Nhà máy XLNT Khu Công nghiệp Bàu Bàng	1243838	675222	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5.290,00	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	827/GPBTNMT cấp ngày 04/04/2019
2139	Công ty Cổ phần Găng Việt	1244295	674874	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	2.667,00	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối	172/GPMT-STNMT cấp ngày 31/12/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	
2140	Hộ Kinh doanh Nguyễn Thị Thúy Hằng	1241546	677404	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Công nghiệp	Tự thấm và tưới cây	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	02/GXN-UBND cấp ngày 03/04/2018
2141	Địa điểm Kinh doanh Số 2 - Công ty TNHH Dương Minh Khang Bình Dương	1241770	676986	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Công nghiệp	Thoát nước chung tuyến đường	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Ông Tề	
2142	Công ty TNHH MTV Sản xuất Gỗ Danh Thịnh	1243981	674980	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	8,32	Sinh hoạt	Thoát nước chung tuyến đường	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	32/GXN-UBND cấp ngày 25/12/2017
2143	Công ty TNHH Grandhome Stone Vina	1240891	677891	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5,05	Công nghiệp	Tái sử dụng	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	618/QĐ-STNMT cấp ngày 24/06/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2144	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Tiến Vỹ Thái	1240853	677962	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5,76	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	446/PXN-TNMT cấp ngày 19/04/2004
2145	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Tân Quảng Phát	1240206	677981	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	210	Công nghiệp	Suối Đồng Sổ (suối Xã Ván)-> Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	86/GPMT-BTNMT cấp ngày 05/04/2023
2146	Công ty TNHH An Nhiên Catering	1236869	674781	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	91,68	Công nghiệp	Suối Cầu Cuổi	Hệ thống Suối Bến Ván – suối	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	
2147	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ và Sản xuất gỗ Cao Quốc Thuận	1238935	674987	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Suối Bà Lăng	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	45/GPMT-UBND cấp ngày 30/12/2024
2148	Viện Nghiên Cứu Cao Su Việt Nam	1238481	675953	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Tưới cây cao su	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối	04/GXN-UBND cấp ngày 09/03/2018

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Ông Tề	
2149	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Sao Mai Việt	1236915	675411	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Công nghiệp	Thu gom nước thải bởi Công ty	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	18/GXN-UBND cấp ngày 11/11/2019
2150	Công ty Cổ phần Châu Ngọc Thạch	1240280	677728	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	304	Công nghiệp	Suối Đồng Sổ (Suối Xã Ván) -> Suối Bà Lăng	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	67/GPMT-STNMT cấp ngày 28/06/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2151	Công ty TNHH Phong Thạnh	1237212	675256	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	45	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	33/QĐ-STNMT cấp ngày 17/03/2020
2152	Công ty Cổ phần VLXD Becamex	1235677	671750	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	11,4	Công nghiệp	Suối Mương Đào ra Sông Thị Tỉnh	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	157/GPMT-STNMT cấp ngày 27/12/2024
2153	Công ty TNHH Việt Phúc Hưng	1237155	671402	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	12,7	Công nghiệp	Suối Bưng Thuộc ra Sông Thị Tỉnh	Hệ thống Suối Bến Ván – suối	164/GPMT-STNMT cấp ngày 06/12/2019

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	
2154	Công ty Cổ phần CIC 39 SX Bê Tông	1236436	671483	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	9,7	Công nghiệp	Suối Cầu Đôi	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	761/GPMT-STNMT cấp ngày 14/03/2013
2155	Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam- Chi nhánh Bình Dương	1239397	671550	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	28,26	Công nghiệp	Hồ chứa nội bộ	Suối Cầu Đôi	17/GXN-UBND cấp ngày 29/10/2021
2156	Công ty TNHH Chăn Nuôi Hanpork	1237609	671917	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	90	Chăn nuôi	Suối Năm Căn--> Suối Bà Lăng	Suối Cầu Đôi	49/GP-STNMT cấp ngày 14/05/2021
2157	Công ty TNHH nội thất Phương Thành Việt Nam	1240903	670812	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,8	Công nghiệp	Suối Cầu Đôi	Suối Cầu Đôi	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2158	Hộ chăn nuôi Nguyễn Thị Lý Hoa	1240686	672449	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Cầu Đôi	
2159	Hộ chăn nuôi Đào Ngọc Thịnh	1239295	671984	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,9	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Cầu Đôi	482/TB-UBND cấp ngày 29/08/2013
2160	Hộ chăn nuôi Nguyễn Thị Lan	1240643	672103	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Cầu Đôi	319/TB-UBND cấp ngày 20/11/2014
2161	Hộ chăn nuôi Khương Văn Hoàn	1240672	672203	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Cầu Đôi	26/GXN-UBND cấp ngày 31/12/2014
2162	Công ty TNHH La Party Corporation	1238342	671381	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Suối Cầu Đôi	1020/QĐ-STNMT cấp ngày 08/08/2018
2163	Công ty TNHH Duy Linh	1235851	672504	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Suối Cầu Đôi	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	21/GPMT-UBND cấp ngày 21/08/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2164	Hộ chăn nuôi Trần Văn Nam	1236374	672607	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tưới cây cao su, cây ăn trái	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	369/TB-UBND cấp ngày 18/12/2014
2165	Hộ chăn nuôi Võ Thị Ngọc Thu	1236870	672206	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	2067/UBND-KT cấp ngày 02/12/2014
2166	Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Dem	1240603	669139	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,8	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Nhà Mát	26/GXN-UBND cấp ngày 21/06/2016

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2167	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng Hợp 168	1238828	668986	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,9	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Suối Nhà Mát	178/UBND-KT cấp ngày 14/10/2024
2168	Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Hoàn	1240371	669222	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	18	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Nhà Mát	201/TB-UBND cấp ngày 12/9/2014
2169	Công ty TNHH Nội thất Hạo Bác Việt Nam	1239047	669600	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,4	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Suối Nhà Mát	
2170	Hộ Kinh doanh Song Long	1239035	669732	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Tái sử dụng trộn bê tông	Suối Nhà Mát	18/GXN-UBND cấp ngày 07/06/2017
2171	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	1240297	667805	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Suối chảy ra sông Thị Tỉnh	Suối Nhà Mát	
2172	Công ty TNHH Cơ Khí - Xây dựng Hòa Phú	1239047	669600	Phường Long Nguyên		7	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Suối Nhà Mát	1581/QĐ-STNMT cấp ngày 19/12/2019
2173	Hộ Chăn Nuôi Lê Trọng Bân	1241933	672786	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Cầu Đôi	30/GXN-UBND cấp ngày 31/12/2014
2174	Hộ Chăn Nuôi Võ Thanh Thúy	1242149	672239	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,6	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Cầu Đôi	35/TB-UBND cấp ngày 28/01/2015
2175	Hộ Chăn Nuôi Nguyễn Văn Hưng	1242460	673671	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Đòn Gánh	217/TB-UBND cấp ngày 22/9/2014

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2176	Hộ Chăn Nuôi Nguyễn Văn Nguyên	1242182	673014	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Đòn Gánh	16/GXN-UBND cấp ngày 21/06/2019
2177	Hộ chăn nuôi Nguyễn Thị Ánh Diệp	1243353	666897	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Nhà Mát	49/GXN-UBND cấp ngày 21/11/2016
2178	Hộ Chăn Nuôi Bùi Thị Kiên	1243353	666897	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,8	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Nhà Mát	59/TB-UBND cấp ngày 05/02/2015
2179	Hộ chăn nuôi Lê Thị Thu	1238632	669967	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Nhà Mát	253/UBND-KT cấp ngày 19/12/2024
2180	Hộ Chăn Nuôi Cao Văn Hóa	1241424	668278	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Tưới cây cao su	Suối Nhà Mát	136/TB-UBND cấp ngày 09/04/2015
2181	Hộ Kinh doanh Đoàn Minh Tâm	1241613	667510	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	5,72	Công nghiệp	Tái Sản xuất gạch không nung	Suối Nhà Mát	02/HKD-ĐMT cấp ngày 01/11/2022
2182	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng Hợp 168	1245943	672886	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Suối Đòn Gánh	Suối Đòn Gánh	
2183	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Hồng Văn	1253901	670090	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	24/GXN-UBND cấp ngày 01/09/2017
2184	Trang Trại Chăn Nuôi heo Lê Văn Khương	1253347	671296	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	380/TB-UBND cấp ngày 25/12/2014

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2185	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Văn Xoái	1253532	671923	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	349/TB-UBND cấp ngày 09/12/2014
2186	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Văn Xoài	1253558	671912	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	348/TB-UBND cấp ngày 09/12/2014
2187	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Văn Lương	1252803	672030	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	22/GXN-UBND cấp ngày 24/6/2020
2188	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Thị Thu Hồng	1255808	672728	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	308/TB-UBND cấp ngày 18/11/2014
2189	Trang Trại Chăn Nuôi heo Lê Thị Hồng Ngân	1256269	672853	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	15/GXN-UBND cấp ngày 04/6/2019
2190	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Ngọc Anh	1253544	672823	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	13/GXN-UBND cấp ngày 30/5/2018
2191	Trang Trại Chăn Nuôi heo Ngô Minh Tuấn	1255731	671272	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Thành	485/UBND-KT cấp ngày 11/6/2014
2192	Trang Trại Chăn Nuôi heo Ngô Hữu Hiệp	1255682	671285	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	784/UBND-KT cấp ngày 03/5/2013
2193	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Thị Huệ	1255448	670993	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	348/UBND-KT cấp ngày 26/5/2014

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2194	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Văn Phúc	1255448	670993	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	777/UBND-KT cấp ngày 03/5/2013
2195	Trang Trại Chăn Nuôi heo Võ Quốc Yên	1255238	668723	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	167/UBND-KT cấp ngày 05/5/2014
2196	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Duy Tính	1258886	666879	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Căm Xe	188/UBND-KT cấp ngày 22/01/2019
2197	Trang Trại Chăn Nuôi heo Thân Ngọc Hiếu	1253432	671703	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	542/TB-UBND cấp ngày 18/09/2013
2198	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Thị Bình	1254898	668719	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	1338/UBND-KT cấp ngày 27/04/2020
2199	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Văn Bình	1254905	668767	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	1338/UBND-KT cấp ngày 27/04/2020
2200	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Thị Thương	1252814	671375	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	1116/UBND-KT cấp ngày 04/06/2015
2201	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Văn Thới	1252814	671375	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	2099/UBNDKT
2202	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Văn Tưởng	1253491	677962	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	9	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Thôn	1974/UBND-KT cấp ngày 26/11/2014

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2203	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Thị Loan	1253402	671674	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	26/GXN-UBND cấp ngày 08/6/2016
2204	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Thanh Bình	1253402	671674	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	24/GXN-UBND cấp ngày 08/6/2016
2205	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Văn Thuy	1253350	669976	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	43/TB-UBND cấp ngày 25/4/2014
2206	Trang Trại Chăn Nuôi heo Lê Thị Kim Cúc	1253845	670726	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Ông Chài	376/TB-UBND cấp ngày 15/6/2014
2207	Trang Trại Chăn Nuôi heo Tạ Thị Hân	1253190	672024	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	01/GXN-UBND cấp ngày 06/01/2022
2208	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Hữu Thiêm	1252781	671034	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	1531/UBNDKT cấp ngày 15/07/2013
2209	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Thị An	1252846	671581	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	09/GXN-UBND cấp ngày 23/04/2021
2210	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Văn Oanh	1252846	671581	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	29/GXN-UBND cấp ngày 03/09/2020
2211	Trang Trại Chăn Nuôi heo Trần Văn Hiệp	1252878	671751	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	37/TB-UBND cấp ngày 26/3/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2212	Trang Trại Chăn Nuôi heo Nguyễn Thị Thanh Hà	1253544	672823	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	02/GXN-UBND cấp ngày 19/03/2020
2213	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Văn Tho	1252826	671424	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	28/GXN-UBND cấp ngày 31/8/2020
2214	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Công Minh	1252826	671424	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	08/GXN-UBND cấp ngày 16/4/2021
2215	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Thị Thu	1252826	671224	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	27/GXN-UBND cấp ngày 31/08/2020
2216	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Việt Hùng	1252851	671843	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	06/GXN-UBND cấp ngày 05/04/2021
2217	Trang Trại Chăn Nuôi heo Phạm Thị Ngân và Phạm Văn Lư	1252851	671843	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	03/GXN-UBND cấp ngày 02/03/2021
2218	Trang Trại Chăn Nuôi heo Vũ Văn Thiêm	1252868	671840	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn Nuôi	Tự Thấm và bơm tưới cây	Suối Bà Tứ	11/GPMT-UBND cấp ngày 18/10/2022
2219	Công ty TNHH Công nghiệp De Licacy Việt Nam	1243491	676158	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	7.775,00	Công nghiệp	Suối Bến Ván	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối	26/GPMT-UBND cấp ngày 01/03/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Bà Lăng – suối Ông Tề	
2220	Chợ Hưng Hóa (Doanh nghiệp Tư nhân Trung Kiên)	1241406	684857	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Dịch vụ	Bể chứa và thuê đơn vị đến thu gom	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	
2221	Công ty Cổ phần Gỗ Bình Định	1254235	675636	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Tự thấm	Suối Ông Chài	
2222	Công ty TNHH Đồ Gỗ Quốc Tường	1253625	674598	Trừ Văn Thố	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Tự thấm	Suối Ông Chài	
2223	Công ty Suất ăn Công nghiệp Ngọc Tú Catering	1244781	678741	Bàu Bàng	TP. Hồ Chí Minh	12,76	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ -	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									suối Bà Lăng – suối Ông Tề	
2224	Trung Tâm Y tế Bến Cát	1234758	673973	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	20	Y tế	Suối Ông Tề	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	70/GPMT-STNMT cấp ngày 27/04/2020
2225	Nhà máy Xử lý nước thải Mỹ Phước 2	1232373	675131	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	3.843,00	Công nghiệp	Suối Tre	Rạch Chồm Chồm	2829/GPMTBTNMT cấp ngày 13/11/2017
2226	Khu Nhà ở công nhân thu nhập thấp	1233987	677396	Phường Bến Cát		250	Sinh hoạt	Suối Ông Tề	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà	1473/QĐ-STNMT cấp ngày 30/10/2018

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Lăng – suối Ông Tề	
2227	Công ty TNHH xưởng giấy Chánh Dương	1232027	674406	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	9.733,00	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Rạch Chồm Chổm	3394/GPMTBTNMT cấp ngày 28/12/2017
2228	Khu dân cư Mỹ Phước 4 - Khu A	1233049	674767	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Rạch Chùm Chùm	Rạch Chồm Chổm	889/STNMT-CCBVMT cấp ngày 05/3/2018
2229	Công ty TNHH Sakai Chemical Việt Nam	1231776	680927	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	1.100,00	Công nghiệp	Suối Bến Trắc	Rạch Bến trắc	44/GPMT-UBND cấp ngày 22/12/2021
2230	Công ty TNHH MTV Liên hợp Khoa học - Công nghệ - Môi trường BIWASE	1235822	681254	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	935	Công nghiệp	Suối Ông Tề	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	292/GPMTBTNMT cấp ngày 08/8/2024
2231	Nhà máy chế biến cao su Cua Paris	1236627	683267	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	1.900,00	Công nghiệp	Suối Ông Tề	Hệ thống Suối Bến Ván –	160/GPMT-STNMT cấp ngày 31/12/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	
2232	Khu nhà ở Thương mại Chánh Phú Hoà (Richhome 1)	1234750	682789	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Suối Tre	Rạch Bến trắc	3435/STNMT-CCBVMT cấp ngày 03/8/2018
2233	Trường Đại học Việt Đức	1228771	676032	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	187,5	Sinh hoạt	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến trắc	101/GPMT-STNMT cấp ngày 26/09/2024
2234	Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	1227663	680752	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7.000,00	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Suối Cái	2722/GPBTNMT cấp ngày 06/11/2017
2235	Trạm xử lý nước Thải KCN Mỹ Phước 3-1	1229827	678587	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	3.900,00	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến trắc	32/GP-BTNMT cấp ngày 04/03/2020
2236	Trạm xử lý nước Thải KCN Mỹ Phước 3-2	1229222	676989	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	2.967,00	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến trắc	32/GP-BTNMT cấp ngày 04/03/2020
2237	Trạm xử lý nước Thải KCN Mỹ Phước 3-3	1226635	677760	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	2.424,00	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân	32/GP-BTNMT cấp ngày 04/03/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Định - Suối Cầu Định	
2238	Trạm xử lý nước Thải KCN Mỹ Phước 3-4	1227649	677686	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	1.742,00	Công nghiệp	Rạch Cây Bần	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	32/GP-BTNMT cấp ngày 04/03/2020
2239	Hộ Kinh doanh Vòng Nhọc Lan	1221729	679299	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2240	Công ty TNHH Hàn Việt Phát	1222596	679452	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Công nghiệp	Suối Cầu Định	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Cầu Định	
2241	Công ty TNHH Yow Gaol EleCông tyrical Enterprises Việt Nam	1221409	678840	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hồ sinh học	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	508/UBND-KT cấp ngày 02/03/2012
2242	Công ty TNHH Tỷ Dương	1222118	679108	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	7,68	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	
2243	Công ty TNHH Bao Bì Thuy Cát	1221853	679290	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2244	Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất - Dịch vụ Trường Lộc	1221322	679138	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	27/GXN-UBND cấp ngày 08/06/2017
2245	Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất - Dịch vụ Pure World Holding	1221916	679178	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	6,16	Sinh hoạt	Sông Bưng Cầu	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	03/GXN-UBND cấp ngày 08/06/2017
2246	Trường Trung Học Cơ Sở Bình Phú	1220936	678982	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	83,2	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2247	Công ty Cổ phần Vinamit	1221161	678938	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	23,08	Công nghiệp	Suối Bưng Cầu	Hệ thống Suối Giữa - Suối	166/GP-STNMT cấp ngày 22/09/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2248	Công ty TNHH MTV Cầu Hồng	1222570	677946	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	25/GXN-UBND cấp ngày 26/05/2017
2249	Công ty TNHH Thực phẩm Nguyễn Hưng	1223473	679179	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,08	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	
2250	Trường Tiểu Học Tân Định	1222950	677928	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	68,58	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2251	Công ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng ToShiBa Việt Nam	1222200	678041	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	4572/UBND cấp ngày 23/10/2023
2252	Công ty TNHH Sản xuất và Xuất Khẩu Gốm Mỹ Nghê Long Trường	1223222	678503	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	24,25	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	731/QĐ-STNMT cấp ngày 30/03/2015
2253	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Nguyễn Lê Ngọc	1222009	678733	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,28	Công nghiệp	Hồ chứa - Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	17/GXN-UBND cấp ngày 11/04/2016

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2254	Công ty TNHH Gốm Vương Hùng Phát	1223407	678715	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	896/TNMT-MT cấp ngày 20/08/2009
2255	Công ty Cổ phần Hoàng Gia Tân Định	1221978	678252	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	318,55	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	513/QĐ-STNMT cấp ngày 01/06/2022
2256	Phân xưởng Sản xuất gốm Sứ Xuất Nhập Khẩu II - Công ty TNHH Minh Phương	1222128	677926	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng cho nhà vệ sinh	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	37/GXN-UBND cấp ngày 10/08/2017

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2257	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Gốm Sứ Lý Phát	1223165	678637	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	06/GXN-UBND cấp ngày 07/02/2017
2258	Trường Trung Cấp Kinh Tế Bình Dương	1221614	678611	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	28,99	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2259	Công ty TNHH S & B Fashion	1223421	677575	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	7,04	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Cầu Định	
2260	Công ty TNHH Haksan Vina	1222944	677848	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	70	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	3775/GXN-STNMT cấp ngày 14/11/2014
2261	Công ty TNHH Đồ Gỗ Gia Dụng Màu Xanh	1223977	677017	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	28/GXN-UBND cấp ngày 09/04/2007
2262	Công ty TNHH Đỗ Gỗ Du Duê	1223664	677352	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	12,2	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	06/GXN-UBND cấp ngày 28/01/2016

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2263	Công ty TNHH Ánh Sao Mai	1223810	677128	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	1000/TB-UBND cấp ngày 22/12/2015
2264	Công ty TNHH Hương Mộc	1223216	677773	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,84	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	33/GXN-UBND cấp ngày 24/08/2016
2265	Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	1224117	676336	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	900	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	10/GPMT-BTNMT cấp ngày 19/01/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2266	Công ty TNHH Xin Rang Hua	1223614	677339	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	
2267	Công ty TNHH Giấy Thuận An	1223475	676754	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Sinh hoạt	Sông Thị Tính	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	761/QĐ-STNMT cấp ngày 13/06/2018
2268	Chi nhánh Công ty TNHH Gốm Sứ Minh Phát - CN xưởng Sản xuất Minh Nhật	1223523	676789	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	419/QĐ-STNMT cấp ngày 06/07/2011

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2269	Công ty TNHH Hồng Nhật Triều Quân Việt Nam	1224044	676705	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	19,2	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	
2270	Công ty TNHH Jun Hoàng	1223954	676980	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	20,3	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	347/UBND-KT cấp ngày 26/01/2022
2271	Công ty TNHH Công Nghệ Jiaxin (YinHuaXing) Việt Nam	1224192	677603	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	9,48	Công nghiệp	Tự thấm và tái sử dụng	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	3388/GXN-STNMT cấp ngày 09/07/2019

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2272	Công ty TNHH GP Solutions	1224081	676518	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	11,25	Sinh hoạt	Bồn chứa - Tưới cây trong khuôn viên	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	Số GP 77/GXN-UBND cấp ngày 29/12/2017
2273	Hộ Kinh doanh Cơ Sở Sản xuất Gốm Thành Thái	1226281	679796	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	
2274	Công ty TNHH Mỹ Nghệ Vàng	1226047	679638	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2275	Địa điểm Kinh doanh - Công ty TNHH MTV Lê Trung Chính	1225087	677686	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	16,1	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	
2276	Hộ Kinh doanh Cơ Sở Đại Minh	1225022	678644	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	43/GXN-UBND cấp ngày 25/08/2017
2277	Công ty TNHH Kim Linh Vina	1224928	678603	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2278	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại He Vi	1225310	677379	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	9,86	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	234/TB-UBND cấp ngày 09/10/2014
2279	Công ty TNHH SX Gốm Chấn Nguyên Phát	1226252	680021	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	
2280	Công ty Cổ phần Việt Hùng	1225182	677232	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2281	Công ty TNHH Sản xuất đồ gỗ nội thất Merrill	1225797	678743	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	8,58	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	
2282	Công ty TNHH Ninh Sơn	1223814	680883	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh Hoạt	Tự Thấm	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	162/GP-UBND cấp ngày 08/02/2018
2283	Công ty Cổ phần Tân Thanh	1223381	680968	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	70,77	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước tập trung - Suối Giữa - Rạch Bà Cô	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định -	32/GPMT-STNMT cấp ngày 28/02/2025

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Cầu Định	
2284	Công ty TNHH Giấy Vĩnh Nghĩa	1225691	681837	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	190	Sinh Hoạt	Kênh Hòa Lợi - Suối Giữa	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	30/GP-UBND cấp ngày 30/03/2020
2285	Công ty Cổ phần Dược Phẩm MeDiSun	1229377	681565	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Tự Thấm	Rạch Bến trắc	
2286	Công ty TNHH Việt NamGạch Men Thạch Anh Vicera	1228913	681448	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	110	Công nghiệp	Tuần Hoàn Tái Sử Dụng	Suối Cái	990/QĐ-UBND cấp ngày 14/02/2007
2287	Công ty TNHH Ý Thiên	1226909	681404	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Tuần Hoàn Tái Sử Dụng	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	139/GXN-UBND cấp ngày 13/11/2007

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2288	Khu Nhà Ở Thương mại Thuận Lợi	1229784	682632	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh Hoạt	Tự Thấm	Suối Cái	4224/STNMT-CCBVMT cấp ngày 14/9/2018
2289	Công ty TNHH Quân Thanh	1228516	681156	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh Hoạt	Tự Thấm	Rạch Bến trắc	
2290	Công ty TNHH Chen Yuau	1230749	682190	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sinh Hoạt	Tự Thấm	Suối Tre	
2291	Công ty TNHH Eschbach	1221807	679620	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	17,28	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	174/PXN-TNMT cấp ngày 26/01/2005
2292	Nhà máy XLNT Mỹ Phước 1 Tái Định Cư	1229365	674238	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	2.626,00	Sinh hoạt	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến trắc	
2293	Trung Tâm Bảo Trợ Xã Hội Chánh Phú Hòa	1236021	682303	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	320	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng –	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									suối Ông Tề	
2294	Cơ sở cấp xuất ăn Công nghiệp (Công ty TNHH SX & TM Phước Thành)	1225891	677418	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Rạch Cây Bần - Sông Thị Tính	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	06/GPMT-UBND cấp ngày 14/06/2024
2295	Công ty Cổ phần Gia Vị Việt Nam	1234602	673581	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Hệ thống Suối Bến Ván – suối Đồng Sổ - suối Bà Lăng – suối Ông Tề	71/GP-STNMT
2296	Công ty TNHH Bao Bì Thống Kiệt	1229495	676243	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,8	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến Trắc	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2297	Công ty TNHH Công nghiệp Việt Hữu	1229412	676178	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến Trắc	5494/STNMT-CCBVMT cấp ngày 19/12/2017
2298	Công ty TNHH Luyện Thép Cán Thép Hồng Cường	1228841	677567	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến Trắc	07/GPMT-STNMT cấp ngày 10/01/2025
2299	Công ty TNHH Thép Quang Thắng	1228495	678386	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến Trắc	
2300	Công ty TNHH Thép Quyền Quyền	1228493	678357	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến Trắc	
2301	Công ty TNHH Thép Thu Phương	1229144	678204	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Rạch Bến Trắc	Rạch Bến Trắc	
2302	Công ty TNHH MTV TM DV Ôtô Hạnh phúc	1230418	676215	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Bến Ván – Suối Đồng Sổ - Suối Bà Lăng – Suối Ông Tề	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2303	Công ty Cổ phần Gia Vị Việt Nam	1235006	673649	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Rạch Bến Trắc	71/GP-STNMT
2304	Công ty TNHH MTV Nhang Hương Bảo	1233258	677851	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Công thoát chung	Rạch Bến Trắc	
2305	Công ty TNHH MTV SX TM DV Ngọc Anh	1231689	681500	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Công nghiệp	Tự thấm	Rạch Bến Trắc	
2306	Suất ăn Công nghiệp ACE FOODS	1231686	681249	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Tự thấm	Rạch Bến Trắc	
2307	Suất ăn Công nghiệp Miền Quê	1231709	681258	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Tự thấm	Rạch Bến Trắc	
2308	Công ty TNHH TMDV Ngân Phát	1232948	680293,5	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Tự thấm	Rạch Bến Trắc	
2309	Công ty TNHH An Phú Hòa	1232660	681664	Phường Chánh Phú Hoà	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Tự thấm	Rạch Bến Trắc	
2310	Hộ chăn nuôi Nguyễn Kim Bích	1241091	657259	Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Ao, hồ tự thấm	Suối Xuy Nô	
2311	Hộ chăn nuôi Nguyễn Thanh Sang	1239206	660968	Phường Tây Nam	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Chăn nuôi	Ao, hồ tự thấm	Suối Xuy Nô	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2312	Công ty TNHH Hoàng Kim Thịnh	1250821	657362	Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Rạch Thằng Nô - Sông Thị Tính	Suối Hàng Nù	
2313	Hộ chăn nuôi Phạm Xuân Dương	1254046	657576	Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Ao, hồ tự thấm	Suối Cốm	
2314	Hộ chăn nuôi Huỳnh Văn Nhung	1249543	659752	Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Ao, hồ tự thấm	Suối Hàng Nù	
2315	Hộ chăn nuôi Đỗ Thị Thục	1254006	657400	Thanh An	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Ao, hồ tự thấm	Suối Cốm	
2316	Trung tâm Y tế huyện Dầu Tiếng	1248764	651943	Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	55	Y tế	Suối Cầu Đúc - Suối Cát	Suối Cát (Dầu Tiếng)	07/GP-UBND cấp ngày 18/01/2016
2317	Bệnh viện Đa khoa Cao su Dầu Tiếng	1248031	648714	Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	19	Y tế	Cống thoát nước đô thị - Sông Sài Gòn	Suối Cát (Dầu Tiếng)	183/GP-UBND cấp ngày 11/11/2022
2318	Trang trại chăn nuôi heo Lê Xuân Cường	1262858	659986	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bát	
2319	Trang trại chăn nuôi heo Bùi Xuân Nam	1258892	661042	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bát	
2320	Trang trại nuôi heo Đỗ Văn Cường	1256286	659132	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bát	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2321	Công ty TNHH Cao Su Minh Tân	1259988	660959	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	80	Công nghiệp	Suối Cua Đinh	Suối Bát	
2322	Trang trại nuôi heo Nguyễn Văn Nam	1258901	660984	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bát	
2323	Trang trại chăn nuôi heo Chu Đức Chương	1261983	663189	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Cái Liêu	
2324	Trang trại chăn nuôi heo + gà Nguyễn Văn Trứ	1257551	661345	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bát	
2325	Trang trại nuôi heo Phạm Văn Dương (Quang Dương)	1246008	659289	Phường Tây Nam	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Hàng Nù	
2326	Trang trại nuôi heo Trần Tốt Anh	1248098	659459	Phường Tây Nam	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Hàng Nù	
2327	Trang trại nuôi heo Nguyễn Văn Tân	1251122	667382	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Đá Yêu	
2328	Trang trại nuôi heo Nguyễn Tư Bình	1253370	669982	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Ông Chài	
2329	Trang trại nuôi heo Nguyễn Chí Thanh	1252972	668345	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Ông Chài	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2330	Trang trại nuôi heo Nguyễn Thanh Kiều	1251449	667829	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Tứ	
2331	Trang trại nuôi heo Nguyễn Văn Như	1251272	667434	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Đá Yêu	
2332	Trang trại nuôi heo Nguyễn Thị Thu Trang	1251143	667521	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Đá Yêu	
2333	Trang trại nuôi heo Đinh Văn Huấn	1247610	669050	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Nhà Mát	
2334	Trang trại nuôi heo Bùi Đức Thắng	1246505	669133	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Nhà Mát	
2335	Trang trại nuôi heo Nguyễn Văn Cương	1246230	669073	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Nhà Mát	
2336	Trang trại nuôi heo Lê Thị Minh	1245936	667831	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Nhà Mát	
2337	Trang trại nuôi heo Lê Văn Châu	1244694	668575	Phường Long Nguyên	TP. Hồ Chí Minh	9	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Nhà Mát	
2338	Trang trại nuôi heo Lưu Văn Thanh	1247364	666817	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Hồ Muồng	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2339	Trang trại nuôi heo Nguyễn Hoàng Vũ	1248620	667243	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Hồ Muồng	
2340	Nhà máy xử lý nước thải KCN Bàu Bàng mở rộng	1248981	670875	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	4.000,00	Công nghiệp	Sông Bà Tứ	Suối Bà Tứ	189/GPMT-BTNMT cấp ngày 30/5/2024
2341	Trang trại nuôi heo Nguyễn Thị Định	1254748	662621	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2342	Trang trại nuôi heo Nguyễn Văn Thành	1244993	666276	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Hồ Muồng	
2343	Trang trại nuôi heo Nguyễn Thị Phương Lan	1245017	666392	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Hồ Muồng	
2344	Trang trại nuôi heo Phạm Thị Hanh	1246199	669093	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Nhà Mát	
2345	Trang trại nuôi heo Nguyễn Thanh Hùng	1251285	667558	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Đá Yêu	
2346	Trang trại nuôi heo Lê Thị Kim Phượng	1261808	663752	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Cái Liêu	
2347	Trang trại nuôi heo Bùi Thanh Hải	1261490	666974	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2348	Trang trại nuôi heo Huỳnh Minh Thuận	1266280	667558	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2349	Trang trại nuôi heo Bùi Văn Thân	1266093	667980	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2350	Trang trại nuôi heo Định Thị Dung (Nụ)	1266177	667886	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2351	Trang trại nuôi heo Thái Thị Tho	1266260	667509	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2352	Trang trại nuôi heo Đinh Thị Nụ	1266191	667465	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2353	Trang trại nuôi heo Nguyễn Văn Thảnh	1266224	667713	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2354	Trang trại nuôi heo Vũ Văn Tính	1265996	667942	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2355	Trang trại nuôi heo Vũ Thị Thanh Thảo	1268156	670966	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2356	Trang trại nuôi heo Vũ Thị Ba	1266877	665197	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Lồ ồ	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2357	Trang trại nuôi heo Lê Thị Bích Thuỷ	1264011	664529	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Cái Liêu	
2358	Trang trại nuôi heo Vũ Thị Ba	1268017	669942	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	9	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2359	Trang trại nuôi heo Phạm Thị Minh	1260905	665359	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2360	Trang trại nuôi heo Vũ Thị Thanh Thảo	1268451	669374	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2361	Trang trại nuôi heo Võ Bá Thành	1267801	669942	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	9	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Bà Và	
2362	Nhà máy chế biến cao su Long Hoà	1252112	660913	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	523	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Suối Căm Xe	189/GPMT-STNMT cấp ngày 27/6/2024
2363	Công ty TNHH MTV Tuynel Tân Đức	1254283	661378	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Sông Thị Tính	Suối Căm Xe	36/GP-STNMT cấp ngày 25/5/2019
2364	Trang trại chăn nuôi Đỗ Đức Đào	1255975	663657	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2365	Trang trại chăn nuôi heo Nguyễn Thanh Sơn	1250031	663755	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	23	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Hố Đỏ	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2366	Trang trại chăn nuôi vịt Hồ Tới Lẹ	1255354	663032	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2367	Trang trại chăn nuôi heo Đào Dương Thanh Huệ	1255977	663595	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2368	Trang trại chăn nuôi heo Lê Văn Bảo	1255939	663466	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2369	Trạm thu gom phân loại heo Nguyễn Thị Ngọc Thuý	1257052	663960	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2370	Trang trại chăn nuôi heo Ngô Thanh Bền	1254850	662692	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2371	Trang trại chăn nuôi heo Phạm Văn Cao	1255021	662826	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2372	Trang trại chăn nuôi heo Nguyễn Thị Nguyệt Nga	1254708	662616	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2373	Trang trại chăn nuôi heo Nguyễn Văn Trứ	1255711	663230	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2374	Trang trại chăn nuôi heo Phạm Thành Đông	1255195	662945	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2375	Trang trại chăn nuôi heo Hồ Chí Thông	1254605	662563	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2376	Trang trại chăn nuôi heo Đinh Chí Tâm	1254692	662590	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2377	Trang trại chăn nuôi heo Ngô Văn Khánh	1254877	662717	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2378	Trang trại chăn nuôi heo Mạc Đăng Khoa	1254905	662883	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	9	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2379	Trang trại chăn nuôi heo Nguyễn Huỳnh Diễm Trâm	1255975	663500	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2380	Trang trại chăn nuôi heo Vũ Thành Long	1255337	663064	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2381	Trang trại chăn nuôi heo Nguyễn Thị Thua	1256066	665442	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2382	Trang trại chăn nuôi heo Nguyễn Văn Hoàng	1251662	660992	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Căm Xe	
2383	Trang trại chăn nuôi gà Nguyễn Văn Hoàn	1267728	660043	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Cái Liêu	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2384	Trang trại chăn nuôi heo Bùi Thị Hiền	1267214	660182	Minh Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	6	Chăn nuôi	Tự thấm	Suối Cái Liêu	
2385	Khu Công nghiệp Bình Đường - Tổng Công ty XNK TM Thanh Lễ	1202401	691528	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	100	Công nghiệp	Rạch Gò Dưa	Suối Nhum	08/GPMT-BTNMT cấp ngày 15/01/2024
2386	Khu nhà ở Đa năng Sen Hồng	1203076	691201	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Rạch Gò Dưa	Suối Nhum	20/GP-UBND cấp ngày 18/01/2017
2387	Khu căn hộ Phú Đông An Bình	1203116	691492	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	155	Sinh hoạt	Nhà máy xử lý nước thải Dĩ An	Suối Nhum	
2388	Chung cư An Bình - Bcon Poligon	1202980	691162	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	280	Sinh hoạt	Mương nước Cầu Gió Bay, rạch Gò Dưa	Suối Nhum	51/GPMT-STNMT cấp ngày 07/07/2022
2389	Khu dân cư Him Lam Phú Đông	1202324	691667	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	152	Sinh hoạt	Cống thoát nước chung, rạch Gò Dưa	Suối Nhum	35/GP-UBND cấp ngày 01/11/2021
2390	Công ty TNHH Ôtô Mishubisi Việt Nam	1203010	690877	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	174	Công nghiệp	Rạch Gò Dưa	Suối Nhum	56/GPMT-BTNMT cấp ngày 04/06/2024
2391	Chung cư Ôpal - Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh BĐS Hà An	1202519	692476	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	380	Sinh hoạt	Rạch Gò Dưa	Suối Nhum	82/GPMT-STNMT cấp ngày 11/11/2022
2392	Công ty TNHH Bệnh viện Đa Khoa Hoàn Hảo	1202622	692555	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	40	Y tế	Rạch Gò Dưa	Suối Nhum	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2393	Chung cư An Bình Dĩ An Bình Dương	1202857	691985	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	160	Sinh hoạt	Gom chuyển nhà máy xử lý nước thải Dĩ An	Suối Nhum	
2394	Khu căn hộ Phú Đông Premier	1202708	691827	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	175	Sinh hoạt	Gom chuyển nhà máy xử lý nước thải Dĩ An	Suối Nhum	101/CV-NTDA cấp ngày 06/08/2020
2395	Công ty TNHH Dịch vụ BĐS và Xây dựng Hoàng Nam - Chung cư Honas residence	1206905	696576	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	110	Sinh hoạt	Đấu nối vào hệ thống nhà máy xử lý nước thải Dĩ An	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	62/GP-STNMT cấp ngày 15/06/2021
2396	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Tân	1205135	696397	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung	Suối Lồ ồ	197/GP-STNMT cấp ngày 24/09/2010
2397	Khu Công nghiệp Dệt may Bình An - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	1205364	698910	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	100	Công nghiệp	Rạch Bà Hiệp	Rạch Bà Khâm	16/GP-STNMT cấp ngày 19/01/2023
2398	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thiên Nam	1205213	698651	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	80	Công nghiệp	Rạch Bà Hiệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	16/GP-STNMT cấp ngày 19/01/2023
2399	Nhà máy Nông dược Bình Dương	1205814	698073	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14,5	Công nghiệp	Rạch Bà Hiệp	Suối Lồ ồ	08/GP-STNMT cấp ngày 11/01/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2400	Công ty TNHH Thaco Auto tải, bus TPhường Hồ Chí Minh	1204485	698479	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Rạch Đồng Tâm, sông Đồng Nai	Suối Bình Thắng	20/GPMT-UBND cấp ngày 04/10/2024
2401	Công ty TNHH Redbull Việt Nam	1205327	699011	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	215	Công nghiệp	Rạch Đồng Tròn	Rạch Bà Khâm	319/GPMT-BTNMT cấp ngày 28/11/2022
2402	Khu Công nghiệp Sóng Thần 1 - Tổng Công ty XNK TM Thanh Lễ	1205007	690489	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	3.000,00	Công nghiệp	Kênh Ba Bò, rạch Vĩnh Bình	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	448/GPMT-BTNMT cấp ngày 13/11/2023
2403	Khu Công nghiệp Sóng Thần 2 - Công ty Cổ phần Đại Nam	1204504	689812	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	5.382,00	Công nghiệp	Kênh Ba Bò, rạch Vĩnh Bình	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	1399/GP-BTNMT cấp ngày 14/07/2014
2404	Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam	1206932	690609	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	155	Công nghiệp	Kênh Ba Bò, rạch Vĩnh Bình	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	107/GP-UBND cấp ngày 11/11/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2405	Chung cư Đông Tân - Bcons Sala	1207574	692663	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	160	Sinh hoạt	Hệ thống gom nước thải thành phố	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	
2406	Chung cư Bcons Garden	1206715	691528	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	490	Sinh hoạt	Hệ thống gom nước thải thành phố	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	30/CV-NTDA cấp ngày 07/05/2022
2407	Trung tâm Thương mại Vincom Dĩ An	1206886	690193	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	15	Dịch vụ	Hệ thống gom nước thải thành phố	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	
2408	Chung cư Charm City	1206764	690303	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	500	Sinh hoạt	Hệ thống gom nước thải thành phố	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	65/CV-NTTA cấp ngày 28/06/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2409	Chung cư Charm Plaza	1206918	690305	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	140	Sinh hoạt	Hệ thống gom nước thải thành phố	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	
2410	Chợ Dĩ An	1206736	693346	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	6	Dịch vụ	Kênh Ba Bò, rạch Vĩnh Bình	Suối Nhum	
2411	Chung cư Bcons Suối Tiên	1203364	697605	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	230	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Suối Bình Thắng	97/GP-UBND cấp ngày 29/09/2020
2412	Chung cư Bcons Miền Đông	1203432	697655	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	320	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Suối Bình Thắng	17/GP-UBND cấp ngày 09/05/2021
2413	Công ty TNHH BĐS Đức Huy	1205020	695547	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Suối Lồ ồ	106/GP-STNMT cấp ngày 15/12/2021
2414	Công ty TNHH Spring Vina	1205601	694365	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước thành phố	Suối Nhum	
2415	Công ty Cổ phần BĐS Việt Nhật Chi nhánh Bình Dương- GO Dĩ An	1205137	696396	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	100	Dịch vụ	Cống QL1A, suối Nhum	Suối Lồ ồ	108/GP-STNMT cấp ngày 29/08/2019
2416	Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Tiến	1209951	692378	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước thành phố	Suối Cây Trường	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2417	Chi nhánh Công ty TNHH Phạm Tôn	1210500	693597	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Suối nhỏ, Rạch Ông Tiếp	Suối Sâu Tân Thắng	42/GP-UBND cấp ngày 01/06/2018
2418	Công ty Cổ phần Đất Mới - KDC Đất Mới	1210370	691619	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	450	Sinh hoạt	Suối Tư Ngời, Rạch ông Tiếp	Suối Cây Trường	43/GP-UBND cấp ngày 16/12/2021
2419	Công ty TNHH Liên Anh	1210309	691596	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Suối Tư Ngời, Rạch ông Tiếp	Suối Cây Trường	34/GP-UBND cấp ngày 01/11/2021
2420	Công ty TNHH MTV Giết mổ gia súc Tân Bình	1210518	693577	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Suối nhỏ, Rạch Ông Tiếp	Suối Sâu Tân Thắng	
2421	Khu Công nghiệp Phường Tân Đông Hiệp A (Dapark)	1206635	694655	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	350	Công nghiệp	Suối Siệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	123/GP-UBND cấp ngày 04/12/2018
2422	Nhà máy Xử lý nước thải Dĩ An	1208266	694923	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	15.040,00	Sinh hoạt	Kênh T4, Suối Siệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	2968/GP-BTNMT cấp ngày 20/11/2019
2423	Công ty TNHH Đông Nam	1209160	690613	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	88	Công nghiệp	Suối Siệp	Hệ thống Rạch Lái	156/GP-STNMT cấp ngày 25/11/2019

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	
2424	Công ty TNHH Vina Chang Tai	1207580	694974	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Suối Siệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	32/GP-STNMT cấp ngày 17/03/2022
2425	Công ty TNHH gỗ Tiến Thuận	1207464	691188	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Suối Siệp	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	02/GPMT-UBND cấp ngày 30/01/2024
2426	Khu Công nghiệp Phường Tân Đông Hiệp B	1207976	695072	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	870	Công nghiệp	Suối Siệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	100/GP-UBND cấp ngày 16/10/2020
2427	Công ty TNHH Poongin Vina	1208194	690973	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Kênh Ba Bò	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2428	Công ty TNHH Vĩnh Xuân	1207776	691022	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Kênh thải chung	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	21/GPMT-UBND cấp ngày 04/12/2024
2429	Công ty TNHH Tân Thành Đạt	1208308	690850	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Kênh Ba Bò	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	56/GP-STNMT cấp ngày 01/06/2021
2430	Công ty Cổ phần Maruichi SUN STEEL (A)	1207332	694062	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	69	Sinh hoạt	Suối Xiệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	14/GPMT-STNMT cấp ngày 18/01/2023
2431	Công ty Cổ phần Maruichi SUN STEEL (B)	1207129	694389	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	673	Công nghiệp	Suối Xiệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	14/GPMT-STNMT cấp ngày 18/01/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2432	Nhà máy kính tiết kiệm năng lượng - Công ty kính nổi Viglacera	1209626	691237	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Rạch Ông Tiếp	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	02/GPMT-STNMT cấp ngày 20/03/2025
2433	Công ty kính nổi Viglacera	1209373	691123	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Suối Ông Ngởi	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	39/GPMT-STNMT cấp ngày 03/04/2023
2434	Trung tâm y tế thành phố Dĩ An	1207013	694570	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	30	Y tế	Suối Siệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	212/GP-STNMT cấp ngày 09/12/2020
2435	Công ty TNHH thép Samina	1210148	694478	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Suối Sâu Tân Thắng	Suối Sâu Tân Thắng	17/GPMT-STNMT cấp ngày 23/01/2025
2436	Công ty TNHH Xe Đạp Bình Minh	1209798	691048	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Xã theo đường thoát nước mưa	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2437	Công ty Cổ phần Mỹ Nghệ Gỗ Long Việt	1208563	690915	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Suối Siệp	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	54/GPMT - UBND cấp ngày 24/6/2025
2438	Công ty TNHH Doanh Đức	1209358	691396	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Xã theo đường thoát nước mưa	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	
2439	Công ty TNHH MTV Phú Kiệt Phát	1207546	694552	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,7	Sinh hoạt	Suối Siệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	
2440	Công ty TNHH MTV Gỗ An Việt	1208784	694261	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Suối Siệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2441	Công ty TNHH Công nghiệp Mean Young	1207747	692600	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Suối Nhum	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	
2442	Trung tâm Y tế Khu vực Dĩ An (Bệnh viện Đa Khoa Dĩ An)	1207018	694569	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	35	Y tế	Suối Siệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	212/GPMT - STNMT cấp ngày 09/12/2020
2443	Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	1206642	694757	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	78	Công nghiệp	Rạch Bà Hiệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	
2444	Công ty TNHH TM DV Yong Sheng	1205414	693641	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Suối Nhum	Suối Nhum	
2445	KTX Sinh viên Khu B ĐH QG TP.Hồ Chí Minh	1204343	694464	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	3.300,00	Sinh hoạt	Suối Nhum	Suối Nhum	
2446	Nhà Hàng Hai Tùng	1206004	693292	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	9	Dịch vụ	Suối Nhum	Suối Nhum	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2447	Trung Tâm Thương mại Go Dĩ An	1204806	694013	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	100	Dịch vụ	Suối Nhum	Suối Nhum	108/GPMT -STNMT cấp ngày 29/8/2024
2448	Công ty Cổ phần Vật Liệu Và Xây dựng Bình Dương	1206860	695646	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Suối Siệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	
2449	Công ty TNHH Du Lịch Thủy Châu	1206045	698666	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	130	Dịch vụ	Rạch Bà Hiệp	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	
2450	Công ty TNHH Sản xuất Đài Khanh	1205624	697975	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Xã theo đường cống thoát nước	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	2980/UBND-KT cấp ngày 08/11/2018
2451	Khu nhà ở Thương mại Phú Hồng Thịnh VI	1206312	696079	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	90	Sinh hoạt	Rạch Bà Hiệp	Suối Lồ ồ	
2452	Khu nhà ở Thương mại Phú Hồng Thịnh IX	1206291	696446	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	90	Sinh hoạt	Rạch Bà Hiệp	Suối Lồ ồ	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2453	Khu nhà ở Thương mại Phú Hồng Thịnh X	1206380	696146	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Rạch Bà Hiệp	Suối Lồ ồ	
2454	Công ty Cổ phần khoáng sản miền Đông AHP	1251313	703265	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	2.000,00	Công nghiệp	Suối Rạc	Suối Rạt	259/GPMT-BTNMT cấp ngày 29/09/2023
2455	Hộ Kinh doanh Nguyễn Chí Đồng	1252895	697827	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Nước Vàng	143/GPMT-UBND cấp ngày 12/09/2023
2456	Công ty TNHH Top Asian Việt Nam	1251780	701846	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Suối Rạc, sông Bé	Suối Rạt	135/GPMT-UBND cấp ngày 06/11/2024
2457	Hộ Kinh doanh Trần Minh Mạnh	1258689	700306	Phú Giáo		8	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Giai	
2458	Hộ Kinh doanh Nguyễn Ngọc Trầm	1250370	704082	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Hồ chứa, ngấm	Suối Rạt	
2459	Nguyễn Thị Thu	1256719	687514	An Long	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Cái	122/GXN-UBND cấp ngày 27/06/2019
2460	Lê Thị Phẩm	1255029	684360	An Long	TP. Hồ Chí Minh	11	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Thôn	
2461	Hộ Kinh doanh Trang trại nuôi gia súc Châu Phê	1257663	683005	An Long	TP. Hồ Chí Minh	11	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Thôn	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2462	Hộ Kinh doanh Hồ Văn Phiền	1257327	683303	An Long	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Thôn	
2463	Hộ Kinh doanh nhà trọ Mến	1238932	688259	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hồ nội bộ gia đình, tự ngấm	Suối Đồng Chinh	90/GXN-UBND cấp ngày 15/04/2021
2464	Công ty Cổ phần gạch ngói Đồng Nai	1239468	688155	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	7,2	Công nghiệp	Suối Đồng Chinh	Suối Đồng Chinh	03/GPMT-STNMT cấp ngày 08/01/2025
2465	Công ty Cổ phần SX DV XNK Hà Nội	1241195	687712	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	23	Công nghiệp	Suối Hàn	Suối Đồng Chinh	61/GP-STNMT cấp ngày 15/06/2021
2466	Hộ Kinh doanh nhà trọ Anh Quốc	1238431	688188	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Sinh hoạt	Hồ nội bộ gia đình, tự thấm	Suối Đồng Chinh	94/GXN-UBND cấp ngày 15/05/2019
2467	Công ty TNHH Liên Nghị	1254511	693356	Phước Thành	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Suối nước Trong	Suối Giai	50/GP-STNMT cấp ngày 21/04/2023
2468	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Toàn Năng	1248266	704096	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Tái sử dụng	Suối Rạt	84/GP-STNMT cấp ngày 03/07/2014
2469	Hộ Kinh doanh Nguyễn Thị Thu Trang	1245364	709062	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	100	Chăn nuôi	Bơm tưới cây	Suối Mã Đà	2037/TTKKNHCông ty H cấp ngày 01/08/2024
2470	Hộ Kinh doanh Trần Thị Lý	1246599	708397	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	150	Chăn nuôi	Bơm tưới cây	Suối Mã Đà	2225/TTKKNHCông ty H cấp ngày 19/08/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2471	Hộ Kinh doanh Nguyễn Đức Thắng	1246808	708613	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	45	Chăn nuôi	Bơm tưới cây	Suối Mã Đà	2243/TTKKNHCông ty H cấp ngày 22/08/2024
2472	Hộ Kinh doanh Võ Thị Nhật	1246393	709238	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Chăn nuôi	Bơm tưới cây	Suối Mã Đà	202/GXN-UBND cấp ngày 07/09/2018
2473	Hộ Kinh doanh Thiện Nhân	1250732	690725	Phước Thành	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Suối nước Trong	Suối Nước Trong	159/GP-UBND cấp ngày 27/12/2024
2474	Công ty TNHH SX-TM-DV Thiện Hưng	1252408	689898	Phước Thành		250	Công nghiệp	Suối nước Trong	Suối Nước Trong	51/GP-STNMT cấp ngày 09/09/2020
2475	Nguyễn Hữu Lợi	1254452	683193	An Long	TP. Hồ Chí Minh	40	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Thôn	2408036 cấp ngày 26/04/2024
2476	Võ Hoàng Khăn	1255113	682547	An Long	TP. Hồ Chí Minh	7	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn tre	Suối Thôn	269/GXN-UBND cấp ngày 23/11/2020
2477	Hà Thị Nguyệt	1255413	682182	An Long	TP. Hồ Chí Minh	12	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn tre	Suối Thôn	2408103 cấp ngày 04/07/2024
2478	Lê Thị Thu	1248157	686029	An Long	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Suối Dâu	Suối Bà Tảo	
2479	Lê Trọng Tấn	1248472	688438	An Long	TP. Hồ Chí Minh	10	Chăn nuôi	Mương thoát nước	Suối Bà Tảo	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2480	Nguyễn Thị Thu Vân	1248462	688592	An Long	TP. Hồ Chí Minh	15	Chăn nuôi	Mương thoát nước	Suối Bà Tảo	155/GPMTUBND cấp ngày 05/10/2023
2481	Lê Đăng Hùng	1247876	688882	An Long	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Suối Bảy Giới	Suối Bà Tảo	197/GPMT-UBND cấp ngày 29/12/2023
2482	Nguyễn Văn Cường	1247699	686234	An Long	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Bơm tưới cây	Suối Bà Tảo	
2483	Phạm Cao Hợp	1245815	684021	An Long	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn sầu riêng	Suối Bà Tảo	
2484	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chính Thăng	1246914	692161	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Suối Nước Trong	Suối Nước Trong	33/GPMT-UBND cấp ngày 12/03/2024
2485	Trại heo Phú Giáo 7	1245504	696684	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	30	Chăn nuôi	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Giai	
2486	Hộ Kinh doanh Bùi Văn Trắc	1246526	696437	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Chăn nuôi	Suối Giai	Suối Giai	219/GXN-UBND cấp ngày 30/09/2020
2487	Cơ sở Chế biến gỗ Trùng Dương	1245274	696477	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Suối Giai	Suối Giai	
2488	Công ty TNHH Sản xuất gỗ Hoàng Minh Đức	1248322	692039	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sinh hoạt	Thoát nước ra vườn cao su	Suối Nước Trong	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2489	Công ty TNHH SHENGFENG SPONGE Việt Nam	1246441	692264	Phước Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sinh hoạt	Suối Nước Trong	Suối Nước Trong	199/GPMT-UBND cấp ngày 29/12/2023
2490	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1249868	695671	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Suối Giai	Suối Giai	
2491	Trung tâm y tế huyện Phú Giáo	1249057	696055	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	18	Y tế	Suối Giai	Suối Giai	
2492	Trung đoàn 271 (Sư đoàn 5)	1250582	696775	Phú Giáo	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Suối Giai	Suối Giai	
2493	Trường tiểu học Tân Hiệp	1251910	690799	Phước Thành	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Sông Bé	Suối Nước Trong	
2494	Công ty TNHH SX TM DV Thiên Hưng	1252341	689925	Phước Thành	TP. Hồ Chí Minh	300	Công nghiệp	Suối Nước Trong	Suối Nước Trong	47/GPMT -STNMT cấp ngày 27/6/2025
2495	Công ty TNHH MTV Gỗ Thiên Phú Lộc	1254891	680289	An Long	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Tái sử dụng	Suối Thôn	
2496	Hộ Kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc	1219855	679779	Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	1037/UBND cấp ngày 06/05/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2497	Chi nhánh Công ty TNHH SX Thủ Công Mỹ Nghệ Đồng Tâm	1220164	678057	Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	8,7	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	1643/GXN-UBND cấp ngày 09/09/2015
2498	Công ty TNHH In Màu An Thuận	1220519	678872	Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	7,16	Công nghiệp	Tự thấm và thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2499	Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Nhân Hòa	1221637	678486	Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Y tế	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	890/GPMT-STNMT cấp ngày 31/07/2019
2500	Công ty Cổ phần Đại Nam - Khu Du Lịch Đại Nam	1221721	678435	Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	128,59	Sinh hoạt	Sông Thị Tính	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu -	379/QĐ-BTNMT cấp ngày 04/03/2011

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Rạch Bà Cô	
2501	Trường Mầm Non Rạng Đông	1219934	678883	Dầu Tiếng	TP. Hồ Chí Minh	5,72	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2502	Trường Tiểu Học Nguyễn Hiền	1219507	678343	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	32,22	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2503	Trường Tiểu Học Kim Đồng	1219164	679256	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	23,74	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2504	Công ty TNHH Mai Đăng Khoa	1218423	678926	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	44,64	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối	1643/GXN-STNMT cấp ngày 19/06/2020

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2505	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn	1220470	677867	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	8,06	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	3881/STNMT cấp ngày 20/01/2015
2506	Công ty TNHH MTV Nguyễn Bảo Tín	1217583	678891	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Sinh hoạt	Suối Mù U → Rạch Bà Cô → Sông Sài Gòn	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	03/GXN-STNMT cấp ngày 14/10/2011
2507	Công ty TNHH Bệnh Viện Sài Gòn Bình Dương	1217456	679286	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	30	Y tế	Suối Mù U → Rạch Bà Cô → Sông Sài Gòn	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	01/GPMT-STNMT cấp ngày 04/01/2024

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2508	Công ty Cổ phần Bệnh Viện Hoàn Mỹ Bình Dương	1217466	679243	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	84,31	Y tế	Suối Mù U → Rạch Bà Cô → Sông Sài Gòn	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	22/GPMT-STNMT cấp ngày 16/02/2024
2509	Công ty TNHH DV TM Thiên Hồng	1217711	677192	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	14,85	Công nghiệp	Sông Sài Gòn	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	17/GPMT-UBND cấp ngày 13/10/2023
2510	Cơ sở Gia Công Lông Mi Giả BNQ	1218632	678067	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	1450/GXN-UBND cấp ngày 23/08/2016
2511	Công ty TNHH MTV Sơn Mài Mỹ Nghệ Tự Bốn	1217706	678767	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,1	Làng nghề	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu -	44/GXN-TNMT cấp ngày 16/03/2012

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Rạch Bà Cô	
2512	Công ty TNHH Nước Tinh Khiết Đại Thành Tâm	1219135	678249	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2513	Công ty TNHH Thành Thái	1218547	678672	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,12	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2514	Trường Tiểu Học Tương Bình Hiệp	1218097	677996	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	38,85	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2515	Trường Trung Học Cơ Sở Tương Bình Hiệp	1217974	678015	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	30,14	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2516	Trường Mầm Non Hoa Sen	1217790	678159	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	11,58	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2517	Công ty TNHH TM DV Thanh Bình Lê	1218608	678112	Long Hòa	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Làng nghề	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2518	Công ty TNHH Gỗ Khánh Việt	1219925	677791	Phường Phú An	TP. Hồ Chí Minh	8,9	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	24/GPMT-UBND cấp ngày 06/12/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2519	Công ty TNHH MTV BO DA	1221138	679334	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2520	Công ty TNHH Phúc Tấn Phát	1221953	680108	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,2	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	1982/GXN-UBND cấp ngày 10/09/2019
2521	Trường Mầm Non Hoa Cúc	1219541	680593	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	11,28	Sinh hoạt	Tự thấm và Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2522	Trường Trung Học Cơ Sở Định Hòa	1220843	679950	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	39,92	Sinh hoạt	Tự thấm và Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu -	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Rạch Bà Cô	
2523	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại May A-Q	1220903	679257	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,95	Sinh hoạt	Tự thấm và Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2524	Trường Trung Học Tiểu Học Định Hòa 2	1222255	680178	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	36,22	Sinh hoạt	Tự thấm và Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2525	Trường Trung Học Tiểu Học Định Hòa	1219650	680486	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	39,29	Sinh hoạt	Tự thấm và Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2526	Trường Trung Cấp Nông Lâm Nghiệp	1223369	680698	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	21,76	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Rạch	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	
2527	Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Phương Chi - Bệnh Viện Đa Khoa Phương Chi	1219419	680245	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	200	Y tế	Hệ thống thoát nước chung → suối Bưng Cầu	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	113/GPMT-STNMT cấp ngày 18/08/2023
2528	Công ty TNHH Đại Bình An Phúc	1221487	679891	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	35,26	Sinh hoạt	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	4415/STNMT - COBVMT cấp ngày 30/12/2014
2529	Công ty TNHH Precious Garment (Việt Nam)	1218102	679795	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	18,77	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung → suối Mù U	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu -	19/GP-UBND cấp ngày 15/10/2023

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Rạch Bà Cô	
2530	Nhà máy sản xuất nước tinh khiết Đại Long	1220961	680231	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,77	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	230/CV-ĐKMT cấp ngày 13/09/2023
2531	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hoàng Gia Group	1222291	680072	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Tái sử dụng Sản xuất	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
2532	Trường Trung Học Phổ Thông Bình Phú	1223386	680785	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	59,28	Sinh hoạt	Tự thấm và Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2533	Công ty TNHH Chế biến gỗ Khánh Phát	1223232	681091	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	6,83	Công nghiệp	Hồ chứa tự thấm và tái sử dụng	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	144/KHCNMT cấp ngày 05/12/2000
2534	Công ty TNHH Huệ Hưng Phát	1218649	680113	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	3035/GXN-UBND cấp ngày 05/12/2014
2535	Công ty TNHH MTV Xiexin Việt Nam	1223283	681384	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	11,71	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	36/GPMT-UBND cấp ngày 14/03/2025

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2536	Công ty TNHH Gia Lâm	1222655	680753	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,8	Công nghiệp	Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	657/GXN-UBND cấp ngày 14/04/2017
2537	Chi nhánh Công ty TNHH MM Mega Market	1212851	684248	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Suối Cát	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	123/GPMT-STNMT cấp ngày 04/10/2019
2538	Công ty TNHH Lotte Việt Nam	1211445	681450	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	32	Công nghiệp	Rạch Bà Lụa	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	99/GPMT-STNMT cấp ngày 30/11/2025
2539	Công ty TNHH giày Đức An	1212538	681510	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	9	Sinh hoạt	Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2540	Bệnh viện Y học cổ truyền	1214854	680991	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	80	Y tế	Rạch Thầy Năng	Rạch Thầy Năng	155/GP- STNMT cấp ngày 07/09/2020
2541	Công ty TNHH Fotai Việt Nam	1214738	685426	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	28	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung	Hệ thống Suối	157/GP-STNMT cấp ngày 08/09/2000

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Cát - Rạch Bà Lụa	
2542	Công ty TNHH Shijar (Việt Nam)	1215259	684660	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	8	Công nghiệp	Tự thấm	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2543	Công ty TNHH Nội thất Kaifu Việt Nam	1215457	684389	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2544	Công ty TNHH PK Việt Nam	1215245	685006	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	6,6	Sinh hoạt	Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2545	Công ty TNHH Danbi Vina	1215218	684940	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2546	Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương	1213684	683816	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2547	Trường Đại học Thủ Dầu Một	1214839	682927	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	900	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung	Rạch Thủ Ngữ	
2548	Trường Tiểu học Phú Hòa 3	1214119	684380	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2549	Công ty TNHH Terraco Việt Nam	1215591	684708	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2550	Trường THCS Phú Hòa	1214603	685145	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh hoạt	Suối Cát	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2551	Doanh nghiệp Tư nhân Hương Quỳnh	1215495	684847	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	8	Sinh hoạt	Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2552	Công ty Cổ phần In tổng hợp Bình Dương	1215134	682925	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	25	Sinh hoạt	Thuê đơn vị thu gom khi đầy	Rạch Thủ Ngữ	20/GP-STNMT cấp ngày 20/01/2019

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2553	Công ty TNHH Phát triển	1215960	684138	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh hoạt	Suối Cát	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	572/GXN-STNMT cấp ngày 10/02/2015
2554	Công ty TNHH Công nghiệp King Jade Việt Nam	1220538	681251	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	53	Công nghiệp	Suối Bưng Cầu	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	133/GP-STNMT cấp ngày 23/12/2021
2555	Công ty TNHH Eista	1224316	681602	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	39/GP-STNMT cấp ngày 05/03/2020
2556	Nhà máy xử lý nước thải KCN Phú Tân	1227500	684352	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	197	Công nghiệp	Suối Chợ	Suối Cái	15/GPMT-STNMT cấp ngày 19/01/2023
2557	Nhà máy xử lý nước thải KCN Đồng An II	1228729	683731	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	3.500,00	Công nghiệp	Suối Chợ	Suối Cái	94/GPMT-STNMT cấp ngày 13/12/2022

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2558	Nhà máy xử lý nước thải KCN VSIP II	1226374	684171	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	6.000,00	Công nghiệp	Suối Chợ	Suối Cái	1602/GP-BTNMT cấp ngày 21/05/2018
2559	Nhà máy xử lý nước thải KCN BW Supply Chain City	1223953	682624	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	180	Công nghiệp	Suối Giữa	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	175/GPMT-STNMT cấp ngày 25/12/2023
2560	Trạm xử lý nước thải tập trung Khu tái định cư Phú Mỹ	1220398	684382	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	195	Sinh hoạt	Suối Chợ	Suối Chợ	104/GP-UBND cấp ngày 25/11/2019
2561	Trạm xử lý nước thải tập trung Khu tái định cư Phú Chánh C	1222522	687039	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	266	Sinh hoạt	Suối Chợ	Suối Cái	103/GP-UBND cấp ngày 25/11/2019
2562	Nhà máy xử lý nước thải KCN Kim Huy	1221697	686541	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	1.084,00	Công nghiệp	Suối Chợ	Suối Long Đá	104/GPMT-STNMT cấp ngày 01/08/2023
2563	Nhà máy xử lý nước thải KCN Đại Đăng	1217877	684791	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	1.100,00	Công nghiệp	Suối Chợ	Suối Chợ	86/GP-UBND cấp ngày 07/09/2020
2564	Nhà máy xử lý nước thải KCN Sóng Thần 3	1219268	685443	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	3.200,00	Công nghiệp	Suối Chợ	Suối Chợ	13/GPMT-STNMT cấp ngày 18/01/2023
2565	Công ty TNHH TM SX Lê Công Kiều - Chi nhánh Phú Tân	1221481	687415	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Suối Chợ	Suối Long Đá	73/GP-STNMT cấp ngày 19/07/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2566	Bệnh viện Đa khoa Thuận Mỹ TDM	1216001	680086	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	49	Y tế	Hệ thống thoát nước chung	Rạch Ông Đành	53/GP-STNMT cấp ngày 14/05/2021
2567	Cơ sở Sản xuất nước tương Thành Công	1216400	680188	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5,8	Công nghiệp	Hệ thống thoát nước chung	Rạch Ông Đành	
2568	Trường Tiểu học Chánh Mỹ	1215536	679068	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	29,79	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung	Rạch Trầu	
2569	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	1214987	678499	Phường Chánh Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	32,03	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung	Rạch Trầu	
2570	Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	1220058	682508	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	23,9	Sinh hoạt	Suối Ông Thiền - Suối Giữa - Sông Sài Gòn	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	147/GP-STNMT cấp ngày 01/09/2020
2571	Công ty Cổ phần Phát Triển Phú Mỹ	1219868	681628	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	53	Sinh hoạt	Suối Ông Thiền - Suối Giữa - Sông Sài Gòn	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	111/GP-STNMT cấp ngày 22/12/2021

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2572	Công ty TNHH Đức Thịnh	1210696	681455	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Công nghiệp	Suối Cái	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	10/KHCNMT cấp ngày 17/09/2002
2573	Công ty TNHH MTV DV Công nghiệp và Thuốc Lá Bình Dương	1212907	683947	Phường Phú Lợi	TP. Hồ Chí Minh	62	Công nghiệp	Hồ chứa tự thấm	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	78/KHCNMT cấp ngày 27/05/2002
2574	Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Thám	1219188	683457	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh hoạt	Cống thoát nước	Suối Cái	
2575	Công ty TNHH Phồn Vinh	1220983	687272	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Tự thấm	Suối Lồ ồ	
2576	Nhà hàng Tân Lộc Viên	1213950	681720	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Dịch vụ	Cống thoát chung	Rạch Thầy Năng	
2577	Công ty khởi nghiệp Pháp	1212723	682093	Phường Thủ Dầu Một	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Cống thoát chung	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	
2578	Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Phát	1214160	687411	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	242	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát -	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Rạch Bà Lụa	
2579	Công ty TNHH Chế biến gỗ Mộc Xuyên	1214739	689018	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2580	Công ty TNHH Công nghiệp Hài Mỹ (Nhà máy Sài Gòn)	1214496	687010	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2581	Công ty TNHH Công nghiệp Nhựa Hòa Gia	1214777	687668	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2582	Công ty TNHH Diễn Viên	1212588	688622	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2583	Công ty TNHH gỗ Mộc Thuận	1221516	691810	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2584	Công ty TNHH Máy Công nghiệp Tan Chong (Việt Nam)	1214861	689254	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2585	Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Kim Hoàng	1221711	687020	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
2586	Khu nhà ở Thương mại Trường Sơn	1213730	690209	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2587	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2	1213437	689259	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	11	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2588	Công ty TNHH MTV Long Chan	1232343	684420	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tre	Kế thừa giai đoạn trước
2589	Công ty TNHH Shimada Shoji (Việt Nam)	1213020	690620	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
2590	Công ty TNHH PI Việt Nam	1213319	689574	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2591	Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Thương mại Dịch vụ Thiên Phát	1214440	687196	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2592	hộ Kinh doanh cá thể Quán Thị Khuyến	1215603	687057	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	12	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2593	Cơ sở Thuận Phát (Thuận An)	1213254	689471	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2594	Công ty Cổ phần Korea United Pharm Int'L	1214898	688519	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2595	Công ty TNHH UNITEX INTERNATIONL	1215145	688404	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2596	Cơ sở giấy Bao Bì Vạn Huê	1213826	688665	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2597	Công ty TNHH Chân Trời Xanh	1213026	689041	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2598	Công ty TNHH MTV Hiệp Thành Tiến	1214587	688318	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2599	Cơ sở Bình Dũng	1214407	687563	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2600	Công ty TNHH Clariant(Việt Nam)	1225287	683123	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2601	Công ty TNHH Hưng Phát	1214804	687668	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2602	Công ty TNHH Chế biến gỗ MỘC XUYÊN	1219083	687669	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2603	Công ty TNHH MTV Hằng Đạt	1215519	691054	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2604	Công ty TNHH Quảng Thăng	1213947	688500	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2605	Công ty TNHH Tung Shan Pen Việt Nam	1214143	687879	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2606	Chi nhánh Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất và Thương mại keo dán và Nhựa tổng hợp Nghiệp Phát	1213565	689562	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2607	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hiệp Sanh	1216748	688897	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
2608	Doanh nghiệp Tư nhân Đồng Tiến (Doanh nghiệp Tư nhân Đồng Tiến)	1215608	686176	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2609	Công ty TNHH John Richard Việt Nam	1213194	688710	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2610	Công ty TNHH SX TM DV Trúc Lâm	1214681	687508	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2611	Công ty TNHH Thực phẩm Phú Gia Thành	1213329	691147	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2612	Công ty TNHH Dệt sợi Kyros	1215570	686344	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2613	Chi nhánh Công ty TNHH Sài Gòn may mặc xuất khẩu	1213349	688966	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa Suối Vĩnh Lai	Kế thừa giai đoạn trước
2614	Công ty Cổ phần Xây dựng trang trí nội thất xuất nhập khẩu Thành Thắng – Chi nhánh	1225377	689010	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước		Kế thừa giai đoạn trước
2615	Công ty TNHH NB VINA	1225184	683992	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước
2616	Công ty Quốc tế Pan - Asia	1214332	689696	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2617	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lâm Thành	1218667	686128	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2618	Công ty TNHH Hock Hin (VN) Foodstuffs ManufaCông tyuring	1225390	684135	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước
2619	Công ty TNHH MTV Mộc Lục	1225180	692058	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2620	Công ty TNHH MTV Thạch cao Vinh Hưng	1219396	686318	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2621	Công ty TNHH Phương Nam	1228902	692608	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2622	Công ty TNHH Quốc tế Miền Đông Việt Nam	1219595	687739	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2623	Công ty TNHH Sài Gòn Sản xuất may mặc xuất khẩu	1212678	689476	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2624	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Hiệp Sanh	1214576	691822	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2625	Công ty TNHH SX và TM Nghi Dat	1221272	691871	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2626	Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Đăng Thanh	1221266	692517	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2627	Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ T & I	1225420	683940	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2628	Công ty TNHH TM SX XNK Tuấn Linh	1231495	687469	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2629	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thuận Phát	1217000	688192	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2630	Công ty TNHH Sản xuất Kratos	1213349	691076	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
2631	Doanh nghiệp Tư nhân Bình Hòa	1230955	686054	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2632	Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu Tân Hồng Đức	1214024	688652	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2633	Chi nhánh Công ty TNHH gỗ Mộc Thuận	1219716	686153	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	29	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2634	Chi nhánh Công ty TNHH Cerubo	1215550	688441	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2635	Công ty TNHH Cerubo	1214867	687496	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2636	Công ty TNHH SX TM DV XNK Tuấn Linh	1231481	687473	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2637	Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Sản xuất Hồng Nguyên	1214749	687474	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	41,7	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2638	Công ty TNHH Golden Friends International - LLC Việt Nam	1214745	687506	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	42	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2639	Công ty TNHH DV - TM Tổng Hợp Hưng Hoàng	1221753	684965	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2640	Công ty TNHH Sông Trà	1214660	688002	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2641	Công ty TNHH Tiến Hưng	1215649	688898	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	52	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2642	Bệnh viện Vạn Phúc 2	1214696	690021	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	75	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2643	Công ty TNHH Tae Young Vina	1214346	690167	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	79,3	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2644	Công ty Liên doanh Hướng Dương Thành Phát	1213321	690492	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	90	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
2645	Công ty Cổ phần Trần Đức	1215462	688656	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	115	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2646	Công ty TNHH KJ Vina	1214470	691001	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	134	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2647	Công ty TNHH ProCông tyer & Gamble Đông Dương	1225161	683640	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2648	Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Ý Mỹ	1214756	689142	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	193	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2649	Công ty Cổ phần tập đoàn Gia Định	1212924	689136	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	190	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2650	Công ty TNHH May mặc Quốc tế VietHsing	1215921	686529	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	144	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2651	ACE Cook	1212818	689823	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	650	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
2652	Cơ sở Đỉnh Nguyên			Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2653	Công ty TNHH Công nghệ Hàn Việt	1211039	690296	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
2654	Công ty Liên Doanh Việt -Thái Plastchem	1211145	690190	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	12,6	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2655	Công ty TNHH Hữu Toàn.	1212800	685518	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2656	Công ty TNHH Fuda Việt Nam	1212753	685513	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2657	Công tyy TNHH SherWin Villiams Việt Nam	1212723	685380	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2658	Công ty TNHH Thuận Phong	1212430	685325	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2659	Công ty Cổ phần khoáng sản Xây dựng Bình Dương	1212730	685283	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	19,06	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2660	Công ty TNHH Dewberry Việt Nam(Việt Nam)	1211771	683249	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	31	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2661	Công ty TNHH Suy Vina	1213137	686144	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Cát - Rạch Bà Lụa	
2662	Công ty TNHH Địa ốc và Xây dựng Tân Thành	1210569	684147	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	300	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch Vàm Búng	Kế thừa giai đoạn trước
2663	Công ty TNHH may mặc và giặt tẩy Bến Nghé	1213388	687658	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	130	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2664	Công ty Cổ phần Vitaly	1215680	686835	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	75	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2665	Công ty TNHH May Thêu Winning	1214939	686617	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	247	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2666	Công ty TNHH Công nghiệp Chung Lương Việt Nam	1214223	686868	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	1.164,00	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2667	Công ty TNHH Dệt Sarah	1214174	687216	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	45	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2668	Công ty TNHH Hải Mỹ	1214488	687012	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	600	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2669	Khu tái định cư An Thạnh	1211989	685807	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch Vàm Búng	Kế thừa giai đoạn trước
2670	KDC và Thương mại Bình Quới	1211124	687252	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2671	Công ty TNHH SXKD Lâm Vĩnh Sanh	1211040	686676	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao -	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Rạch Vàm Búng	
2672	Công ty TNHH Liên Ban	1211056	686872	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch Vàm Búng	Kế thừa giai đoạn trước
2673	Công ty TNHH May thêu Winning	1214426	686761	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2674	Công ty TNHH Hiệp Hưng	1212227	687528	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2675	Công ty TNHH Chế biến gỗ Thái Bình Dương	1212050	686591	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2676	Công ty TNHH Bang Đức	1214618	686571	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2677	Doanh nghiệp Tư nhân Tân Hoàng Việt	1211807	687239	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2678	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại xuất khẩu sơn Thanh Đang	1212037	686433	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2679	Xí nghiệp Cơ khí và Bê tông 3-2	1212088	687545	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2680	Công ty TNHH gốm sứ Minh Phát	1212224	685842	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát -	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Rạch Bà Lụa	
2681	Công ty TNHH Trọng Lý	1211428	685000	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch Vàm Búng	Kế thừa giai đoạn trước
2682	Công ty TNHH ắc quy GS Việt Nam-Nhà máy 2	1212077	687549	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2683	Doanh nghiệp Tư nhân Hoàng Tấn Lộc	1210812	687161	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2684	Công ty TNHH ván lạng mỏng ghép hình nghệ thuật Pro-Concepts (Pro - Concepts)	1211608	687950	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2685	Công ty TNHH MTV Bạn màu Quốc tế	1212203	687545	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2686	Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giày Kim Thắng Hoành	1211797	685890	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch Vàm Búng	Kế thừa giai đoạn trước
2687	Công ty TNHH Nghệ thuật Xin Rong	1212178	687031	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2688	Công ty TNHH Thực phẩm Ánh Hồng	1212756	687326	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2689	Công ty TNHH MTV Trần Đức 1	1213277	686436	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2690	CCN Tân Thành	1212050	687317	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	230	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2691	Công ty TNHH Unique	1212512	687574	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	37,5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2692	Công ty gạch ốp lát số 1	1214604	686619	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	49,5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2693	Công ty TNHH NB Nam Phương	1211374	687056	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	58	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vàm Búng	
2694	Công ty TNHH PHONG TÍN VINA 4	1212754	687936	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	77	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2695	Công ty Cổ phần sứ Thiên Thanh	1214752	686911	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	80	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2696	Công ty TNHH Sunjin Vina (Thuận An)	1212184	687506	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	128,8	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2697	Công ty TNHH Poong In Vina 5 - Sản xuất quần áo may sẵn và nguyên phụ liệu ngành may	1211850	686539	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	187	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2698	Công ty TNHH Cường Phát	1210960	686199	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	250	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch Vàm Búng	Kế thừa giai đoạn trước
2699	Công ty TNHH Pak Tak Việt Nam	1212532	687401	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	200	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2700	Công ty TNHH Shyang Hung Cheng	1212442	684970	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	660	Công nghiệp	Rạch Vàm Búng	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa Rạch Cầu Đò	Kế thừa giai đoạn trước
2701	Công ty TNHH Địa ốc và Xây dựng Tân Thành	1210065	684288	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	300	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước		Kế thừa giai đoạn trước
2702	Công ty Cổ phần Việt Hương - KCN Việt Hương 1	1210722	686882	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	700	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống suối Đờn - rạch Bình Nhâm	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2703	Công ty TNHH may mặc và giặt tẩy Bến Nghé	1212906	687805	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	130	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2704	Công ty TNHH Minh Long I	1211059	686125	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	200	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch Vàm Búng	Kế thừa giai đoạn trước
2705	Công ty TNHH In ấn Hưng Xương	1207292	685480	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống suối Đờn - rạch Bình Nhâm	Kế thừa giai đoạn trước
2706	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phú An	1207139	685448	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2707	Xí nghiệp tư doanh chế biến thức ăn gia súc Bình Nhâm	1208687	685255	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống suối Đờn - rạch Bình Nhâm	Kế thừa giai đoạn trước
2708	Doanh nghiệp Tư nhân bao bì Bình Nhâm II	1208752	684988	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	35	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống suối Đờn - rạch Bình Nhâm	Kế thừa giai đoạn trước
2709	Xí nghiệp tư doanh Sản xuất Nhựa Việt Thuận	1203676	685448	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2710	Trung tâm mua sắm Aeon Bình Dương Canary - Công ty TNHH Aeon Việt Nam (Chi nhánh Bình Dương)	1209231	688830	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2711	Doanh nghiệp Tư nhân Toàn Thịnh	1203626	685884	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	
2712	Doanh nghiệp Tư nhân Sơn Minh	1204654	685849	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2713	Công ty TNHH thủy tinh Vĩnh Ký	1210721	686785	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch Vàm Búng	Kế thừa giai đoạn trước
2714	Công ty XNK Bình Dương	1206549	686081	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2715	Công ty TNHH trung tâm thép NS Sài Gòn	1209185	688169	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	
2716	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ T & I	1207300	688451	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2717	Công ty TNHH Thanh Bình	1206567	688891	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2718	Công ty TNHH PUKU Việt Nam	1205723	688856	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2719	Công ty TNHH Ngói bê tông SCG Việt Nam	1206469	687718	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu -	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Rạch Vĩnh Bình	
2720	Công ty TNHH Kỹ thuật Thành Nghĩa	1209585	689149	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2721	Công ty TNHH Hasan	1205625	689268	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2722	Công ty TNHH Golden Lite	1203521	685657	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2723	Công ty TNHH Dar May (Việt Nam)	1209007	688083	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2724	Công ty TNHH Chuan Ho Việt Nam	1209574	688085	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2725	Công ty TNHH bao bì Vina HSing Lung	1206026	688744	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2726	Công ty TNHH Công nghiệp Nhựa Quốc tế HERCHANG	1206001	688831	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2727	Công ty Phương Đông	1206027	685986	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2728	Công ty liên doanh TNHH ván lạng Kim Long	1209012	688704	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2729	Công ty LD TNHH Thiên Phú	1209102	687529	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2730	Công ty Cổ phần Sản xuất và xuất nhập khẩu Lâm sản và hàng tiểu thủ Công nghiệp	1210673	688462	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2731	Công ty Cổ phần ô tô Jac	1205644	687488	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2732	Công ty Bê tông Ly tâm Bình Dương	1203036	685987	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2733	Cơ sở Huyền Ngân.	1206576	689010	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2734	Công ty TNHH Tsuchiya Tsco	1208941	687554	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2735	Công ty TNHH Hương Việt	1209836	689845	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2736	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Trường Giang	1209253	688299	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2737	Công ty TNHH Đại Tây Dương	1210118	687092	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2738	Nhà máy Norco Tiles - Việt Nam	1207514	688797	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2739	Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Qúy	1207063	685703	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2740	Doanh nghiệp Tư nhân SX KD Tấm lợp Hoàng Mai	1207051	688974	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2741	Công ty TNHH VN J.S plastic packaging	1208691	688370	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2742	Công ty TNHH Sài Gòn Technology Glass	1209269	687798	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2743	Công ty TNHH Isu Vina	1206263	687799	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2744	Công ty TNHH Công nghiệp U-Ton (U - Ton) Việt Nam	1209391	687632	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2745	Chi nhánh Công ty TNHH Rochdale Spears	1210642	689544	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2746	Nhà máy SX nắp, nút, quai, chai Nhựa Pet, khuôn mẫu - Công ty TNHH Phương Vi	1208480	688368	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2747	Công ty TNHH Thực phẩm Kỳ Nam	1208701	686914	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2748	Công ty TNHH Samil Tongsang Vina	1205591	685523	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2749	Công ty TNHH kothis Việt Nam	1206694	686133	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2750	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu Rồng Vàng	1207125	685694	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2751	Công ty TNHH compass II	1208994	688842	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2752	Công ty TNHH Central Iron Furnishing FaCông tyory	1208707	688854	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2753	Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế	1209709	687696	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2754	Chi nhánh Công ty TNHH trung tâm Thương mại Lotte Việt Namtại Bình Dương- Trung tâm Thương mại tổng hợp Lotte Bình Dương	1211496	689275	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2755	Xí nghiệp Tư Doanh Kim Hoa	1205675	685945	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2756	Nhà máy SX giầy thể thao - Công ty TNHH Kiến Tạo	1209256	688374	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2757	KDC Bình Đáng - Công ty TNHH đầu tư và Xây dựng Minh Tuấn	1208178	688843	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2758	Khu dân cư và Thương mại Quốc Vương	1210963	689586	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	14	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2759	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương_ kênh Ba Bò	1208638	688790	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2760	Công ty TNHH Y & J Vina	1205889	688938	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2761	Công ty TNHH TM XD SX Hoàng Hà	1204880	685773	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2762	Công ty TNHH Thúy Mỹ Tư Việt Nam	1209739	686852	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2763	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Hà	1205517	685742	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2764	Công ty TNHH Sinh Nam Metal Việt Nam	1208755	689552	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2765	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhật Tân	1207324	688831	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2766	Công ty TNHH MTV Thế Giới Xanh	1206526	686358	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2767	Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	1208991	688043	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2768	Công ty TNHH Maeve Furn	1210076	688665	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2769	Công ty TNHH Hoằng Thắng	1206401	686258	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2770	Công ty TNHH Đại Mộc	1206482	688538	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2771	Công ty TNHH Cheng Neng	1205548	689463	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2772	Công ty Cổ phần Korea United Pharm Int'l - Nhà máy Sản xuất dược phẩm	1209746	686854	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2773	KDC và nhà ở công nhân Thanh Bình	1205739	688231	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2774	ECO XUÂN Lái Thiêu - Công ty TNHH MTV Setia Lái Thiêu	1206974	687041	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	112	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2775	Công ty TNHH Thương mại Thành Tâm	1209340	687300	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2776	Công ty TNHH Sơn Seamaster Việt Nam	1209813	687398	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2777	Công ty TNHH Rèn dập chính xác Việt Nam	1208643	688611	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2778	Công ty TNHH MHE Demag Việt Nam	1209156	687573	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2779	Công ty TNHH khóa kéo Hoàn Mỹ	1204299	685588	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2780	Công ty TNHH Folag Việt Nam	1210341	688173	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2781	Công ty TNHH DIC VN	1210058	688559	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2782	Công ty TNHH Căn Viễn -Nhà máy Chế biến gỗ	1204782	685100	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2783	Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	1209255	686903	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2784	Nhà may xay xát lúa mì số III - Công ty TNHH Ngọc Quang	1210348	687974	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước		Kế thừa giai đoạn trước
2785	Công ty TNHH United Garment Việt Nam	1209041	689314	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2786	Công ty TNHH Tombow Việt Nam	1208980	687882	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2787	Công ty TNHH Thành Công - ISHIKURA	1203589	685617	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2788	Công ty TNHH Ô tô Lee	1208533	689382	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2789	Công ty TNHH King Power	1208658	687700	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2790	Công ty TNHH Bao bì Con Ong Xanh	1211117	689356	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2791	Công ty TNHH Anh Thành Đạt	1207125	685694	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2792	Khu Dân cư Vĩnh Phú 1 - Công ty TNHH Vũ Kiều	1203578	685983	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	17	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2793	Hệ thống thoát nước khu vực Tây Bắc KCN Đồng An	1210491	687965	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2794	Công ty TNHH Vật liệu băng keo Nitto Denko Việt Nam	1209448	689486	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2795	Công ty TNHH Toàn Phát	1207254	686094	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2796	Công ty TNHH Sản xuất hóa chất Thương mại Dịch vụ Gia Định	1208412	687373	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2797	Công ty TNHH Duel	1209593	688070	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2798	Công ty TNHH Dệt Bosun	1205762	688265	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2799	Công ty Stickley international	1210106	688756	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	17,8	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2800	Công ty TNHH Vina showa	1208661	688470	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2801	Công ty TNHH May Hand Seven	1203004	685950	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2802	Công ty TNHH Kwan Tat Việt Nam	1207139	685695	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2803	Công ty TNHH Toàn Hữu	1206309	687762	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2804	Công ty TNHH sơn Tison	1208382	687220	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2805	Công ty TNHH Quốc tế Di Hưng	1207192	687084	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2806	Nhà máy Sản xuất bao bì Nhựa xốp EPS	1207403	687687	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2807	Công ty TNHH Mười Phong	1203244	685738	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2808	Công ty TNHH Long Vân	1204603	685771	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2809	Công ty TNHH Guideway Việt Nam	1206286	685826	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2810	Công ty TNHH Dược phẩm Trường An	1206450	686147	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2811	Công ty Camptown Vina	1207949	688273	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	21	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2812	Công ty TNHH Chế biến gỗ Phong Toàn	1211390	688510	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2813	Tổng Công ty cao su Việt Nam	1210116	687250	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2814	Công ty TNHH Wipro Unza Việt Nam	1209292	687546	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2815	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	1208690	686306	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2816	Nhà máy SX lắp ráp và đóng mới xe ôtô Buýt - Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco)	1209950	687668	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	31,7	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2817	Doanh nghiệp Tư nhân Việt Nhật	1206461	688633	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	33	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2818	Công ty TNHH Columbia Asia Bình Dương	1207314	686247	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	36	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2819	Công ty TNHH ASG VINA	1207439	686354	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	40,2	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2820	Công ty TNHH may mặc Quốc tế Việt Hsing	1208526	688093	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	42	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2821	Công ty TNHH SX TM DV Nam Cường	1202428	687265	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	42,5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2822	Công ty TNHH IL JUNG Việt Nam	1206989	685927	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	47	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2823	Công ty liên doanh Pacific	1208276	687863	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2824	Công ty Cổ phần Thực phẩm Á Châu (Bình Hòa)	1208667	688572	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2825	Công ty TNHH Forte Grow Medical Việt Nam	1209835	687727	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	56	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2826	Công ty TNHH Hang Thang	1205443	688106	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2827	Công ty Cổ phần Hưng Vượng	1207249	686176	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2828	Bệnh viện đa khoa Phường Thuận An	1206864	685918	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	85	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2829	Chi nhánh Công ty TNHH SXTM Cà phê - Trà Trần Quang	1208467	689195	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	90	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2830	Công ty TNHH Quốc tế Công nghiệp gỗ Yang Cheng	1205979	688710	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	92,4	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2831	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	1203808	685531	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	135	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2832	Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	1203804	685532	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	135	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2833	Công ty TNHH Daso	1209997	686715	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống suối Đờn - rạch Bình Nhâm	Kế thừa giai đoạn trước
2834	Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương(Nhà máy SX quần áo may sẵn công suất 6.047.580 sản phẩm/năm)	1210346	688023	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	160	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2835	Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương	1207141	685699	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	160	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2836	Công ty CỔ PHẦN MAY MẶC Bình Dương	1206743	687428	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	160	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2837	Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An	1210290	686675	Phường Thuận Giao		160	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống suối Đờn - rạch Bình Nhâm	Kế thừa giai đoạn trước
2838	Công ty TNHH Hải Ân	1206878	687796	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	164	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2839	Công ty TNHH Green Vina	1208358	688814	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	170	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2840	Công ty TNHH Thời trang Quốc tế sung chang Việt Nam	1208109	688681	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	180	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2841	Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế Becamex	1214319	682455	Phường Lái Thiêu	TP. Hồ Chí Minh	250	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Thủ Ngữ	Kế thừa giai đoạn trước
2842	Công ty TNHH giày Thông Dụng	1209760	690758	Phường Dĩ An	TP. Hồ Chí Minh	378	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2843	KDC Vĩnh Phú 2 - Công ty Xây dựng công trình giao thông 135	1204342	685609	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2844	Công ty TNHH sữa Foremost Việt Nam	1209022	688279	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	500	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2845	Công ty TNHH Frieslands Campina Việt Nam	1206820	688003	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	1.000,00	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2846	Công ty TNHH Showa Gloves Việt Nam	1209675	688448	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	720	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2847	Công ty TNHH Chyang Sheng Việt Nam	1209081	689635	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	2.094,00	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2848	Công ty TNHH New Toyo Pulppy (Việt Nam)	1210589	687444	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	984	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2849	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tân Hiệp Phát	1204021	685522	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	500	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2850	KCN Đồng An 1 - Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Xây dựng Hưng Thịnh	1206579	689009	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	3.591,00	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2851	KCN VSIP 1 - Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam- Singapore	1208642	687130	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11.076,00	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2852	Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Namtại Bình Dương	1212817	690062	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	327	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2853	Công ty TNHH Nam Phương - Nhà máy đường Nam Phương	1241716	680350	Phường Bến Cát	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Bến Ván – Suối Đồng Sổ - Suối Bà Lăng – Suối Ông Tề	Kế thừa giai đoạn trước
2854	Công ty TNHH Lih Dah Yueh	1214254	687100	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2855	Công ty TNHH Apparel far eastern	1209873	689801	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2856	Công ty TNHH Sản xuất Dương Môn	1205368	688664	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
2857	Công ty TNHH An Cơ Bình Dương-Phân xưởng Sản xuất II	1211996	690218	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
2858	Công ty TNHH An Cơ Bình Dương1	1211988	690089	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
2859	Công ty TNHH kỹ nghệ gỗ Lâm Nguyên	1214328	689865	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2860	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia - Nhà máy sơn Hoàng Gia tại đường số 2	1205805	688880	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2861	Công ty TNHH Chế biến gỗ Mộc Xuyên	1213166	690617	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
2862	Công ty TNHH TM - DV và Chế biến gỗ Khoa Lâm	1209725	687246	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	21	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2863	Công ty TNHH TM DV và chế biến Khoa Lâm	1211665	688493	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	21	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2864	Chi nhánh 2 Công ty TNHH Dewberry Việt Nam	1211394	684221	Phường Thuận An	TP. Hồ Chí Minh	31	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Chòm Sao - Rạch Vàm Búng	Kế thừa giai đoạn trước
2865	Công ty TNHH Youngin Vina Bình Dương	1208309	689013	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	45	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
2866	Chi nhánh Công ty TNHH Lixil Việt Namtại tỉnh Bình Dương	1211229	689475	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	124	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2867	Công ty TNHH Minh Phương	1223205	678517	Phường Hòa Lợi	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	Kế thừa giai đoạn trước
2868	Công ty TNHH Trung Tín	1228618	699762	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
2869	Chi nhánh Công ty TNHH TM DV Yến Thanh	1228618	699761	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
2870	Xí nghiệp tư doanh chế biến lương thực -Thực phẩm Thạnh Lợi	1229467	697244	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
2871	Công ty TNHH Kim Mã	1229664	699614	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
2872	Công ty Cổ phần Ván Việt	1229945	695826	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2873	Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất gạch Minh Trâm II	1232850	697239	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	26	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2874	Công ty Cổ phần đồ gỗ xuất khẩu Phú Tân	1229931	696834	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	55	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
2875	Chi nhánh Cổ phần sơn Sonata	1228946	696605	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	61	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2876	Công ty TNHH Phan Thanh	1230882	697399	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	300	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
2877	Công ty TNHH Giầy Tân Vĩnh Thạnh	1228967	699793	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	165	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
2878	Công ty TNHH C&H VINA	1215309	691207	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2879	Công ty TNHH Dream Vina	1225660	697088	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	84,7	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bà Tùng	Kế thừa giai đoạn trước
2880	Công ty TNHH Japan New Furniture VN	1226272	696960	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	38,4	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bà Tùng	Kế thừa giai đoạn trước
2881	Công ty TNHH Minh Đoàn	1226140	696254	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	0,8	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bà Tùng	Kế thừa giai đoạn trước
2882	KCN Nam Tân Uyên MR	1228093	693583	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	1.200,00	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2883	KDC Tân Long 1, 2	1227541	694710	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	130	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2884	Công ty TNHH Sản xuất vật liệu Xây dựng Đông Hòa	1227473	694093	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	41	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2885	Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa TKT Việt Nam	1227457	694862	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2886	Công ty TNHH Gb Vina	1212666	689319	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
2887	Công ty TNHH Đèn Chiếu Sáng Bách Thụy	1227077	693666	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	1,4	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2888	Công ty TNHH Đồ gỗ gia dụng Hằng An	1227380	694955	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2889	Công ty TNHH Gỗ Gia Dụng Thần Thăng	1225849	690544	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	7,6	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2890	Công ty TNHH Gỗ Nội Thất Hợp Thăng	1228177	694101	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	3	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2891	Công ty TNHH Hồng Nghiệp Việt Nam	1227615	693903	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	4	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2892	Công ty TNHH Lợi Hào Việt Nam	1226952	693591	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	48	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2893	Công ty TNHH MTV SX Hùng Việt	1228237	693990	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	2,8	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2894	Công ty TNHH Ngũ Kim Hưng Đỉnh	1223659	690033	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	4	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2895	Công ty TNHH SX Thớt Đông Hòa	1225090	691134	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	3	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2896	Công ty TNHH TMSX Gỗ Mỹ Gia	1216573	691104	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	34	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
2897	Công ty TNHH TMSX Nệm Kiên Tín	1239592	685845	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	3,5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Bến Ván – Suối Đồng Sổ - Suối Bà Lăng –	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Suối Ông Tề	
2898	Công ty TNHH Vật Liệu In Ấn Dụ Nguyên	1227099	693790	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	6	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2899	Công ty TNHH Việt Pháp	1228493	694743	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	100	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2900	Hộ Kinh doanh Gia Nghi	1228344	695082	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	3,7	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2901	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam - Xí nghiệp Lốp Radian	1230964	694073	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	97,2	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
2902	Công ty TNHH Mãn Đa Quốc tế	1227406	695027	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	3,3	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2903	Nhà máy gạch ngói Việt Đức	1227459	693932	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	235,8	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
2904	Công ty Cổ phần Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành	1226605	694237	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	400	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2905	Công ty TNHH New Decor Wood Industries	1226606	696990	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	71,7	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bà Tùng	Kế thừa giai đoạn trước
2906	Công ty TNHH Trung Hà	1223456	684205	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước
2907	Công ty TNHH MTV Nệm Sofa Minh Hạo	1223681	693584	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	16,5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
2908	Công ty Cổ phần H.Nicholas Co	1224247	693265	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	45	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
2909	Công ty TNHH Vỹ Kiệt	1225258	693327	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	7	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
2910	Công ty TNHH Quốc tế Hằng Phú	1223897	693495	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
2911	Công ty TNHH International Art Creation	1223857	693519	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	9	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
2912	Hộ Kinh doanh An Phát Cường	1213938	691542	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2913	Dự án khai thác đá Xây dựng tại xã Thường Tân - Công ty TNHH đá Xây dựng Bình Dương	1232641	706129	Bắc Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	121	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cầu	Kế thừa giai đoạn trước
2914	Nhà máy Sản xuất tinh bột khoai mì Bình Dương	1214684	691207	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	915	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2915	Chi nhánh Công ty Cổ phần sợi Hoàng Anh tại Bình Dương	1216493	687967	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2916	Chi nhánh Công ty TNHH Kiệt Phong	1220102	686732	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
2917	Chi nhánh Công ty TNHH Quỳnh Ngọc	1219391	685686	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2918	Chi nhánh Công ty TNHH SANDO	1228272	686292	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Dung Gia	Kế thừa giai đoạn trước
2919	Chi nhánh Công ty TNHH Soam Vina	1217892	689498	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2920	Chi nhánh Công ty TNHH Thắng Lợi	1220994	692469	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2921	Cơ sở Hoàng Trọng Nghĩa	1219844	692368	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2922	Công ty Cổ phần phụ kiện và nhà thép Nhật	1223454	690389	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2923	Công ty Cổ phần SX TM Hồng Lai	1220829	692101	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2924	Công ty TNHH TM SX Diệp Phong	1225394	690053	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2925	Công ty TNHH Amiba Việt Nam	1229277	684978	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2926	Công ty TNHH Bang Lang Da	1220642	691842	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2927	Công ty TNHH Bao bì mực in Việt Nam	1222940	693408	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2928	Công ty TNHH Bao Bì Vĩnh Thanh	1214555	690974	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
2929	Công ty TNHH Bảo Kiên	1224257	688873	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2930	Công ty TNHH BCA	1215677	690751	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2931	Công ty TNHH Chiao Hao Technology Việt Nam	1228388	685072	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2932	Công ty TNHH Freecode (Việt Nam)	1225214	683786	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước
2933	Công ty TNHH gỗ Nguyên Luân	1220219	686956	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
2934	Công ty TNHH gỗ Trường Thịnh	1229962	690454	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bà Phó	Kế thừa giai đoạn trước
2935	Công ty TNHH Hằng Phong	1224478	689581	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2936	Công ty TNHH Hoa Thanh	1220857	692474	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2937	Công ty TNHH Hoone Việt Nam	1230057	685169	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2938	Công ty TNHH Jakob Sài Gòn	1232639	685177	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2939	Công ty TNHH Jiatex	1223492	690734	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2940	Công ty TNHH Khải Hưng	1219059	687724	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2941	Công ty TNHH Khuyết Nguyên	1217298	689131	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
2942	Công ty TNHH Kim Long Tấn Bình Dương(Trước đây là Công ty TNHH Sắt thép Vinh Đa	1221103	692037	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2943	Công ty TNHH Kim Mâu Cát Tường	1222471	691639	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2944	Công ty TNHH Kim Tường Huy	1222900	687923	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2945	Công ty TNHH Mission Wood Furniture Việt Nam	1222975	689926	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2946	Công ty TNHH MTV N.A.I.L V.I.N.A	1218856	685631	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2947	Công ty TNHH MTV Nhựa Trung Nguyên Phát	1216834	688116	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2948	Công ty TNHH MTV Sản xuất Chế biến gỗ Hồng Diệp	1220366	691115	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2949	Công ty TNHH Nhựa Fu Chung Vn	1225238	683782	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước
2950	Công ty TNHH Phi Khang	1220027	686829	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
2951	Công ty TNHH Phúc Anh	1220918	684795	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2952	Công ty TNHH Quốc tế Tân Phát	1225085	690327	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2953	Công ty TNHH Quốc Vỹ	1223543	691223	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2954	Công ty TNHH Samwon Việt Nam	1231404	684982	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2955	Công ty TNHH Sản xuất cửa A Lu Do (VN)	1219122	687674	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2956	Công ty TNHH Sản xuất sợi Nam Việt	1226047	689984	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Vĩnh Lai	Kế thừa giai đoạn trước
2957	Công ty TNHH Sejin Silicone Vina	1231465	685537	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2958	Công ty TNHH Tsung Chang Industries (Việt Nam)	1215979	688773	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2959	Công ty TNHH tư vấn thiết kế XD Kim Hùng Thuận	1230492	686027	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2960	Công ty TNHH Yuro Vina	1226741	693231	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
2961	Công ty TNHH-TMDV Tâm Thiên Tú	1217860	689067	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2962	Công ty Xây dựng Bình Dương	1221480	692396	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2963	Công ty Cổ phần Far East Foam Việt Nam	1220841	692049	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2964	Doanh nghiệp Tư nhân gốm sử mỹ nghệ Hân Nguyên	1219730	686178	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2965	Doanh nghiệp Tư nhân gốm xuất khẩu Văn Phú	1216683	686924	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2966	Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Tùng	1219493	686285	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2967	Doanh nghiệp Tư nhân Thức ăn chăn nuôi Thanh Mỹ	1219037	687749	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2968	Công ty TNHH xuất nhập khẩu T-N-L	1221992	688146	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2969	Công ty TNHH TM SX Diệp Phong	1222560	688117	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2970	Công ty TNHH MTV Da Cheng Tai Việt Nam	1222334	687727	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2971	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiên Sơn	1217359	689144	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10,3	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
2972	Công ty Cổ phầnSX-XK nội thất Thành Thắng Thăng Long	1224136	688810	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2973	Công ty TNHH Kim loại Hưng Ký	1223678	686338	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2974	Công ty TNHH SCON	1225337	683503	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2975	Công ty TNHH Farnese Việt Nam	1224250	691564	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	11	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2976	Công ty TNHH Epe Packaging (Việt Nam)	1230990	686044	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2977	Công ty TNHH gạch tuynel Hiền Hiếu	1221424	691403	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2978	Công ty TNHH Great Steel (Việt Nam)	1227207	683923	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2979	Công ty TNHH Hankook Bed	1214089	691183	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
2980	Công ty TNHH kỹ nghệ gỗ Ý Á Châu	1220932	691745	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2981	Công ty TNHH MTV Quang Du	1222190	689216	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2982	Công ty TNHH SX TM Titan	1226044	689995	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Vĩnh Lai	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2983	Công ty TNHH TM DV Đại Đình	1224924	689025	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2984	Công ty TNHH Việt Phong Hải	1228955	685369	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2985	Công ty TNHH woobo tech Việt Nam	1226694	692791	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2986	Công ty TNHH TMDV Đông Tây	1222458	688043	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	12,5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
2987	Chi nhánh Công ty TNHH MTV TNI	1222596	691461	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2988	Công ty TNHH Đức Thiện	1219857	687934	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2989	Công ty TNHH gia công xuất khẩu An Bình	1216958	688664	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
2990	Công ty TNHH Mộc Kim Phúc	1219670	687716	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
2991	Công ty TNHH Sản xuất TOP STRENGTH Việt Nam	1224736	686008	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
2992	Công ty TNHH SƠN HE HUAN SHAN (Việt Nam)	1223502	690846	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2993	Công ty TNHH Tân Uyên	1221781	690622	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2994	Công ty TNHH Xây dựng RISING SUN	1231712	684881	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	13	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2995	Công ty Cổ phần Công viên Mô tô	1216280	689188	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2996	Công ty TNHH Liên Hưng	1233363	684739	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
2997	Công ty TNHH MTV Bao bì Khang Nguyễn	1223436	687990	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tre	Kế thừa giai đoạn trước
2998	Công ty TNHH Nhựa Nhị Bình – Chi nhánh Bình Dương	1231572	685362	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
2999	Công ty TNHH Phước Thái	1215069	692016	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3000	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Thiết bị điện Kim Sang	1216142	689875	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3001	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Toàn Thái Hưng	1221715	688224	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3002	Công ty TNHH Táo Việt Nam	1223143	720774	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3003	Xí nghiệp tư doanh chế biến thức ăn gia súc Thành Lợi	1225301	687744	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	14	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Vĩnh Lai	Kế thừa giai đoạn trước
3004	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tám Quỳnh	1216749	692849	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3005	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trường Thọ Bình Dương	1232073	685319	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3006	Công ty TNHH CHUANG BOR	1216819	688039	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3007	Chi nhánh Công ty TNHH Cơ Khí Xây dựng SAMJUNG VINA Tại tỉnh Bình Dương	1220153	690157	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3008	Công ty TNHH MTV Phòng kham đa khoa nhân Đức Sài Gòn	1226287	692934	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	15	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3009	Chi nhánh Mộc Mỹ - Công ty TNHH MTV Sản xuất Phi Nam	1223440	690856	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3010	Công ty TNHH NTPM (Việt Nam)	1224930	684982	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3011	Công ty TNHH POWER BEST (Việt Nam)	1232047	684452	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3012	Công ty TNHH PRORIT CORPORATION Viet Nam	1225269	683680	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3013	Công ty TNHH TAE JIN Việt Nam	1225637	683433	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3014	Công ty TNHH Thủ công mỹ nghệ Viên Nam	1216069	691244	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3015	Công ty TNHH Thực phẩm Khang Võ	1218391	690885	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3016	Công ty TNHH TRỤC IN XINYUAN (Miền Nam)	1233016	686287	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3017	Công ty TNHH YUSUNG A-TECH VINA	1232092	684640	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3018	Doanh nghiệp Tư nhân Nhà trọ Xuân Đức	1228139	692638	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3019	Hoa viên Tám Quỳnh	1215151	691713	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3020	Hợp tác xã Phước Thành	1216891	692799	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	15	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3021	Công ty TNHH Giaays YUEN FOONG YU (VN) Bình Dương	1233885	685393	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3022	Công ty TNHH KCHEM Việt Nam	1225086	685745	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3023	Công ty TNHH Trường Thịnh Phát	1221676	691780	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3024	Công ty TNHH MTV KEY WAY	1217330	689081	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	16	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3025	Công ty Cổ phần SILKROAD VINA	1231645	684771	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3026	Công ty TNHH Đức Thành	1221976	688166	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3027	Chi nhánh Công ty TNHH GAS Việt Nam	1218591	691991	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3028	Công ty TNHH INNOVATION UNITED INTERNATIONAL (Việt Nam)	1225224	686454	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	93	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3029	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thanh Long	1220166	691652	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3030	Công ty TNHH MTV Nhựa Vĩnh Phú	1225410	683030	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3031	Chi nhánh Công ty Cổ phần GO SA CO	1217188	687901	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	17,2	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3032	Công ty TNHH Sung Bu Vina	1226932	693470	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	17,2	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
3033	Công ty TNHH Nội thất MADELEINE SANGZOM	1225185	683705	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	17,5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3034	Chi nhánh 2 Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Gia Gia Phát	1222667	689211	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3035	Chi nhánh Công ty TNHH ACE WORLD VINA	1216201	689332	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3036	Công ty Cổ phần Thiên nhiên Việt	1217489	689766	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3037	Công ty TNHH Kỹ Nghệ Nến Việt Nam	1229923	685306	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3038	Công ty TNHH Mẫu Sơn	1221111	692459	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3039	Công ty TNHH Quốc tế CHUANXIN Việt Nam	1216269	688211	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3040	Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Đại Lợi Lai	1216140	690503	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3041	Công ty TNHH MTV Nôm Vạn Xuân Thành	1215766	687971	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	18	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3042	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ Đức Chính	1224025	688919	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3043	Công ty TNHH YONGJIA WOOD	1222438	691180	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3044	Công ty TNHH Thiên Châu	1222810	691185	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	19,5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3045	Công ty TNHH Cheng Chia Wood - CCN Phú Chánh 1	1222092	690753	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3046	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Thành	1221199	687455	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
3047	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công viên Mô tô	1221399	689477	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3048	Nhà máy sửa đậu nành VINASOY Bình Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	1232028	684739	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3049	Công ty Cổ phần EUROWINDOW - Chi nhánh Miền Nam	1225566	692763	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3050	Công ty TNHH Ban Mai	1215212	690168	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3051	Công ty TNHH Đức Hòa	1220935	689971	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3052	Chi nhánh Công ty TNHH Khải Hoàn	1221261	692545	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3053	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại VÀ Dịch vụ Thọ Minh	1214831	691653	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3054	Chi nhánh Công ty TNHH Phong Sơn	1232020	684738	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3055	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Thịnh Đạt	1221595	688536	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3056	Chi nhánh Công ty TNHH Vật liệu giày YUAN LIN	1225058	685636	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3057	Chi nhánh Công ty TNHH Vinh Cao-xưởng Sản xuất và kho hàng	1217281	689562	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3058	Chi nhánh Công ty TNHH Vỹ Lâm	1223538	691224	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3059	Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Yên Phú	1221142	689682	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3060	Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng Việt Long	1221582	690276	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3061	Công ty TNHH Sơn Công nghiệp Thái Dương - Chi nhánh Giày TAI YANG	1223459	690172	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3062	Công ty TNHH Máy Chế biến gỗ Thượng Nguyên	1218451	690923	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3063	Cơ sở cơ khi Mai Văn Phượng	1214469	691162	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3064	Hộ Kinh doanh VLXD Vương Ngọc Tuyết	1217987	692403	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3065	Công ty Cổ phần Công nghệ HA LÔ	1220987	691911	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3066	Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (KCN Sóng Thần 3)	1221746	685380	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3067	Công ty Cổ phần GỖ AN CƯỜNG	1216536	690885	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3068	Công ty Cổ phần Miền Đông	1222250	690599	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3069	Công ty Cổ phần Thiên Dự	1222029	691681	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3070	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Thiên Phúc Hưng	1226354	692975	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3071	Công ty Cổ phần WILSONS HILL Việt Nam- Chi nhánh tại Bình Dương	1225615	692785	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3072	Công ty Cổ phần Hạt Việt	1229961	691734	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bà Phó	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3073	Công ty khai thác chế biến khoáng sản Tân Uyên	1221955	691606	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3074	Công ty khai thác và chế biến khoáng sản Tân Uyên khai thác sét gạch ngói tại ấp 2A và 4B Phường Khánh Bình	1221254	691935	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3075	Công ty TNHH 2002	1217218	689208	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3076	Công ty TNHH ACE ELITE	1225513	683900	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3077	Công ty TNHH Ace Furniture	1222079	691281	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3078	Công ty TNHH ACHEM TECHNOLOGY (Viet Nam)	1225486	683428	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3079	Công ty TNHH ADVANCED CASTING ASIA	1232088	685321	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3080	Công ty TNHH ASFLOW VINA	1228882	684931	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3081	Công ty TNHH Bao bì Học Thành	1226455	689982	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Nhum	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3082	Công ty Cổ phần Bê tông Ca	1224518	691796	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3083	Công ty TNHH Chánh Đông	1219550	688642	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3084	Công ty TNHH Chế biến gỗ Bình Mỹ	1226873	692858	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3085	Công ty TNHH Chế biến gỗ Phú Sản	1217664	687794	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3086	Công ty TNHH Thực phẩm CHEN LIN	1228783	692170	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3087	Công ty TNHH Chung Thâm II	1223169	690843	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3088	Công ty TNHH CIWANG Việt Nam	1225182	683403	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3089	Công ty TNHH COMPOSITEGEAR Việt Nam	1224744	686433	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3090	Công ty TNHH đồ gỗ Hữu Nguyên	1222037	690755	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3091	Công ty TNHH ĐỒ GỖ ZHONG HE	1219458	684569	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3092	Công ty TNHH DONG HWA	1219754	691401	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3093	Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu B.O.R.N.A	1221157	691839	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3094	Công ty TNHH Du Thuận Hưng	1221496	690855	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3095	Công ty TNHH DV TM Đạt Đình	1220796	692238	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3096	Công ty TNHH Earth Corporation Viet Nam	1223252	690517	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3097	Công ty TNHH Fabtek Việt Nam	1221219	691779	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3098	Công ty TNHH Farm House	1224590	692121	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3099	Công ty TNHH Flex Việt Nam	1216958	689320	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3100	Công ty TNHH Giai Mỹ Việt Nam	1225310	684345	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước
3101	Công ty TNHH giấy bao bì Thanh Phong	1220420	692097	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3102	Công ty TNHH giấy Gia Hoa	1219594	691892	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3103	Công ty TNHH Go Hằng Nghĩa	1221925	688207	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3104	Công ty TNHH gỗ Hòa Sâm	1214555	690601	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3105	Công ty TNHH gỗ Mao Sheng Việt Nam	1223566	692058	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3106	Công ty TNHH gỗ PNT	1223406	693022	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3107	Công ty TNHH gốm mỹ nghệ Sài Gòn	1221076	692009	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3108	Công ty TNHH GTM	1217701	689056	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3109	Công ty TNHH Gwo Dyi Duty Việt Nam	1225241	689376	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3110	Công ty TNHH Hai Van	1221057	692102	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3111	Công ty TNHH Han Hang Phong	1219844	688697	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3112	Công ty TNHH Hạt Nhựa màu Shang Yu	1225575	683941	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3113	Công ty TNHH Hiep Dich Việt Nam	1220286	690045	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3114	Công ty TNHH Hoa Chat Tuc Tru	1223892	685714	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3115	Công ty TNHH Hoa Nong Lua Vang	1223973	691718	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3116	Công ty TNHH Hong Fu Viet Nam	1224008	692861	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3117	Công ty TNHH Hong Mei VN	1225485	684174	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3118	Công ty TNHH Hua Xin	1225224	683525	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3119	Công ty TNHH Hue Nhung	1222453	688140	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3120	Công ty TNHH Hyundae Vina Valve	1233320	686497	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3121	Công ty TNHH Isuzu Tec Việt Nam	1225458	683721	Phường Bình Dương		20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước
3122	Công ty TNHH Jia Yu International Industrial (VN)	1233074	686248	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3123	Công ty TNHH JLG	1217290	689119	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3124	Công ty TNHH Khang Đức Thinh	1225771	691012	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3125	Công ty TNHH Kieng Lien Thai	1213701	691646	Phường Tân Đông Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
3126	Công ty TNHH Kirim Viet Nam	1221456	690902	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3127	Công ty TNHH Kreators	1222638	689201	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3128	Công ty TNHH kỹ thuật in ấn Yong Mei	1231429	685483	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3129	Công ty TNHH Lam Gia	1223204	689243	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3130	Công ty TNHH Lập Bình	1216843	686721	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3131	Công ty TNHH Leaderart Industries (Việt Nam)	1233383	685131	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3132	Công ty TNHH Leixin	1222590	691813	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3133	Công ty TNHH MASTER WORLD INVESTMENT	1221124	691455	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3134	Công ty TNHH Mercury Advanced Materials (Bình Dương)	1229674	684985	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3135	Công ty TNHH Mộc Lam	1218438	690908	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3136	Công ty TNHH Molenbergnatie Việt Nam	1225157	683283	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3137	Công ty TNHH MTV Doanh Thịnh	1219343	686311	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3138	Công ty TNHH MTV Du San Việt Nam	1219491	688455	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3139	Công ty TNHH MTV gỗ Thành Đạt	1221545	689396	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3140	Công ty TNHH MTV Hưng Sâm	1222207	691662	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3141	Công ty TNHH MTV Trung Hoa	1222187	691561	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3142	Công ty TNHH MTV Kiệt Nghĩa	1219621	686214	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3143	Công ty TNHH MTV Kiệt Phát	1219644	686324	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
3144	Công ty TNHH MTV Kim Hồng Kim	1220592	692056	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3145	Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ	1219170	688697	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3146	Công ty TNHH MTV Mỹ Phong Nguyên	1217503	689191	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3147	Công ty TNHH MTV phòng khám đa khoa Phúc Tâm	1222330	688145	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3148	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Kỳ Lợi	1216793	688117	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3149	Công ty TNHH MTV Tam Ích Một	1222559	688116	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3150	Công ty TNHH MTV Tỷ Đạt	1223735	691357	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3151	Công ty TNHH MTV Tỷ Long	1223787	691338	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3152	Công ty TNHH MTV XIN - HUA	1225205	683658	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3153	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cao Lanh Nhật Khoa	1221075	692345	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3154	Công ty TNHH MTV Công tyN và Môi trường Bình Dương– KCN đô thị Mỹ Phước	1221041	692420	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3155	Công ty TNHH MTV Chung Thâm	1223376	690894	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3156	Công ty TNHH MTV GRAND WOOD	1227239	692409	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3157	Công ty TNHH MTV Hàn Việt PLASTIC CN 01	1222968	690716	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3158	Công ty TNHH MTV Hợp Mỹ Việt Nam	1220935	691814	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3159	Công ty TNHH MTV KEY WAY	1215698	688255	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3160	Công ty TNHH MTV Khoa học và Kỹ thuật Nguyên Phổ	1217118	687613	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3161	Công ty TNHH Kim Tường Huy	1221029	689767	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3162	Công ty TNHH MTV Nguyễn Văn Kiệt	1219608	686175	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
3163	Công ty TNHH MTV Nội thất Tiên Phúc	1216911	689306	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3164	Công ty TNHH MTV Sản xuất Long Hưng	1219519	687745	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3165	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Tường Đạt	1223785	691336	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3166	Công ty TNHH MTV Sao Nam	1224213	692341	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3167	Công ty TNHH MTV SKM Việt Nam	1223812	691154	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3168	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Hoàng Phát Sáng	1222302	688101	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3169	Công ty TNHH MTV SX TM Mỹ nghệ C&T	1215970	691232	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3170	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Khánh Bình Phát	1221354	691818	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3171	Công ty TNHH MTV Thực phẩm Á Châu III	1222806	692418	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3172	Công ty TNHH MTV Vĩnh Tăng Đạt	1221623	690674	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3173	Công ty TNHH Mực in GREAT WORLD Việt Nam	1233085	686470	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3174	Công ty TNHH Năng Giai	1227109	693407	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
3175	Công ty TNHH Ngũ Kim Chính Nguyên Việt Nam	1226240	692494	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3176	Công ty TNHH Điện tử và NGũ Kim GEM Việt Nam	1223494	690487	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3177	Công ty TNHH Như Quỳnh	1219596	686671	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3178	Công ty TNHH Nhựa HUIYE (Việt Nam)	1231426	685154	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3179	Công ty TNHH Nhựa JIN XIN Việt Nam	1233298	685928	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3180	Công ty TNHH Nhựa SONG XIN Việt Nam	1232616	685340	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3181	Công ty TNHH Nhuận Phong	1221143	691746	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3182	Công ty TNHH NIEMEN TEHTAAT Việt Nam	1219768	688121	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3183	Công ty TNHH Nội Thất Chất Lượng Cao	1222013	691448	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3184	Công ty TNHH Nội thất gỗ Tân Vĩnh Nghĩa	1225525	690647	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3185	Công ty TNHH OUTDOOR DESIGNS VINA	1216421	689225	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3186	Công ty TNHH Phòng Khám Đa khoa Phúc Tâm Phúc	1222425	688141	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3187	Công ty TNHH Phú Mậu	1221074	691739	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3188	Công ty TNHH Phước Dũ Long	1217072	690338	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3189	Công ty TNHH Pottery Craft Asia	1222489	691603	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3190	Công ty TNHH Quang Lâm Việt Nam	1219851	686045	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
3191	Công ty TNHH Quốc tế HAN YOUNG	1226795	692516	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3192	Công ty TNHH Quốc tế Quốc Thăng	1221668	692547	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3193	Công ty TNHH Quốc tế SAMIL VINA	1224266	692083	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3194	Công tyY TNHH RONG HE FURNITURE	1224765	688671	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Vĩnh Lai	Kế thừa giai đoạn trước
3195	Công ty TNHH S Clean Wood	1222579	691773	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3196	Công ty TNHH Sam Gang Vina	1220695	691578	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3197	Công ty TNHH San Fa Việt Nam	1223210	690840	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3198	Công ty TNHH Sản xuất Công nghệ	1223093	692718	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3199	Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Kiến Phát	1221262	690947	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3200	Công ty TNHH Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại Trí Năng	1222257	688106	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3201	Công ty TNHH Sản xuất kim loại Hong Yi VN	1223018	691435	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3202	Công ty TNHH Sản xuất Kim Loại King Star Việt Nam	1222976	690922	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3203	Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên Phát	1221217	690438	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3204	Công ty TNHH Sản xuất Nhật Quang Phát	1219619	686264	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
3205	Công ty TNHH Sản xuất Nhựa HARMONI Việt Nam	1224214	691477	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3206	Công ty TNHH Sâm Sương Thịnh	1219054	686855	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3207	Công ty TNHH Sản xuất Sơn VINA Phát	1222707	689431	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3208	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Chành Đạt	1217237	688218	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3209	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đức Nguyên Phát	1219751	688398	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3210	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Gia Gia Phát	1220596	690166	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3211	Công ty TNHH SX TM Sơn Tân Phú	1215999	691101	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3212	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thanh Long	1221074	691968	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3213	Công ty TNHH Sản xuất Thụy Phong Việt Nam	1223861	692095	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3214	Công ty TNHH Sản xuất vật liệu Xây dựng Đông Hòa	1221665	689622	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3215	Công ty TNHH SehWa Vina	1215570	691035	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3216	Công ty TNHH Shyh Jing Shin Enterprie	1233481	686263	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3217	Công ty TNHH Sung Min Vina	1221418	691626	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3218	Công ty TNHH SX TM Hong Su	1219205	685927	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3219	Công ty TNHH SX TM Kim Cửu Long	1214423	691599	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3220	Công ty TNHH SX TM Thành Long	1218248	686937	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3221	Công ty TNHH SXDV-TM Trí Nang	1222046	688145	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3222	Công ty TNHH SX-TM Ba Lan	1221131	691941	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3223	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Sài Gòn RIVER Việt Nam	1221074	686525	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3224	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Quang Năm	1234315	689686	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3225	Công ty TNHH TAKIGAWA Việt Nam	1228612	685331	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3226	Công ty TNHH Tấn Quang	1233249	696805	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
3227	Công ty TNHH Tân Thời	1223824	692154	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3228	Công ty TNHH Teamade Stationnery Việt Nam	1225387	683091	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3229	Công ty TNHH Thịnh Lâm	1221998	692129	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3230	Công ty TNHH Thương mại Tam Hợp Pháp	1219452	688635	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3231	Công ty TNHH TM DV in Thành Đạt	1225441	685203	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3232	Công ty TNHH TM Sản xuất gỗ Khang Thịnh Phát	1216868	688450	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3233	Công ty TNHH TMDV Đông Tây	1222051	690276	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3234	Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Diệp Phong	1225167	690359	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3235	Công ty TNHH Tony Optical (Việt Nam)	1228015	685310	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3236	Công ty TNHH trang trí đồ gỗ Thừa Hạo Việt Nam	1220348	692183	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3237	Công ty TNHH Trust VN	1224173	691455	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3238	Công ty TNHH Tuấn Phát	1222245	691385	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3239	Công ty TNHH Uy Kiệt	1225362	689924	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3240	Công ty TNHH VCD Tropicdane	1214644	691670	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3241	Công ty TNHH Velcro Việt Nam	1232449	684517	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tre	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3242	Công ty TNHH Vĩ Đức	1223298	691071	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3243	Công ty TNHH Vĩ Thịnh	1222181	692105	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3244	Công ty TNHH Việt Âu	1227505	693513	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
3245	Công ty TNHH Việt - Ý	1225193	689932	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3246	Công ty TNHH Vking (Viet Nam) Rubber & Plastic Technology	1231663	684628	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3247	Công ty TNHH Vững Phát	1221039	690407	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3248	Công ty TNHH Vượng Tuế	1224557	692222	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3249	Công ty TNHH Wang Feng 1	1220193	687248	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
3250	Công ty TNHH Wooshin Woodtec Việt Nam	1225253	690690	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3251	Công ty TNHH Youngjin International	1216555	687118	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3252	Công ty Cổ phần YUE FA WOODEN	1221147	692259	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3253	Công ty TNHH Zhong Yu Furniture	1223774	692115	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3254	Công ty Xây dựng Bình Dương khai thác tận thu mỏ sét gạch ngói đồi 19	1221717	692040	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3255	Công ty Xây dựng Bình Dương khai thác tận thu mỏ sét gạch ngói đồi 18	1221459	692147	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3256	Công ty Cổ phần gỗ Tân Thanh	1217680	690476	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3257	Doanh nghiệp Tư nhân gach tuynel Tuan Anh	1221013	691709	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3258	Doanh nghiệp Tư nhân TM DV Tân Vĩnh Tân	1231685	686187	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3259	HTX Sản xuất Kinh doanh tổng hợp Hưng Phú	1220720	689639	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3260	Kho chứa Công ty TNHH thuốc thú ý Thủy sản Minh Dung	1215837	688539	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3261	Kho hàng Công ty TNHH Thương mại Đệ Nguôi Châu	1219565	685785	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3262	Khu nhà ở Kim Kim Trần	1222507	688196	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3263	Nhà máy gạch Khánh Bình	1221815	691904	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3264	Công ty TNHH Garzitto Timber	1224437	684886	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3265	Nhà máy Sản xuất gia công các loại sản phẩm đồ gỗ Thiên Lộc Phú	1221718	688295	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3266	Nhà xưởng chô thuê VươngThanh	1219688	686168	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
3267	NMSX các sản phẩm và chi tiết đồ gỗ gia dụng River Furriture	1221656	689467	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3268	Xí nghiệp Sản xuất và xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ nam Việt	1224004	692888	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3269	Xí nghiệp Sản xuất và xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ nam Việt	1217868	689412	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3270	Công ty TNHH Cao Thanh	1225927	688812	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	21	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Vĩnh Lai	Kế thừa giai đoạn trước
3271	Công ty TNHH Đúc chính xác Chang Hong	1213895	691341	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	21	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
3272	Công ty TNHH MTV Giap Thien Thai	1216495	687384	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	22	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3273	Công ty TNHH River Rich Industrial	1221058	691949	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	22	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3274	Công ty TNHH Luc Sam	1221517	691902	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	23	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3275	Công ty TNHH Gỗ nội thất Viet Cao	1217003	689244	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	24	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3276	Công ty TNHH gỗ Chấn Phong	1219644	688486	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3277	Công ty TNHH Han Young Vina Chemical	1226778	692559	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3278	Công ty TNHH MTV xây dựng Vận tải Du lịch Minh Tan	1230752	688037	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Con	Kế thừa giai đoạn trước
3279	Công ty TNHH Sakura Color ProduCông tys Viet Nam	1228345	685052	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3280	Công ty TNHH Việt Nhất 3	1221036	691637	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	25	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3281	Công ty TNHH In bao bi giấy Vinh Phu	1232726	685804	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	26	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3282	Hợp tác xã Phước Thành	1221765	691932	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	26	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3283	Công ty TNHH Bao Bi Cuu Duc	1222228	691698	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	27	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3284	Công ty TNHH đồ gỗ Phú Nguyên	1221248	692123	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	27	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3285	Công ty TNHH Tange International VN	1223018	690678	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	27	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3286	Công ty TNHH Wolsung Vina Sản xuất hóa chất	1221079	690051	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	28	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3287	Công ty Cổ phần Đông Á mở rộng	1220954	684841	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3288	Công ty Cổ phần H.Nicholas & Co	1223429	693037	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3289	Công ty Cổ phần Viet Bi - Thai Hoa	1214933	691732	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3290	Công ty TNHH Công nghiệp Yei Jer	1213675	691336	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
3291	Công ty TNHH Đồ Gỗ Nguyễn Ngọc	1219447	691753	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3292	Công ty TNHH đồ gỗ Trường Thịnh	1228838	692700	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3293	Công ty TNHH Hansung EleCông tyronics Viet Nam	1225795	683527	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3294	Công ty TNHH Kewpie Viet Nam	1228537	685017	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3295	Công ty TNHH MTV Lam Bao Khanh	1223886	689445	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3296	Công ty TNHH Yun Ching	1217676	689068	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3297	Công ty Xây dựng Miền Đông	1221702	692129	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3298	Doanh nghiệp Tư nhân gach Ngoc Trang	1220662	693037	Phường Tân Hiệp		30	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3299	Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Tân Phú	1217666	687796	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	31	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3300	Doanh nghiệp Tư nhân Lam Buu	1226989	692835	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	31	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3301	Công ty TNHH Công nghiệp Vũ Dương	1217941	690025	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	33	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3302	Công ty TNHH Hansung Tech	1232766	685172	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	33	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3303	Công ty TNHH Hiep Ky-Mirafloor	1217719	689282	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	33	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3304	Công ty TNHH Quốc tế Top Lead	1225082	686061	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	34	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3305	Xưởng gỗ Tan Vinh Nghia	1220998	692045	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	34	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3306	Công ty TNHH Hwa Sung	1221854	691387	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	35	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3307	Công ty TNHH Inni Home	1219466	687745	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	35	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3308	Chi nhánh Công ty TNHH My Tu	1217043	688651	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	36	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3309	Công ty Cổ phần Lam Viet	1221261	691280	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3310	Công ty Cổ phần Thiên nhiên Viet	1217492	689767	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3311	Công ty TNHH Chen Hung Tai Foods	1232179	685691	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3312	Công ty TNHH Công nghệ cao Su Hac Khang	1224048	691726	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3313	Công ty TNHH Fit Sky Group	1225296	683806	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Cầu - Rạch Bà Cô	
3314	Công ty TNHH Kính và gương Chang Hung Viet Nam	1217621	687828	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3315	Công ty TNHH Ric Corporation Limited	1225503	683595	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3316	Doanh nghiệp Tư nhân gốm sứ gạch ngòi Thanh Phat	1215006	691875	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	40	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3317	Công ty TNHH Gỗ Chieh Hsing Việt Nam	1216330	688151	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	42	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3318	Công ty TNHH Sản xuất gạch ngói Duc Thanh	1216300	692805	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	42	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3319	Nhà máy gạch ngói Khánh Bình II	1221642	692053	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	43	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3320	Công ty TNHH Lode Star	1226275	692497	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	44,5	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3321	Công ty TNHH Eland Việt Nam- Chi nhánh Bình Dương	1225534	692838	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	48	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3322	Công ty Cổ phần Thanh Thanh Thanh Long - Chi nhánh Bình Dương 2	1225272	689017	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Vĩnh Lai	Kế thừa giai đoạn trước
3323	Công ty TNHH Evergreen Home Furnishings (Viet Nam)	1224704	690130	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3324	Công ty TNHH Go Tan Vinh Nghia	1225526	690650	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3325	Công ty TNHH Jia Bao Việt Nam	1218983	687631	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3326	Công ty TNHH RESPONSE Viet Nam Uyên Hưng	1226042	693564	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3327	Công ty TNHH Sungwon Medical	1233089	686096	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3328	Công ty TNHH Thông Nhất Việt Nam	1225763	692605	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3329	Công ty TNHH Truyền Thanh Phát	1216736	688499	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3330	Công ty TNHH Vinh Xuyen	1217093	689237	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3331	Công ty TNHH Vision Vina	1214453	691408	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3332	Công ty TNHH Win Wood Viet Nam	1220394	690827	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3333	Công ty TNHH Moc Phuc	1223595	689723	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3334	Công ty TNHH Hanmi Label Viet Nam	1226554	693138	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	55	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3335	Công ty TNHH KUN LI FURNITURE	1230256	687771	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	55	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Dung Gia	Kế thừa giai đoạn trước
3336	Công ty TNHH Ever Tech Plastic VN	1214036	691469	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	56	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
3337	Công ty Cổ phần xây dựng Khanh Binh	1221536	689622	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	57	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3338	Công ty TNHH Panasonic Eco Solutions Viet Nam	1228315	685551	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	58	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3339	Công ty Cổ phần Xuân Hòa	1222236	690830	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3340	Công ty TNHH Mỹ Tú	1216916	688723	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3341	Doanh nghiệp tư nhân gạch ngói Đồng Tâm số 17	1222280	690686	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3342	Khu điều trị phong- sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh	1222200	690596	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	60	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3343	Nha may so 2 cua Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thai Duong (Lo O, duong D4)	1224215	691712	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	60	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3344	Công ty TNHH Master Sofa International	1225919	684510	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	62	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3345	Công ty Cổ phần Omexey Home Furnishing VN	1225414	692597	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	63,4	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3346	Chi nhánh Công ty TNHH Amway Viet Nam tại tỉnh Bình Dương	1225264	683259	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	65	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3347	Công ty TNHH Camso Viet Nam	1231060	684805	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	68	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3348	Công ty TNHH Hung Kiu	1225240	686324	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	69	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3349	Chi nhánh 1 Công ty TNHH TM-DV Dong Tay	1222227	689530	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3350	Công ty Cổ phần Quốc tế Mekong	1224481	684929	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3351	Công ty TNHH Baosteel Can Making	1225587	682983	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3352	Công ty TNHH G-One Tech (Viet Nam)	1233414	686257	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3353	Công ty TNHH Nguyen Thanh mở rộng	1231364	688611	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Con	Kế thừa giai đoạn trước
3354	Công ty TNHH Phong Thạnh Phát	1212756	689622	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
3355	Công ty Cổ phần Ba Huan	1231325	686991	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	72	Chăn nuôi	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3356	Công ty TNHH New Descor Wood industries	1219539	687755	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	80	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3357	Công ty TNHH Wealgate Việt Nam	1225230	683783	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	80	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	
3358	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương Vidipha	1224747	688839	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	90	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3359	Công ty TNHH Khanh Hiep	1221571	692069	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	100	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3360	Công ty TNHH GHW Viet Nam	1229024	685424	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	107	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3361	Công ty TNHH Dream Vina	1225222	683782	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	108	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước
3362	Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	1218844	687698	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	112	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3363	Công ty TNHH Sewoon Medical Vina	1232471	685310	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	112	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3364	Khu phố chợ Khánh Bình	1222372	691298	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	121	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3365	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Châu Thành	1217632	687788	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	122	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3366	Chi nhánh Công ty TNHH Ojitex Viet Nam	1232426	684508	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	125	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3367	Công ty TNHH Viet - Y	1225199	689951	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	135	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3368	Công ty TNHH Vina Tarpaulin	1214445	691300	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	147	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Bưng Cù	Kế thừa giai đoạn trước
3369	Nhà máy Dược phẩm OPC Bình Dương	1219898	688338	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	150	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3370	Công ty TNHH Sang Shun	1222845	689817	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	151,4	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3371	Công ty TNHH MTV XNK – ĐT và Dịch vụ Tổng hợp Việt Nam cho thuê nhà xưởng	1217183	689084	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	153	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Hố Đỏ	Kế thừa giai đoạn trước
3372	Công ty TNHH Tetra Pak Bình Dương	1233363	684919	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	162	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tre	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3373	Công ty TNHH MTV Nghệ thuật Minh Nam	1228638	685538	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	165	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3374	Công ty Cổ phần Do go Starwood Viet Nam	1226143	693060	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	169	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3375	Công ty TNHH Cự Hùng II	1213733	691238	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	169,3	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
3376	Công ty Cổ phần Cao su Công nghiep Omexey	1225291	692573	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	170	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3377	Công ty Cổ phần Công viên moto và giải trí Việt Nam	1222716	691564	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	170	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3378	Công ty TNHH Quốc tế Return Gold	1222522	692481	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	172	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3379	Công ty TNHH Quốc tế Return Gold (Nhà máy 1)	1222639	692450	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	172	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3380	Công ty TNHH Quốc tế Return Gold (Nhà máy 2)	1222579	692293	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	172	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3381	Công ty Cổ phần tập đoàn Gia Dinh Sản xuất miếng lót giày	1222056	688103	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	190	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3382	Chi nhánh Công ty TNHH Công nghiệp Thread Việt Nam	1213802	691330	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	210	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
3383	Công tyy TNHH E.Land	1225613	692894	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	200	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3384	Công ty Cổ phần Sản xuất Lý Đan	1220138	689862	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	250	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3385	Công ty TNHH TOC (Viet Nam)	1228112	692496	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	100	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3386	Công ty TNHH Enter Neip Viet Nam	1231053	684799	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	200	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3387	Công ty TNHH Chí Hùng	1214098	691183	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	180	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cây Trường	Kế thừa giai đoạn trước
3388	Chi nhánh Công ty Cổ phần B.B Đại Minh	1224386	694242	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	282	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3389	KTX công nhân Công ty TNHH Zeng Hsing Industrial	1231211	685313	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	330	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3390	Công ty TNHH Glory Oceanic Việt Nam	1227231	692373	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	380	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3391	Khu nhà ở Tuan Dien Phat 1 va 2	1223862	690712	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3392	KCN Nam Tân Uyên - Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	1222619	691786	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	746	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3393	KCN Nam Tân Uyên mở rộng - Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	1228284	693572	Phường Bình Cơ	TP. Hồ Chí Minh	890	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
3394	Công ty Cổ phần Phong kham da khoa Duong Dong	1224973	691351	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	652	Y tế	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3395	Công ty cao su Phước Hòa - Dự án Khu dân cư Nam Tân Uyên (thuộc KCN số 1 Nam Tân Uyên)	1223593	692540	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3396	CCN Phú Chánh	1221147	686937	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	1.771,00	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
3397	KCN VSIP 2A - Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam- Singapore	1225151	683828	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	16.308,00	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3398	Chi nhánh Công ty Cổ phần Ba Huân - Trang trại Bình Dương	1231839	686633	Phường Vĩnh Tân	TP. Hồ Chí Minh	42,5	Chăn nuôi	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3399	Công ty TNHH Viet Khac	1207906	693152	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	19	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	Kế thừa giai đoạn trước
3400	Công ty TNHH New World Metal	1211089	690246	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
3401	Công ty TNHH Sung Gwang Vina	1207753	693260	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	70	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống suối Xiệp - rạch Bà Hiệp	Kế thừa giai đoạn trước
3402	Công ty TNHH bao bì INNO	1213983	686979	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3403	Công ty khai thác và xuất khẩu khoáng sản Bình Dương khai thác tận thu sét gạch ngói Khánh Bình	1212275	687213	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Cát - Rạch Bà Lụa	Kế thừa giai đoạn trước
3404	Công ty TNHH Jia Yi Shoes	1208659	687137	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
3405	Công ty TNHH Vuong Doanh	1210756	688854	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	50	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
3406	Khu chợ mới Tân Uyên	1223124	684118	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	87	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3407	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Dương khai thác tận thu sét gạch ngói 2, Phuong Khanh Binh	1219846	693209	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3408	Doanh nghiệp Tư nhân Trung Khuong	1231966	680006	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Bến Trắc	Kế thừa giai đoạn trước
3409	Công ty TNHH SX TM & DL Tam Vong	1231966	680006	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	10	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Bến Trắc	Kế thừa giai đoạn trước
3410	Chi nhánh Công ty Cổ phần GO SA CO	1217660	688150	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3411	Công ty TNHH Dien co Nam Viet	1218365	690181	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3412	Công ty TNHH MTV Bao bì giấy Van Hong	1217326	687283	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3413	Công ty TNHH MTV Vo Song	1216504	688221	Phường An Phú	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3414	Công ty TNHH Đồ gỗ gia dụng Than Thang	1226753	694424	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
3415	Công ty TNHH Sản xuất thương mại A va N	1224964	691155	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3416	Công ty TNHH MTV nem ghe Sieu Viet	1221617	691110	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3417	Công ty TNHH Sản xuất gia công Le Thai	1218748	687883	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3418	Công ty TNHH GI Việt Nam	1222351	688098	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3419	Công ty TNHH MTV Trieu Phu Loc	1227018	693181	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Tre	Kế thừa giai đoạn trước
3420	Công ty TNHH MTV Kim Nga	1219982	692030	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3421	Công ty TNHH MTV Sản xuất Phi Nam	1217332	687138	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3422	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bình Dương Tuong Lai Xanh	1227288	690838	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3423	Công ty TNHH Fukutomi Viet Nam	1227506	683338	Phường Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3424	Công ty TNHH MTV ngu kim Thien Hao	1216717	687099	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3425	Công ty TNHH Do go Lap Dat.	1216727	687092	Phường Thuận Giao	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3426	Chi nhánh Công ty TNHH Nam Hiep Hoa	1219633	686299	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Long Đá	Kế thừa giai đoạn trước
3427	Công ty TNHH NB Vina	1216570	688227	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Chợ	Kế thừa giai đoạn trước
3428	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Anh Em	1217892	681968	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Suối Giữa - Suối Bưng Cầu - Rạch Bà Cô	Kế thừa giai đoạn trước
3429	Công ty TNHH Syaqua ADN	1223649	692042	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Ông Đông	Kế thừa giai đoạn trước
3430	Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại dịch vụ Thuong My	1231966	680006	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Bến Trắc	Kế thừa giai đoạn trước
3431	Công ty TNHH Bia Anheuser Busch Inbev Viet Nam	1209273	688296	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
									Vĩnh Bình	
3432	Công ty TNHH Van San A&M	1227319	694376	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước
3433	Công ty TNHH Sinjin Viet Nam	1231527	676563	Phường Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Chồm Chồm	Kế thừa giai đoạn trước
3434	Công ty TNHH Sản xuất thuong mai dich vu Ray Tu	1216008	692773	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Cái	Kế thừa giai đoạn trước
3435	Công ty TNHH Sản xuất thuong mai bao bi Hung Phat	1231966	680006	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Bến Trắc	Kế thừa giai đoạn trước
3436	Công ty TNHH Cà phê trà Phuong Vy	1206229	688926	Phường Bình Hòa	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
3437	Đường dây 110kV Phú Giáo – TBA 220kV Uyen Hung	1231230	695679	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Hệ thống tiêu thoát nước	Suối Tân Lợi	Kế thừa giai đoạn trước
3438	Công ty Cổ phần Tinh Khôi	1226479	694329	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	20	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Cầu Ông Hựu	Kế thừa giai đoạn trước

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3439	Công ty TNHH Assems Vina	1197605	710050	Phường Đông Hòa	TP. Hồ Chí Minh	28	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Lái Thiêu - Rạch Vĩnh Bình	Kế thừa giai đoạn trước
3440	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dong Hoa Sản xuất gạch và nhà xưởng cho thuế	1206970	691769	Phường Tân Uyên	TP. Hồ Chí Minh	59	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Bến Trắc	Kế thừa giai đoạn trước
3441	Công ty TNHH thực phẩm Etika (Viet Nam)	1231966	680006	Phường Thới Hòa	TP. Hồ Chí Minh	95	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Rạch Bến Trắc	Kế thừa giai đoạn trước
3442	Công tyy TNHH Quoc Vy	1231966	680006	Phường Tân Khánh	TP. Hồ Chí Minh	196	Công nghiệp	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống Rạch Cây Bầu - Suối Tân Định - Suối Cầu Định	Kế thừa giai đoạn trước
3443	Showroom Honda oto Vũng Tàu	1161030	435146	Phường Long Hương	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		04/GPMT-UBND
3444	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	1160070	436083	Phường Long Hương	TP. Hồ Chí Minh	280	Sản xuất	Sông Dinh		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3445	Trung tâm y tế TP Bà Rịa	1161080	436527	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		
3446	Chợ Bà Rịa	1160310	436337	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	35	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3447	Vinfast Vũng Tàu	1160150	436261	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		01/GPMT-UBND
3448	Siêu thị Co.op Mart Bà Rịa	1160000	436733	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		03/GPMT-UBND
3449	Công ty TNHH Basefood 1	1159560	436917	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	180	Sản xuất	Sông Dinh		
3450	Công ty TNHH Chun IL Vina	1159430	436831	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	15	Sản xuất	Sông Dinh		
3451	Công ty TNHH May Phương nam Vina	1161350	441126	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		
3452	Công ty TNHH Thực phẩm Tươi sống Kim Thu	1161230	439555	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh	9	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		
3453	Công ty TNHH Thực phẩm Tươi sống Kim Lan	1162390	440037	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh	9	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3454	Bệnh viện Bà Rịa	1162420	439208	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh	310	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		08/GPMT-UBND
3455	PKDK Bình An Cơ sở 2	1162580	438144	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh	6,1	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		53/GPMT-UBND
3456	Bệnh viện mắt Miền Đông	1160150	436265	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	18,5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		95/GPMT-UBND
3457	Bệnh viện mắt Bà Rịa Vũng Tàu	1162080	437029	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	20	Y tế	HTTN chung		44/GPMT-UBND
3458	Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa Vũng Tàu	1163190	436975	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	190	Sản xuất	Sông Dinh		07/GPMT-STNMT
3459	Nhà máy Bia BIVA	1162720	439163	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh	10	Sản xuất	Hệ thống cống thoát nước đô thị		
3460	Bệnh viện Y học Cổ truyền	1155540	439078	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh	10,4	Y tế	Hệ thống cống thoát nước đô thị		
3461	Công ty TNHH Hy Vọng	1163380	438837	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Sông Dinh		
3462	Công ty TNHH LT Garments	1163410	438277	Phường Tam Long	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sinh hoạt	Sông Dinh		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3463	Công ty TNHH CML International	1163300	438845	Phường Tam Long		13	Sinh hoạt	Sông Dinh		
3464	Công ty Cổ phần Bê tông Phú Mỹ	1165910	424518	Phường Tân Phước		6,2	Sản xuất	Suối Cá Cóc		
3465	Công ty TNHH CBHS Trọng Đức	1160480	428795	Phường Tân Hải	TP. Hồ Chí Minh	80	Sản xuất	Bể chứa		
3466	Công ty TNHH CBTS Tiến Đạt	1160310	428092	Phường Tân Hải		80	Sản xuất	Sông xám		
3467	Công ty TNHH CBTS Long Sơn	1159830	427971	Phường Tân Hải		44	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		
3468	Công ty TNHH Phúc Lộc Vũng Tàu	1160510	428683	Phường Tân Hải		19	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		
3469	Công ty TNHH Phước An	1160520	428836	Phường Tân Hải	TP. Hồ Chí Minh	50	Sản xuất	Sông Rạch Ván		06/GP-STNMT
3470	Công ty TNHH Minh Long	1164730	429455	Phường Tân Hải	TP. Hồ Chí Minh	5	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		
3471	Công ty TNHH Boomin Vina	1177920	424659	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	420	Sản xuất	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3472	KCN Mỹ Xuân B1Conac	1176010	425859	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	540	Sản xuất	Sông Thị Vải		135/GPMT-BTNMT
3473	KCN Mỹ Xuân B1Tiến Hùng	1177010	425492	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	1620	Sản xuất	Sông Thị Vải		114/GPMT-BTNMT
3474	KCN Mỹ Xuân B1-Đại Dương	1176990	425541	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	840	Sản xuất	Sông Thị Vải		243/GPMT-BTNMT
3475	KCN Mỹ Xuân A	1177690	422265	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	2200	Sản xuất	Sông Thị Vải		156/GPMT-BTNMT
3476	KCN Mỹ Xuân A2	1176480	420570	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	2100	Sản xuất	Sông Thị Vải		
3477	KCN Phú Mỹ III	1165570	424821	Phường Tân Phước	TP. Hồ Chí Minh	5600	Sản xuất	Sông Mỏ Nhát		58/GP-BTNMT
3478	KCN Cái Mép	1164390	421686	Phường Tân Phước	TP. Hồ Chí Minh	2160	Sản xuất	Rạch Ngã Tư		99/GPMT-BTNMT
3479	Trại heo Vĩnh Tân	1180270	435507	Phường Tân Thành		35	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		
3480	Trại heo Ngọc Diệp	1183500	435037	Phường Tân Thành	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
								cây tại đất của cơ sở)		
3481	Trại heo Lưu Văn Huy	1180260	435530	Phường Tân Thành	TP. Hồ Chí Minh	7,5	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		
3482	Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên	1169890	432721	Xã Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	300	Sản xuất	Suối Đá		01/GPMT-STNMT
3483	Công ty Starflex Việt Nam- Cụm Công nghiệp Tóc Tiên	1173960	429784	Xã Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	10	Sản xuất	Thải ra bể chứa (rãnh thoát tại cơ sở)		
3484	Công ty TNHH Liên doanh Cát Phú Vũng Tàu	1172450	429711	Xã Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	7	Sản xuất	Bể chứa sau đó chảy ra đất khu vực		
3485	Công ty TNHH Cấp nước Tóc Tiên	1172830	426286	Xã Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	7	Sản xuất	Suối Sao		405/GPMT-UBND
3486	Nhà Máy cấp nước Châu Pha	1172630	433671	Xã Châu Pha	TP. Hồ Chí Minh	85	Sản xuất	Suối Châu Pha		41/GP-UBND
3487	Nhà máy Sản xuất và chế biến Gia cầm Halal	1179680	430460	Phường Tân Thành	TP. Hồ Chí Minh	12	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		
3488	Công ty Thiên Trường (Gold Century Garment Vina)	1176170	428029	Phường Tân Thành	TP. Hồ Chí Minh	5	Sản xuất	Bể chứa		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3489	CCN-TTCN Hắc Dịch	1177390	427440	Phường Tân Thành	TP. Hồ Chí Minh	160	Sản xuất	Sông Thị Vải		04/GPMT-STNMt
3490	TTTM KNG Mall	1171070	423898	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3491	Siêu thị Co.op Mart Phú Mỹ	1172060	423847	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		118/GPMT-UBND
3492	Khu nhà ở dầu khí Tân Thành (Chung cư Đạm Phú Mỹ)	1169990	423680	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3493	Chng cư Osimi	1171850	423963	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3494	Chung cư nhà ở xã hôi 18 tầng	1171980	423750	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	140	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3495	Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	1173090	423712	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	500	Sản xuất	Suối Sao		24/GPMT-BTNMT
3496	TTYT Phú Mỹ	1171910	424307	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	32	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		
3497	PKDK Đại Tòng Lâm	1172810	424404	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	5,3	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3498	KCN Phú mỹ I	1169530	421521	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	2040	Sản xuất	Sông Thị Vải		187/GPMT-BNNMT
3499	KCN Phú Mỹ II, Phs Mỹ II mở rộng	1167080	421533	Phường Phú Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	2160	Sản xuất	Sông Thị Vải		91/GPMT-BNNMT
3500	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	1176340	458237	Xã Hòa Hội	TP. Hồ Chí Minh	446	Sản xuất	Nước thải được tái sử dụng - Tuần hoàn tưới cây		
3501	Công ty TNHH Ngọc Hân	1176790	461338	Xã Hòa Hội	TP. Hồ Chí Minh	75	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		
3502	Công ty TNHH MTV Hưng Điền-Thịnh Phát	1173280	462078	Xã Hòa Hội	TP. Hồ Chí Minh	70	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		
3503	Hộ chăn nuôi Nguyễn Xuân Hoàn	1178140	461642	Xã Hòa Hội	TP. Hồ Chí Minh	12	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		
3504	Trại chăn nuôi heo Nam Trung Sơn	1181460	467935	Xã Hòa Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	100	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3505	Cơ sở nước đá Tiến Phát	1182610	473761	Xã Hòa Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	6	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		
3506	Nhà máy nước Hòa Hiệp	1182880	472094	Xã Hòa Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	5	Sản xuất	Thải ra hồ chứa tại nhà máy sau đó ra Hồ suối Các		42/GP-UBND
3507	PKĐK Medic Saigon	1181610	471546	Xã Hòa Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	6,5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		
3508	Trại chăn nuôi heo Công ty TNHH NN Châu Ngọc Hải	1175560	467610	Xã Hòa Hội	TP. Hồ Chí Minh	165	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		17/GP-UBND
3509	Trại chăn nuôi heo Hòa Hội 2	1175340	470440	Xã Hòa Hội	TP. Hồ Chí Minh	65	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		
3510	Trại chăn nuôi heo Công ty TNHH Công Minh	1174440	469763	Xã Hòa Hội	TP. Hồ Chí Minh	100	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		
3511	Trại chăn nuôi heo Quang Anh	1174660	468500	Xã Hòa Hội	TP. Hồ Chí Minh	85	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3512	Trại heo Công ty TNHH Chăn nuôi Đoàn Kết	1169670	473101	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	198,04	Chăn nuôi	Hồ chứa thuộc đất của cơ sở		48/GPMT-UBND
3513	Trại chăn nuôi heo Tiến Phát	1171170	472291	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	65	Chăn nuôi	Hồ chứa thuộc đất của cơ sở		
3514	Trại chăn nuôi heo Việt Thành	1169660	471268	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	98	Chăn nuôi	Hồ chứa thuộc đất của cơ sở		49/GP-UBND
3515	Trại chăn nuôi heo Thiên Phát	1167730	473180	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	85	Chăn nuôi	Hồ chứa thuộc đất của cơ sở		
3516	Trại chăn nôi heo hậu bị Bảo Huy	1172810	473968	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	106	Chăn nuôi	Hồ chứa thuộc đất của cơ sở		65/GP-UBND
3517	KHu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm	1157920	458969	Xã Hồ Tràm	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước ven biển		13/GPMT- STNMT
3518	Khu du lịch Ngân Hiệp 1- Hồ Tràm	1157390	457321	Xã Hồ Tràm	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước ven biển		04/GPMT-STNMT
3519	Công ty TNHH TDP Lily	1160760	463021	Xã Hồ Tràm	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Tái sử dụng, tưới cây trong khuôn viên		
3520	Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc	1154670	462930	Xã Hồ Tràm	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước tập chung Đường 27/4-TT Phước Bửu		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3521	Công ty TNHH may mắc KingStyle	1167110	465643	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	41	Sản xuất	Đoạn 2 Sông Dinh		92/GPMT-UBND
3522	Chi nhánh 4- Phòng khám đa khoa Medic Sài Gòn	1166760	463655	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	28	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		
3523	Trại chăn nuôi heo Công ty TNHH Trang Linh	1168500	466275	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	200	Chăn nuôi	Tái sử dụng, tưới cây trong khuôn viên		
3524	Trại chăn nuôi heo Công ty TNHH Kim Cương Phú	1168760	468028	Xã Xuyên Mộc	TP. Hồ Chí Minh	310	Chăn nuôi	Tái sử dụng, tưới cây trong khuôn viên		
3525	Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non	1181440	467040	Xã Bàu Lâm	TP. Hồ Chí Minh	173,8	Sản xuất	Hồ Bàu Trũng (Ao đào)		101/GPMT-UBND
3526	Công ty Cổ phần Thực phẩm Anh Khải Ký	1150770	441594	Xã Bàu Lâm	TP. Hồ Chí Minh	20	Chăn nuôi	Xả vào đất vườn của doanh ngiệp (Tưới cỏ, cọ rửa chuồng trại)		
3527	Nhà máy nước Sông Ray	1176580	457294	Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	80	Sản xuất	Suối nhỏ cạnh nhà máy		07/GPMT-UBND
3528	Chi nhánh cấp nước Châu Đức	1182610	445002	Xã Kim Long	TP. Hồ Chí Minh	17	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		148/GPMT-UBND
3529	Trại heo Hà Thanh Long	1176400	448229	Xã Bình Giã	TP. Hồ Chí Minh	5	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
								cây tại đất của cơ sở)		
3530	Trại heo Trần Ngọc Hải	1178430	449539	Xã Bình Giã	TP. Hồ Chí Minh	8	Chăn nuôi	Từ Bể chứa (sau đó được sử dụng tưới cây tại đất của cơ sở)		
3531	Trại heo Phạm Thông	1179790	443132	Xã Kim Long	TP. Hồ Chí Minh	5	Chăn nuôi	Đất trồng cao su		
3532	Trại heo Nguyễn Thanh Hải	1179660	443359	Xã Kim Long	TP. Hồ Chí Minh	5	Chăn nuôi	Đất trồng cao su		
3533	Trại heo Nguyễn Văn Út	1180700	443365	Xã Kim Long	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Chăn nuôi	Đất trồng cao su		
3534	Trại heo Xuân Tánh	1174360	451708	Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	5	Chăn nuôi	Hố lắng		
3535	Công ty TNHH Sản xuất giày Phúc Tiến	1176920	451159	Xã Xuân Sơn		10	Sinh hoạt	Hố thu gom		
3536	Trại heo Cao Bá Phước	1179250	440799	Xã Kim Long	TP. Hồ Chí Minh	28	Chăn nuôi	Hồ chứa trong khuôn viên khu vực		
3537	Bệnh viện Tâm Thần	1170500	443275	Xã Ngãi Giao	TP. Hồ Chí Minh	30	Y tế	Suối Sông Cầu		70/GP-UBND

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3538	Trại chăn nuôi heo Hoa Anh Đào	1180120	447993	Xã Bình Giã	TP. Hồ Chí Minh	32,7	Chăn nuôi	Hồ chứa thuộc đất của cơ sở		
3539	Xí nghiệp chế biến mủ cao su Xà Bang	1185110	445235	Xã Bình Giã	TP. Hồ Chí Minh	180	Sản xuất	Bể nội khu nhà máy		
3540	Trung tâm y tế huyện Châu Đức	1178370	445261	Xã Ngãi Giao	TP. Hồ Chí Minh	20	Y tế	HTTN chung		07/GPMT-STNMT
3541	Cụm Công nghiệp Ngãi Giao (Công ty TNHH MeiSheng Texiles Việt Nam)	1171650	439543	Xã Ngãi Giao	TP. Hồ Chí Minh	208	Sản xuất	Suối Son		
3542	Khu Công nghiệp Châu Đức	1170720	436061	Xã Ngãi Giao	TP. Hồ Chí Minh	2400	Sản xuất	Sông Dinh		62/GPMT-BTNMT
3543	Nhà máy nước mặt Phú Mỹ	1171770	436039	Xã Ngãi Giao	TP. Hồ Chí Minh	100	Sản xuất	Sông Dinh		30/GPMT-BQL
3544	Trại chăn nuôi heo Hoa Anh Đào 1	1172450	455574	Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	45	Chăn nuôi	Hồ chứa thuộc đất của cơ sở		
3545	Trại heo Phạm Đức Mạnh	1172240	455184	Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	35	Chăn nuôi	Hồ chứa thuộc đất của cơ sở		
3546	Trại heo Nguyễn Văn Nhân	1171690	456228	Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	12	Chăn nuôi	Hồ chứa thuộc đất của cơ sở		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3547	Thuỷ điện sông Ray	1177590	457500	Xã Xuân Sơn	TP. Hồ Chí Minh	864000	Sản xuất	Kênh dẫn, chảy ra Sông Ray		
3548	Nhà máy nước Đá Bàng	1165580	445060	Xã Đất Đỏ	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Suối cạnh nhà máy Hồ Đá Bàng		02/GPMT-UBND
3549	Công ty TNHH nuôi trồng Thủy sản Minh Phú-Lộc An	1158360	454964	Xã Phước Hải	TP. Hồ Chí Minh	16.200	Sản xuất	Sông Bà Đáp		
3550	Trung tâm khuyên công và tư vấn phát triển Công nghiệp (Nhà máy xử lý nước thải CCN Lộc An)	1157880	454473	Xã Phước Hải	TP. Hồ Chí Minh	480	Sản xuất	Sông Bà Đáp		26/GPMT-BTNMT
3551	Cảng cá Lộc An	1156440	454681	Xã Phước Hải	TP. Hồ Chí Minh	10	Sản xuất	Sông Ray		
3552	Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao Việt Nam– Chi nhánh 1 tại VũngTàu	1154300	451293	Xã Phước Hải	TP. Hồ Chí Minh	5	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước ven biển		
3553	KDL Trân Châu	1149790	447069	Xã Phước Hải	TP. Hồ Chí Minh	150	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước ven biển		
3554	Chợ Đất Đỏ	1160090	447387	Xã Đất Đỏ	TP. Hồ Chí Minh	15	Sinh hoạt	Cống thoát nước đô thị		
3555	Công ty TNHH chế biến Thủy sản Đức Danh	1151140	440399	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	13	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3556	Công ty TNHH Hoàng Vương	1150830	441613	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	8	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3557	Công ty TNHH Danh Cầm	1151720	439963	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3558	Doanh nghiệp Tư nhân Hoàng Phương	1150880	441424	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	8	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3559	Công ty TNHH Hải sản Quỳnh Anh	1153220	441754	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	9	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3560	Công ty TNHH Trọng Nhân	1152130	441095	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	7	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3561	Xí nghiệp Dịch vụ Hậu cần Thủy sản Hưng Thái	1152250	440856	Phường Bà Rịa	TP. Hồ Chí Minh	9,3	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3562	Khu Công nghiệp Đất Đỏ I	1162500	450789	Xã Đất Đỏ	TP. Hồ Chí Minh	1474	Sản xuất	Rạch Bà Là (Sông Đăng)		
3563	Cụm Công nghiệp An Ngãi	1154650	441734	Xã Long Điền	TP. Hồ Chí Minh	210	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		09/GPMT-STNMT
3564	Nhà máy xử lý khí Dinh Cố	1156840	441486	Xã Long Điền	TP. Hồ Chí Minh	35	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3565	Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn	1156560	441639	Xã Long Điền	TP. Hồ Chí Minh	23	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		421/GPMT-BTNMT
3566	HTX Chợ Bến	1157210	440434	Xã Long Điền	TP. Hồ Chí Minh	160	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3567	Chợ Phước Tỉnh	1150780	438165	Xã Long Hải	TP. Hồ Chí Minh	7	Sinh hoạt	Sông Cửa Lấp		
3568	Cảng cá Tân Phước	1150840	438485	Xã Long Hải	TP. Hồ Chí Minh	20,5	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3569	Công ty TNHH Minh Trung	1151520	438485	Xã Long Hải	TP. Hồ Chí Minh	10	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3570	Công ty Hoàn Truyên	1152090	439002	Xã Long Hải	TP. Hồ Chí Minh	10	Sản xuất	Sông Cửa Lấp		
3571	Chợ Long Điền	1160530	441240	Xã Long Điền	TP. Hồ Chí Minh	17	Sinh hoạt	Hệ thống cống thoát nước đô thị		
3572	Chợ Long Hải	1151080	441924	Xã Long Hải	TP. Hồ Chí Minh	17	Sinh hoạt	Hệ thống cống thoát nước đô thị		
3573	Chợ Hải Sơn	1149250	443120	Xã Long Hải	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống cống thoát nước đô thị		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3574	Chung cư nhà ở xã hội	1145720	426129	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	45	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3575	Marina Hotel	1147780	423762	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	67	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3576	Mermaid Seaside Hotel	1147970	423750	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	80	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3577	Osyter Bay Hotel	1146170	424469	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3578	Nhà hàng hải sản Lâm Đường Vũng Tàu	1148690	424590	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3579	Quán ăn Thành Phát III	1148720	424404	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	16	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung ven biển		
3580	Quán ăn Gành Hào	1146070	424416	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	100	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3581	Công ty Cổ phần đóng tàu và Dịch vụ dầu khí Việt Nam	1150580	431308	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	27	Sản xuất	Sông dinh		
3582	Công ty Cổ phần Chế biến hải sản Đông Dương	1151430	432075	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	48	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3583	Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu	1151460	432284	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	133	Sản xuất	Sông Dinh		
3584	Chung cư Vieco	1150910	432108	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3585	Nhà máy xử lý nước thải Rạch Bà	1150910	431076	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	20111	Sản xuất	Sông Dinh		361/GPMT-BTNMT
3586	Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	1149210	432027	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	16,2	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		
3587	Bệnh viện Vũng Tàu	1149210	432027	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	125	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		10/GPMT-STNMT
3588	Công ty TNHH Cung ứng hàng Thủy sản xuất Khẩu Tứ Hải	1151950	435920	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	400	Sản xuất	Sông cửa lấp		
3589	Công ty TNHH Biển Giàu Việt Nam	1151870	435959	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	170	Sản xuất	Sông cửa lấp		
3590	Công ty TNHH Thủy sản xuất khẩu Việt Á	1151840	435888	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	20	Sản xuất	Sông cửa lấp		
3591	Công ty TNHH Hoàng Thành Chung	1152830	437230	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	50	Sản xuất	Sông cửa lấp		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3592	Công ty TNHHN Phú Quý	1153230	436351	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	200	Sản xuất	Sông cửa lấp		
3593	Công ty TNHH Thủy sản Cá vàng	1155640	436892	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	200	Sản xuất	Sông Cỏ May		
3594	Công ty Cổ phần Thủy sản Phước Cơ	1155670	437031	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	100	Sản xuất	Sông Cỏ May		
3595	Công ty Cổ phần Chế biến hải sản XNK Côn Đảo	1155690	436806	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	300	Sản xuất	Sông Cỏ May		
3596	Công ty TNHH Thủy sản Cỏ May	1155670	437031	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	80	Sản xuất	Sông Cỏ May		
3597	Doanh nghiệp Tư nhân Bình Dương	1152380	435189	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	21	Sản xuất	Sông cửa lấp		
3598	Công ty TNHH Ngọc Tùng	1152740	434688	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	41	Sản xuất	Sông Dinh		
3599	Công ty TNHH Thành Long	1152300	436399	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	25	Sản xuất	Sông cửa lấp		
3600	Công ty TNHH Nến Giàu	1152460	436348	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	36	Sản xuất	Sông cửa lấp		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3601	Công ty TNHH Chế biến XNKTS Đại Tiến Vinh	1155900	436438	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	15,3	Sản xuất	Sông Dinh		
3602	Công ty TNHH Thế Phú	1156330	436456	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	60	Sản xuất	Sông Dinh		
3603	Doanh nghiệp Tư nhân Trung Sơn	1152440	435226	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	20	Sản xuất	Sông cửa lấp		
3604	Doanh nghiệp Tư nhân Hồng Phú	1156090	436455	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	40	Sản xuất	Sông Dinh		
3605	Doanh nghiệp Tư nhân Đạt Thành	1152300	437379	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	5	Sản xuất	Sông cửa lấp		
3606	Công ty TNHH CBHS Dương Hà	1155440	436547	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	70	Sản xuất	Sông Dinh		
3607	Công ty TNHH Đông Đông Hải	1155940	436457	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	105	Sản xuất	Sông Dinh		
3608	KĐT Lavida	1150160	434465	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Hồ nội khu		
3609	Chung cư 93 Lê Lợi (Vungtau Center)	1145960	425927	Phường Phước Thắng	TP. Hồ Chí Minh	165	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		44/GP-UBND

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3610	PKDK Medic Saigon 5	1150220	430076	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		
3611	Xí Nghiệp sửa chữa Tàu Biển	1150520	430809	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	29	Sản xuất	Sông Dinh		
3612	Khu công nghiệp Đông Xuyên	1150350	430352	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	456	Sản xuất	Sông Dinh		
3613	Khách sạn Premier Pearl	1142690	427496	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3614	Summer hotel Vung Tau	1142580	427329	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3615	Công ty Cổ phần vật tư thiết bị Vũng Tàu-Xí nghiệp cảng tàu khách Vũng Tàu	1143470	425518	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	190	Sản xuất	Hệ thống thoát nước ven biển		5223/GPMT
3616	Chung cư Lô A	1144820	427174	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3617	Chung cư Lô B	1144770	427057	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	130	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3618	Chung cư Sai Gonres Tower	1144860	427350	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	89	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3619	Chung cư Melody	1143290	427145	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	180	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3620	Chung cư 22 tầng Thùy Vân	1144510	428264	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	52	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3621	Chung cư Kim Ngân	1144310	428184	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	63,3	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3622	Chung cư Sơn Thịnh 2	1144240	428237	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	215	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3623	Chung cư OSC Land	1143690	427486	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	170	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3624	Chung cư The Sóng Vũng Tàu	1144650	428232	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3625	New Wave Hotel	1143610	427895	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	32,3	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3626	Sammy Hotel	1143850	428056	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	33	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3627	The Imperial Hotel Vũng Tàu	1144000	428200	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	300	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3628	The Cap Hotel	1143170	428492	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	250	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3629	Pullman Hotel	1144460	428092	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	400	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3630	iBis Hotel	1143170	427646	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	210	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3631	Malibu Hotel	1144400	428128	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	110	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3632	PKĐK Y Sài Gòn	1144750	427504	Phường Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		
3633	Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn (Khu Công nghiệp Hóa dầu Long Sơn)	1157090	423305	Xã Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	7674	Sản xuất	Vịnh Gành Rái		309/GPMT-BTNMT
3634	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	1146580	426060	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		
3635	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu - xưởng giặt là - May đo - OSC Vũng Tàu	1145960	425983	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	28	Sản xuất	Hệ thống thoát nước chung		
3636	Công ty TNHH Lương Gia - Nhà hàng Hữu Nghị	1146360	426880	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	17	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3637	Công ty TNHH Thương - Dịch vụ Sài Gòn (Siêu thị Coop mart)	1146580	427506	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	18	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3638	Nhà hàng Quán Tre	1145990	427794	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	6	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3639	Công ty TNHH Đầu tư phát triển du lịch Phương Anh - Kiều Anh Hotel	1144640	427794	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	13	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3640	Công ty Cổ phần Vias Vũng Tàu Hotel	1144910	428790	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh Hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3641	Chung cư Gateway A,B	1147540	430025	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	260	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3642	Chung cư Phoenix A,B,C	1147690	429687	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	180	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3643	Chung cư Lakeside A1,A2,B,C	1147690	429687	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	120	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3644	Chung cư Seaview 1,2,4	1147730	430048	Phường Tam Thắng	TP. Hồ Chí Minh	200	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3645	Chung cư số 02 Nguyễn Hữu Cảnh	1149230	428697	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	96	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3646	Chung cư Nguyễn Hữu Cảnh 242	1148570	429526	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	192	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3647	Công ty Cảng Dịch vụ dầu khí	1149020	427247	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	22	Sản xuất	Sông Dinh		02/GPMT-STNMT
3648	Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí hàng hải	1149080	426615	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	55	Sản xuất	Sông Dinh		02/GPMT-STNMT
3649	Long cung resort	1147380	431574	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	10	Sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung		
3650	Phòng khám đa khoa Thiên Nam	1148650	430552	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		
3651	Phòng khám đa khoa Sài Gòn - Vũng Tàu	1147610	430193	Phường Rạch Dừa	TP. Hồ Chí Minh	5	Y tế	Hệ thống thoát nước chung		
3652	Nhà máy xử lý nước thải khu trung tâm	959523	372663	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	900	Sinh hoạt	Biển		04/GPMT-UBND
3653	Chung cư nhà ở xã hội	960887	374392	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	19	Sinh hoạt	Rãnh thoát KDC		
3654	Chung cư công vụ	960949	374659	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	20	Sinh hoạt	Rãnh thoát KDC		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3655	Cảng hàng không Côn Đảo	965595	376687	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	10,8	Sinh hoạt	Suối		14/GPMT
3656	BQL Cảng Bến Đầm	957771	369821	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Biển		
3657	TTYT quân dân y Côn Đảo	960524	373956	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Y tế	Rãnh thoát KDC KDC		
3658	Công ty Cổ phần Cam Ly (KDL Poulo Condor)	963696	377377	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	32	Sinh hoạt	Nước thải tại bể chứa được chuyển đổi tưới cây của cơ sở		
3659	Nhà nghỉ dưỡng Công nhân lao động tỉnh BRVT	959718	373560	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	50	Sinh hoạt	Rãnh thoát KDC		
3660	Công ty TNHH Côn Đảo RESORT (KDL Sixsense Côn Đảo)	961955	376876	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	32	Sinh hoạt	Nước thải tại bể chứa được chuyển đổi tưới cây của cơ sở		01/GPMT-STNMT
3661	Công ty TNHH DV-XD TN99 (Khách sạn Tuấn Ninh II)	960764	374386	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	5,5	Sinh hoạt	Rãnh thoát KDC		
3662	Công ty TNHH Việt Nga (Resort Việt Nga)	956375	371719	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	37	Sinh hoạt	Nước thải tại bể chứa được chuyển đổi tưới cây của cơ sở		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN2000)		Vị trí hành chính		Lưu lượng xả thải thực tế	Loại hình nước thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Thuộc lưu vực sông	Ghi chú
		X	Y	Xã/Phường/Đặc khu	Thành phố	(m^3/ngày)				
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
3663	Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết bị Vũng Tàu – Khách sạn Marina Bay	960177	373900	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	30	Sinh hoạt	Rãnh thoát KDC		QĐ6454/PTNMT
3664	Công ty Cổ phần Khu du lịch nghỉ dưỡng A (The Secret Côn Đảo)	960604	374894	Đặc khu Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	40	Sinh hoạt	Rãnh thoát KDC		39/GP-UBND